

DỰ LUẬT 51

Dự luật tiên khởi này được đệ trình với người dân theo các điều khoản của Đoạn 8, Điều II, Hiến Pháp California.

Dự luật tiên khởi này bổ sung các đoạn vào Bộ Luật Giáo Dục; do đó, những điều khoản mới được đề nghị thêm vào sẽ in theo kiểu *chữ nghiêng* để cho biết đó là những điều khoản mới.

DỰ LUẬT

ĐOẠN 1. Kết Luận và Công Bố.

Người dân Tiểu Bang California kết luận và công bố tất cả những điều sau đây:

(a) Theo Hiến Pháp California, giáo dục công lập là trách nhiệm của tiểu bang, và, bên cạnh những trách nhiệm khác, trách nhiệm này phải đảm bảo các trường công lập được an toàn, an ninh và yên tĩnh.

(b) Tiểu Bang California chú trọng việc cấp kinh phí hoạt động cho giáo dục công lập và quan tâm đến cả việc đảm bảo các cơ sở K-14 được xây dựng cũng như duy trì sự an toàn, an ninh và yên tĩnh.

(c) Kể từ năm 1998, Tiểu Bang California đã luôn thực hiện thành công trách nhiệm đảm bảo các cơ sở giáo dục được an toàn, an ninh và yên tĩnh thông qua Đạo Luật Cơ Sở Trường Học Leroy F. Greene năm 1998 trong Điều 1 (bắt đầu từ Đoạn 17070.10), Chương 12.5, Mục 10, Phần 1, Tựa Đề 1 của Bộ Luật Giáo Dục.

(d) Hội Đồng Phân Bỏ Tiểu Bang có thẩm quyền thanh tra báo cáo chi tiêu và hồ sơ khu học chánh để đảm bảo ngân quỹ công khố phiếu được sử dụng theo các yêu cầu của chương trình, bao gồm xác minh tiến trình dự án đúng tiến độ và ngân quỹ đó không được sử dụng để chi trả tiền lương hoặc chi phí điều hành.

(e) Người dân Tiểu Bang California kết luận và công bố thêm như sau:

(1) California là một trong những tiểu bang chịu thiệt hại nặng nề nhất trong đợt suy thoái trước vào mặc dù tình trạng việc làm đã được cải thiện, các kinh tế gia cảnh báo rằng nền kinh tế tiểu bang vẫn chưa hoàn toàn phục hồi.

(2) Đầu tư được thực hiện thông qua Đạo Luật Công Khố Phiếu Giáo Dục Công Lập Từ Mẫu Giáo Đến Đại Học Cộng Đồng năm 2016 sẽ giúp các cơ sở giáo dục kỹ thuật nghề nghiệp cung cấp các khóa đào tạo hướng nghiệp cho nhiều cựu quân nhân và người dân California, những người gặp khó khăn trong khi hoàn thành việc học tập của họ cũng như khi quay trở lại tham gia lực lượng lao động.

(3) Đầu tư sẽ được cung cấp thông qua sự hợp tác với khu học chánh địa phương để nâng cấp những cơ sở xuống cấp, từ đó đáp ứng được tiêu chuẩn về an toàn và sức khỏe hiện tại, bao gồm tái trang bị để đảm bảo an toàn động đất và loại bỏ các loại sơn có chì, amiăng cũng như vật liệu độc hại khác.

(4) Các nghiên cứu chỉ ra rằng có 13,000 công việc mới được tạo ra với mỗi \$1 tỷ đầu tư hạ tầng cơ sở của tiểu bang. Những việc làm này bao gồm việc buôn bán, xây dựng và thi công trong toàn tiểu bang.

(5) Đạo Luật Công Khố Phiếu Giáo Dục Công Lập Từ Mẫu Giáo Đến Đại Học Cộng Đồng năm 2016 trao quyền kiểm soát cho các địa phương và khu học chánh gặp khó khăn.

(6) Các mục tiêu về học vấn không thể đạt được nếu các cơ sở trường học Thế Kỷ 21 không được cung cấp các tiện nghi giảng dạy và công nghệ trường học cải tiến.

(f) Do đó, Đạo Luật Công Khố Phiếu Giáo Dục Công Lập Từ Mẫu Giáo Đến Đại Học Cộng Đồng năm 2016 được ban hành để mang lại các biện pháp toàn diện, có tính trách nhiệm tài khóa để giải quyết nhu cầu về cơ sở trường học cho tất cả người dân California.

ĐOẠN 2. Đoạn 17070.41 được thêm vào Bộ Luật Giáo Dục, hãy đọc:

17070.41. *Thành Lập Quỹ Cơ Sở Trường Học Tiểu Bang 2016.*

(a) *Ngân quỹ này được lập trong Ngân Khố Tiểu Bang và được gọi là Quỹ Cơ Sở Trường Học Tiểu Bang 2016. Tất cả tiền trong quỹ, bao gồm bất cứ khoản tiền nào được gửi vào ngân quỹ đó từ bất kỳ nguồn nào, và mặc dù theo quy định trong Đoạn 13340, Bộ Luật Chính Quyền, sẽ vẫn tiếp tục được sử dụng riêng cho các chi tiêu theo chương này, bất kể trong năm tài khóa nào.*

(b) *Hội đồng có thể phân chia ngân quỹ cho các khu học chánh để thực hiện các mục đích của chương này, kể từ khi Hội Đồng tuyên bố vào ngày 1 tháng Một, 2015, từ các quỹ được chuyển sang Quỹ Cơ Sở Trường Học Tiểu Bang 2016 từ bất cứ nguồn nào.*

(c) *Hội đồng có thể phân chia thành các khoản không vượt quá số tiền được gửi vào trong Quỹ Cơ Sở Trường Học Tiểu Bang 2016, và bất kỳ số công khố phiếu nào được ủy ban cho phép nhưng Ngân Khố chưa bán.*

(d) *Hội đồng có thể giải ngân bất kỳ phân bổ trong bất kỳ khoản nào từ Quỹ Cơ Sở Trường Học Tiểu Bang 2016, cho dù tại thời điểm giải ngân trong Quỹ Cơ Sở Trường Học Tiểu Bang 2016 có hay không một số tiền đủ để cho phép thanh toán toàn bộ các phân bổ được cấp phép trước đó. Tuy nhiên, không được giải ngân từ các ngân quỹ phải chuyển sang Quỹ Tổng Quát theo luật.*

ĐOẠN 3. Mục 70 (bắt đầu từ Đoạn 101110) được thêm vào Phần 14, Tựa Đề 3, Bộ Luật Giáo Dục, hãy đọc:

MỤC 70. ĐẠO LUẬT CÔNG KHỐ PHIẾU CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP TỪ MẪU GIÁO ĐẾN ĐẠI HỌC CỘNG ĐỒNG NĂM 2016

CHƯƠNG 1. CHUNG

101110. *Mục này có thể được gọi là hoặc có tên là Đạo Luật Công Khố Phiếu Cơ Sở Giáo Dục Công Lập Từ Mẫu Giáo Đến Đại Học Cộng Đồng năm 2016.*

101112. *Công khố phiếu có tổng trị giá chín tỷ mỹ kim (\$9,000,000,000), không bao gồm các công khố phiếu bồi hoàn được phát hành theo các Đoạn 101140 và 101149, có thể được phát hành và bán nhằm phục vụ cho các mục đích được nêu trong Đoạn 101130 và 101144. Công khố phiếu, khi được bán, sẽ là và trở thành một trách nhiệm hợp lệ và có tính bắt buộc phải tuân hành của Tiểu Bang California, và tất cả sự bảo đảm và uy tín của Tiểu Bang California theo đây được dùng để cam kết hoàn trả đúng kỳ hạn cả tiền vốn, lẫn tiền lãi, của công khố phiếu khi đến hạn phải trả tiền vốn và tiền lãi đó.*

CHƯƠNG 2. TỪ MẪU GIÁO CHO ĐẾN LỚP 12

Điều 1. Các Điều Khoản Chương Trình Cơ Sở Trường Học Từ Mẫu Giáo Đến Lớp 12

101120. *Doanh thu từ công khố phiếu được phát hành và bán theo chương này sẽ không gửi vào Quỹ Cơ Sở Trường Học Tiểu Bang 2016 do Ngân Khố Tiểu Bang lập theo Đoạn 17070.41 và doanh thu này sẽ được Hội Đồng Phân Bỏ Tiểu Bang tiến hành phân bổ theo chương này.*

101121. Tất cả tiền đóng vào Quỹ Cơ Sở Trường Học Tiểu Bang 2016 để phục vụ cho các mục đích của chương này cũng sẽ được sử dụng để hỗ trợ cho các khu, giám đốc học chánh quận của các trường, và các hội đồng giáo dục quận của tiểu bang chiếu theo Đạo Luật Cơ Sở Giáo Dục Leroy F. Greene năm 1998 (Chương 12.5 (bắt đầu từ Đoạn 17070.10) của Mục 10, Phần 1, Tựa Đề 1), như tuyên đọc vào ngày 1 tháng Một, 2015, được ấn định trong Đoạn 101122, để cấp kinh phí trả nợ cho bất kỳ số tiền nào đã được sử dụng trước hoặc mượn từ Quỹ Cơ Sở Trường Học Tiểu Bang 2016 chiếu theo bất kỳ đạo luật nào của Lập Pháp, cùng với tiền lãi các khoản vay theo đạo luật đó, và để hoàn trả nợ Chi Phí Quỹ Luân Chuyển Công Khố Phiếu Trách Nhiệm Tổng Quát như được quy định trong Đoạn 16724.5 của Bộ Luật Chính Quyền.

101122. (a) Doanh thu từ bán công khố phiếu được phát hành và bán để phục vụ các mục đích của chương này sẽ được phân bổ theo lịch trình sau:

(1) Số tiền ba tỷ mỹ kim (\$3,000,000,000) cho xây dựng cơ sở trường học mới cho các khu học chánh được hưởng chiếu theo Chương 12.5 (bắt đầu từ Đoạn 17070.10), Mục 10, Phần 1, Tựa Đề 1.

(2) Số tiền năm trăm triệu mỹ kim (\$500,000,000) sẽ được dành cho các cơ sở trường học cho tới trường charter chiếu theo Điều 12 (bắt đầu từ Đoạn 17078.52), Chương 12.5, Mục 10, Phần 1, Tựa Đề 1.

(3) Số tiền ba tỷ mỹ kim (\$3,000,000,000) cho hiện đại hóa cơ sở trường học chiếu theo Chương 12.5 (bắt đầu từ Đoạn 17070.10), Mục 10, Phần 1, Tựa Đề 1.

(4) Số tiền năm trăm triệu mỹ kim (\$500,000,000) cho các cơ sở trong chương trình giáo dục kỹ thuật nghề nghiệp chiếu theo Điều 13 (bắt đầu từ Đoạn 17078.70), Chương 12.5, Mục 10, Phần 1, Tựa Đề 1.

(b) Các khu học chánh có thể sử dụng ngân quỹ được phân bổ chiếu theo đoạn văn (3) tiểu phần (a) chỉ cho một hoặc các mục đích sau như đã được quy định trong Chương 12.5 (bắt đầu từ Đoạn 17070.10), Mục 10, Phần 1, Tựa Đề 1:

(1) Mua và lắp đặt thiết bị điều hoà và vật liệu cách âm, cũng như những chi phí liên quan.

(2) Các dự án xây dựng hoặc mua sắm đồ đạc hoặc thiết bị được chỉ định để tăng cường an ninh trường học hoặc an toàn tại sân chơi.

(3) Xác định, thẩm định hoặc giảm bớt hàm lượng chất amiăng có trong các cơ sở trường học.

(4) Ngân quỹ dự án cho các dự án ưu tiên về thay mới mái nhà.

(5) Bất kỳ công tác hiện đại hóa cơ sở nào chiếu theo Chương 12.5 (bắt đầu từ Đoạn 17070.10), Mục 10, Phần 1, Tựa Đề 1.

(c) Các ngân quỹ được phân bổ chiếu theo đoạn văn (1) của tiểu phần (a) cũng có thể được sử dụng để cấp kinh phí cho các hội đồng giáo dục quận đăng ký xin kinh phí hợp lệ theo Chương 12.5 (bắt đầu từ Đoạn 17070.10), Mục 10, Phần 1, Tựa Đề 1 để xây dựng mới các lớp học dành cho học sinh khuyết tật nặng hoặc các lớp học cho các học sinh của trường cộng đồng trong quận.

(d) Chương 4.9 (bắt đầu từ Đoạn 65995), Phần 1, Tựa Đề 7 của Bộ Luật Chính Quyền, cùng với các điều khoản được tuyên đọc vào ngày 1 tháng Một, 2015, sẽ có hiệu lực cho đến khi toàn bộ giá trị công khố phiếu được ủy quyền bán để xây dựng mới cơ sở trường học chiếu theo đoạn văn (1) của tiểu phần (a) đã được sử dụng hết, hoặc cho đến ngày 31 tháng Mười Hai, 2020, tùy theo thời điểm nào sớm hơn. Từ sau, Chương 4.9 (bắt đầu từ Đoạn 65995), Phần 1, Tựa Đề 7 của Bộ Luật Chính Quyền có thể được tu chính theo luật.

Điều 2. Các Điều Khoản Tài Khóa Cơ Sở Trường Học Từ Mẫu Giáo Đến Lớp 12

101130. (a) Trong tổng số công khố phiếu được cho phép phát hành và bán chiếu theo Chương 1 (bắt đầu từ Đoạn 101110), các công khố phiếu có tổng trị giá bảy tỷ mỹ kim (\$7,000,000,000) hoặc nhiều hơn nếu cần không tính vào số công khố phiếu bồi hoàn như được quy định trong Đoạn 101140, có thể được phát hành và bán để cấp kinh phí thực hiện các mục đích được trình bày trong chương này cũng như bồi hoàn Chi Phí Quỹ Luân Chuyển Công Khố Phiếu Mang Trách Nhiệm Tổng Quát theo quy định tại Đoạn 16724.5 của Bộ Luật Chính Quyền.

(b) Theo đoạn này, Thủ Quỹ có thể bán công khố phiếu được cấp phép bởi Ủy Ban Tài Chánh Trụ Sở Trường Học Tiểu Bang thành lập theo Đoạn 15909 vào các thời điểm khác nhau khi cần để đáp ứng chi phí của các khoản phân bổ.

101131. Ủy Ban Tài Chánh Trụ Sở Trường Học Tiểu Bang được thành lập theo Đoạn 15909 và bao gồm Thống Đốc, Kiểm Soát Viên, Thủ Quỹ, Giám Đốc Tài Chánh và Giám Đốc Học Chánh, hoặc đại diện được chỉ định của họ, tất cả những thành viên này sẽ phục vụ trong ủy ban mà không nhận được tiền công, và đa số người này sẽ tạo thành số người tối thiểu theo quy định. Ủy ban này sẽ tiếp tục tồn tại để phục vụ mục đích của chương này. Thủ Quỹ sẽ giữ chức vụ chủ tịch của ủy ban. Hai Thành Viên của Thượng Viện được bổ nhiệm bởi Ủy Ban Thượng Viện theo Quy Định và hai Thành Viên của Hạ Viện được bổ nhiệm bởi Chủ Tịch Hạ Viện Tiểu Bang phải gặp gỡ và cố vấn cho ủy ban và việc cố vấn của họ không liên quan đến các vị trí tương ứng của họ là Thành Viên của Lập Pháp. Để thực hiện các mục đích của chương này, Thành Viên Lập Pháp phải thành lập một ủy ban điều tra tạm thời theo chủ đề của chương này, và, do đó ủy ban sẽ trao quyền và giao nhiệm vụ ch các ủy ban được thành lập theo Quy Tắc Chung của Thượng Viện và Hạ Viện. Giám Đốc Tài Chánh có thể hỗ trợ ủy ban nếu cần. Bộ Trưởng Tư Pháp tiểu bang là cố vấn pháp lý của ủy ban.

101132. (a) Công khố phiếu được chương này cho phép sẽ được chuẩn bị, thực thi, phát hành, bán, trả tiền, và trả dứt nợ như quy định trong Luật Công Khố Phiếu Trách Nhiệm Tổng Quát của Tiểu Bang (Chương 4 (bắt đầu từ Đoạn 16720), Mục 3, Phần 4, Tựa Đề 2 của Bộ Luật Chính Quyền), và tất cả các đạo luật tu chính và bổ sung cho chương sẽ được gộp vào chương này và trình bày đầy đủ trong chương, trừ tiểu phần (a) và (b) của Đoạn 16727, Bộ Luật Chính Quyền không áp dụng đối với công khố phiếu được cho phép phát hành và bán theo chương này.

(b) Để thực hiện các mục đích của Luật Công Khố Phiếu Trách Nhiệm Tổng Quát của Tiểu Bang, Hội Đồng Phân Bỏ Tiểu Bang được chỉ định là "hội đồng" quản lý Quỹ Cơ Sở Trường Học Tiểu Bang 2016.

101133. (a) Theo yêu cầu của Hội Đồng Phân Bỏ Tiểu Bang, Ủy Ban Tài Chánh Trụ Sở Trường Học Tiểu Bang phải xác định xem có cần hoặc nên hay không phát hành công khố phiếu được cấp phép theo chương này để cấp tiền cho các phân bổ liên quan và, nếu vậy, xác định cả số lượng công khố phiếu sẽ phát hành và bán. Những đợt phát hành công khố phiếu liên tục có thể được cho phép và bán để cấp tiền cho các phân bổ đó liên tục, và không cần thiết tất cả công khố phiếu được cho phép phải phát hành và bán cùng lúc.

(b) Yêu cầu của Hội Đồng Phân Bỏ Tiểu Bang theo tiểu phần (a) phải được khẳng định bằng tuyên bố rằng các phân bổ được thực hiện hoặc sẽ được thực hiện để phục vụ cho những mục đích được trình bày trong Phần 101121 và 101122.

101134. Mỗi năm sẽ được thu và thu theo cùng cách thức và vào cùng lúc

như những nguồn thu khác của tiểu bang thu được, ngoài mức thu thường lệ của tiểu bang, một số tiền cần thiết để hoàn trả tiền vốn và tiền lãi của công khố phiếu trong mỗi năm. Bốn phần của tất cả mọi viên chức theo luật định có bất cứ một bốn phần nào liên quan đến việc thu tiền là phải thực hiện bốn phần đó và bất cứ và tất cả những hành động cần thiết để thu được số tiền thêm vào đó.

101135. Mặc dù có Đoạn 13340 của Bộ Luật Chính Quyền, theo đây có một số tiền trích từ Quỹ Tổng Quát trong Ngân Khố Tiểu Bang, cho những mục đích của phần này, sẽ tương đương với tổng số sau đây:

(a) Toàn bộ số tiền cần thiết hằng năm để hoàn trả tiền vốn và tiền lãi, của công khố phiếu được phát hành và bán chiếu theo chương này, khi đến hạn phải hoàn trả tiền vốn và tiền lãi.

(b) Số tiền cần thiết để thi hành Đoạn 101138,, được trích ra bất kể năm tài khóa.

101136. Hội Đồng Phân Bỏ Tiểu Bang có thể yêu cầu Hội Đồng Đầu Tư Tiền Góp Chung cho vay từ Tài Khoản Đầu Tư Góp Chung hoặc bất kỳ hình thức tài trợ tạm thời nào chiếu theo Đoạn 16312 của Bộ Luật Chính Quyền để phục vụ cho các mục đích của chương này. Số tiền yêu cầu không được nhiều hơn số tiền công khố phiếu chưa bán (không bao gồm công khố phiếu bồi hoàn) mà ủy ban đã có nghị quyết cho phép bán để thực hiện mục đích thi hành chương này. Hội Đồng Phân Bỏ Tiểu Bang sẽ ký kết những giấy tờ mà Hội Đồng Đầu Tư Tiền Góp Chung đòi hỏi để vay và hoàn trả số tiền vay. Bất cứ số tiền vay nào cũng đều phải ký thác vào quỹ để Hội Đồng Phân Bỏ Tiểu Bang tiến hành phân bổ chiếu theo chương này.

101137. Bất kể các điều khoản khác trong chương này hoặc trong Luật Công Khố Phiếu Trách Nhiệm Tổng Quát của Tiểu Bang, nếu Thủ Quỹ bán công khố phiếu theo chương này, trong đó bao gồm ý kiến cố vấn công khố phiếu về việc không tính lãi suất trên công khố phiếu vào tổng thu nhập để đáp ứng các mục đích về thuế của liên bang tùy theo điều kiện cụ thể, Thủ Quỹ có thể duy trì các tài khoản riêng để hạch toán các khoản đầu tư tiền bán công khố khiếu và lãi thu được từ các khoản đầu tư tiền bán công khố phiếu đó. Thủ Quỹ có thể sử dụng hoặc chỉ thị sử dụng tiền bán hoặc lãi thu được đó để chi trả cho các khoản bồi hoàn, hình phạt hoặc các khoản thanh toán bắt buộc khác theo luật liên bang hoặc Thủ Quỹ có thể thực hiện bất kỳ hành động nào khác đối với khoản đầu tư và sử dụng tiền bán công khố phiếu theo yêu cầu của luật liên bang để duy trì tình trạng miễn thuế của các công khố phiếu đó và để giành được bất kỳ lợi ích nào theo luật liên bang cho các ngân quỹ của tiểu bang này.

101138. Để thực hiện mục đích thi hành chương này, Giám Đốc Tài Chánh có thể cho phép rút từ Quỹ Tổng Quát một số tiền không nhiều hơn số tiền công khố phiếu chưa bán (ngoại trừ công khố phiếu bồi hoàn) đã được Ủy Ban Tài Chánh Trụ Sở Trường Học Tiểu Bang cho phép bán để thực hiện mục đích thi hành chương này. Bất kỳ khoản rút ra nào đều sẽ được ký gửi vào Quỹ Cơ Sở Trường Học Tiểu Bang 2016 theo chương này. Bất kỳ khoản tiền nào được cấp từ tiền bán công khố phiếu để thực hiện mục đích thi hành chương này chiếu theo đoạn này đều phải được hoàn trả vào Quỹ Tổng Quát cộng với số tiền lãi tương đương lãi suất có được của khoản tiền đó trong Tài Khoản Đầu Tư Tiền Góp Chung.

101139. Tất cả tiền ký gửi vào Quỹ Cơ Sở Trường Học Tiểu Bang 2016 mà được trích ra từ tiền lãi và tiền lãi tích lũy trên các công khố phiếu đã bán phải được giữ lại trong quỹ và phải có sẵn để chuyển vào Quỹ Tổng Quát như là một khoản khấu trừ cho những khoản chi để trả tiền lãi công khố phiếu, trừ khi số tiền được trích ra từ tiền lãi đó có thể được giữ lại và dùng để trả cho chi phí

phát hành công khố phiếu trước khi chuyển vào Quỹ Tổng Quát.

101140. Công khố phiếu được phát hành và bán chiếu theo phần này có thể được hoàn trả chiếu theo Điều 6 (bắt đầu từ Đoạn 16780) của Chương 4 Mục 3 của Phần 4 trong Tựa Đề 2 của Bộ Luật Chính Quyền, vốn là một phần của Luật Công Khố Phiếu Trách Nhiệm Tổng Quát của Tiểu Bang. Phải được cử tri của tiểu bang phê chuẩn cho việc phát hành công khố phiếu trình bày trong chương này kể cả phê chuẩn việc phát hành bất cứ công khố phiếu nào cần phát hành để hoàn trả bất cứ công khố phiếu nào lúc đầu được phát hành chiếu theo chương này hoặc bất cứ công khố phiếu bồi hoàn nào phát hành trước đó. Bất kỳ công khố phiếu nào được hoàn trả bằng tiền bán công khố phiếu bồi hoàn được cho phép bán theo đoạn này, có thể được hủy bỏ hợp pháp theo luật định theo cách thức và đến mức độ được nêu rõ trong nghị quyết được tu chính theo thời gian về việc cho phép hoàn trả công khố phiếu đó.

101141. Người dân theo đây kết luận và tuyên bố rằng, bởi vì chi phí tiền bán công khố phiếu được cho phép bởi chương này không phải là "tiền thu thuế" như chữ này được sử dụng trong Điều XIII B của Hiến Pháp California, nên việc chi dụng tiền này không phải lệ thuộc vào những giới hạn áp đặt bởi chương đó.

CHƯƠNG 3. CƠ SỞ ĐẠI HỌC CỘNG ĐỒNG CALIFORNIA

Điều 1. Chung

101142. (a) Quỹ Công Khố Phiếu Chi Phí Vốn Cho Đại Học Cộng Đồng California 2016 sau đây được lập trong Ngân Khố Tiểu Bang để ký gửi các ngân khoản thu được từ tiền bán công khố phiếu được phát hành và bán để phục vụ các mục đích của chương này.

(b) Ủy Ban Tài Chánh Cơ Sở Giáo Dục Đại Học của Tiểu Bang California được thành lập chiếu theo Đoạn 67353 sau đây sẽ được quyền tạo nợ hoặc nghĩa vụ theo quy định tại chương này để phục vụ mục đích cấp kinh phí hỗ trợ cho các Trường Đại Học Cộng Đồng California.

Điều 2. Các Điều Khoản Chương Trình Đại Học Cộng Đồng California

101143. (a) Từ tiền bán công khố phiếu được phát hành và bán chiếu theo Điều 3 (bắt đầu từ Đoạn 101144), tổng cộng hai tỷ mỹ kim (\$2,000,000,000) phải được ký gửi vào Quỹ Công Khố Phiếu Chi Phí Vốn Cho Đại Học Cộng Đồng California 2016 để thực hiện các mục đích của điều này. Khi cần thiết, những ngân khoản này phải có sẵn để chi tiêu phục vụ các mục đích của điều này.

(b) Các mục đích của điều này bao gồm hỗ trợ đáp ứng nhu cầu tài chánh về chi phí vốn cho các Trường Đại Học Cộng Đồng California.

(c) Tiền bán công khố phiếu được phát hành và bán để phục vụ các mục đích của điều này có thể được sử dụng để chi trả chi phí xây dựng các khuôn viên trường hiện tại, bao gồm xây mới các tòa nhà và mua sắm vật dụng liên quan, xây dựng các cơ sở có thể được sử dụng bởi nhiều hơn một trường giáo dục đại học công lập (liên trường), cải tạo và xây dựng lại các cơ sở, mua đất, trang bị cho các cơ sở mới, được cải tạo hoặc xây dựng lại với điều kiện trang bị đó phải có tuổi thọ sử dụng trung bình 10 năm, và cấp kinh phí chi trả các chi phí tiền thi công, bao gồm nhưng không hạn chế bởi các kế hoạch sơ bộ và thiết kế thi công các cơ sở Đại Học Cộng Đồng California.

Điều 3. Các Điều Khoản Tài Khóa Đại Học Cộng Đồng California

101144. (a) Trong tổng số công khố phiếu được cho phép phát hành và bán chiếu theo Chương 1 (bắt đầu từ Đoạn 101110), các công khố phiếu có tổng trị giá hai tỷ mỹ kim (\$2,000,000,000) hoặc nhiều hơn nếu cần không

tính vào số công khổ phiếu bồi hoàn như được quy định trong Đoạn 101149, có thể được phát hành và bán để cấp kinh phí thực hiện các mục đích được trình bày trong chương này cũng như bồi hoàn Chi Phí Quỹ Luân Chuyển Công Khố Phiếu Mang Trách Nhiệm Tổng Quát theo quy định tại Đoạn 16724.5 của Bộ Luật Chính Quyền.

(b) Theo đoạn này, Thủ Quỹ có thể bán công khổ phiếu được cấp phép bởi Ủy Ban Tài Chánh Cơ Sở Giáo Dục Đại Học thành lập theo Đoạn 67353 vào các thời điểm khác nhau cần thiết để đáp ứng chi phí của các khoản phân bổ.

101144.5. (a) Công khổ phiếu được chương này cho phép sẽ được chuẩn bị, thực thi, phát hành, bán, trả tiền, và trả dứt nợ như quy định trong Luật Công Khố Phiếu Trách Nhiệm Tổng Quát của Tiểu Bang (Chương 4 (bắt đầu từ Đoạn 16720) Mục 3, Phần 4, Tựa Đề 2 của Bộ Luật Chính Quyền), và tất cả các đạo luật tu chính và bổ sung cho chương sẽ được gộp vào chương này và trình bày đầy đủ trong chương, trừ tiểu phần (a) và (b) của Đoạn 16727 Bộ Luật Chính Quyền không áp dụng đối với công khổ phiếu được cho phép phát hành và bán theo chương này.

(b) Để thực hiện mục đích của Luật Công Khố Phiếu Trách Nhiệm Tổng Quát của Tiểu Bang, mỗi cơ quan tiểu bang quản lý phân bổ của Quỹ Công Khố Phiếu Chi Phí Vốn Đại Học Cộng Đồng 2016 sẽ được chỉ định là một "hội đồng" quản lý các dự án được tài trợ theo chương này.

(c) Tiền bán công khổ phiếu được phát hành và bán chiếu theo chương này phải có sẵn để đáp ứng mục đích hỗ trợ cho các Trường Đại Học Cộng Đồng California xây dựng các khuôn viên mới hoặc hiện có, các trung tâm ngoài khuôn viên trường tương ứng và các cơ sở đồng sử dụng hoặc liên trường như đã ấn định trong chương này.

101145. Ủy Ban Tài Chánh Cơ Sở Giáo Dục Đại Học được thành lập chiếu theo Đoạn 67353 chỉ cho phép phát hành công khổ phiếu như quy định trong chương này khi cần thiết để cung cấp tiền cho các phân bổ liên quan nhằm phục vụ những mục đích đã trình bày trong chương này và được Lập Pháp cho phép trong Đạo Luật Ngân Sách hàng năm. Theo thị lệ lập pháp, ủy ban phải xác định có cần thiết hoặc có nên phát hành công khổ phiếu được cho phép chiếu theo chương này để thực hiện các mục đích được trình bày trong chương này, và nếu vậy, đồng thời xác định số lượng công khổ phiếu cần phát hành và bán. Những đợt phát hành công khổ phiếu liên tục có thể được cho phép và bán để thực hiện những hành động đó một cách liên tục, và không cần thiết là tất cả công khổ phiếu được cho phép phải phát hành và bán cùng một lúc.

101145.5. Mỗi năm sẽ được thu và thu theo cùng cách thức và vào cùng lúc như những nguồn thu khác của tiểu bang thu được, ngoài mức thu thường lệ của tiểu bang, một số tiền cần thiết để hoàn trả tiền vốn và tiền lãi của công khổ phiếu trong mỗi năm. Bốn phần của tất cả mọi viên chức theo luật định có bất cứ một bốn phần nào liên quan đến việc thu tiền là phải thực hiện bốn phần đó và bất cứ và tất cả những hành động cần thiết để thu được số tiền thêm vào đó.

101146. Mặc dù có Đoạn 13340 của Bộ Luật Chính Quyền, theo đây có một số tiền trích từ Quỹ Tổng Quát trong Ngân Khố Tiểu Bang, cho những mục đích của phần này, sẽ tương đương với tổng số sau đây:

(a) Toàn bộ số tiền cần thiết hằng năm để hoàn trả tiền vốn và tiền lãi, của công khổ phiếu được phát hành và bán chiếu theo chương này, khi đến hạn phải hoàn trả tiền vốn và tiền lãi.

(b) Số tiền cần thiết để thi hành Đoạn 101147.5 được trích ra bất kể năm tài khóa nào đều hợp lý.

101146.5. Hội đồng, như được định nghĩa trong tiểu phần (b) của Đoạn 101144.5, có thể yêu cầu Hội Đồng Đầu Tư Tiên Góp Chung cho vay từ Tài Khoản Đầu Tư Góp Chung hoặc bất kỳ hình thức tài trợ tài chính tạm thời được phê chuẩn nào chiếu theo Đoạn 16312 của Bộ Luật Chính Quyền, để thực hiện mục đích thi hành chương này. Số tiền yêu cầu không được nhiều hơn số tiền công khổ phiếu chưa bán (không bao gồm công khổ phiếu bồi hoàn) mà Ủy Ban Tài Chánh Cơ Sở Giáo Dục Đại Học đã có nghị quyết cho phép bán để thực hiện mục đích thi hành chương này. Hội đồng, như được định nghĩa trong tiểu phần (b) của Đoạn 101144.5, phải ký tên vào các giấy tờ mà Hội Đồng Đầu Tư Tiên Góp Chung yêu cầu để có thể vay và hoàn trả tiền vay. Bất cứ số tiền vay nào cũng đều phải ký thác vào quỹ để hội đồng cấp chiếu theo chương này.

101147. Bất kể các điều khoản khác trong chương này hoặc trong Luật Công Khố Phiếu Trách Nhiệm Tổng Quát của Tiểu Bang, nếu Thủ Quỹ bán công khổ phiếu theo chương này, trong đó bao gồm ý kiến cố vấn công khổ phiếu về việc không tính lãi suất trên công khổ phiếu vào tổng thu nhập để đáp ứng các mục đích về thuế của liên bang tùy theo điều kiện cụ thể, Thủ Quỹ có thể duy trì các tài khoản riêng để hạch toán các khoản đầu tư tiền bán công khổ phiếu và lãi thu được từ các khoản đầu tư tiền bán công khổ phiếu đó. Thủ Quỹ có thể sử dụng hoặc chỉ thị sử dụng tiền bán hoặc lãi thu được đó để chi trả cho các khoản bồi hoàn, hình phạt hoặc các khoản thanh toán bắt buộc khác theo luật liên bang hoặc Thủ Quỹ có thể thực hiện bất kỳ hành động nào khác đối với khoản đầu tư và sử dụng tiền bán công khổ phiếu theo yêu cầu của luật liên bang để duy trì tình trạng miễn thuế của các công khổ phiếu đó và để giành được bất kỳ lợi ích nào theo luật liên bang cho các ngân quỹ của tiểu bang này.

101147.5. (a) Để thực hiện mục đích thi hành chương này, Giám Đốc Tài Chánh có thể cho phép rút từ Quỹ Tổng Quát một số tiền không nhiều hơn số tiền công khổ phiếu chưa bán (ngoại trừ công khổ phiếu bồi hoàn) đã được Ủy Ban Tài Chánh Cơ Sở Đại Học cho phép bán để thực hiện mục đích thi hành chương này. Bất kỳ số tiền nào được rút ra đều phải ký gửi vào Quỹ Công Khố Phiếu Chi Phí Vốn Đại Học Cộng Đồng California 2016 theo chương này. Bất kỳ khoản tiền nào được cấp từ tiền bán công khổ phiếu để thực hiện mục đích thi hành chương này chiếu theo đoạn này đều phải được hoàn trả vào Quỹ Tổng Quát cộng với số tiền lãi tương đương lãi suất có được của khoản tiền đó trong Tài Khoản Đầu Tư Tiên Góp Chung.

(b) Bất kỳ yêu cầu nào gửi tới Lập Pháp và Sở Tài Chánh để xin cấp kinh phí từ phát hành công khổ phiếu để chi tiêu cho các mục đích được trình bày trong chương này của các Trường Đại Học Cộng Đồng California đều phải được đính kèm kế hoạch chi phí vốn năm năm phân ánh nhu cầu cũng như ưu tiên của hệ thống đại học cộng đồng và yêu cầu này phải được ưu tiên trên toàn bang. Các yêu cầu phải bao gồm lịch trình trong đó ưu tiên tái trang bị chống địa chấn để giảm rõ rệt các mối nguy hiểm về địa chấn trong các tòa nhà mà đã được xác định là ưu tiên hàng đầu theo quyết định của trường đại học cụ thể.

101148. Tất cả tiền ký gửi vào Quỹ Công Khố Phiếu Chi Phí Vốn Đại Học Cộng Đồng California 2016 mà được trích ra từ tiền lãi và tiền lãi tích lũy trên các công khổ phiếu đã bán phải được giữ lại trong quỹ và phải có sẵn để chuyển vào Quỹ Tổng Quát như là một khoản khấu trừ cho những khoản chi để trả tiền lãi công khổ phiếu, trừ khi số tiền được trích ra từ tiền lãi đó có thể được giữ lại và dùng để trả cho chi phí phát hành công khổ phiếu trước khi chuyển vào Quỹ Tổng Quát.

101149. Công khổ phiếu được phát hành và bán chiếu theo phần này có thể được hoàn trả chiếu theo Điều 6 (bắt đầu từ Đoạn 16780) của Chương 4 Mục 3

của Phần 4 trong Tựa Đề 2 của Bộ Luật Chính Quyền, vốn là một phần của Luật Công Khố Phiếu Trách Nhiệm Tổng Quát của Tiểu Bang. Phải được cử tri của tiểu bang phê chuẩn cho việc phát hành công khố phiếu trình bày trong chương này kể cả phê chuẩn việc phát hành bất cứ công khố phiếu nào cần phát hành để hoàn trả bất cứ công khố phiếu nào lúc đầu được phát hành chiếu theo chương này hoặc bất cứ công khố phiếu bồi hoàn nào phát hành trước đó. Bất kỳ công khố phiếu nào được hoàn trả bằng tiền bán công khố phiếu bồi hoàn được cho phép bán theo đoạn này, có thể được hủy bỏ hợp pháp theo luật định theo cách thức và đến mức độ được nêu rõ trong nghị quyết được tu chính theo thời gian về việc cho phép hoàn trả công khố phiếu đó.

101149.5. Người dân theo đây kết luận và tuyên bố rằng, bởi vì chi phí tiền bán công khố phiếu được cho phép bởi chương này không phải là "tiền thu thuế" như chữ này được sử dụng trong Điều XIII B của Hiến Pháp California, nên việc chi dụng tiền này không phải lệ thuộc vào những giới hạn áp đặt bởi chương đó.

ĐOẠN 4. Các Điều Khoản Tổng Quát.

(a) Nếu có điều khoản nào của đạo luật này, hay một phần trong đó, vì bất cứ lý do gì bị xem là bất hợp lệ hoặc vi hiến, thì những điều khoản còn lại sẽ không bị ảnh hưởng, nhưng vẫn hoàn toàn có tác dụng và hiệu lực, và theo ý nghĩa đó thì những điều khoản của đạo luật này có tính cách tách biệt.

(b) Đạo luật này được coi là hoàn chỉnh. Ý định của người dân đó là trong trường hợp đạo luật này hoặc các dự luật khác với cùng chủ đề xuất hiện trên cùng lá phiếu bầu cử toàn tiểu bang, các điều khoản của (các) dự luật khác sẽ được coi là mâu thuẫn với đạo luật này. Trong trường hợp đạo luật này nhận được nhiều phiếu thuận hơn, thì những điều khoản của đạo luật này sẽ được ưu tiên trọn vẹn, và tất cả điều khoản của dự luật khác sẽ trở thành vô hiệu lực và không có tác dụng.

DỰ LUẬT 52

Dự luật tiên khởi này được đệ trình với người dân phù hợp với những điều khoản của Đoạn 8 Điều II Hiến Pháp California.

Dự luật tiên khởi này bổ sung một số đoạn vào Hiến Pháp California và tu chính những đoạn của Bộ Luật An Sinh và Định Chế; vì vậy, những điều khoản hiện hữu đã được đề nghị xóa bỏ thì được in bằng kiểu chữ có gạch ngang và những điều khoản mới đã được đề nghị bổ sung vào thì được in bằng kiểu chữ nghiêng để cho biết đó là những điều khoản mới.

DỰ LUẬT ĐỀ NGHỊ

ĐOẠN 1. Tuyên Ngôn Về Kết Luận.

A. Chính quyền liên bang đã thiết lập chương trình Medicaid để giúp trang trải cho các dịch vụ chăm sóc y tế được cung cấp cho những bệnh nhân có lợi tức thấp, bao gồm người già, người khuyết tật, và trẻ em. Tại California chương trình này được gọi là Medi-Cal. Để cho bất cứ tiểu bang nào cũng đều nhận được ngân quỹ Medicaid, tiểu bang phải đóng góp một khoản tiền đối xứng của chính tiểu bang.

B. Năm 2009, một chương trình mới đã được tạo ra trong đó các bệnh viện California đã bắt đầu nộp một khoản lệ phí để giúp tiểu bang nhận được các ngân quỹ Medicaid của liên bang, miễn phí cho người đóng thuế California. Chương trình này đã giúp trang trải cho chăm sóc y tế cho trẻ em có lợi tức thấp và dẫn đến việc các bệnh viện California nhận khoảng \$2 tỷ mỗi năm

tiền trợ cấp liên bang bổ sung để giúp các bệnh viện đáp ứng những nhu cầu của bệnh nhân Medi-Cal.

ĐOẠN 2. Tuyên Ngôn Về Mục Đích.

Để bảo đảm các bệnh viện nộp lệ phí này cho tiểu bang vì mục đích tối đa hóa các quỹ tài trợ đối xứng sẵn có của liên bang được dùng cho mục đích đã định, người dân nay tu chính Hiến Pháp để yêu cầu phải có sự phê chuẩn của cử tri về những thay đổi đối với chương trình lệ phí bệnh viện nhằm bảo đảm tiểu bang dùng những ngân quỹ này vì mục đích đã định là hỗ trợ sự chăm sóc của bệnh viện cho các bệnh nhân Medi-Cal và giúp trang trải cho việc chăm sóc y tế cho trẻ em có lợi tức thấp.

ĐOẠN 3. Tu Chính Hiến Pháp.

ĐOẠN 3.1. Đoạn 3.5 được bổ sung vào Điều XVI của Hiến Pháp California, có nội dung:

ĐOẠN 3.5. (a) Không đạo luật nào tu chính hoặc bổ sung vào các điều khoản của Đạo Luật Cải Thiện Bồi Hoàn Bệnh Viện Medi-Cal năm 2013 sẽ có hiệu lực trừ phi được phê chuẩn bởi cử tri đoàn theo cùng cách các đạo luật tu chính các đạo luật tiên khởi chiếu theo tiểu phần (c) của Đoạn 10 Điều II ngoại trừ trường hợp Cơ Quan Lập Pháp có thể, theo đạo luật, đã thông qua ở từng viện bằng việc bỏ phiếu điểm danh có ghi vào sổ, với hai phần ba phiếu thuận của thành viên, tu chính hoặc bổ sung vào những điều khoản củng cố các mục đích của đạo luật này.

(b) Cho các mục đích của đoạn này:

(1) "Đạo Luật" nghĩa là Đạo Luật Cải Thiện Bồi Hoàn Bệnh Viện Medi-Cal năm 2013 (được ban hành bởi Dự Luật Thượng Viện 239 trong Phiên Họp Thường Lệ 2013–14 của Cơ Quan Lập Pháp, và bất cứ tu chính nào không đáng kể đối với đạo luật đã được ban hành bởi một dự luật sau đó trong cùng phiên họp của Cơ Quan Lập Pháp).

(2) "Những tu chính không đáng kể" sẽ chỉ có nghĩa là những tu chính nhỏ, về mặt kỹ thuật, ngữ pháp, hoặc để giải thích rõ.

(3) "Những điều khoản củng cố các mục đích của đạo luật" sẽ chỉ có nghĩa là:

(A) Những tu chính hoặc bổ sung cần thiết được thực hiện để có được hoặc duy trì sự phê chuẩn của liên bang về việc thực thi đạo luật, bao gồm khoản lệ phí được áp đặt và các trang trải để bảo đảm phẩm chất có liên quan cho bệnh viện chiếu theo đạo luật này;

(B) Những tu chính hoặc bổ sung đối với phương pháp được dùng để lập khoản lệ phí và các trang trải để bảo đảm phẩm chất cho bệnh viện được thực hiện chiếu theo đạo luật này.

(c) Không điều nào trong đoạn này ngăn cấm Cơ Quan Lập Pháp bãi bỏ toàn bộ đạo luật này bằng đạo luật đã được thông qua ở từng viện bằng bỏ phiếu điểm danh có ghi vào sổ, với hai phần ba phiếu thuận của thành viên, ngoại trừ việc Cơ Quan Lập Pháp không được phép bãi bỏ đạo luật và thay thế nó bằng một đạo luật tương tự áp đặt một mức thuế, lệ phí, hoặc sự thẩm định trừ phi đạo luật tương tự đó có một trong hai điều sau:

(1) Một điều khoản củng cố các mục đích của đạo luật như được định nghĩa trong tài liệu này;

(2) Được phê chuẩn bởi cử tri đoàn theo cùng cách các đạo luật tu chính các đạo luật tiên khởi chiếu theo tiểu phần (c) của Đoạn 10 Điều II.

(d) Tiền thu lệ phí được áp đặt bởi đạo luật này và tất cả tiền lời thu được từ

tiền thu lệ phí sẽ không được xem là thu nhập, thu nhập Quỹ Tổng Quát, tiền thu thuế Quỹ Tổng Quát, hoặc tiền thu thuế địa phương đã cấp, vì các mục đích của Đoạn 8 và 8.5 của điều này và vì các mục đích của Điều XIII B. Sự phân bổ các khoản tiền thu trong tín quỹ được đề cập trong đạo luật này cho các dịch vụ bệnh viện dành cho những người thụ hưởng Medi-Cal hoặc những người thụ hưởng khác trong bất cứ chương trình liên bang tương tự nào khác sẽ không phụ thuộc vào các điều khoản ngăn cấm hoặc hạn chế trong Đoạn 3 hoặc 5 của điều này.

ĐOẠN 4. Tu Chính Đạo Luật Cải Thiện Bồi Hoàn Bệnh Viện Medi-Cal năm 2013.

ĐOẠN 4.1. Đoạn 14169.72 của Bộ Luật An Sinh và Định Chế được tu chính có nội dung:

14169.72. Điều luật này sẽ mất hiệu lực nếu một trong những trường hợp sau đây xảy ra:

(a) Ngày có hiệu lực của một quyết định tư pháp sau cùng ban hành bởi bất cứ tòa án nào có thẩm quyền kháng án hoặc một quyết định sau cùng của Bộ Y tế và Dịch Vụ Nhân Sinh Hoa Kỳ hoặc Trung Tâm Dịch Vụ Medicare và Medicaid liên bang rằng lệ phí để bảo đảm phẩm chất đã lập chiếu theo điều này, hoặc Đoạn 14169.54 hoặc 14169.55, không thể được thực thi. Tiểu phần này sẽ không áp dụng cho bất cứ quyết định tư pháp sau cùng nào được ban hành bởi bất cứ tòa án nào có thẩm quyền kháng án trong một vụ việc được các bệnh viện nằm ngoài tiểu bang đệ trình.

(b) Trung Tâm Dịch Vụ Medicare và Medicaid liên bang từ chối phê chuẩn cho, hoặc không phê chuẩn vào hoặc trước ngày cuối cùng của thời hạn chương trình, việc thực thi các Đoạn 14169.52, 14169.53, 14169.54, và 14169.55, và cơ quan không sửa đổi Đoạn 14169.52, 14169.53, 14169.54, hoặc 14169.55 chiếu theo tiểu phần (d) của Đoạn 14169.53 nhằm đáp ứng các đòi hỏi của luật pháp liên bang hoặc để lấy được sự phê chuẩn của liên bang.

(c) *Cơ Quan Lập Pháp không phân bổ số tiền từ ngân quỹ trong Đạo Luật Ngân Sách hàng năm, hoặc không phân bổ số tiền như vậy trong một dự luật riêng biệt được ban hành trong vòng ba mươi (30) ngày sau khi ban hành Đạo Luật Ngân Sách hàng năm. Một quyết định tư pháp sau cùng do Tối Cao Pháp Viện California hoặc bất cứ Tòa Kháng Án California nào rằng các thu nhập thu được chiếu theo điều này phải được ký thác vào một trong các ngân quỹ sau:*

(1) "Tiền thu thuế trong Quỹ Tổng Quát được phân bổ chiếu theo Điều XIII B của Hiến Pháp California," được sử dụng trong tiểu phần (b) của Đoạn 8 Điều XVI Hiến Pháp California;

(2) "Tiền thu thuế địa phương đã cấp," được sử dụng trong tiểu phần (b) của Đoạn 8 Điều XVI Hiến Pháp California;

(d) Cơ quan đã yêu cầu nhưng không nhận được sự chia sẻ tài chánh của liên bang cho các khoản chi trả phụ thêm và những chi phí khác do đòi hỏi của điều này mà vì những chi phí này đã cản đến sự chia sẻ tài chánh của liên bang.

(e) Một vụ tố tụng có liên quan đến điều này với bên bị kiện là tiểu bang và một lệnh tòa sơ khởi hoặc lệnh khác đã được phát hành dẫn đến bất lợi tài chánh đối với tiểu bang. Cho những mục đích của tiểu phần này, "bất lợi tài chánh đối với tiểu bang" mang một trong những nghĩa sau:

(1) Một thiệt hại phần chia sẻ tài chánh của liên bang.

(2) Một chi phí chi phí đối với Quỹ Tổng Quát còn lại được tạo ra do đạo luật này bằng hoặc lớn hơn một phần tư của 1 phần trăm các chi tiêu của Quỹ Tổng Quát được cho phép trong Đạo Luật Ngân Sách hàng năm mới đây nhất.

(f) Tiền thu lệ phí này và bất cứ tiền lời và tiền lãi cổ phần nào kiếm được từ tiền ký thác không được ký thác vào ngân quỹ hoặc không được sử dụng theo như quy định trong Đoạn 14169.53.

(g) Tiền thu lệ phí, khoản tiền đối xứng được chính quyền liên bang cung cấp và tiền lời và tiền lãi cổ phần kiếm được từ tiền ký thác trong ngân quỹ này không được sử dụng theo như quy định trong Đoạn 14169.68.

ĐOẠN 4.2. Đoạn 14169.75 của Bộ Luật An Sinh và Định Chế được tu chính có nội dung:

14169.75. *Mặc dù có tiểu phần (k) của Đoạn 14167.35, tiểu phần (a), (i), và (j) của Đoạn 14167.35, tạo ra ngân quỹ này, không bị bãi bỏ và sẽ vẫn có hiệu lực chừng nào điều này có hiệu lực. Mặc dù có Đoạn 14169.72, điều này sẽ trở nên vô hiệu lực từ ngày 1 tháng Một, 2018. Một bệnh viện sẽ không bị đòi hỏi phải đóng lệ phí sau ngày đó trừ phi lệ phí đó đã bị nợ trong suốt giai đoạn có hiệu lực của điều này, và các khoản chi trả được cho phép chiếu theo Đoạn 14169.53 sẽ không được thực hiện trừ phi khoản chi trả đó đã bị nợ trong suốt giai đoạn có hiệu lực của điều này.*

ĐOẠN 5. Các Điều Khoản Tổng Quát.

(a) Nếu có điều khoản nào của dự luật này, hoặc một phần trong đó, vì bất cứ lý do nào bị xem là bất hợp lệ hoặc vi hiến, thì những điều khoản còn lại sẽ không bị ảnh hưởng, nhưng vẫn có giá trị pháp lý trọn vẹn và hiệu lực, và cho mục đích này thì những điều khoản của dự luật này có thể tách biệt lẫn nhau.

(b) Dự luật này được chủ định có nội dung toàn diện. Ý định của người dân là trong trường hợp dự luật này hoặc những dự luật này liên quan đến cùng một chủ đề sẽ xuất hiện trên cùng lá phiếu bầu cử toàn tiểu bang, các điều khoản của dự luật hoặc những dự luật khác phải được xem là có mâu thuẫn với dự luật này. Trong trường hợp dự luật này nhận được nhiều phiếu thuận hơn, thì những điều khoản của dự luật này sẽ được ưu tiên trọn vẹn, và những điều khoản của dự luật khác hoặc những dự luật khác sẽ trở thành vô giá trị và không có hiệu lực.

DỰ LUẬT 53

Dự luật tiên khởi này được đệ trình với người dân phù hợp với những điều khoản của Đoạn 8 Điều II Hiến Pháp California.

Dự luật tiên khởi này bổ sung một đoạn vào Hiến Pháp California; do đó, những điều khoản mới được đề nghị thêm vào thì được in theo *kiểu chữ nghiêng* để cho biết đó là những điều khoản mới.

DỰ LUẬT ĐỀ NGHỊ

ĐOẠN 1. Tựa Đề.

Đạo luật này sẽ có tên gọi và có thể được trích dẫn tên gọi là Dự Luật Tiên Khởi Không Chi Phiếu Trống.

ĐOẠN 2. Kết Luận và Công Bố.

Người dân Tiểu Bang California kết luận và công bố như sau:

(a) Các chính trị gia tại Sacramento đã thể chấp tương lai của chúng ta bằng những trách nhiệm nợ công khổng lồ dài hạn sẽ khiến những người đóng thuế, các con của chúng ta, và các thế hệ tương lai mất nhiều thập kỷ để trả

hết nợ.

(b) Chiếu theo những điều lệ hiện hành, việc bán công khố phiếu tiểu bang chỉ cần được phê chuẩn bởi các cử tri nếu những công khố phiếu đó sẽ được hoàn trả từ thu nhập tổng quát của tiểu bang. Nhưng các chính trị gia tiểu bang có thể bán hàng tỷ mỹ kim từ nợ công khố phiếu bổ sung mà không cần có sự phê chuẩn của cử tri nếu các công khố phiếu đó sẽ được hoàn trả bằng những dòng thu nhập cụ thể hoặc những lệ phí áp đặt trực tiếp lên người dân California như các loại thuế, lệ phí, cước phí, lệ phí cầu đường, hoặc tiền thuê nhà. Các chính trị gia không nên được cho phép phát hành chi phiếu trống mà người dân California phải trả cho những chi phiếu đó. Tất cả các quyết định bán công khố phiếu tiểu bang lớn phải có được sự phê chuẩn trước của cử tri, vì cử tri là những người rốt cuộc sẽ phải hoàn trả khoản nợ đó.

(c) Theo một báo cáo năm 2014 từ Văn Phòng Phân Tích Viên Lập Pháp không đảng phái, độc lập của California, Tiểu Bang California hiện đang gánh vác \$340 tỷ nợ công. (Văn Phòng Phân Tích Viên Lập Pháp, "Giải Quyết Các Khoản Nợ Chính Của California," Ngày 7 tháng Ba, 2014.) Các khoản trả tiền lời và tiền vốn trên các trách nhiệm nợ dài hạn của chúng ta sẽ làm tiểu bang suy yếu nếu chúng ta cứ chi tiêu theo cách chúng ta làm hiện nay—giảm bớt tiền mặt sẵn có cho an toàn công cộng, trường học, và những chương trình tiểu bang thiết yếu khác.

(d) Ngoài ra, các cử tri hiếm khi được cho biết về chi phí thực sự của các dự án được cấp vốn công khố phiếu. Chúng ta ban đầu đã được cho biết dự án tàu cao tốc sẽ tốn \$9 tỷ. Nhưng hiện nay chi phí ước tính đã bành trướng tới gần \$70 tỷ. (Los Angeles Times, "Tương Lai Mờ Mịt Của Dự Án Tàu Cao Tốc California," ngày 14 tháng Một, 2014.)

(e) Dự án này sẽ kìm hãm khủng hoảng nợ công của tiểu bang chúng ta bằng cách trao cho các cử tri một tiếng nói trong các đề nghị nợ công khố phiếu mà sẽ phải được hoàn trả thông qua các dòng thu nhập cụ thể hoặc những lệ phí áp đặt trực tiếp lên người dân California như các loại thuế, lệ phí, cước phí, lệ phí cầu đường, hoặc tiền thuê nhà.

ĐOẠN 3. Tuyên Ngôn Về Mục Đích.

Mục đích của dự luật này là đưa khủng hoảng nợ công của tiểu bang về dưới sự kiểm soát bằng cách trao cho cử tri một tiếng nói trong tất cả các dự án tiểu bang lớn được cấp vốn công khố phiếu mà sẽ được trả nợ thông qua những dòng thu nhập cụ thể hoặc những loại thuế, lệ phí, cước phí, lệ phí cầu đường hoặc tiền thuê nhà cao hơn được thu từ người dân California, các con của họ, và các thế hệ tương lai.

ĐOẠN 4. Đoạn 1.6 được bổ sung vào Điều XVI của Hiến Pháp California, có nội dung:

ĐOẠN 1.6. (a) Mặc dù có bất cứ điều khoản luật nào khác, tất cả công khố phiếu thu nhập đã được phát hành hoặc bán bởi Tiểu Bang thành từng khoản hoặc tổng cộng hơn hai tỷ mỹ kim (\$2,000,000,000) cho bất cứ dự án riêng lẻ nào được tài trợ, thuộc sở hữu, được điều hành, hoặc được quản lý bởi Tiểu Bang phải trước tiên được cử tri phê chuẩn trong một cuộc bầu cử toàn tiểu bang. "Tiểu Bang" nghĩa là Tiểu Bang California, bất cứ cơ quan hoặc sở, bộ, ban nào ở đây, và bất cứ cơ quan liên ngành nào hoặc tổ chức tương tự mà Tiểu Bang thành lập hoặc Tiểu Bang là một thành viên trong đó. "Tiểu Bang" được sử dụng ở đây không bao gồm một thành phố, quận, thành phố và quận, khu học chánh, khu đại học cộng đồng, hoặc khu đặc biệt. Cho các mục đích của

đoạn này, "khu đặc biệt" chỉ đề cập đến những thực thể công cộng được hình thành để thực hiện các chức năng chính quyền địa phương trong phạm vi các vành đai giới hạn.

(b) Một dự án duy nhất mà công khố phiếu thu nhập tiểu bang đã được phát hành hoặc được bán thành một khoản trên hai tỷ mỹ kim (\$2,000,000,000) có thể không được chia thành, hoặc được xem là, nhiều dự án riêng biệt nhằm tránh các yêu cầu phê chuẩn của cử tri được nêu trong đoạn này. Cho các mục đích của đoạn này, nhiều dự án được cho là riêng biệt sẽ được xem là cấu thành một dự án duy nhất bao gồm, nhưng không giới hạn, trong những hoàn cảnh sau đây:

(1) Các dự án được cho là riêng biệt sẽ gắn sát nhau về mặt vật lý hoặc địa lý; hoặc

(2) Các dự án được cho là riêng biệt sẽ hợp chung hoặc kết nối với nhau về mặt vật lý; hoặc

(3) Một dự án được cho là riêng biệt không thể đạt được mục đích đã nêu của nó khi không có sự hoàn tất của một dự án được cho là riêng biệt khác.

(c) Ngưỡng hai tỷ mỹ kim (\$2,000,000,000) được nêu trong đoạn này sẽ được điều chỉnh hàng năm để phản ánh bất cứ mức tăng hoặc giảm nào trong lạm phát đo được bằng Chỉ Số Giá Biếu Tiêu Thụ cho Tất Cả Người Tiêu Dùng Thành Thị (CPI-U) được công bố bởi Ban Thống Kê Lao Động Hoa Kỳ. Văn Phòng Thủ Quỹ sẽ tính toán và công bố những điều chỉnh được yêu cầu bởi tiểu phần này.

ĐOẠN 5. Diễn Giải Bao Quát.

Đạo luật này sẽ được diễn giải theo cách bao quát nhằm thực hiện những mục đích của nó.

ĐOẠN 6. Các Dự Luật Mâu Thuẫn Nhau.

(a) Trong trường hợp dự luật này và một dự luật hoặc nhiều dự luật khác liên quan đến các đòi hỏi về phê chuẩn của cử tri cho công khố phiếu tiểu bang sẽ xuất hiện trên cùng một lá phiếu bầu cử toàn tiểu bang, dự luật hoặc các dự luật khác sẽ bị xem là mâu thuẫn với dự luật này. Trong trường hợp dự luật này nhận được nhiều phiếu thuận hơn, thì những điều khoản của dự luật này sẽ được ưu tiên trọn vẹn, và những điều khoản của dự luật khác hoặc những dự luật khác sẽ trở thành vô giá trị và không có hiệu lực.

(b) Nếu dự luật tiên khởi này được cử tri phê chuẩn nhưng bị thay thế toàn bộ hoặc một phần theo luật bởi bất cứ dự luật tiên khởi mâu thuẫn nào khác do cử tri phê chuẩn trong cùng kỳ bầu cử, và dự luật tiên khởi mâu thuẫn đó về sau bị kết luận là không hợp lệ, thì dự luật này sẽ tự thực thi và có giá trị pháp lý trọn vẹn và hiệu lực.

ĐOẠN 7. Tính Tách Biệt.

Các điều khoản của đạo luật này có tính tách biệt. Nếu có bất cứ phần, đoạn, tiểu phần, đoạn văn, mệnh đề, câu, nhóm chữ, chữ, hoặc cách áp dụng nào của đạo luật này vì bất cứ lý do nào, bị xem là bất hợp lệ theo phán quyết của bất cứ tòa án có thẩm quyền nào, phán quyết đó sẽ không ảnh hưởng đến sự hợp lệ của những phần còn lại của đạo luật này. Người dân Tiểu Bang California sau đây tuyên bố rằng họ đã thông qua đạo luật này và từng và mọi phần, đoạn, tiểu phần, đoạn văn, mệnh đề, câu, nhóm chữ, chữ, và cách áp dụng không được tuyên bố là bất hợp lệ hoặc vi hiến bất kể bất cứ phần nào của đạo luật này hoặc cách áp dụng sẽ được tuyên bố bất hợp lệ về sau này.

ĐOẠN 8. Bảo Vệ Pháp Lý.

Nếu đạo luật này được phê chuẩn bởi cử tri của Tiểu Bang California và về sau bị chất vấn pháp lý cáo buộc là một vi phạm luật liên bang, và cả Thống Đốc và Bộ Trưởng Tư Pháp từ chối bảo vệ đạo luật này, thì những hành động sau đây sẽ được thực hiện:

(a) Mặc dù có bất cứ điều gì trái ngược trong nội dung Chương 6 (bắt đầu từ Đoạn 12500) của Phần 2 Đoạn 3 của Tựa Đề 2 Bộ Luật Chính Quyền hoặc bất cứ luật nào khác, Bộ Trưởng Tư Pháp sẽ chỉ định một cố vấn viên độc lập để bảo vệ một cách trung thực và quyết liệt cho đạo luật này thay mặt Tiểu Bang California.

(b) Trước khi chỉ định hoặc về sau đó thay thế cố vấn viên độc lập, Bộ Trưởng Tư Pháp sẽ tận lực xác định các khả năng của cố vấn viên độc lập và sẽ lấy một văn bản xác nhận từ cố vấn viên độc lập rằng cố vấn viên độc lập sẽ bảo vệ một cách trung thực và quyết liệt cho đạo luật này. Văn bản xác nhận phải được công bố khi có yêu cầu.

(c) Sự phân bổ liên tục được thực hiện từ Quỹ Tổng Quát đến Kiểm Soát Viên, bất kể các năm tài khóa, với một khoản cần thiết để trang trải cho các chi phí để giữ cố vấn viên độc lập tiếp tục bảo vệ một cách trung thực và quyết liệt cho đạo luật này thay mặt Tiểu Bang California.

DỰ LUẬT 54

Dự luật tiên khởi này được đệ trình với người dân nhằm phù hợp với những điều khoản của Đoạn 8 Điều II của Hiến Pháp California.

Dự luật tiên khởi này tu chính nhiều đoạn trong Hiến Pháp California và tu chính và thêm nhiều đoạn vào Bộ Luật Chính Quyền; do đó các điều khoản hiện hữu được đề nghị xóa bỏ được in bằng kiểu chữ *gạch ngang* và các điều khoản mới được thêm vào được in theo kiểu *chữ in nghiêng* để cho biết đó là những điều khoản mới.

DỰ LUẬT ĐỀ NGHỊ

ĐOẠN 1. Tựa Đề.

Đạo luật này sẽ được công bố và có thể được trích dẫn như Đạo Luật Minh Bạch Cơ Quan Lập Pháp California.

ĐOẠN 2. Kết Luận và Công Bố.

Người dân Tiểu Bang California kết luận và công bố rằng:

(a) Cần thiết duy trì một xã hội dân chủ mà trong đó các công ty quốc doanh phải hoạt động một cách rõ ràng và công khai, và mong muốn rằng công dân sẽ được trao cơ hội để xem xét đầy đủ mỗi dự luật và thể hiện quan điểm của họ về giá trị của dự luật với đại diện dân cử của họ, trước khi dự luật được thông qua.

(b) Tuy nhiên, những tu chính vào giờ chót với đạo luật thường được sử dụng để thúc ép ưu tiên về mặt chính trị mà không có bình luận hoặc thông báo nào trước đó.

(c) Ngoài ra, các dự luật phức tạp thường được thông qua trước khi các Ủy viên Lập pháp có cơ hội thật sự để xem xét hoặc tranh luận về dự luật, dẫn đến sự thiếu cân nhắc trong lập pháp.

(d) Hơn nữa, mặc dù Hiến pháp Tiểu bang hiện đã cung cấp rõ ràng và công khai về trình tự của mỗi viện hoặc ủy ban, một vài công dân có khả năng tham gia các trình tự lập pháp và phần lớn các trình tự lập pháp đều diễn ra không có sự quan sát của công chúng và báo giới, thường không ghi nhận về

những điều đã phát biểu.

(e) Tuy nhiên, với công nghệ ghi hình hiện đại và Internet, không còn lý do gì để các trình tự lập pháp công khai lại không thể đến được với những công dân là đối tượng được phục vụ.

(f) Theo đó, để thúc đẩy công khai, thảo luận, tranh luận và giữ minh bạch trong các trình tự lập pháp, nhằm cho công chúng nắm thông tin đầy đủ, và nhằm đảm bảo các trình tự lập pháp được thực hiện công bằng và công khai, Hiến pháp Tiểu bang phải bảo đảm quyền cho tất cả mọi người, bao gồm cả các đơn vị báo chí, được ghi hình công khai các trình tự lập pháp và được phát sóng, đăng tải hoặc truyền tải các đoạn ghi hình này.

(g) Để bổ sung quyền được ghi hình các trình tự lập pháp, cơ quan Lập pháp được yêu cầu thực hiện và đăng tải các đoạn quay hình kèm âm thanh về tất cả trình tự công khai trên Internet và giữ một bản lưu của tất cả đoạn ghi hình này, và sẽ được xem là một nguồn tham khảo có giá trị với công chúng, báo giới và cộng đồng học thuật cho các thể hệ tương lai.

(h) California nên áp dụng theo các tiểu bang khác về việc yêu cầu thời gian thông báo trước 72 giờ giữa lúc dự luật được in ra và ra mắt công chúng và thời gian bỏ phiếu, chỉ ngoại trừ trường hợp khẩn cấp thật sự, như thiên tai.

(i) Công chúng, báo giới và các nhà lập pháp có cơ hội để xem xét chi tiết và thứ tự về dự luật sẽ khiến dự luật được chào đón hơn so với cản trở bằng thiên vị và giành giật chính trị.

(j) Các dự luật này sẽ tốn một khoản chi phí nhất định với người đóng thuế, nhưng thúc đẩy được sự minh bạch rõ ràng hơn trong các trình tự lập pháp mang lại lợi ích cho người dân.

ĐOẠN 3. Tuyên Ngôn về Mục Đích.

Trong việc ban hành dự luật này, người dân Tiểu Bang California mong muốn những điều sau:

(a) Cho phép chúng tôi, những người dân, được quan sát qua Internet về những gì đã và đang diễn ra trong bất kỳ và tất cả các trình tự công khai của cơ quan Lập pháp để nắm thông tin cần thiết nhằm tham gia vào các tiến trình chính trị và đảm bảo các đại diện dân cử của chúng tôi có trách nhiệm về hành động của họ.

(b) Cho phép chúng tôi, những người dân, được ghi hình và đăng tải hoặc truyền tải các đoạn ghi hình của chúng tôi về các trình tự pháp lý nhằm khuyến khích sự công bằng trong các trình tự, thảo luận trong quá trình ra quyết định và trách nhiệm của các đại diện.

(c) Cho chúng tôi, những người dân, và đại diện của chúng tôi có đủ thời gian cần thiết để đánh giá cẩn trọng về ưu và khuyết điểm của bản dự luật sau cùng trước khi bỏ phiếu bằng thông báo công khai trước 72 giờ từ lúc hoàn tất bản sau cùng trình cơ quan Lập pháp và công chúng đến thời điểm bỏ phiếu, trừ trường hợp khẩn cấp thật sự do Thống đốc tuyên bố.

ĐOẠN 4. Sửa đổi Điều IV của Hiến Pháp California.

ĐOẠN 4.1. Đoạn 7 Điều IV của Hiến Pháp California được tu chính thành:

ĐOẠN 7. (a) Mỗi viện sẽ chọn ra các viên chức và áp dụng các quy tắc về trình tự của viện. Đa số các ủy viên phải đảm bảo số người tối thiểu theo quy định, nhưng một số ít có thể nghỉ dài ngày và bắt buộc có sự tham dự của các ủy viên vắng mặt.

(b) Mỗi viện phải giữ và công bố một thông cáo về các trình tự của mình.

Bỏ phiếu điểm danh các ủy viên về một câu hỏi nên được thực hiện và theo danh sách với yêu cầu sự hiện diện của 3 ủy viên.

(c) (1) *Trừ trường hợp được quy định tại đoạn văn (3), Trình tự trình tự của mỗi viện và ủy ban được cung cấp rõ ràng và công khai. Quyền được tham gia vào các trình tự rõ ràng và công khai bao gồm các quyền của cá nhân được phép ghi hình bằng âm thanh hoặc video tất cả mọi trình tự và được phát sóng hoặc truyền tải chúng; quy định về việc cơ quan Lập pháp có thể áp dụng các quy tắc chiếu theo đoạn văn (5) liên quan đến quy định đặt và sử dụng thiết bị ghi hình hoặc phát sóng trình tự với mục đích duy nhất là nhằm giảm thiểu sự gián đoạn trong các trình tự. Bất kỳ bên vi phạm nào đều phải đứng ra giải trình để tranh luận về các quy tắc đã đưa ra về hành động giải thích và cứu trợ theo lệnh tòa, và cơ quan Lập pháp phải chịu trách nhiệm giải trình các quy tắc này một cách hợp lý.*

(2) *Bắt đầu từ ngày 1 tháng Giêng của năm dương lịch thứ hai sau khi áp dụng đoạn văn này, cơ quan Lập pháp cũng có thể tiến hành ghi hình âm thanh hình ảnh cho tất cả trình tự theo quy định trong đoạn văn (1) một cách trọn vẹn, sẽ công bố các đoạn ghi hình qua Internet trong vòng 24 giờ sau khi các trình tự được tạm dừng hoặc gia hạn trong ngày, và sẽ giữ một bản lưu về các đoạn ghi hình đã công bố để công chúng có thể tìm trên Internet và tải về trong thời gian không ít hơn 20 năm theo điều lệ của tiểu bang.*

(3) *Mặc dù được quy định trong đoạn văn (1) và (2) Tuy nhiên, các phiên họp kín có thể được tổ chức với một trong các mục đích sau đây:*

(A) *Để xem xét việc bổ nhiệm, tuyển dụng, đánh giá về kết quả hoặc miễn nhiệm một viên chức hoặc nhân viên công vụ, để xem xét hoặc lắng nghe những khiếu nại hoặc tố cáo về một Ủy viên Lập pháp hoặc viên chức hoặc nhân viên công cụ khác, hoặc thiết lập phân loại hoặc thù lao cho một nhân viên cơ quan Lập pháp.*

(B) *Để xem xét các vấn đề ảnh hưởng đến sự an toàn và an ninh của Ủy viên Lập pháp hoặc nhân viên hoặc sự an toàn và an ninh của bất kỳ tòa nhà hoặc cơ sở nào được cơ quan Lập pháp sử dụng.*

(C) *Để trao đổi với, hoặc nhận lời khuyên từ cố vấn pháp lý liên quan đến việc trì hoãn hoặc dự liệu hợp lý, hoặc lúc bắt đầu một vụ kiện khi tranh luận trong một phiên họp công khai có thể không bảo vệ cho lợi ích của viện hoặc ủy ban nào liên quan đến vụ kiện.*

(2)(4) *Một buổi họp kín của các thành viên Thượng viện, thành viên Hạ viện, hoặc các thành viên của cả hai viện, trong đó bao gồm các thành viên của cùng một đảng phái chính trị, có thể gặp nhau trong một phiên họp kín.*

(3)(5) *Cơ quan Lập pháp sẽ áp dụng cách phân chia này theo quyết nghị hợp nhất áp dụng bằng bỏ phiếu điểm danh theo danh sách, hai phần ba số thành viên của mỗi viện đã hợp nhất, hoặc theo điều lệ, và được quy định rằng, khi trong trường hợp một phiên họp kín được tổ chức chiếu theo đoạn văn (1); (3), quy định rằng thông báo hợp lý về phiên họp kín và mục đích của phiên họp kín sẽ được công bố cho người dân. Nếu có mâu thuẫn giữa quyết nghị hợp nhất và điều lệ, áp dụng hoặc thi hành sau cùng sẽ được thực hiện.*

(d) *Một trong hai viện không đồng thuận có thể tạm hoãn hơn 10 ngày hoặc tổ chức tại địa điểm khác.*

ĐOẠN 4.2. Đoạn 8 Điều IV của Hiến Pháp California được tu chính thành:

ĐOẠN 8. (a) *Tại các phiên họp thường kỳ không có dự luật hoặc ngân sách dự luật nào được ủy ban hoặc mỗi viện kiến nghị hoặc thực hiện cho đến ngày thứ 31 sau khi dự luật được đệ trình trừ khi nghị viện miễn trừ yêu*

cầu này bằng cách bỏ phiếu điểm danh theo danh sách ba phần tư số ủy viên đồng thuận.

(b) (1) *Cơ quan Lập pháp có thể không thực hiện trừ khi có điều lệ và có thể không thi hành theo điều lệ trừ khi có dự luật. Không dự luật nào được thông qua trừ khi dự luật được đọc trong 3 ngày ở mỗi viện trừ trường hợp nghị viện miễn trừ yêu cầu này bằng cách bỏ phiếu điểm danh theo danh sách, hai phần ba số ủy viên đồng thuận.*

(2) *Không dự luật nào được thông qua hoặc sau cùng trở thành điều lệ trừ khi cho đến khi dự luật có tu chính đã được in, và phát cho các ủy viên, và được công bố trên Internet, với bản sau cùng, trong vòng ít nhất 72 giờ trước khi bỏ phiếu, trừ trường hợp có thông báo miễn trừ nếu Thống đốc xác nhận bằng văn bản với cơ quan Lập pháp về việc miễn trừ thông báo do dự luật cần thiết để giải quyết một tình trạng khẩn cấp, chiếu theo đoạn văn (2) của khoản (c) Đoạn 3 Điều XIII B, rằng nếu do Thống đốc tuyên bố, và các viện xem xét miễn trừ thời gian thông báo của dự luật thông qua bỏ phiếu điểm danh độc lập theo danh sách, hai phần ba số ủy viên đồng thuận, trước khi bỏ phiếu cho dự luật.*

(3) *Không dự luật nào thông qua trừ khi, bằng cách bỏ phiếu điểm danh theo danh sách, đa số các ủy viên của mỗi viện đều đồng thuận.*

(c) (1) *Ngoại trừ được quy định trong đoạn văn (2) và (3) của khoản này, một điều lệ được thi hành tại một phiên họp thường kỳ sẽ có hiệu lực từ ngày 1 tháng Giêng tiếp theo sau thời hạn 90 ngày kể từ ngày thi hành điều lệ và điều lệ được thi hành tại một phiên họp đặc biệt sẽ có hiệu lực vào ngày thứ 91 sau khi hoãn phiên họp đặc biệt vào thời điểm dự luật được thông qua.*

(2) *Một điều lệ, ngoài điều lệ đã được thiết lập hoặc thay đổi các ranh giới của khu lập pháp, quốc hội hoặc bầu cử khác, được thi hành theo dự luật đã được cơ quan Lập pháp thông qua hoặc trước ngày cơ quan Lập pháp gia hạn thời gian để triệu tập phiên họp lập pháp hai năm một lần tổ chức thường kỳ vào năm dương lịch thứ hai, và trong quyền hạn của Thống đốc sau ngày đó, sẽ có hiệu lực vào ngày 1 tháng Giêng tiếp theo ngày thi hành điều lệ, trừ khi trước ngày 1 tháng Giêng, một thỉnh nguyện yêu cầu dân ý có ảnh hưởng đến điều lệ được gửi đến Bộ Trưởng Tư Pháp chiếu theo khoản (d) Đoạn 10 của Điều II, trong đó điều lệ sẽ có hiệu lực vào ngày 91 sau ngày thi hành điều lệ trừ khi có thỉnh nguyện được trình lên Tổng Thư Ký Tiểu Bang chiếu theo khoản (b) Đoạn 9 Điều II.*

(3) *Các điều lệ kêu gọi bầu chọn, các điều lệ cho biết các khoản thu thuế hoặc các khoản phân bổ chi phí hiện hành thông thường của Tiểu Bang, và các điều lệ khẩn sẽ có hiệu lực ngay khi ban bố thi hành.*

(d) *Các điều lệ khẩn cấp là những điều lệ cần thiết để lập tức bảo vệ an toàn, y tế và trị an công cộng. Tuyên bố về thực trạng đưa đến sự cần thiết được quy định trong một đoạn dự luật. Tại mỗi viện đoạn và điều luật sẽ được thông qua riêng biệt, mỗi lần theo cách bỏ phiếu điểm danh theo danh sách, hai phần ba ủy viên đồng thuận. Một điều lệ khẩn cấp có thể không thay đổi hoặc bãi miễn bất kỳ viên chức nào hoặc thay đổi mức lương, thời hạn hoặc nghĩa vụ của viên chức, hoặc tài trợ nhượng quyền hoặc đặc quyền riêng biệt nào, hoặc tạo ra bất kỳ quyền hoặc quyền lợi được giao phó nào.*

ĐOẠN 5. Tu Chính Bộ Luật Chính Quyền.

ĐOẠN 5.1. Đoạn 9026.5 của Bộ Luật Chính Quyền được tu chính lại như sau:

9026.5. *Phát trên truyền hình hoặc ghi hình có âm thanh hình ảnh các trình*

tự công khai.

(a) Phát trên truyền hình hoặc ghi hình có âm thanh hình ảnh các trình tự công khai của mỗi viện, của cơ quan Lập pháp và ủy ban dưới quyền có thể được sử dụng với mục đích pháp lý bất kỳ mà không áp đặt khoản phí nào đối với Tiểu Bang hoặc các cơ quan công quyền hoặc các công ty quốc doanh liên quan. Hạ viện không cung cấp tín hiệu truyền hình để sử dụng cho các mục đích chính trị hoặc thương mại, bao gồm, nhưng không giới hạn, các vận động để bầu chọn viên chức công vụ hoặc bất kỳ cuộc vận động nào hỗ trợ hoặc chống đối bỏ phiếu dự luật được gửi đến cử tri đoàn.

Khi được sử dụng trong đoạn này, "mục đích thương mại" không bao gồm bất kỳ nghĩa nào sau đây:

(1) Sử dụng tín hiệu truyền hình bất kỳ do Hạ viện cung cấp bởi một tổ chức tin tức uy tín hoặc bất kỳ tổ chức phi lợi nhuận nào về chương trình giáo dục hoặc vấn đề xã hội công cộng;

(2) Được Hạ viện ủy quyền, truyền tải bởi bên thứ ba cho các thuê bao trả trước một video chưa được chỉnh sửa bằng tín hiệu truyền hình do Hạ viện cung cấp;

(b) Chi phí để cơ quan Lập pháp tuân thủ theo đoạn văn (2) của khoản (c) Đoạn 7 và đoạn văn (2) của khoản (b) Đoạn 8 Điều IV của Hiến Pháp California sẽ được xem là một phần trong tổng chi tiêu được quy định theo Đoạn 7.5 Điều IV trong Hiến Pháp California. Bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào vi phạm đoạn này được xem là phạm tội tiểu hình.

ĐOẠN 5.2. Đoạn 10248 của Bộ Luật Chính Quyền được tu chính lại như sau:

10248. Mạng máy tính công cộng; thông tin pháp lý theo yêu cầu.

(a) Cố vấn Lập pháp sẽ, cùng lời khuyên từ Ủy ban Hạ viện về Quy tắc và Ủy ban Thượng viện về Quy tắc, đưa tất cả thông tin sau đây ra trước công chúng dưới hình thức điện tử:

(1) Lịch lập pháp, lịch trình phiên điều giải của ủy ban lập pháp, danh sách các vấn đề còn tồn đọng của cả hai viện Lập pháp, và danh sách các ủy ban Lập pháp và các ủy viên.

(2) Nội dung của mỗi dự luật được trình trong mỗi phiên họp lập pháp đang diễn ra, bao gồm hình thức tu chính, soạn thảo và phân chia của mỗi dự luật.

(3) Tiến trình hình thành của mỗi dự luật được trình và tu chính trong mỗi phiên họp lập pháp đang diễn ra.

(4) Tình trạng của mỗi dự luật được trình và tu chính trong mỗi phiên họp lập pháp đang diễn ra.

(5) Tất cả các phân tích về dự luật được các ủy ban lập pháp chuẩn bị trình kèm mỗi dự luật trong mỗi phiên họp lập pháp đang diễn ra.

(6) Tất cả đoạn ghi hình kèm âm thanh hình ảnh về trình tự lập pháp được cơ quan Lập pháp thực hiện theo quy định trong đoạn văn (2) khoản (c) Đoạn 7 của Điều IV trong Hiến Pháp California. Mỗi đoạn ghi hình được lưu giữ để công chúng có thể truy cập qua Internet và tải về trong thời hạn tối thiểu 20 năm kể từ ngày thực hiện đoạn ghi hình và sau đó được lưu trữ với định dạng an toàn.

(6)(7) Tất cả thông tin bỏ phiếu liên quan đến mỗi dự luật trong mỗi phiên họp lập pháp đang diễn ra.

(7)(8) Bất kỳ thông báo phủ quyết liên quan đến mỗi dự luật trong mỗi phiên họp lập pháp đang diễn ra.

(8)(9) Bộ Luật California.

(9)(10) Hiến Pháp California.

(10)(11) Tất cả điều lệ được thi hành sau ngày 1 tháng Giêng năm 1993.

(b) Thông tin được xác định trong khoản (a) sẽ được công bố với công chúng bằng các phương tiện truy cập của các mạng máy tính công cộng lớn nhất không độc quyền và phi lợi nhuận. Thông tin sẽ được công bố bằng một hoặc nhiều định dạng và qua một hoặc nhiều phương tiện để người dân trong tiểu bang có thể tiếp cận dễ dàng nhất. Bất kỳ cá nhân nào truy cập vào thông tin cũng có thể truy cập vào bất kỳ phần nào của thông tin. Thông tin cũng có thể được công bố qua nhiều phương tiện truy cập để tạo điều kiện cho công chúng tiếp cận thông tin. Thông tin được lưu giữ trong hệ thống thông tin lập pháp được điều hành và duy trì bởi Cố Vấn Lập Pháp sẽ được công bố trong thời gian ngắn nhất sau khi thông tin được ghi nhận vào hệ thống thông tin. Thông tin không được lưu giữ trong hệ thống thông tin có thể được công bố trong thời gian ngắn nhất sau khi được đưa đến Cố Vấn Lập Pháp.

(c) Bất kỳ tài liệu nào dưới định dạng điện tử của thông tin được quy định trong khoản (a) và được đưa ra công chúng có thể được công bố qua nhiều phương tiện truy cập từ mạng máy tính cụ thể trong khoản (b).

(d) Thông tin cá nhân liên quan đến người truy cập thông tin có thể được lưu giữ chỉ với mục đích cung cấp dịch vụ cá nhân.

(e) Cố Vấn Lập Pháp không áp dụng lệ phí hoặc khoản phí nào khi thông tin truy cập đã được công bố từ mạng máy tính cụ thể trong khoản (b).

(f) Truy cập điện tử công cộng được cung cấp bởi mạng máy tính cụ thể trong khoản (b) sẽ kèm theo bản in hoặc bản điện tử của thông tin.

(g) Không hành động chiếu theo đoạn này được xem là thay đổi hoặc từ bỏ lợi ích về bản quyền hoặc các lợi ích ưu tiên khác hoặc quyền lợi của Tiểu Bang California liên quan đến các thông tin được công bố chiếu theo đoạn này.

ĐOẠN 6. Dự Luật Tổ Chức Quốc Phòng.

ĐOẠN 6.1. Đoạn 12511.7 được thêm vào Bộ Luật Chính Quyền, như sau:

12511.7. Đạo Luật Minh Bạch Lập Pháp Về Biện Hộ California.

Trong trường hợp có kiện tụng, toàn bộ hoặc một phần, hiệu lực của Đạo Luật Minh Bạch Lập Pháp Về Biện Hộ California sẽ được áp dụng:

(a) Cơ quan Lập pháp sẽ tiếp tục tuân thủ đạo luật trừ khi được tuyên bố trái hiến pháp chiếu theo phán quyết sau cùng của tòa phúc thẩm.

(b) Ngoại trừ được quy định trong khoản (c), Bộ Trưởng Tư Pháp sẽ biện hộ trước bất kỳ vụ kiện nào, trong toàn bộ hoặc một phần, hiệu lực của đạo luật, sẽ có quyền can thiệp vô điều kiện vào bất kỳ hành động nào chỉ ra hiệu lực của đạo luật.

(c) Nếu Bộ Trưởng Tư Pháp từ chối biện hộ bằng hành động về hiệu lực của đạo luật, Bộ Trưởng Tư Pháp sẽ nộp đơn kháng cáo, hoặc xin tái xét, với bất kỳ phán quyết nào của tòa cho rằng đạo luật không có hiệu lực, trong toàn bộ hoặc một phần, nếu nhất thiết hoặc phù hợp cần bảo đảm hoạt động của tiểu bang nhằm biện hộ tuân thủ luật pháp đi kèm với trách nhiệm theo hiến pháp của Bộ Trưởng Tư Pháp để thấy rõ luật của tiểu bang được thực thi đầy đủ.

(d) Người ủng hộ chính thức của đạo luật có quyền tham gia vô điều kiện, cũng như người can thiệp hoặc các đảng phái quan tâm, bằng hành động

có ảnh hưởng đến hiệu lực hoặc diễn giải của đạo luật. Khi Thống đốc và Bộ Trưởng Tư Pháp từ chối biện hộ về hiệu lực của đạo luật, những người ủng hộ chính thức được ủy quyền để hành động thay mặt tiểu bang. *khẳng định mối quan tâm của tiểu bang về hiệu lực của đạo luật bằng bất kỳ hành động nào và kháng cáo phán quyết của tòa án về đạo luật không hiệu lực.*

(e) Không điều nào trong đoạn này ngăn cấm các viên chức công vụ bày tỏ mối quan tâm của tiểu bang về hiệu lực của đạo luật.

ĐOẠN 7. Bãi bỏ bất kỳ Điều Lệ Đề Nghị Gây Mâu Thuẫn trong Bầu Cử Sơ Bộ.

Nếu cơ quan Lập pháp đưa ra một dự luật trên lá phiếu của kỳ bầu cử sơ bộ tháng Sáu 2016 đã được đa số phiếu phê chuẩn, bất kỳ điều khoản nào của dự luật đó nếu không đồng nhất với, hoặc can thiệp theo một cách nào đó, vào mục đích của điều khoản được thi hành theo dự luật đầu tiên đều trở nên vô hiệu và không có hiệu lực về pháp lý.

ĐOẠN 8. Tách Biệt.

Điều khoản của đạo luật này đều tách biệt. Nếu bất kỳ điều khoản nào hoặc áp dụng nào của đạo luật này bị xem là vô hiệu, sự vô hiệu này không ảnh hưởng đến các điều khoản hoặc áp dụng khác có hiệu lực trong trường hợp không còn điều khoản hoặc áp dụng bị vô hiệu. Không giới hạn trong tổng quan của phần đề cập trước, cử tri tuyên bố rằng (1) các tu chính vào Đoạn 7 của Điều IV trong Hiến Pháp California tách biệt với phần tu chính vào Đoạn 8 của Điều IV trong Hiến Pháp California, (2) trách nhiệm của cơ quan Lập pháp là thực hiện, công khai, và lưu giữ các đoạn ghi hình kèm âm thanh hình ảnh về trình tự lập pháp tách biệt với quyền của cá nhân được ghi hình trình tự và phát sóng hoặc truyền tải các đoạn ghi hình này chiếu theo tu chính Đoạn 7 của Điều IV trong Hiến Pháp California, (3) quyền ghi hình trình tự tách biệt với quyền phát sóng hoặc truyền tải các đoạn ghi hình, và (4) những tu chính hợp lệ của dự luật tiên khởi sẽ tách biệt với các tu chính hiến pháp.

ĐOẠN 9. Tu Chính.

Điều khoản hợp lệ của đạo luật này sẽ không được tu chính trừ khi có sự phê chuẩn của cử tri, trừ trường hợp cơ quan Lập pháp có thể tu chính đoạn văn (6) của khoản (a) Đoạn 10248 trong Bộ Luật Chính Quyền nhằm gia hạn thời gian lưu giữ đoạn ghi hình để công chúng truy cập qua Internet và tải về để thông qua điều lệ bằng cách bỏ phiếu điểm danh theo danh sách, đa số các ủy viên mỗi viện đồng thuận.

ĐOẠN 10. Các Dự Luật Gây Mâu Thuẫn Được Đưa Vào Lá Phiếu.

(a) Trong trường hợp dự luật tiên khởi và bất kỳ dự luật khác hoặc các dự luật có liên quan đến sự minh bạch của tiến trình lập pháp có liên đới đến bất kỳ vấn đề đã chỉ ra được phê chuẩn bởi đa số cử tri trong cùng lần bầu cử, và dự luật tiên khởi này nhận được đa số phiếu đồng thuận hơn những dự luật khác, dự luật tiên khởi này sẽ có hiệu lực toàn bộ và các dự luật khác đều trở nên vô hiệu và không có hiệu lực về pháp lý.

(b) Nếu dự luật tiên khởi này và một dự luật hợp lệ được cơ quan Lập pháp đưa vào lá phiếu được phê chuẩn bởi đa số cử tri trong cùng lần bầu cử, các tu chính hiến pháp trong dự luật tiên khởi này sẽ có hiệu lực so với dự luật hợp lệ được cơ quan Lập pháp đưa vào lá phiếu do dự luật hợp lệ có mâu thuẫn, không đồng nhất hoặc can thiệp đến mục đích, ý định, hoặc điều khoản của dự luật tiên khởi này.

(c) Nếu dự luật tiên khởi này được cử tri phê chuẩn nhưng bị thay thế toàn

bộ hoặc một phần bằng bất kỳ dự luật gây mâu thuẫn nào khác được phê chuẩn bởi cử tri và nhận được đa số phiếu thuận trong cùng kỳ bầu cử, dự luật gây mâu thuẫn hoặc các điều khoản bị thay thế do đó sẽ trở thành vô hiệu, các điều khoản bị thay thế trước đó của dự luật tiên khởi này, vì được hay thế bởi các điều khoản vô hiệu của dự luật gây mâu thuẫn, sẽ được thi hành và có đầy đủ giá trị pháp lý.

DỰ LUẬT 55

Dự luật tiên khởi này được đệ trình với người dân nhằm phù hợp với những điều khoản trong Đoạn 8 Điều II của Hiến Pháp California.

Dự luật tiên khởi này tu chính một số đoạn của Hiến Pháp California; vì vậy, những điều khoản hiện hữu được đề nghị xóa bỏ sẽ được in theo kiểu *chữ có gạch ngang* và những điều khoản mới được đề nghị thêm vào sẽ được in theo kiểu chữ *nghe nghiêng* để cho biết đó là những điều khoản mới.

DỰ LUẬT ĐỀ NGHỊ

Đạo Luật năm 2016 về Bảo Vệ Quyền

Giáo Dục và Chăm Sóc Sức Khỏe Trẻ Em bang California

ĐOẠN 1. Tựa Đề.

Dự luật này sẽ được gọi, và có thể được trưng dẫn, là "Đạo Luật năm 2016 về Bảo Vệ Quyền Giáo Dục và Chăm Sóc Sức Khỏe Trẻ Em bang California."

ĐOẠN 2. Kết Luận.

(a) Trong thời kỳ suy thoái kinh tế gần đây, California cắt giảm hơn \$56 tỷ từ nguồn chi phí dành cho giáo dục, chăm sóc sức khỏe và các dịch vụ quan trọng khác của tiểu bang và địa phương. Những khoản cắt giảm này dẫn đến hàng ngàn giáo viên bị sa thải, tăng sĩ số học sinh trong lớp, học phí đại học cao hơn và giảm các dịch vụ thiết yếu. Biện pháp tăng thuế tạm thời được cử tri California thông qua vào năm 2012 đã giúp bù lại một phần kinh phí đã mất, nhưng khoản thuế này sẽ bắt đầu hết hiệu lực vào cuối năm 2016, dẫn đến thâm hụt sâu hơn và cắt giảm nhiều hơn trong trường học.

(b) Nếu chúng ta không hành động ngay bây giờ để tạm thời mở rộng thuế suất thu nhập hiện nay lên những người giàu có nhất California, thì các trường công của chúng ta sẽ sớm đối mặt với một đợt cắt giảm nặng nề khác do mất mát thu nhập hàng tỷ đô la một năm. Kinh phí cho các trường công đã bị cắt giảm trầm trọng trong giai đoạn suy thoái. Nhà trường và trường đại học của chúng ta chỉ mới bắt đầu phục hồi, và chúng ta phải cố gắng duy trì kinh phí giáo dục thay vì rút ruột kinh phí thêm lần nữa. Chúng ta có thể để các khoản tăng thuế mua bán tạm thời hết hiệu lực nhằm hỗ trợ gia đình lao động, nhưng đây không phải là lúc giảm thuế cho những người giàu có nhất California, trong khi bản thân họ không cần đến việc giảm thuế này và trường học của chúng ta lại không có khả năng chi trả.

(c) Tương lai California phụ thuộc vào sự thành công của chín triệu trẻ em nơi đây. Mỗi trẻ em ở California đều xứng đáng có một cơ hội công bằng để khôn lớn và thành công. Nhưng để trẻ thành đạt khi trưởng thành thì các em phải được tiếp cận với nền giáo dục và chăm sóc sức khỏe chất lượng cao.

(d) Đối với trẻ em, giáo dục và chăm sóc sức khỏe là hai vấn đề thiết yếu và có mối quan hệ phụ thuộc. Tiếp cận với nền giáo dục chất lượng là cơ sở cho sự thành công của trẻ em California. Ngay cả nếu có đủ trường học, trẻ em cũng không thể đến trường nếu bị đau yếu bệnh tật. Và khi lớn lên ở những cộng đồng không được chăm sóc sức khỏe đầy đủ, trẻ thường dễ bị nhiễm

bệnh hơn hoặc bị bệnh mãn tính, khiến các em không thể đến trường đều đặn.

(e) Không cung cấp đủ kinh phí cho các chương trình chăm sóc sức khỏe cũng gây thiệt hại cho California về mặt tài chính. Mỗi đồng Mỹ kim mới chi tiêu cho việc chăm sóc sức khỏe trẻ em và gia đình sẽ đều tự động được ngân quỹ liên bang bù trừ. Điều này có nghĩa là mỗi năm California mất đi hàng tỷ đô la tiền bù trừ quỹ liên bang, mà lẽ ra số tiền này có thể được dùng để bảo đảm cho trẻ em và gia đình của trẻ có thể tiếp cận tới các dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

(f) Nghiên cứu cũng cho thấy rằng sớm tiếp cận với nền giáo dục và chăm sóc sức khỏe chất lượng có thể nâng cao cơ hội thành công ở trường cũng như trong cuộc sống của trẻ. California cần phải có nhiều hành động hơn để đảm bảo trẻ em trong tiểu bang được giáo dục và chăm sóc sức khỏe cần thiết, giúp trẻ đạt được và phát huy tối đa tiềm năng của mình.

(g) Các trường công như ở California là những ngôi trường đông đúc nhất trong cả nước. Điều đáng kinh ngạc là sĩ số học sinh trong lớp còn cao hơn mức trung bình quốc gia đến 80 phần trăm. Số người dân California được đào tạo để trở thành giáo viên tương lai đã giảm đi 50% trong năm năm qua do sĩ số học sinh trong lớp tăng lên đáng kể.

(h) Bên cạnh đó, ngân sách của các trường đại học cộng đồng ở California đã sụt giảm trong thời kì Đại Suy Thoái, làm giảm khả năng được đào tạo nghề và tiếp cận bậc giáo dục đại học cần thiết và trong tầm chi trả của trẻ em California, nhất là những trẻ đến từ gia đình có thu nhập thấp.

(i) California nhiều năm không cung cấp đủ kinh phí cho lĩnh vực chăm sóc sức khỏe. Mức chi tiêu dành cho chăm sóc sức khỏe của California xếp thứ 48 trong số 50 tiểu bang, điều này gây khó khăn cho trẻ em và gia đình, người cao niên và người tàn tật muốn tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe. Không cung cấp đủ kinh phí trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe cho trẻ em dẫn tới tỉ lệ mắc bệnh nặng cao hơn và các chi phí y tế lâu dài lớn hơn. Tăng cường bồi hoàn cho dịch vụ y tế giúp bảo đảm trẻ em có thể tiếp cận được với bác sĩ và bệnh viện. Và một khi một bệnh viện hay phòng khám của bác sĩ đóng cửa do thiếu kinh phí lâu năm, thì tất cả mọi người trong cộng đồng cũng đều bị mất cơ hội tới bệnh viện hay phòng khám đó.

(j) Đạo Luật năm 2016 về Bảo Vệ Quyền Giáo Dục và Chăm Sóc Sức Khỏe Trẻ Em bang California sẽ tạm thời mở rộng thuế suất thu nhập cao hơn đối với những cặp vợ chồng có thu nhập hơn nửa triệu đô la một năm—họ là những người có khả năng chi trả cao nhất—để giúp tất cả trẻ em California đều khỏe mạnh, theo học ở các trường công tốt và có cơ hội học đại học.

(k) Dự luật này không tăng thuế trên bất cứ ai có thu nhập dưới \$250,000. Dự luật không gia hạn tăng thuế mua bán tạm thời mà đã được cử tri thông qua vào năm 2012.

(l) Khoản tiền thu thuế thu nhập được đảm bảo trong Hiến Pháp California sẽ trực tiếp chuyển đến các khu học chánh địa phương và trường đại học cộng đồng, và để giúp tiểu bang chi trả chi phí chăm sóc sức khỏe cho những người có thu nhập thấp, trẻ em và gia đình của các em. Kinh phí của tiểu bang được đưa ra để giúp cân bằng ngân sách và ngăn chặn các đợt cắt giảm nặng nề hơn nữa đối với các dịch vụ cho người cao niên, trẻ em có thu nhập thấp, các gia đình lao động và các chủ doanh nghiệp nhỏ. Mang lại lợi ích cho mọi người.

(m) Để bảo đảm chỉ chuyển tất cả số ngân quỹ này đến những nơi mà cử

tri dự định, thì số ngân quỹ này được đưa vào một quỹ đặc biệt mà Cơ Quan Lập Pháp không thể chuyển sang mục đích sử dụng khác. Bất kỳ khoản tiền nào trong số này cũng không thể được chi tiêu cho bộ máy tiểu bang hoặc các phí tổn điều hành.

(n) Số ngân quỹ này sẽ phải chiểu theo một cuộc kiểm toán độc lập hàng năm để đảm bảo mục đích chi tiêu đúng theo quy định trong dự luật này. Các viên chức dân cử sẽ bị truy tố và bị phạt hình sự nếu họ lạm dụng các khoản quỹ này.

(o) California đã trải qua nhiều biến động ngân sách lớn trong 15 năm qua, với những đợt thâm hụt sâu và cắt giảm kinh phí nặng nề sau đợt phá sản của bong bóng thương mại điện tử và Đại suy thoái. Duy trì ngân quỹ tiểu bang cho những giai đoạn khó khăn sẽ giúp ổn định ngân sách, tránh các chu kỳ bùng nổ trong quá khứ, bảo vệ trẻ em, người cao niên và người khuyết tật của California khỏi những đợt cắt giảm kinh phí trong trường học và dịch vụ chăm sóc sức khỏe khi kinh tế suy thoái trong tương lai.

ĐOẠN 3. Mục Đích và Ý Định.

(a) Mục đích và ý định chính của cử tri khi ban hành dự luật này là để tránh những cắt giảm có hại làm giảm chất lượng giáo dục và giảng dạy ở các trường công địa phương của California, và cung cấp đủ ngân quỹ cho các dịch vụ chăm sóc y tế thiết yếu cho trẻ em và các thành viên trong gia đình, những người là cư dân hợp pháp của California.

(b) Dự luật này nhằm bảo vệ trẻ em của chúng ta bằng cách tạm thời mở rộng các thuế suất hiện nay đối với những người dân California giàu có, thay vì đưa ra một khoản giảm thuế khổng lồ cho những cặp vợ chồng có thu nhập hơn nửa triệu đô la một năm hoặc những cá nhân kiếm được hơn 250,000 đô la một năm. Thay vì đưa số tiền đó trở lại túi của những người giàu có, dự luật này giúp chuyển số tiền đó vào một tài khoản đặc biệt chỉ được sử dụng để đảm bảo rằng mỗi đứa trẻ ở California đều có quyền tiếp cận nền giáo dục công và chăm sóc sức khỏe chất lượng và cần thiết để các em tiếp tục đến trường và học tập.

(c) Dự luật này nhằm giúp California tiếp tục duy trì tình trạng cân bằng ngân sách và nguồn cấp kinh phí đáng tin cậy cho các trường học, trường đại học cộng đồng và chăm sóc sức khỏe, tránh làm vào tình trạng thâm hụt ngân sách và cắt giảm kinh phí kinh niên.

(d) Dự luật này bảo đảm trong Hiến pháp rằng khoản thu nhập gây dựng cho các trường học sẽ được gửi trực tiếp đến các khu học chánh và trường đại học cộng đồng, để phục vụ các khoản chi tiêu trong lớp học chứ không phải phí tổn điều hành. Nguồn kinh phí cho trường học này không thể bị treo hoặc giữ lại, dù có chuyện gì xảy ra với ngân sách tiểu bang.

(e) Dự luật này bảo đảm trong Hiến pháp rằng khoản thu nhập gây dựng cho lĩnh vực chăm sóc sức khỏe sẽ được dành để bổ sung vào ngân quỹ hiện hữu của tiểu bang cho các dịch vụ chăm sóc sức khỏe đủ điều kiện cho quỹ đối xứng liên bang.

(f) Toàn bộ thu nhập từ dự luật này phải được kiểm toán tại địa phương hàng năm, và do Nhà Kiểm Soát độc lập thực hiện thanh tra để bảo đảm mục đích sử dụng đúng theo quy định trong dự luật này.

ĐOẠN 4. Đoạn 36 Điều XIII của Hiến Pháp California được tu chính như sau:

ĐOẠN 36. (a) Phục vụ mục đích của đoạn này:

(1) "Dịch vụ An toàn Công cộng" bao gồm những điều sau đây:

(A) Sử dụng và đào tạo các viên chức an toàn công cộng, bao gồm nhân viên thực thi pháp luật, luật sư được giao thủ tục tố tụng hình sự và nhân viên an ninh của tòa án.

(B) Quản lý nhà tù địa phương và cung cấp nhà ở, điều trị và các dịch vụ, và giám sát tội phạm là thanh thiếu niên và người lớn.

(C) Ngăn ngừa lạm dụng, bỏ bê hoặc bóc lột trẻ em; cung cấp dịch vụ cho trẻ em và thanh thiếu niên bị lạm dụng, bỏ bê, hoặc bóc lột, hoặc có nguy cơ bị lạm dụng, bỏ bê, hay bóc lột, và gia đình các em đó; cung cấp dịch vụ nhận con nuôi; và cung cấp dịch vụ bảo vệ người trưởng thành.

(D) Cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe tâm thần cho trẻ em và người lớn để giảm hoạt động không như mong đợi ở trường học, gây hại cho bản thân hoặc người khác, tình trạng vô gia cư, các trường hợp giam giữ hay đưa vào các cơ sở từ thiện có thể phòng tránh được.

(E) Ngăn ngừa, điều trị và cung cấp dịch vụ phục hồi đối với việc lạm dụng các chất.

(2) "Lập Pháp Điều Chỉnh 2011" chỉ các điều luật được ban hành vào hoặc trước ngày 30 tháng Chín năm 2012 nhằm thực hiện kế hoạch ngân sách tiểu bang, được gọi là đợt Điều Chỉnh 2011 và phân công trách nhiệm Dịch vụ An toàn Công cộng đến các cơ quan địa phương, bao gồm trách nhiệm báo cáo liên quan. Luật này sẽ cho phép các cơ quan địa phương có khả năng linh động và quyền kiểm soát tối đa đối với việc thiết kế, hành chính và chuyển giao Dịch vụ An toàn Công cộng phù hợp với luật liên bang và các yêu cầu kinh phí, theo quyết định của Cơ Quan Lập Pháp. Tuy nhiên, Lập Pháp Điều Chỉnh 2011 sẽ không bao gồm chương trình mới nào được phân bổ cho các cơ quan địa phương sau ngày 1 tháng Giêng năm 2012, ngoại trừ chương trình kiểm tra định kỳ sớm, chuẩn đoán và điều trị (EPSDT) và chăm sóc sức khỏe tâm thần có quản lý.

(b) (1) Ngoại trừ nội dung đã được đưa ra trong tiểu phần (d), bắt đầu từ năm tài khóa 2011-12 và về sau, các khoản tiền sau sẽ được ký thác vào Quỹ Thu Nhập Địa Phương năm 2011, như được thiết lập trong Đoạn 30025 của Bộ luật Chính quyền, như sau:

(A) Toàn bộ thu nhập, trừ đi các khoản bồi hoàn, có được từ các nguồn thuế như mô tả trong các Đoạn 6051.15 và 6201.15 của Bộ Luật Thu Nhập và Thuế Vụ, theo các đoạn đã ghi vào ngày 1 tháng Bảy năm 2011.

(B) Toàn bộ thu nhập, trừ đi các khoản bồi hoàn, có được từ các lệ phí đăng bộ xe như mô tả trong Đoạn 11005 của Bộ Luật Thu Nhập và Thuế Vụ, theo đoạn đã ghi vào ngày 1 tháng Bảy năm 2011.

(2) Vào và từ sau ngày 1 tháng Bảy năm 2011, các khoản thu nhập được ký thác theo đoạn văn (1) sẽ không được coi là thu nhập của Quỹ Tổng Quát hoặc tiền thu thuế cho các mục đích của Đoạn 8 Điều XVI trong Hiến Pháp California.

(c) (1) Các khoản ngân quỹ được ký thác vào Quỹ Thu Nhập Địa Phương năm 2011 liên tục được phân bổ riêng để cấp kinh phí cho việc cung cấp các Dịch vụ An toàn Công cộng bởi các cơ quan địa phương. Trong khi chờ triển khai đầy đủ Lập Pháp Điều Chỉnh 2011, các khoản ngân quỹ cũng có thể được sử dụng để bồi hoàn cho Tiểu Bang khoản phí tổn chương trình phát sinh trong quá trình cung cấp các Dịch vụ An toàn Công cộng thay cho các cơ quan địa phương. Phương pháp phân bổ các nguồn ngân quỹ sẽ như được quy định trong Lập Pháp Điều Chỉnh 2011.

(2) Vị giám đốc ngân khố quận, giám đốc ngân khố quận và thành phố, hoặc viên chức phù hợp khác sẽ tạo ra một Quỹ Thu Nhập Địa Phương của Quận năm 2011 trong phạm vi ngân khố của mỗi quận hoặc thành phố và quận. Tiền trong mỗi Quỹ Thu Nhập Địa Phương của Quận năm 2011 sẽ chỉ được dùng để cấp kinh phí cho việc cung cấp các Dịch vụ An toàn Công cộng bởi các cơ quan địa phương như được quy định trong Lập Pháp Điều Chỉnh 2011.

(3) Mặc dù có Đoạn 6 Điều XIII B, hay bất kỳ điều khoản khác trong Hiến pháp, một ủy quyền cho chương trình mới hoặc dịch vụ ở cấp độ cao hơn lên một cơ quan địa phương được áp đặt theo Lập Pháp Điều Chỉnh 2011, hoặc bởi bất kỳ quy định, mệnh lệnh hoặc chỉ thị hành chính ban hành để thực thi điều luật đó, sẽ không trở thành một quy định đòi hỏi Tiểu Bang phải cung cấp hỗ trợ kinh phí trong phạm vi ý nghĩa của đoạn đó. Mọi yêu cầu mà một cơ quan địa phương tuân theo Chương 9 (bắt đầu từ Đoạn 54950) Mục 1 Phần 2 Tựa đề 5 của Bộ luật Chính quyền, đối với việc thực hiện trách nhiệm Dịch vụ An toàn Công cộng, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác, sẽ không được coi là một ủy quyền có thể hoàn trả theo Mục 6 Điều XIII B.

(4) (A) Đạo luật ban hành sau ngày 30 tháng Chín năm 2012 có tác động tổng thể làm tăng chi phí đã phát sinh tại một cơ quan địa phương cho những chương trình hoặc mức độ dịch vụ bắt buộc theo Lập Pháp Điều Chỉnh 2011 sẽ áp dụng đối với các cơ quan địa phương chỉ trong phạm vi khi được Tiểu Bang cấp kinh phí hàng năm cho việc tăng chi phí. Các cơ quan địa phương không bắt buộc phải cung cấp các chương trình hoặc mức dịch vụ theo yêu cầu của luật pháp, như được mô tả trong tiểu mục này, khi cao hơn mức được cấp kinh phí.

(B) Các quy định, lệnh điều hành, hoặc chỉ thị hành chính, ban hành sau ngày 9 tháng Mười năm 2011, không cần thiết thực hiện Lập Pháp Điều Chỉnh 2011, và có tác động tổng thể làm tăng chi phí đã phát sinh tại một cơ quan địa phương cho những chương trình hoặc mức độ dịch vụ bắt buộc theo Lập Pháp Điều Chỉnh 2011, sẽ áp dụng đối với các cơ quan địa phương chỉ trong phạm vi khi được Tiểu Bang cấp kinh phí hàng năm cho việc tăng chi phí. Các cơ quan địa phương không bắt buộc phải cung cấp các chương trình hoặc mức dịch vụ theo các quy định, lệnh điều hành, hoặc chỉ thị hành chính mới, như được mô tả trong tiểu mục này, khi cao hơn mức được cấp kinh phí.

(C) Bất cứ chương trình mới hoặc mức dịch vụ cao hơn nào do các cơ quan địa phương cung cấp, như được nêu trong có các tiểu đoạn (A) và (B), khi cao hơn mức được cấp kinh phí, sẽ không đòi hỏi một khoản trợ cấp kinh phí từ Tiểu Bang hoặc nếu không thì, phải tuân theo Đoạn 6 Điều XIII B. Đoạn này sẽ không áp dụng đối với luật hiện miễn tiền trợ cấp theo khoản (2) của tiểu mục (a) của Phần 6 của Điều XIII B như đoạn văn đã ghi vào ngày 2 tháng Giêng năm 2011.

(D) Tiểu Bang sẽ không chịu sự chi phối của bất cứ kế hoạch hoặc sự miễn trừ từ chính quyền liên bang, hoặc những sửa đổi trong những kế hoạch hoặc sự miễn trừ đó, có tác động tổng thể làm tăng chi phí đã phát sinh tại một cơ quan địa phương cho những chương trình hoặc mức độ dịch vụ bắt buộc theo Lập Pháp Điều Chỉnh 2011, ngoại trừ trường hợp các kế hoạch, sự miễn trừ, hoặc sửa đổi được yêu cầu bởi luật liên bang, hoặc được Tiểu Bang cấp kinh phí hàng năm cho việc tăng chi phí.

(E) Bang sẽ không bị yêu cầu cung cấp một khoản hỗ trợ kinh phí theo đoạn này cho một ủy quyền được Tiểu Bang áp đặt theo đề nghị của một cơ quan

địa phương hoặc tuân theo luật liên bang. Nguồn quỹ của Tiểu Bang theo yêu cầu trong đoạn này sẽ từ một nguồn khác ngoài những nguồn mô tả trong các tiểu phần (b) và (d), thuế bất động sản tính theo trị giá thu vào, hoặc Tài khoản phụ Dịch vụ Xã hội của Tài khoản Thuế Doanh thu trong Quỹ Thu Nhập Địa Phương.

(5) (A) Đối với các chương trình được mô tả trong các tiểu đoạn (C) đến (E), gồm cả hai tiểu đoạn đó, của đoạn (1) tiểu phần (a) và nằm trong Lập Pháp Điều chỉnh 2011, nếu những sửa đổi tiếp theo trong quy chế hoặc quy định của liên bang thay đổi các điều kiện theo đó quỹ tài trợ đối xứng liên bang được mô tả trong Lập Pháp Điều chỉnh 2011, và có tác động tổng thể làm tăng chi phí đã phát sinh tại một cơ quan địa phương, hàng năm Tiểu Bang sẽ cung cấp ít nhất 50 phần trăm đóng góp phi liên bang của những chi phí đó theo quyết định của Tiểu Bang.

(B) Khi Tiểu Bang là một bên trong bất kỳ khiếu nại trong một thủ tục tố tụng tư pháp hoặc hành chính liên bang có liên quan đến một hoặc nhiều chương trình trong số được mô tả trong tiểu đoạn (C) đến (E), bao gồm cả hai tiểu đoạn đó, thuộc đoạn (1) tiểu mục (a) và nằm trong Lập Pháp Điều chỉnh 2011, và có một sự sắp xếp hoặc lệnh tư pháp hoặc hình chính yêu cầu trả chi phí dưới hình thức phạt tiền hoặc có tác động tổng thể làm tăng chi phí đã phát sinh tại một cơ quan địa phương cho những chương trình hoặc mức độ dịch vụ bắt buộc theo Lập Pháp Điều chỉnh 2011, hàng năm Tiểu Bang sẽ cung cấp ít nhất 50 phần trăm đóng góp phi liên bang của những chi phí đó theo quyết định của Tiểu Bang. Tiểu Bang sẽ không phải chi trả nếu xác định rằng sự sắp xếp hoặc lệnh đó có liên quan đến một hoặc nhiều cơ quan địa phương không thể thực hiện một nhiệm vụ ngang bộ, không thực hiện một nghĩa vụ pháp lý một cách thiện chí, hoặc làm một cách cẩu thả hoặc thiếu thận trọng.

(C) Ngân quỹ của Tiểu Bang trong đoạn này sẽ từ một nguồn khác ngoài những nguồn mô tả trong các tiểu phần (b) và (d), thuế bất động sản tính theo trị giá thu vào, hoặc Tài khoản phụ Dịch vụ Xã hội của Tài khoản Thuế Doanh thu trong Quỹ Thu Nhập Địa Phương.

(6) Nếu Tiểu Bang hoặc cơ quan địa phương không thể thực hiện trách nhiệm hoặc nghĩa vụ theo đoạn này hoặc theo Pháp Chế Tái Tổ Chức 2011, một bên phù hợp có thể tìm kiếm cứu trợ tư pháp. Những hành động này phải được ưu tiên thực hiện so với tất cả các vấn đề dân sự khác.

(7) Các khoản ngân quỹ được ký thác vào Quỹ Thu Nhập Địa Phương Quận 2011 phải được chi tiêu cho những mục đích đã định sẵn để duy trì trạng thái đủ điều kiện được hưởng quỹ tài trợ đối xứng liên bang cho Tiểu Bang, và để đảm bảo Tiểu Bang tuân thủ các tiêu chuẩn liên bang hiện hành về cung cấp Dịch Vụ An Toàn Công Cộng của Tiểu Bang.

(8) Cơ quan địa phương sẽ không được sử dụng các khoản ngân quỹ được ký thác vào Quỹ Thu Nhập Địa Phương Quận 2011 để thay thế cho những ngân quỹ khác dành cho Dịch Vụ An Toàn Công Cộng.

(d) Nếu các loại thuế nêu trong tiểu phần (b) được giảm hoặc ngừng áp dụng, Tiểu Bang có thể gửi một khoản tiền hàng năm vào Quỹ Thu Nhập Địa Phương 2011 với trị giá tương đương hoặc lớn hơn tổng số tiền có thể thu được bằng các loại thuế được nêu trong tiểu phần (b). Phương pháp xác định giá trị được nêu trong Pháp Chế Tái Tổ Chức 2011 và Tiểu Bang có thể phải cung cấp số tiền với giá trị đó cho đến khi các cơ quan địa phương vẫn phải thực hiện trách nhiệm Dịch Vụ An Toàn Công Cộng được giao phó theo Pháp Chế Tái Tổ Chức 2011. Nếu Tiểu Bang không thể nộp khoản tiền đó hàng

năm, Kiểm Soát Viên có thể chuyển số tiền tương đương từ Quỹ Tổng Quát với tỷ lệ hàng tháng sang Quỹ Thu Nhập Địa Phương 2011. Sau đó, Kiểm Soát Viên có thể thực hiện giải ngân những khoản này cho các cơ quan địa phương theo chỉ đạo trong Pháp Chế Tái Tổ Chức 2011. Trách nhiệm của tiểu bang theo tiểu phần này sẽ có ưu tiên tài trợ từ Quỹ Tổng Quát thấp hơn so với ưu tiên thứ nhất là tiền được phân chia theo Đoạn 8, Điều XVI và ưu tiên thứ hai là chi trả cho các nghĩa vụ và nợ mà cử tri đã phê chuẩn trong Đoạn 1, Điều XVI.

(e) (1) Để đảm bảo giáo dục công lập không bị ảnh hưởng trong quá trình bảo vệ thiết yếu các Dịch Vụ An Toàn Công Cộng địa phương, Tài Khoản Bảo Vệ Giáo Dục sau đây sẽ được lập trong Quỹ Tổng Quát để được nhận và được giải ngân thu nhập có được từ tăng thêm các loại thuế được đánh theo đoạn này, như được quy định trong tiểu phần (f).

(2) (A) Trước ngày 30 tháng Sáu, 2013 và trước ngày 30 tháng Sáu hàng năm từ năm 2014 đến hết ~~2018~~ 2030, Giám Đốc Tài Chánh phải ước tính tổng thu nhập tăng thêm, trừ đi các khoản bồi hoàn, có được từ tăng thêm thuế suất được nêu trong tiểu phần (f), để có thể chuyển vào Tài Khoản Bảo Vệ Giáo Dục trong năm tài khóa tiếp theo. Trước ngày 10 tháng Một, 2013, Giám Đốc Tài Chánh cũng phải đưa ra ước tính này về thu nhập tăng thêm, trừ đi các khoản bồi hoàn, mà có thể nhận được cho đến cuối năm tài khóa 2012-13.

(B) Trong vòng 10 ngày cuối cùng mỗi quý của ba quý đầu tiên mỗi năm tài khóa từ 2013-14 đến hết ~~2018~~—19 2030—31, Kiểm Soát Viên phải chuyển vào Tài Khoản Bảo Vệ Giáo Dục một phần tư tổng số tiền đã ước tính chiếu theo tiểu đoạn văn (A) của năm tài khóa đó, trừ khi số tiền này có thể được điều chỉnh theo tiểu đoạn văn (D).

(C) Trong mỗi năm tài khóa từ 2012-13 cho đến hết ~~2020~~—21 2032—33, Giám Đốc Tài Chánh phải tính toán điều chỉnh cho Tài Khoản Bảo Vệ Giáo Dục như được quy định trong tiểu đoạn văn (D) bằng cách cộng thêm các số tiền sau, nếu có:

(i) Trong quý cuối của mỗi năm tài khóa từ 2012-13 cho đến hết ~~2018~~—19 2030—31, Giám Đốc Tài Chánh phải tính toán lại ước tính cho năm tài khóa đó chiếu theo quy định trong tiểu đoạn văn (A) và phải trừ khỏi ước tính điều chỉnh lại này số tiền trước đó đã chuyển vào Tài Khoản Bảo Vệ Giáo Dục năm tài khóa đó.

(ii) Trong tháng Sáu, 2015 và trong tháng Sáu năm 2016 đến hết ~~2021~~ 2033, Giám Đốc Tài Chánh phải đưa ra xác định cuối cùng về số thu nhập tăng thêm, trừ đi các khoản bồi hoàn, có được từ tăng thêm các thuế suất trong tiểu đoạn văn (f) của năm tài khóa trước thời điểm hiện tại hai năm. Số tiền ước tính lại được tính toán theo mệnh đề (i) cho năm tài khóa trước thời điểm hiện tại hai năm sẽ được trừ khỏi số tiền xác định cuối cùng này.

(D) Nếu tổng số tiền được xác định theo tiểu đoạn văn (C) là dương, Kiểm Soát Viên phải chuyển số tiền tương đương với tổng số tiền đó vào Tài Khoản Bảo Vệ Giáo Dục trong vòng 10 ngày trước khi kết thúc năm tài khóa. Nếu số tiền đó âm, Kiểm Soát Viên sẽ đình chỉ hoặc giảm khoản tiền được chuyển hàng quý, nếu có, vào Tài Khoản Bảo Vệ Giáo Dục cho đến khi tổng số tiền bị giảm này bằng với số tiền âm trên. Nhằm mục đích thực hiện các tính toán theo mệnh đề (i), tiểu đoạn văn (C), số tiền được chuyển hàng năm không nên điều chỉnh giảm hay tạm ngưng theo tiểu đoạn văn này.

(E) Trước ngày 30 tháng Sáu, 2018 và trước ngày 30 tháng Sáu hàng năm từ

2019 đến hết 2030, Giám Đốc Tài Chánh phải ước tính số thu nhập tăng thêm, trừ đi các khoản bồi hoàn, sẽ có được trong năm tài khóa sau đó từ tăng thêm thuế suất trong tiểu phần (f), mà khi cộng với tất cả các thu nhập khác trong Quỹ Tổng Quát, sẽ phải đáp ứng:

(i) Cam kết quỹ tối thiểu theo Đoạn 8, Điều XVI đối với năm tài khóa tiếp sau đó; và

(ii) Ngân sách công tác cho năm tài khóa tiếp sau đó, trừ các chi tiêu theo chương trình đã được lập tài khoản riêng theo mệnh đề (i). Để thực hiện mục đích của đoạn này, "ngân sách công tác" có định nghĩa được nêu trong Đoạn 13308.05 của Bộ Luật Chính Quyền, như được Bộ Tài Chánh tuyên đọc và giải thích vào ngày 1 tháng Một, 2016, miễn là, tuy nhiên, "các dịch vụ hiện được cấp phép" đó chỉ có nghĩa là những dịch vụ đã được coi là "các dịch vụ hiện được cấp phép" theo đoạn 13308.05 của Bộ Luật Chính Quyền kể từ ngày 1 tháng Một, 2016.

(F) Để nâng cao khả năng tất cả học sinh trường học tại California và gia đình của các em đều nhận được dịch vụ chăm sóc y tế thường xuyên, chất lượng và từ đó tối thiểu tỷ lệ nghỉ học do các vấn đề liên quan đến sức khỏe, bất cứ khi nào Giám Đốc Tài Chánh ước tính số tiền hiện có để chuyển vào Tài Khoản Bảo Vệ Giáo Dục trong năm tài khóa nhiều hơn số thu nhập cần thiết đối với tài khoản đó chiếu theo tiểu đoạn văn (E) của năm tài khóa đó, giám đốc phải xác định số tiền dư này. Năm mươi phần trăm số tiền dư đó, tối đa hai tỷ đô la trong bất kỳ năm tài khóa nào, phải được Kiểm Soát Viên phân bổ từ Tài Khoản Bảo Vệ Giáo Dục cho Bộ Dịch Vụ Y Tế California mỗi quý để tăng ngân quỹ cho các dịch vụ và chương trình chăm sóc y tế hiện được cung cấp theo Chương 7 (bắt đầu từ Đoạn 14000) đến hết Chương 8.9 (bắt đầu từ Đoạn 14700) của Mục 3, Phần 9, Bộ Luật An Sinh và Định Chế. Ngân quỹ chỉ được phép sử dụng cho các dịch vụ chăm sóc y tế quan trọng, khẩn cấp, lập tức và phòng ngừa cho học sinh và gia đình của họ, với điều kiện các dịch vụ đó được cung cấp bởi những cơ sở y tế và chuyên gia y tế được cấp giấy phép hoạt động theo Đoạn 1250 của Bộ Luật Sức Khỏe Và An Toàn, và theo các kế hoạch y tế hoặc chương trình khác quản lý việc cung cấp dịch vụ y tế cho những người hưởng Medi-Cal đã ký hợp đồng với Bộ Dịch Vụ Y Tế California để cung cấp quyền lợi y tế được quy định tại đoạn này.

(G) Việc phân bổ theo tiểu đoạn văn (F) có thể bị tạm ngưng theo đạo luật trong năm tài khóa mà tình trạng khẩn cấp ngân sách đã được ban bố, tuy nhiên, miễn là, phân bổ đó không bị giảm nhiều hơn mức giảm tương ứng đối với chi tiêu trong toàn bộ Quỹ Tổng Quát năm đó. Để thực hiện mục đích của đoạn này, "tình trạng khẩn cấp ngân sách" có cùng ý nghĩa như đã nêu trong đoạn văn (2), tiểu phần (b) của Đoạn 22, Điều XVI.

(H) Ngân sách được cung cấp chiếu theo tiểu đoạn văn (F) phải không được sử dụng để thay thế cho Quỹ Tổng Quát tiểu bang hiện tại để trả tiền cho các thanh toán không được chia sẻ với tiểu bang đối với những chương trình theo luật liên bang được sử dụng để nhận ngân quỹ tài trợ đối xứng Medicaid liên bang.

(3) Tất cả các khoản tiền trong Tài Khoản Bảo Vệ Giáo Dục sau đây sẽ tiếp tục được trích để hỗ trợ cho các khu học chánh, văn phòng giáo dục quận, trường hiến chương và khu đại học cộng đồng như được quy định trong đoạn văn này, và cho các dịch vụ y tế được quy định trong tiểu đoạn văn (F) của đoạn văn (2).

(A) Mười một phần trăm được trích ra cho giáo dục chiếu theo đoạn văn này phải được Hội Đồng Thống Đốc Các Trường Đại Học Cộng Đồng California

phân bổ hàng quý cho các khu đại học cộng đồng để cung cấp ngân quỹ mục đích chung cho những trường này với tỷ lệ đã được xác định trong Đoạn 84750.5 của Bộ Luật Giáo Dục, như khi đoạn này trong bộ luật được tuyên đọc sau khi được cử tri phê duyệt đoạn này vào ngày 6 tháng Mười Một, 2012. Các phân bổ được tính toán theo tiểu đoạn văn này phải được bù lại bằng số tiền được quy định trong tiểu phần (a), (c) và (d) của Đoạn 84751, Bộ Luật Giáo Dục, như đã được tuyên đọc sau khi được cử tri phê duyệt đoạn này vào ngày 6 tháng Mười Một, 2012, mà nhiều hơn số tiền được tính toán theo Đoạn 84750.5 của Bộ Luật Giáo Dục, như đã được tuyên đọc sau khi được cử tri phê duyệt đoạn này vào ngày 6 tháng Mười Một, 2012, với điều kiện đó là không có khu đại học cộng đồng nào nhận ít hơn một trăm đô la (\$100)/sinh viên chính khóa.

(B) Tám chín phần trăm số tiền được trích ra dành cho giáo dục theo đoạn văn này phải được Giám Đốc Khu Học Chánh Công Lập phân bổ hàng quý để cung cấp ngân quỹ mục đích chung cho các khu học chánh, văn phòng giáo dục quận và ngân quỹ mục đích chung tiểu bang cho các trường hiến chương tương ứng với giới hạn thu nhập được tính toán theo Đoạn 2558 và 42238 của Bộ Luật Giáo Dục và số tiền được tính toán theo Đoạn 47633 của Bộ Luật Giáo Dục cho các văn phòng giáo dục quận, khu học chánh và trường hiến chương, lần lượt theo thứ tự này, như khi các đoạn này được tuyên đọc sau khi được cử tri phê duyệt đoạn này vào ngày 6 tháng Mười Một, 2012. Số tiền đã tính toán sẽ được bù lại bằng số tiền được nêu trong tiểu phần (c), Đoạn 2558 của, đoạn văn (1) đến (7) của tiểu phần (h), Đoạn 42238 của, Đoạn 47635 của Bộ Luật Giáo Dục cho các văn phòng giáo dục quận, khu học chánh và trường hiến chương, lần lượt theo thứ tự này, với nội dung các đoạn này đã được tuyên đọc sau khi được cử tri phê chuẩn đoạn này vào ngày 6 tháng Mười Một, 2012, mà nhiều hơn số tiền được tính toán theo các Đoạn 2558, 42238 và 47633 của Bộ Luật Giáo Dục cho các văn phòng giáo dục quận, khu học chánh và trường hiến chương, lần lượt theo thứ tự này, với nội dung các đoạn này đã được tuyên đọc sau khi được cử tri phê chuẩn đoạn này vào ngày 6 tháng Mười Một, 2012, miễn là không có văn phòng giáo dục quận, khu học chánh và trường hiến chương nào nhận ít hơn hai trăm mỹ kim (\$200) cho mỗi đơn vị sĩ số học sinh đến lớp trung bình hàng ngày.

(4) Tiểu phần này phải tự thi hành và không yêu cầu bất kỳ hành động pháp lý nào. Việc phân bổ tiền vào Tài Khoản Bảo Vệ Giáo Dục bởi Hội Đồng Thống Đốc Các Trường Đại Học Cộng Đồng California và Giám Đốc Học Chánh Công Lập không nên bị trì hoãn hay ảnh hưởng bởi việc Lập Pháp và Thống Đốc không thể ban hành dự luật ngân sách hàng năm chiếu theo Đoạn 12, Điều IV, bằng viện dẫn đoạn văn tiểu phần (h), Đoạn 8, Điều XVI hoặc bằng bất kỳ hành động nào khác hoặc bằng việc không hành động của Lập Pháp hoặc Thống Đốc.

(5) Bất kể các điều khoản khác trong bộ luật, tiền ghi có vào Tài Khoản Bảo Vệ Giáo dục dành cho giáo dục không được phép sử dụng để chi trả bất kỳ chi phí nào của Lập Pháp, Thống Đốc hoặc cơ quan chính phủ.

(6) Khu đại học cộng đồng, văn phòng giáo dục quận, khu học chánh hoặc trường hiến chương có thẩm quyền duy nhất trong việc quyết định cách chi tiêu số tiền nhận được từ Tài Khoản Bảo Vệ Giáo Dục cho các trường trong khu vực thuộc phạm vi quyền hạn của mình, miễn là, tuy nhiên, đoàn thể hoặc hội đồng quản trị thích hợp đó phải đưa ra những quyết định chi tiêu trong các phiên hội nghị công cộng của đoàn thể hoặc hội đồng quản trị và không được sử dụng bất kỳ ngân quỹ nào từ Tài Khoản Bảo Vệ Giáo Dục để chi trả lương hoặc phụ cấp cho viên chức điều hành hay bất kỳ chi phí điều

hành nào khác. Mỗi khu đại học cộng đồng, văn phòng giáo dục quận, khu học chánh và trường hiến chương phải công bố hàng năm trên trang web bản sổ sách ghi rõ đã nhận được bao nhiêu tiền từ Tài Khoản Bảo Vệ Giáo Dục và đã sử dụng số tiền đó như thế nào.

(7) Yêu cầu thanh tra tuân thủ và tài chánh độc lập hàng năm đối với các khu đại học cộng đồng, văn phòng giáo dục quận, khu học chánh và trường hiến chương phải, bên cạnh những yêu cầu khác theo luật định, chắc chắn và xác minh xem quỹ được cung cấp từ Tài Khoản Bảo Vệ Giáo Dục có được giải ngân và chi tiêu hợp lý theo quy định trong đoạn này không. Chi phí phát sinh bởi những thực thể nào để tuân thủ yêu cầu thanh tra bổ sung của đoạn này có thể được chi trả bằng ngân quỹ từ Tài Khoản Bảo Vệ Giáo Dục và không được coi là chi phí điều hành, theo mục đích của đoạn này.

(8) Các khoản thu nhập, trừ đi khoản bồi hoàn, được trích theo tiểu phần (f) để gửi vào Tài Khoản Bảo Vệ Giáo Dục như quy định tại đoạn này sẽ được coi là "Thu nhập Quỹ Tổng Quát", "tiền thu thuế Quỹ Tổng Quát" và "tiền sẽ được Tiểu Bang sử dụng để hỗ trợ các khu học chánh và khu đại học cộng đồng", theo các mục đích của Đoạn 8, Điều XVI.

(f) (1) (A) Ngoài các loại thuế được đánh theo Mục 1 (bắt đầu từ Đoạn 6001), Phần 2, Bộ Luật Thu Nhập và Thuế Vụ, đối với đặc quyền bán tài sản cá nhân hữu hình tại điểm bán lẻ, thuế từ sau đây sẽ được đánh đối với tất cả người bán lẻ với thuế suất 1/4 phần trăm tổng giá trị ròng trên biên lai của bất kỳ người bán lẻ nào từ việc bán tất cả tài sản cá nhân hữu hình ở điểm bán lẻ trong Tiểu Bang này kể từ ngày 1 tháng Một, 2013 và cho đến trước ngày 1 tháng Một, 2017.

(B) Ngoài các loại thuế được đánh theo Mục 1 (bắt đầu từ Đoạn 6001), Phần 2, Bộ Luật Thu Nhập và Thuế Vụ, thuế tiêu thụ đặc biệt từ nay về sau sẽ được đánh lên việc lưu trữ, sử dụng hoặc tiêu thụ tài sản cá nhân hữu hình trong Tiểu Bang này mà được mua tại bất kỳ điểm bán lẻ nào vào hoặc sau ngày 1 tháng Một, 2013 và cho đến trước ngày 1 tháng Một, 2017 để lưu trữ, sử dụng hoặc tiêu thụ trong tiểu bang này với thuế suất 1/4 phần trăm giá bán tài sản.

(C) Luật Thuế Sử Dụng và Buôn Bán, bao gồm cả các tu chính được ban hành vào và sau ngày có hiệu lực của đoạn này, nên được áp dụng đối với thuế được đánh theo đoạn văn này.

(D) Đoạn văn này sẽ không còn có hiệu lực vào ngày 1 tháng Một, 2017.

(2) Trước năm đánh thuế bắt đầu vào hoặc sau ngày 1 tháng Một, 2012 và trước ngày 1 tháng Một, 2019 2031, đối với thuế được áp dụng theo Đoạn 17041 của Bộ Luật Thu Nhập và Thuế Vụ, khung thuế thu nhập và thuế suất 9.3 phần trăm được ấn định trong đoạn văn (1), tiểu phần (a) Đoạn 17041 của Bộ Luật Thu Nhập và Thuế Vụ có thể được điều chỉnh cụ thể như sau:

(A) (i) Đối với phần thu nhập chịu thuế cao hơn hai trăm năm mươi ngàn mỹ kim (\$250,000) nhưng dưới ba trăm ngàn mỹ kim (\$300,000), thuế suất là 10.3 phần trăm của khoản vượt quá hai trăm năm mươi ngàn mỹ kim (\$250,000).

(ii) Đối với phần thu nhập chịu thuế cao hơn ba trăm ngàn mỹ kim (\$300,000) nhưng dưới năm trăm ngàn mỹ kim (\$500,000), thuế suất là 11.3 phần trăm của khoản vượt quá ba trăm ngàn mỹ kim (\$300,000).

(iii) Đối với phần thu nhập chịu thuế cao hơn năm trăm ngàn mỹ kim (\$500,000), thuế suất là 12.3 phần trăm của khoản vượt quá năm trăm ngàn

mỹ kim (\$500,000).

(B) Khung thuế thu nhập quy định trong các mệnh đề (i), (ii) và (iii) của tiểu đoạn văn (A) phải được tính toán lại, nếu không được cung cấp trong tiểu phần (h), Đoạn 17041 của Bộ Luật Thu Nhập và Thuế Vụ, chỉ đối với các năm đánh thuế kể từ và sau ngày 1 tháng Một, 2013.

(C) (i) Để thực hiện các mục đích của tiểu phần (g), Đoạn 19136 của Bộ Luật Thu Nhập và Thuế Vụ, đoạn văn này chỉ được xem là một chương vào the ~~date it becomes effective~~ ngày 6 tháng Mười Một, 2012.

(ii) Để thực hiện các mục đích của Mục 10 (kể từ Đoạn 17001) của, và Mục 10.2 (bắt đầu từ Đoạn 18401) của, và Phần 2 của Bộ Luật Thu Nhập và Thuế Vụ, khung thuế và thuế suất điều chỉnh được lập và áp dụng theo đoạn văn này phải được coi là được lập và áp dụng theo Đoạn 17041 của Bộ Luật Thu Nhập và Thuế Vụ.

(D) Đoạn văn này sẽ không còn có hiệu lực vào ngày 1 tháng Mười Hai, 2019 2031.

(3) Trong bất kỳ năm đánh thuế nào bắt đầu vào hoặc sau ngày 1 tháng Một, 2012 và trước ngày 1 tháng Một, 2019 2031, đối với thuế được đánh theo Đoạn 17041 của Bộ Luật Thu Nhập và Thuế Vụ, khung thuế thu nhập và thuế suất 9.3 phần trăm được ấn định trong đoạn văn (1), tiểu phần (c), Đoạn 17041 của Bộ Luật Thu Nhập và Thuế Vụ có thể được điều chỉnh cụ thể như sau:

(A) (i) Đối với phần thu nhập chịu thuế cao hơn ba trăm bốn mươi ngàn mỹ kim (\$340,000) nhưng dưới bốn trăm linh tám ngàn mỹ kim (\$408,000), thuế suất là 10.3 phần trăm của khoản vượt quá ba trăm bốn mươi ngàn mỹ kim (\$340,000).

(ii) Đối với phần thu nhập chịu thuế cao hơn bốn trăm linh tám ngàn mỹ kim (\$408,000) nhưng dưới sáu trăm tám mươi ngàn mỹ kim (\$680,000), thuế suất là 11.3 phần trăm của khoản vượt quá bốn trăm linh tám ngàn mỹ kim (\$408,000).

(iii) Đối với phần thu nhập chịu thuế cao hơn sáu trăm tám mươi ngàn mỹ kim (\$680,000), thuế suất là 12.3 phần trăm của khoản vượt quá sáu trăm tám mươi ngàn mỹ kim (\$680,000).

(B) Khung thuế thu nhập quy định trong các mệnh đề (i), (ii) và (iii) của tiểu đoạn văn (A) phải được tính toán lại, nếu không được cung cấp trong tiểu phần (h), Đoạn 17041 của Bộ Luật Thu Nhập và Thuế Vụ, chỉ đối với các năm đánh thuế kể từ và sau ngày 1 tháng Một, 2013.

(C) (i) Để thực hiện các mục đích của tiểu phần (g), Đoạn 19136 của Bộ Luật Thu Nhập và Thuế Vụ, đoạn văn này chỉ được xem là một chương vào the ~~date it becomes effective~~ ngày 6 tháng Mười Một, 2012.

(ii) Để thực hiện các mục đích của Mục 10 (kể từ Đoạn 17001) của, và Mục 10.2 (bắt đầu từ Đoạn 18401) của, và Phần 2 của Bộ Luật Thu Nhập và Thuế Vụ, khung thuế và thuế suất điều chỉnh được lập và áp dụng theo đoạn văn này phải được coi là được lập và áp dụng theo Đoạn 17041 của Bộ Luật Thu Nhập và Thuế Vụ.

(D) Đoạn văn này sẽ không còn có hiệu lực vào ngày 1 tháng Mười Hai, 2019 2031.

(g) (1) Kiểm Soát Viên, với thẩm quyền luật định của mình, có thể tiến hành thanh tra các khoản chi tiêu từ Quỹ Thu Nhập Địa Phương 2011 và bất kỳ khoản chi tiêu nào từ Quỹ Thu Nhập Địa Phương Quận 2011, cũng như

phải thanh tra Tài Khoản Bảo Vệ Giáo Dục để đảm bảo rằng các ngân quỹ trong đó được sử dụng và hạch toán theo nội dung đoạn này.

(2) Bộ Trưởng Tư Pháp hoặc biện lý khu địa phương có thể tiến hành điều tra nhanh và áp dụng hình phạt dân sự hoặc hình sự đối với mọi hành vi lạm dụng tiền từ Quỹ Thu Nhập Địa Phương Quận 2011 hoặc Tài Khoản Bảo Vệ Giáo Dục.

ĐOẠN 5. Xung Đột Dự Luật.

Trong trường hợp dự luật này và dự luật khác cũng tác động đến thuế suất thu nhập cá nhân cùng xuất hiện trên lá phiếu toàn tiểu bang, các điều khoản của (các) dự luật khác sẽ được coi là xung đột với dự luật này. Trong trường hợp dự luật này nhận được số phiếu thuận nhiều hơn dự luật xung đột, các điều khoản của dự luật này sẽ được ưu tiên hoàn toàn và (các) dự luật khác sẽ trở thành vô hiệu và không có tác dụng.

ĐOẠN 6. Hiệu Lực Từng Phần.

Nếu có điều khoản nào của dự luật này, hay một phần trong đó, vì bất cứ lý do gì bị xem là bất hợp lệ hoặc vi hiến, thì những điều khoản còn lại sẽ không bị ảnh hưởng, nhưng vẫn hoàn toàn có tác dụng và hiệu lực, và theo ý nghĩa đó thì những điều khoản của dự luật này có hiệu lực từng phần.

ĐOẠN 7. Ủng Hộ Đề Xuất.

Bất kể các điều khoản khác trong luật, nếu tiểu bang, cơ quan chính phủ hoặc bất kỳ viên chức chính phủ nào không thể biện hộ tính hợp hiến của dự luật này và có được sự phê chuẩn của cử tri, các nhân viên chính phủ, người ủng hộ hoặc người đại diện cho người ủng hộ vắng mặt, bất kỳ công dân nào của tiểu bang này đều có quyền can thiệp vào bất kỳ tòa án nào thách thức tính hợp hiến của dự luật này để biện hộ cho tính hợp hiến của dự luật, cho dù đó là tòa xét xử, tòa kháng nghị hay đánh giá chủ quan của Tối Cao Pháp Viện California hoặc Tối Cao Pháp Viện Hoa Kỳ. Chi phí và lệ phí biện hộ sẽ được trích từ quỹ dành cho Bộ Trưởng Tư Pháp, và sẽ được chi trả kịp thời.

ĐOẠN 8. Ngày Có Hiệu Lực.

Dự luật sẽ có hiệu lực ngay lập tức sau khi thông qua.

DỰ LUẬT 56

Dự luật tiên khởi này được đệ trình với người dân nhằm phù hợp với những điều khoản của Đoạn 8 Điều II của Hiến Pháp California.

Dự luật tiên khởi này bổ sung một đoạn vào Hiến Pháp California và sửa đổi và bổ sung các đoạn vào Bộ Luật Thu Nhập và Thuế Vụ; do đó, các điều khoản hiện tại được đề nghị xóa bỏ sẽ được in dạng *chữ có gạch ngang* và các điều khoản mới được đề nghị bổ sung sẽ được in dạng *chữ in nghiêng* để biểu thị chúng là các điều khoản mới.

LUẬT ĐỀ NGHỊ

Đạo Luật Đánh Thuế Thuốc lá để Chăm sóc Sức Khỏe, Nghiên cứu và Phòng Bệnh California năm 2016

ĐOẠN 1. Kết Luận và Công Bố.

(a) Việc sử dụng thuốc lá là nguyên nhân gây tử vong và bệnh tật chính tại California mà chúng ta hoàn toàn có thể phòng tránh được, đã cướp đi sinh mạng của hơn 40,000 người mỗi năm. Mỗi năm, có hàng nghìn người dân California phải điều trị sức khỏe và răng miệng do việc sử dụng thuốc lá.

(b) Việc điều trị chăm sóc sức khỏe tất cả các loại bệnh như ung thư, tim

mạch và phổi, bệnh răng miệng và các bệnh liên quan đến thuốc lá tiếp tục đặt gánh nặng tài chính lớn lên hệ thống chăm sóc sức khỏe quá tải của California. Việc sử dụng thuốc lá tiêu tốn của người dân California hơn \$13.29 tỷ chi phí chăm sóc sức khỏe mỗi năm, trong đó \$3.5 tỷ được chi trả bởi những người đóng thuế thông qua các chương trình và dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện có để giúp chăm sóc sức khỏe, điều trị và cung cấp dịch vụ cho người dân California. Chi phí tổn thất năng suất lao động do sử dụng thuốc lá tăng lên dự tính là \$10.35 tỷ do các hậu quả của việc hút và sử dụng thuốc lá ảnh hưởng đến kinh tế hàng năm tại California.

(c) Việc tăng thuế thuốc lá là một giải pháp phù hợp nhằm giảm việc sử dụng thuốc lá và giảm các chi phí điều trị chăm sóc sức khỏe và cải thiện các chương trình hiện có nhằm mang lại dịch vụ chăm sóc sức khỏe tốt hơn và tạo cơ hội tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho các gia đình và trẻ em. Việc này cũng sẽ cứu được sinh mạng của nhiều người cũng như tiết kiệm tiền của chính quyền tiểu bang và địa phương trong tương lai.

(d) Việc tăng tài trợ cho các chương trình và dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện có góp phần điều trị tất cả các loại bệnh như ung thư, tim mạch và phổi, bệnh răng miệng và các bệnh và tình trạng liên quan đến thuốc lá sẽ góp phần tăng số lượng các chuyên viên y tế điều trị cho những bệnh nhân bị các bệnh và tình trạng đó. Nguồn ngân quỹ chi cho mục đích này có thể được sử dụng để cân đối các ngân quỹ liên bang, với việc cấp vốn của chính quyền liên bang lên tới 9 đôla cho mỗi đồng đôla được chi tiêu từ ngân quỹ này.

(e) Hầu hết thuốc lá điện tử có chứa nicotin, chất có nguồn gốc từ thuốc lá và là một loại thuốc có khả năng gây nghiện cao. Thuốc lá điện tử hiện tại không bị đánh thuế thuốc lá, điều đó khiến chúng rẻ hơn và thu hút hơn, đặc biệt với những người trẻ tuổi.

(f) Ngày nay có hơn 470 nhãn hiệu thuốc lá điện tử được bán với hơn 7,700 hương vị kể cả các hương vị cocaine, như nhãn hiệu Captain Crunch, kẹo dẻo, kẹo bông, Atomic Fireball, và các loại ngũ cốc hoa quả. Nhóm độ tuổi sử dụng thuốc lá điện tử tăng nhanh nhất là các học sinh trung học cấp hai và trung học phổ thông và theo Trung tâm Kiểm soát và Phòng Bệnh Hoa Kỳ, việc sử dụng thuốc lá điện tử trong các nhóm này đã tăng gấp 3 lần trong giai đoạn 2013-2014.

(g) Nghiên cứu về các nguyên nhân, việc phát hiện sớm và điều trị, chăm sóc, phòng chống và chữa trị có hiệu quả tất cả các loại bệnh như ung thư, tim mạch và phổi, bệnh răng miệng và các bệnh liên quan đến thuốc lá sẽ cứu được sinh mạng của nhiều người cũng như tiết kiệm tiền của chính quyền tiểu bang và địa phương trong tương lai.

(h) Cần phải có nghiên cứu khẩn thiết tại California để phát hiện mới và điều trị có hiệu quả tất cả các loại bệnh như ung thư, tim mạch và phổi, bệnh răng miệng và các bệnh liên quan đến thuốc lá. Nghiên cứu như vậy sẽ góp phần đưa các phát kiến khoa học thành các ứng dụng khám điều trị góp phần làm giảm tỷ lệ mắc và tử vong của các loại bệnh và tình trạng đó.

(i) Việc cấp vốn cho các chương trình phòng bệnh nhằm ngăn chặn các cá nhân, đặc biệt là giới trẻ, tập tành hút thuốc và sử dụng các sản phẩm thuốc lá khác thông qua các chương trình giáo dục sức khỏe và cải thiện sức khỏe sẽ cứu được sinh mạng của nhiều người cũng như tiết kiệm tiền của chính quyền tiểu bang và địa phương trong tương lai.

(j) Chương trình kiểm soát thuốc lá sẽ cho phép các nỗ lực mục tiêu về sức khỏe cộng đồng chống lại các chiến dịch tiếp thị có chủ ý của ngành thuốc

là đối với các nhóm sắc tộc và góp phần giảm tỷ lệ hút thuốc lá và cuối cùng giảm các bệnh như ung thư, tim mạch và phổi, bệnh răng miệng và các bệnh liên quan đến thuốc lá trong các cộng đồng tại California.

(k) Việc tài trợ cho các chương trình thực thi và hành chính nhằm hỗ trợ các nỗ lực của cơ quan thực thi pháp luật trong việc giảm hoạt động bán phi pháp các sản phẩm thuốc lá cho trẻ vị thành niên, buôn lậu thuốc lá và trốn thuế thuốc lá sẽ cứu được sinh mạng của nhiều người cũng như tiết kiệm tiền của chính quyền tiểu bang và địa phương trong tương lai.

(l) California đối mặt với việc thiếu hụt các y sĩ và nha sĩ để đáp ứng các nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng tăng của các cư dân. Kết quả là, việc tiếp cận với dịch vụ chăm sóc cơ bản, chăm sóc và điều trị răng miệng đối với các bệnh liên quan đến thuốc lá, kiểm tra sức khỏe thường xuyên và các nhu cầu chăm sóc sức khỏe cấp thiết khác sẽ bị ảnh hưởng. Những người đóng thuế tại California hỗ trợ giáo dục cho hàng nghìn sinh viên y khoa và nha khoa mỗi năm, nhưng do những hạn chế về số lượng các chương trình về cư trú, nhiều người trong số các y sĩ và nha sĩ bị ép buộc rời khỏi tiểu bang để tiếp tục chương trình đào tạo của họ và khiến cho những bệnh nhân tại California không được tiếp cận với dịch vụ chăm sóc sức khỏe. Việc tài trợ cho các chương trình thực thi và hành chính góp phần giữ chân hàng trăm bác sĩ ở lại California mỗi năm để nâng cao tình trạng sức khỏe của người dân California sẽ cứu được sinh mạng của nhiều người cũng như tiết kiệm tiền của chính quyền tiểu bang và địa phương trong tương lai.

(m) Các nghiên cứu y khoa đã chỉ ra rằng việc hút thuốc lá và sử dụng các sản phẩm thuốc lá khác ảnh hưởng đến sức khỏe răng miệng như gây ra các bệnh về răng, gồm bệnh nướu răng và rụng răng, ung thư miệng và vòm họng và gây mòn răng nghiêm trọng. Hút thuốc gây ra một nửa các trường hợp bệnh nướu răng và làm tăng tình trạng rụng răng. Rủi ro mắc ung thư miệng đối với những người hút thuốc tối thiểu cao hơn gấp 6 lần đối với những người không hút thuốc và 75% tất cả các bệnh ung thư miệng ở Hoa Kỳ có liên quan đến sử dụng thuốc lá. Rủi ro mắc ung thư miệng đối với thuốc không khói tăng gấp 50-lần so với những người không hút thuốc. Có một sự liên đới giữa việc hút thuốc của người mẹ trong thời kỳ mang thai và sự phát triển bệnh sút môi trong bào thai. Việc dừng hút thuốc giảm rủi ro mắc bệnh ung thư miệng và vòm họng xuống 50%. Việc tài trợ cho các chương trình giáo dục, ngăn ngừa và điều trị các bệnh về răng, gồm các bệnh do sử dụng thuốc lá gây ra, sẽ cải thiện đời sống của người dân California cũng như tiết kiệm tiền của chính quyền tiểu bang và địa phương trong tương lai.

(n) Việc tăng giá thuốc lá và các sản phẩm thuốc lá đã được công nhận rộng rãi là biện pháp có hiệu quả nhất nhằm giảm hút thuốc tại California, đặc biệt là người trẻ tuổi. Báo cáo năm 2000 của Bộ trưởng Bộ y tế Hoa Kỳ về việc Giảm Sử dụng Thuốc lá cho thấy việc tăng giá sản phẩm thuốc lá đã giảm thiểu tình trạng sử dụng thuốc lá, đặc biệt ở trẻ em và thanh niên, và rằng việc tăng thuế thuốc lá giúp "cải thiện đáng kể sức khỏe về lâu dài." Dựa trên kết quả nghiên cứu hiện có, báo cáo đã kết luận rằng việc tăng các thuế thuốc lá là một trong những chiến lược ngăn ngừa và kiểm soát thuốc lá có hiệu quả nhất. Việc giảm hút thuốc sẽ cứu được sinh mạng của nhiều người cũng như tiết kiệm tiền của chính quyền tiểu bang và địa phương trong tương lai.

(o) Bởi vì việc tăng thuế thuốc lá sẽ làm giảm tỷ lệ hút thuốc và sử dụng các sản phẩm thuốc lá khác, nhưng cần phải ngăn chặn tình trạng giảm các nguồn thu thuế từ các chương trình hỗ trợ thuế thuốc lá hiện tại.

(p) California hiện chỉ đánh thuế thuốc lá ở mức \$0.87 trên mỗi bao thuốc, và xếp thứ 35 về thuế suất thuốc lá và là một trong những mức thuế suất thuốc lá thấp nhất tại Hoa Kỳ. Tính đến tháng Giêng năm 2016, mức thuế suất bình quân cả nước ở mức \$1.60 trên mỗi bao. 32 tiểu bang có mức thuế suất thuốc lá là \$1 trở lên trên mỗi bao, và California thấp hơn nhiều các tiểu bang ở phía tây khác (Washington: \$3.025; Oregon: \$1.31; Nevada: \$1.80; và Arizona: \$2). California lần cuối cùng tăng thuế thuốc lá năm 1998.

ĐOẠN 2. Mục đích của Đạo luật.

Mục đích của đạo luật này nhằm tăng thuế đối với thuốc lá và các sản phẩm thuốc lá khác, kể cả thuốc lá điện tử, nhằm:

(a) Cứu được sinh mạng của người dân California cũng như tiết kiệm tiền của chính quyền tiểu bang và địa phương trong tương lai bằng cách giảm hút và sử dụng thuốc lá trong cư dân California, mà đặc biệt là giới trẻ.

(b) Cấp ngân quỹ để tăng tài trợ cho các chương trình và dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện có giúp điều trị tất cả các loại bệnh như ung thư, tim mạch và phổi, bệnh răng miệng và các bệnh liên quan đến thuốc lá, tăng số lượng chuyên viên y tế và giảm trợ cấp của liên bang cho các chương trình và dịch vụ đó.

(c) Cấp ngân quỹ để hỗ trợ nghiên cứu về các nguyên nhân của và chữa trị cho tất cả các loại bệnh như ung thư, tim mạch và phổi, bệnh răng miệng và các bệnh liên quan đến thuốc lá, và để đưa các phát kiến khoa học thành các ứng dụng khám điều trị góp phần làm giảm tỷ lệ mắc và tử vong của các loại bệnh và tình trạng đó.

(d) Cấp ngân quỹ để hỗ trợ các chương trình phòng ngừa nhằm ngăn chặn các cá nhân sử dụng thuốc lá và các sản phẩm thuốc lá khác, kể cả thuốc lá điện tử.

(e) Cấp ngân quỹ cho các mục đích thực thi và hành chính nhằm giảm tình trạng buôn lậu thuốc lá, trốn thuế thuốc lá và bán bất hợp pháp các sản phẩm thuốc lá cho trẻ vị thành niên, tài trợ đào tạo y khoa cho các bác sĩ mới để điều trị các bệnh, kể cả các bệnh do sử dụng thuốc lá gây ra, và tài trợ cho các chương trình nhằm ngăn ngừa và điều trị các bệnh về răng, kể cả các bệnh do sử dụng thuốc lá gây ra.

(f) Bảo vệ các chương trình hỗ trợ thuế thuốc lá hiện có mà hiện tại tiết kiệm được hàng triệu đô la chi phí chăm sóc sức khỏe cho người dân California.

(g) Đưa ra báo cáo quyết toán đầy đủ về cách các ngân quỹ đã huy động được chi dùng như thế nào để sửa đổi mục đích của đạo luật này mà không gây ra chế độ quan liêu mới.

ĐOẠN 3. Định nghĩa các Sản phẩm Thuốc lá.

ĐOẠN 3.1. Đoạn 30121 của Bộ Luật Thu Nhập và Thuế Vụ được sửa đổi để diễn đạt:

30121. Vì mục đích của điều này:

(a) "Thuốc lá" có nghĩa tương tự như trong Đoạn 30003, được sửa đổi ngày 1 tháng Giêng năm 1988.

(b) "Sản phẩm thuốc lá" bao gồm, nhưng không giới hạn, tất cả các dạng thuốc lá, thuốc lá hút, thuốc lá nhai, thuốc bột, và bất kỳ loại hàng hóa hoặc sản phẩm nào được làm từ, hoặc có chứa ít nhất 50%, cây thuốc lá một sản phẩm có chứa, được làm, hoặc có nguồn gốc từ cây thuốc lá hoặc nicotin dành cho con người sử dụng, cho dù là được hút, đốt, nhai, hấp thụ, hòa tan, hít vào, hít, ngửi, hoặc nuốt vào dưới bất kỳ hình thức nào khác, bao gồm,

nhưng không giới hạn, điều, điều nhỏ, thuốc lá nhai, thuốc lá ống, hoặc thuốc bột, nhưng không bao gồm cây thuốc lá. Sản phẩm thuốc lá cũng sẽ bao gồm cả thuốc lá điện tử. Sản phẩm thuốc lá sẽ không bao gồm bất kỳ sản phẩm nào đã được Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ phê chuẩn được phép bán dưới dạng một sản phẩm từ bỏ thuốc lá hoặc cho các mục đích chữa bệnh khác nếu sản phẩm đó được tiếp thị và bán chỉ cho mục đích sử dụng đã được phê chuẩn đó. Các sản phẩm thuốc lá không bao gồm bất kỳ sản phẩm thực phẩm nào có ý nghĩa như được định nghĩa theo Đoạn 6359.

(c) "Thuốc lá điện tử" nghĩa là bất kỳ thiết bị hoặc hệ thống truyền nào được bán cùng với nicotin mà có thể được sử dụng để truyền chất nicotin vào người dưới dạng hóa hơi hoặc bay hơi, bao gồm nhưng không giới hạn, thuốc lá điện tử, điều điện tử, ống điện tử, vape pen hoặc shisha điện tử. Thuốc lá điện tử bao gồm bất kỳ thành phần, bộ phận hoặc phụ kiện của thiết bị đó được sử dụng trong khi sử dụng thiết bị khi thiết bị đó được bán cùng với bất kỳ loại nước hay chất nào có chứa nicotin. Thuốc lá điện tử cũng bao gồm bất kỳ loại nước hay chất nào có chứa nicotin, cho dù được bán riêng hay được bán cùng với bất kỳ thiết bị nào mà có thể được sử dụng để truyền chất nicotin vào người dưới dạng hóa hơi hoặc bay hơi. Thuốc lá điện tử không bao gồm bất kỳ thiết bị nào không được bán cùng với bất kỳ loại nước hoặc chất nào có chứa nicotin, hoặc bất kỳ pin, bộ nạp pin, hộp đeo hoặc phụ kiện khác không được sử dụng trong việc vận hành thiết bị nếu được bán riêng. Thuốc lá điện tử sẽ không bao gồm bất kỳ sản phẩm nào đã được Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ phê chuẩn được phép bán dưới dạng một sản phẩm từ bỏ thuốc lá hoặc cho các mục đích chữa bệnh khác nếu sản phẩm đó được tiếp thị và bán chỉ cho mục đích sử dụng đã được phê chuẩn đó. Khi được sử dụng trong tiểu mục này, nicotin không bao gồm bất kỳ sản phẩm thực phẩm nào có ý nghĩa như được định nghĩa theo Đoạn 6359.

(c) (d) "Ngân quỹ" nghĩa là Quỹ Phụ Thu Thuốc Lá và Các Sản Phẩm Thuốc Lá được gây theo Đoạn 30122.

ĐOẠN 3.2. Đoạn 30131.1 của Bộ Luật Thu Nhập và Thuế Vụ được sửa đổi để diễn đạt:

30131.1. Các định nghĩa sau đây được áp dụng vì mục đích của điều này:

(a) "Thuốc lá" có nghĩa tương tự như trong Đoạn 30003, được sửa đổi ngày 1 tháng Giêng năm 1997.

(b) "Sản phẩm thuốc lá" bao gồm, nhưng không giới hạn, tất cả các dạng điều thuốc, thuốc lá hút, thuốc lá nhai, thuốc bột, và bất kỳ loại hàng hóa hoặc sản phẩm nào được làm từ, hoặc có chứa ít nhất 50%, cây thuốc lá, nhưng không bao gồm cây thuốc lá sẽ có ý nghĩa tương tự như trong tiểu mục (b) của Đoạn 30121, đã được sửa đổi theo Đạo luật Đánh thuế Thuốc lá để Chăm sóc Sức khỏe, Nghiên cứu và Phòng bệnh California năm 2016.

ĐOẠN 4. Đạo Luật Đánh thuế Thuốc lá để Chăm sóc Sức Khỏe, Nghiên cứu và Phòng Bệnh California năm 2016.

ĐOẠN 4.1. Điều 2.5 (bắt đầu từ Đoạn 30130.50) được bổ sung vào Chương 2 của Phần 13 của Mục 2 của Bộ Luật Thu Nhập và Thuế Vụ, để diễn đạt:

Điều 2.5. Đạo Luật Đánh thuế Thuốc lá để Chăm sóc Sức Khỏe, Nghiên cứu và Phòng Bệnh California năm 2016

30130.50. Định Nghĩa.

Vì mục đích của điều này:

(a) "Thuốc lá" có ý nghĩa tương tự như trong Đoạn 30003 được sửa đổi ngày 1 tháng Giêng năm 2015.

(b) "Sản phẩm thuốc lá" có ý nghĩa tương tự như trong tiểu mục (b) của Đoạn 30121, đã được sửa đổi theo đạo luật này.

30130.51. Đạo Luật Đánh thuế Thuốc lá để Chăm sóc Sức Khỏe, Nghiên cứu và Phòng Bệnh California về Thuế Phân phối Thuốc lá năm 2016.

(a) Ngoài các loại thuế khác được đánh lên việc phân phối thuốc lá theo phần này, một loại thuế phụ sẽ được đánh lên từng người phân phối thuốc lá với mức thuế là một trăm mill (\$0.100) cho mỗi gói thuốc được phân phối vào ngày hoặc sau ngày đầu tiên của quý đầu tiên tính theo lịch và có hiệu lực hơn 90 ngày sau ngày có hiệu lực của đạo luật này.

(b) Hội đồng sẽ thông qua các quy luật tạo điều kiện cho việc thực thi thuế tương đương đánh lên các loại thuốc điện tử như được quy định trong tiểu mục (c) của Đoạn 30121, và các phương thức để thu thuế. Các quy luật đó sẽ bao gồm việc đánh một loại thuế tương đương lên bất kỳ thiết bị nào dự kiến được sử dụng để truyền chất nicotin hóa hơi hoặc bay hơi vào người bằng việc hít vào từ thiết bị khi được bán riêng hoặc được bán thành món đồ; bất kỳ thành phần, bộ phận hoặc phụ kiện nào của thiết bị đó được sử dụng trong khi vận hành thiết bị, cho dù được bán riêng hay được bán thành món đồ kèm theo thiết bị đó; và bất kỳ loại nước hay chất nào có chứa nicotin, cho dù được bán riêng hay được bán thành món đồ kèm theo thiết bị được dùng để hít. Quy luật đó có thể bao gồm, nhưng không giới hạn, việc xác định xem ai là người phân phối các loại thuốc điện tử đó phù hợp với Đoạn 30011 và các quy định về cấp phép của người đó.

(c) Không một điều khoản nào khác với bất kỳ điều khoản nào của phần này, tất cả thu nhập thu được từ thuế được đánh theo tiểu mục (a) và tất cả thu nhập thu được từ việc tăng thuế tương đương lên các sản phẩm thuốc, kể cả thuốc lá điện tử, được đánh theo tiểu mục (b) của Đoạn 30123, sẽ được chuyển vào Ngân quỹ năm 2016 theo quy định của Đạo Luật Đánh thuế Thuốc lá để Chăm sóc Sức Khỏe, Nghiên cứu và Phòng Bệnh California được gây theo quy định của Đoạn 30130.53.

30130.52. Đạo Luật Đánh thuế Thuốc lá để Chăm sóc Sức Khỏe, Nghiên cứu và Phòng Bệnh California về Thuế Sản Thuốc lá năm 2016.

(a) (1) Ngoài các loại thuế khác, mọi người buôn bán và người bán sỉ, có đặc quyền nắm giữ hoặc tàng trữ thuốc để bán, sử dụng hoặc tiêu thụ, sẽ phải trả thuế tồn kho cho mỗi bao thuốc thuộc sở hữu của mình hoặc thuộc kiểm soát của mình tại tiểu bang này lúc 12:01 sáng vào ngày đầu tiên của quý đầu tiên tính theo lịch và có hiệu lực hơn 90 ngày sau ngày có hiệu lực của đạo luật này với mức thuế là một trăm mill (\$0.100) cho mỗi bao thuốc.

(2) Mọi người buôn bán và người bán sỉ sẽ phải đệ trình hồ sơ hoàn thuế lên hội đồng vào ngày hoặc trước ngày đầu tiên của quý đầu tiên tính theo lịch và có hiệu lực hơn 180 ngày sau ngày có hiệu lực của đạo luật này theo mẫu đơn được hội đồng quy định, trong đó ghi rõ số lượng thuốc lá mình đang sở hữu hoặc thuộc kiểm soát của mình tại tiểu bang này lúc 12:01 sáng vào ngày đầu tiên của quý đầu tiên tính theo lịch và có hiệu lực hơn 90 ngày sau ngày có hiệu lực của đạo luật này. Số tiền thuế sẽ được tính toán và ghi rõ trong hồ sơ hoàn thuế.

(b) (1) Mọi người phân phối thuốc lá có giấy phép, có đặc quyền nắm giữ hoặc tàng trữ thuốc để bán, sử dụng hoặc tiêu thụ, sẽ phải trả thuế điều chỉnh cho mỗi con tem thuế thuốc lá thuốc lá tại California được đánh trên mỗi gói

thuốc và cho mỗi con tem thuế thuốc lá không được đánh tại California thuộc sở hữu hoặc kiểm soát của mình lúc 12:01 sáng vào ngày đầu tiên của quý đầu tiên tính theo lịch và có hiệu lực hơn 90 ngày sau ngày có hiệu lực của đạo luật này với các mức thuế sau đây:

(A) 2 đôla và 50 cent (\$2.50) cho mỗi con tem được biểu thị là "25."

(B) 2 đôla (\$2) cho mỗi con tem được biểu thị là "20."

(C) 1 đôla (\$1) cho mỗi con tem được biểu thị là "10."

(2) Mọi người phân phối thuốc lá có giấy phép sẽ phải đệ trình hồ sơ hoàn thuế lên hội đồng vào ngày hoặc trước ngày đầu tiên của quý đầu tiên tính theo lịch và có hiệu lực 180 ngày sau ngày có hiệu lực của đạo luật này theo mẫu đơn được hội đồng quy định, trong đó ghi rõ số lượng tem được quy định tại các tiểu đoạn (A), (B), và (C) của đoạn (1). Số tiền thuế sẽ được tính toán và ghi rõ trong hồ sơ hoàn thuế.

(c) Các loại thuế phải nộp theo đoạn này là khoản nợ và phải trả vào ngày hoặc trước ngày đầu tiên của quý đầu tiên tính theo lịch và có hiệu lực 180 ngày sau ngày có hiệu lực của đạo luật này. Sẽ phải thực hiện thanh toán các khoản phải trả cho hội đồng và sẽ phải kèm theo hồ sơ hoàn thuế và các mẫu đơn bắt buộc phải nộp theo quy định của đoạn này.

(d) Bất kỳ số tiền phải nộp nào theo mục này được trả không đúng hạn sẽ phải chịu lãi suất theo mức quy định và theo phương pháp được quy định phù hợp với Đoạn 30202 tính từ ngày đầu tiên của quý đầu tiên tính theo lịch và có hiệu lực 180 ngày sau ngày có hiệu lực của đạo luật này cho tới khi đã trả, và sẽ bị chi phối theo quyết định và quyết định lại và các khoản phạt được quy định phù hợp với các quyết định và quyết định lại.

30130.53. Đạo Luật Đánh Thuế Thuốc lá để Chăm sóc Sức Khỏe, Nghiên cứu và Phòng Bệnh California về Ngân quỹ năm 2016.

(a) Đạo Luật Đánh Thuế Thuốc lá để Chăm sóc Sức Khỏe, Nghiên cứu và Phòng Bệnh California về Ngân quỹ năm 2016 được lập tại Bộ tài chính Tiểu bang.

(b) Tất cả thu nhập thuế được đánh theo điều này, trừ đi số tiền hoàn thuế được quy định theo Điều 1 (bắt đầu từ Đoạn 30361) của Chương 6, sẽ được chuyển vào Ngân quỹ năm 2016 theo quy định của Đạo Luật Đánh Thuế Thuốc lá để Chăm sóc Sức Khỏe, Nghiên cứu và Phòng Bệnh California.

(c) Ngoại trừ luật pháp có quy định khác, Ngân quỹ năm 2016 theo quy định của Đạo Luật Đánh Thuế Thuốc lá để Chăm sóc Sức Khỏe, Nghiên cứu và Phòng Bệnh California là một quỹ ủy thác được lập để thực hiện các mục đích của đạo luật này và tất cả thu nhập thuế được gửi vào Ngân quỹ năm 2016 theo quy định của Đạo Luật Đánh Thuế Thuốc lá để Chăm sóc Sức Khỏe, Nghiên cứu và Phòng Bệnh California, cộng với tiền lãi thu được từ quỹ, sẽ tiếp tục được phân bổ cho các mục đích của đạo luật này mà không cần tính đến năm tài khóa và chỉ được chi dùng phù hợp với các điều khoản của đạo luật này và mục đích của đạo luật.

(d) Ngoại trừ luật pháp có quy định khác, thu nhập thuế được gửi vào Ngân quỹ năm 2016 theo quy định của Đạo Luật Đánh Thuế Thuốc lá để Chăm sóc Sức Khỏe, Nghiên cứu và Phòng Bệnh California, kể cả tiền lãi thu được từ quỹ, sẽ chỉ được sử dụng cho các mục đích cụ thể được quy định trong đạo luật này, và sẽ chỉ được phân bổ và chi dùng cho các mục đích được nêu trong đạo luật này và sẽ không được phân bổ, thu hồi hoặc chuyển giao theo quy định của Lập pháp, Thống đốc, Giám đốc Tài chính hoặc Kiểm soát viên cho bất kỳ mục đích nào khác với những mục đích được quy định trong đạo luật này, các khoản thu

nhập thuế đó sẽ không được cho Quỹ Thường hoặc các quỹ khác của tiểu bang hoặc quỹ của chính quyền địa phương vay.

30130.54. Đạo Luật Đánh Thuế Thuốc lá để Chăm sóc Sức Khỏe, Nghiên cứu và Phòng Bệnh California về Hiệu quả Tiêu thụ Thuốc lá và Thu nhập Thuế năm 2016.

(a) Trong vòng 1 năm kể từ ngày có hiệu lực của đạo luật này và hàng năm các năm sau đó, hội đồng sẽ xác định hiệu quả của các khoản thuế phụ được đánh lên thuốc lá theo quy định của điều này và tăng thuế đối với các sản phẩm thuốc lá được quy định theo tiểu mục (b) của Đoạn 30123, nếu có dựa trên việc tiêu thụ thuốc lá và các sản phẩm thuốc lá tại tiểu bang này. Trong chừng mực nào đó, việc giảm tiêu thụ được hội đồng xác định là do kết quả trực tiếp của khoản thuế phụ được đánh lên thuốc lá theo quy định của điều này và tăng thuế đối với các sản phẩm thuốc lá được quy định theo tiểu mục (b) của Đoạn 30123, hội đồng sẽ quyết định tác động tài khóa của việc giảm tiêu thụ thuốc lá dựa trên Quỹ Phụ Thu Thuế Lá và Các Sản Phẩm Thuốc Lá được gây theo Đoạn 30122 (Dự luật 99 đã được các cử tri thông qua ngày 8 tháng Mười Một năm 1988, trong cuộc tổng tuyển cử toàn tiểu bang), Quỹ Phòng chống Ung thư Vú được gây theo Đoạn 30461.6, và Tín Quỹ Ưu Tiên Cho Trẻ Em và Gia Đình California được gây theo Đoạn 30131 (Dự luật 10 đã được các cử tri thông qua ngày 3 tháng Mười Một năm 1998, trong cuộc tổng tuyển cử toàn tiểu bang), và thu nhập thuế thu được theo quy định của Đoạn 30101.

(b) Kiểm soát viên sẽ chuyển từ Ngân quỹ năm 2016 của Đạo Luật Đánh Thuế Thuốc lá để Chăm sóc Sức Khỏe, Nghiên cứu và Phòng Bệnh California sang các quỹ bị ảnh hưởng được quy định trong tiểu mục (a) số tiền cần thiết để bù đắp cho số tiền thu nhập thuế bị giảm do việc áp đặt các khoản thuế phụ theo điều này.

(c) Trong vòng 1 năm kể từ ngày có hiệu lực của đạo luật này và hàng năm các năm sau đó, hội đồng sẽ xác định hiệu quả, nếu có, mà các khoản thuế phụ được đánh lên thuốc lá theo quy định của điều này và tăng thuế đối với các sản phẩm thuốc lá được quy định theo tiểu mục (b) của Đoạn 30123, nếu có dựa trên việc tiêu thụ thuốc lá và các sản phẩm thuốc lá tại tiểu bang này, kể cả thu nhập từ việc bán phi pháp thuốc lá và các sản phẩm thuốc lá. Trong chừng mực nào đó, nếu chính quyền tiểu bang hoặc địa phương bị tổn thất các nguồn thu nhập thuế từ việc bán và sử dụng thuốc và tổn thất đó được hội đồng xác định là do kết quả trực tiếp của khoản thuế phụ được đánh lên thuốc lá theo quy định của điều này và tăng thuế đối với các sản phẩm thuốc lá được quy định theo tiểu mục (b) của Đoạn 30123, kể cả thu nhập từ việc bán phi pháp thuốc lá và các sản phẩm thuốc lá, thì hội đồng sẽ xác định tác động tài khóa đối với chính quyền tiểu bang và địa phương về các khoản nhập thuế từ việc bán và sử dụng thuốc lá.

(d) Kiểm soát viên sẽ chuyển từ Ngân quỹ năm 2016 của Đạo Luật Đánh Thuế Thuốc lá để Chăm sóc Sức Khỏe, Nghiên cứu và Phòng Bệnh California sang quỹ tổng quát của tiểu bang và các quỹ của chính quyền địa phương bị ảnh hưởng được quy định trong tiểu mục (c) số tiền cần thiết để bù đắp cho số tiền thu nhập thuế bị giảm do việc áp đặt các khoản thuế phụ theo điều này, kể cả thu nhập từ việc bán phi pháp thuốc lá và các sản phẩm thuốc lá.

(e) Kiểm soát viên sẽ thực hiện chuyển giao quỹ theo quy định của đoạn này vào thời điểm mà Kiểm soát viên xác định thấy cần thiết phù hợp với mục đích của đoạn này.

30130.55. Đạo Luật Đánh Thuế Thuốc lá để Chăm sóc Sức Khỏe, Nghiên cứu và Phòng Bệnh California về Phân phối Thu nhập năm 2016.

Sau khi trừ và chuyển giao các quỹ cần thiết chiếu theo quy định của Đoạn 30130.54 và các tiểu mục (a), (b), (c), (d), và (e) của Đoạn 30130.57, hàng năm, Kiểm soát viên sẽ phân bổ và chuyển giao các ngân quỹ còn lại vào Ngân quỹ năm 2016 của Đạo Luật Đánh Thuế Thuốc lá để Chăm sóc Sức Khỏe, Nghiên cứu và Phòng Bệnh California như sau:

(a) Tám mươi hai phần trăm sẽ được chuyển đến Quỹ Điều Trị Chăm Sóc Y Tế, được tạo ra trong dự luật này, và sẽ được Bộ Dịch Vụ Chăm Sóc Y Tế Tiểu Bang sử dụng để tăng tài trợ cho các chương trình chăm sóc y tế hiện hữu và các dịch vụ đã được mô tả trong Chương 7 (bắt đầu với Đoạn 14000) đến Chương 8.9 (bắt đầu với Đoạn 14700), bao gồm, Mục 3 Phần 9 của Bộ Luật An Sinh và Định Chế, bao gồm những chương trình cung cấp dịch vụ chăm sóc y tế, điều trị, và các dịch vụ cho người dân California bị các bệnh và tình trạng liên quan thuốc lá, bằng cách cung cấp các khoản chi trả đã cải thiện, cho tất cả các dịch vụ chăm sóc y tế, điều trị, và dịch vụ được mô tả trong Chương 7 (bắt đầu với Đoạn 14000) đến Chương 8.9 (bắt đầu với Đoạn 14700), bao gồm, Mục 3 Phần 9 Bộ Luật An Sinh và Định Chế. Trong phạm vi có thể xét đến các hạn chế tài trợ chiếu theo điều luật này, các khoản chi trả và hỗ trợ cho phần chi trả phi liên bang cho chăm sóc y tế, các dịch vụ, và việc điều trị sẽ được gia tăng dựa vào các tiêu chuẩn đã được phát triển và cập nhật định kỳ như một phần của tiến trình ngân sách tiểu bang hàng năm, với điều kiện là những ngân quỹ này sẽ không được sử dụng để thay thế các quỹ tổng quát tiểu bang hiện hữu cho cùng những mục đích này. Những tiêu chuẩn này sẽ bao gồm, những không giới hạn trong, bảo đảm tiếp cận dịch vụ nhanh chóng, hạn chế sự thiếu hụt dịch vụ ở khu vực địa lý đặc thù, hoặc bảo đảm dịch vụ có phẩm chất tốt. Phù hợp với luật pháp liên bang, tài trợ này sẽ được sử dụng để thu hút ngân quỹ liên bang. Tài trợ này sẽ được chỉ được sử dụng cho sự chăm sóc được cung cấp bởi các chuyên viên chăm sóc y tế, các phòng khám bệnh, cơ sở chăm sóc y tế được cấp phép chiếu theo Đoạn 1250 của Bộ Luật Sức Khỏe Và An Toàn, và cho các kế hoạch y tế có hợp đồng với Bộ Dịch Vụ Chăm Sóc Y Tế Tiểu Bang để cung cấp các quyền lợi y tế chiếu theo đoạn này. Tài trợ có thể được sử dụng cho phần chi trả phi liên bang từ các thực thể chính quyền khi thích hợp. Sở, bộ, ban sẽ, nếu được yêu cầu, tìm sự phê chuẩn cần thiết của liên bang cho việc thực thi đoạn này.

(b) Mười ba phần trăm sẽ được sử dụng cho mục đích tài trợ các chương trình ngăn ngừa và kiểm soát thuốc lá toàn diện, với điều kiện là những ngân quỹ này không được sử dụng để thay thế cho các ngân quỹ tiểu bang hoặc địa phương hiện hữu cho cùng các mục đích này. Những ngân quỹ này sẽ được phân chia theo cách sau đây:

(1) Tám mươi lăm phần trăm cho Chương Trình Kiểm Soát Thuốc Lá Thuộc Bộ Y Tế Công Cộng Tiểu Bang sẽ được dùng cho các chương trình kiểm soát thuốc lá được mô tả ở phần đầu Đoạn 104375 của Bộ Luật Sức Khỏe và An Toàn. Bộ Y Tế Công Cộng Tiểu Bang sẽ trao ngân quỹ cho các cơ quan, bộ lạc, các trường đại học và cao đẳng, các tổ chức cộng đồng của địa phương và tiểu bang và các cơ quan đủ điều kiện khác để thực thi, đánh giá, và phổ biến các hoạt động khuyến khích y tế thực chứng và truyền thông y tế nhằm để giám sát, đánh giá, và giảm bớt sự sử dụng thuốc lá và nicotine, tỷ lệ bệnh liên quan thuốc lá, và những cách biệt về chăm sóc sức khỏe liên quan thuốc lá, và phát triển một cơ sở bằng chứng vững vàng về lập chương trình ngăn ngừa hiệu quả với không dưới 15 phần trăm các hoạt động khuyến khích y tế, truyền thông y tế, và các ngân quỹ dành cho việc đánh giá và giám sát sử dụng thuốc lá đang được cấp để tăng tốc và giám sát tỷ lệ giảm những cách biệt về chăm sóc liên quan thuốc lá với mục tiêu loại bỏ những cách biệt về chăm sóc liên quan thuốc lá.

(2) Mười lăm phần trăm cho Bộ Giáo Dục Tiểu Bang để dùng cho các chương

trình trường học nhằm ngăn ngừa và giảm việc sử dụng các sản phẩm thuốc lá và nicotine ở người trẻ tuổi như mô tả trong Đoạn 104420 Bộ Luật Sức Khỏe và An Toàn với không dưới 15 phần trăm những ngân quỹ này được cấp để tăng tốc và giám sát tỷ lệ giảm những cách biệt về chăm sóc liên quan thuốc lá cho mục đích loại bỏ những cách biệt về chăm sóc liên quan thuốc lá.

(c) Năm phần trăm cho Trường Đại Học California cho việc nghiên cứu y khoa về các bệnh ung thư, tim mạch và phổi liên quan thuốc lá chiếu theo Điều 2 (bắt đầu với Đoạn 104500) của Chương 1 của Mục 3 Phần 103 Bộ Luật Sức Khỏe và An Toàn để hỗ trợ cho Chương Trình Nghiên Cứu Y Khoa Phụ Thu Thuế Thuốc Lá và Các Sản Phẩm Thuốc Lá, với điều kiện là những ngân quỹ này sẽ được dùng theo những điều kiện sau đây:

(1) Các ngân quỹ sẽ được dùng cho các khoản trợ cấp và các hợp đồng cho nghiên cứu y khoa căn bản, áp dụng, và biên dịch ở California về việc ngăn ngừa, phát hiện sớm, điều trị, điều trị bổ sung, và tìm cách chữa trị tiềm năng cho tất cả các loại bệnh ung thư, tim mạch và phổi, bệnh đường miệng, và các bệnh liên quan thuốc lá. Mặc dù có bất cứ điều khoản luật nào khác, Đại Học California, thông qua Chương Trình Nghiên Cứu Bệnh Liên Quan Thuốc Lá, sẽ có thẩm quyền chi tiêu các ngân quỹ đã nhận chiếu theo đạo luật này cho các mục đích đã nêu ra trong tiểu phần này.

(2) Bất cứ tài trợ và hợp đồng nào được cấp sẽ được cấp bằng cách dùng hạ tầng cơ sở chương trình nghiên cứu y khoa hiện hữu và dựa trên cơ sở thành tựu khoa học được xác định bởi một tiến trình bình duyệt cạnh tranh công khai bảo đảm sự khách quan, phù hợp và phẩm chất cao.

(3) Các cá nhân hoặc thực thể nhận được tài trợ và hợp đồng chiếu theo tiểu phần này phải sinh sống hoặc có cơ sở hoàn toàn trong phạm vi California.

(4) Nghiên cứu phải được thực hiện hoàn toàn trong phạm vi California.

(5) Không được dùng ngân quỹ này để thay cho ngân quỹ hiện hữu của tiểu bang hoặc địa phương sử dụng cho cùng những mục đích này.

30130.56. Thanh Tra Độc Lập Và Tiết Lộ.

Để cung cấp trách nhiệm hoàn toàn công khai về việc sử dụng ngân quỹ từ Đạo Luật Thuế Thuốc Lá Cho Chăm Sóc Y Tế, Nghiên Cứu và Ngăn Ngừa Của California 2016, và để bảo đảm tuân hành đầy đủ Đạo Luật Thuế Thuốc Lá Cho Chăm Sóc Y Tế, Nghiên Cứu và Ngăn Ngừa Của California 2016:

(a) Thanh Tra Viên Của Tiểu Bang California không đảng phái chính trị sẽ tiến hành cuộc thanh tra tài chánh độc lập ít nhất hai năm một lần về các cơ quan tiểu bang và địa phương nhận ngân quỹ chiếu theo Đạo Luật Thuế Thuốc Lá Cho Chăm Sóc Y Tế, Nghiên Cứu và Ngăn Ngừa của California 2016. Cuộc thanh tra được tiến hành chiếu theo đoạn này sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn trong, sự duyệt xét các phí tổn điều hành của các cơ quan tiểu bang có nhiệm vụ điều hành ngân quỹ đó.

(b) Căn cứ vào cuộc thanh tra độc lập, Thanh Tra Viên của Tiểu Bang California không đảng phái sẽ chuẩn bị một báo cáo chi tiết việc duyệt xét và bao gồm bất cứ đề nghị để cải thiện nào. Những báo cáo này sẽ được công bố cho công chúng.

(c) Mỗi cơ quan và sở, bộ, ban của tiểu bang nhận được những ngân quỹ này chiếu theo đạo luật này sẽ, trên cơ sở hàng năm, công bố trên Web site Internet tương ứng của cơ quan đó một bản báo cáo kế toán về khoản tiền đã nhận được từ Ngân Quỹ Đạo Luật Thuế Thuốc Lá Cho Chăm Sóc Y Tế, Nghiên Cứu và Ngăn Ngừa của California 2016 và cách đã chi tiêu số tiền đó. Báo cáo kế toán hàng năm cũng sẽ được niêm yết trên bất cứ điểm phát truyền thông xã hội nào mà

cơ quan hoặc sở/bộ, ban tiểu bang đó thấy thích hợp.

(d) Việc sử dụng các ngân quỹ mà Bộ Dịch Vụ Chăm Sóc Y Tế Tiểu Bang đã nhận được chiếu theo tiểu phần (a) của Đoạn 30130.55 sẽ phụ thuộc vào cùng các hạn chế, bao gồm, nhưng không giới hạn trong, các cuộc thanh tra và ngăn ngừa gian lận, do luật pháp hiện hành áp đặt.

(e) Việc sử dụng những ngân quỹ mà Bộ Y Tế Công Cộng Tiểu Bang, Bộ Giáo Dục Tiểu Bang, và Trường Đại Học California nhận được chiếu theo tiểu phần (b) và (c) của Đoạn 30130.55 sẽ phụ thuộc vào sự giám sát của Ủy Ban Giám Sát Nghiên Cứu Và Giáo Dục Về Thuốc Lá chiếu theo Đoạn 104365 và 104370 của Bộ Luật Sức Khỏe và An Toàn.

30130.57. Thực Thi và Các Phí Tồn Điều Hành.

(a) Các khoản tiền từ Đạo Luật Thuế Thuốc Lá Cho Chăm Sóc Y Tế, Nghiên Cứu và Ngăn Ngừa của California 2016 sẽ được sử dụng để bồi hoàn các chi phí cho hội đồng được tạo ra trong quá trình điều hành, tính toán, và thu thuế đã được áp đặt bởi điều luật này và cho các chi phí đã tạo ra trong quá trình tính toán và phân phối các ngân quỹ và trong công bố các quy định theo quy định của đạo luật này, tuy nhiên với điều kiện là, sau khi trừ đi các ngân quỹ cần thiết chiếu theo tiểu phần (b) của Đoạn 30130.54, không quá 5 phần trăm các ngân quỹ hàng năm còn lại trong Ngân Quỹ Đạo Luật Thuế Thuốc Lá Cho Chăm Sóc Y Tế, Nghiên Cứu và Ngăn Ngừa của California 2016 sẽ được sử dụng cho các phí tồn điều hành đó.

(b) Các khoản tiền từ Ngân Quỹ Đạo Luật Thuế Thuốc Lá Cho Chăm Sóc Y Tế, Nghiên Cứu và Ngăn Ngừa của California 2016 sẽ được sử dụng để bồi hoàn cho Thanh Tra Viên Của Tiểu Bang California độc lập không đảng phái lên tới bốn trăm ngàn mỹ kim (\$400,000) hàng năm cho các chi phí thật sự được tạo ra để tiến hành mỗi cuộc thanh tra đó theo đòi hỏi của Đoạn 30130.56 cho mục đích tạo sự minh bạch trước công chúng và bảo đảm rằng các thu nhập tạo ra bởi điều luật này được sử dụng cho chăm sóc y tế, ngăn ngừa và nghiên cứu về việc sử dụng thuốc lá.

(c) Các khoản tiền từ Ngân Quỹ Đạo Luật Thuế Thuốc Lá Cho Chăm Sóc Y Tế, Nghiên Cứu và Ngăn Ngừa của California 2016 có giá trị bốn mươi triệu mỹ kim (\$40,000,000) hàng năm sẽ được sử dụng để cấp tài trợ cho Trường Đại Học California cho mục đích và mục tiêu tăng số lượng các bác sĩ chăm sóc chính và bác sĩ cấp cứu được đào tạo tại California. Mục tiêu này sẽ đạt được nhờ việc cung cấp tài trợ này cho Trường Đại Học California để duy trì, lưu giữ, và mở rộng các chương trình giáo dục y khoa đại học để đạt được mục tiêu tăng số lượng các bác sĩ chăm sóc chính và bác sĩ cấp cứu tại Tiểu Bang California căn cứ vào các nhu cầu và ưu tiên rõ rệt của lực lượng lao động.

(1) Cho các mục đích của tiểu phần này, "chăm sóc chính" nghĩa là chăm sóc y tế nội khoa, y tế gia đình, sản khoa/phụ khoa, và nhi khoa.

(2) Sẽ ưu tiên tài trợ cho các chi phí trực tiếp cho giáo dục y khoa đại học cho các chương trình phục vụ các khu vực và nhóm dân thiểu số chăm sóc y tế.

(3) Cho các mục đích của tiểu phần này, tất cả các chương trình bác sĩ nội trú ngành y khoa đối chứng và ngành y khoa xoa nắn xương được chứng nhận bởi các tổ chức chứng nhận được liên bang công nhận và tọa lạc ở California sẽ hội đủ điều kiện để nộp đơn xin nhận tài trợ để hỗ trợ chương trình giáo dục bác sĩ nội trú tại California.

(4) Trường Đại Học California hàng năm sẽ duyệt xét tình trạng thiếu bác sĩ theo chuyên ngành khắp tiểu bang và theo vùng. Căn cứ vào sự duyệt xét này, trong phạm vi có sự thiếu hụt rõ rệt các bác sĩ không phải chăm sóc chính của

tiểu bang và vùng, các ngân quỹ có thể được sử dụng để mở rộng các chương trình giáo dục y khoa đại học nhằm để giải quyết những thiếu hụt đó.

(d) Các khoản tiền từ Ngân Quỹ Đạo Luật Thuế Thuốc Lá Cho Chăm Sóc Y Tế, Nghiên Cứu và Ngăn Ngừa của California 2016 có giá trị ba mươi triệu mỹ kim (\$30,000,000) hàng năm sẽ được sử dụng để cấp tài trợ cho chương trình nha khoa tiểu bang của Bộ Y Tế Công Cộng Tiểu Bang cho mục đích và mục tiêu giáo dục, ngăn ngừa và điều trị bệnh nha khoa, bao gồm bệnh nha khoa gây ra bởi việc sử dụng thuốc lá và các sản phẩm thuốc lá khác. Mục tiêu này sẽ đã được nhờ chương trình cấp tài trợ này cho các hoạt động hỗ trợ kế hoạch nha khoa tiểu bang căn cứ vào các nhu cầu sức khỏe nha khoa rõ rệt, ưu tiên phục vụ cho các khu vực và nhóm dân thiểu số chăm sóc y tế. Các hoạt động của chương trình được tài trợ sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn trong các hoạt động sau đây: giáo dục, ngăn ngừa bệnh tật, điều trị bệnh, giám sát, và quản lý ca bệnh.

Sở/bộ, ban sẽ có thẩm quyền rộng để hoàn toàn thực thi và thực hiện các mục đích của tiểu phần này, bao gồm việc xác định các cộng đồng được phục vụ chưa đầy đủ, sự phát triển các đề cương chương trình, thẩm quyền bồi hoàn các dịch vụ được tiểu bang bảo trợ liên quan đến chương trình, và thẩm quyền để ký kết hợp đồng với một hoặc nhiều cá nhân hoặc các thực thể công cộng hoặc tư nhân để cung cấp các hoạt động chương trình.

(e) Các khoản tiền từ Ngân Quỹ Đạo Luật Thuế Thuốc Lá Cho Chăm Sóc Y Tế, Nghiên Cứu và Ngăn Ngừa của California 2016 với giá trị bốn mươi tám triệu mỹ kim (\$48,000,000) hàng năm sẽ được sử dụng cho mục đích tài trợ các nỗ lực thi hành luật pháp để giảm việc buôn bán phi pháp các sản phẩm thuốc lá, nhất là việc buôn bán phi pháp cho trẻ vị thành niên; để giảm việc buôn lậu thuốc lá, trốn thuế thuốc lá, việc buôn bán các sản phẩm thuốc lá mà không có giấy phép; để củng cố luật liên quan thuốc lá, các phán xét của tòa án, và các dàn xếp pháp lý; và để tiến hành huấn luyện việc thi hành luật pháp và các hoạt động trợ giúp kỹ thuật cho các đạo luật liên quan thuốc lá; với điều kiện là những ngân quỹ này không được sử dụng để thay thế các ngân quỹ tiểu bang hoặc địa phương hiện hữu cho cùng các mục đích này. Những ngân quỹ này sẽ được phân chia theo cách sau đây:

(1) Ba mươi triệu mỹ kim (\$30,000,000) hàng năm cho Bộ Tư Pháp/Văn Phòng Bộ Trưởng Tư Pháp California để phân bổ cho các cơ quan công lực địa phương để hỗ trợ và tuyển các cảnh sát viên công lực tiền tuyến cho các chương trình, bao gồm, nhưng không giới hạn trong việc thi hành luật pháp tiểu bang và địa phương liên quan đến việc buôn bán phi pháp và tiếp thị thuốc lá đến trẻ vị thành niên, và tăng các hoạt động điều tra và kiểm tra việc tuân hành để giảm việc buôn bán phi pháp thuốc lá và các sản phẩm thuốc lá cho trẻ vị thành niên và thanh niên.

(2) Sáu triệu mỹ kim (\$6,000,000) hàng năm cho hội đồng dùng để thi hành các luật quản lý việc phân phối và bán lẻ thuốc lá và các sản phẩm thuốc lá khác, chẳng hạn như các luật ngăn cấm buôn lậu thuốc lá và sản phẩm thuốc lá, làm hàng giả, bán thuốc lá và các sản phẩm thuốc lá khác không đóng thuế, và bán thuốc lá và các sản phẩm thuốc lá khác mà không có giấy phép hợp pháp.

(3) Sáu triệu mỹ kim (\$6,000,000) hàng năm cho Bộ Y Tế Công Cộng California dùng để hỗ trợ các chương trình, bao gồm, nhưng không giới hạn trong việc cấp các trợ cấp và hợp đồng cho các cơ quan thi hành luật pháp địa phương để cung cấp việc huấn luyện và tài trợ cho việc thi hành các luật tiểu bang và địa phương liên quan đến việc buôn bán phi pháp thuốc lá cho trẻ vị thành niên, tăng các hoạt động điều tra, và kiểm tra sự tuân hành, và các hoạt động thích

hợp khác để giảm việc buôn bán phi pháp các sản phẩm thuốc lá cho trẻ vị thành niên, bao gồm, nhưng không giới hạn ở Đạo Luật Thi Hành Nỗ Lực Ngăn Bán Thuốc Lá Cho Trẻ Em (Stop Tobacco Access to Kids Enforcement-STAKE), chiếu theo Đoạn 22952 của Bộ Luật Kinh Doanh và Nghề Nghiệp.

(4) Sáu triệu mỹ kim (\$6,000,000) hàng năm cho Bộ Trưởng Tư Pháp California dùng cho các hoạt động, bao gồm, nhưng không giới hạn ở việc thi hành các luật quản lý việc phân phối và buôn bán thuốc lá và các sản phẩm thuốc lá khác, như các luật ngăn cấm việc buôn lậu thuốc lá, làm hàng giả, bán thuốc lá không đóng thuế, bán thuốc lá mà không có giấy phép hợp pháp và bán thuốc lá cho trẻ vị thành niên, và thi hành các luật liên quan thuốc lá, các phán xét của tòa án và dàn xếp pháp lý.

(f) Không nhiều hơn 5 phần trăm các ngân quỹ đã nhận chiếu theo điều luật này sẽ được sử dụng cho các phí tổn điều hành bởi bất cứ cơ quan hoặc sở, bộ, ban tiểu bang hoặc địa phương nào nhận những ngân quỹ đó.

(g) Thanh Tra Viên Tiểu Bang California sẽ công bố các quy định chiếu theo các điều khoản ấn định điều luật của Đạo Luật Thủ Tục Hành Chánh (Chương 3.5 (bắt đầu với Đoạn 11340) của Mục 1 Phần 3 Tựa đề 2 của Bộ Luật Chính Quyền) để xác định các phí tổn điều hành cho các mục đích của điều luật này. Những quy định đó sẽ cân nhắc tính chất khác biệt của các cơ quan hoặc sở, bộ, ban nhận các ngân quỹ.

(h) Hội đồng sẽ xác định hai năm đầu sau ngày có hiệu lực của đạo luật này, và hàng năm sau đó, bất cứ sự sụt giảm thu nhập nào, sau năm đầu tiên sau ngày có hiệu lực của đạo luật này, phát sinh từ việc giảm tiêu thụ thuốc lá và các sản phẩm từ thuốc lá do các loại thuế bổ sung được áp đặt lên thuốc lá bởi điều luật này, và sự tăng thuế đối với các sản phẩm thuốc lá được quy định bởi tiểu phần (b) của Đoạn 30123. Nếu hội đồng xác định rằng có sự sụt giảm thu nhập, lượng ngân quỹ được phân bổ chiếu theo các tiểu phần (c), (d) và (e) sẽ được giảm bớt theo tỷ lệ tương ứng.

30130.58. Tham Khảo Pháp Quy.

Trừ phi được quy định khác, tất cả các tham khảo trong đạo luật này để cập đến các đạo luật khi các tham khảo đã tồn tại từ ngày 1 tháng Một, 2016.

ĐOẠN 5. Các Tu Chính Tuân Hành theo Bộ Luật Thu Nhập và Thuế Vụ.

ĐOẠN 5.1. Đoạn 30014 của Bộ Luật Thu Nhập và Thuế Vụ được tu chính có nội dung:

30014. (a) "Người vận chuyển" nghĩa là bất cứ ai vận chuyển vào hoặc trong phạm vi tiểu bang bất cứ hàng hóa nào sau đây:

(1) Thuốc lá không được chứa trong các gói có dán tem hoặc đóng dấu thuế thuốc lá California.

(2) Các sản phẩm thuốc lá mà chưa đóng phụ thu thuế sản phẩm thuốc lá được áp đặt bởi Điều 2 (bắt đầu với Đoạn 30121), Điều 2.5 (bắt đầu với Đoạn 30130.50), và Điều 3 (bắt đầu với Đoạn 30131) của Chương 2.

(b) "Người vận chuyển" sẽ không bao gồm bất cứ ai trong những đối tượng sau đây:

(1) Nhà phân phối có giấy phép.

(2) Người chuyên chở thông thường.

(3) Một người vận chuyển thuốc lá và các sản phẩm thuốc lá dưới sự kiểm soát của công khổ phiếu thuế vụ liên bang hoặc hải quan mà không đóng thuế chiếu theo Chương 52 của Đạo Luật Thuế Vụ 1954 đã tu chính.

ĐOẠN 5.2. Đoạn 30104 của Bộ Luật Thu Nhập và Thuế Vụ được tu chính có nội dung:

30104. Các thuế được áp đặt bởi mục này sẽ không áp dụng cho việc bán thuốc lá và các sản phẩm thuốc lá bởi một nhà phân phối cho một người chuyên chở thông thường tham gia vào dịch vụ vận chuyển hàng liên tiểu bang hoặc ngoại quốc hoặc đến một người được ủy quyền bán thuốc lá hoặc các sản phẩm thuốc lá tại các cơ sở của người chuyên chở. Bất cứ khi nào thuốc lá hoặc các sản phẩm thuốc lá được nhà phân phối bán cho những người chuyên chở thông thường có tham gia vào dịch vụ chuyển hàng liên tiểu bang hoặc ngoại quốc để sử dụng hoặc buôn bán tại các cơ sở của người chuyên chở, hoặc cho những người được ủy quyền bán thuốc lá hoặc các sản phẩm thuốc lá tại các cơ sở của người chuyên chở, loại thuế được áp đặt bởi các Đoạn 30101, 30123, và 30131.2 chiếu theo mục này sẽ không bị đánh thuế lên người chuyên chở hoặc lên những người được ủy quyền bán thuốc lá hoặc các sản phẩm thuốc lá tại các cơ sở của người chuyên chở, vì trường hợp này có thể, cho đặc quyền buôn bán ở California với cùng mức thuế suất đã quy định trong các Đoạn 30101, 30123, và 30131.2: chiếu theo mục này. Những người chuyên chở thông thường và những người được ủy quyền sẽ đóng thuế được áp đặt bởi đoạn này và nộp báo cáo lên hội đồng, theo quy định trong Đoạn 30186.

ĐOẠN 5.3. Đoạn 30108 của Bộ Luật Thu Nhập và Thuế Vụ được tu chính có nội dung:

30108. (a) Mỗi nhà phân phối tham gia vào việc kinh doanh tại tiểu bang này và bán hoặc nhận các đơn đặt hàng thuốc lá hoặc các sản phẩm thuốc lá mà sự áp đặt thuế bởi Đoạn 30101, 30123, và 30131.2 chiếu theo mục này đối với việc bán các sản phẩm đó là không thể áp dụng thì, vào thời điểm bán hoặc nhận đơn đặt hàng hoặc, nếu người mua không có nghĩa vụ đóng thuế đối với việc họ phân phối thuốc lá hoặc các sản phẩm thuốc lá, thì vào thời điểm người mua có nghĩa vụ đóng thuế như vậy, phải thu thuế từ người mua, nếu người mua không phải là nhà phân phối có giấy phép, và phải trao cho người mua một biên nhận theo cách thức và biểu mẫu được hội đồng mô tả.

(b) Mỗi nhà phân phối tham gia vào việc kinh doanh tại tiểu bang này và trao tặng các hàng mẫu thuốc lá hoặc các sản phẩm thuốc lá chưa đóng thuế mà sự áp đặt thuế bởi Đoạn 30101, 30123, và 30131.2 chiếu theo mục này đối với các sản phẩm đó là không thể áp dụng thì, vào thời điểm trao tặng hoặc, nếu người nhận không có nghĩa vụ đóng thuế đối với việc họ phân phối thuốc lá hoặc các sản phẩm thuốc lá, thì vào thời điểm người nhận có nghĩa vụ đóng thuế như vậy, phải thu thuế từ người nhận, nếu người nhận không phải là nhà phân phối có giấy phép, và phải trao cho người nhận một biên nhận theo cách thức và biểu mẫu được hội đồng mô tả. Đoạn này sẽ không áp dụng cho sự phân phối thuốc lá hoặc các sản phẩm thuốc lá mà được miễn thuế chiếu theo Đoạn 30105.5.

(c) "Tham gia vào việc kinh doanh ở tiểu bang" có nghĩa và bao gồm bất cứ hoạt động nào sau đây:

(1) Duy trì, chiếm cứ, hoặc sử dụng, vĩnh viễn hoặc tạm thời, trực tiếp hoặc gián tiếp, hoặc thông qua một công ty con, một người chuyên viên, hoặc bằng những cách gọi khác, một văn phòng, nơi phân phối, phòng hoặc nơi bán hàng hoặc trưng bày mẫu, nhà kho hoặc nơi bảo quản, hoặc nơi kinh doanh khác.

(2) Có bất cứ người đại diện, chuyên viên, người bán hàng, người vận động

mua hàng hoặc người chào hàng hoạt động trong tiểu bang này theo thẩm quyền của nhà phân phối hoặc công ty con của nhà phân phối cho mục đích bán, giao hàng, hoặc nhận đơn đặt hàng thuốc lá hoặc các sản phẩm thuốc lá.

(d) Các thuế cần được thu theo đoạn này cấu thành các khoản nợ đối với tiểu bang của nhà phân phối, hoặc người khác được yêu cầu phải thu các thuế đó.

ĐOẠN 5.4. Đoạn 30166 của Bộ Luật Thu Nhập và Thuế Vụ được tu chính có nội dung:

30166. Các tem thuế và các thiết lập dấu đóng thuế sẽ được bán cho các nhà phân phối có giấy phép với giá trị định sẵn của chúng trừ đi một khoản chiết khấu 0.85 phần trăm, được giới hạn giá trị định sẵn ở một mỹ kim đầu tiên (\$1.00) cho các nhà phân phối có giấy phép. Chi trả cho các tem thuế và các thiết lập dấu đóng thuế sẽ được thực hiện vào thời điểm mua hàng, với điều kiện là nhà phân phối có giấy phép đó, phụ thuộc vào các điều kiện và điều khoản của điều luật này, có thể được phép trì hoãn trả các khoản tiền đó.

ĐOẠN 5.5. Đoạn 30181 của Bộ Luật Thu Nhập và Thuế Vụ được tu chính có nội dung:

30181. (a) Khi Nếu bất cứ khoản thuế nào được áp đặt lên thuốc lá chiếu theo Điều 1 (bắt đầu với Đoạn 30101), Điều 2 (bắt đầu với Đoạn 30121), và Điều 3 (bắt đầu với Đoạn 30131) của Chương 2 mục này không được đóng thông qua việc sử dụng tem thuế hoặc dấu đóng thuế, khoản thuế sẽ trở thành nợ và phải trả hàng tháng vào hoặc trước ngày 25 của tháng kế tiếp tháng theo lịch khi việc phân phối thuốc lá diễn ra, hoặc trong trường hợp một vụ buôn bán thuốc lá tại cơ sở của người chuyên chở thông thường bị áp đặt thuế chiếu theo Đoạn 30104, khoản thuế sẽ trở thành nợ và phải trả hàng tháng vào hoặc trước ngày 25 của tháng kế tiếp tháng theo lịch khi vụ buôn bán thuốc lá tại cơ sở của người chuyên chở thông thường diễn ra.

(b) Mỗi nhà phân phối các sản phẩm thuốc lá phải nộp báo cáo tiền lời bằng biểu mẫu, theo mô tả bởi hội đồng, rằng mà có thể bao gồm, nhưng không giới hạn, dưới dạng điện tử về việc phân phối các sản phẩm thuốc lá và chi phí bán sỉ của họ trong tháng trước đó, và bất cứ thông tin nào mà hội đồng có thể đòi hỏi để thực hiện mục này. Báo cáo tiền lời phải được nộp cho hội đồng vào hoặc trước ngày 25 của tháng theo lịch sau khi kết thúc giai đoạn hàng tháng mà nó có liên quan, cùng với phiếu chuyển tiền thuế trả cho hội đồng, nếu có, đã bị nợ chiếu theo Điều 2 (bắt đầu với Đoạn 30121) hoặc Điều 3 (bắt đầu với Đoạn 30131) của Chương 2 cho giai đoạn đó.

(c) Để tạo thuận lợi cho việc quản lý hành chính mục này, hội đồng có thể yêu cầu nộp báo cáo tiền lời cho các giai đoạn nhiều tháng.

(d) Báo cáo tiền lời phải được chứng thực trong một biểu mẫu hoặc chiếu theo các phương pháp có thể được hội đồng mô tả.

~~(e) Đoạn này sẽ có hiệu lực từ ngày 1 tháng Một, 2007.~~

ĐOẠN 6. Tuân Hành Theo Hiến Pháp Tiểu Bang.

ĐOẠN 6.1. Đoạn 23 được bổ sung vào Điều XVI của Hiến Pháp California, có nội dung:

ĐOẠN 23. Khoản thuế được áp đặt bởi Đạo Luật Thuế Thuốc Lá Cho Chăm Sóc Y Tế, Nghiên Cứu và Ngăn Ngừa của California 2016 và thu nhập phát sinh từ đó, bao gồm tiền lời đầu tư, sẽ không được xem là các thu nhập Quỹ Tổng

Quát cho các mục đích của Đoạn 8 và các đạo luật thực thi hiện hành của nó, và sẽ không được xem là "các thu nhập Quỹ Tổng Quát," "thu nhập tiểu bang," hoặc "tiền thu thuế Quỹ Tổng Quát" cho các mục đích của các tiểu phần (a) và (b) của Đoạn 8 và các đạo luật thực thi hiện hành của nó.

ĐOẠN 6.2. Đoạn 14 được bổ sung vào Điều XIII B của Hiến Pháp California, có nội dung:

ĐOẠN 14. "Các phân bổ có hạn chế" của mỗi thực thể chính quyền sẽ không bao gồm các phân bổ thu nhập từ Ngân Quỹ Đạo Luật Thuế Thuốc Lá Cho Chăm Sóc Y Tế, Nghiên Cứu và Ngăn Ngừa của California 2016 được tạo ra bởi Đạo Luật Thuế Thuốc Lá Cho Chăm Sóc Y Tế, Nghiên Cứu và Ngăn Ngừa của California 2016. Sẽ không có đòi hỏi điều chỉnh nào ở giới hạn phân bổ của bất cứ thực thể chính quyền nào chiếu theo Đoạn 3 do việc thu nhập được gửi vào hoặc phân bổ từ Ngân Quỹ Đạo Luật Thuế Thuốc Lá Cho Chăm Sóc Y Tế, Nghiên Cứu và Ngăn Ngừa của California 2016.

ĐOẠN 7. Tính Tách Biệt.

Nếu có điều khoản nào của đạo luật này, hay một phần trong đó, vì bất cứ lý do gì bị xem là bất hợp lệ hoặc vi hiến, thì những điều khoản còn lại sẽ không bị ảnh hưởng, nhưng vẫn có giá trị pháp lý trọn vẹn và hiệu lực, và cho mục đích này thì những điều khoản của đạo luật này có thể tách biệt lẫn nhau.

ĐOẠN 8. Các Dự Luật Mâu Thuẫn Nhau.

(a) Ý định của người dân là trong trường hợp dự luật này và một dự luật khác có liên quan đến việc đánh thuế thuốc lá sẽ xuất hiện trên cùng một lá phiếu bầu cử toàn tiểu bang, các điều khoản của dự luật khác hoặc các dự luật khác sẽ không bị xem là mâu thuẫn với dự luật này, và nếu được phê chuẩn bởi cử tri, dự luật này sẽ có hiệu lực mặc dù cử tri phê chuẩn một dự luật khác liên quan đến việc đánh thuế thuốc lá bởi nhiều số phiếu thuận hơn.

(b) Nếu dự luật này được cử tri phê chuẩn nhưng bị thay thế theo luật bởi bất cứ dự luật được đưa vào lá phiếu mâu thuẫn nào khác được cử tri phê chuẩn trong cùng một kỳ bầu cử, và dự luật mâu thuẫn đó về sau bị kết luận là không hợp lệ, thì dự luật này sẽ tự thực thi và có giá trị pháp lý trọn vẹn.

ĐOẠN 9. Tu Chính.

(a) Ngoại trừ được quy định sau đây, đạo luật này chỉ có thể được tu chính bởi cử tri đoàn theo quy định trong tiểu phần (c) Đoạn 10 Điều II của Hiến Pháp California.

(b) Cơ Quan Lập Pháp có thể tu chính các tiểu phần (a) và (c) Đoạn 30130.55 và Đoạn 30130.57 của Bộ Luật Thu Nhập và Thuế Vụ để củng cố các mục đích của Đạo Luật Thuế Thuốc Lá Cho Chăm Sóc Y Tế, Nghiên Cứu và Ngăn Ngừa của California 2016 bằng một đạo luật được thông qua ở từng viện bằng bỏ phiếu điểm danh có ghi vào sổ, với hai phần ba phiếu thuận của thành viên.

(c) Cơ Quan Lập Pháp có thể tu chính tiểu phần (b) Đoạn 30130.55 của Bộ Luật Thu Nhập và Thuế Vụ để củng cố các mục đích của Đạo Luật Thuế Thuốc Lá Cho Chăm Sóc Y Tế, Nghiên Cứu và Ngăn Ngừa của California 2016 bằng một đạo luật được thông qua ở từng viện bằng bỏ phiếu điểm danh có ghi vào sổ, với bốn phần năm phiếu thuận của thành viên.

ĐOẠN 10. Ngày Có Hiệu Lực.

Đạo luật này sẽ có hiệu lực như được quy định trong tiểu phần (a) Đoạn 10 Điều II của Hiến Pháp California; tuy nhiên, với điều kiện là tu chính cho Đoạn 30121 của Bộ Luật Thu Nhập và Thuế Vụ sẽ có hiệu lực từ ngày 1 tháng Tư, 2017.

DỰ LUẬT 57

Dự luật tiên khởi này được đệ trình với người dân nhằm phù hợp với những điều khoản của Đoạn 8 Điều II của Hiến Pháp California.

Dự luật tiên khởi này bổ sung một đoạn vào Hiến Pháp California, tu chỉnh một số đoạn của Bộ Luật An Sinh và Định Chế; vì vậy, những điều khoản hiện hữu được đề nghị xóa bỏ được in bằng kiểu chữ có gạch ngang và những điều khoản mới được đề nghị thêm vào được in theo kiểu chữ nghiêng để cho biết đó là những điều khoản mới.

DỰ LUẬT ĐỀ NGHỊ

Đạo luật An toàn Công cộng và Cải tạo năm 2016

ĐOẠN 1. Tựa đề.

Dự luật này được biết đến và có thể được trưng dẫn như là "Đạo Luật An toàn Công cộng và Cải tạo năm 2016."

ĐOẠN 2. Mục đích và Ý định.

Khi ban hành đạo luật này, mục đích và ý định của người dân Tiểu Bang California là để:

1. Bảo vệ và nâng cao an toàn công cộng.
2. Tiết kiệm tiền bằng cách giảm chi tiêu lãng phí cho các nhà tù.
3. Ngăn chặn các tòa án liên bang thả tù nhân một cách bừa bãi.
4. Dừng cánh cửa xoay vòng của tội ác bằng cách nhấn mạnh vào việc cải tạo, đặc biệt là đối với thanh thiếu niên.
5. Yêu cầu một thẩm phán, chứ không phải là một công tố viên, quyết định xem những người chưa thành niên có nên được xét xử tại tòa án của người trưởng thành hay không.

ĐOẠN 3. Đoạn 32 được thêm vào Điều I của Hiến Pháp California, như sau:

ĐOẠN 32. (a) Những điều khoản sau đây được ban hành theo đây để nâng cao an toàn công cộng, cải thiện công tác cải tạo, và tránh thả tù nhân theo lệnh của tòa án liên bang, mặc dù bất cứ nội dung nào trong điều này hoặc bất kỳ điều khoản nào khác của pháp luật:

(1) Cứu xét Quản chế: Bất kỳ người nào bị kết án một trọng tội phi bạo lực và bị tuyên án tù tiểu bang phải có đủ điều kiện để được xướng xét quản chế sau khi mãn hạn tù cho hành vi phạm tội chính của mình.

(A) Chỉ dành cho mục đích của đoạn này, mãn hạn tù đối với tội danh chính có nghĩa là thời hạn tù dài nhất mà tòa án áp đặt cho bất kỳ tội danh nào, không bao gồm việc áp đặt tăng hạn tù, bản án liên tiếp, hoặc một bản án khác.

(2) Tích lũy Tín dụng: Nha Cải Huấn và Cải Tạo có thẩm quyền trao tín dụng đạt được cho những hành vi tốt và thành tích giáo dục hoặc cải tạo được phê chuẩn.

(b) Nha Cải Huấn và Cải Tạo sẽ thông qua các quy định trong thi hành các điều khoản này, và Thư ký của Nha Cải Huấn và Cải Tạo sẽ xác nhận rằng những quy định này bảo vệ và nâng cao an toàn công cộng.

ĐOẠN 4. Quy trình Chuyển giao Tư pháp.

ĐOẠN 4.1. Đoạn 602 của Bộ Luật An Sinh và Định Chế được tu chỉnh như sau:

602. (a) Trừ khi được quy định trong tiểu mục (b) Đoạn 707, bất kỳ người

nào dưới 18 tuổi khi vi phạm luật pháp của tiểu bang này hoặc của Hoa Kỳ hoặc bất kỳ sắc lệnh của bất kỳ thành phố hay quận của tiểu bang này với việc định rõ tội ác thay vì một sắc lệnh thiết lập một lệnh giới nghiêm chỉ dựa vào tuổi tác, sẽ thuộc thẩm quyền của Tòa án Thanh thiếu niên, nơi có thể xét xử một người như vậy trong khu cách ly của tòa án.

(b) Bất kỳ người nào bị cáo buộc, khi người đó 14 tuổi trở lên, là thực hiện một trong những tội danh sau đây, sẽ bị truy tố theo luật tổng quát tại một tòa án có thẩm quyền xét xử hình sự:

(1) Giết người, như mô tả trong Đoạn 187 của Bộ luật Hình sự, nếu một trong những trường hợp liệt kê tại tiểu mục (a) của Đoạn 190.2 của Bộ luật Hình sự, bị cáo buộc bởi công tố viên, và công tố viên cáo buộc rằng trẻ vị thành niên đó đích thân giết chết nạn nhân.

(2) Các tội về quan hệ tình dục sau đây, nếu công tố viên cáo buộc rằng trẻ vị thành niên đích thân thực hiện hành vi phạm tội, và nếu công tố viên cáo buộc một trong các trường hợp liệt kê tại luật Một cuộc tấn công, tiểu mục (d) hoặc (e) của Đoạn 667.61 Bộ luật Hình sự, được áp dụng:

(A) Hiếp dâm, như mô tả tại khoản (2) của tiểu mục (a) của Đoạn 261, Bộ luật Hình sự.

(B) Hiếp dâm vợ/chồng, như mô tả tại khoản (1) của tiểu mục (a) của Đoạn 262, Bộ luật Hình sự.

(C) Các tội ép buộc quan hệ tình dục có cấu kết với người khác, như được mô tả tại Đoạn 264.1 Bộ luật Hình sự.

(D) Các hành vi sử dụng vũ lực để dâm ô và khiêu dâm đối với trẻ dưới 14 tuổi, như mô tả tại tiểu mục (b) của Đoạn 288, Bộ luật Hình sự.

(E) Thâm nhập cưỡng dâm, như mô tả tại tiểu mục (a) của Đoạn 289, Bộ luật Hình sự.

(F) Kê gian hoặc khẩu dâm vi phạm Đoạn 286 hoặc 288a của Bộ luật Hình sự, bằng vũ lực, bạo lực, cưỡng ép, đe dọa, hoặc đe dọa gây thương tích cơ thể ngay lập tức và bất hợp pháp cho nạn nhân hoặc người khác.

(G) Các hành vi khiêu dâm và dâm ô với trẻ dưới 14 tuổi, như định nghĩa tại tiểu mục (a) của Đoạn 288, trừ khi bị cáo đủ điều kiện để được quản chế theo tiểu mục (d) Đoạn 1203.066, Bộ luật Hình sự.

ĐOẠN 4.2. Đoạn 707 của Bộ Luật An Sinh và Định Chế được tu chỉnh như sau:

707. (a) (1) Trong bất kỳ trường hợp nào, trong đó một trẻ vị thành niên bị cáo buộc là người được mô tả tại tiểu mục (a) của Đoạn 602 vì lý do vi phạm, khi người này từ 16 tuổi trở lên, thuộc bất kỳ đạo luật hình sự trọng tội nào, hoặc sắc lệnh trừ những tội danh được liệt kê tại tiểu mục (b); hoặc một tội danh được liệt kê tại tiểu mục (b) khi trẻ vị thành niên này 14 hoặc 15 tuổi, luật sư quận hoặc viên chức khởi tố thích hợp khác có thể kiến nghị chuyển trẻ vị thành niên đó từ Tòa án Thanh thiếu niên sang một tòa án có thẩm quyền xét xử hình sự. Khi Kiến nghị của người đệ đơn phải được đưa ra trước thời điểm gỡ bỏ tình trạng nguy hiểm. Khi có kiến nghị như vậy, tòa án vị thành niên sẽ yêu cầu ra lệnh cho viên chức quản chế điều tra và báo cáo về các hành vi và tiền sử xã hội của trẻ vị thành niên đó. được xem xét để xác định tính không phù hợp. Bản báo cáo sẽ bao gồm bất kỳ tuyên bố bằng văn bản hoặc bằng miệng do nạn nhân cung cấp chiếu theo Đoạn 656.2.

(2) Sau khi báo cáo và bất kỳ bằng chứng liên quan khác mà người đệ đơn hoặc trẻ vị thành niên có thể muốn đệ trình đã được đệ trình và xem xét, Tòa

án Thanh thiếu niên sẽ quyết định xem trẻ vị thành niên có nên được chuyển đến một tòa án có thẩm quyền xét xử hình sự hay không. Khi đưa ra quyết định của mình, tòa án sẽ xem xét các tiêu chuẩn được quy định tại các điểm (A) đến (E). Nếu tòa án ra lệnh chuyển giao thẩm quyền xét xử, tòa phải thuật lại căn cứ cho quyết định của mình theo thứ tự ghi vào biên bản. Trong bất kỳ trường hợp nào trong đó một phiên điều giải đã được thông báo theo đoạn này, tòa án phải hoãn việc lấy lời biện hộ cho thành nguyện thư cho đến khi kết thúc phiên điều giải về chuyển giao, và không có lời biện hộ đã lấy nào được phép tạo thành bằng chứng tại phiên điều giải. Có thể thấy rằng trẻ vị thành niên đó không phải là đối tượng phù hợp và thích hợp để được xét xử theo luật của Tòa án Thanh thiếu niên nếu kết luận rằng trẻ vị thành niên đó sẽ không thể thích hợp cho chương trình chăm sóc, điều trị và đào tạo sẵn có thông qua các cơ sở của Tòa án Thanh thiếu niên, dựa vào việc đánh giá các tiêu chuẩn được quy định tại khoản (i) của điểm (A) đến hết điểm (E):

- (A) (i) Mức độ vi phạm hình sự được biểu lộ của trẻ vị thành niên.
- (ii) Khi đánh giá tiêu chí được quy định tại khoản (i), Tòa án Thanh thiếu niên có thể cân nhắc bất kỳ yếu tố có liên quan nào, bao gồm, nhưng không giới hạn, tuổi của trẻ vị thành niên, mức độ trưởng thành, trí năng, và sức khỏe thể chất, tinh thần, và tình cảm tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo buộc, tính hung hăng của trẻ vị thành niên, hoặc không thể đánh giá những rủi ro và hậu quả của hành vi phạm tội, ảnh hưởng của gia đình, người lớn, hoặc sức ép của bạn bè lên hành động của trẻ vị thành niên, và ảnh hưởng của môi trường gia đình và cộng đồng và thương chấn thời thơ ấu đến hành vi phạm tội của trẻ vị thành niên.
- (B) (i) Liệu trẻ vị thành niên có thể được cải tạo trước khi kết thúc thời hạn xét xử của Tòa án Thanh thiếu niên.
- (ii) Khi đánh giá tiêu chí được quy định tại khoản (i), Tòa án Thanh thiếu niên có thể cân nhắc bất kỳ yếu tố có liên quan nào, bao gồm, nhưng không giới hạn, tiềm năng phát triển và trưởng thành của trẻ vị thành niên.
- (C) (i) Tiền án tiền sự của trẻ vị thành niên.
- (ii) Khi đánh giá tiêu chí được quy định tại khoản (i), Tòa án Thanh thiếu niên có thể cân nhắc bất kỳ yếu tố có liên quan nào, bao gồm, nhưng không giới hạn, mức độ nghiêm trọng của tiền án tiền sự của trẻ vị thành niên và ảnh hưởng của gia đình và môi trường cộng đồng cũng như thương chấn thời thơ ấu lên hành vi phạm tội trước đây của trẻ vị thành niên.
- (D) (i) Thành công của những nỗ lực trước đó của Tòa án Thanh thiếu niên để cải tạo trẻ vị thành niên đó.
- (ii) Khi đánh giá tiêu chí được quy định tại khoản (i), Tòa án Thanh thiếu niên có thể cân nhắc bất kỳ yếu tố có liên quan nào, bao gồm, nhưng không giới hạn, tính đầy đủ của các dịch vụ được cung cấp trước đó để giải quyết các nhu cầu của trẻ vị thành niên.
- (E) (i) Hoàn cảnh và tính chất nghiêm trọng của hành vi phạm tội bị cáo buộc trong thỉnh nguyện thư mà trẻ vị thành niên đã thực hiện.
- (ii) Khi đánh giá tiêu chí được quy định tại khoản (i), Tòa án Thanh thiếu niên có thể cân nhắc bất kỳ yếu tố có liên quan nào, bao gồm nhưng không giới hạn, hành vi thực tế, trạng thái tâm thần, mức độ tham gia phạm tội của người đó, mức độ tác hại thực sự gây ra bởi người đó, và sự phát triển tinh thần và tình cảm của người đó.

Một quyết định rằng trẻ vị thành niên không phải là đối tượng phù hợp và

thích hợp để được xét xử theo luật của Tòa án Thanh thiếu niên có thể được đưa trên bất kỳ một hoặc một sự kết hợp của các yếu tố được quy định tại khoản (i) của điểm (A) đến hết điểm (E), và phải được thuật lại theo thứ tự của sự không thích hợp. Trong bất kỳ trường hợp nào trong đó một phiên điều giải đã được thông báo theo đoạn này, tòa án phải hoãn việc lấy lời biện hộ cho thành nguyện thư cho đến khi kết thúc phiên điều giải về tính thích hợp, và không có lời biện hộ đã lấy nào được phép tạo thành bằng chứng tại phiên điều giải.

(2) (A) Khoản này sẽ áp dụng đối với người chưa thành niên bị cáo buộc là người được mô tả tại Đoạn 602 vì lý do vi phạm, khi người này đã được 16 tuổi, về bất kỳ hành vi trọng tội nào khi trẻ vị thành niên đó đã được công bố là một thuộc khu vực xét xử của tòa án theo Đoạn 602 trong một hoặc nhiều lần trước nếu cả hai điều sau đây được áp dụng:

- (i) Trẻ vị thành niên trước đây đã được xác định là thực hiện hai hay nhiều hành vi trọng tội.
 - (ii) Những hành vi phạm tội làm căn cứ cho (các) đơn kiện trước được thực hiện khi trẻ vị thành niên đã được 14 tuổi.
- (B) Khi kiến nghị của người đệ đơn được đưa ra trước thời điểm gỡ bỏ tình trạng nguy hiểm thì Tòa án sẽ yêu cầu viên chức quản chế điều tra và đệ trình báo cáo về kiểu hành vi và tiền sử xã hội của trẻ vị thành niên đang được xem xét xác định sự không thích hợp. Sau khi báo cáo và bất kỳ bằng chứng liên quan khác mà người đệ đơn hoặc trẻ vị thành niên có thể muốn đệ trình đã được đệ trình và xem xét, trẻ vị thành niên sẽ được cho là không phải đối tượng phù hợp và thích hợp để được xét xử theo pháp luật của Tòa án Thanh thiếu niên trừ khi tòa án vị thành niên kết luận dựa trên bằng chứng mà có thể là những tình tiết giảm nhẹ, rằng trẻ vị thành niên đó sẽ tuân theo chương trình chăm sóc, điều trị và đào tạo sẵn có thông qua các cơ sở của Tòa án Thanh thiếu niên dựa trên việc đánh giá các tiêu chí được quy định tại tiểu mục (I) của mục (i) đến hết (v):

- (i) (I) Mức độ vi phạm hình sự được biểu lộ của trẻ vị thành niên.
- (II) Khi đánh giá tiêu chí được quy định tại khoản (I), Tòa án Thanh thiếu niên có thể cân nhắc bất kỳ yếu tố có liên quan nào, bao gồm, nhưng không giới hạn, tuổi của trẻ vị thành niên, mức độ trưởng thành, trí năng, và sức khỏe thể chất, tinh thần, và tình cảm tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo buộc, tính hung hăng của trẻ vị thành niên, hoặc không thể đánh giá những rủi ro và hậu quả của hành vi phạm tội, ảnh hưởng của gia đình, người lớn, hoặc sức ép của bạn bè lên hành động của trẻ vị thành niên, và ảnh hưởng của môi trường gia đình và cộng đồng và thương chấn thời thơ ấu đến hành vi phạm tội của trẻ vị thành niên.
- (ii) (I) Liệu trẻ vị thành niên có thể được cải tạo trước khi kết thúc thời hạn xét xử của Tòa án Thanh thiếu niên.
- (II) Khi đánh giá tiêu chí được quy định tại khoản (I), Tòa án Thanh thiếu niên có thể cân nhắc bất kỳ yếu tố có liên quan nào, bao gồm, nhưng không giới hạn, tiềm năng phát triển và trưởng thành của trẻ vị thành niên.
- (iii) (I) Tiền án tiền sự của trẻ vị thành niên.
- (II) Khi đánh giá tiêu chí được quy định tại khoản (I), Tòa án Thanh thiếu niên có thể cân nhắc bất kỳ yếu tố có liên quan nào, bao gồm, nhưng không giới hạn, mức độ nghiêm trọng của tiền án tiền sự của trẻ vị thành niên và ảnh hưởng của gia đình và môi trường cộng đồng cũng như thương chấn thời thơ ấu lên hành vi phạm tội trước đây của trẻ vị thành niên.

(iv) –(l) Thành công của những nỗ lực trước đó của Tòa án Thanh thiếu niên để cải tạo trẻ vị thành niên đó.

(ll) – Khi đánh giá tiêu chí được quy định tại khoản (l), Tòa án Thanh thiếu niên có thể cân nhắc bất kỳ yếu tố có liên quan nào, bao gồm, nhưng không giới hạn, tính đầy đủ của các dịch vụ được cung cấp trước đó để giải quyết các nhu cầu của trẻ vị thành niên.

(v) –(l) – Hoàn cảnh và tính chất nghiêm trọng của tội danh bị cáo buộc trong thỉnh nguyện thư mà trẻ vị thành niên đã thực hiện.

(ll) – Khi đánh giá tiêu chí được quy định tại khoản (l), Tòa án Thanh thiếu niên có thể cân nhắc bất kỳ yếu tố có liên quan nào, bao gồm, nhưng không giới hạn, hành vi thực tế, trạng thái tâm thần, mức độ tham gia phạm tội của người đó, mức độ tác hại thực sự gây ra bởi người đó, và sự phát triển tinh thần và tình cảm của người đó.

Một quyết định rằng trẻ vị thành niên đó là đối tượng phù hợp và thích hợp để được giải quyết theo pháp luật của Tòa án Thanh thiếu niên phải được dựa trên kết luận về tính tuân thủ sau khi xem xét các tiêu chí đặt ra tại tiểu mục (l) của mục (i) đến hết mục (v), và do đó các kết luận được thuật lại theo thứ tự như mỗi trong số các tiêu chí mà trẻ vị thành niên đó phù hợp và thích hợp bên dưới mỗi và mọi tiêu chí đó. Khi đưa ra kết luận về tính phù hợp, tòa có thể cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trong việc đánh giá mỗi tiêu chí như vậy. Trong bất kỳ trường hợp nào trong đó phiên điều giải đã được thông báo theo đoạn này, tòa án phải hoàn việc lấy lời biện hộ cho thỉnh nguyện thư cho đến khi kết thúc phiên điều giải về tính thích hợp, và không có lời biện hộ đã lấy nào được phép tạo thành bằng chứng tại phiên điều giải. Nếu trẻ vị thành niên được kết luận là đối tượng phù hợp và thích hợp để được giải quyết theo pháp luật của Tòa án Thanh thiếu niên chiếu theo quy định tại tiểu mục này, trẻ vị thành niên sẽ được cam kết đưa vào trung tâm cải huấn thanh thiếu niên, nông trại, lâm trại, trại lính, hoặc chỗ ở an ninh cho thanh thiếu niên chiếu theo Đoạn 730, hoặc vào bất kỳ cơ sở nào dưới sự điều hành của Nha Cải Huấn và Cải tạo, Ban Thanh Thiếu Niên.

(3) – Nếu, chiếu theo tiểu mục này, trẻ vị thành niên được kết luận không phải là đối tượng phù hợp và thích hợp để được xét xử tại Tòa án Thanh thiếu niên và phải được xét xử tại một tòa án có thẩm quyền xét xử hình sự và bị người xét xử kết luận là có tội, thẩm phán có thể giao trẻ vị thành niên đó cho Nha Cải Huấn và Cải Tạo, Ban Thanh Thiếu Niên, thay cho việc kết án tù giam giữ trẻ vị thành niên đó tại nhà tù tiểu bang, trừ khi những hạn chế quy định tại Đoạn 1732.6 được áp dụng.

(b) Tiểu mục (c) (a) được áp dụng trong mọi trường hợp trong đó một trẻ vị thành niên bị cáo buộc là người được mô tả tại Đoạn 602 vì lý do phạm một trong các tội danh sau đây *khi 14 hoặc 15 tuổi*:

- (1) Giết người.
- (2) Đốt nhà, như quy định tại khoản (a) hoặc (b) của Đoạn 451 Bộ luật Hình sự.
- (3) Cướp tài sản.
- (4) Cưỡng hiếp bằng vũ lực, bạo lực, hoặc đe dọa gây thương tích nặng.
- (5) Kê gian bằng vũ lực, bạo lực, cưỡng ép, uy hiếp hoặc đe dọa gây thương tích nặng.
- (6) Hành vi dâm ô hoặc khiêu dâm như được quy định tại tiểu mục (b) của Đoạn 288 Bộ luật Hình sự.

(7) Khẩu dâm bằng vũ lực, bạo lực, cưỡng ép, uy hiếp hoặc đe dọa gây thương tích nặng.

(8) Một tội danh được quy định tại khoản (a) của Đoạn 289 Bộ luật Hình sự.

(9) Bắt cóc để đòi tiền chuộc.

(10) Bắt cóc nhằm mục đích cướp tài sản.

(11) Bắt cóc và gây thương tích.

(12) Nỗ lực giết người.

(13) Tấn công bằng vũ khí hoặc thiết bị hủy diệt.

(14) Tấn công bằng phương tiện vũ lực bất kỳ có khả năng gây thương tích nặng.

(15) Xả súng vào một tòa nhà có người ở hoặc được chiếm đóng.

(16) Một tội danh được mô tả tại Đoạn 1203.09 Bộ luật Hình sự.

(17) Một tội danh được mô tả tại Đoạn 12022.5 hoặc 12022.53, Bộ luật Hình sự.

(18) Một trọng tội trong đó trẻ vị thành niên đích thân sử dụng một vũ khí được mô tả tại điều khoản bất kỳ liệt kê tại Đoạn 16590 của Bộ luật Hình sự.

(19) Một trọng tội được mô tả tại Đoạn 136.1 hoặc 137, Bộ luật Hình sự.

(20) Sản xuất, tàng trữ, hoặc bán từ một nửa ao-xơ muối hoặc dung dịch của một chất được kiểm soát trở lên như quy định tại tiểu mục (e) của Đoạn 11055 Bộ luật Sức khỏe và An toàn.

(21) Một trọng tội bạo lực, theo quy định tại tiểu mục (c) của Đoạn 667.5 Bộ luật Hình sự, mà đồng thời cấu thành một hành vi vi phạm trọng tội theo tiểu mục (b) của Đoạn 186.22 Bộ luật Hình sự.

(22) Bỏ trốn, bằng cách sử dụng vũ lực hoặc bạo lực, khỏi nhà ở, nông trại, lâm trại, trung tâm cải huấn thanh thiếu niên quận, vi phạm tiểu mục (b) của Đoạn 871 nếu cố ý gây thương tích nặng cho nhân viên của cơ sở cải tạo thanh thiếu niên trong khi thực hiện hành vi bỏ trốn.

(23) Hành vi tra tấn như được mô tả tại Đoạn 206 hoặc 206.1, Bộ luật Hình sự.

(24) Hành vi gây tàn phế nặng hơn, như được mô tả tại Đoạn 205 Bộ luật Hình sự.

(25) Cướp xe hơi, như mô tả tại Đoạn 215 Bộ luật Hình sự, trong khi được vũ trang một loại vũ khí nguy hiểm chết người.

(26) Bắt cóc nhằm mục đích tấn công tình dục, như có thể bị trừng trị theo tiểu mục (b) của Đoạn 209 Bộ luật Hình sự.

(27) Hành vi bắt cóc có thể bị trừng trị theo Đoạn 209.5 Bộ luật Hình sự.

(28) Tội danh được mô tả tại khoản (c) của Đoạn 26100 Bộ luật Hình sự.

(29) Tội danh được mô tả tại Đoạn 18745 Bộ luật Hình sự.

(30) Tội ngộ sát, như được mô tả tại khoản (a) của Đoạn 192 Bộ luật Hình sự.

(c) – Đối với trẻ vị thành niên bị cáo buộc là người được mô tả tại Đoạn 602 vì lý do phạm bất kỳ tội danh nào được liệt kê tại tiểu mục (b) lúc 14 tuổi trở lên, khi người đệ đơn đưa ra kiến nghị trước thời điểm gỡ bỏ tình trạng nguy hiểm thì tòa án phải yêu cầu viên chức quản chế điều tra và đệ trình báo cáo về kiểu hành vi và tiền sử xã hội của trẻ vị thành niên đang được xem xét xác định sự không thích hợp. Sau khi báo cáo và bất kỳ bằng chứng liên quan

khác mà người đệ đơn hoặc trẻ vị thành niên có thể muốn đệ trình đã được đệ trình và xem xét, trẻ vị thành niên sẽ được cho là không phải đối tượng phù hợp và thích hợp để được xét xử theo pháp luật của Tòa án Thanh thiếu niên trừ khi toà án vị thành niên kết luận dựa trên bằng chứng mà có thể là những tình tiết giảm nhẹ, rằng trẻ vị thành niên đó sẽ tuân theo chương trình chăm sóc, điều trị và đào tạo sẵn có thông qua các cơ sở của Tòa án Thanh thiếu niên dựa trên việc đánh giá mỗi trong số các tiêu chí được quy định tại điểm (A) của khoản (1) đến hết khoản (5):

- (1) (A) Mức độ vi phạm hình sự được biểu lộ của trẻ vị thành niên.
 - (B) Khi đánh giá tiêu chí được quy định tại điểm (A), Tòa án Thanh thiếu niên có thể cân nhắc bất kỳ yếu tố có liên quan nào, bao gồm, nhưng không giới hạn, tuổi của trẻ vị thành niên, mức độ trưởng thành, trí năng, và sức khỏe thể chất, tinh thần, và tình cảm tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo buộc, tính hung hăng của trẻ vị thành niên, hoặc không thể đánh giá những rủi ro và hậu quả của hành vi phạm tội, ảnh hưởng của gia đình, người lớn, hoặc sức ép của bạn bè lên hành động của trẻ vị thành niên, và ảnh hưởng của môi trường gia đình và cộng đồng và thương chấn thời thơ ấu đến hành vi phạm tội của trẻ vị thành niên.
 - (2) (A) Liệu trẻ vị thành niên có thể được cải tạo trước khi kết thúc thời hạn xét xử của Tòa án Thanh thiếu niên.
 - (B) Khi đánh giá tiêu chí được quy định tại điểm (A), Tòa án Thanh thiếu niên có thể cân nhắc bất kỳ yếu tố có liên quan nào, bao gồm, nhưng không giới hạn, tiềm năng phát triển và trưởng thành của trẻ vị thành niên.
 - (3) (A) Tiền án tiền sự của trẻ vị thành niên.
 - (B) Khi đánh giá tiêu chí được quy định tại điểm (A), Tòa án Thanh thiếu niên có thể cân nhắc bất kỳ yếu tố có liên quan nào, bao gồm, nhưng không giới hạn, mức độ nghiêm trọng của tiền án tiền sự của trẻ vị thành niên và ảnh hưởng của gia đình và môi trường cộng đồng cũng như thương chấn thời thơ ấu lên hành vi phạm tội trước đây của trẻ vị thành niên.
 - (4) (A) Thành công của những nỗ lực trước đó của Tòa án Thanh thiếu niên để cải tạo trẻ vị thành niên đó.
 - (B) Khi đánh giá tiêu chí được quy định tại điểm (A), Tòa án Thanh thiếu niên có thể cân nhắc bất kỳ yếu tố có liên quan nào, bao gồm, nhưng không giới hạn, tính đầy đủ của các dịch vụ được cung cấp trước đó để giải quyết các nhu cầu của trẻ vị thành niên.
 - (5) (A) Hoàn cảnh và tính chất nghiêm trọng của các tội danh bị cáo buộc trong thỉnh nguyện thư mà trẻ vị thành niên đã thực hiện.
 - (B) Khi đánh giá tiêu chí được quy định tại điểm (A), Tòa án Thanh thiếu niên có thể cân nhắc bất kỳ yếu tố có liên quan nào, bao gồm, nhưng không giới hạn, hành vi thực tế, trạng thái tâm thần, mức độ tham gia phạm tội của người đó, mức độ tác hại thực sự gây ra bởi người đó, và sự phát triển tinh thần và tình cảm của người đó.
- Một quyết định rằng trẻ vị thành niên đó là đối tượng phù hợp và thích hợp để được giải quyết theo pháp luật của Tòa án Thanh thiếu niên phải được dựa trên kết luận về tính tuân thủ sau khi xem xét các tiêu chí đặt ra tại điểm (A) của khoản (1) đến hết khoản (5), và do đó các kết luận được thuật lại theo thứ tự như mỗi trong số các tiêu chí mà trẻ vị thành niên đó phù hợp và thích hợp bên dưới mỗi và mọi tiêu chí đó. Khi đưa ra kết luận về tính phù hợp, tòa có thể cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trong việc đánh giá mỗi tiêu chí như

vậy. Trong bất kỳ trường hợp nào trong đó một phiên điều giải đã được thông báo theo đoạn này, tòa án phải hoãn việc lấy lời biện hộ cho thỉnh nguyện thư cho đến khi kết thúc phiên điều giải về tính thích hợp, và không có lời biện hộ đã lấy nào được phép tạo thành bằng chứng tại phiên điều giải. Nếu, chiếu theo tiểu mục này, trẻ vị thành niên được kết luận không phải là đối tượng phù hợp và thích hợp để được xét xử tại Tòa án Thanh thiếu niên và phải được xét xử tại một tòa án có thẩm quyền xét xử hình sự và bị người xét xử kết luận là có tội, thẩm phán có thể giao trẻ vị thành niên đó cho Nha Cải Huấn và Cải Tạo, Ban Thanh Thiếu Niên, thay cho việc kết án tù giam giữ trẻ vị thành niên đó tại nhà tù tiểu bang, trừ khi những hạn chế quy định tại Đoạn 1732.6 được áp dụng.

(d) (1) Ngoại trừ được quy định tại tiểu mục (b) của Đoạn 602, biện lý khu hoặc viên chức khởi tố thích hợp khác có thể nộp đơn biện hộ cáo buộc tại một tòa án có thẩm quyền xét xử hình sự chống lại bất kỳ trẻ vị thành niên nào từ 16 tuổi trở lên bị cáo buộc phạm một tội danh được liệt kê tại tiểu mục (b):

(2) Ngoại trừ như quy định tại tiểu mục (b) của Đoạn 602, biện lý khu hoặc viên chức khởi tố thích hợp khác có thể nộp đơn biện hộ cáo buộc chống lại người chưa thành niên từ 14 tuổi trở lên tại một tòa án có thẩm quyền xét xử hình sự trong trường hợp bất kỳ, trong đó bất kỳ một hoặc nhiều tình huống sau đây được áp dụng:

(A) Trẻ vị thành niên bị cáo buộc phạm một tội danh mà nếu do một người lớn thực hiện sẽ bị trừng phạt bằng án tử hình hoặc bị phạt tù chung thân tại nhà tù tiểu bang.

(B) Trẻ vị thành niên bị cáo buộc đích thân sử dụng súng trong khi phạm trọng tội hoặc nỗ lực phạm một trọng tội, như được mô tả tại Đoạn 12022.5 hoặc 12022.53 của Bộ luật Hình sự.

(C) Trẻ vị thành niên bị cáo buộc phạm một tội danh được liệt kê tại tiểu mục (b), trong đó bất kỳ một hoặc nhiều trong số các trường hợp sau đây được áp dụng:

(i) Trẻ vị thành niên trước đây từng bị kết luận là người được mô tả tại Đoạn 602 do phạm một tội danh được liệt kê tại tiểu mục (b):

(ii) Tội danh được thực hiện vì lợi ích của, theo chỉ đạo của, hoặc kết hợp với bất kỳ bằng đảng tội phạm đường phố nào, theo quy định tại tiểu mục (f) của Đoạn 186.22 Bộ luật Hình sự, với mục đích cụ thể nhằm thúc đẩy hơn nữa, hoặc hỗ trợ hành vi phạm pháp của các thành viên bằng đảng:

(iii) Tội danh được thực hiện nhằm mục đích hăm dọa, cản trở bất kỳ người nào khác tự do thực hiện hay hưởng quyền của mình duois sự bảo vệ của Hiến pháp, pháp luật của tiểu bang này hoặc theo Hiến pháp, pháp luật của Hoa Kỳ và vì lý do chủng tộc, màu da, tôn giáo, tổ tiên, nguồn gốc quốc gia, sự khuyết tật, giới tính, hoặc khuynh hướng tình dục của người đó, hoặc bởi vì trẻ vị thành niên nhận thấy rằng người đó có một hoặc các đặc điểm đó, như mô tả trong Tiêu đề 11.6 (bắt đầu từ Đoạn 422.55) Phần 1 Bộ luật Hình sự:

(iv) Nạn nhân của hành vi phạm tội này là người 65 tuổi trở lên, hoặc người mù, điếc, liệt tứ chi, liệt hai chi, khiếm khuyết phát triển, hoặc phải ngồi xe lăn và người khuyết tật đó có quen biết hoặc đáng lẽ phải có quen biết với trẻ vị thành niên tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội:

(3) Ngoại trừ như được quy định tại tiểu mục (b) của Đoạn 602, biện lý khu hoặc viên chức truy tố thích hợp khác có thể nộp đơn biện hộ cáo buộc tại

một tòa án có thẩm quyền xét xử hình sự chống lại bất kỳ người chưa thành niên nào từ 16 tuổi trở lên bị buộc tội thực hiện một hoặc nhiều tội danh sau đây, nếu trẻ vị thành niên đó trước đây đã từng được kết luận là người được mô tả tại Đoạn 602 do phạm một trọng tội khi mới 14 tuổi trở lên:

(A) Một trọng tội trong đó có cáo buộc rằng nạn nhân của hành vi phạm tội này là người 65 tuổi trở lên, hoặc người mù, điếc, liệt tứ chi, liệt hai chi, khiếm khuyết phát triển, hoặc phải ngồi xe lăn và người khuyết tật đó có quen biết hoặc đáng lẽ phải có quen biết với trẻ vị thành niên tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội:

(B) Hành vi phạm trọng tội được thực hiện nhằm mục đích hăm dọa, cản trở bất kỳ người nào khác tự do thực hiện hay hưởng quyền của mình duvois sự bảo vệ của Hiến pháp, pháp luật của tiểu bang này hoặc theo Hiến pháp, pháp luật của Hoa Kỳ và vì lý do chủng tộc, màu da, tôn giáo, tổ tiên, nguồn gốc quốc gia, sự khuyết tật, giới tính, hoặc khuynh hướng tình dục của người đó, hoặc bởi vì trẻ vị thành niên nhận thấy rằng người đó có một hoặc các đặc điểm đó, như mô tả tại Tiêu đề 11.6 (bắt đầu từ Đoạn 422.55) Phần 1 Bộ luật Hình sự:

(C) Hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích của, theo chỉ đạo của, hoặc kết hợp với băng đảng tội phạm đường phố bất kỳ bị cấm theo Đoạn 186.22 Bộ luật Hình sự:

(4) Trong bất kỳ trường hợp nào trong đó biện lý khu hoặc viên chức truy tố thích hợp khác đã nộp đơn biện hộ cáo buộc chống lại trẻ vị thành niên tại một tòa án có thẩm quyền xét xử hình sự chiếu theo tiểu mục này thì vụ án phải được tiến hành theo quy định của pháp luật áp dụng đối với một vụ án hình sự. Cùng với các phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Đoạn 738 của Bộ luật Hình sự, thẩm phán sẽ đưa ra kết luận rằng có lý do chính đáng để tin rằng trẻ vị thành niên đó phù hợp với quy định tại tiểu mục này. Nếu lý do chính đáng không được thiết lập, tòa án hình sự phải chuyển vụ án cho Tòa án Thanh thiếu niên có thẩm quyền đối với vấn đề này:

(5) Đối với một tội danh mà công tố viên có thể nộp đơn biện hộ cáo buộc tại một tòa án có thẩm quyền xét xử hình sự chiếu theo tiểu mục này, nhưng thay vào đó, lại lựa chọn nộp thỉnh nguyện thư tại Tòa án Thanh thiếu niên, nếu trẻ vị thành niên này sau đó được kết luận là người được mô tả tại tiểu mục (a) của Đoạn 602, trẻ vị thành niên sẽ được cam kết đưa vào nơi ở an toàn cho trẻ vị thành niên, nông trại, lâm trại, trại lính, trung tâm cải huấn thanh thiếu niên theo quy định tại Đoạn 730, hoặc vào bất kỳ cơ sở nào dưới sự điều hành của Nha Cải Huấn và Cải Tạo, Ban Thanh Thiếu Niên:

(6) Nếu, chiếu theo tiểu mục này, trẻ vị thành niên được kết luận không phải là đối tượng phù hợp và thích hợp để được xét xử tại Tòa án Thanh thiếu niên và phải được xét xử tại một tòa án có thẩm quyền xét xử hình sự và bị người xét xử kết luận là có tội, thẩm phán có thể giao trẻ vị thành niên đó cho Nha Cải Huấn và Cải Tạo, Ban Thanh Thiếu Niên, thay cho việc kết án tù giam giữ trẻ vị thành niên đó tại nhà tù tiểu bang, trừ khi những hạn chế quy định tại Đoạn 1732.6 được áp dụng:

(e) Một báo cáo do viên chức quản chế đề trình theo đoạn này liên quan đến các kiểu hành vi và tiền sử xã hội của trẻ vị thành niên đang được xem xét xác định tính không thích hợp phải bao gồm bất kỳ lời khai bằng văn bản hoặc bằng miệng nào được cung cấp bởi nạn nhân, cha mẹ hoặc người giám hộ của nạn nhân nếu nạn nhân là người chưa thành niên, hoặc người thân thích nhất của nạn nhân nếu nạn nhân đã chết, như thẩm quyền được quy định tại tiểu mục (b) của Đoạn 656.2. Tòa án sẽ xem xét lời khai của nạn nhân

trong phạm vi liên quan đến việc xác định của tòa án về sự không thích hợp:

ĐOẠN 5. Tu Chính.

Đạo luật này sẽ được diễn giải theo cách bao quát để thực hiện các mục đích của nó. Các điều khoản của Đoạn 4.1 và 4.2 của đạo luật này có thể được sửa đổi, miễn là những sửa đổi đó phù hợp với và đẩy mạnh mục đích của đạo luật này bằng một đạo luật được thông qua bởi đa số phiếu của các thành viên trong mỗi viện của Cơ quan lập pháp và có chữ ký của Thống đốc.

ĐOẠN 6. Tính Tách Biệt.

Nếu có bất cứ một điều khoản nào của đạo luật này, hay phần nào của đạo luật này, hoặc sự áp dụng bất cứ một điều khoản nào hay phần nào cho bất cứ người nào hay hoàn cảnh nào, vì bất cứ một lý do gì bị xem là bất hợp lệ, thì những điều khoản còn lại, hoặc sự áp dụng những điều khoản đó, sẽ không bị ảnh hưởng, nhưng sẽ vẫn hoàn toàn có hiệu lực và tác dụng, và theo ý nghĩa này những điều khoản của đạo luật này có tính cách tách biệt.

ĐOẠN 7. Những Dự Luật Tiên Khởi Mâu Thuẫn.

(a) Trong trường hợp đạo luật này và một đạo luật khác liên quan đến tín dụng và tính đủ điều kiện hưởng quản chế cho các tù nhân tiểu bang hoặc việc truy tố của tòa án người trưởng thành đối với các bị cáo vị thành niên có cùng số phiếu toàn tiểu bang, thì các điều khoản của đạo luật này hoặc (các) đạo luật khác sẽ được coi là mâu thuẫn với đạo luật này. Trong trường hợp đạo luật này nhận được nhiều phiếu thuận hơn so với một đạo luật được coi là mâu thuẫn với nó, thì những điều khoản của đạo luật này sẽ được ưu tiên trọn vẹn, và (những) đạo luật khác sẽ trở thành vô hiệu lực và không có tác dụng.

(b) Nếu đạo luật này được cử tri phê chuẩn nhưng bị thay thế bởi một điều luật hoặc bất cứ một đạo luật mâu thuẫn nào khác được cử tri phê chuẩn trong cùng một kỳ bầu cử, và đạo luật mâu thuẫn được đưa vào lá phiếu đó về sau bị xem là bất hợp lệ, thì đạo luật này sẽ có tác dụng ngay và có tác dụng và hiệu lực đầy đủ.

ĐOẠN 8. Quyền của Người ủng hộ.

Mặc dù bất kỳ điều khoản nào khác của pháp luật, nếu cơ quan chính phủ, Tiểu bang, hoặc quan chức bất kỳ của cơ quan đó không thể bảo vệ tính hợp hiến của đạo luật này sau khi đã được cử tri phê chuẩn, bất kỳ người đứng đầu chính quyền, người ủng hộ, hoặc nếu người này vắng mặt thì bất kỳ công dân nào của Tiểu bang này sẽ có quyền can thiệp vào bất kỳ hành động nào tòa án có tính thách thức tính hợp hiến của đạo luật này nhằm mục đích bảo vệ tính hợp hiến của nó, cho dù hành động đó diễn ra tại tòa án xét xử bất kỳ, bằng kháng cáo, hoặc với sự xem xét tùy ý của Tòa án Tối cao bang California hoặc Tòa án Tối cao Hoa Kỳ. Các chi phí và lệ phí hợp lý để bảo vệ hành động này sẽ được tính vào ngân quỹ của Bộ Tư Pháp, và phải được đáp ứng kịp thời.

ĐOẠN 9. Cách Giải Thích Bao Quát.

Đạo luật này sẽ được diễn giải theo cách bao quát để thực hiện những mục đích của nó.

DỰ LUẬT 58

Dự luật được đề nghị bởi Dự Luật Thượng Viện 1174 năm 2013-2014 của Phiên Họp Thường Kỳ (Chương 753, Đạo Luật năm 2014) này được đề trình với người dân chiếu theo Đoạn 10, Điều II, Hiến Pháp California.

Dự luật này tu chính và bãi bỏ các đoạn trong Bộ Luật Giáo Dục; do đó, các điều khoản được đề xuất xóa bỏ sẽ được in bằng *kiểu chữ gạch ngang* và các điều khoản mới được đề xuất bổ sung sẽ được in bằng *kiểu chữ nghiêng* để cho biết đây là nội dung mới.

DỰ LUẬT

ĐOẠN 1. Dự luật này sẽ được gọi là và được viện dẫn là "California Ed.G.E. Initiative" hoặc "Dự Luật Tiên Khởi Về Nền Giáo Dục Trong Bối Cảnh Kinh Tế Toàn Cầu Của California".

ĐOẠN 2. Đoạn 300 của Bộ Luật Giáo Dục được tu chính như sau:

300. *Cộng Dân Công dân California* kết luận và công bố như sau:

(a) Tiếng Anh là ngôn ngữ chung của quốc gia của Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ và Tiểu Bang California, là ngôn ngữ được sử dụng bởi phần lớn công dân California và cũng là ngôn ngữ hàng đầu thế giới được sử dụng trong ~~khóa học, công nghệ và kinh doanh quốc tế, khoa học và công nghệ~~, do đó, Tiếng Anh trở thành một ngôn ngữ *quan trọng* để có được các cơ hội kinh tế; trong hoàn cảnh

(b) ~~Người nhập cư~~ Tất cả các bậc cha mẹ đều cố gắng để con cái của họ có ~~vốn tiếng Anh tốt, từ đó, cho phép chúng thành thạo Tiếng Anh cũng như có được cơ hội học tập trong nền giáo dục chất lượng cao, từ đó chúng có thể được chuẩn bị tốt để hoàn tất Giác Mơ Mỹ về sự tiến bộ xã hội cũng như kinh tế; và~~

(c) California là nơi tập trung hàng ngàn doanh nghiệp đa quốc gia phải giao tiếp hàng ngày với những hiệp hội khắp thế giới; và

(d) *Nghiệp chủ trên mọi lĩnh vực kinh tế, cả công và tư, của tiểu bang California đều tích cực thuê mới những nhân viên biết nói nhiều ngôn ngữ do họ có khả năng tạo ra kết nối mạnh mẽ hơn với khách hàng, người tiêu dùng cũng như đối tác kinh doanh; và*

(e) *Kỹ năng Đa Ngôn Ngữ là cần thiết để bảo đảm an ninh quốc gia cũng như vô cùng quan trọng để thực hiện các chương trình quốc tế và ngoại giao; và*

(f) *California có truyền thống bảo tồn các ngôn ngữ phổ biến nhất thế giới, bao gồm cả Tiếng Anh, Tiếng Trung Quốc Giản Thể và Tiếng Tây Ban Nha, những ngôn ngữ cực kỳ quan trọng trong hoạt động ngoại giao cũng như kinh tế của tiểu bang; và*

(g) *California cung cấp cho tất cả các bậc cha mẹ một cơ hội độc nhất với lựa chọn giáo dục con em họ để đạt chuẩn cao nhất về Tiếng Anh cũng như các ngôn ngữ khác, bao gồm tiếng Mỹ Bản Địa, từ đó, giúp mở rộng cánh cửa giáo dục cấp đại học và lựa chọn nghề nghiệp cho học sinh; và*

(~~e~~) (h) Chính quyền và các trường công lập California có nghĩa vụ về mặt đạo đức và trách nhiệm về mặt hiến pháp phải cung cấp cho tất cả học sinh California, bất kể quốc tịch hoặc chủng tộc của học sinh ~~nguồn gốc của học sinh~~, những kỹ năng cần thiết để trở thành một thành viên xuất sắc của xã hội, và thành thạo Tiếng Anh là một trong những kỹ năng quan trọng nhất; và

(~~d~~) (i) Các trường công lập của tiểu bang California hiện không thực tốt chức năng giáo dục trẻ nhập cư; lãng phí nguồn tài chính vào các chương trình ngôn ngữ thực nghiệm đắt đỏ đã được chứng minh là các chương trình thất bại với tỷ lệ bỏ học cao và trình độ Tiếng Anh kém của học sinh nhập cư trong hai thập kỷ qua; *Lập Pháp California đã phê chuẩn và Thống Đốc (tiểu bang) đã ký xác nhận cải tổ lịch sử về ngân quỹ trường học, trong đó cấu trúc lại ngân*

quỹ giáo dục công lập một cách công bằng hơn, chỉ thị tăng ngân quỹ để cải thiện việc học Tiếng Anh và giao quyền kiểm soát tại địa phương cho các khu học chánh, văn phòng giáo dục quận và trường học về việc sử dụng ngân quỹ thông qua các công thức sử dụng nguồn ngân quỹ do địa phương kiểm soát cũng như các kế hoạch trách nhiệm và kiểm soát địa phương; và

(j) *Các bậc cha mẹ hiện đã có cơ hội tham gia xây dựng các chương trình cải tiến mới giúp cho học sinh có nhiều cơ hội hơn trong việc đạt được các kỹ năng thế kỷ 21, ví dụ như đa ngôn ngữ; và*

(k) *Tất cả các bậc cha mẹ sẽ có lựa chọn và tiếng nói để yêu cầu nền giáo dục tốt nhất cho con em mình, bao gồm tạo điều kiện cho học sinh tiếp cận với những chương trình ngôn ngữ để giúp học sinh chuẩn bị vào đại học cũng như nghề nghiệp, và cho phép học sinh có ưu thế cạnh tranh trong môi trường kinh tế toàn cầu; và*

(l) *Luật pháp hiện hành đặt ra rất nhiều những khó khăn đối với giáo viên và trường học, từ đó làm giảm cơ hội của học sinh được phát triển kỹ năng đa ngôn ngữ; và*

(~~e~~) (m) *Trẻ nhập cư có thể dễ dàng thành thạo hoàn toàn ngôn ngữ mới, ví dụ như Tiếng Anh, nếu chúng được tiếp xúc thường xuyên với ngôn ngữ này trong lớp học ở những năm đầu đời. Một cuộc nghiên cứu lớn đã chứng minh lợi ích có thể nhận thấy rõ ràng về kinh tế và học vấn lâu dài của đa ngôn ngữ và đa năng lực đọc viết.*

(~~f~~) (n) Do đó, các vấn đề được giải quyết như sau: các tu chính và bãi bỏ đối với một số điều khoản nhất định của chương này vào cuộc tổng tuyển cử toàn tiểu bang tháng Mười Một, 2016 sẽ ưu tiên thực hiện mục tiêu của cử tri đó là đảm bảo rằng tất cả trẻ em trong các trường học công lập California sẽ được ~~giảng dạy bằng Tiếng Anh ngay khi có thể. học sinh được học tập trong nền giáo dục chất lượng cao, thành thạo Tiếng Anh, tiếp cận với các chương trình ngôn ngữ đã được nghiên cứu, sáng tạo và chất lượng cao đảm bảo đáp ứng tiêu chuẩn California Ed.GE. (Nền Giáo Dục Trong Bối Cảnh Kinh Tế Toàn Cầu Của California).~~

ĐOẠN 3. Đoạn 305 của Bộ Luật Giáo Dục được tu chính như sau:

305. *Coi (a) (1) là ngoại lệ trong Điều 3 Là một phần trong quy trình gắn kết giữa cộng đồng và phụ huynh để triển khai kế hoạch trách nhiệm và kiểm soát địa phương chiếu theo Điều 4.5 (bắt đầu từ Đoạn 310), tất cả trẻ em trong các trường công lập California sẽ được dạy bằng Tiếng Anh. Cụ thể, quy trình này yêu cầu tất cả trẻ em phải được học tại các lớp sử dụng Tiếng Anh. Trẻ em là những người học Tiếng Anh sẽ được học thông qua chương trình hội nhập Tiếng Anh bảo đảm trong một giai đoạn chuyển tiếp tạm thời thường không quá một năm học. Học sinh địa phương sẽ được phép học chung lớp với học sinh là người học Tiếng Anh có độ tuổi khác nhau nhưng có trình độ Tiếng Anh tương đương. Các trường học địa phương được khuyến khích trộn những học sinh là người học Tiếng Anh xuất thân từ những nhóm ngôn ngữ bản địa khác nhau nhưng có trình độ Tiếng Anh giống nhau vào cùng một lớp. Sau khi người học Tiếng Anh đã có kiến thức tốt về Tiếng Anh đủ để sử dụng, các em sẽ được chuyển sang lớp sử dụng Tiếng Anh là chủ đạo. Kinh phí bổ sung hiện tại dành cho người học Tiếng Anh nên được duy trì nhiều nhất có thể nếu phải điều chỉnh theo Điều 8 (bắt đầu từ Đoạn 335) dưới đây: 52060), Chương 6.1, Mục 28, Phần 4, Tựa Đề 2, theo đó các khu học chánh và văn phòng giáo dục quận phải thu thập và cung cấp cho học sinh phương pháp giảng dạy phù hợp và hiệu quả, bao gồm, nhưng không hạn chế bởi xây dựng các chương trình ngôn ngữ, như được quy định trong Đoạn 306.*

Mục đích của yêu cầu này đó là để đảm bảo rằng tất cả học sinh, bao gồm cả người học Tiếng Anh và người nói Tiếng Anh bản xứ, đều được tiếp cận với các tiêu chuẩn nội dung học vấn chủ yếu, bao gồm tiêu chuẩn phát triển Tiếng Anh, nếu có; và đều thành thạo Tiếng Anh theo như ưu tiên của tiểu bang được trình bày trong đoạn văn (2), tiểu phần (d) của Đoạn 52060 và của Đoạn 52066.

(2) Các khu học chánh và văn phòng giáo dục quận phải, tối thiểu, cung cấp cho người học Tiếng Anh chương trình hội nhập Tiếng Anh có kết cấu rõ ràng như được quy định trong Đoạn 306, nhằm mục đích đảm bảo người học Tiếng Anh được tiếp cận các tiêu chuẩn nội dung học vấn chủ yếu, bao gồm cả tiêu chuẩn phát triển Tiếng Anh; và sử dụng thành thạo Tiếng Anh theo như ưu tiên của tiểu bang được trình bày trong đoạn văn (2), tiểu phần (d) của Đoạn 52060 và của Đoạn 52066.

(b) Khi khu học chánh hoặc văn phòng giáo dục quận xây dựng chương trình ngôn ngữ chiếu theo yêu cầu của đoạn này, khu học chánh hoặc văn phòng giáo dục quận phải tham khảo ý kiến từ nhân viên trường học liên quan, bao gồm, nhưng không hạn chế bởi viên chức điều hành và giáo viên có chứng nhận giảng dạy với kinh nghiệm và quyền hạn phù hợp.

(c) Các khu học chánh và văn phòng giáo dục quận cũng được khuyến khích tạo cơ hội cho các học sinh và người nói Tiếng Anh bản địa được học tập bằng ngôn ngữ khác đến mức độ đủ để thành thạo ngôn ngữ đó. Học tập ngôn ngữ không phải là Tiếng Anh sẽ tùy thuộc vào ý muốn của phụ huynh, cộng đồng và trường học, dựa trên tài nguyên ngôn ngữ và nguồn tài chính của cộng đồng trường học cũng như dựa trên các cân nhắc khác của địa phương.

(d) Chương trình ngôn ngữ được xây dựng chiếu theo đoạn này cần phải tuân thủ yêu cầu của Đoạn 310.

ĐOẠN 4. Đoạn 306 của Bộ Luật Giáo Dục được tu chính như sau:

306. Định nghĩa các thuật ngữ được sử dụng trong điều này và trong Điều 31 (bắt đầu từ Đoạn 310) 300) như sau:

(a) "Người học Tiếng Anh" nghĩa là trẻ em không nói Tiếng Anh hoặc có ngôn ngữ bản xứ không phải là Tiếng Anh và hiện tại không thể thực hiện các bài tập bình thường trong lớp học bằng Tiếng Anh. Đối tượng này cũng được gọi là trẻ LEP hay trẻ có Trình Độ Tiếng Anh Hạn Chế: học sinh có "trình độ Tiếng Anh hạn chế" với thuật ngữ này được định nghĩa trong Đạo Luật Không Để Trẻ Em Nào Học Kém năm 2001 của liên bang (20 U.S.C. 7801(25)).

(b) "Lớp Tiếng Anh" có nghĩa là lớp mà giáo viên đứng lớp giảng dạy phần lớn bằng Tiếng Anh, và giáo viên đó có kiến thức tốt về Tiếng Anh. "Người nói Tiếng Anh bản xứ" nghĩa là học sinh đã học và sử dụng Tiếng Anh ngay tại nhà từ những năm đầu đời và Tiếng Anh đã trở thành phương tiện giao tiếp và tư duy chính của học sinh đó.

(c) "Lớp sử dụng Tiếng Anh chủ đạo" nghĩa là lớp học trong đó học sinh là người nói Tiếng Anh bản xứ hoặc đã có trình độ Tiếng Anh nhất định. "Chương trình ngôn ngữ" là các chương trình giáo dục được thiết kế để đảm bảo việc học tập ngôn ngữ trở nên nhanh chóng và hiệu quả nhất có thể, và chương trình này có nội dung giảng dạy đạt tiêu chuẩn về học vấn được tiểu bang thông qua, bao gồm cả tiêu chuẩn về phát triển Tiếng Anh. Chương trình ngôn ngữ được cung cấp cho học sinh phải được nghiên cứu và phải giúp cho học sinh đạt được sự thành thạo ngôn ngữ so với cấp lớp cũng như thành tích học tập trong cả Tiếng Anh cũng như ngôn ngữ khác. Các chương trình ngôn ngữ có thể bao gồm, nhưng không hạn chế bởi tất cả những chương trình sau:

(1) Chương trình hội nhập song ngữ cung cấp nội dung học tập văn hóa và

ngôn ngữ tích hợp cho học sinh sử dụng ngôn ngữ bản xứ khác, với mục tiêu giúp học sinh có thành tích học vấn cao hơn, thành thạo cả ngôn ngữ chính và ngôn ngữ thứ hai, cũng như tăng cường hiểu biết đa văn hóa.

(2) Các chương trình chuyển tiếp hay phát triển dành cho người nói Tiếng Anh cung cấp nội dung giảng dạy văn hóa và đọc hiểu bằng Tiếng Anh song song với ngôn ngữ bản xứ của học sinh, và giúp người học Tiếng Anh có thể sử dụng thành thạo Tiếng Anh cũng như nắm vững nội dung chủ đề học tập và nâng cao kỹ năng, bao gồm tư duy suy luận, để đạt được tiêu chuẩn nội dung học vấn được thông qua trên toàn tiểu bang.

(d) (3) "Hội nhập Tiếng Anh bảo đảm" hay "hội nhập Tiếng Anh có kết cấu" nghĩa là quy trình học Tiếng Anh dành cho trẻ nhỏ Các chương trình hội nhập Tiếng Anh có cấu trúc cho người học Tiếng Anh trong đó gần như tất cả nội dung dạy và học trong lớp đều bằng Tiếng Anh Tiếng Anh, nhưng với nội dung học tập và trình bày được thiết kế dành cho trẻ em là học sinh đang học ngôn ngữ: Tiếng Anh.

(e) "Giáo dục song ngữ/giảng dạy bằng ngôn ngữ bản xứ" có nghĩa là quy trình học ngôn ngữ dành cho học sinh trong đó phần lớn hoặc tất cả nội dung giảng dạy, sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy đều bằng ngôn ngữ bản xứ của học sinh.

ĐOẠN 5. Đoạn 310 của Bộ Luật Giáo Dục được tu chính như sau:

310. (a) Các yêu cầu của Đoạn 305 có thể được miễn nếu có văn bản đồng ý trước được cung cấp hàng năm, Cha Mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp của học sinh ghi danh học tại trường có văn bản đồng ý đó có thể chọn chương trình ngôn ngữ phù hợp nhất cho con em họ chiếu theo đoạn này. Các trường mà cha mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp, tùy theo hoàn cảnh, chỉ rõ dưới đây và trong Đoạn 311. Văn bản đồng ý đó phải có sự tán đồng của 30 người giám hộ học sinh trở lên mỗi trường hoặc cha mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp của học sinh đích thân đến trường để đăng ký miễn yêu cầu và trong văn bản đồng ý đó, họ cũng phải xác nhận rằng họ đã được cung cấp mô tả đầy đủ về các tài liệu giáo dục sẽ được sử dụng trong các chương trình giáo dục khác nhau cũng như thông tin về tất cả các cơ hội giáo dục hiện có cho trẻ. Trong điều kiện được miễn theo yêu cầu của cha mẹ, trẻ em có thể được chuyển tới các lớp nơi chúng sẽ được dạy Tiếng Anh và các môn khác nhờ kỹ thuật giáo dục song ngữ hoặc phương pháp giáo dục khác đã được công nhận và được luật pháp cho phép áp dụng. Trong mỗi trường, nếu có 20 người giám hộ cho học sinh trở lên của một cấp lớp được bài miễn yêu cầu ở bất kỳ cấp lớp nào, thì họ có thể yêu cầu trường tổ chức chương trình ngôn ngữ để giảng dạy ngôn ngữ cho học sinh và trường sẽ phải cung cấp lớp học theo chương trình như vậy; nếu không, họ phải cho phép học sinh chuyển sang trường công lập có tổ chức lớp này: chương trình đến mức độ có thể theo yêu cầu của Đoạn 305.

(b) Nếu khu học chánh triển khai chương trình ngôn ngữ chiếu theo đoạn này, khu học chánh cần phải thực hiện cả hai điều sau:

(1) Tuân thủ yêu cầu về số lớp được quy định trong Đoạn 42238.02 đối với cả lớp mầm non và lớp 1 đến lớp 3.

(2) Cung cấp, như là một phần của thông báo cho cha mẹ hàng năm theo quy định của Đoạn 48980 hoặc sau khi ghi danh, theo yêu cầu cha mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp của học sinh là trẻ vị thành niên, thông tin về các loại chương trình ngôn ngữ hiện có dành cho học sinh ghi danh học tại khu học chánh, bao gồm nhưng không giới hạn bởi thông tin mô tả về mỗi chương trình.

ĐOẠN 6. Đoạn 311 của Bộ Luật Giáo Dục bị xóa bỏ.

311. — Các trường hợp trong đó ngoại lệ bãi miễn theo yêu cầu của phụ huynh có thể được cấp theo quy định tại Đoạn 310 như sau:

(a) Trẻ em đã biết Tiếng Anh: trẻ em đã có kỹ năng Tiếng Anh tốt. Nghĩa là, trong kiểm tra tiêu chuẩn hóa về đọc, hiểu và viết từ vựng Tiếng Anh, học sinh có điểm số bằng hoặc cao hơn điểm trung bình tiểu bang của cấp lớp đó hoặc bằng hoặc cao hơn điểm trung bình của lớp 5, tùy theo điểm trung bình nào thấp hơn; hoặc

(b) Trẻ lớn: trẻ có độ tuổi từ 10 tuổi trở lên, và tại độ tuổi đó, hiệu trưởng trường học cũng như nhân viên giáo dục của trường có cơ sở tin rằng khóa học khác sẽ phù hợp hơn cho trẻ học kỹ năng Tiếng Anh cơ bản nhanh; hoặc

(c) Trẻ có nhu cầu đặc biệt: trẻ đã được sắp xếp vào lớp Tiếng Anh trong giai đoạn không ít hơn ba mươi ngày trong năm học và hiệu trưởng trường học và nhân viên giáo dục sau đó có cơ sở tin rằng trẻ có nhu cầu đặc biệt về giáo dục, thể chất, tâm lý và tình cảm mà một khóa học khác sẽ phù hợp hơn với quá trình phát triển giáo dục chung của trẻ. Văn bản trình bày những nhu cầu đặc biệt này phải được cung cấp và các quyết định sẽ được đưa ra phụ thuộc vào kết quả kiểm tra cũng như phê chuẩn của giám đốc học chánh địa phương theo hướng dẫn được lập bởi và theo đánh giá của Hội Đồng Giáo Dục địa phương cũng như Hội Đồng Giáo Dục Tiểu Bang. Việc tồn tại những nhu cầu đó sẽ không bắt buộc phải bãi miễn yêu cầu, và cha mẹ sẽ được thông báo về quyền từ chối đồng ý bãi miễn của họ.

ĐOẠN 7. Đoạn 320 của Bộ Luật Giáo Dục được tu chính như sau:

320. Theo yêu cầu chi tiết trong Điều *Đoạn 5, Điều IX của Hiến Pháp California*, và Điều 2 (bắt đầu từ Đoạn 305) và Điều 3 (bắt đầu từ Đoạn 310), theo *thứ tự lần lượt*, tất cả học sinh các trường trong tiểu bang California sẽ có quyền được hưởng giáo dục công lập môn Tiếng Anh. Nếu một học sinh của một trường học tại California từ chối lựa chọn chương trình giảng dạy Tiếng Anh trong trường công lập, cha mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp của học sinh sẽ có quyền hợp pháp thừa kiện việc thực thi các điều khoản trong đạo luật này, và nếu thành công họ được bù đắp bằng bồi thường chi phí luật sư bình thường theo thông lệ và bồi thường chi phí tổn thất thực tế, nhưng không bao gồm bồi thường chi phí tổn thất để trừng phạt hay chi phí tổn thất hệ quả. Bất kỳ ủy viên hội đồng trường học nào hoặc viên chức dân cử hoặc viên chức điều hành hoặc giáo viên trường học công lập nào cố tình và liên tục từ chối thi hành các điều khoản trong đạo luật này bằng cách cung cấp phương án giáo dục *tiếng Anh* và *giáo dục công miễn phí* tại một trường công lập hiện có cho một học sinh trường học California có thể phải chịu trách nhiệm cá nhân trong việc chi trả chi phí và bồi thường tổn thất thực tế mà phụ huynh hoặc người giám hộ hợp pháp của trẻ phải chịu: *giáo dục công lập*.

ĐOẠN 8. Đoạn 335 của Bộ Luật Giáo Dục được tu chính như sau:

335. Các điều khoản của đạo luật này có thể được tu chính bởi đạo luật sẽ có hiệu lực sau khi được cử tri phê chuẩn hoặc bởi đạo luật củng cố mục tiêu của đạo luật này mà được thông qua bởi hai phần ba đa số phiếu cử tri của mỗi viện của Lập Pháp và được Thống Đốc ký xác nhận.

ĐOẠN 9. Các đoạn từ đoạn 2 đến hết đoạn 8 của đạo luật này sẽ có hiệu lực vào ngày 1 tháng Bảy, 2017.

DỰ LUẬT 59

Câu hỏi tư vấn sau sẽ được gửi cho người dân theo quy định tại Khoản 4, Dự Luật Thượng Viện 254 năm 2015–16 của Phiên Họp Thường Kỳ (Chương 20, Đạo Luật 2016).

Câu Hỏi Tư Vấn: "Các viên chức dân cử California có nên sử dụng mọi thẩm quyền hiến định của họ, bao gồm nhưng không giới hạn vào, việc kiến nghị và thông qua một hoặc nhiều khoản tu chính đối với Hiến Pháp Hoa Kỳ, để hủy bỏ phán quyết vụ Công Dân Đoàn Kết kiện Ủy Ban Bầu Cử Liên Bang (2010) 558 U.S.310, và các tiền lệ tư pháp được áp dụng khác, để cho phép việc quản lý hoặc giới hạn hoàn toàn đối với các đóng góp và chi tiêu cho cuộc vận động tranh cử, để đảm bảo rằng mọi công dân, bất kể giàu nghèo, có thể bộc lộ quan điểm của mình với người khác, và để làm sáng tỏ rằng các công ty kinh doanh không nên có cùng các quyền hiến định như con người hay không?"

DỰ LUẬT 60

Dự luật tiên khởi này được đệ trình với người dân nhằm phù hợp với những điều khoản của Đoạn 8 Điều II của Hiến Pháp California.

Dự luật tiên khởi này bổ túc các đoạn vào Bộ Luật Lao Động; do đó, những điều khoản mới được đề nghị thêm vào sẽ in theo *kiểu chữ nghiêng* để cho biết đó là những điều khoản mới.

DỰ LUẬT ĐỀ NGHỊ

Đạo Luật Về Tình Dục An Toàn Trong Ngành Sản Xuất Phim Người Lớn California

Người dân Tiểu Bang California theo đây quyết định như sau:

ĐOẠN 1. Tựa Đề.

Đạo luật này được gọi là và có thể được trích dẫn là "Đạo Luật Về Tình Dục An Toàn Trong Ngành Sản Xuất Phim Người Lớn California" ("Đạo luật").

ĐOẠN 2. Kết Luận và Tuyên Bố.

Người dân Tiểu bang California theo đây quyết định và tuyên bố tất cả những điều sau đây:

(a) Việc lây truyền rộng rãi các bệnh lây truyền qua đường tình dục liên quan đến sản xuất phim người lớn tại California đã được một hoặc nhiều sở y tế công cộng cấp quận ghi nhận. Tất cả nhân viên trong ngành công nghiệp phim người lớn xứng đáng được đi làm và không mắc bệnh. Điều quan trọng là việc thực hành tình dục an toàn hơn trong sản xuất phim người lớn, và đặc biệt là việc sử dụng bao cao su của diễn viên, là bắt buộc nhằm hạn chế sự lây lan của HIV/AIDS và các bệnh lây truyền qua đường tình dục khác trong ngành công nghiệp phim người lớn. Mỗi quan ngại trực tiếp của công chúng không chỉ đối với nguy cơ nhiễm HIV/AIDS và các bệnh lây truyền qua đường tình dục khác giữa các diễn viên phim người lớn, mà còn đối với nguy cơ lây truyền HIV/AIDS và các bệnh lây truyền qua đường tình dục khác giữa diễn viên phim người lớn và dân số rộng lớn hơn.

(b) Ngành công nghiệp phim người lớn đặt lợi nhuận lên trên sự an toàn của nhân viên và chủ động ngăn chặn và không khuyến khích việc sử dụng các phương pháp quan hệ tình dục an toàn cần thiết nhất định. Chi phí phòng ngừa, xét nghiệm và theo dõi y khoa liên quan đến HIV/AIDS và các bệnh lây truyền qua đường tình dục khác hiện nay do chính các diễn viên phim

59

60

58

người lớn chi trả, đây là điều bắt công trong khi các nhà sản xuất phim người lớn lại tránh phải chịu những chi phí và trách nhiệm này. Đạo luật này là cần thiết và phù hợp để giải quyết những mối quan ngại của công chúng.

ĐOẠN 3. Mục Đích và Ý Định.

Người dân Tiểu bang California theo đây tuyên bố mục đích và ý định của việc ban hành Đạo luật này như sau:

- (a) Nhằm bảo vệ các diễn viên trong ngành công nghiệp phim người lớn và giảm thiểu sự lây lan của các bệnh lây truyền qua đường tình dục từ việc sản xuất phim người lớn ở California, qua đó làm giảm tác động tiêu cực đến sức khỏe người dân và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân California.
- (b) Nhằm yêu cầu các nhà sản xuất phim người lớn tuân thủ luật pháp bằng cách yêu cầu, trong số những điều khác, bảo vệ các diễn viên bằng bao cao su nhằm tránh các bệnh lây truyền qua đường tình dục.
- (c) Nhằm cho phép và yêu cầu Sở Y tế và An toàn Lao động California (Cal/OSHA) và Hội đồng Tiêu chuẩn Sức khỏe và An toàn Nghề nghiệp California thực hiện các biện pháp thích hợp để thực thi Đạo luật này.
- (d) Nhằm yêu cầu các nhà sản xuất phim người lớn chi trả các chi phí tiêm phòng, xét nghiệm và theo dõi y khoa nhất định liên quan đến HIV/AIDS và các bệnh lây truyền qua đường tình dục khác và nhằm cung cấp cho các diễn viên phim người lớn quyền hành động riêng tư để phục hồi những thiệt hại dân sự đối với tổn thất kinh tế hoặc cá nhân do việc các nhà sản xuất phim người lớn không tuân thủ các yêu cầu về sức khỏe và an toàn của Đạo luật này gây ra.
- (e) Nhằm buộc trách nhiệm cho tất cả các cá nhân và tổ chức có lợi ích tài chính trong việc sản xuất hoặc phân phối phim người lớn vi phạm Đạo luật này.
- (f) Nhằm yêu cầu các nhà sản xuất phim người lớn thông báo về việc quay phim, duy trì hồ sơ nhất định về quay phim, gửi thông báo liên quan đến việc bắt buộc sử dụng bao cao su cho những cảnh quay nhất định, và thực hiện đầy đủ các yêu cầu bổ sung về sức khỏe.
- (g) Nhằm ngăn chặn sự không tuân thủ và khuyến khích tuân thủ các yêu cầu của Đạo luật này bằng cách yêu cầu các nhà sản xuất phim người lớn phải có giấy phép.
- (h) Nhằm kéo dài thời gian trong đó Tiểu bang California có thể truy bắt những người vi phạm Đạo luật.
- (i) Nhằm cho phép người tố giác và người dân thường truy bắt người vi phạm Đạo luật trong trường hợp tiểu bang không bắt được những người vi phạm đó.
- (j) Nhằm cấm người giới thiệu diễn viên cố ý giới thiệu diễn viên phim người lớn đến các địa điểm không sử dụng bao cao su trong sản xuất phim người lớn.
- (k) Nhằm cung cấp sự bảo vệ pháp lý thích hợp của Đạo luật nếu Đạo luật được thông qua và sau đó không được chấp nhận tại tòa án.

ĐOẠN 4. Đạo Luật Về Tình Dục An Toàn Trong Ngành Sản Xuất Phim Người Lớn California sẽ được hệ thống hóa bằng cách bổ sung Đoạn 6720 đến hết 6720.8, vào Bộ luật Lao động.

ĐOẠN 4.1. Đoạn 6720 được thêm vào Bộ Luật Lao Động, như sau:

6720. Các Yêu cầu về Sức khỏe và Việc làm: Ngành công nghiệp phim người lớn.

(a) Nhà sản xuất phim người lớn phải duy trì kiểm soát kỹ thuật và kiểm soát hành nghề đủ để bảo vệ diễn viên phim người lớn khỏi bị phơi nhiễm với máu và bất kỳ vật chất có nguy cơ lây nhiễm khác- các bệnh lây truyền qua đường tình dục ("OPIM-STI"). Kiểm soát kỹ thuật và kiểm soát hành nghề bao gồm:

- (1) Cung cấp và yêu cầu sử dụng bao cao su trong quá trình quay phim người lớn.
- (2) Cung cấp các chất bôi trơn dạng nước hoặc silicone an toàn với bao cao su để tạo thuận lợi cho việc sử dụng bao cao su.
- (3) Bất kỳ kiểm soát kỹ thuật phòng ngừa STI và kiểm soát hành nghề hợp lý khác theo yêu cầu của các quy định được hội đồng thông qua trong quá trình xây dựng luật hành chính, miễn là việc kiểm soát kỹ thuật và kiểm soát hành nghề như vậy là phù hợp với mục đích và ý định của Mục 6720 đến hết 6720.8.
- (b) Chi phí của tất cả các lần tiêm phòng STI, tất cả các xét nghiệm STI, và tất cả các theo dõi y khoa cần thiết để một cá nhân đóng phim người lớn, sẽ do nhà sản xuất phim người lớn chi trả và diễn viên phim người lớn không phải chi trả các chi phí này.
- (c) Nhà sản xuất phim người lớn phải giữ bí mật tuyệt đối theo yêu cầu của pháp luật đối với thông tin bất kỳ về sức khỏe của diễn viên phim người lớn thu thập được bằng bất kỳ phương tiện nào.
- (d) Việc một nhà sản xuất phim người lớn không cung cấp và thanh toán chi phí vắc-xin phòng ngừa STI, xét nghiệm STI, hoặc khám sức khỏe theo yêu cầu để được đóng phim người lớn, nếu vắc-xin, xét nghiệm, hoặc kiểm tra như vậy đã được thỏa thuận với diễn viên phim người lớn, sẽ dẫn đến việc nhà sản xuất phim người lớn, phải nộp phạt cho Tiểu bang California, tương đương với chi phí của mỗi vắc-xin phòng STI, mỗi xét nghiệm STI, và mỗi lần khám sức khỏe mà nhà sản xuất phim người lớn đã không cung cấp hoặc chi trả thay mặt diễn viên phim người lớn.
- (e) Bất kỳ diễn viên phim người lớn có thể yêu cầu và được chi trả, ngoài những biện pháp khắc phục hoặc bồi thường thiệt hại khác dưới sự cho phép của pháp luật, những khoản bồi thường thiệt hại dân sự lên đến năm mươi ngàn đô la (\$50,000), tùy thuộc vào mức tăng chỉ số giá tiêu dùng hàng năm, nếu người xét xử: (1) kết luận rằng diễn viên phim người lớn đã phải chịu tổn thất kinh tế hoặc cá nhân như là kết quả của việc nhà sản xuất phim người lớn không tuân thủ các tiểu mục (a), (b) hoặc (c); (2) đưa ra kết luận khẳng định rằng việc nhà sản xuất phim người lớn không tuân thủ là do cố ý, bất cẩn, hoặc do cố ý; và (3) kết luận rằng một khoản bồi thường là thích hợp. Tòa án sẽ bồi thường chi phí và phí luật sư cho một nguyên cáo thắng kiện trong vụ kiện được đệ đơn theo tiểu mục này hoặc tiểu mục (f). Chi phí luật sư hợp lý có thể được trả cho một bị cáo thắng kiện nếu tòa kết luận rằng việc nguyên đơn khởi tố hành động đó là không thiện chí. Trong trường hợp các khoản bồi thường thiệt hại cho tổn thất kinh tế hoặc cá nhân của diễn viên phim người lớn do bảo hiểm bồi thường nhân viên của nhà sản xuất phim người lớn chi trả thì tiểu mục này không được áp dụng.
- (f) Mọi diễn viên phim người lớn có quyền khởi kiện theo tiểu mục (e) sẽ có quyền khởi kiện nhân danh tất cả các diễn viên phim người lớn khác bị rơi vào hoàn cảnh tương tự, tùy thuộc vào chứng nhận của tòa án.

(g) Trước ngày 1 tháng Một năm 2018, Hội đồng sẽ thông qua các quy định để thực thi và thực hiện các điều khoản và mục đích của Đoạn 6720 đến hết 6720.8, phù hợp với các điều khoản về xây dựng quy tắc của Đạo luật Tổ tụng Hành chính (Chương 3.5 (bắt đầu từ Đoạn 11340) Phần 1 Phần khu 3 Tiêu đề

2 của Bộ luật Chính quyền).

(h) Đoạn này không được hiểu là yêu cầu bao cao su, rào cản, hoặc dụng cụ bảo hộ cá nhân khác phải được nhìn thấy trong sản phẩm cuối cùng của một bộ phim người lớn. Tuy nhiên, phải có một giả định biện luận rằng bất kỳ bộ phim người lớn nào không nhìn thấy bao cao su, được phân phối cho các mục đích thương mại ở Tiểu bang California bằng mọi phương tiện, đã được sản xuất theo cách vi phạm đoạn này.

(i) Trách nhiệm theo Đoạn 6720 đến hết 6720.8, không áp dụng đối với diễn viên phim người lớn, nhân viên chân chính, các cá nhân cung cấp dịch vụ hợp đồng độc lập, hoặc tình nguyện viên sản xuất của một nhà sản xuất phim người lớn thừa hành trong phạm vi các dịch vụ tổng hợp được cung cấp và phù hợp với hướng dẫn của nhà sản xuất phim người lớn, với điều kiện là cá nhân đó không có lợi ích tài chính trong bộ phim người lớn và không phải là nhà sản xuất phim người lớn. Các cá nhân này không được coi là người giới thiệu diễn viên cho nhà sản xuất phim người lớn theo mục đích của Đoạn 6720 đến hết 6720.8.

(j) Không điều gì trong Đoạn 6720 đến hết 6720.8 ngăn cản một cơ quan của tiểu bang, chẳng hạn như phân khu hoặc hội đồng, ban hành các quy định về sản xuất, tài trợ, và phân phối phim người lớn, miễn là các quy định đó tăng cường bảo vệ an toàn nơi làm việc và quyền cho diễn viên phim người lớn và không làm suy yếu các yêu cầu của Đoạn 6720 đến hết 6720.8.

(k) Trong trường hợp số tiền phạt bất kỳ được quy định tại Đoạn 6720 đến hết 6720.8 được một tòa án kết luận là không hợp lệ, phân khu đó có quyền và trách nhiệm phát triển và hội đồng có quyền và trách nhiệm áp dụng các hình phạt bằng tiền thông qua quá trình xây dựng quy tắc hành chính với một số tiền hợp lý đủ để ngăn chặn sự không tuân thủ và khuyến khích tuân thủ những yêu cầu của các điều khoản mà trong đó các hình phạt như vậy được xác định là không hợp lệ.

ĐOẠN 4.2. Đoạn 6720.1 được thêm vào Bộ Luật Lao Động, như sau:

6720.1. Thông báo & Tiết lộ.

(a) Trong vòng 10 ngày sau khi bắt đầu quay phim, nhà sản xuất phim người lớn phải tiết lộ cho phân khu, bằng văn bản, có chữ ký theo hình phạt về nộguy thệ của nhà sản xuất phim người lớn, các thông tin sau:

(1) (Những) địa chỉ nơi thực hiện các cảnh quay đang hoặc sẽ diễn ra, với bất kỳ thay đổi về địa điểm phải được tiết lộ cho phân khu trong vòng 72 giờ sau khi xuất hiện những thay đổi như vậy.

(2) (Những) ngày thực hiện các cảnh quay đang hoặc sẽ diễn ra, với bất kỳ thay đổi về ngày quay phim phải được tiết lộ cho phân khu trong vòng 72 giờ sau khi xuất hiện những thay đổi như vậy.

(3) Tên và thông tin liên lạc của nhà sản xuất phim người lớn.

(4) Tên và thông tin liên lạc của nhân viên bảo quản hồ sơ được chỉ định theo yêu cầu của tiểu mục (h).

(5) Tên và thông tin liên lạc của bất kỳ cơ quan giới thiệu diễn viên thực hiện việc giới thiệu bất kỳ diễn viên phim người lớn nào cho nhà sản xuất phim người lớn.

(6) Giấy chứng nhận có chữ ký của nhà sản xuất phim người lớn, theo hình phạt về nộguy thệ, rằng:

(A) Bao cao su sẽ được sử dụng hoặc đã được sử dụng trong suốt thời gian quay các cảnh quan hệ tình dục qua âm đạo hoặc hậu môn;

(B) Tất cả các xét nghiệm STI, tiêm phòng STI, và kiểm tra y tế, theo yêu cầu để một cá nhân có thể làm diễn viên phim người lớn, đã được cung cấp miễn phí cho cá nhân đó trước khi bắt đầu quay phim; và

(C) Chi phí của tất cả các xét nghiệm STI, tiêm phòng STI, và kiểm tra y tế đã được nhà sản xuất phim người lớn chi trả.

(7) Bất kỳ tài liệu hoặc thông tin khác mà phân khu hoặc hội đồng có thể yêu cầu để đảm bảo tuân thủ các điều khoản tại Đoạn 6720 đến hết 6720.8.

(b) Sau khi đệ trình thông tin theo yêu cầu tại đoạn này, nhà sản xuất phim người lớn phải nộp một khoản lệ phí theo quy định của phân khu hoặc hội đồng bằng một số tiền đủ để bảo vệ dữ liệu, lưu trữ dữ liệu, và các chi phí hành chính khác liên quan đến việc tiếp nhận, xử lý, và duy trì tất cả các thông tin được đệ trình theo đoạn này. Cho đến khi phân khu hoặc hội đồng thiết lập mức lệ phí, khoản lệ phí này sẽ là một trăm đô la (\$100). Lệ phí được thu theo tiểu mục này sẽ không được sử dụng để trang trải các chi phí của việc thực thi Đoạn 6720 đến hết 6720.8.

(c) Trường hợp một bộ phim người lớn có hai nhà sản xuất phim người lớn trở lên thì một trong những nhà sản xuất phim người lớn có thể truyền các thông tin được yêu cầu tiết lộ theo tiểu mục (a) thay mặt cho tất cả các nhà sản xuất phim người lớn của bộ phim người lớn đó.

(d) Việc một nhà sản xuất phim người lớn không kịp thời thông báo cho phân khu các thông tin theo yêu cầu tại đoạn này, hoặc không tuân thủ tiểu mục

(f) yêu cầu của chương trình đào tạo, tiểu mục (g) yêu cầu của bảng chỉ dẫn, hoặc tiểu mục (h) yêu cầu lưu trữ hồ sơ, sẽ bị phạt không dưới một ngàn đô la (\$1,000) và không quá bảy ngàn đô la (\$7,000) cho mỗi vi phạm, như được xác định thông qua quá trình cưỡng chế hành chính hoặc một vụ kiện dân sự. Mỗi vi phạm lặp lại sẽ bị phạt không dưới bảy ngàn đô la (\$7,000) và không quá mười lăm ngàn đô la (\$15,000), như được xác định thông qua quá trình cưỡng chế hành chính hoặc một vụ kiện dân sự. Việc không cung cấp bất kỳ thông tin của cá nhân nào theo yêu cầu của tiểu mục (a) sẽ tạo thành một vi phạm riêng biệt.

(e) Một nhà sản xuất phim người lớn cố ý đưa ra bất kỳ tuyên bố, trình bày, hoặc chứng nhận dối trá nào trong việc tuân thủ tiểu mục (a) sẽ bị phạt không quá bảy mươi ngàn đô la (\$70,000) như được xác định thông qua quá trình cưỡng chế hành chính hoặc một vụ kiện dân sự.

(f) Nhà sản xuất phim người lớn có trách nhiệm cung cấp một chương trình đào tạo cho từng diễn viên phim người lớn và nhân viên theo yêu cầu của các quy định được hội đồng thông qua theo quá trình xây dựng quy tắc hành chính.

(g) Một bảng hiệu dễ đọc phải luôn được trưng bày tại địa điểm quay phim người lớn ở dạng mặt chữ thông thường, phông chữ không nhỏ hơn 48 điểm, cung cấp thông báo sau đây để tất cả các diễn viên phim người lớn trong bộ phim người lớn đó có thể thấy rõ:

Tiểu bang California yêu cầu sử dụng bao cao su cho tất cả hành vi giao hợp qua âm đạo hoặc hậu môn khi sản xuất phim người lớn

nhằm bảo vệ diễn viên khỏi bệnh tật và bệnh lây truyền qua đường tình dục.

Bất kỳ mối quan ngại nào về sức khỏe cộng đồng liên quan đến mọi hoạt động diễn ra trong thời gian sản xuất phim người lớn bất kỳ cần được chuyển đến:

Phân khu hoặc hội đồng phải xác định, và phải công bố cho công chúng và tất cả các nhà sản xuất phim người lớn, ngôn ngữ sẽ được chèn trực tiếp phía trên dòng trống trên bảng hiệu theo yêu cầu của tiểu mục này, và tất cả các nhà sản xuất phim người lớn phải tuân thủ quyết định đó bằng cách chèn ngôn ngữ đó trực tiếp lên phía trên dòng trống trên bảng hiệu.

(h) Nhà sản xuất phim người lớn phải chỉ định một nhân viên bảo quản hồ sơ cho các mục đích của Đoạn 6720 đến hết 6720.8. Trong thời gian không dưới bốn năm, nhân viên bảo quản hồ sơ phải duy trì:

- (1) Một bản sao của mỗi bộ phim người lớn dạng gốc và chưa qua chỉnh sửa do nhà sản xuất phim người lớn thực hiện, sản xuất, tài trợ, hoặc đạo diễn.
- (2) Một bản sao các thông tin được yêu cầu công bố theo tiểu mục (a).
- (3) Bằng chứng rằng nhà sản xuất phim người lớn đã cung cấp một chương trình đào tạo cho từng diễn viên phim người lớn và nhân viên theo tiểu mục (f).
- (4) Bằng chứng rằng một bảng hiệu rõ ràng đã được trưng bày tại các địa điểm mà bộ phim người lớn được quay theo tiểu mục (f).

(i) Trước ngày 1 tháng Một năm 2018, phân khu hoặc hội đồng sẽ thông qua các quy định để thực thi và thực hiện đoạn này và Đoạn 6720.2 phù hợp với các điều khoản về xây dựng quy tắc của Đạo luật Tổ tụng Hành chính (Chương 3.5 (bắt đầu từ Đoạn 11340) Phần 1 Phân khu 3 Tiêu đề 2 của Bộ luật Chính quyền).

ĐOẠN 4.3. Đoạn 6720.2 được thêm vào Bộ Luật Lao Động, như sau:

6720.2.. Nhà sản xuất phim người lớn: Giấy phép.

(a) Trong vòng 10 ngày sau khi khởi quay một bộ phim người lớn, nhà sản xuất phim người lớn của bộ phim người lớn đó phải nộp lệ phí đơn xin bắt buộc, đệ trình một đơn xin bắt buộc cho phân khu, và có được giấy phép. Nhà sản xuất phim người lớn có giấy phép còn hiệu lực tại thời điểm khởi quay bộ phim người lớn thì không cần phải nộp đơn xin cấp phép mới và lệ phí. Phí đăng ký sẽ được do phân khu thiết lập thông qua quá trình xây dựng quy tắc hành chính, với số tiền đủ để cung cấp cho các chi phí hành chính của đoạn này. Cho đến khi phân khu thiết lập mức lệ phí, khoản lệ phí này sẽ là một trăm đô-la (\$100). Lệ phí được thu theo tiểu mục này sẽ không được sử dụng để trang trải các chi phí của việc thực thi Đoạn 6720 đến hết 6720.8.

(b) Giấy phép sẽ có hiệu lực ngay lập tức sau khi phân khu nhận được đơn xin và lệ phí với điều kiện đơn xin và lệ phí được chuyển đến phân khu trong vòng 10 ngày sau khi bắt đầu quay phim. Ngoài ra, giấy phép có hiệu lực tối thiểu 10 ngày hoặc có hiệu lực vào ngày bắt đầu quay phim, tùy thuộc thời điểm nào sớm hơn.

(c) Việc cấp giấy phép là một nhiệm vụ thuộc cơ quan ngang Bộ do phân khu thực hiện. Việc đình chỉ giấy phép chỉ được phép khi có quy định của nhà sản xuất phim người lớn hoặc khi có một chứng cứ thích hợp trước một nhân viên chủ trì, do phân khu lựa chọn để tiến hành phiên điều giải, rằng người có giấy phép đã được kết luận vi phạm tiểu mục (a) của Đoạn 6720 thông qua quá trình cưỡng chế hành chính hoặc một vụ kiện dân sự.

(d) Đối với nhà sản xuất phim người lớn bất kỳ không phải là cá nhân, không có giấy phép nào có hiệu lực trừ khi tất cả các chủ sở hữu và đơn vị quản lý như vậy của nhà sản xuất phim người lớn có được giấy phép.

(e) Một giấy phép sẽ có hiệu lực trong hai năm, trừ khi bị phân khu đình chỉ. Sau ngày cuối cùng của thời hạn đình chỉ, phân khu có trách nhiệm thông báo cho người có giấy phép bị đình chỉ về việc tái lập giấy phép.

(f) Điều kiện cấp phép:

(1) Mỗi đương đơn và người có giấy phép phải không bị kết luận, thông qua quá trình cưỡng chế hành chính hoặc bởi tòa án, là đã vi phạm một trong các yêu cầu của tiểu mục (a) tại Đoạn 6720 trong thời gian 12 tháng trước thời điểm nộp đơn lên phân khu hoặc thời hạn đình chỉ của nhà sản xuất phim người lớn, tùy thuộc thời gian nào ngắn hơn. Tất cả các cá nhân phải được coi là tuân thủ Đoạn 6720 đến hết 6720.8, kể từ ngày có hiệu lực của Đoạn 6720 đến hết 6720.8.

(g) Bất cứ khi nào phân khu xác định rằng giấy phép đã không tuân thủ các yêu cầu tại tiểu mục (a) của Đoạn 6720, phân khu sẽ ban hành một thông báo bằng văn bản cho người được cấp phép. Thông báo phải bao gồm một tuyên bố về các thiếu sót được phát hiện, phải thiết lập các biện pháp khắc phục cần thiết, nếu có, cho người được cấp phép để phù hợp với tiểu mục (a) của Đoạn 6720, và phải thông báo cho người được cấp phép rằng có thể sẽ có các hình phạt hoặc đình chỉ giấy phép.

(h) Người được cấp phép sau khi nhận thông báo phải đưa ra một văn bản để nghị xem xét hành chính, hoặc tiếp tục cấp phép nếu chứng minh được lý do chính đáng, trong vòng 15 ngày lịch kể từ ngày ban hành thông báo để thực hiện, nếu không, việc xem xét hoặc tiếp tục cấp phép như vậy sẽ bị bãi miễn.

(i) Trong thời hạn 10 ngày sau khi xem xét hành chính hoặc khước từ, không bao gồm cuối tuần và các ngày lễ, phân khu phải ban hành một văn bản thông báo về quyết định đối với người có giấy phép, quy định cụ thể bất kỳ hình phạt nào đối với người có giấy phép. Đối với các giấy phép đã bị đình chỉ, thông báo về quyết định này phải quy định cụ thể các hành vi hay thiếu sót bị phát hiện là vi phạm của Đoạn 6720-6720.8, bao gồm, và, trong trường hợp giấy phép bị đình chỉ, phải ghi rõ thời gian và mức độ của việc đình chỉ. Thông báo về quyết định này cũng phải nêu rõ thời hạn, nếu có, mà giấy phép có thể được phục hồi hoặc tái phát hành.

(j) Một giấy phép được cấp theo các Đoạn 6720-6720.8, bao gồm, có thể được phục hồi nếu phân khu xác định rằng các điều kiện bị tạm thời đình chỉ không còn tồn tại và bất kỳ hình phạt nào được áp dụng theo các Đoạn 6720-6720.8, bao gồm, đã được đáp ứng. Trong bất kỳ trường hợp nào, đoạn này cũng không được hiểu là hạn chế quyền của người có giấy phép để tìm kiếm huấn lệnh hoặc khiếu nại quyết định cấp phép bất lợi.

(k) Thực hiện các chức năng của một nhà sản xuất phim người lớn mà không có giấy phép sẽ bị phạt lên đến năm mươi đô-la (\$50) mỗi ngày đối với bất kỳ nhà sản xuất phim người lớn nào mà trước đây đã bị phát hiện là vi phạm tiểu mục (a) của Đoạn 6720. Bất kỳ nhà sản xuất phim người lớn nào không đăng ký để trở thành một nhà sản xuất phim người lớn trong vòng 10 ngày sau khi đủ tiêu chuẩn trở thành một nhà sản xuất phim người lớn sẽ phải chịu trách nhiệm cho một khoản tiền phạt lên đến hai mươi lăm đô-la (\$25) mỗi ngày để thực hiện các chức năng của một nhà sản xuất phim người lớn không có giấy phép.

ĐOẠN 4.4. Đoạn 6720.3 được thêm vào Bộ luật Lao động, như sau:

6720.3. Thời hạn Hiệu lực.

(a) Mặc dù theo Đoạn 6317, với hành vi truy tố bất kỳ người vi phạm bị cáo buộc nào đối với các Đoạn 6720-6720.8, bao gồm, hoặc bất kỳ quy định nào về sản xuất phim người lớn, đã được thông qua ở hiện tại hoặc sau đó, thời gian để bắt đầu hành động sẽ như sau:

- (1) Một năm sau ngày vi phạm.
- (2) Một năm sau khi vi phạm được phát hiện, hoặc lẽ ra đã được phát hiện thông qua việc sử dụng sự cẩn trọng hợp lý.

ĐOẠN 4.5. Đoạn 6720.4 được thêm vào Bộ luật Lao động, như sau:

6720.4. Trách nhiệm và Hình phạt.

(a) Mặc dù bất kỳ bất kỳ quy định trái ngược nào trong Đoạn 6423-6436, bao gồm, mỗi nhà sản xuất phim người lớn, hoặc bất kỳ cá nhân nào trong một tổ chức có mối quan hệ với một nhà sản xuất phim người lớn, những người thực hiện những việc sau đây, đối với một hành vi hành chính hoặc dân sự, phải chịu một hình phạt theo quy định tại tiểu mục (b):

- (1) Vô ý vi phạm các quy định của tiểu mục (a), (b) hoặc (c) của Đoạn 6720;
- (2) Cố ý hay liên tục vi phạm bất kỳ điều khoản nào của tiểu mục (a), (b), hoặc (c) của Đoạn 6720;
- (3) Không hoặc từ chối tuân thủ, sau khi thông báo và hết hiệu lực vào bất kỳ khoảng thời gian hủy bỏ nào, bất kỳ điều khoản nào của tiểu mục (a), (b), hoặc (c) của Đoạn 6720; hoặc
- (4) Giúp đỡ và khuyến khích người khác cam kết thực hiện bất kỳ hành vi nào tại khoản (1), (2), (3) của tiểu mục (a).

(b) Bất kỳ vi phạm nào khoản (1) của tiểu mục (a) sẽ bị trừng phạt bằng một khoản tiền phạt tối thiểu là một nghìn đô-la (\$1,000) hoặc tối đa năm nghìn đô-la (\$5,000); bất kỳ vi phạm nào khoản (2) hoặc (3) của tiểu mục (a) sẽ bị trừng phạt bằng một khoản tiền phạt tối thiểu là năm nghìn đô-la (\$5,000) hoặc tối đa là bảy mươi nghìn đô-la (\$70,000); và bất kỳ vi phạm nào khoản (4) của tiểu mục (a) sẽ bị trừng phạt bằng một khoản tiền phạt tối thiểu một nghìn đô-la (\$1,000) hoặc tối đa ba mươi lăm nghìn đô-la (\$35,000).

(c) Mặc dù có bất kỳ quy định trái ngược nào trong Đoạn 6423-6436, bao gồm, bất kỳ nhà sản xuất phim người lớn nào cố tình vi phạm tiểu mục (a) của Đoạn 6720, mà hành vi vi phạm đó gây tử vong, hoặc suy giảm cơ thể vĩnh viễn hoặc lâu dài, nhà làm phim người lớn đó phải bị trừng phạt bằng một khoản tiền phạt tối đa là một trăm nghìn đô-la (\$100,000) thông qua quy trình cưỡng chế hành chính hoặc một vụ kiện dân sự. Nếu nhà sản xuất phim người lớn là một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc một công ty cổ phần, khoản tiền phạt này không được vượt quá một triệu năm trăm nghìn đô-la (\$1,500,000).

ĐOẠN 4.6. Đoạn 6720.5 được thêm vào Bộ luật Lao động, như sau:

6720.5. Các Cơ quan Kiểm soát; Trợ giúp và Khuyến khích; Nhiều Vi phạm.

(a) Mỗi cá nhân sở hữu, thông qua việc mua cứu xét thương mại, bất kỳ quyền nào trong một hoặc nhiều bộ phim người lớn được quay tại California vi phạm tiểu mục (a) của Đoạn 6720 và những người cố ý hoặc thiếu thận trọng gửi đi hoặc giúp gửi đi, hoặc mang lại hoặc giúp mang lại, vào hoặc trong phạm vi tiểu bang California, để bán hoặc phân phối, một hoặc nhiều bộ phim người lớn được quay tại California vi phạm tiểu mục (a) của Đoạn 6720, với ý định phân phối, hoặc những người đề nghị phân phối, hoặc phân phối, những bộ phim đó vì mục đích thương mại, phải chịu khoản tiền phạt như sau:

(1) Tối thiểu là một nửa, nhưng tối đa là 1.5 lần, tổng số tiền cứu xét thương mại được trao đổi cho bất kỳ quyền nào trong các bộ phim người lớn.

(2) Tối thiểu là một nửa, nhưng tối đa là 1.5 lần, tổng chi phí sản xuất các bộ phim người lớn.

(b) Bất kỳ cá nhân nào được phát hiện ra là đã trợ giúp và tiếp tay cho bất kỳ cá nhân nào khác hoặc bất kỳ ai vi phạm tiểu mục (a) phải chịu trách nhiệm cho việc vi phạm tiểu mục (a).

(c) Bất kỳ cá nhân nào phải chịu trách nhiệm cho việc vi phạm tiểu mục (a) người mà trước đó đã phải chịu trách nhiệm cho việc vi phạm tiểu mục (a) sẽ phải chịu một khoản tiền phạt như sau:

(1) Tối thiểu là hai lần, nhưng tối đa là ba lần, tổng số tiền cứu xét thương mại được trao đổi cho bất kỳ quyền nào trong các bộ phim người lớn.

(2) Tối thiểu là hai lần, nhưng tối đa là ba lần, tổng chi phí sản xuất các bộ phim người lớn.

(d) Bất kỳ cá nhân nào phải chịu trách nhiệm cho việc vi phạm tiểu mục (a) người mà trước đó đã phải chịu trách nhiệm cho khoản tiền phạt gấp hai lần trở lên vì vi phạm tiểu mục (a) sẽ phải chịu một khoản tiền phạt như sau:

(1) Tối thiểu là ba lần, nhưng tối đa là bốn lần, tổng số tiền cứu xét thương mại được trao đổi cho bất kỳ quyền nào trong các bộ phim người lớn.

(2) Tối thiểu là ba lần, nhưng tối đa là bốn lần, tổng chi phí sản xuất các bộ phim người lớn.

(e) Đoạn 6720-6720.8, bao gồm, không áp dụng cho các hoạt động y tế, giáo dục, khoa học hợp pháp, cho các công ty viễn thông truyền tải hoặc thực hiện các bộ phim người lớn, để thực thi pháp luật hình sự và các cơ quan truy tố trong việc điều tra và truy tố tội phạm hình sự, và cho bất kỳ bộ phim nào được xếp hạng bởi Hiệp hội Điện ảnh Mỹ trừ khi bộ phim đó là phim người lớn.

ĐOẠN 4.7. Đoạn 6720.6 được thêm vào Bộ luật Lao động, như sau:

6720.6. Thực thi; Người giám sát; Quyền Riêng tư của Hành động.

(a) Bất kỳ cá nhân nào vi phạm bất kỳ quy định nào của Đoạn 6720 - 6720.8, bao gồm, phải chịu trách nhiệm theo quy trình thực thi hành chính, hoặc theo một hành động dân sự mang lại bởi phân khu hoặc người được chỉ định của phân khu, một công tố viên dân sự, một diễn viên phim người lớn bị thiệt hại do vi phạm Đoạn 6720, hoặc một cá nhân cư trú tại tiểu bang California. Bất kỳ diễn viên phim người lớn hay cá nhân nào, trước khi nộp đơn kiện dân sự theo tiểu mục này, phải nộp cho phân khu một văn bản yêu cầu phân khu theo dõi người vi phạm bị cáo buộc hoặc người vi phạm theo quy trình thực thi hành chính hoặc thông qua việc bắt đầu một vụ kiện dân sự. Yêu cầu này phải bao gồm một tuyên bố về những căn cứ cho rằng Đoạn 6720-6720.8, bao gồm, đã bị vi phạm. Phân khu sẽ phản hồi cho cá nhân bằng văn bản, chỉ rõ phân khu có theo đuổi một vụ kiện hành chính hoặc dân sự hay không, hoặc không tiến hành kiện tụng. Nếu phân khu, trong vòng 21 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, phản hồi rằng phân khu này sẽ theo dõi người vi phạm bị cáo buộc hoặc những người vi phạm theo quy trình thực thi hành chính hoặc một vụ kiện dân sự, và bắt đầu các quy trình thực thi hoặc khởi kiện dân sự trong vòng 45 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, không được đưa ra hành động khác trừ khi hành động của phân khu bị loại bỏ hoặc chấm dứt mà không gây tổn hại. Nếu phân khu, trong vòng 21 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, phản hồi từ chối, hoặc không phản hồi, cá nhân yêu cầu khiếu kiện có thể nộp đơn khiếu kiện dân sự.

(b) Khoảng thời gian mà một vụ kiện dân sự phải được bắt đầu được thu phí

từ ngày nhận yêu cầu của phân khu cho đến ngày vụ kiện dân sự được xoá bỏ mà không gây tổn hại hoặc hành động thực thi hành chính được xoá bỏ, tuy vào ngày nào đến sau, nhưng chỉ cho vụ kiện dân sự do cá nhân nộp đơn yêu cầu đưa ra.

(c) Không có vụ kiện dân sự nào có thể được khởi kiện theo đoạn này liên quan đến bất kỳ cá nhân nào vì bất kỳ vi phạm nào của Đoạn 6720-6720.8, bao gồm, sau khi phân khu đã ban hành một lệnh phù hợp với Đoạn 6720-6720.8, bao gồm, hoặc đã thu khoản tiền phạt đối với cá nhân đó cho vi phạm tương tự. Mặc dù các Đoạn 6720-6720.8, bao gồm, không áp dụng trách nhiệm hình sự, không có vụ kiện dân sự nào cáo buộc vi phạm Đoạn 6720-6720.8, bao gồm, có thể được khởi kiện chống lại cá nhân theo đoạn này nếu một công tố viên hình sự đang duy trì một vụ kiện hình sự đối với cá nhân đó liên quan đến cùng một giao dịch hoặc sự cố. Không quá một phán quyết có căn cứ liên quan đến bất kỳ vi phạm đặc biệt nào đối với Đoạn 6720-6720.8, bao gồm, có thể thu được theo đoạn này với bất kỳ cá nhân nào. Tòa án có thể loại bỏ một vụ kiện đang chờ xử lý, không ảnh hưởng đến bất kỳ vụ kiện nào khác, do nguyên đơn không thể tiến hành một cách cẩn trọng hoặc có thiện chí.

(d) Nếu phán quyết được nhập đối với một hoặc nhiều bị cáo trong một vụ kiện theo đoạn này, các khoản tiền phạt thu được của nguyên cáo được phân phối như sau: 75% cho Tiểu bang California và 25% cho nguyên cáo. Tòa án có trách nhiệm trao thưởng cho một nguyên cáo hoặc bị cáo không phải là một đại diện chính quyền đã chiếm ưu thế trong bất kỳ vụ kiện nào được ủy quyền theo Đoạn 6720-6720.8, bao gồm, và được mang lại theo đoạn này các chi phí kiện tụng, bao gồm cả phí luật sư hợp lý. Tuy nhiên, để một bị cáo thu hồi được các chi phí luật sư từ một nguyên cáo, tòa án trước tiên phải nhận thấy rằng đơn kiện pháp lý của nguyên cáo là phù phẩm hay có ý xấu.

ĐOẠN 4.8. Đoạn 6720.7 được thêm vào Bộ luật Lao động, như sau:

6720.7. Trách nhiệm của Cơ quan Quản lý Tài năng.

(a) Sẽ là bất hợp pháp cho bất kỳ cơ quan quản lý tài năng nào, thuật ngữ được định nghĩa trong tiểu mục (a) của Đoạn 1700.4, cố ý tham khảo, xem xét tiền tệ, bất kỳ diễn viên phim người lớn nào đến bất kỳ nhà sản xuất nào, hoặc cơ quan của nhà sản xuất, bao gồm, nhưng không giới hạn, giám đốc tuyển chọn diễn viên của bất kỳ bộ phim người lớn nào không tuân thủ tiểu mục (a) của Đoạn 6720. Bất kỳ cơ quan quản lý tài năng nào chịu trách nhiệm cho việc vi phạm tiểu mục này phải chịu trách nhiệm đối với diễn viên phim người lớn với một khoản tiền nhận được của cơ quan quản lý tài năng do sự tham chiếu đã được thực hiện trong việc vi phạm đoạn này và bất kỳ khoản phí luật sư hợp lý nào khác liên quan đến việc theo đuổi thành công mà cơ quan quản lý tài năng chịu trách nhiệm cho sự vi phạm tiểu mục này.

(b) Bất kỳ cơ quan quản lý tài năng nào có được văn bản xác nhận trước khi bắt đầu quay phim, ký kết theo hình phạt về tội khai man bởi các nhà sản xuất phim người lớn, mà các nhà sản xuất phim người lớn phải tuân thủ, và sẽ tiếp tục tuân thủ, tất cả các yêu cầu của tiểu mục (a) của Đoạn 6720 sẽ không chịu trách nhiệm về việc vi phạm đoạn này.

(c) Vi phạm đoạn này có thể là căn cứ để đình chỉ hoặc thu hồi giấy phép của cơ quan quản lý tài năng của người vi phạm. Phân khu Sức khỏe và An toàn Nghề nghiệp và Phân khu Thực thi các Tiêu chuẩn Lao động phải có trách nhiệm duy trì quyền tài phán đồng thời qua việc thực thi đoạn này.

(d) Khi phát hiện ra các trách nhiệm đối với hành vi vi phạm tiểu mục (a) của Đoạn 6720, phân khu sẽ chuyển thông tin trong phần (5) của tiểu mục (a) của

Đoạn 6720.1 cho Bộ Quan hệ Công nghiệp, Phân khu Thực thi các Tiêu chuẩn Lao động, hoặc bất kỳ cơ quan kế nhiệm nào.

ĐOẠN 4.9. Đoạn 6720.8 được thêm vào Bộ luật Lao động, như sau:

6720.8. Định nghĩa.

Vì mục đích của Đoạn 6720-6720.8, bao gồm, các định nghĩa sau đây được áp dụng:

(a) "Phim người lớn" có nghĩa là bất kỳ bộ phim, video, đa phương tiện hoặc sự mô tả khác được quay, xem trực tiếp, hoặc phát sóng tại thời gian thực về quan hệ tình dục trong đó các diễn viên thực sự sử dụng dương vật quan hệ qua đường âm đạo hoặc hậu môn.

(b) "Diễn viên phim người lớn" có nghĩa là bất kỳ cá nhân nào dùng dương vật thâm nhập vào âm đạo hoặc hậu môn trong khi đang làm phim, hoặc có âm đạo hoặc hậu môn được quan hệ bằng dương vật quan hệ trong khi đang làm phim.

(c) "Nhà sản xuất phim người lớn" có nghĩa là bất kỳ cá nhân nào làm, sản xuất, tài trợ, hoặc chỉ đạo một hoặc nhiều các bộ phim người lớn được quay tại California và bán, chào bán, hoặc giúp đỡ bán các bộ phim người lớn để nhằm mục đích thương mại.

(d) "Các quy định về phim người lớn" có nghĩa là tất cả các quy định được thông qua bởi hội đồng theo các quy định làm luật của Đạo luật Thủ tục Hành chính (Chương 3.5 (bắt đầu với Đoạn 11340), Phần 1, Đoạn 3, Tiêu đề 2, Bộ luật Chính phủ) có liên quan hợp lý đến các mục đích và ý định của Đoạn 6720-6720.8, bao gồm.

(e) "Được trợ giúp và tiếp tay" hoặc "trợ giúp và tiếp tay" có nghĩa là cố ý hoặc thiếu thận trọng khi hỗ trợ đáng kể cho một cá nhân.

(f) "Bắt đầu đóng phim" là thời điểm mà một bộ phim người lớn bắt đầu được quay, xem trực tiếp hoặc phát sóng tại thời gian thực.

(g) "Hội đồng" có nghĩa là Hội đồng các Tiêu chuẩn về Sức khỏe và An toàn Nghề nghiệp.

(h) "Cứu xét thương mại" có nghĩa là bất kỳ thứ gì có giá trị, bao gồm nhưng không giới hạn, tiền thật hoặc kỹ thuật số, hoặc các quyền ngẫu nhiên hoặc được trao về bất kỳ doanh thu nào ở hiện tại hoặc trong tương lai.

(i) "Mục đích thương mại" có nghĩa là bán, chào bán, hoặc giúp bán, trao đổi vì mục đích thương mại.

(j) "Phân phối" hoặc "được phân phối" có nghĩa là chuyển sở hữu vì mục đích thương mại.

(k) "Phân khu" có nghĩa là Phân khu Sức khỏe và An toàn Nghề nghiệp.

(l) "Được quay phim" và "quay phim" có nghĩa là quay, trực tuyến, hoặc phát sóng thời gian thực của bất cứ bộ phim người lớn nào.

(m) "Giấy phép" có nghĩa là Giấy phép Sức khỏe của Nhà sản xuất Phim Người lớn.

(n) "Người có giấy phép" có nghĩa là bất kỳ cá nhân nào có Giấy phép Sức khỏe của Nhà sản xuất Phim Người lớn hợp lệ.

(o) "Các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục khác" hoặc "OPIM-STI" có nghĩa là chất dịch cơ thể và các chất khác có thể chứa và truyền mầm bệnh lây truyền qua đường tình dục.

(p) "Cá nhân" có nghĩa là bất kỳ cá nhân, hợp danh, công ty, hiệp hội, tập

đoàn, công ty trách nhiệm hữu hạn, hoặc pháp nhân khác.

(q) "Bệnh lây nhiễm lây truyền qua Đường tình dục" hoặc "STI" có nghĩa là bất kỳ bệnh lây nhiễm nào hoặc bệnh lây truyền qua đường tình dục, bao gồm, nhưng không giới hạn bệnh HIV/AIDS, lậu, giang mai, chlamydia, viêm gan, bệnh do Trichomonas, bệnh sùi mào gà (HPV), và herpes sinh dục.

ĐOẠN 5. Cách Giải Thích Bao Quát.

Đạo luật này là sự thi hành quyền lực công của người dân Tiểu bang California để bảo vệ sức khỏe, an toàn và phúc lợi của họ, và phải được hiểu một cách tự do để mang lại các mục đích của nó.

ĐOẠN 6. Các Dự luật Mâu thuẫn.

Đạo luật này được thiết kế toàn diện. Mục đích của người dân Tiểu bang California là rằng trong trường hợp Đạo luật này và một hoặc nhiều dự luật khác liên quan đến cùng một chủ đề phải xuất hiện trên cùng một lá phiếu toàn tiểu bang, các quy định của dự luật hoặc các dự luật khác phải được coi là trong mâu thuẫn với Đạo luật này. Trong trường hợp Đạo luật này nhận được nhiều phiếu thuận hơn, thì những điều khoản của Đạo luật này sẽ được ưu tiên trọn vẹn, và tất cả những điều khoản của dự luật hoặc các dự luật khác sẽ trở thành vô hiệu lực và không có tác dụng.

ĐOẠN 7. Trách nhiệm của Người ủng hộ.

Người dân của Tiểu bang California sau đây tuyên bố rằng người ủng hộ Đạo luật này sẽ chịu trách nhiệm dân sự trong trường hợp Đạo luật này bị hủy bỏ, sau khi được thông qua, toàn bộ hoặc một phần, bởi một tòa án vì bị cấm theo hiến pháp hoặc pháp luật. Sáng kiến bị cấm theo hiến pháp hoặc pháp luật đó là việc sử dụng sai các nguồn quỹ của người đóng thuế và các nguồn trợ giúp bầu cử và người ủng hộ Đạo luật, theo dự thảo Đạo luật, phải có trách nhiệm cho sự việc đó.

Trong trường hợp Đạo luật này, sau khi được thông qua, bị tòa án hủy bỏ, toàn bộ hoặc một phần, do không hợp lệ theo hiến pháp và pháp luật, và tất cả những con đường lôi kéo và đảo ngược quyết định của tòa án đã được tận dụng, người ủng hộ sẽ phải trả một khoản tiền phạt dân sự là \$10,000 cho Quỹ Tổng quát của Tiểu bang California vì không dự thảo một luật tiên khởi được phép theo hiến pháp và pháp luật. Không bên nào hoặc thực thể nào có thể được miễn khoản tiền phạt dân sự này.

ĐOẠN 8. Tu chính và Bãi bỏ.

Đạo luật này có thể được tu chính để tiếp tục mục đích của mình theo luật định được thông qua bởi hai phần ba (2/3) số phiếu của Cơ quan Lập pháp và có chữ ký của Thống đốc.

ĐOẠN 9. Tách biệt.

Nếu bất kỳ điều khoản nào của Đạo luật này, hay phần nào của Đạo luật này, hoặc sự áp dụng bất kỳ điều khoản hoặc phần nào đối với bất kỳ cá nhân nào hay hoàn cảnh nào, vì bất kỳ lý do gì bị xem là bất hợp lệ hoặc không theo hiến pháp, các điều khoản và phần còn lại sẽ không bị ảnh hưởng, nhưng sẽ vẫn hoàn toàn có hiệu lực và tác dụng, và theo ý nghĩa này những điều khoản và các phần của Đạo luật này có tính cách tách biệt. Các cử tri sau đây tuyên bố rằng Đạo luật này, và mỗi phần và một phần của nó, sẽ được áp dụng không phân biệt bất kỳ một hay nhiều điều khoản hoặc các phần khác nhau được xác định là không hợp lệ hoặc không hợp hiến.

ĐOẠN 10. Bảo vệ Pháp lý.

Người dân Tiểu bang California mong muốn rằng Đạo luật, nếu được chấp

thuận bởi các cử tri, và sau đó được thử thách tại tòa án, được bảo vệ bởi các Tiểu Bang California. Người dân Tiểu bang California, bằng cách ban hành Đạo luật này, sau đây tuyên bố rằng người ủng hộ Đạo luật này có cổ phần trực tiếp và cá nhân trong việc bảo vệ Đạo luật này khỏi những thách thức hiến pháp hay pháp luật định về hiệu lực của Đạo luật. Trong trường hợp Tổng Chương lý không để bảo vệ Đạo luật này; hoặc Tổng Chương lý không kháng cáo bản án bất lợi đối với tính hợp hiến hay sự thừa nhận theo luật định của Đạo luật này, toàn bộ hoặc một phần, tại bất kỳ tòa án nào, người ủng hộ Đạo luật phải có quyền kháng định cổ phần trực tiếp và cá nhân của mình bằng cách bảo vệ tính hợp lệ của Đạo luật tại bất kỳ tòa án nào và phải được trao quyền bởi các công dân thông qua Đạo luật này để hành động như một cơ quan của công dân của Tiểu bang California với các điều kiện sau đây: (1) người ủng hộ sẽ không bị coi là một nhân viên "tự nguyện" của Tiểu bang California, nhưng Cơ quan Lập pháp có quyền loại bỏ người ủng hộ ra khỏi vai trò cơ quan của mình theo phần lớn số phiếu bầu của mỗi Cơ quan Lập pháp khi có "lý do chính đáng" để làm vậy, theo thuật ngữ được định nghĩa bởi luật California; (2) người ủng hộ phải thực hiện tuyên thệ tại Văn phòng Tuyên thệ theo Đoạn 3 của Điều XX của Hiến pháp California, là một nhân viên của Tiểu bang California; (3) người ủng hộ phải chịu tất cả các nghĩa vụ ủy thác, đạo đức và pháp lý theo quy định của pháp luật; và (4) người ủng hộ phải được bồi thường bởi Tiểu bang California cho các chi phí hợp lý và các khoản lỗ phát sinh khác của người ủng hộ, cơ quan, trong việc bảo vệ các giá trị của Đạo Luật bị thử thách. Tỷ lệ bồi thường sẽ không lớn hơn số tiền Tiểu bang chi ra để thực hiện việc bảo vệ bản thân.

ĐOẠN 11. Ngày Có Hiệu Lực.

Trừ khi có quy định khác, Đạo luật này sẽ có hiệu lực vào ngày sau khi được các cử tri phê duyệt.

DỰ LUẬT 61

Dự luật tiên khởi này được đệ trình với người dân theo quy định tại các điều khoản của Đoạn 8 Điều II của Hiến Pháp California.

Dự luật tiên khởi này bổ sung một đoạn vào Bộ Luật Phúc Lợi và Định Chế; do đó, những điều khoản mới được đề nghị thêm vào sẽ in theo kiểu *chữ nghiêng* để cho biết đó là những điều khoản mới.

DỰ LUẬT

Đạo Luật Giảm Giá Thuốc Men California

Người dân Tiểu Bang California theo đây quyết định như sau:

ĐOẠN 1. Tựa Đề.

Đạo Luật này sẽ có tên là và có thể được viện dẫn là "Đạo Luật Giảm Giá Thuốc Men California" ("Đạo Luật").

ĐOẠN 2. Kết Luận và Công Bố.

Người dân Tiểu Bang California theo đây quyết định và tuyên bố tất cả những điều sau đây:

- Chi phí thuốc kê đơn đã và tiếp tục là một trong những yếu tố lớn nhất làm tăng chi phí y tế ở California.
- Trên toàn quốc, chi phí thuốc kê đơn đã tăng hơn 800 phần trăm từ năm 1990 đến năm 2013, khiến cho đây là một trong những phân khúc tăng giá nhanh nhất trong lĩnh vực y tế.

(c) Chi phí thuốc biệt dược, ví dụ như thuốc để điều trị HIV/AIDS, Viêm gan C và ung thư, tăng nhanh hơn bất kỳ loại thuốc nào khác. Chỉ trong năm 2014, tổng chi phí thuốc biệt dược đã tăng hơn 23 phần trăm.

(d) Thói quen thổi phồng giá thuốc của ngành dược phẩm đã giúp cho các công ty dược có được lợi nhuận vượt qua cả ngành dầu khí và ngân hàng đầu tư.

(e) Giá thuốc bị thổi phồng đã khiến cho các công ty dược trả mức lương quá hoang phí cho đội ngũ giám đốc của họ.

(f) Giá thuốc men quá đắt tiếp tục trở thành gánh nặng không cần thiết đối với người đóng thuế California và cuối cùng dẫn đến việc cắt giảm dịch vụ y tế cũng như làm giảm số lượng trung tâm y tế đáp ứng nhu cầu của mọi người.

(g) Mặc dù California đã rất nỗ lực trong việc giảm chi phí thuốc kê đơn thông qua giảm giá, các nhà sản xuất dược phẩm vẫn có khả năng tính phí cho cùng một đơn thuốc cho tiểu bang đắt đỏ hơn so với những cơ quan chính phủ khác, từ đó dẫn đến sự mất cân bằng lớn cần được chấn chỉnh.

(h) Nếu California có khả năng trả tiền cho thuốc kê đơn bằng với Bộ Đặc Trách Cựu Chiến Binh Hoa Kỳ, điều này có thể giúp tiết kiệm đáng kể cho California cũng như người dân đóng thuế của tiểu bang này. Đạo Luật này là cần thiết và phù hợp để giải quyết các mối quan ngại chung này.

ĐOẠN 3. Các Mục Đích và Ý Định.

Người dân Tiểu Bang California tại đây tuyên bố các mục đích và ý định sau khi ban hành Đạo Luật này:

(a) Để cho phép Tiểu Bang California trả tiền thuốc kê đơn bằng mức mà Bộ Đặc Trách Cựu Chiến Binh Hoa Kỳ chỉ trả, từ đó chấn chỉnh lại sự mất cân bằng giữa các cơ quan chính phủ.

(b) Để giúp tiết kiệm đáng kể cho California cũng như người đóng thuế của tiểu bang từ tiền chi trả cho thuốc kê đơn, từ đó giúp ngăn chặn làn sóng tăng chi phí y tế tại California.

(c) Để đưa ra biện hộ pháp lý phù hợp cho Đạo Luật, giúp Đạo Luật được thông bao và sau đó biện luận tại tòa.

ĐOẠN 4. Đạo Luật Giảm Giá Thuốc Men California sẽ được soạn thảo bằng cách thêm Đoạn 14105.32 vào Bộ Luật An Sinh và Định Chế như sau:

14105.32. Định Giá Thuốc.

(a) *Bất kể các điều khoản khác của pháp luật và các điều khoản khác có khả năng được cho phép theo luật liên bang, Tiểu Bang California hay bất kỳ cơ quan hành chính tiểu bang hay bất kỳ thực thể tiểu bang nào, bao gồm, nhưng không hạn chế bởi Sở Đặc Trách Cựu Chiến Binh Tiểu Bang, đều không được phép tham gia vào bất kỳ thỏa thuận nào với nhà sản xuất dược phẩm để mua thuốc kê đơn trừ khi chi phí ròng của thuốc, bao gồm cả giảm giá bằng tiền mặt, thuốc miễn phí, giảm giá theo khối lượng, hạ giá hoặc bất kỳ hình thức tín dụng hoặc giảm giá nào khác, theo quyết định của của Sở Dịch Vụ Y Tế Tiểu Bang, bằng hoặc thấp hơn giá thấp nhất mà Bộ Đặc Trách Cựu Chiến Binh Hoa Kỳ mua.*

(b) *Trần giá được trình bày trong tiểu phần (a) cũng áp dụng đối với tất cả các chương trình mà Tiểu Bang California hay bất kỳ cơ quan hành chính tiểu bang hay thực thể tiểu bang nào là người chi trả cuối cùng cho các loại thuốc, ngay cả khi nếu Tiểu Bang California hay cơ quan hành chính tiểu bang hay thực thể tiểu bang đó không mua thuốc trực tiếp. Chương trình này bao*

gồm, nhưng không hạn chế bởi Chương Trình Hỗ Trợ Thuốc Điều Trị AIDS của California và chương trình thuốc cho bệnh nhân ngoại trú có Medi-Cal trả tiền dịch vụ. Ngoài các thỏa thuận về giảm giá bằng tiền mặt, thuốc miễn phí, giảm giá theo khối lượng, hạ giá hay bất kỳ hình thức giảm giá hoặc tín dụng nào khác đã được áp dụng cho những chương trình này, các cơ quan quản lý có trách nhiệm tham gia vào các thỏa thuận với nhà sản xuất dược phẩm để giảm giá thuốc hơn nữa để chi phí ròng cho thuốc men, theo xác định của Sở Dịch Vụ Y Tế Tiểu Bang, bằng hoặc thấp hơn giá thấp nhất mà Bộ Đặc Trách Cựu Chiến Binh Hoa Kỳ mua đối với cùng một loại thuốc. Yêu cầu của đoạn này sẽ không áp dụng với thuốc được mua hoặc giá đang được xác định chiếu theo hoặc trong bất kỳ chương trình y tế do Medi-Cal quản lý nào.

(c) *Ý định của người dân Tiểu Bang California đó là Tiểu Bang California cũng như tất cả các cơ quan tiểu bang và thực thể tiểu bang khác tham gia vào một hoặc nhiều thỏa thuận với nhà sản xuất bất kỳ loại thuốc nào để mua thuốc kê đơn, đều phải thực thi đoạn này một cách kịp thời và để đạt được ý định này, Tiểu Bang California cũng như tất cả các cơ quan tiểu bang và thực thể tiểu bang khác đều phải thực thi và tuân thủ bộ luật này không muộn hơn ngày 1 tháng Bảy, 2017.*

(d) *Tiểu Bang California và mỗi và từng cơ quan hành chính tiểu bang hoặc thực thể tiểu bang khác, có thể thông qua các quy tắc và quy định để thực thi các điều khoản của đoạn này, và có thể tìm kiếm sự miễn miễn không thực thi các quy tắc, quy định và luật liên bang cần thiết để thực thi các điều khoản của đoạn này.*

ĐOẠN 5. Cách Giải Thích Bao Quát.

Đạo Luật này là sự thi hành quyền lực công của người dân Tiểu Bang California để bảo vệ sức khỏe, sự an toàn và phục lợi của họ, và sẽ được hiểu một cách bao quát là để thực hiện các mục đích của chính Đạo Luật.

ĐOẠN 6. Dự Luật Mâu Thuẫn.

Đạo Luật này phải có nội dung tổng hợp. Ý định của người dân Tiểu Bang California này đó là trong trường hợp Đạo Luật này và một hoặc nhiều dự luật khác liên quan đến cùng chủ đề cùng xuất hiện trên lá phiếu toàn tiểu bang, thì các điều khoản của (những) dự luật đó được coi là mâu thuẫn với Đạo Luật này. Trong trường hợp Đạo Luật này nhận được nhiều phiếu thuận hơn, thì những điều khoản của Đạo Luật này sẽ được ưu tiên trọn vẹn, và tất cả điều khoản của dự luật khác sẽ trở thành vô hiệu lực và không có tác dụng.

ĐOẠN 7. Trách Nhiệm Người Đề Xuất.

Người dân Tiểu Bang California tại đây tuyên bố rằng người đề xuất Đạo Luật này phải có trách nhiệm dân sự trong trường hợp Đạo Luật này bị hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ sau khi đã được thông qua, bởi tòa án do vi pháp hoặc vi hiến. Khởi xướng về vi pháp hoặc vi hiến đó là hành vi lạm dụng ngân quỹ của người đóng thuế và tài nguyên của nhóm cử tri cũng như người ủng hộ Đạo Luật, như được soạn thảo trong Đạo Luật, sẽ phải có trách nhiệm.

Trong trường hợp Đạo Luật này, sau khi được thông qua, bị hủy bỏ toàn bộ hoặc một phần trong một phiên tòa do không phù hợp với các quy định hoặc hiến pháp, và tất cả các khoản thu nhập để kháng nghị quyết định hủy bỏ này đã cạn kiệt, người đề xuất phải chịu hình phạt dân sự là \$10,000 và nộp vào Quỹ Tổng Quát của Tiểu Bang California do soạn thảo sai lầm và để cấp kinh phí cho khởi xướng về vi pháp hoặc vi hiến, nhưng người đề xuất sẽ không có bất kỳ trách nhiệm nào đối với bất kỳ người nào hay thực thể nào liên quan với, có liên hệ với hoặc phát sinh từ Đạo Luật. Không bên nào hay

thực thể nào có thể bãi miễn hình phạt dân sự này.

ĐOẠN 8. Tu Chính và Bãi Bỏ.

Đạo Luật này có thể được tu chính để đảm bảo thực hiện được mục đích của nó bằng một đạo luật được thông qua bằng hai phần ba phiếu bầu của Lập Pháp và được Thống Đốc ký xác nhận.

ĐOẠN 9. Hiệu Lực Từng Phần.

Nếu có bất kỳ điều khoản nào của Đạo Luật này hoặc phần nào của Đạo Luật, hay sự áp dụng bất kỳ điều khoản hay phần nào của Đạo Luật cho bất kỳ người hay tình huống nào, vì bất cứ lý do gì bị xem là bất hợp lệ hoặc vi pháp, thì các điều khoản và phần còn lại sẽ không bị ảnh hưởng, nhưng sẽ vẫn hoàn toàn có hiệu lực và hiệu dụng, và do vậy, các điều khoản và mục đích của Điều Khoản này có hiệu lực từng phần. Tại đây cử tri tuyên bố rằng Đạo Luật này và mỗi phần và bộ phận sẽ vẫn được thông qua do dù có bất kỳ điều khoản hoặc phần nào bị coi là không hợp lệ hoặc vi hiến.

ĐOẠN 10. Biện Hộ Pháp Lý.

Người dân Tiểu Bang California mong muốn rằng Đạo Luật, nếu được cử tri phê chuẩn và sau đó nếu bị đưa ra tranh luận tại tòa, sẽ được Tiểu Bang California biện hộ. Người dân Tiểu Bang California, bằng việc ban hành Đạo Luật này, tại đây tuyên bố rằng người đề xuất Dự Luật này có trách nhiệm trực tiếp và cá nhân trong việc biện hộ Đạo Luật này trước tranh luận về mặt hợp hiến và hợp pháp của Đạo Luật này. Trong trường hợp Bộ Trưởng Tư Pháp không thể bảo vệ Đạo Luật này, hoặc nếu Bộ Trưởng Tư Pháp không thể kháng nghị phản quyết trái ngược về sự hợp hiến hoặc hợp pháp của Đạo luật này, toàn bộ hoặc một phần của Đạo Luật, trong bất kỳ phiên tòa nào, thì người đề xuất Đạo Luật sẽ có trách nhiệm trực tiếp và cá nhân trong việc biện hộ cho tính hợp lệ của Đạo Luật trong bất kỳ phiên tòa nào và sẽ được công dân trao quyền, thông qua Đạo Luật này, trở thành đại diện cho công dân của Tiểu Bang California với các điều kiện sau: (1) người đề xuất sẽ không được coi là nhân viên "thường trực" của Tiểu Bang California, nhưng Lập Pháp có quyền xóa bỏ người đề xuất khỏi vị trí của họ trong cơ quan bằng đa số phiếu bầu của mỗi viện của Lập Pháp khi có lý do "hợp lý" để làm như vậy, theo như định nghĩa của thuật ngữ này trong phần lệ California; (2) người đề xuất phải thực hiện Lời Thề Văn Phòng trong Đoạn 3, Điều XX của Hiến Pháp California với tư cách là một nhân viên của Tiểu Bang California; (3) người đề xuất phải chịu tất cả các nhiệm vụ ủy thác về pháp lý và đạo đức theo quy định của pháp luật; và (4) người đề xuất sẽ được Tiểu Bang California bồi thường chỉ những chi phí hợp lý và các mất mát khác, với tư cách là một đại diện biện hộ cho sự hợp lý của Đạo Luật được tranh luận. Số tiền bồi thường sẽ không được cao hơn số tiền mà tiểu bang có thể sử dụng để tự biện hộ cho Đạo Luật.

ĐOẠN 11. Ngày Có Hiệu Lực.

Trừ khi được nêu khác tại đây, Đạo Luật này sẽ có hiệu lực vào ngày ngay sau khi được cử tri phê chuẩn.

DỰ LUẬT 62

Dự luật tiên khởi này được đệ trình với người dân phù hợp với những điều khoản của Đoạn 8 Điều II của Hiến Pháp California.

Dự luật tiên khởi này tu chính và bãi bỏ một số đoạn của Bộ Luật Hình Sự; vì vậy, những điều khoản hiện hữu đã được đề nghị xóa bỏ thì được in bằng kiểu chữ có gạch ngang và những điều khoản mới đã được đề nghị bổ sung

vào thì được in bằng *kiểu chữ nghiêng* để cho biết đó là những điều khoản mới.

DỰ LUẬT ĐỀ NGHỊ

Đạo Luật Công Lý Hiệu Quả năm 2016

ĐOẠN 1. Tựa Đề.

Dự luật tiên khởi này sẽ được biết đến và được trích dẫn tên gọi là "Đạo Luật Công Lý Hiệu Quả năm 2016."

ĐOẠN 2. Kết Luận và Tuyên Bố.

Người Dân Tiểu Bang California sau đây kết luận và tuyên bố tất cả những điều sau đây:

1. Những kẻ sát nhân bạo lực bị kết án tội sát nhân cấp một phải bị cách ly khỏi xã hội và bị nghiêm trị.
2. Chiều theo luật hiện hành, California tuyên án tử hình cho nhiều tên tội phạm mắc tội sát nhân cấp một nhưng tiểu bang hiếm khi tiến hành xử tử. Thay vào đó, tiểu bang chi tiêu hàng triệu tiền thuế để cung cấp luật sư cho các tù nhân đang chờ tử hình, chỉ để cho những tên sát nhân mà tiểu bang đã tuyên án tử hình chết vì tuổi già ở trong tù.
3. Từ năm 1978, California đã chi tiêu hơn \$4 tỷ cho một hệ thống án tử hình đã tuyên án tử hình cho gần một ngàn tên tội phạm nhưng chỉ xử tử 13 người. Mặc dù có hơn 700 tù nhân hiện nay đang chờ tử hình, California chưa xử tử bất cứ ai trong gần mười một năm.
4. Các tên sát nhân bạo lực đã bị tuyên án tù chung thân trong tù không có cơ hội quản chế tại California chưa bao giờ hội đủ điều kiện xin quản chế. Họ dành hết phần đời còn lại trong nhà tù và họ chết trong tù.
5. Chưa tới 1% tù nhân đang chờ tử hình làm việc nộp tiền lương của họ để bồi thường cho các nạn nhân của họ. Những tên sát nhân bị tuyên án tù chung thân không có cơ hội quản chế phải làm việc trong nhà tù và dùng tiền lương của họ để trả tiền bồi thường cho các nạn nhân của tội ác của họ.
6. Tất cả các tên sát nhân đã bị tuyên án tù chung thân không có cơ hội quản chế nên bị pháp luật bắt buộc phải làm việc trong tù và trả 60% tiền lương của họ để bồi thường cho các nạn nhân của họ vì thiệt hại họ đã gây ra.
7. Mặc dù nhiều người nghĩ rằng xử tử những tên sát nhân thì sẽ ít tốn kém hơn là cầm tù họ cả đời, trên thực tế, việc xử tử tốn kém hơn rất nhiều. Hệ thống án tử hình tiêu tốn hơn \$100 triệu mỗi năm để duy trì một hệ thống mà trong đó án tù chung thân không có cơ hội quản chế là sự trừng phạt nghiêm khắc nhất, theo một nghiên cứu bởi cựu công tố viên án tử hình và thẩm phán, Arthur Alarcon, và giáo sư luật học Paula Mitchell. Bằng cách thay án tử hình bằng án tù chung thân không có cơ hội quản chế, người dân đóng thuế California sẽ tiết kiệm trên \$100 triệu mỗi năm.
8. Án tử hình là một chương trình thất bại của chính quyền làm lãng phí tiền thuế và gây các sai lầm chết người. Hơn 150 người vô tội đã bị tuyên án tử ở đất nước này, và một số người vô tội đã thật sự bị xử tử. Các quyết định kết án sai lầm đã cướp đi hàng thập kỷ trong đời của người vô tội, lãng phí tiền thuế, và gây tổn thương lặp lại cho các gia đình nạn nhân, trong khi tên sát nhân thật sự vẫn được tự do để giết người lần nữa.
9. Tính áp dụng có hiệu lực trở về trước của đạo luật này sẽ ngay lập tức chấm dứt một cách làm tốn kém và thiếu hiệu quả và bảo đảm California không bao giờ hành quyết một người vô tội.

10. Án tử hình của California là một lời hứa hẹn trống rỗng. Các vụ án tử hình kéo dài hàng thập kỷ. Một án tù chung thân không có cơ hội quản chế mang lại công lý nhanh chóng và chắc chắn cho các gia đình đang đau khổ.

11. Án tù chung thân không có cơ hội quản chế bảo đảm rằng những tên tội phạm nguy hiểm nhất bị giam trong nhà tù mãi mãi và giúp tiết kiệm tiền. Bằng cách thay thế án tử hình bằng án tù chung thân không có cơ hội quản chế, chúng ta sẽ tiết kiệm cho tiểu bang \$1 tỷ trong năm năm mà không cần phải phóng thích cho một tù nhân nào—\$1 tỷ đó có thể được dùng để đầu tư vào các chiến lược ngăn ngừa tội ác, các dịch vụ trợ giúp nạn nhân, giáo dục, và bảo đảm an toàn cho các cộng đồng và gia đình của chúng ta.

ĐOẠN 3. Mục Đích và Ý Định.

Người Dân Tiểu Bang California sau đây tuyên bố mục đích và ý định của họ khi ban hành đạo luật này là như sau:

1. Để chấm dứt hệ thống án tử hình tốn kém và thiếu hiệu quả của California và thay thế nó bằng một phương pháp theo lý lẽ thông thường trong đó sẽ tuyên án tù chung thân không có cơ hội quản chế cho những người bị kết án tội sát nhân cấp một có trường hợp đặc biệt sao cho họ vĩnh viễn bị cách ly khỏi xã hội và phải trả tiền bồi thường cho các nạn nhân của họ.

2. Đòi hỏi mọi phạm nhân bị kết án tội sát nhân cấp một và bị tuyên án tù chung thân không có cơ hội quản chế phải làm việc khi ở trong nhà tù, và họ phải trả lên tới 60% lương của họ để làm tiền bồi thường cho các nạn nhân của họ.

3. Để loại bỏ rủi ro xử tử một người vô tội.

4. Để chấm dứt tiến trình kháng án dài hàng thập kỷ trong đó các thành viên gia đình đang đau khổ phải tham dự nhiều buổi điều giải và bị buộc phải liên tục nhớ lại nỗi đau mất mát của họ.

5. Để đạt được sự công bằng và đồng bộ trong phát quyết, thông qua việc áp dụng có hiệu lực trở về trước của đạo luật này để thay thế án tử hình bằng án tù chung thân không có cơ hội quản chế.

ĐOẠN 4. Đoạn 190 của Bộ Luật Hình Sự được tu chính như sau:

190. (a) Tất cả những ai mắc tội sát nhân cấp một phải bị trừng phạt bằng án tử hình; án tù chung thân tại nhà tù tiểu bang không có cơ hội quản chế, hoặc giam giữ tại nhà tù tiểu bang trong kỳ hạn 25 năm đến chung thân. Hình phạt được áp dụng phải được xác định theo quy định trong các Đoạn 190.1, 190.2, 190.3, 190.4, và 190.5.

Ngoại trừ được quy định trong tiểu phần (b), (c), hoặc (d), tất cả những ai mắc tội sát nhân cấp hai phải bị trừng phạt bằng án tù giam tại nhà tù tiểu bang trong kỳ hạn 15 năm đến chung thân.

(b) Ngoại trừ được quy định trong tiểu phần (c), tất cả những ai mắc tội sát nhân cấp hai phải bị trừng phạt bằng án tù giam tại nhà tù tiểu bang trong kỳ hạn 25 năm đến chung thân nếu nạn nhân là cảnh sát viên, theo định nghĩa trong tiểu phần (a) của Đoạn 830.1, tiểu phần (a), (b), hoặc (c) của Đoạn 830.2, tiểu phần (a) của Đoạn 830.33, hoặc Đoạn 830.5, cảnh sát viên đó đã bị sát hại trong khi đang tham gia vào quá trình làm nhiệm vụ của anh ấy hoặc cô ấy, và bị cáo đã biết, hoặc theo lý lẽ hẳn nên biết, rằng nạn nhân là một cảnh sát viên đang làm nhiệm vụ.

(c) Tất cả những ai mắc tội sát nhân cấp hai phải bị trừng phạt bằng án tù giam tại nhà tù tiểu bang trong kỳ hạn chung thân không có cơ hội quản chế nếu nạn nhân là cảnh sát viên, theo định nghĩa trong tiểu phần (a) của

Đoạn 830.1, tiểu phần (a), (b), hoặc (c) của Đoạn 830.2, tiểu phần (a) của Đoạn 830.33, hoặc Đoạn 830.5, cảnh sát viên đó đã bị sát hại trong khi đang làm nhiệm vụ của anh ấy hoặc cô ấy, và bị cáo đã biết, hoặc theo lý lẽ hẳn nên biết, rằng nạn nhân là một cảnh sát viên đang làm nhiệm vụ, và bất cứ sự kiện nào sau đây đã bị truy tố và đã được kết luận là đúng sự thật:

(1) Bị cáo rõ ràng đã có ý định sát hại cảnh sát viên.

(2) Bị cáo rõ ràng đã có ý định gây thương tích thân thể nghiêm trọng, theo định nghĩa trong Đoạn 12022.7, cho một cảnh sát viên.

(3) Bị cáo đã đích thân dùng một vũ khí giết người hoặc nguy hiểm khi phạm tội, vi phạm tiểu phần (b) của Đoạn 12022.

(4) Bị cáo đã đích thân dùng một cây súng khi phạm tội, vi phạm tiểu phần (b) của Đoạn 12022.5.

(d) Tất cả những ai mắc tội sát nhân cấp hai phải bị trừng phạt bằng án tù giam tại nhà tù tiểu bang trong kỳ hạn 20 năm đến chung thân, nếu vụ tàn sát được thực hiện bằng cách bắn súng từ một xe cơ giới, cố ý nhằm vào một người khác ngoài xe với ý định gây thương tích thân thể nghiêm trọng.

(e) Điều 2.5 (bắt đầu với Đoạn 2930) của Chương 7 Tựa Đề 1 Mục 3 sẽ không áp dụng để giảm hạn tù tối thiểu được áp đặt chiếu theo đoạn này. Một người bị tuyên án chiếu theo đoạn này sẽ không được phóng thích cho quản chế trước khi đã thụ án tù giam tối thiểu được mô tả bởi đoạn này.

(f) Tất cả những ai bị kết luận mắc tội sát nhân và bị tuyên án hoặc bị tái tuyên án tù chung thân không có cơ hội quản chế chiếu theo đoạn này sẽ phải làm việc trong một nhà tù có an ninh cao trong nhiều giờ lao động chăm chỉ mỗi ngày và mọi ngày trong suốt hạn tù giam của anh ấy hoặc cô ấy như được mô tả bởi các điều lệ và nội quy của Nha Cải Huấn và Phục Hồi, chiếu theo Đoạn 2700. Trong bất cứ trường hợp nào trong đó tù nhân nợ một khoản phạt bồi thường hoặc lệnh bồi thường, Tổng Thư Ký Nha Cải Huấn và Phục Hồi sẽ trừ số tiền đó từ lương và tiền gửi tương mục tin thác của tù nhân đó và sẽ chuyển những ngân quỹ đó đến Hội Đồng Yêu Cầu Bồi Thường Của Chính Quyền và Bồi Thường Nạn Nhân Của California theo các điều lệ và nội quy của Nha Cải Huấn và Phục Hồi, chiếu theo Đoạn 2085.5 và 2717.8.

ĐOẠN 5. Đoạn 190.1 của Bộ Luật Hình Sự được bãi bỏ.

190.1.—Một vụ án trong đó có thể áp đặt án tử hình chiếu theo chương này phải được xét xử qua nhiều giai đoạn riêng biệt như sau:

(a) Nghi vấn về việc bị cáo có tội hay không sẽ được xác định trước tiên. Nếu người xét xử sự kiện kết luận bị cáo có tội sát nhân cấp một, thì đồng thời họ phải xác định sự thật của tất cả những trường hợp đặc biệt bị truy tố như đã liệt kê trong Đoạn 190.2 ngoại trừ một trường hợp đặc biệt bị truy tố chiếu theo đoạn văn (2) của tiểu phần (a) của Đoạn 190.2 khi đó bị cáo bị cáo buộc là đã từng bị kết án trong một vụ tố tụng trước đó về hành vi phạm tội sát nhân cấp một hoặc cấp hai:

(b) Nếu bị cáo bị kết án tội sát nhân cấp một và một trong những trường hợp đặc biệt bị truy tố chiếu theo đoạn văn (2) của tiểu phần (a) của Đoạn 190.2 cáo buộc rằng bị cáo đã bị kết án trong một vụ tố tụng trước đó về hành vi phạm tội sát nhân cấp một hoặc cấp hai, thì sau đó phải có thêm thủ tục tố tụng để xác định sự thật của tình trạng đặc biệt đó.

(c) Nếu bị cáo bị kết luận có tội sát nhân cấp một và một hoặc nhiều trường hợp đặc biệt như đã liệt kê trong Đoạn 190.2 bị truy tố và bị kết luận là đúng sự thật, thì sự tinh táo của anh ta phải được xác định theo quy định trong

Đoạn 190.4 đối với bất cứ lời tuyên thệ vô tội vì lý do mất trí nào chiếu theo Đoạn 1026. Nếu anh ta được kết luận là tinh táo, thì sau đó sẽ có các thủ tục tố tụng thêm để quyết định hình phạt sẽ được áp đặt. Các thủ tục tố tụng đó sẽ được tiến hành phù hợp với các điều khoản của Đoạn 190.3 và 190.4.

ĐOẠN 6. Đoạn 190.2 của Bộ Luật Hình Sự được tu chính như sau:

190.2. (a) Hình phạt cho một bị cáo bị kết án có tội sát nhân cấp một là tử hình hoặc án tù chung thân tại nhà tù tiểu bang không có cơ hội quản chế nếu có từ một trở lên những trường hợp đặc biệt đã được kết luận chiếu theo Đoạn 190.4 là đúng sự thật:

- (1) Vụ sát hại đã bị cố ý thực hiện và đó là vì lợi ích tài chánh.
- (2) Bị cáo đã bị kết án trước đó về tội sát nhân cấp một hoặc cấp hai. Cho mục đích của đoạn văn này, một tội ác đã phạm ở một khu vực thẩm quyền pháp lý khác, mà nếu đã phạm ở California sẽ có thể xử phạt là tội sát nhân cấp một hoặc cấp hai, sẽ bị xem là tội sát nhân cấp một hoặc cấp hai.
- (3) Bị cáo, trong thủ tục tố tụng này, đã bị kết án nhiều hơn một lần phạm tội sát nhân cấp một hoặc cấp hai.
- (4) Vụ sát hại đã được thực hiện bằng một thiết bị phá hoại, một quả bom, hoặc chất nổ được cài đặt, ém, hoặc che dấu ở bất cứ nơi chốn, khu vực, nhà ở, tòa nhà, hoặc công trình cấu trúc nào, và bị cáo đã biết, hoặc theo lý hần nên biết, rằng hành động hoặc những hành động của họ sẽ tạo ra rủi ro lớn gây thiệt mạng cho một hoặc nhiều người.
- (5) Vụ sát hại đã được thực hiện cho mục đích tránh né hoặc ngăn ngừa một cuộc bắt giữ hợp pháp, hoặc hoàn thành hoặc cố gắng hoàn thành, một cuộc đào tẩu để khỏi bị bắt giữ hợp pháp.
- (6) Vụ sát hại đã được thực hiện bằng một thiết bị gây nổ, một quả bom, hoặc chất nổ mà bị cáo đã gửi qua đường bưu điện hoặc giao tận nơi, đã tìm cách gửi qua đường bưu điện hoặc giao tận nơi, hoặc đã tạo điều kiện để gửi qua đường bưu điện và giao tận nơi, và bị cáo đã biết, hoặc theo lý hần nên biết, rằng hành động hoặc những hành động của họ sẽ tạo ra rủi ro lớn gây thiệt mạng cho một hoặc nhiều người.
- (7) Nạn nhân đã là một cảnh sát viên, theo định nghĩa trong Đoạn 830.1, 830.2, 830.3, 830.31, 830.32, 830.33, 830.34, 830.35, 830.36, 830.37, 830.4, 830.5, 830.6, 830.10, 830.11, hoặc 830.12, người mà trong lúc đang tham gia vào quá trình thi hành các nhiệm vụ của anh ấy hoặc cô ấy, đã bị cố ý sát hại, và bị cáo đã biết, hoặc theo lý hần nên biết, rằng nạn nhân đã là một cảnh sát viên đang thi hành nhiệm vụ; hoặc nạn nhân đã là một cảnh sát viên, theo định nghĩa trong những đoạn được liệt kê trên đây, hoặc là một cựu cảnh sát viên chiếu theo bất cứ đoạn nào trong những đoạn đó, và đã bị cố tình sát hại để trả thù việc anh ấy hoặc cô ấy thực hiện các nhiệm vụ chính thức của mình.
- (8) Nạn nhân đã là một nhân viên công lực thi hành luật liên bang hoặc một chuyên viên đang tham gia trong quá trình thi hành các nhiệm vụ của anh ấy hoặc cô ấy, đã bị cố ý sát hại, và bị cáo đã biết, hoặc theo lý hần nên biết, rằng nạn nhân đã là một nhân viên công lực thi hành luật liên bang hoặc một chuyên viên đang tham gia vào quá trình thi hành các nhiệm vụ; hoặc nạn nhân đã là một nhân viên công lực thi hành luật liên bang hoặc một chuyên viên, và đã bị cố ý sát hại để trả thù việc anh ấy hoặc cô ấy thực hiện các nhiệm vụ chính thức của mình.
- (9) Nạn nhân là nhân viên cứu hỏa, theo định nghĩa trong Đoạn 245.1,

người mà trong khi đang tham gia vào quá trình thi hành nhiệm vụ của anh ấy hoặc cô ấy, đã bị cố ý sát hại, và bị cáo đã biết, hoặc theo lý hần nên biết, rằng nạn nhân là một nhân viên cứu hỏa đang tham gia quá trình thi hành nhiệm vụ của họ.

(10) Nạn nhân đã là nhân chứng cho một tội ác và họ đã bị cố ý sát hại vì mục đích ngăn ngừa anh ấy hoặc cô ấy đưa ra lời khai trong bất cứ thủ tục tố tụng hình sự hoặc thanh thiếu niên nào, và vụ sát hại đã không xảy ra khi thủ phạm thực hiện hoặc tìm cách thực hiện tội ác mà anh ấy hoặc cô ấy đã là nhân chứng; hoặc nạn nhân đã là nhân chứng cho một tội ác và đã bị cố ý sát hại để trả thù việc anh ấy hoặc cô ấy đưa ra lời khai trong bất cứ thủ tục tố tụng hình sự hoặc thanh thiếu niên nào. Khi được sử dụng trong đoạn văn này, "thủ tục tố tụng thanh thiếu niên" nghĩa là một thủ tục tố tụng chiếu theo Đoạn 602 hoặc 707 của Bộ Luật An Sinh và Định Chế.

(11) Nạn nhân đã là một công tố viên hoặc trợ lý công tố viên hoặc là một cựu công tố viên hoặc trợ lý công tố viên của bất cứ văn phòng công tố viên tiểu bang hoặc địa phương nào trong tiểu bang này hoặc bất cứ tiểu bang nào khác, hoặc của một văn phòng công tố viên liên bang, và vụ sát hại đã bị cố ý thực hiện nhằm trả thù, hoặc để ngăn ngừa nạn nhân thực thi các nhiệm vụ chính thức của mình.

(12) Nạn nhân đã là một thẩm phán hoặc cựu thẩm phán của bất cứ tòa án nào được lưu hồ sơ trong hệ thống địa phương, tiểu bang hoặc liên bang tại tiểu bang này hoặc bất cứ tiểu bang nào khác, và vụ sát hại đã bị cố ý thực hiện để trả thù, hoặc để ngăn ngừa nạn nhân thi hành các nhiệm vụ chính thức của họ.

(13) Nạn nhân đã là một viên chức dân cử hoặc viên chức được chỉ định hoặc cựu viên chức của chính quyền liên bang, hoặc của bất cứ chính quyền địa phương hoặc tiểu bang nào của tiểu bang này hoặc bất cứ tiểu bang nào khác, và vụ tàn sát đã bị cố ý thực hiện để trả thù, hoặc để ngăn ngừa nạn nhân thi hành các nhiệm vụ chính thức của họ.

(14) Vụ sát hại đã đặc biệt tàn ác, tàn bạo hoặc độc ác, biểu hiện đối bại khác thường. Khi được sử dụng trong đoạn này, nhóm chữ "đặc biệt tàn ác, tàn bạo hoặc độc ác, biểu hiện đối bại khác thường" nghĩa là một tội ác vô lương tâm hoặc không thương xót và hành hạ nạn nhân không cần thiết.

(15) Bị cáo cố ý sát hại nạn nhân bằng cách mai phục.

(16) Nạn nhân đã bị cố ý sát hại vì chủng tộc, màu da, tôn giáo, quốc tịch hoặc nguồn gốc quê hương của anh ấy hoặc cô ấy.

(17) Vụ sát hại đã được thực hiện khi bị cáo đã đang dính líu vào, hoặc là một đồng lõa, trong việc thực hiện, tìm cách thực hiện, hoặc bỏ trốn ngay sau khi thực hiện, hoặc tìm cách tiến hành, các trọng tội sau đây:

- (A) Cướp giạt vi phạm Đoạn 211 hoặc 212.5.
- (B) Bắt cóc vi phạm Đoạn 207, 209, hoặc 209.5.
- (C) Hãm hiếp vi phạm Đoạn 261.
- (D) Kê gian vi phạm Đoạn 286.
- (E) Thực hiện hành động dâm dục hoặc dâm đẳng đối với cơ thể của một đứa trẻ dưới 14 tuổi vi phạm Đoạn 288.
- (F) Giao hợp bằng miệng vi phạm Đoạn 288a.
- (G) Ăn trộm cấp độ một hoặc cấp độ hai vi phạm Đoạn 460.
- (H) Đốt phá vi phạm tiểu phần (b) của Đoạn 451.

(I) Làm xe lửa trật đường ray vi phạm Đoạn 219.

(J) Gây phế tật cho người khác vi phạm Đoạn 203.

(K) Hăm hiếp bằng dụng cụ vi phạm Đoạn 289.

(L) Cướp xe, theo định nghĩa trong Đoạn 215.

(M) Để chứng minh những trường hợp đặc biệt của vụ bắt cóc trong tiểu đoạn văn (B), hoặc tội đốt phá trong tiểu đoạn văn (H), nếu có ý định giết người cụ thể, thì chỉ cần có bằng chứng về các yếu tố của những trọng tội đó. Nếu có chứng cứ như thế, thì chứng minh được hai trường hợp đặc biệt đó ngay cả khi trọng tội bắt cóc hoặc đốt phá được tiến hành chủ yếu hoặc chỉ cho mục đích tạo điều kiện thuận lợi cho vụ sát hại.

(18) Vụ sát hại đã bị cố ý thực hiện và có liên quan đến việc sử dụng tra tấn.

(19) Bị cáo cố ý sát hại nạn nhân bằng cách sử dụng chất độc.

(20) Nạn nhân đã là một bồi thẩm tại bất cứ tòa án nào được lưu hồ sơ trong hệ thống địa phương, tiểu bang hoặc liên bang tại tiểu bang này hoặc bất cứ tiểu bang nào khác, và vụ sát hại đã bị cố ý thực hiện để trả thù, hoặc để ngăn ngừa nạn nhân thi hành các nhiệm vụ chính thức của họ.

(21) Vụ sát hại là cố ý và được thực hiện bằng cách bắn súng từ một xe cơ giới, cố ý nhằm vào một người khác hoặc nhiều người khác bên ngoài chiếc xe đó với ý định gây tử vong. Cho các mục đích của đoạn văn này, "xe cơ giới" nghĩa là bất cứ loại xe nào theo định nghĩa trong Đoạn 415 của Bộ Luật Xe Cơ.

(22) Bị cáo cố ý sát hại nạn nhân trong khi bị cáo đã là một thành viên tham gia hoạt động trong một băng đảng tội phạm đường phố, theo định nghĩa trong tiểu phần (f) của Đoạn 186.22, và vụ sát hại đã được thực hiện để củng cố các hoạt động của băng đảng tội phạm đường phố.

(b) Trừ phi một ý định sát nhân là điều bắt buộc phải có chiếu theo tiểu phần (a) cho một trường hợp đặc biệt được liệt kê trong đây, một kẻ sát nhân thật sự, mà trường hợp đặc biệt của kẻ đó đã được kết luận là đúng sự thật chiếu theo Đoạn 190.4, thì không cần phải có bất cứ ý định sát hại nào vào thời điểm phạm pháp khi đó là cơ sở của trường hợp đặc biệt để chịu án tử hình hoặc án tù chung thân trong nhà tù tiểu bang mà không có cơ hội quản chế.

(c) Tất cả những ai, không phải là kẻ sát nhân thật sự, mà có ý định sát hại, trợ giúp, tiếp tay, cố vấn, ra lệnh, dụ dỗ, gạ gẫm, yêu cầu, hoặc hỗ trợ bất cứ thủ phạm nào phạm tội sát nhân cấp một sẽ bị trừng phạt bằng án tử hình hoặc án tù chung thân trong nhà tù tiểu bang không có cơ hội quản chế nếu một hoặc nhiều trường hợp đặc biệt được liệt kê trong tiểu phần (a) đã được kết luận là đúng sự thật chiếu theo Đoạn 190.4.

(d) Mặc dù có tiểu phần (c), tất cả những ai, không phải kẻ sát nhân thật sự, mà coi thường dũng dung đối với mạng sống con người và giữ vai trò một người tham gia chính, trợ giúp, tiếp tay, cố vấn, ra lệnh, dụ dỗ, gạ gẫm, yêu cầu, hoặc hỗ trợ trong việc thực hiện một trọng tội nào được liệt kê trong đoạn văn (17) của tiểu phần (a) dẫn đến cái chết của một ai đó hoặc nhiều người nào đó, và bị kết luận phạm tội sát nhân cấp một theo đó, sẽ bị trừng phạt bằng án tử hình hoặc án tù chung thân trong nhà tù tiểu bang không có cơ hội quản chế nếu một trường hợp đặc biệt được liệt kê trong đoạn văn (17) của tiểu phần (a) đã được kết luận là đúng sự thật chiếu theo Đoạn 190.4.

Hình phạt sẽ được xác định theo quy định trong đoạn này và các Đoạn 190.1, 190.3, 190.4, và 190.5.

ĐOẠN 7. Đoạn 190.3 của Bộ Luật Hình Sự được bãi bỏ.

190.3. — Nếu bị cáo đã bị kết luận là có tội sát nhân cấp một, và một trường hợp đặc biệt đã được truy tố và kết luận là đúng sự thật, hoặc nếu bị cáo có thể phải chịu án tử hình sau khi bị kết luận vi phạm tiểu phần (a) của Đoạn 1672 của Bộ Luật Quân Sự và Cựu Chiến Binh hoặc các Đoạn 37, 128, 219, hoặc 4500 của bộ luật này, người xét xử sự kiện phải xác định liệu hình phạt sẽ là án tử hình hay án tù chung thân trong nhà tù tiểu bang mà không có cơ hội quản chế. Trong quy trình tố tụng về vấn đề hình phạt, bằng chứng có thể được cả người dân và bị cáo đưa ra về bất cứ vấn đề nào liên quan đến tình tiết gia trọng, giảm khinh, và bản án bao gồm, nhưng không giới hạn ở, tính chất và các trường hợp của vụ phạm pháp hiện tại, bất cứ lần kết án hoặc nhiều lần kết án trọng tội nào trước đó bất kể lần kết án hoặc nhiều lần kết án đó có liên quan đến một tội ác bạo động hay không, sự tồn tại hoặc không tồn tại các hoạt động tội phạm khác của bị cáo liên quan đến việc sử dụng hoặc cố tìm cách sử dụng vũ lực hoặc bạo lực hoặc liên quan đến việc đe dọa rõ ràng hay ngụ ý sử dụng vũ lực hoặc bạo lực, và tính cách, nguồn gốc, tiền sử, tình trạng tâm thần và tình trạng thể chất của bị cáo.

Tuy nhiên, không bằng chứng nào sẽ được thừa nhận về hoạt động tội phạm khác của bị cáo nếu không liên quan đến việc sử dụng hoặc cố tìm cách sử dụng vũ lực hoặc bạo lực hoặc nếu không liên quan đến việc đe dọa rõ ràng hoặc ngụ ý sử dụng vũ lực hoặc bạo lực. Khi được sử dụng trong đoạn này, hoạt động tội phạm không nhất thiết từng bị kết án.

Tuy nhiên, không có trường hợp nào bằng chứng về hoạt động phạm tội trước kia sẽ được thừa nhận đối với một vụ phạm pháp mà bị cáo đã bị truy tố và được tuyên bố vô tội. Hạn chế đối với việc sử dụng bằng chứng này chỉ nhằm áp dụng cho các thủ tục tố tụng chiếu theo đoạn này và không nhằm ảnh hưởng đến luật pháp quy hoặc luật phán quyết theo án lệ cho phép bằng chứng như vậy được sử dụng trong bất cứ thủ tục tố tụng nào.

Ngoại trừ bằng chứng để chứng minh sự phạm tội hoặc những trường hợp đặc biệt để buộc bị cáo phải chịu án tử hình, không có bằng chứng nào có thể được đưa ra bởi công tố viên để tăng mức gia trọng trừ phi có thông báo về bằng chứng được đưa ra đã được trao cho bị cáo trước phiên xét xử trong một thời hạn hợp lý theo quyết định của tòa án. Bằng chứng có thể được đưa ra mà không cần có thông báo trước như thế để bác bỏ bằng chứng do bị cáo đưa ra nhằm giảm nhẹ tội.

Người xét xử sự kiện sẽ phải được hướng dẫn rằng một bản án tù chung thân trong nhà tù tiểu bang mà không có cơ hội quản chế có thể trong tương lai sau khi tuyên án, được Thống Đốc Tiểu Bang California giảm hoặc sửa đổi thành một bản án bao gồm khả năng quản chế.

Khi xác định hình phạt, người xét xử sự kiện phải tính đến bất cứ yếu tố nào sau đây nếu có liên quan:

(a) Những trường hợp tội ác mà bị cáo đã bị kết án trong phiên tố tụng hiện tại và sự tồn tại của bất cứ trường hợp đặc biệt nào đã được kết luận là đúng sự thật chiếu theo Đoạn 190.1:

(b) Sự tồn tại hay không tồn tại của hoạt động phạm tội của bị cáo liên quan đến việc sử dụng hoặc cố tìm cách sử dụng vũ lực hoặc bạo lực hoặc việc đe dọa rõ ràng hoặc ngụ ý sử dụng vũ lực hoặc bạo lực.

(c) Sự tồn tại hoặc không tồn tại của bất cứ lần kết án trọng tội nào trước đó:

(d) Liệu có hay không việc bị cáo phạm tội khi bị cáo đang bị tác động của chứng rối loạn tâm thần hoặc cảm xúc trầm trọng.

(e) Liệu nạn nhân đã tham gia hay không trong hành động giết người của

bị cáo hoặc chấp thuận hành động giết người đó:

(f) Liệu có hay không việc bị cáo phạm tội trong những trường hợp mà bị cáo tin một cách hợp lý rằng hành vi của họ được biện minh hay giảm khinh về mặt đạo đức.

(g) Liệu bị cáo có hành động dưới sự cưỡng chế nặng nề hoặc chi phối đáng kể của một người khác hay không.

(h) Liệu vào thời điểm phạm tội, khả năng của bị cáo để nhận thức được tính chất phạm pháp trong hành vi của mình hoặc để tuân hành các đòi hỏi của luật pháp có bị suy giảm hay không vì hậu quả của bệnh tâm thần, hoặc bị ảnh hưởng của tình trạng say rượu bia.

(i) Tuổi của bị cáo tại thời điểm phạm tội ác.

(j) Liệu bị cáo có là đồng lõa trong hành vi phạm tội và sự tham gia của họ trong vụ phạm tội này là tương đối nhỏ hay không.

(k) Bất cứ trường hợp nào khác mà có tác động giảm khinh tính nghiêm trọng của tội ác mặc dù đó không phải là một lý lẽ hợp pháp cho tội ác.

Sau khi đã nghe và nhận tất cả các bằng chứng, và sau khi đã nghe và cân nhắc các biện luận của luật sư, người xét xử sự kiện sẽ cân nhắc, ghi nhận và dựa trên các trường hợp gia trọng và giảm khinh được dùng để tham chiếu trong đoạn này, và sẽ áp đặt án tù hình nếu người xét xử sự kiện kết luận rằng các trường hợp gia trọng lấn át các trường hợp giảm khinh. Nếu người xét xử sự kiện xác định rằng các trường hợp giảm khinh lấn át các trường hợp gia trọng, người xét xử sự kiện sẽ phải áp đặt án tù chung thân trong nhà tù tiểu bang không có cơ hội quản chế.

ĐOẠN 8. Đoạn 190.4 của Bộ Luật Hình Sự được tu chính như sau:

190.4. (a) Bất cứ khi nào những trường hợp đặc biệt như liệt kê trong Đoạn 190.2 bị cáo buộc và người xét xử kết luận bị cáo phạm tội sát nhân cấp một, người xét xử cũng đưa ra kết luận đặc biệt dựa theo sự thật của mỗi trường hợp đặc biệt bị cáo buộc. Việc xác định sự thật của bất kỳ hoặc tất cả những trường hợp đặc biệt sẽ được thực hiện bởi người xét xử dựa trên các bằng chứng được đưa ra trong phiên xử hoặc tại buổi điều giải được tổ chức chiếu theo Khoản (b) của Đoạn 190.1.

Trong trường hợp có nghi ngờ hợp lý về tính xác thực của trường hợp đặc biệt, bị cáo có quyền được kết luận không xác thực. Người xét xử sẽ đưa ra kết luận đặc biệt cho mỗi trường hợp đặc biệt bị kết tội là xác thực hoặc không xác thực. Bất cứ khi nào một trường hợp đặc biệt yêu cầu bằng chứng về phạm tội hoặc cố tình phạm tội ác, tội ác này sẽ bị kết tội và được chứng minh chiếu theo luật tổng quát được áp dụng cho phiên xử và bản án.

Nếu bị cáo bị kết tội bởi phiên tòa không có bồi thẩm đoàn, người xét xử sẽ được xem là bồi thẩm đoàn trừ trường hợp bị cáo và người dân được miễn trừ bồi thẩm đoàn, trong trường hợp này người xét xử được xem là tòa án. Nếu bị cáo bị kết tội do nhận tội, người xét xử sẽ được xem là bồi thẩm đoàn trừ trường hợp bị cáo và người dân được miễn trừ bồi thẩm đoàn.

Nếu người xét xử bị kết tội bởi một hoặc nhiều trường hợp đặc biệt được liệt kê trong Đoạn 190.2 được kết tội là xác thực, sẽ có một phiên điều giải hình phạt độc lập, bị cáo sẽ bị phạt chịu án tù chung thân tại nhà tù tiểu bang mà không được hưởng phóng thích, và không kết luận nào về các trường hợp đặc biệt còn lại bị kết tội là không xác thực, nếu người xét xử là bồi thẩm đoàn, bồi thẩm đoàn không có năng lực để đồng thuận về vấn đề xác thực hoặc không xác thực của bất kỳ trường hợp đặc biệt còn lại bị kết tội, sẽ cản trở tổ

chức phiên điều giải hình phạt độc lập.

Trong trường hợp bị cáo được bồi thẩm đoàn kết luận là có tội, và bồi thẩm đoàn không thể đạt được phán quyết thống nhất về một hoặc nhiều trường hợp đặc biệt bị kết tội là xác thực, và không thể đạt được phán quyết thống nhất rằng tất cả trường hợp đặc biệt bị kết tội là không xác thực, tòa án sẽ bác bỏ bồi thẩm đoàn và có thể yêu cầu một bồi thẩm đoàn mới được chọn để quyết định vấn đề, nhưng vấn đề xét tội không thuộc về quyết định của bồi thẩm đoàn này, cũng không phải bồi thẩm đoàn phán quyết lại vấn đề xác thực của bất kỳ trường hợp đặc biệt nào được kết luận từ một phán quyết thống nhất từ bồi thẩm đoàn trước đó là không xác thực. Nếu bồi thẩm đoàn mới không thể đạt được phán quyết thống nhất về một hoặc nhiều trường hợp đặc biệt bị kết tội là xác thực, và không thể đạt được phán quyết thống nhất rằng tất cả trường hợp đặc biệt bị kết tội là không xác thực, tòa án sẽ bác bỏ bồi thẩm đoàn và trong thẩm quyền của tòa án sẽ yêu cầu một bồi thẩm đoàn mới được chọn để quyết định vấn đề mà bồi thẩm đoàn trước đó không thể đạt được phán quyết thống nhất, hoặc áp dụng hình phạt tù trong nhà tù tiểu bang với thời hạn 25 năm.

(b) Nếu bị cáo bị kết tội bởi phiên tòa không có bồi thẩm đoàn, người xét xử tại phiên điều giải hình phạt sẽ được xem là bồi thẩm đoàn trừ trường hợp bị cáo và người dân được miễn trừ bồi thẩm đoàn, trong trường hợp này người xét xử được xem là tòa án. Nếu bị cáo bị kết tội do nhận tội, người xét xử sẽ được xem là bồi thẩm đoàn trừ trường hợp bị cáo và người dân được miễn trừ bồi thẩm đoàn.

Nếu người xét xử là bồi thẩm đoàn và không thể đạt được phán quyết thống nhất về hình phạt sẽ áp dụng, tòa án sẽ bác bỏ bồi thẩm đoàn và có thể yêu cầu một bồi thẩm đoàn mới được chọn để quyết định vấn đề về hình phạt sẽ áp dụng. Nếu bồi thẩm đoàn mới không thể đạt được phán quyết thống nhất về hình phạt sẽ áp dụng, tòa án trong thẩm quyền của mình sẽ yêu cầu một bồi thẩm đoàn mới hoặc áp dụng hình phạt tù trong nhà tù tiểu bang với thời hạn chung thân không được hưởng phóng thích.

(c) (b) Nếu người xét xử đã kết tội bị cáo phạm tội khiến người này có thể chịu hình phạt tù chung thân trong nhà tù tiểu bang mà không được hưởng phóng thích án tử hình là bồi thẩm đoàn, một bồi thẩm đoàn tương tự sẽ cân nhắc lời biện hộ vô tội vì lý do tâm thần chiếu theo Đoạn 1026, và tin xác thực của bất kỳ trường hợp đặc biệt nào có thể bị cáo buộc, có áp dụng hình phạt, trừ khi có lý do chính đáng được trình với tòa án để miễn nhiệm bồi thẩm đoàn đó trong trường hợp có một bồi thẩm đoàn mới được rút ra. Tòa sẽ nêu các sự kiện nhằm ủng hộ kết luận về lý do chính đáng trong hồ sơ và đưa những lý do này vào biên bản.

(d) Trong trường hợp bị cáo có thể chịu án tử hình, các bằng chứng được trình ra trước phiên xét xử, bao gồm trình tự đưa ra lời biện hộ vô tội vì lý do tâm thần chiếu theo Đoạn 1026 sẽ được cân nhắc ở giai đoạn xét xử tiếp theo, nếu người xét xử của giai đoạn trước và giai đoạn tiếp theo là như nhau:

(e) Trong mỗi trường hợp người xét xử đưa lại phán quyết về kết luận áp dụng án tử hình, bị cáo được phép làm đơn xin điều chỉnh phán quyết hoặc kết luận chiếu theo Khoản 7 Đoạn 11. Trong quá trình xét đơn, thẩm phán sẽ xem lại các bằng chứng, cân nhắc, cho phép và dựa vào các trường hợp tăng và giảm nhẹ hình phạt trong Đoạn 190.3 và sẽ quyết định liệu các kết luận và phán quyết của bồi thẩm đoàn về việc tăng hình phạt so với trường hợp giảm nhẹ là trái pháp luật hoặc trái với các bằng chứng được trình. Thẩm phán sẽ

nêu rõ trong hồ sơ về lý do cho các kết luận của mình:

Thẩm phán sẽ quy định các lý do về quá trình xét đơn của mình và chỉ đạo việc ghi chép vào biên bản của Thư ký tòa. Từ chối điều chỉnh phán quyết án tử hình chiếu theo khoản (7) của Đoạn 1181 sẽ được xem xét trong tiến trình kháng cáo tự động của bị cáo chiếu theo khoản (b) Đoạn 1239. Việc nhận đơn sẽ được xem xét theo tiến trình kháng cáo của Người dân chiếu theo đoạn văn (6):

ĐOẠN 9. Đoạn 2085.5 của Bộ Luật Hình Sự được tu chính như sau:

2085.5. (a) (1) Trong trường hợp tù nhân nợ tiền phạt bồi thường được áp dụng chiếu theo khoản (a) của Đoạn 13967 Bộ Luật Chính Quyền, có hiệu lực trước ngày 29 tháng Chín, 1994, khoản (b) của Đoạn 730.6 Bộ Luật An Sinh và Định Chế hoặc khoản (b) Đoạn 1202.4, Tổng thư ký Sở Cải Huấn và Phục Hồi Nhân Phẩm sẽ khấu trừ tối thiểu 20 phần trăm hoặc số tiền nợ trên tổng số tiền phạt, tùy theo bên nào ít hơn, đến tối đa 50 phần trăm số tiền lương hoặc ký gửi tín chấp của tù nhân, trừ trường hợp bị nghiêm cấm theo luật liên bang, và sẽ chuyển số tiền này vào Ủy Ban Bồi Thường Nạn Nhân California với các khoản ký gửi trong Quỹ Bồi Hoàn trong Ngân khố Tiểu Bang. Số tiền đã trích sẽ được khấu trừ vào số tiền phạt còn nợ. Tòa tuyên án sẽ được cung cấp hồ sơ về các khoản thanh toán.

(2) Trong trường hợp một tù nhân bị tuyên án hoặc bị tuyên án lại vào hoặc sau ngày hiệu lực thi hành án tù chung thân không được hưởng phóng thích nợ một tiền phạt bồi thường được áp dụng chiếu theo khoản (a) của Đoạn 13967 Bộ Luật Chính Quyền, có hiệu lực trước ngày 29 tháng Chín, 1994, khoản (b) của Đoạn 730.6 Bộ Luật An Sinh và Định Chế, hoặc khoản (b) Đoạn 1202.4, Tổng thư ký Sở Cải Huấn và Phục Hồi Nhân Phẩm sẽ khấu trừ tối thiểu 20 phần trăm hoặc số tiền nợ trên tổng số tiền phạt, tùy theo bên nào ít hơn, đến tối đa 60 phần trăm số tiền lương hoặc hoặc tối đa 50 phần trăm số tiền ký gửi tín chấp của tù nhân, trừ trường hợp bị nghiêm cấm theo luật liên bang, và sẽ chuyển số tiền này vào Ủy Ban Bồi Thường Nạn Nhân California với các khoản ký gửi trong Quỹ Bồi Hoàn trong Ngân khố Tiểu Bang. Số tiền đã trích sẽ được khấu trừ vào số tiền phạt còn nợ. Tòa tuyên án sẽ được cung cấp hồ sơ về các khoản thanh toán.

(b) (1) Khi một tù nhân chịu hình phạt tù tại nhà tù quận hạt chiếu theo khoản (h) của Đoạn 1170, trong trường hợp tù nhân nợ tiền phạt bồi thường được áp dụng chiếu theo khoản (a) của Đoạn 13967 Bộ Luật Chính Quyền, có hiệu lực trước ngày 29 tháng Chín, 1994, khoản (b) của Đoạn 730.6 Bộ Luật An Sinh và Định Chế hoặc khoản (b) Đoạn 1202.4, cơ quan được hội đồng giám sát trong quận hạt nơi giam giữ tù nhân chỉ định ủy quyền sẽ khấu trừ tối thiểu 20 phần trăm hoặc số tiền nợ trên tổng số tiền phạt, tùy theo bên nào ít hơn, đến tối đa 50 phần trăm số tiền tương đương lương tại quận hạt và ký gửi tín chấp của tù nhân, trừ trường hợp bị nghiêm cấm theo luật liên bang, và sẽ chuyển số tiền này vào Ủy Ban Bồi Thường Nạn Nhân California với các khoản ký gửi trong Quỹ Bồi Hoàn trong Ngân khố Tiểu Bang. Số tiền đã trích sẽ được khấu trừ vào số tiền phạt còn nợ. Tòa tuyên án sẽ được cung cấp hồ sơ về các khoản thanh toán.

(2) Nếu hội đồng giám sát chỉ định cảnh sát trưởng làm người thu tiền, hội đồng giám sát trước hết phải có sự đồng thuận của cảnh sát trưởng.

(c) (1) Trong trường hợp tù nhân nợ án lệnh bồi hoàn được áp dụng chiếu theo khoản (c) của Đoạn 13967 Bộ Luật Chính Quyền, có hiệu lực trước ngày 29 tháng Chín, 1994, khoản (h) của Đoạn 730.6 Bộ Luật An Sinh và Định Chế hoặc khoản (f) của Đoạn 1202.4, Tổng thư ký Sở Cải Huấn và Phục Hồi Nhân

Phẩm sẽ khấu trừ tối thiểu 20 phần trăm hoặc số tiền nợ trên tổng số tiền án lệnh, tùy theo bên nào ít hơn, đến tối đa 50 phần trăm số tiền lương hoặc ký gửi tín chấp của tù nhân, trừ trường hợp bị nghiêm cấm theo luật liên bang. Thư ký sẽ chuyển số tiền đó vào Ủy Ban Bồi Thường Nạn Nhân California để trả trực tiếp cho nạn nhân, hoặc số tiền được chuyển vào Quỹ Bồi Hoàn theo mức hỗ trợ mà nạn nhân được nhận chiếu theo chương trình. Tòa tuyên án sẽ được cung cấp hồ sơ các khoản thanh toán được chi trả cho nạn nhân và các thanh toán được ký gửi vào Quỹ Bồi Hoàn theo khoản này.

(2) Trong trường hợp một tù nhân bị tuyên án hoặc bị tuyên án lại vào hoặc sau ngày hiệu lực thi hành án tù chung thân không được hưởng phóng thích nợ một án lệnh bồi hoàn được áp dụng chiếu theo khoản (c) của Đoạn 13967 Bộ Luật Chính Quyền, có hiệu lực trước ngày 29 tháng Chín, 1994, khoản (h) của Đoạn 730.6 Bộ Luật An Sinh và Định Chế, hoặc khoản (f) Đoạn 1202.4, Tổng thư ký Sở Cải Huấn và Phục Hồi Nhân Phẩm sẽ khấu trừ tối thiểu 20 phần trăm hoặc số tiền nợ trên tổng số tiền phạt, tùy theo bên nào ít hơn, đến tối đa 60 phần trăm số tiền lương hoặc hoặc tối đa 50 phần trăm số tiền ký gửi tín chấp của tù nhân, trừ trường hợp bị nghiêm cấm theo luật liên bang. Thư ký sẽ chuyển số tiền đó vào Ủy Ban Bồi Thường Nạn Nhân California để trả trực tiếp cho nạn nhân, hoặc số tiền được chuyển vào Quỹ Bồi Hoàn theo mức hỗ trợ mà nạn nhân được nhận chiếu theo chương trình. Tòa tuyên án sẽ được cung cấp hồ sơ các khoản thanh toán được chi trả cho nạn nhân và các thanh toán được ký gửi vào Quỹ Bồi Hoàn theo khoản này.

(d) Khi một tù nhân chịu hình phạt tù tại nhà tù quận hạt chiếu theo khoản (h) của Đoạn 1170, trong trường hợp tù nhân nợ án lệnh bồi hoàn được áp dụng chiếu theo khoản (c) của Đoạn 13967 Bộ Luật Chính Quyền, có hiệu lực trước ngày 29 tháng Chín, 1994, khoản (h) của Đoạn 730.6 Bộ Luật An Sinh và Định Chế hoặc khoản (b) của Đoạn 1202.4, cơ quan được hội đồng giám sát trong quận hạt nơi giam giữ tù nhân chỉ định ủy quyền sẽ khấu trừ tối thiểu 20 phần trăm hoặc số tiền nợ trên tổng số tiền phạt, tùy theo bên nào ít hơn, đến tối đa 50 phần trăm số tiền tương đương lương tại quận hạt và ký gửi tín chấp của tù nhân, trừ trường hợp bị nghiêm cấm theo luật liên bang. Cơ quan này sẽ chuyển số tiền đó vào Ủy Ban Bồi Thường Nạn Nhân California để trả trực tiếp cho nạn nhân, hoặc số tiền được chuyển vào Quỹ Bồi Hoàn theo mức hỗ trợ mà nạn nhân được nhận chiếu theo chương trình, hoặc được trả trực tiếp cho nạn nhân. Tòa tuyên án sẽ được cung cấp hồ sơ các khoản thanh toán được chi trả cho nạn nhân và các thanh toán được ký gửi vào Quỹ Bồi Hoàn theo khoản này.

(e) Thư ký sẽ trích và giữ lại từ số tiền lương và ký gửi tín chấp của tù nhân, trừ trường hợp bị nghiêm cấm theo luật liên bang, một khoản lệ phí hành chánh tổng cộng 10 phần trăm số tiền được chuyển vào Ủy Ban Bồi Thường Nạn Nhân California chiếu theo khoản (a) hoặc (c). Thư ký sẽ trích và giữ lại tute tiền bồi thường hòa giải hoặc xét xử của tù nhân, một khoản lệ phí tổng cộng 5 phần trăm số tiền được trả cho hòa giải hoặc bồi thường tương ứng với án lệnh bồi hoàn còn nợ lại hoặc số tiền phạt còn nợ lại chiếu theo khoản (n), trừ trường hợp bị nghiêm cấm theo luật liên bang. Thư ký sẽ ký gửi một khoản tiền lệ phí hành chính vào một tài khoản ký gửi đặc biệt dành cho hoàn trả các chi phí hành chính và chi phí đặc biệt của chương trình bồi hoàn của Sở Cải Huấn và Phục Hồi Nhân Phẩm. Thư ký, tùy theo thẩm quyền của mình, có thể giữ lại các quỹ còn thừa trong tài khoản ký gửi đặc biệt dành cho các khoản hoàn trả chi phí hành chánh và chi phí đặc biệt của sở trong tương lai cho chương trình bồi hoàn hoặc có thể chuyển tất cả các quỹ còn thừa vào ký gửi trong Quỹ Bồi Hoàn.

(f) Khi một tù nhân chịu hình phạt tù tại nhà tù quận hạt chiếu theo khoản (h) của Đoạn 1170, cơ quan được hội đồng giám sát trong quận hạt nơi giam giữ tù nhân chỉ định ủy quyền sẽ trích và giữ lại từ số tiền tương đương lương tại quận hạt và ký gửi tín chấp của tù nhân, trừ trường hợp bị nghiêm cấm theo luật liên bang, một khoản lệ phí hành chánh tổng cộng 10 phần trăm số tiền được chuyển vào Ủy Ban Bồi Thường Nạn Nhân California chiếu theo khoản (b) hoặc (d). Cơ quan có thẩm quyền sẽ trích và giữ lại từ tiền bồi thường hòa giải hoặc xét xử của tù nhân, một khoản lệ phí tổng cộng 5 phần trăm số tiền được trả cho hòa giải hoặc bồi thường tương ứng với án lệnh bồi hoàn còn nợ lại hoặc số tiền phạt còn nợ lại chiếu theo khoản (n), trừ trường hợp bị nghiêm cấm theo luật liên bang. Theo lệnh chi trả từ các khoản tiền được bảo quản theo khoản (h) của Đoạn 1170, cơ quan được ủy quyền thu một khoản lệ phí để chi các các khoản phí hành chánh khi thu thập tiền, không vượt quá 10 phần trăm tổng số tiền thu được. Thư ký sẽ ký gửi một khoản tiền lệ phí hành chánh vào một tài khoản ký gửi đặc biệt dành cho hoàn trả các chi phí hành chánh và chi phí đặc biệt của chương trình bồi hoàn của cơ quan. Thư ký được ủy quyền có thể giữ lại các quỹ còn thừa trong tài khoản ký gửi đặc biệt dành cho các khoản hoàn trả chi phí hành chánh và chi phí đặc biệt của sở trong tương lai cho chương trình bồi hoàn hoặc có thể chuyển tất cả các quỹ còn thừa vào ký gửi trong Quỹ Bồi Hoàn.

(g) Trong trường hợp người được phóng thích nợ một khoản tiền phạt bồi hoàn được ấn định chiếu theo khoản (a) của Đoạn 13967 Bộ Luật Chính Quyền, có hiệu lực trước ngày 29 tháng Chín, 1994, khoản (b) của Đoạn 730.6 Bộ Luật An Sinh và Định Chế hoặc khoản (b) của Đoạn 1202.4, thư ký, hoặc khi một tù nhân chịu hình phạt tù tại nhà tù quận hạt chiếu theo khoản (h) của Đoạn 1170, cơ quan được hội đồng giám sát trong quận hạt nơi giam giữ tù nhân chỉ định, có thể thu tiền từ người được phóng thích hoặc, chiếu theo Đoạn 2085.6, từ người trước đó bị giam trong nhà tù quận hạt một khoản tiền nợ dựa theo số tiền phạt bồi hoàn, trừ trường hợp bị nghiêm cấm theo luật liên bang. Thư ký hoặc cơ quan sẽ chuyển số tiền vào Ủy Ban Bồi Thường Nạn Nhân California để ký gửi trong Quỹ Bồi Hoàn ở Ngân khố Tiểu Bang. Số tiền đã trích sẽ được khấu trừ vào số tiền phạt còn nợ. Tòa tuyên án sẽ được cung cấp hồ sơ về các khoản thanh toán.

(h) Trong trường hợp người được phóng thích nợ một án lệnh bồi hoàn trực tiếp được ấn định chiếu theo khoản (c) của Đoạn 13967 Bộ Luật Chính Quyền, có hiệu lực trước ngày 29 tháng Chín, 1994, khoản (h) của Đoạn 730.6 Bộ Luật An Sinh và Định Chế hoặc đoạn văn (3) trong khoản (a) của Đoạn 1202.4, thư ký, hoặc khi một tù nhân chịu hình phạt tù tại nhà tù quận hạt chiếu theo khoản (h) của Đoạn 1170, cơ quan được hội đồng giám sát trong quận hạt nơi giam giữ tù nhân chỉ định hoặc chương trình thu tiền phạt tại địa phương, có thể thu tiền từ người được phóng thích hoặc, chiếu theo Đoạn 2085.6, từ người trước đó bị giam trong nhà tù quận hạt khoản tiền còn nợ, trừ trường hợp bị nghiêm cấm theo luật liên bang. Cơ quan hoặc thư ký sẽ chuyển số tiền đó vào Ủy Ban Bồi Thường Nạn Nhân California để trả trực tiếp cho nạn nhân, hoặc số tiền được chuyển vào Quỹ Bồi Hoàn theo mức hỗ trợ mà nạn nhân được nhận chiếu theo chương trình, hoặc cơ quan có thể trả trực tiếp cho nạn nhân. Tòa tuyên án sẽ được cung cấp hồ sơ các khoản thanh toán được người vi phạm thực hiện chiếu theo khoản này.

(i) Thư ký, khi một tù nhân chịu hình phạt tù tại nhà tù quận hạt chiếu theo khoản (h) của Đoạn 1170, cơ quan được hội đồng giám sát trong quận hạt nơi giam giữ tù nhân chỉ định có thể trích và giữ lại từ số tiền thu từ người được phóng thích hoặc người trước đó bị giam tại nhà tù quận hạt một khoản lệ

phí hành chánh tổng cộng 10 phần trăm số tiền được chuyển vào Ủy Ban Bồi Thường Nạn Nhân California chiếu theo khoản (g) hoặc (h), trừ trường hợp bị nghiêm cấm theo luật liên bang. Thư ký sẽ trích và giữ lại từ tiền bồi thường hòa giải hoặc xét xử của người được phóng thích, một khoản lệ phí tổng cộng 5 phần trăm số tiền được trả cho hòa giải hoặc bồi thường tương ứng với án lệnh bồi hoàn còn nợ lại hoặc số tiền phạt còn nợ lại chiếu theo khoản (n), trừ trường hợp bị nghiêm cấm theo luật liên bang. Cơ quan có thẩm quyền sẽ trích và giữ lại từ tiền bồi thường hòa giải hoặc xét xử của người trước đó bị giam tại nhà tù quận hạt một khoản lệ phí tổng cộng 5 phần trăm số tiền được trả cho hòa giải hoặc bồi thường tương ứng với án lệnh bồi hoàn còn nợ lại hoặc số tiền phạt còn nợ lại chiếu theo khoản (n). Thư ký hoặc cơ quan sẽ ký gửi một khoản tiền lệ phí hành chánh vào một tài khoản ký gửi đặc biệt dành cho hoàn trả các chi phí hành chánh và chi phí đặc biệt của chương trình bồi hoàn của Sở Cải Huấn và Phục Hồi Nhân Phẩm hoặc cơ quan, nếu có. Thư ký, tùy theo thẩm quyền của mình, hoặc cơ quan có thể giữ lại các quỹ còn thừa trong tài khoản ký gửi đặc biệt dành cho các khoản hoàn trả chi phí hành chánh và chi phí đặc biệt của sở hoặc cơ quan trong tương lai cho chương trình bồi hoàn hoặc có thể chuyển tất cả các quỹ còn thừa vào ký gửi trong Quỹ Bồi Hoàn.

(j) Khi một tù nhân có cả tiền phạt bồi hoàn và án lệnh bồi hoàn từ tòa tuyên án, Sở Cải Huấn và Phục Hồi Nhân Phẩm sẽ thu tiền yêu cầu bồi hoàn trước chiếu theo khoản (c).

(k) khi một tù nhân chịu hình phạt tù tại nhà tù quận hạt chiếu theo khoản (h) của Đoạn 1170 tù nhân đó có cả tiền phạt bồi hoàn và án lệnh bồi hoàn từ tòa tuyên án, nếu cơ quan được hội đồng giám sát trong quận hạt nơi giam giữ tù nhân chỉ định thu tiền phạt và án lệnh, cơ quan sẽ thu án lệnh bồi hoàn trước chiếu theo khoản (d).

(l) Khi người được phóng thích có cả tiền phạt bồi hoàn và án lệnh bồi hoàn từ tòa tuyên án, Sở Cải Huấn và Phục Hồi Nhân Phẩm, hoặc khi tù nhân bị giam tại nhà tù quận hạt chiếu theo khoản (h) của Đoạn 1170, cơ quan được hội đồng giám sát trong quận hạt nơi giam giữ tù nhân chỉ định, có thể sẽ thu án lệnh bồi hoàn trước chiếu theo khoản (h).

(m) Nếu một phạm nhân đang được tạm giam tại một cơ quan điều tra cần thực phẩm được mua từ căng tin của cơ quan do viếng thăm qua đêm không giám sát, và nếu số tiền để mua thực phẩm được nhận từ các quỹ nhiều hơn tiền lương của phạm nhân, số tiền sẽ không được khấu trừ bồi hoàn. Phần ngoại trừ này sẽ được áp dụng theo số tiền thực tế mua thực phẩm cho mỗi lần viếng thăm tối đa lên đến năm mươi đô la (\$50) cho các lần viếng thăm gồm phạm nhân và một khách thăm, bảy mươi đô la (\$70) cho các lần viếng thăm gồm phạm nhân và hai hoặc ba khách thăm, và tám mươi đô la (\$80) cho các lần viếng thăm gồm phạm nhân và bốn hoặc nhiều hơn bốn khách thăm.

(n) Đến bù hoặc bồi thường nhằm trừng phạt được nhận nhờ phiên xử hoặc hòa giải với bất kỳ phạm nhân, người phóng thích, người được phóng thích nhưng có sự giám sát của cộng đồng chiếu theo Đoạn 3451, hoặc bị cáo đang được giám sát bắt buộc chiếu theo đoạn văn phụ (B) trong đoạn văn (5) khoản (h) của Đoạn 1170, có liên đới đến một vụ kiện dân sự chống lại liên bang, tiểu bang, hoặc nhà tù địa phương, nhà giam, hoặc cơ sở cải huấn, hoặc bất kỳ nhân viên hoặc đại diện nào, sẽ được trả trực tiếp, sau khi thanh toán các khoản phí luật sư và chi phí tố tụng phù hợp theo tòa án, tương ứng với án lệnh bồi hoàn còn nợ lại hoặc số tiền phạt bồi hoàn còn lại của người

đó. Số tiền tương ứng sẽ được chuyển đến cho người nhận sau khi thanh toán đầy đủ tất cả các án lệnh bồi hoàn còn nợ lại và số tiền phạt bồi hoàn còn lại, chiếu theo khoản (e) và (i). Sở Cải Huấn và Phục Hồi Nhân Phẩm sẽ nỗ lực hết sức để thông báo cho các nạn nhân của người phạm tội đã bị kết án về việc liên quan đến các khoản thanh toán còn chậm trễ của bất kỳ khoản đến bù hoặc bồi thường nhằm trừng phạt nào. Với bất kỳ tù nhân nào chịu hình phạt tù tại nhà tù quận hạt chiếu theo khoản (h) của Đoạn 1170, cơ quan có thẩm quyền sẽ nỗ lực hết sức để thông báo cho các nạn nhân của người phạm tội đã bị kết án về việc liên quan đến các khoản thanh toán còn chậm trễ của bất kỳ khoản đến bù hoặc bồi thường nhằm trừng phạt nào.

(o) (1) Số tiền được chuyển đến Ủy Ban Bồi Thường Nạn Nhân California để thanh toán cho án lệnh bồi hoàn trực tiếp sẽ được chi trả cho nạn nhân trong vòng 60 ngày kể từ ngày Ủy Ban Bồi Thường Nạn Nhân California nhận được tiền bồi hoàn. Nếu thanh toán bồi hoàn cho nạn nhân ít hơn hai mươi lăm đô la (\$25), thanh toán chưa cần được chuyển đến ngay cho nạn nhân cho đến khi thanh toán đạt mức hai mươi lăm đô la (\$25) hoặc khi nạn nhân có yêu cầu nhận thanh toán với số tiền ít hơn.

(2) Nếu không thể xác định nơi ở nạn nhân, tiền bồi hoàn do Ủy Ban Bồi Thường Nạn Nhân California đại diện nạn nhân nhận sẽ được tín thác vào Quỹ Bồi Hoàn cho đến kết thúc năm tài chính tiếp theo của tiểu bang trong các quỹ được ký gửi hoặc cho đến khi nạn nhân cung cấp thông tin địa chỉ hiện thời, tùy theo điều nào đến trước. Tiền còn lại được tín thác vào cuối thời gian theo quy định sẽ được chuyển sang Quỹ Bồi Hoàn.

(3) (A) Một nạn nhân không cung cấp được địa chỉ hiện tại trong thời gian được quy định trong đoạn văn (2) có thể được ghi nhận hồ sơ đến Sở Cải Huấn và Phục Hồi Nhân Phẩm, để xác nhận số tiền đã được thu đại diện cho nạn nhân. Tùy vào thời điểm nhận thông tin đã được xác thực từ Sở Cải Huấn và Phục Hồi Nhân Phẩm, Ủy Ban Bồi Hoàn Nạn Nhân California sẽ chuyển tiền bồi hoàn đến nạn nhân theo các điều khoản của khoản (c) hoặc (h).

(B) Một nạn nhân không cung cấp được địa chỉ hiện tại trong thời gian được quy định trong đoạn văn (2) có thể được ghi nhận hồ sơ đến cơ quan được hội đồng giám sát trong quận hạt nơi giam giữ tù nhân chỉ định chiếu theo khoản (h) của Đoạn 1170 để xác nhận số tiền đã được thu đại diện cho nạn nhân. Tùy vào thời điểm nhận thông tin đã được xác thực từ cơ quan, Ủy Ban Bồi Hoàn Nạn Nhân California sẽ chuyển tiền bồi hoàn đến nạn nhân theo các điều khoản của khoản (d) hoặc (h).

ĐOẠN 10. Áp Dụng Hiệu Lực Hồi Tố của Đạo Luật

(a) Nhằm đạt được mục đích cao nhất của đạo luật này như đã nêu trong Đoạn 3 và nhằm đạt được sự công bằng, bình đẳng và thống nhất trong tuyên án, đạo luật này sẽ được áp dụng hiệu lực hồi tố.

(b) Trong trường hợp bị cáo hoặc phạm nhân bị tuyên án tử hình trước ngày đạo luật có hiệu lực, hình phạt sẽ tự động được chuyển sang phạt tù trong nhà tù tiểu bang với thời hạn chung thân không được hưởng phóng thích theo thời hạn và điều kiện của đạo luật. Tiểu Bang California không có bất kỳ ngoại lệ nào sau ngày đạo luật có hiệu lực.

(c) Sau ngày đạo luật có hiệu lực, Tòa Tối Cao Pháp Viện có thể chuyển tất cả các kháng cáo tử hình và tạm đình thính nguyện bảo hộ nhân thân trước Tòa Tối Cao Pháp Viện sang bất kỳ tòa Kháng cáo hoặc tòa thượng thẩm của khu vực, trong quyền hạn của Tòa Tối Cao Pháp Viện.

ĐOẠN 11. Ngày Hiệu Lực.

Đạo luật này sẽ có hiệu lực sau cuộc bầu cử nhằm phê chuẩn đạo luật, chiếu theo khoản (a) của Đoạn 10 trong Điều II Hiến Pháp California.

ĐOẠN 12. Tách Biệt.

Điều khoản của đạo luật này đều tách biệt. Nếu bất kỳ điều khoản nào hoặc áp dụng nào của đạo luật này bị xem là vô hiệu, bao gồm nhưng không giới hạn trong Đoạn 10, sự vô hiệu này không ảnh hưởng đến các điều khoản hoặc áp dụng khác có hiệu lực trong trường hợp không còn điều khoản hoặc áp dụng bị vô hiệu.

DỰ LUẬT 63

Dự luật tiên khởi này được đệ trình với người dân nhằm phù hợp với những điều khoản của Đoạn 8 Điều II của Hiến Pháp California.

Dự luật tiên khởi này sửa đổi, bãi bỏ và bổ sung một số đoạn vào Bộ Luật Hình Sự; vì vậy, những điều khoản hiện hữu được đề nghị xóa bỏ được in bằng chữ có gạch ngang và những điều khoản mới được đề nghị bổ sung được in theo kiểu *chữ nghiêng* để cho biết đó là những điều khoản mới.

DỰ LUẬT ĐỀ NGHỊ

An toàn cho Tất cả Đạo luật năm 2016

ĐOẠN 1. Tựa Đề.

Dự luật này được biết đến và có thể được trích dẫn như là "An toàn cho Tất cả Đạo luật năm 2016".

ĐOẠN 2. Kết Luận và Tuyên Bố.

Người dân Tiểu Bang California kết luận và công bố:

1. Bạo lực liên quan đến súng đạn phá hủy cuộc sống, gia đình và cộng đồng. Từ năm 2002 đến 2013, California mất 38,576 người do bạo lực liên quan đến súng đạn. Con số này nhiều hơn bảy lần số lượng binh sĩ Hoa Kỳ thiệt mạng trong các cuộc chiến tranh ở Iraq và Afghanistan hợp lại. Trong cùng thời gian này, 2,258 trẻ em đã bị giết bởi những chấn thương do súng đạn ở California. Cùng một số lượng trẻ em bị sát hại trong vụ thảm sát trường tiểu học Sandy Hook bị giết bởi súng ở tiểu bang này mỗi 39 ngày.

2. Trong năm 2013, súng đạn được sử dụng để diệt 2,900 người dân California, trong đó có 251 trẻ em và thiếu niên. Trong năm đó, ít nhất 6,035 người khác phải nhập viện hoặc điều trị tại phòng cấp cứu vì các vết thương do súng đạn gây ra không gây tử vong, trong đó có 1,275 trẻ em và thanh thiếu niên.

3. Súng đạn thường được sử dụng bởi bọn tội phạm. Theo Sở Tư Pháp California, năm 2014 đã có 1,169 vụ giết người bằng súng ở California, 13,546 vụ cướp có vũ trang liên quan đến súng đạn, và 15,801 cuộc tấn công trầm trọng hơn liên quan đến súng đạn.

4. Tình trạng bạo lực bi thảm này gây ra những gánh nặng kinh tế đáng kể đối với xã hội của chúng ta. Các nhà nghiên cứu ước tính rằng bạo lực liên quan đến súng đạn làm nền kinh tế tổn thất ít nhất \$229 tỷ mỗi năm, hoặc hơn \$700 cho mỗi người Mỹ mỗi năm. Chỉ tính riêng trong năm 2013, những vụ tử vong và thương tích do súng đạn tại California đã gây ra thiệt hại \$83 triệu về chi phí y tế và \$4.24 tỷ so mất năng suất.

5. California có thể làm tốt hơn. Các luật về kiểm soát súng đạn hợp lý nhằm làm giảm nguy cơ tử vong và thương tích do súng đạn, không cho giới tội phạm tiếp xúc với súng đạn và đấu tranh chống buôn súng bất hợp pháp.

Mặc dù California đã dẫn đầu quốc gia về luật an toàn súng đạn, nhưng những luật đó vẫn còn có những sơ hở khiến cho cộng đồng dễ bị tấn công bạo động súng đạn và bắn giết hàng loạt. Chúng ta có thể đóng các lỗ hổng này trong khi vẫn bảo vệ khả năng tuân thủ luật, những người dân California có trách nhiệm tuân thủ pháp luật về sở hữu súng đạn để tự vệ, sẵn sẵn và giải trí.

6. Chúng ta biết việc kiểm tra lý lịch tư pháp có hiệu quả. Kiểm tra lý lịch tư pháp liên bang đã phòng ngừa được hơn 2.4 triệu vụ buôn bán súng cho những tên tội phạm bị kết án và những người mua bất hợp pháp khác tại Mỹ. Chỉ tính riêng trong năm 2012, việc kiểm tra lý lịch tư pháp đã ngăn chặn 192,043 vụ buôn bán súng cho những người mua bất hợp pháp bao gồm 82,000 vụ có tình mua của những tên tội phạm. Điều đó có nghĩa là việc kiểm tra lý lịch tư pháp đã ngăn chặn khoảng 225 tên tội phạm mua súng đạn mỗi ngày. Tuy nhiên, luật California chỉ yêu cầu kiểm tra lý lịch tư pháp với những người mua súng, chứ không phải với những người mua đạn dược. Chúng ta nên thắt chặt lỗ hổng đó.

7. Ngay bây giờ, bất kỳ tên tội phạm bạo lực hoặc bệnh nhân tâm thần nguy hiểm nào cũng có thể bước vào một cửa hàng bán đồ thể thao hoặc cửa hàng bán súng tại California và mua đạn dược, mà không có ai nghi ngờ gì. Điều đó cần được thay đổi. Chúng ta nên yêu cầu kiểm tra lý lịch tư pháp trước khi bán đạn dược cũng như trước khi bán súng, và ngăn chặn việc súng đạn rơi vào tay các cá nhân nguy hiểm.

8. Theo luật hiện hành, các cửa hàng bán đạn không cần phải báo cáo cho cơ quan thực thi pháp luật khi đạn dược bị mất hoặc bị đánh cắp. Các cửa hàng phải báo cáo về mất mát hoặc bị đánh cắp đạn trong vòng 48 giờ sau khi phát hiện ra mất mát cơ quan thực thi pháp luật có thể làm việc để ngăn chặn đạn dược bị buôn bán bất hợp pháp vào tay của các cá nhân nguy hiểm.

9. Ngày nay, người dân California không phải báo cáo việc súng bị mất hoặc bị đánh cắp cho cơ quan thực thi pháp luật. Điều này gây khó khăn cho cơ quan thực thi pháp luật khi điều tra tội phạm sử dụng súng ăn cắp, phá vỡ các đường dây buôn súng, và trả lại súng cho chủ sở hữu hợp pháp. Chúng ta phải yêu cầu chủ sở hữu súng báo cáo việc súng bị mất hoặc bị đánh cắp cho cơ quan thực thi pháp luật.

10. Theo luật hiện hành, những kẻ phạm trọng tội và tội phạm nghiêm trọng khác bị cấm sở hữu súng. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành không cung cấp quy trình rõ ràng cho những người từ bỏ súng của họ khi họ bị cấm tại thời điểm kết án. Kết quả là, trong năm 2014, Sở Tư pháp đã xác định được hơn 17,000 người sở hữu hơn 34,000 khẩu súng bất hợp pháp, trong đó có hơn 1,400 vũ khí tấn công. Chúng tôi cần phải thắt chặt lỗ hổng nguy hiểm này bằng cách không chỉ yêu cầu những người từ bỏ súng của họ, mà còn phải đảm bảo rằng điều đó được thực hiện.

11. Các ổ đạn công suất lớn dùng trong quân sự—một loại có khả năng chứa được hơn 100 viên đạn—là gia tăng đáng kể khả năng của một tay súng giết chết nhiều người mỗi lần bóp cò. Đó là lý do tại sao những loại súng có ổ đạn lớn này rất phổ biến trong nhiều vụ nổ súng hàng loạt khủng khiếp nhất tại Mỹ, từ các vụ giết người tại 101 đường California tại San Francisco vào năm 1993 đến vụ thảm sát tại Trường Trung học Columbine năm 1999, và vụ thảm sát tại Sandy Hook trường tiểu học ở Newtown, Connecticut năm 2012.

12. Ngày nay, luật California nghiêm cấm sản xuất, nhập khẩu và bán các loại súng có ổ đạn công suất lớn dùng trong quân sự, nhưng không cấm công

chúng sở hữu chúng. Chúng ta nên thắt chặt lỗ hổng đó. Không ai ngoại trừ cơ quan thực thi pháp luật được đào tạo mới có thể sở hữu những loại súng có ổ đạn lớn nguy hiểm này.

13. Mặc dù chính quyền Tiểu bang California tiến hành kiểm tra lý lịch tư pháp đối với những người mua súng sống tại California, chúng ta phải dựa vào các tiểu bang khác và FBI để tiến hành việc kiểm tra lý lịch tư pháp đối với những người mua súng sống ở những nơi khác. Chúng ta phải thực hiện kiểm tra lý lịch tư pháp bên ngoài California hiệu quả hơn bằng cách yêu cầu nhất quán tiểu bang phải báo cáo về những người bị cấp sở hữu súng đạn cho hệ thống lý lịch tư pháp liên bang.

14. Các hành vi trộm cắp súng là một tội phạm nghiêm trọng và có khả năng gây ra bạo lực. Chúng ta phải hiểu rằng những tội ác như vậy có thể được coi là phạm tội nghiêm trọng, và ngăn chặn những người bị kết án về tội phạm như vậy sở hữu súng đạn.

ĐOẠN 3. Mục Đích và Ý Định.

Những người dân của Tiểu bang California tuyên bố mục đích và ý định của họ trong việc ban hành "An toàn cho Tất cả các Đạo luật năm 2016" ("Đạo luật") cụ thể như sau:

- Để thực hiện cải cách hợp lý và phổ biến để làm cho luật an toàn súng đạn của California thắt chặt hơn trong nước đồng thời vẫn bảo vệ các quyền Tu chính Thứ hai của tất cả những người dân California có trách nhiệm tuân thủ pháp luật.
- Tránh để súng đạn rơi vào tay những tội phạm bị kết án, người bị bệnh tâm thần nguy hiểm, và những người bị cấm sở hữu vũ khí và đạn dược khác bởi pháp luật.
- Đảm bảo rằng những người mua đạn dược ở California—giống như những người mua súng—phải được kiểm tra lý lịch tư pháp.
- Yêu cầu tất cả các cửa hàng bán đạn dược để báo cáo bất kỳ đạn dược nào bị mất hoặc bị đánh cắp trong vòng 48 giờ sau khi phát hiện ra sự việc.
- Đảm bảo rằng California chia sẻ các thông tin quan trọng với các cơ quan thực thi pháp luật liên bang bằng cách luôn yêu cầu tiểu bang báo cáo về các cá nhân bị nghiêm cấm sở hữu vũ khí theo pháp luật cho hệ thống kiểm tra lý lịch tư pháp liên bang.
- Yêu cầu báo cáo mất mát hoặc bị đánh cắp vũ khí cho cơ quan thực thi pháp luật.
- Thực thi tốt pháp luật yêu cầu mọi người phải từ bỏ vũ khí của họ khi họ bị kết án phạm tội khiến họ không đủ điều kiện để sở hữu vũ khí.
- California nghiêm cấm việc sở hữu các loại súng có ổ đạn loại dùng cho quân sự được sử dụng để giết người hàng loạt như vụ thảm sát tại Trường Tiểu học Sandy Hook; rạp chiếu phim ở Aurora, Colorado; Trường Trung học Columbine; và một cao ốc văn phòng tại 101 đường California tại San Francisco, California.
- Ngăn chặn những người bị kết án về hành vi trộm cắp súng đạn sở hữu súng, và thực hiện ý định của Dự Luật 47 quy định rằng hành vi trộm cắp súng là trọng tội, bất kể giá trị của loại súng, liên quan đến Đoạn 25400 và 1192.7 của Bộ Luật Hình Sự.

ĐOẠN 4. Súng Bị Mất hoặc Bị Đánh Cắp.

ĐOẠN 4.1. Phần 4.5 (bắt đầu từ Đoạn 25250) được bổ sung vào Tựa đề 4,

Phần 6 của Bộ Luật Hình Sự, như sau:

PHẦN 4.5. SÚNG BỊ MẤT HOẶC BỊ ĐÁNH CẤP

25250. (a) Bắt đầu từ ngày 1 tháng Bảy năm 2017, mỗi cá nhân phải báo cáo về việc mất mát hoặc trộm cắp súng của mình hoặc sở hữu cho một cơ quan thực thi pháp luật địa phương trong phạm vi quản lý mà vụ trộm cắp hoặc mất mát đó xảy ra trong thời hạn năm ngày kể từ khi phát hiện ra hoặc nhận thấy súng đã bị đánh cắp hoặc bị mất.

(b) Mỗi cá nhân đã báo cáo về việc mất hoặc bị đánh cắp súng theo tiểu mục (a) phải thông báo cho cơ quan thực thi pháp luật địa phương trong phạm vi quản lý mà vụ trộm cắp hoặc mất mát đó xảy ra trong thời hạn năm ngày kể từ ngày phát hiện ra sự việc đó.

(c) Mặc dù tiểu mục (a), nhưng một cá nhân không phải khai báo việc bị mất hoặc bị đánh cắp súng là một khẩu súng cổ theo ý nghĩa của tiểu mục (c) của Đoạn 16170.

25255. Đoạn 25250 sẽ không áp dụng đối với:

(a) Bất kỳ cơ quan thực thi pháp luật hoặc cảnh sát viên nào thừa hành trong phạm vi trách nhiệm công việc hoặc nghĩa vụ của mình nếu nhân viên đó báo cáo việc mất hoặc bị đánh cắp súng của mình cho cơ quan mình đang làm việc.

(b) Bất kỳ cảnh sát tòa án Hoa Kỳ hoặc thành viên của Quân Lực Hoa Kỳ hoặc Cơ Quan Phòng Vệ Quốc Gia nào khi thực thi bổn phận của mình.

(c) Bất kỳ cá nhân nào được cấp phép, theo Chương 44 (bắt đầu từ Đoạn 921) của Tựa đề 18 Bộ luật Hoa Kỳ và các quy định được ban hành theo đó, và những người báo cáo vụ trộm cắp và mất mát phù hợp với Đoạn 923(g)(6) của Tựa đề 18 của Bộ Luật Hoa Kỳ, hoặc điều khoản kế thừa theo đó, và các quy định hiện hành được cấp theo đó.

(d) Bất kỳ cá nhân nào có vũ khí bị mất hoặc bị đánh cắp trước ngày 1 tháng Bảy năm 2017.

25260. Theo Đoạn 11108, mỗi cảnh sát quận hoặc cảnh sát trưởng phải trình một bản mô tả về mỗi khẩu súng đã được báo cáo là mất hoặc bị đánh cắp trực tiếp vào Hệ thống Vũ khí Tự động của Sở Tư Pháp.

25265. (a) Mỗi cá nhân vi phạm Đoạn 25250, đối với hành vi vi phạm lần đầu, sẽ bị coi là vi phạm luật và phải chịu một khoản tiền phạt không quá một trăm đô la (\$100).

(b) Mỗi cá nhân vi phạm Đoạn 25250, đối với hành vi vi phạm lần hai, sẽ bị coi là vi phạm luật và phải chịu một khoản tiền phạt không quá một nghìn đô la (\$1,000).

(c) Mỗi cá nhân vi phạm Đoạn 25250, đối với hành vi vi phạm lần hai, sẽ bị coi là vi phạm luật và phải chịu hình phạt tù tại nhà tù của quận không quá sáu tháng, hoặc một khoản tiền phạt không quá một nghìn đô la (\$1,000), hoặc cả hai phạt tiền và phạt tù.

25270. Mỗi cá nhân báo cáo việc bị mất hoặc bị đánh cắp súng theo Đoạn 25250 phải báo cáo hãng sản xuất, mẫu mã, số sê-ri của súng, nếu cá nhân đó biết, và bất kỳ thông tin bổ sung có liên quan nào theo yêu cầu của cơ quan thực thi pháp luật của địa phương nhận báo cáo.

25275. (a) Không cá nhân nào phải báo cáo cho cơ quan thực thi pháp luật địa phương về việc bị mất hoặc bị đánh cắp súng, khi biết rằng báo cáo bị sai. Vi phạm đoạn này là một hành vi vi phạm pháp luật, bị phạt tối đa không quá hai trăm năm mươi đô la (\$250) cho hành vi vi phạm lần đầu, và hình phạt

tiền không quá một ngàn đô la (\$1,000) cho hành vi vi phạm lần thứ hai trở đi.

(b) Đoạn này sẽ không loại trừ việc bị truy tố theo bất kỳ luật nào khác.

ĐOẠN 4.2. Đoạn 26835 của Bộ Luật Hình Sự được tu chính như sau:

26835. Người có giấy phép phải đăng tải tại nơi dễ thấy tại các địa điểm được cấp phép các cảnh báo sau đây bằng các chữ cái in hoa có độ cao không dưới một inch:

(a) "NẾU BẠN GIỮ MỘT KHẨU SÚNG CÓ NẠP ĐẦY ĐẠN TẠI BẤT KỲ ĐỊA ĐIỂM NÀO DƯỚI SỰ GIÁM SÁT HOẶC KIỂM SOÁT CỦA BẠN, VÀ MỘT THIẾU NIÊN DƯỚI 18 TUỔI LẤY NÓ VÀ SỬ DỤNG, GÂY RA THƯƠNG TÍCH HOẶC TỬ VONG, HOẶC MANG NÓ ĐẾN NƠI CÔNG CỘNG, BẠN CÓ THỂ PHẠM TỘI TIỂU HÌNH HOẶC TRỌNG TỘI TRỪ KHI BẠN BẢO QUẢN SÚNG CỦA MÌNH Ở NƠI CÓ KHOÁ HOẶC KHOÁ SÚNG BẰNG THIẾT BỊ KHOÁ, ĐỂ TẠM THỜI KHÔNG SỬ DỤNG ĐƯỢC KHẨU SÚNG ĐÓ."

(b) "NẾU BẠN CÓ MỘT KHẨU SÚNG LỤC, SÚNG LỤC Ổ QUAY HOẶC LOẠI SÚNG KHÁC TRÁNH XA SỰ CHÚ Ý CỦA NGƯỜI KHÁC, TẠI BẤT KỲ ĐỊA ĐIỂM NÀO DƯỚI SỰ GIÁM SÁT HOẶC KIỂM SOÁT CỦA BẠN, VÀ MỘT THIẾU NIÊN DƯỚI 18 TUỔI LẤY NÓ VÀ ĐEM RA KHỎI NƠI CẤT GIỮ, BẠN CÓ THỂ PHẠM TỘI TIỂU HÌNH, TRỪ KHI BẠN BẢO QUẢN SÚNG CỦA MÌNH Ở NƠI CÓ KHOÁ HOẶC KHOÁ SÚNG BẰNG THIẾT BỊ KHOÁ, ĐỂ TẠM THỜI KHÔNG SỬ DỤNG ĐƯỢC KHẨU SÚNG ĐÓ."

(c) "NẾU BẠN GIỮ BẤT KỲ KHẨU SÚNG NÀO TẠI BẤT KỲ ĐỊA ĐIỂM NÀO DƯỚI SỰ GIÁM SÁT HOẶC KIỂM SOÁT CỦA BẠN, VÀ MỘT THIẾU NIÊN DƯỚI 18 TUỔI LẤY NÓ VÀ ĐEM NÓ RA KHỎI NƠI CẤT GIỮ ĐẾN TRƯỜNG HOẶC SỰ KIỆN DO NHÀ TRƯỜNG TỔ CHỨC, BẠN CÓ THỂ PHẠM TỘI TIỂU HÌNH, BAO GỒM MỘT KHOẢN TIỀN PHẠT LÊN TỚI NĂM NGHÌN ĐÔ LA (\$5,000), TRỪ KHI BẠN BẢO QUẢN SÚNG CỦA MÌNH Ở NƠI CÓ KHOÁ HOẶC KHOÁ SÚNG BẰNG THIẾT BỊ KHOÁ."

(d) "NẾU BẠN CẤT GIỮ CẦU THẢ HOẶC ĐỂ SÚNG ĐÃ NẠP ĐẦY ĐẠN TẠI BẤT KỲ ĐỊA ĐIỂM NÀO DƯỚI SỰ GIÁM SÁT HOẶC KIỂM SOÁT CỦA BẠN, MỘT THIẾU NIÊN DƯỚI 18 TUỔI LẤY NÓ, BẠN CÓ THỂ PHẠM TỘI TIỂU HÌNH, BAO GỒM MỘT KHOẢN TIỀN PHẠT LÊN TỚI MỘT NGHÌN ĐÔ LA (\$1,000), TRỪ KHI BẠN BẢO QUẢN SÚNG CỦA MÌNH Ở NƠI CÓ KHOÁ HOẶC KHOÁ SÚNG BẰNG THIẾT BỊ KHOÁ."

(e) "VIỆC THẢO SÚNG Ở KHU VỰC KHÔNG THÔNG THOÁNG, VÊ SINH SÚNG, HOẶC XỬ LÝ ĐẠN CÓ THỂ DẪN ĐẾN CHẤY NỔ TẠO RA MỘT CHẤT ĐƯỢC BIẾT LÀ GÂY RA DỊ TẬT BẨM SINH, CÓ HẠI CHO SỨC KHOẺ SINH SẢN VÀ CÁC TỔN THƯƠNG CƠ THỂ NGHIÊM TRỌNG KHÁC. PHẢI LUÔN CÓ MÔI TRƯỜNG THÔNG THOÁNG PHÙ HỢP. RỬA TAY KỸ SAU KHI TIẾP XÚC VỚI SÚNG."

(f) "CÁC QUY ĐỊNH LIÊN BANG ĐƯA RA QUY ĐỊNH RẰNG NẾU BẠN KHÔNG CÓ QUYỀN SỞ HỮU SÚNG MÀ BẠN ĐANG YÊU CẦU CÓ QUYỀN SỞ HỮU TRONG VÒNG 30 NGÀY SAU KHI BẠN HOÀN THÀNH GIẤY TỜ KIỂM TRA LÝ LỊCH TƯ PHÁP ĐẦU TIÊN, SAU ĐÓ BẠN PHẢI TRẢ QUA QUY TRÌNH KIỂM TRA LÝ LỊCH TƯ LẦN THỨ HAI ĐỂ CÓ QUYỀN SỞ HỮU SÚNG."

(g) "KHÔNG CÁ NHÂN NÀO ĐƯỢC PHÉP NỘP ĐƠN XIN MUA QUÁ MỘT KHẨU SÚNG LỤC, SÚNG LỤC Ổ QUAY HOẶC LOẠI SÚNG NÀO KHÁC CÓ KHẢ NĂNG CHE GIẤU KHỎI NGƯỜI KHÁC TRONG THỜI HẠN 30 NGÀY VÀ KHÔNG GIAO SÚNG CHO BẤT KỲ AI ĐÃ NỘP ĐƠN XIN MUA NHIỀU HƠN MỘT KHẨU SÚNG LỤC, SÚNG LỤC Ổ QUAY HOẶC LOẠI SÚNG NÀO KHÁC CÓ KHẢ NĂNG CHE GIẤU VỚI NGƯỜI KHÁC TRONG BẤT KỲ KHOẢNG THỜI GIAN 30 NGÀY NÀO."

(h) "NẾU BẠN CÓ HOẶC SỞ HỮU MỘT KHẨU SÚNG BỊ MẤT HOẶC BỊ ĂN TRỘM, BẠN PHẢI BÁO CÁO VỀ SỰ MẤT MẮT HOẶC TRỘM CẤP ĐÓ CHO CƠ QUAN THỰC THI PHÁP LUẬT ĐỊA PHƯƠNG TRONG VÒNG NĂM NGÀY SAU KHI HẠN BIẾT HOẶC

NHẬN THẤY BẠN ĐÃ BỊ MẮT HOẶC BỊ ĐÁNH CẤP MẮT SÚNG."

ĐOẠN 5. Củng cố Hệ Thống Lý Lịch Tư Pháp Hình Sự Tức Thời Quốc Gia.

ĐOẠN 5.1. Đoạn 28220 của Bộ Luật Hình Sự được tu chính như sau:

28220. (a) Sau khi nộp thông tin về người mua súng, Bộ Tư Pháp phải kiểm tra hồ sơ, cũng như các hồ sơ được phép yêu cầu từ các Bệnh Viện của Tiểu Bang theo Đoạn 8104 của Bộ Luật An Sinh và Định Chế, để xác định xem người mua có thuộc cá nhân theo quy định tại tiểu mục (a) của Đoạn 27535, hay bị nghiêm cấm theo luật liên bang hoặc tiểu bang về việc sở hữu, nhận được, có được hoặc mua súng.

(b) Trong phạm vi tài trợ có sẵn, Bộ Tư Pháp có thể phải tham gia vào Hệ Thống Lý Lịch Tư Pháp Hình Sự Tức Thời Quốc Gia (NICS), theo quy định tại tiểu đoạn (t) của Đoạn 922, Tựa đề 18 của Bộ Luật Hoa Kỳ, và, nếu việc tham gia đó được thực thi, phải thông báo cho người buôn bán và trưởng sở cảnh sát của thành phố hoặc quận nơi thực hiện buôn bán, hoặc nếu việc buôn bán được thực hiện tại một quận nơi không có sở cảnh sát thành phố, cảnh sát quận của quận thực hiện mua bán đó, mà người mua là người bị nghiêm cấm mua súng theo luật liên bang.

(c) Nếu sở xác định rằng người mua bị nghiêm cấm sở hữu, nhận, có hoặc mua súng theo luật liên bang hoặc tiểu bang hoặc là cá nhân theo quy định trong tiểu mục (a) của Đoạn 27535, nó phải ngay lập tức thông báo cho người buôn bán và trưởng sở cảnh sát thành phố hoặc quận nơi thực hiện buôn bán, hoặc nếu việc buôn bán được thực hiện tại quận nơi không có sở cảnh sát quận, trưởng cảnh sát quận nơi thực hiện việc buôn bán, về kết quả đó.

(d) Nếu sở xác định rằng bản sao đăng ký được đệ trình cho mình theo tiểu mục (d) của Đoạn 28210 có bất kỳ khoảng trống hoặc sự không chính xác nào, bất hợp pháp, hoặc thông tin không đầy đủ, ngăn cản việc xác nhận người mua hoặc súng ngắn hoặc các loại súng khác được mua, hoặc nếu bất kỳ khoản phí cần thiết nào theo Đoạn 28225 không được người buôn bán nộp cùng với việc đệ trình bản sao đăng ký, sở có thể thông báo cho người buôn bán về điều đó. Sau khi nhận được thông báo của sở, người buôn bán phải đệ trình bản sao đăng ký chính xác cho sở, hoặc phải nộp bất kỳ khoản phí cần thiết nào theo Đoạn 28225, hoặc cả hai, nếu phù hợp và, nếu thông báo của sở do người buôn bán nhận được tại bất kỳ thời điểm nào trước khi giao súng đã được mua, người buôn bán phải giữ lại súng cho đến khi kết thúc thời gian chờ theo quy định tại Đoạn 26815 và 27540.

(e) Nếu sở xác định rằng thông tin được đệ trình cho mình theo Đoạn 28215 có những thông tin không chính xác hoặc không đầy đủ ngăn cản việc xác nhận người mua hoặc súng ngắn hoặc các loại súng khác được mua, hoặc nếu bất kỳ khoản phí cần thiết nào theo Đoạn 28225 không được người buôn bán nộp cùng với việc đệ trình hồ sơ điện tử hoặc điện thoại, sở có thể thông báo cho người buôn bán về điều đó. Sau khi nhận được thông báo của sở, người buôn bán phải đệ trình thông tin chính xác vào hồ sơ gửi qua điện thoại hoặc điện tử cho sở, hoặc phải chuyển bất kỳ khoản phí cần thiết nào theo Đoạn 28225, hoặc cả hai, nếu phù hợp, và nếu thông báo của sở do người buôn bán nhận được tại bất kỳ thời điểm nào trước khi giao súng đã được mua, người buôn bán phải giữ lại súng cho đến khi kết thúc thời gian chờ theo quy định tại Đoạn 26815 và 27540.

(f) (1) (A) Sở phải thông báo ngay cho người buôn bán trì hoãn việc chuyển giao vũ khí cho người mua, nếu hồ sơ của sở, hoặc các hồ sơ có sẵn

của sở tại Hệ Thống Lý Lịch Tư Pháp Tức Thì Quốc Gia, chỉ ra một trong những điều sau đây:

(i) Người mua đã bị giám soát hoặc đưa vào một có sở để điều trị hoặc đánh giá sức khỏe tâm thần và có thể là cá nhân theo quy định tại Đoạn 8100 hoặc 8103 của Bộ Luật An Sinh và Định Chế và sở không thể xác định được liệu người mua có phải là cá nhân bị nghiêm cấm sở hữu, nhận được, có hoặc mua súng hay không, theo Đoạn 8100 hoặc 8103 của Bộ Luật An Sinh và Định Chế, trước khi kết thúc thời gian chờ theo quy định tại Đoạn 26815 và 27540.

(ii) Người mua đã bị bắt giữ vì, hoặc bị buộc tội vì, một tội mà sẽ làm cho người mua, nếu bị kết tội, trở thành một người bị cấm bởi luật pháp tiểu bang hoặc liên bang đối với việc sở hữu, nhận, có hoặc mua súng, và sở không thể xác định được liệu người mua đó đã bị kết án về hành vi phạm tội đó chưa trước khi kết thúc thời gian chờ theo quy định tại Đoạn 26815 và 27540.

(iii) Người mua có thể là một cá nhân theo quy định tại tiểu mục (a) của Đoạn 27535, và sở không thể xác định được liệu người mua, trong thực tế, có phải là cá nhân theo quy định trong tiểu mục (a) của Đoạn 27535 hay không, trước khi kết thúc thời gian chờ theo quy định tại Đoạn 26815 và 27540.

(B) Người buôn bán phải cung cấp cho người mua các thông tin về cách thức mà người đó có thể liên hệ với sở liên quan đến sự chậm trễ này theo quy định tại tiểu phần (A).

(2) Sở phải thông báo cho người mua qua thư liên quan đến sự trì hoãn này và giải thích quy trình mà người mua có thể có được một bản sao hồ sơ sức khỏe tâm thần và hình sự mà sở lưu trữ cho người mua. Khi nhận được hồ sơ sức khỏe tâm thần hoặc hình sự đó, người mua phải báo cáo bất kỳ sự thiếu chính xác hoặc không đầy đủ nào cho sở trên một mẫu đơn được phê duyệt.

(3) Nếu sở xác định được việc bắt giữ hoặc buộc tội hình sự, hoặc kết quả của việc điều trị hoặc đánh giá sức khỏe tâm thần, hoặc người mua có đủ điều kiện để mua súng, theo quy định tại phần (1), sau thời gian chờ quy định tại Đoạn 26815 và 27540, nhưng trong vòng 30 ngày kể từ ngày nộp hồ sơ gốc về thông tin của người mua cho sở theo đoạn này, sở phải thực hiện như sau:

(A) Nếu người mua không phải là cá nhân theo quy định tại tiểu mục (a) của Đoạn 27535, và không bị nghiêm cấm theo luật liên bang hoặc tiểu bang, bao gồm nhưng không giới hạn Đoạn 8100 hoặc 8103 của Bộ Luật An Sinh và Định Chế, đối với việc sở hữu, nhận, có hoặc mua súng, sở phải thông báo ngay cho người buôn bán về điều đó và người buôn bán sau đó có thể giao súng ngay cho người mua, khi người buôn bán ghi lại trên giấy đăng ký hoặc hồ sơ chuyển giao điện tử về ngày giao súng, người buôn bán ký vào giấy đăng ký hoặc hồ sơ chuyển giao điện tử chỉ rõ việc giao súng cho người mua đó, và người mua ký vào giấy đăng ký hoặc hồ sơ chuyển giao điện tử công nhận đã nhận súng vào ngày súng được giao cho mình.

(B) Nếu người mua là cá nhân theo quy định tại tiểu mục (a) của Đoạn 27535, hoặc bị nghiêm cấm theo luật liên bang hoặc tiểu bang, bao gồm nhưng không giới hạn Đoạn 8100 hoặc 8103 của Bộ Luật An Sinh và Định Chế, đối với việc sở hữu, nhận, có hoặc mua súng, sở phải thông báo ngay cho người buôn bán và trưởng sở cảnh sát trong thành phố hoặc thành phố và quận nơi tiến hành buôn bán, hoặc nếu việc buôn bán được thực hiện tại một quận không có sở cảnh sát quận, trưởng quận nơi việc buôn bán

được thực hiện, về điều đó theo tiểu mục (c) của Đoạn 28220.

(4) Nếu sở không thể xác định được việc bắt giữ hoặc buộc tội hình sự, hoặc kết quả của việc điều trị hoặc đánh giá sức khỏe tâm thần, hoặc người mua có đủ điều kiện để mua súng, theo quy định tại phần (1), trong vòng 30 ngày kể từ ngày người buôn bán nộp hồ sơ gốc về thông tin của người mua cho sở theo đoạn này, sở phải thông báo ngay cho người buôn bán và người buôn bán sau đó có thể giao súng ngay cho người mua, khi người buôn bán ghi lại trên giấy đăng ký hoặc hồ sơ chuyển giao điện tử về ngày giao súng, người buôn bán ký vào giấy đăng ký hoặc hồ sơ chuyển giao điện tử chỉ rõ việc giao súng cho người mua đó, và người mua ký vào giấy đăng ký hoặc hồ sơ chuyển giao điện tử công nhận đã nhận súng vào ngày súng được giao cho mình.

(g) *Bắt đầu từ ngày 1 tháng Bảy năm 2017, khi nhận được thông tin chứng minh rằng một cá nhân bị cấm sở hữu súng theo luật liên bang hoặc tiểu bang, sở có trách nhiệm trình tên, ngày sinh, và mô tả vật lý về cá nhân đó vào Hồ Sơ Cá Nhân Bị Từ Chối, Chỉ Số của Hệ Thống Lý Lịch Tư Pháp Tức Thời Quốc Gia. Các thông tin được cung cấp phải được duy trì đặc quyền và bảo mật và sẽ không được tiết lộ, ngoại trừ cho mục đích thực thi luật vũ khí liên bang hoặc tiểu bang.*

ĐOẠN 6. Sở Hữu Bằng Đạn Có Sức Chứa Lớn.

ĐOẠN 6.1. Đoạn 32310 của Bộ Luật Hình Sự được tu chính như sau:

32310. (a) Ngoại trừ như được nêu trong Điều 2 (bắt đầu từ Đoạn 32400) của chương này và trong Chương 1 (bắt đầu từ Đoạn 17700), Phần 2, Tựa Đề 2, *bắt đầu từ ngày 1 tháng Một, 2000*; bắt kỳ người nào trong tiểu bang này sản xuất hoặc bị cưỡng ép sản xuất, nhập khẩu vào tiểu bang, cất giữ để bán, hoặc chào bán hoặc bày bán, cung cấp, cho mượn, mua sắm hoặc nhận bất kỳ loại bằng đạn có sức chứa lớn nào đều sẽ bị trừng phạt bằng hình thức giam giữ trong nhà tù quận dưới một năm hoặc bị giam giữ theo quy định tại tiểu phần (h), Đoạn 1170.

(b) Với các mục đích của đoạn này, "sản xuất" bao gồm cả sản xuất và lắp ghép bằng đạn từ một tập hợp các bộ phận, bao gồm, nhưng không hạn chế bởi thân, lò xo, bộ phận tiếp đạn và nắp đáy, để tạo thành bằng đạn dung lượng lớn có chức năng hoàn chỉnh.

(c) *Ngoại trừ như được nêu trong Điều 2 (bắt đầu từ Đoạn 32400) của chương này và trong Chương 1 (bắt đầu từ Đoạn 17700), Phần 2, Tựa Đề 2, bắt đầu từ ngày 1 tháng Bảy, 2017, bất kỳ người nào trong bang sở hữu bất kỳ loại bằng đạn sức chứa lớn nào, bất kể bằng đạn đó được mua vào thời điểm nào, đều bị coi là phạm tội vì cảnh phải chịu phạt tiền không quá một trăm mỹ kim (\$100)/bằng đạn sức chứa lớn, hoặc phạm tội tiểu hình phải chịu phạt tiền không quá một trăm mỹ kim (\$100)/bằng đạn sức chứa lớn, hoặc bị giam giữ trong nhà tù tiểu bang không quá một năm, hoặc cả phạt tiền và phạt tù.*

(d) *Bất kỳ người nào có thể không sở hữu hợp pháp bằng đạn sức chứa lớn kể từ ngày 1 tháng Bảy, 2017, phải, trước ngày 1 tháng Bảy, 2017:*

- (1) *Vứt bỏ bằng đạn sức chứa lớn khỏi tiểu bang;*
- (2) *Bán bằng đạn sức chứa lớn cho người buôn bán vũ khí có giấy phép; hoặc*
- (3) *Giao nộp bằng đạn sức chứa lớn cho cơ quan hành pháp để phá hủy.*

ĐOẠN 6.2. Đoạn 32400 của Bộ Luật Hình Sự được tu chính như sau:

32400. Đoạn 32310 không áp dụng đối với việc bán, cung cấp, vay mượn, sở hữu, nhập khẩu vào tiểu bang hoặc mua bất kỳ loại bằng đạn sức chứa lớn nào bởi hoặc cho các cơ quan thành phố, quận và thành phố, quận, tiểu bang

và liên bang chịu trách nhiệm hành pháp, cho các nhân viên cơ quan làm nhiệm vụ chính thức sử dụng, cho dù họ có đang làm nhiệm vụ hay không, và cho những nơi được cơ quan ủy quyền sử dụng trong phạm vi và trong quá trình làm nhiệm vụ của họ.

ĐOẠN 6.3. Đoạn 32405 của Bộ Luật Hình Sự được tu chính như sau:

32405. Đoạn 32310 không áp dụng với việc bán, mượn, chuyển giao, mua, nhận, *sở hữu*, hoặc nhập khẩu vào tiểu bang này, bằng đạn có sức chứa lớn bởi cảnh sát viên đã tuyên thệ, như được định nghĩa trong Chương 4.5 (bắt đầu từ Đoạn 830), Chương 3, Mục 2, *hoặc nhân viên công lực liên bang đã tuyên thệ*, những người đã được ủy quyền mang theo súng trong khi thực hiện và trong phạm vi nhiệm vụ chính thức của họ.

ĐOẠN 6.4. Đoạn 32406 được thêm vào Bộ Luật Hình Sự, như sau:

32406. *Tiểu phần (c), Đoạn 32310 không áp dụng cho cảnh sát viên đã tuyên thệ về hưu danh dự, theo quy định trong Chương 4.5 (bắt đầu từ Đoạn 830), Tựa Đề 3, Mục 2, hoặc nhân viên công lực liên bang đã tuyên thệ về hưu danh dự, người đã từng được ủy quyền mang vũ khí trong khi thực hiện và trong phạm vi nhiệm vụ chính thức của họ. "Về hưu danh dự" có nghĩa như được trình bày trong Đoạn 16690.*

ĐOẠN 6.5. Đoạn 32410 của Bộ Luật Hình Sự được tu chính như sau:

32410. Đoạn 32310 không áp dụng đối với việc bán, hoặc mua, hoặc sở hữu bất kỳ loại bằng đạn sức chứa lớn nào của hoặc bởi người có giấy phép chiếu theo các Đoạn từ 26700 đến hết Đoạn 26915.

ĐOẠN 6.6. Đoạn 32420 của Bộ Luật Hình Sự bị bãi bỏ.

32420.—*Đoạn 32310 không áp dụng đối với việc nhập bằng súng sức chứa lớn bởi người có thể sở hữu bằng đạn sức chứa lớn hợp pháp tại tiểu bang trước ngày 1 tháng Một, 2000, hợp pháp mang bằng đạn sức chứa lớn ra khỏi tiểu bang và trả lại tiểu bang đúng bằng đạn sức chứa lớn đó.*

ĐOẠN 6.7. Đoạn 32425 của Bộ Luật Hình Sự được tu chính như sau:

32425. Đoạn 32310 không áp dụng với bất kỳ các trường hợp sau:

(a) Cho mượn hoặc cung cấp bằng đạn sức chứa lớn cho người có giấy phép chiếu theo các Đoạn từ 26700 đến hết Đoạn 26915, hoặc cho người sửa súng để bảo trì, sửa chữa hoặc điều chỉnh bằng đạn có sức chứa lớn.

(b) *Việc sở hữu bằng đạn sức chứa lớn bởi người đã được nêu trong tiểu phần (a) cho các mục đích được trình bày trong tiểu phần (a).*

(b) (c) Việc hoàn trả bằng đạn sức chứa lớn cho chủ sở hữu của nó được quy định trong tiểu phần (a).

ĐOẠN 6.8. Đoạn 32435 của Bộ Luật Hình Sự được tu chính như sau:

32435. Đoạn 32310 không áp dụng với các trường hợp sau:

(a) Việc bán, cung cấp, cho mượn, *sở hữu*, nhập khẩu vào tiểu bang và mua sắm bất kỳ bằng đạn sức chứa lớn nào cho hoặc bởi các thực thể điều khiển công ty xe vũ trang theo luật tiểu bang.

(b) Việc cho mượn bằng đạn sức chứa lớn bởi thực thể được nêu trong tiểu phần (a) cho các nhân viên được ủy quyền của thực thể đó, trong khi thực hiện và trong phạm vi làm việc của họ với mục đích gắn liền với kinh doanh xe vũ trang.

(c) *Việc sở hữu bất kỳ bằng đạn sức chứa lớn nào bởi nhân viên của các thực thể được nêu trong tiểu phần (a) với mục đích gắn liền với kinh doanh xe vũ*

trang.

(c) (d) Việc hoàn trả các băng đạn sức chứa lớn cho thực thể được nêu trong tiểu phần (a) bởi những nhân viên được nêu trong tiểu phần (b).

ĐOẠN 6.9. Đoạn 32450 của Bộ Luật Hình Sự được tu chính như sau:

32450. Đoạn 32310 không áp dụng đối với việc mua hoặc sở hữu băng đạn sức chứa lớn bởi người có giấy phép sở hữu vũ khí đặc biệt được cấp chiếu theo Đoạn 31000, 32650 hoặc 33300, hoặc chiếu theo Điều 3 (bắt đầu từ Đoạn 18900), Chương 1, Phần 5, Tựa Đề 2 hoặc chiếu theo Điều 4 (bắt đầu từ Đoạn 32700), Chương 6 phần này, cho bất kỳ mục đích nào trong số những mục đích sau:

(a) Để chỉ sử dụng làm đồ biểu diễn trong phim điện ảnh, phim truyền hình hoặc sản xuất video.

(b) Để xuất khẩu chiếu theo quy định liên bang.

(c) Để bán lại cho các cơ quan hành pháp, cơ quan chính quyền hoặc quân đội, chiếu theo các quy định liên bang hiện hành.

ĐOẠN 7. Người Buôn Bán Vũ Khí.

ĐOẠN 7.1. Đoạn 26885 của Bộ Luật Hình Sự được tu chính như sau:

26885. (a) Ngoại trừ như được nêu trong các tiểu phần (b) và (c), Đoạn 26805, tất cả vũ khí trong kho của một người có giấy phép phải được cất tại địa điểm có giấy phép.

(b) Trong vòng 48 giờ kể từ khi phát hiện, người có giấy phép phải báo cáo việc mất hoặc mất trộm bất kỳ vật phẩm nào sau đây cho cơ quan hành pháp phù hợp của thành phố, quận, hoặc thành phố và quận nơi công ty của người có giấy phép tọa lạc:

(1) Bất kỳ súng hoặc đạn được nào là hàng hóa của người có giấy phép.

(2) Bất kỳ súng hoặc đạn được nào mà người có giấy phép sở hữu chiếu theo Chương 5 (bắt đầu từ Đoạn 28050), hoặc chiếu theo Đoạn 30312.

(3) Bất kỳ súng hoặc đạn được nào được cất giữ tại cơ sở kinh doanh của người có giấy phép.

ĐOẠN 7.2. Đoạn 26915 của Bộ Luật Hình Sự được tu chính như sau:

26915. (a) Bắt đầu từ ngày 1 tháng Một, 2018, một người buôn bán vũ khí loại A có thể yêu cầu bất kỳ đại diện hoặc nhân viên nào quản lý, bán hoặc phân phối vũ khí phải có và cung cấp cho người buôn bán giấy chứng nhận đủ điều kiện từ Bộ Tư Pháp chiếu theo Đoạn 26710. Khi đăng ký chứng nhận, đại lý hoặc nhân viên phải cung cấp tên và mã số người buôn bán vũ khí tại California của người buôn bán vũ khí mà đại lý hoặc nhân viên đó làm việc dưới quyền.

(b) Bộ phải thông báo cho người buôn bán vũ khí trong trường hợp đại lý hoặc nhân viên đã có chứng nhận đủ điều kiện nhưng bị cấm sở hữu vũ khí.

(c) Nếu cơ quan có thẩm quyền tại địa phương yêu cầu kiểm tra lý lịch của đại lý hoặc nhân viên của người buôn bán vũ khí, thì đại lý hoặc nhân viên đó phải có chứng nhận đủ điều kiện chiếu theo tiểu phần (a).

(d) (1) Không có phần nào trong đoạn này nên được hiểu là cản trở cơ quan có thẩm quyền tại địa phương tiến hành kiểm tra lý lịch bổ sung chiếu theo Đoạn 11105. Cơ quan có thẩm quyền tại địa phương không thể được trả phí kiểm tra lịch sử phạm tội bổ sung.

(2) Không có nội dung nào trong Đoạn này nên được hiểu là ngăn cản cơ

quan có thẩm quyền tại địa phương cấm tuyển dụng do lịch sử phạm tội không được cung cấp trong quá trình xin cấp chứng nhận đủ điều kiện.

(e) Người có giấy phép có thể cấm bất kỳ đại diện nào mà họ biết hoặc có lý do để biết rằng đại diện đó nằm trong bộ phận người bị cấm sở hữu vũ khí chiếu theo Chương 2 (bắt đầu từ Đoạn 29800) hoặc Chương 3 (bắt đầu từ Đoạn 29900), Phần 9 của tựa đề này, hoặc Đoạn 8100 hoặc 8103 của Bộ Luật An Sinh và Định Chế, tiếp xúc với bất kỳ loại vũ khí nào không an toàn và sử dụng chìa khóa, mã khóa, tổ hợp cũng như bất kỳ phương tiện nào khác để mở các thiết bị khóa được nêu trong tiểu phần (g).

(f) Không có nội dung nào trong đoạn này nên được hiểu là ngăn chặn chính quyền địa phương trong việc ban hành sắc lệnh áp đặt các điều kiện bổ sung đối với những người có giấy phép về các đại diện hoặc nhân viên của họ.

(g) Theo mục đích của điều này, "đảm bảo an toàn" có nghĩa là không thể kích hoạt súng theo một hoặc nhiều cách sau:

(1) Súng không thể hoạt động được do được đảm bảo an toàn bằng thiết bị an toàn vũ khí được liệt kê trong danh sách về các thiết bị an toàn vũ khí được phê chuẩn chiếu theo tiểu phần (d) của Đoạn 23655 của sở.

(2) Súng được cất giữ trong két an toàn súng hoặc két an toàn súng dài có khóa đạt các tiêu chuẩn về két an toàn súng đã được sở phê chuẩn trong Đoạn 23650.

(3) Súng được cất giữ trong một khu vực hoặc căn phòng có khóa riêng trong tòa nhà được sử dụng để cất vũ khí mà chỉ có thể được mở khóa bằng chìa khóa, tổ hợp khóa hoặc phương tiện tương tự.

(4) Súng được đảm bảo an toàn bằng cáp hoặc cần thép cứng có đường kính tối thiểu một phần tám inch luồn qua vòng cần của súng. Cáp hoặc cần thép có thể được bảo đảm an toàn bằng khóa thép cứng có móc. Khóa và móc phải được bảo đảm hoặc bảo vệ trong tình huống sử dụng dao cắt bulông và cần hoặc cáp phải được móc theo cách ngăn chặn việc mang vũ khí ra khỏi nơi cất giữ.

ĐOẠN 8. Buôn Bán Đạn Được.

ĐOẠN 8.1. Đoạn 16150 của Bộ Luật Hình Sự được tu chính như sau:

16150. (a) Như được sử dụng trong Đoạn 30300, "đạn được" có nghĩa là đạn được súng ngắn như được định nghĩa trong Đoạn 16650. Như được sử dụng trong mục này, ngoại trừ trong tiểu phần (a) của Đoạn 30305 và của Đoạn 30306, "đạn được" có nghĩa là các viên đạn đã được nhồi thuốc có vỏ sơn màu, chất nổ đẩy và hạt đạn. "Đạn được" không bao gồm đạn rỗng.

(b) Như được sử dụng trong tiểu phần (a) của Đoạn 30305 và trong Đoạn 30306, "đạn được" bao gồm, nhưng không hạn chế bởi các loại đạn, đầu đạn, băng đạn, bộ nạp đạn, ổ quay đạn, bộ nạp đạn tự động hoặc hạt đạn có thể được bắn từ vũ khí với hậu quả chết người. "Đạn được" không bao gồm đạn rỗng.

ĐOẠN 8.2. Đoạn 16151 được thêm vào Bộ Luật Hình Sự, như sau:

16151. (a) Như được sử dụng trong phần này, bắt đầu từ ngày 1 tháng Một, 2018, "đại lý đạn được" có nghĩa là bất kỳ người, công ty, doanh nghiệp hoặc đơn vị kinh doanh nào có giấy phép bán đạn được hiện hành được cấp theo Đoạn 30385.

(b) Kể từ ngày 1 tháng Một, 2018, người buôn bán vũ khí được cấp giấy phép chiếu theo các Đoạn từ 26700 đến hết Đoạn 26915, sẽ tự động được coi là đại

lý đạn được có giấy phép theo các yêu cầu của Điều 2 (bắt đầu từ Đoạn 30300) và Điều 3 (bắt đầu từ Đoạn 30342), Chương 1, Phần 10, Tựa Đề 4.

ĐOẠN 8.3. Đoạn 16662 của Bộ Luật Hình Sự bị bãi bỏ.

16662. Như được sử dụng trong phần này, "đại lý đạn súng ngắn" có nghĩa là bất kỳ người, công ty, doanh nghiệp, người buôn bán hoặc tổ chức kinh doanh nào tham gia bán lẻ các loại đạn súng ngắn, hoặc chuyên kinh doanh buôn bán các loại đạn súng ngắn.

ĐOẠN 8.4. Đoạn 17315 của Bộ Luật Hình Sự được tu chính như sau:

17315. Như được sử dụng trong Điều 3 (bắt đầu từ Đoạn 30345) Điều 2 cho đến Điều 5 của Chương 1, Phần 10, Tựa Đề 4, "đại lý" có nghĩa là đại lý đạn được súng ngắn.

ĐOẠN 8.5. Đoạn 30306 của Bộ Luật Hình Sự được tu chính như sau:

30306. (a) Bất kỳ người, doanh nghiệp hoặc công ty, hoặc đơn vị kinh doanh nào cung cấp, phân phối, bán hoặc trao quyền sở hữu hoặc quyền kiểm soát các loại đạn cho bất kỳ người nào mà họ biết hoặc thông qua tìm hiểu sẽ biết được người đó đang bị cấm cất giữ hoặc cấm kiểm soát, hoặc bị cấm sở hữu và chiếm dụng bất kỳ loại đạn được hoặc đạn nạp lại được nào chiếu theo tiểu phần (a) hoặc (b) của Đoạn 30305, đều bị coi là phạm tội tiểu hình và sẽ bị giam giữ trong nhà tù quận không quá một năm hoặc bị phạt tiền không quá một ngàn mỹ kim (\$1,000) hoặc cả phạt tù và phạt tiền.

(b) Bất kỳ người, công ty, doanh nghiệp hoặc đơn vị kinh doanh nào cung cấp, phân phối, bán hoặc trao quyền kiểm soát hoặc sở hữu bất kỳ loại đạn được nào cho bất kỳ người nào mà người, công ty, doanh nghiệp hoặc đơn vị kinh doanh nói trên đã biết hoặc có lý do để tin rằng người đó không phải là người mua hoặc người nhận chuyển giao đạn được thực tế, đồng thời, có lý do hoặc thông tin để tin rằng số đạn được này sau đó sẽ được bán hoặc chuyển giao cho người đang bị tạm giữ hoặc kiểm soát, hoặc bị cấm sở hữu, chiếm dụng bất kỳ loại đạn được hoặc đạn nạp lại được nào chiếu theo tiểu phần (a) hoặc (b) của Đoạn 30305, đều sẽ bị coi là phạm tội tiểu hình và có thể bị giam giữ trong nhà tù quận không quá một năm, hoặc phạt tiền không quá một ngàn mỹ kim (\$1,000), hoặc cả phạt tiền và phạt tù.

(b) (c) Các điều khoản của đoạn này có tính lũy tích và không nên được yêu là hạn chế việc áp dụng các bộ luật khác. Tuy nhiên, một hành động hoặc thiếu sót có thể bị trừng phạt theo nhiều cách khác nhau theo đoạn này và theo điều khoản khác của luật sẽ không bị trừng phạt theo quy định của nhiều hơn một điều khoản.

ĐOẠN 8.6. Đoạn 30312 của Bộ Luật Hình Sự được tu chính như sau:

30312. (a) Kể từ ngày 1 tháng Hai, 2011, (1) Kể từ ngày 1 tháng Một, 2018, việc buôn bán đạn được của bất cứ bên nào phải được thực hiện và tiến hành thông qua đại lý đạn được có giấy phép.

(2) Khi không có bên nào trong giao dịch buôn bán đạn được là đại lý đạn được có giấy phép, người bán phải chuyển số đạn được cho đại lý để tiến hành giao dịch. Đại lý đạn được sau đó phải thực hiện chuyển giao kịp thời và hợp lý số đạn được cho người mua, nếu việc bán không bị cấm, giống như số đạn được đó là hàng hóa của chính đại lý. Nếu đại lý đạn được không thể chuyển giao hợp pháp số đạn được cho người mua, đại lý phải ngay tức khắc trả lại số đạn được cho người bán. Đại lý đạn được có thể thu từ người mua một khoản phí hành chánh để tiến hành giao dịch. Khoản phí này sẽ được xác định bởi Sở Tư Pháp, cộng với bất kỳ khoản lệ phí hiện hành nào khác có thể bị tính chiếu theo các điều khoản của tựa đề này.

(b) Kể từ ngày 1 tháng Một, 2018, việc buôn bán, phân phối hoặc chuyển giao quyền sử dụng súng ngắn đạn được của bất cứ bên nào chỉ có thể được tiến hành bằng giao dịch mặt-đối-mặt với người bán, người phân phối, hoặc người chuyển giao được cung cấp chứng cứ thiện ý về danh tính của người mua hoặc người nhận chuyển giao, miễn là, tuy nhiên, số đạn được đó có thể được mua hoặc thu mua trên Internet hoặc thông qua các phương thức đặt hàng từ xa khác nếu đại lý đạn được có giấy phép là người đầu tiên nhận được đạn được và xử lý giao dịch tuân theo đoạn này và Điều 3 (bắt đầu từ Đoạn 30342), Chương 1, Phần 10, Tựa Đề 4 của mục này.

(b) (c) Tiểu phần Các tiểu phần (a) và (b) không áp dụng với hoặc không ảnh hưởng đến việc buôn bán, phân phối hoặc chuyển giao súng ngắn đạn được cho bất kỳ bên nào sau đây:

(1) Đại diện hành pháp được ủy quyền của chính quyền thành phố, quận, thành phố và quận, hoặc tiểu bang hoặc liên bang, nếu việc buôn bán, phân phối hoặc chuyển giao cho chỉ cơ quan chính quyền đó sử dụng và, trước khi bán, phân phối hoặc chuyển giao súng ngắn đạn được, phải có giấy ủy quyền từ lãnh đạo cơ quan của người mua hoặc người nhận chuyển giao để xác nhận nhân viên là cá nhân được ủy quyền để thực hiện giao dịch, và cho phép thực hiện giao dịch cho chỉ cơ quan nơi nhân viên đó làm việc sử dụng.

(2) Cảnh sát viên đã tuyên thệ, được định nghĩa trong Chương 4.5 (bắt đầu từ Đoạn 830), Tựa Đề 3, Mục 2, hoặc nhân viên công lực liên bang đã tuyên thệ được cho phép mang theo súng trong khi thực hiện và trong phạm vi nhiệm vụ của viên chức đó.

(3) Người nhập khẩu hoặc sản xuất súng ngắn đạn được hoặc vũ khí có giấy phép tham gia kinh doanh chiếu theo Chương 44 (bắt đầu từ Đoạn 921), Tựa Đề 18 của Bộ Luật Hoa Kỳ và các quy định được ban hành theo bộ luật đó.

(4) Người nằm trong danh sách tập trung những người có giấy phép sở hữu súng của liên bang được miễn trừ của Bộ Tư Pháp chiếu theo Điều 6 (bắt đầu từ Đoạn 28450), Chương 6, Phần 6 của tựa đề này.

(5) Người có địa điểm được cấp phép nằm ngoài tiểu bang này và người được cấp phép buôn bán hoặc thu thập súng chiếu theo Chương 44 (bắt đầu từ Đoạn 921), Tựa Đề 18 của Bộ Luật Hoa Kỳ cũng như các quy định ban hành kèm theo.

(6) Người được cấp phép trở thành người thu thập súng chiếu theo Chương 44 (bắt đầu từ Đoạn 921), Tựa Đề 18 của Bộ Luật Hoa Kỳ và các quy định ban hành kèm theo, với địa điểm được cấp phép nằm trong phạm vi tiểu bang và hiện có giấy phép xác minh đủ điều kiện được Bộ Tư Pháp cấp chiếu theo Đoạn 26710.

(7) Đại lý súng ngắn đạn được.

(8) Người cố vấn-người đánh giá.

(9) Người mua hoặc nhận đạn được tại cơ sở mục tiêu có giấy phép kinh doanh hoặc giấy phép luật định khác, miễn là số đạn được đó luôn được cất giữ tại địa điểm cơ sở.

(10) Người mua hoặc nhận đạn được từ người hôn phối, vợ/chồng hoặc thành viên trong gia đình trực hệ như được định nghĩa trong Đoạn 16720.

(c) (d) Vi phạm đoạn này bị coi là tội tiểu hình.

ĐOẠN 8.7. Đoạn 30314 được thêm vào Bộ Luật Hình Sự, như sau:

30314. (a) Kể từ ngày 1 tháng Một, 2018, cư dân tiểu bang này không được mang theo hoặc vận chuyển vào tiểu bang bất kỳ loại đạn được nào mà

họ đã mua hoặc nhận được bên ngoài tiểu bang trừ khi trước đó, số đạn được này đã được phân phối tới cho một đại lý đạn được có giấy phép để phân phối đạn được cho cư dân chiếu theo thủ tục được trình bày trong Đoạn 30312.

(b) Tiểu phần (a) không áp dụng cho những đối tượng sau:

(1) Đại lý đạn được.

(2) Cảnh sát viên đã tuyên thệ, được định nghĩa trong Chương 4.5 (bắt đầu từ Đoạn 830), Tựa Đề 3, Mục 2, hoặc nhân viên công lực liên bang đã tuyên thệ được cho phép mang theo súng trong khi thực hiện và trong phạm vi nhiệm vụ của viên chức đó.

(3) Người nhập khẩu hoặc sản xuất đạn được hoặc súng có giấy phép tham gia kinh doanh chiếu theo Chương 44 (bắt đầu từ Đoạn 921), Tựa Đề 18 của Bộ Luật Hoa Kỳ và các quy định được ban hành theo bộ luật đó.

(4) Người nằm trong danh sách tập trung những người có giấy phép sở hữu súng của liên bang được miễn trừ của Bộ Tư Pháp chiếu theo Điều 6 (bắt đầu từ Đoạn 28450), Chương 6, Phần 6.

(5) Người được cấp phép trở thành người thu thập súng chiếu theo Chương 44 (bắt đầu từ Đoạn 921), Tựa Đề 18 của Bộ Luật Hoa Kỳ và các quy định ban hành kèm theo, với địa điểm được cấp phép nằm trong phạm vi tiểu bang và hiện có giấy phép xác minh đủ điều kiện được Bộ Tư Pháp cấp chiếu theo Đoạn 26710.

(6) Người có đạn được từ người hôn phối, vợ/chồng hoặc thành viên trong gia đình trực hệ như được định nghĩa trong Đoạn 16720.

(c) Vi phạm đoạn này sẽ bị coi là tội vi cảnh đối với các vi phạm lần đầu, và tội vi cảnh hoặc tiểu hình nếu tái phạm lần thứ hai trở đi.

ĐOẠN 8.8. Tiêu đề Điều 3 (bắt đầu từ Đoạn 30342), Chương 1, Phần 10, Tựa Đề 4, Mục 6 của Bộ Luật Hình Sự được tu chính như sau:

Điều 3. Đại Lý Súng Ngắn Đạn Được

ĐOẠN 8.9. Đoạn 30342 được thêm vào Bộ Luật Hình Sự, ngay phía trước Đoạn 30345 như sau:

30342. (a) Bắt đầu từ ngày 1 tháng Một, 2018, bất kỳ người, công ty, doanh nghiệp hoặc đơn vị kinh doanh nào bán nhiều hơn 500 băng đạn được trong bất kỳ giai đoạn 30 ngày nào phải có giấy phép đại lý tiêu thụ đạn được hợp lệ.

(b) Vi phạm đoạn này sẽ bị coi là tội tiểu hình.

ĐOẠN 8.10. Đoạn 30347 của Bộ Luật Hình Sự được tu chính như sau:

30347. (a) Đại lý đạn được phải yêu cầu bất kỳ nhân viên hoặc đại diện nào xử lý, bán, phân phối hoặc đang cất giữ hoặc kiểm soát đạn được, phải làm và cung cấp chứng nhận đủ điều kiện do Bộ Tư Pháp ban hành theo Đoạn 26710 cho đại lý. Khi đăng ký chứng nhận, đại diện hoặc nhân viên phải cung cấp tên và địa chỉ của đại lý đạn được mà họ làm việc cho, hoặc tên và mã số người buôn bán súng tại California của đại lý đạn được nếu có.

(b) Bộ phải thông báo cho đại lý đạn được trong trường hợp đại diện hoặc nhân viên đã có chứng nhận đủ điều kiện nhưng bị cấm sở hữu chiếu theo tiểu phần (a) Đoạn 30305 hoặc luật liên bang.

(c) Đại lý đạn được không được cho phép bất kỳ đại diện hoặc nhân viên nào mà họ biết hoặc có lý do để biết rằng người này là trường hợp được mô tả trong Chương 2 (bắt đầu từ Đoạn 29800) hoặc Chương 3 (bắt đầu từ Đoạn 29900), Phần 9 của tựa đề này hoặc Đoạn 8100 hoặc 8103 của Bộ Luật An Sinh và Định Chế, tham gia xử lý, bán, hoặc phân phối hoặc cất giữ hoặc kiểm soát bất kỳ loại súng ngắn loại đạn được nào trong khi thực hiện và

trong phạm vi nhiệm vụ của họ.

ĐOẠN 8.11. Đoạn 30348 được thêm vào Bộ Luật Hình Sự, như sau:

30348. (a) Ngoại trừ như đã được nêu trong tiểu phần (b), việc buôn bán đạn được của đại lý có giấy phép phải được thực hiện tại địa điểm đã ghi rõ trong giấy phép.

(b) Đại lý có thể bán đạn được ở các sự kiện hoặc triển lãm súng nếu sự kiện và triển lãm súng đó không tổ chức trên phương tiện có đầu kéo hoặc có động cơ.

(c) Để đảm bảo các mục đích của đoạn này "sự kiện hoặc triển lãm súng" có nghĩa là chức năng được tài trợ bởi tổ chức tầm cỡ quốc gia, tiểu bang hoặc địa phương, để dành cho việc sưu tập, sử dụng súng cho mục đích thi đấu hoặc thể thao, hoặc tổ chức hoặc hiệp hội tài trợ cho các chức năng sưu tập, sử dụng súng cho mục đích thi đấu hoặc thể thao trong cộng đồng.

(d) Việc bán đạn được tại sự kiện hoặc triển lãm súng phải tuân thủ tất cả các bộ luật hiện hành, bao gồm cả các Đoạn 30347, 30350, 30352 và 30360.

ĐOẠN 8.12. Đoạn 30350 của Bộ Luật Hình Sự được tu chính như sau:

30350. Đại lý đạn được không được phép bán hoặc chuyển giao quyền sở hữu, chào bán hoặc đề nghị chuyển giao quyền sở hữu, hoặc trưng bày để bán hoặc trưng bày để chuyển giao quyền sở hữu súng ngắn đạn được theo cách thức tạo điều kiện cho người mua hoặc người nhận chuyển giao tiếp cận với đạn được mà không cần sự hỗ trợ của đại lý hoặc nhân viên của đại lý.

ĐOẠN 8.13. Đoạn 30352 của Bộ Luật Hình Sự được tu chính như sau:

30352. (a) Kể từ ngày 1 tháng Hai, 2011 ngày 1 tháng Bảy, 2019, đại lý không được bán hoặc chuyển giao quyền sở hữu các loại súng ngắn đạn được mà không, tại thời điểm phân phối, ghi chép pháp lý các thông tin sau trên mẫu đơn do Bộ Tư Pháp quy định:

(1) Ngày bán hoặc ngày giao dịch chuyển giao.

(2) Mã số căn cước hoặc giấy phép lái xe của người mua hoặc người nhận chuyển giao cũng như tiểu bang, nơi cấp mã số căn cước hoặc giấy phép lái xe đó.

(3) Nhân hiệu, loại và số lượng đạn được được bán hoặc chuyển giao.

(4) Tên đầy đủ và chữ ký của người bán hoặc người nhận chuyển giao.

(5) Tên của người bán đã tiến hành bán hoặc giao dịch khác.

(6) Văn tay ngón cái bên phải của người mua hoặc người giao hàng vào mẫu đơn trên.

(7) (6) Địa chỉ cư trú và số điện thoại của người mua hoặc người nhận chuyển giao.

(8) (7) Ngày sinh của người mua hoặc người giao hàng.

(b) Kể từ ngày 1 tháng Bảy, 2019, đại lý đạn được phải gửi thông tin dưới hình thức kỹ thuật số cho bộ chiếu theo tiểu phần (a) đối với tất cả mọi giao dịch bán và chuyển giao quyền sở hữu đạn được. Bộ phải giữ lại thông tin này trong cơ sở dữ liệu có tên là Hồ Sơ Ghi Chép Mua Bán Đạn Được. Thông tin này phải được bảo mật và có thể được sử dụng bởi bộ cũng như các thực thể được quy định trong, và chiếu theo, tiểu phần (b) hoặc (c), Đoạn 11105, thông qua Hệ Thống Truyền Thông Hành Pháp California, chỉ cho các mục đích hành pháp. Đại lý đạn được không được sử dụng, bán, tiết lộ hoặc chia sẻ thông tin trên cho bất kỳ mục đích nào khác ngoài để gửi thông tin theo quy định của tiểu phần này mà không có giấy đồng ý khẩn cấp của người bán hoặc người giao hàng.

(c) Kể từ ngày 1 tháng Bảy, 2019, chỉ những người được liệt kê trong tiểu phần này, hoặc những người hoặc thực thể được liệt kê trong tiểu phần (e), mới được ủy quyền mua đạn dược. Trước khi phân phối đạn dược, đại lý đạn dược sẽ phải yêu cầu chứng cứ thiện ý về danh tính để xác minh rằng người đang nhận phân phối đạn dược là người hoặc thực thể được liệt kê trong tiểu phần (e) hoặc một trong những người sau đây:

- (1) Người được ủy quyền mua đạn dược theo Đoạn 30370.
- (2) Người được bộ phê chuẩn cho nhận súng từ đại lý đạn dược, chiếu theo Đoạn 28220, nếu đại lý đó là một người buôn bán vũ khí, được cấp giấy phép và đạn dược được phân phối tới người đó trong cùng giao dịch mua bán súng.
- (d) Kể từ ngày 1 tháng Bảy, 2019, đại lý đạn dược sẽ phải xác minh với bộ, theo cách thức do bộ quy định, rằng người đó có được cho phép mua đạn dược không bằng cách so sánh mã giấy ủy quyền mua đạn dược của người đó với danh sách tập trung những người mua đạn dược được ủy quyền. Nếu người đó không được liệt kê là một người mua đạn dược được ủy quyền, đại lý sẽ phải từ chối bán hoặc chuyển giao.
- (b) (e) ~~Tiểu phần~~ Các Tiểu phần (a) và (d) sẽ không áp dụng với ~~hay ảnh hưởng tới~~ việc bán hoặc chuyển giao quyền sở hữu ~~súng ngắn~~ đạn dược bởi ~~súng ngắn~~ đại lý đạn dược cho bất kỳ người nào sau đây, nếu được xác minh phù hợp:
 - (1) Người được cấp phép chiếu theo các Đoạn từ 26700 đến hết Đoạn 26915.
 - (2) (1) Đại lý đạn dược ~~súng ngắn~~.
 - (3) (2) Người nằm trong danh sách tập trung những người có giấy phép sở hữu súng của liên bang được miễn trừ của bộ chiếu theo Điều 6 (bắt đầu từ Đoạn 28450), Chương 6, Phần 6 của tựa đề này.
 - (4) (3) Cơ sở mục tiêu có giấy phép kinh doanh hoặc giấy phép luật định người mua hoặc nhận đạn dược tại cơ sở mục tiêu có giấy phép kinh doanh hoặc giấy phép luật định khác, miễn là số đạn dược đó luôn được cất giữ tại địa điểm cơ sở.
 - (5) (4) Người sửa súng.
 - (6) (5) Người bán sỉ.
 - (7) (6) Nhà sản xuất hoặc người nhập khẩu súng hoặc đạn dược có giấy phép chiếu theo Chương 44 (bắt đầu từ Đoạn 921) Tựa Đề 18 của Bộ Luật Hoa Kỳ, và các quy định được ban hành theo bộ luật đó.
 - (8) (7) Đại diện hành pháp được ủy quyền của chính quyền thành phố, quận, thành phố và quận, hoặc tiểu bang hoặc liên bang, nếu việc buôn bán hoặc chuyển giao quyền sở hữu cho chỉ cơ quan chính quyền đó sử dụng, và, trước khi bán, phân phối hoặc chuyển giao ~~súng ngắn~~ đạn dược, phải có giấy ủy quyền từ lãnh đạo cơ quan cho phép thực hiện giao dịch được cấp cho người mà việc mua, phân phối hoặc chuyển giao đang được thực hiện từ người đó. Giấy ủy quyền phù hợp được định nghĩa là văn bản chứng nhận có thể xác thực được từ lãnh đạo cơ quan mà người mua, người nhận chuyển nhượng, hoặc người có được quyền sở hữu bằng cách khác làm việc dưới quyền, để xác nhận nhân viên là cá nhân được ủy quyền để thực hiện giao dịch, và cho phép thực hiện giao dịch cho chỉ cơ quan nơi nhân viên đó làm việc sử dụng.
 - (8) Cảnh sát viên đã tuyên thệ và xác minh phù hợp, được định nghĩa trong Chương 4.5 (bắt đầu từ Đoạn 830), Tựa Đề 3, Mục 2, hoặc nhân viên công lực liên bang đã tuyên thệ và xác minh, phù hợp được cho phép mang theo súng

trong khi thực hiện và trong phạm vi nhiệm vụ của viên chức đó.

(f) (1) Xác minh phù hợp được định nghĩa là văn bản chứng nhận có thể xác thực được từ lãnh đạo cơ quan mà người mua hoặc người nhận chuyển nhượng làm việc dưới quyền, xác minh người mua hoặc người nhận chuyển nhượng là người đã được ủy quyền mang theo súng trong khi thực hiện và trong phạm vi nhiệm vụ chính thức của họ.

(2) Chứng nhận sẽ được trình trước đại lý tại thời điểm mua hoặc chuyển giao và người mua hoặc người nhận chuyển nhượng sẽ phải cung cấp chứng cứ thiện ý về danh tính để xác minh rằng họ là người được ủy quyền trong chứng nhận.

(3) Đại lý sẽ giữ chứng nhận cùng hồ sơ bán hàng và gửi chứng nhận cho bộ.

(g) Bộ được ủy quyền thông qua các quy định nhằm triển khai các điều khoản của đoạn này.

ĐOẠN 8.14. Đoạn 30363 được thêm vào Bộ Luật Hình Sự, như sau:

30363. Trong vòng 48 giờ kể từ khi phát hiện, đại lý đạn dược phải báo cáo vào việc mất hoặc mất trộm bất kỳ vật phẩm nào sau đây cho cơ quan hành pháp phù hợp của thành phố, quận, hoặc thành phố và quận nơi công ty của đại lý tọa lạc:

- (1) Bất kỳ đạn dược nào là hàng hóa của đại lý.
- (2) Bất kỳ đạn dược nào mà đại lý sở hữu chiếu theo Đoạn 30312.
- (3) Bất kỳ đạn dược nào được cất giữ tại cơ sở kinh doanh của người có giấy phép.

ĐOẠN 8.15. Điều 4 (bắt đầu từ Đoạn 30370) được thêm vào Chương 1, Phần 10, Tựa Đề 4, Mục 6 của Bộ Luật Hình Sự, như sau:

Điều 4. Giấy Ủy Quyền Mua Đạn Dược

30370. (a) (1) Kể từ ngày 1 tháng Một, 2019, bất kỳ người nào từ 18 tuổi trở lên đều có thể đăng ký với Bộ Tư Pháp xin giấy ủy quyền mua đạn dược.

(2) Giấy ủy quyền mua đạn dược có thể được người được ủy quyền sử dụng để mua hoặc tìm cách chuyển giao quyền sở hữu đạn dược từ một đại lý đạn dược, thuật ngữ được định nghĩa trong Đoạn 16151, và sẽ không có giá trị hay hiệu lực khác.

(3) Giấy ủy quyền mua đạn dược sẽ có giá trị trong bốn năm kể từ ngày 1 tháng Bảy, 2019 hoặc ngày cấp, chọn ngày nào muộn hơn, trừ khi bị bộ hủy bỏ chiếu theo tiểu phần (b).

(b) Giấy ủy quyền mua đạn dược sẽ bị bộ hủy bỏ kịp thời khi xảy ra bất kỳ sự kiện nào mà khiến có giấy không đủ điều kiện được cấp giấy ủy quyền mua đạn dược chiếu theo đoạn này. Nếu giấy ủy quyền bị hủy bỏ, bộ sẽ chiếu theo yêu cầu bằng văn bản của người có giấy mà nêu các lý do làm vậy và cho phép người có giấy được khiếu nại để phản đối việc hủy bỏ đó.

(c) Bộ sẽ lập và duy trì một danh sách tập trung nội bộ về tất cả những người được ủy quyền mua đạn dược và sẽ kịp thời loại khỏi danh sách bất kỳ người nào có giấy ủy quyền bị bộ hủy bỏ chiếu theo đoạn này. Bộ sẽ cho phép truy cập danh sách các đại lý đạn dược nhằm mục đích tiến hành giao dịch buôn bán đạn dược hoặc chuyển giao khác và sẽ cho phép các cơ quan hành pháp truy cập danh sách nhằm mục đích thi hành pháp luật.

(d) Bộ sẽ cấp một giấy ủy quyền mua đạn dược cho người đăng ký nếu người đó đáp ứng tất cả điều kiện sau đây:

- (1) Người đăng ký từ 18 tuổi trở lên.
- (2) Người đăng ký không bị cấm mua hoặc sở hữu đạn được theo tiểu phần (a), Đoạn 30305 hoặc luật liên bang.
- (3) Người đăng ký nộp phí quy định trong tiểu phần (g).
- (e) (1) Sau khi nhận được đơn đăng ký lần đầu hoặc gia hạn, bộ sẽ kiểm tra hồ sơ của mình, và những hồ sơ mà bộ được ủy quyền yêu cầu từ Sở Bệnh Viện Tiểu Bang, chiếu theo Đoạn 8104, Bộ Luật An Sinh và Định Chế, và, nếu được ủy quyền, Hệ Thống Quốc Gia về Kiểm Tra Túc Thời Tiền Sử Tội Phạm, như được nêu trong Đoạn 922(t), Tựa Đề 18 của Bộ Luật Hoa Kỳ, để xác định xem người đăng ký có bị cấm sở hữu hoặc mua đạn được theo tiểu phần (a), Đoạn 30305 hoặc luật liên bang không.
- (2) Người đăng ký sẽ được phê chuẩn hoặc từ chối trong vòng 30 ngày kể từ ngày gửi đơn đăng ký cho bộ. Nếu giấy ủy quyền bị từ chối, bộ sẽ nêu các lý do làm vậy và cho phép người có giấy được khiếu nại để phản đối việc từ chối đó.
- (3) Nếu bộ không thể đưa ra câu trả lời cuối cùng về đơn đăng ký trong vòng 30 ngày kể từ ngày gửi, bộ sẽ phải cấp giấy ủy quyền cho người đăng ký.
- (4) Số giấy ủy quyền mua đạn được sẽ giống hệt số trên tài liệu mà người đó trình làm chứng cứ thiện ý về danh tính.
- (f) Bộ sẽ phải gia hạn giấy ủy quyền mua đạn được của một người trước khi hết hạn, với điều kiện bộ xác định rằng người đó không bị cấm mua hoặc sở hữu đạn được theo tiểu phần (a), Đoạn 30305 hoặc luật liên bang, và người đăng ký kịp thời nộp phí gia hạn nêu trong tiểu phần (g).
- (g) Bộ có thể tính một khoản phí hợp lý không quá năm mươi mỹ kim (\$50) mỗi người để cấp giấy ủy quyền mua đạn được hoặc cấp giấy ủy quyền gia hạn, tuy nhiên, bộ sẽ không được quy định những khoản phí này cao hơn mức cần thiết để trang trải các chi phí ước tính hợp lý để tài trợ cho chương trình cho phép mua đạn được được quy định trong đoạn này và Đoạn 30352, bao gồm việc triển khai chương trình này và bảo trì bất kỳ hệ thống dữ liệu nào gắn liền với chương trình này.
- (h) Theo đây, Quỹ Đặc Biệt về An Toàn và Thực Thi Mua Bán Đạn Được được lập trong Ngân Quỹ Tiểu Bang. Tất cả phí nhận được chiếu theo đoạn này sẽ được gửi vào Quỹ Đặc Biệt về An Toàn và Thực Thi Mua Bán Đạn Được thuộc Quỹ Tổng Quát, và, không kể Đoạn 13340 của Bộ Luật Chính Quyền, doanh thu trong quỹ này được phân bổ liên tục để bộ dùng cho mục đích triển khai, quản lý và thực thi chương trình ủy quyền mua đạn được theo quy định trong đoạn này và Đoạn 30352, và để hoàn trả khoản vay khởi đầu theo quy định trong Đoạn 30371.
- (i) Bộ sẽ tái xét hàng năm và có thể điều chỉnh tất cả các loại phí được quy định trong tiểu phần (g) do lạm phát.
- (j) Bộ được ủy quyền thông qua các quy định nhằm triển khai các điều khoản của đoạn này.
30371. (a) Theo đây, quyết định phân bổ hai mươi lăm triệu mỹ kim (\$25,000,000) từ Quỹ Tổng Quát làm khoản vay cho các chi phí ban đầu để triển khai, điều hành và thực thi các quy định của chương trình ủy quyền mua đạn được theo quy định trong các Đoạn 30352 và 30370.
- (b) Nhằm mục đích hoàn trả khoản vay, Kiểm soát viên sẽ, sau khi giải ngân số tiền cần thiết để triển khai, điều hành và thực thi các quy định của chương trình ủy quyền mua đạn được theo quy định trong các Đoạn 30352 và 30370, chuyển nhượng toàn bộ số tiền thu được từ các khoản phí mà Quỹ Đặc Biệt về An Toàn và Thực Thi Mua Bán Đạn Được nhận được cho đến giá trị của khoản

vay nêu trong đoạn này, bao gồm lãi ở mức lãi suất của tài khoản đầu tư tiền chung vốn, sang Quỹ Tổng Quát.

ĐOẠN 8.16. Điều 5 (bắt đầu từ Đoạn 30385) được thêm vào Chương 1, Phần 10, Tựa Đề 4, Mục 6 của Bộ Luật Hình Sự, như sau:

Điều 5. Giấy Phép Đại Lý Tiêu Thụ Đạn Được

30385. (a) Bộ Tư Pháp được ủy quyền cấp giấy phép đại lý tiêu thụ đạn được chiếu theo điều này. Kể từ ngày 1 tháng Bảy, 2017, bộ sẽ bắt đầu chấp nhận đơn đăng ký giấy phép đại lý tiêu thụ đạn được. Nếu đơn đăng ký bị từ chối, bộ sẽ có thông báo bằng văn bản cho người đăng ký về lý do từ chối.

(b) Giấy phép đại lý tiêu thụ đạn được sẽ được cấp theo mẫu do bộ quy định và sẽ có giá trị trong thời hạn là một năm. Bộ có thể thông qua các quy định để quản lý việc áp dụng và thi hành các quy định tại điều này. Giấy phép sẽ cho phép người có giấy phép bán đạn được tại địa điểm được quy định trong giấy phép hoặc ở các sự kiện hoặc triển lãm súng được nêu trong Đoạn 30348.

(c) (1) Trong trường hợp thực thể không phải tự nhiên nhân, bộ sẽ cấp giấy phép cho thực thể, nhưng sẽ yêu cầu người chịu trách nhiệm phải vượt qua kiểm tra lý lịch chiếu theo Đoạn 30395.

(2) Nhằm mục đích của điều này, "người chịu trách nhiệm" có nghĩa là người có quyền chỉ đạo việc quản lý, các chính sách và thực hành của thực thể liên quan tới đạn được.

(d) Kể từ ngày 1 tháng Một, 2018, người buôn bán súng được cấp giấy phép chiếu theo các Đoạn từ 26700 đến hết Đoạn 26915, sẽ tự động được coi là đại lý đạn được có giấy phép theo các yêu cầu của Điều 2 (bắt đầu từ Đoạn 30300) và Điều 3 (bắt đầu từ Đoạn 30342).

30390. (a) Bộ Tư Pháp có thể yêu cầu người đăng ký giấy phép đại lý tiêu thụ đạn được phải nộp một khoản phí hợp lý đủ để trang trải các chi phí ước tính hợp lý để sở quản lý chương trình giấy phép, bao gồm việc thi hành chương trình này và duy trì sổ đăng ký các đại lý đạn được.

(b) Các khoản phí mà bộ nhận được chiếu theo điều này sẽ được gửi vào Tài Khoản Đặc Biệt cho Đại Lý Tiêu Thụ Đạn Được, tài khoản được lập theo điều này. Không kể Đoạn 13340 của Bộ Luật Chính Quyền, doanh thu trong quỹ này được phân bổ liên tục để bộ dùng cho mục đích triển khai, quản lý và thực thi các điều khoản tại điều này, cũng như để thu thập và duy trì các thông tin được gửi chiếu theo Đoạn 30352.

(c) Doanh thu trong Quỹ Đặc Biệt về An Toàn và Thực Thi Mua Bán Súng cũng sẽ có thể được dùng khi phân bổ cho bộ nhằm mục đích triển khai và thực thi các điều khoản tại điều này.

30395. (a) Bộ Tư Pháp được ủy quyền cấp giấy phép đại lý tiêu thụ đạn được cho những người đăng ký mà bộ đã xác định, với tư cách cá nhân hoặc người chịu trách nhiệm, không bị cấm sở hữu, nhận, nắm giữ hoặc mua đạn được theo tiểu phần (a), Đoạn 30305 hoặc luật liên bang, và người cung cấp một bản sao của bất kỳ giấy phép luật định hoặc giấy phép kinh doanh nào theo yêu cầu của chính quyền địa phương, một giấy phép người bán hợp lệ do Hội Đồng Thuế Vụ cấp, một giấy phép phân phối súng liên bang nếu người đó được liên bang cấp phép, và một giấy chứng nhận đủ điều kiện do bộ cấp.

(b) Bộ sẽ lưu một sổ đăng ký về tất cả đại lý đạn được được cấp phép. Các cơ quan hành pháp sẽ được cho phép truy cập sổ đăng ký nhằm mục đích thực thi pháp luật.

(c) Giấy phép đại lý tiêu thụ đạn được có thể bị tước bỏ nếu vi phạm bất kỳ

điều cấm và yêu cầu nào tại Điều 2 (bắt đầu từ Đoạn 30300) hoặc Điều 3 (bắt đầu từ Đoạn 30342).

ĐOẠN 9. Không quy định nào trong Đạo Luật này sẽ ngăn chặn hoặc ưu tiên so với sắc lệnh ở địa phương mà áp đặt các hình phạt hoặc điều kiện bổ sung về việc bán hoặc chuyển giao đạn dược.

ĐOẠN 10. Thu Hồi Súng từ Người Bị Cấm.

ĐOẠN 10.1. Đoạn 1524 của Bộ Luật Hình Sự được tu chính như sau:

1524. (a) Một lệnh khám xét có thể được đưa ra dựa trên bất kỳ cơ sở nào sau đây:

- (1) Khi tài sản bị mất cắp hoặc biến thủ.
- (2) Khi tài sản hoặc vật dụng được sử dụng làm phương thức để mắc trọng tội.
- (3) Khi tài sản hoặc vật dụng thuộc sở hữu của bất kỳ người nào có ý định sử dụng chúng làm phương thức để vi phạm luật lệ chung, hoặc thuộc sở hữu của một người khác mà được giao tài sản hoặc vật dụng từ người này nhằm mục đích che dấu hoặc cản trở người khác phát hiện ra chúng.
- (4) Khi tài sản hoặc vật dụng cần bị tịch thu bao gồm một vật chứng hay cấu thành chứng cứ có thể chứng minh về một trọng tội đã xảy ra, hoặc có thể chứng minh rằng một người nào đó đã mắc trọng tội.
- (5) Khi tài sản hoặc vật dụng cần bị tịch thu bao gồm chứng cứ có thể chứng minh rằng một trường hợp khai thác tình dục với trẻ em, vi phạm Đoạn 311.3, hoặc sở hữu nội dung tái hiện hành vi tình dục của một người dưới 18 tuổi, vi phạm Đoạn 311.11, đã hoặc đang xảy ra.
- (6) Khi có lệnh bắt giữ một người.
- (7) Khi một nhà cung cấp dịch vụ truyền thông điện tử hoặc dịch vụ điện toán từ xa có hồ sơ hoặc chứng cứ, như được quy định trong Đoạn 1524.3, chứng minh rằng tài sản đã bị mất cắp hoặc biến thủ cấu thành tội tiểu hình, hoặc tài sản hoặc vật dụng thuộc sở hữu của bất kỳ người nào có ý định sử dụng chúng làm phương thức để vi phạm luật lệ chung mang tính chất của tội tiểu hình, hoặc thuộc sở hữu của một người khác mà được giao tài sản hoặc vật dụng từ người này nhằm mục đích che giấu hoặc cản trở người khác phát hiện ra chúng.
- (8) Khi tài sản hoặc vật dụng cần bị tịch thu bao gồm một vật chứng hay chứng cứ có thể chứng minh về một vi phạm Đoạn 3700.5 của Bộ Luật Lao Động, hoặc có thể chứng minh rằng một người nào đó đã vi phạm Đoạn 3700.5 của Bộ Luật Lao Động.
- (9) Khi tài sản hoặc vật dụng cần bị tịch thu bao gồm súng hoặc một vũ khí chết người khác tại hiện trường của, hoặc tại cơ sở là nơi ở hoặc thuộc kiểm soát của một người bị bắt giữ liên quan tới, một sự cố bạo lực gia đình có nguy cơ đối với tính mạng con người hoặc tấn công thân thể chiếu theo quy định trong Đoạn 18250. Đoạn này không ảnh hưởng tới các trường hợp tịch thu không có lệnh mà được cho phép theo Đoạn 18250.
- (10) Khi tài sản hoặc vật dụng cần bị tịch thu bao gồm súng hoặc một vũ khí chết người khác mà được sở hữu bởi, hoặc thuộc sở hữu, tạm giữ hoặc kiểm soát của một người được mô tả trong tiểu phần (a), Đoạn 8102 của Bộ Luật An Sinh và Định Chế.
- (11) Khi tài sản hoặc vật dụng cần bị tịch thu bao gồm súng mà được sở hữu bởi, hoặc thuộc sở hữu, tạm giữ hoặc kiểm soát của một người chịu các điều

cấm về súng chiếu theo Đoạn 6389 của Bộ Luật Gia Đình, nếu súng bị cấm được sở hữu bởi, hoặc thuộc sở hữu, tạm giữ hoặc kiểm soát của một người mà đã có lệnh bảo vệ chống lại người đó chiếu theo Đoạn 6218 của Bộ Luật Gia Đình, người này đã được tổng đạt lệnh đó một cách hợp pháp, và người này không nộp lại súng theo yêu cầu của pháp luật.

(12) Khi thông tin sẽ nhận được từ việc sử dụng thiết bị theo dõi cấu thành chứng cứ có thể chứng minh về một trọng tội, vi phạm có tính chất tội tiểu hình đối với Bộ Luật Thủy Sản và Thú Sản, vi phạm có tính chất tội tiểu hình đối với Bộ Luật Tài Nguyên Công Cộng đã hoặc đang xảy ra, có thể chứng minh rằng một người nào đó đã mắc trọng tội, vi phạm có tính chất tội tiểu hình đối với Bộ Luật Thủy Sản và Thú Sản, vi phạm có tính chất tội tiểu hình đối với Bộ Luật Tài Nguyên Công Cộng, hoặc đang mắc một trọng tội, vi phạm có tính chất tội tiểu hình đối với Bộ Luật Thủy Sản và Thú Sản, vi phạm có tính chất tội tiểu hình đối với Bộ Luật Tài Nguyên Công Cộng, hoặc sẽ trợ giúp trong việc định vị cá nhân là người đã hoặc đang vi phạm một trọng tội, vi phạm có tính chất tội tiểu hình đối với Bộ Luật Thủy Sản và Thú Sản, hoặc vi phạm có tính chất tội tiểu hình đối với Bộ Luật Tài Nguyên Công Cộng. Lệnh khám xét bằng thiết bị theo dõi được cấp chiếu theo đoạn này sẽ được ký lập theo cách thức đáp ứng các yêu cầu được quy định trong tiểu phần (b) của Đoạn 1534.

(13) Khi mẫu máu của một người cấu thành chứng cứ mà có thể chứng minh về một vi phạm đối với Đoạn 23140, 23152, hoặc 23153 của Bộ Luật Phương Tiện, và người mà được yêu cầu lấy mẫu từ chối yêu cầu của cảnh sát viên về thực hiện, hoặc không hoàn tất, xét nghiệm máu đang được yêu cầu tại Đoạn 23612 của Bộ Luật Phương Tiện, và mẫu sẽ được lấy từ người đó theo cách thức hợp lý và được phê chuẩn về mặt y tế. Đoạn này không nhằm mục đích hủy bỏ lệnh của tòa về xác định sự thích hợp của việc cấp lệnh khám xét trong từng trường hợp.

(14) Kể từ ngày 1 tháng Một, 2016, tài sản hoặc vật dụng cần bị tịch thu là súng hoặc đạn dược hoặc cả hai mà được sở hữu bởi, hoặc thuộc sở hữu, tạm giữ hoặc kiểm soát của một người là đối tượng của lệnh kiểm soát bạo lực liên quan tới súng mà đã được cấp chiếu theo Phần 3.2 (bắt đầu từ Đoạn 18100), Tựa Đề 2, Mục 6, nếu súng hoặc đạn dược bị cấm hoặc cả hai được sở hữu bởi, hoặc thuộc sở hữu, tạm giữ hoặc kiểm soát của một người được cấp lệnh kiểm soát bạo lực liên quan tới súng, người này đã được tổng đạt lệnh đó một cách hợp pháp, và người này không nộp lại súng theo yêu cầu của pháp luật.

(15) Kể từ ngày 1 tháng Một, 2018, tài sản hoặc vật dụng cần bị tịch thu là súng mà được sở hữu bởi, hoặc thuộc sở hữu, tạm giữ hoặc kiểm soát của một người là đối tượng của các điều cấm về súng chiếu theo Đoạn 29800 hoặc 29805, và tòa án đã có phát hiện chiếu theo đoạn (3) của tiểu phần (c), Đoạn 29810 rằng người này không nộp lại súng theo yêu cầu của pháp luật.

(15) (16) Khi tài sản hoặc vật dụng cần bị tịch thu là chất được kiểm soát, hoặc một thiết bị, dụng cụ, công cụ hay trang thiết bị được dùng một cách bất hợp pháp để sử dụng hoặc quản lý chất được kiểm soát chiếu theo thẩm quyền được mô tả trong Đoạn 11472, Bộ Luật Sức khỏe và An Toàn.

(16) (17) (A) Khi tất cả những điều sau đây đều áp dụng:

(i) Mẫu máu của một người cấu thành chứng cứ mà có thể chứng minh về một vi phạm đối với tiểu phần (b), (c), (d), (e) hoặc (f), Đoạn 655 của Bộ Luật Hải Cảng và Hải Hành.

(ii) Người mà đang được yêu cầu lấy mẫu từ chối yêu cầu của cảnh sát viên về thực hiện, hoặc không hoàn tất, xét nghiệm máu theo yêu cầu tại Đoạn 655.1 của Bộ Luật Hải Cảng và Hải Hành.

(iii) Mẫu sẽ được lấy từ người đó theo cách thức hợp lý và được phê chuẩn về mặt y tế.

(B) Đoạn này không nhằm mục đích hủy bỏ lệnh của tòa về xác định sự thích hợp của việc cấp lệnh khám xét trong từng trường hợp.

(b) Tài sản, vật dụng, người, hoặc những người được mô tả trong tiểu ban (a) có thể là đối tượng của lệnh từ bất kỳ nơi nào, hoặc từ bất kỳ người nào mà có thể sở hữu tài sản hoặc vật dụng đó.

(c) Không kể tiểu phần (a) hoặc (b), sẽ không cấp bất kỳ lệnh khám xét nào cho bất kỳ chứng cứ bằng tài liệu nào thuộc sở hữu hoặc dưới sự kiểm soát của bất kỳ người nào là một luật sư như định nghĩa trong Đoạn 950 của Bộ Luật Bằng Chứng, một bác sĩ như định nghĩa trong Đoạn 990 của Bộ Luật Bằng Chứng, một nhà tâm lý trị liệu như định nghĩa trong Đoạn 1010 của Bộ Luật Bằng Chứng, một thông sự như định nghĩa trong Đoạn 1030 của Bộ Luật Bằng Chứng, và người không có lý do hợp lý để bị nghi ngờ là đang hoặc đã tham gia vào hoạt động tội phạm liên quan tới chứng cứ bằng tài liệu mà lệnh được yêu cầu, trừ khi thủ tục sau đã được tuân theo:

(1) Tại thời điểm cấp lệnh, tòa sẽ bổ nhiệm một chuyên gia đặc biệt theo tiểu phần (d) để đi cùng với người sẽ tổng đạt lệnh. Sau khi tổng đạt lệnh, chuyên gia đặc biệt sẽ thông báo với bên được tổng đạt về những món vật cụ thể được tìm kiếm và rằng bên đó sẽ có cơ hội cung cấp những món vật được yêu cầu. Nếu theo đánh giá của chuyên gia đặc biệt, bên đó không cung cấp các món vật được yêu cầu, chuyên gia đặc biệt sẽ tiến hành khám xét tìm món vật ở những khu vực được chỉ định trong lệnh khám xét.

(2) (A) Nếu bên được tổng đạt nói rằng không được tiết lộ món vật hoặc các món vật thì chúng sẽ được chuyên gia đặc biệt niêm phong và đưa tới tòa để điều giải.

(B) Tại phiên điều giải, bên được khám xét sẽ có quyền nêu lên bất kỳ vấn đề nào mà có thể được nêu lên chiếu theo Đoạn 1538.5 cũng như kháng nghị cho rằng món vật hoặc các món vật đó có đặc quyền theo quy định của pháp luật. Phiên điều giải sẽ được tổ chức ở tòa thượng thẩm. Tòa sẽ dành đủ thời gian cho các bên mời luật sư và thực hiện các động thái hoặc xuất trình chứng cứ. Phiên điều giải sẽ được tổ chức trong vòng ba ngày kể từ khi tổng đạt lệnh trừ khi tòa đưa ra phát hiện rằng không thể thực hiện xúc tiến điều giải. Trong trường hợp đó, vấn đề sẽ được điều giải tại thời điểm sớm nhất có thể.

(C) Nếu một hoặc các món vật được đưa tới tòa để điều giải, bất kỳ giới hạn nào về thời gian theo quy định trong Chương 2 (bắt đầu từ Đoạn 799), Tựa Đề 3, Mục 2 sẽ được tính từ thời điểm tịch thu cho tới khi có kết luận điều giải cuối cùng, bao gồm bất kỳ trát hay biên bản lưu kháng cáo đi kèm nào.

(3) Bất cứ khi nào có thể thực hiện được, lệnh sẽ được tổng đạt trong giờ làm việc bình thường. Ngoài ra, lệnh sẽ được tổng đạt cho bên có vẻ như sở hữu hoặc kiểm soát các món vật được tìm kiếm. Nếu sau những nỗ lực hợp lý mà bên tổng đạt lệnh không thể định vị được người đó, chuyên gia đặc biệt sẽ niêm phong và gửi lại tòa để tòa quyết định bất kỳ món vật nào mà có vẻ như có đặc quyền theo quy định của pháp luật.

(d) (1) Khi được sử dụng trong đoạn này, "chuyên gia đặc biệt" là một luật sư có tư cách thành viên uy tín trong Hội Luật Gia Tiểu Bang California và đã

được chọn từ một danh sách các luật sư đủ điều kiện do Hội Luật Gia Tiểu Bang lưu giữ đặc biệt cho mục đích tiến hành việc khám xét nêu trong đoạn này. Những luật sư này sẽ phục vụ mà không nhận thù lao. Chuyên gia đặc biệt sẽ được coi là một nhân viên chính phủ, và thực thể chính quyền cho cấp lệnh khám xét sẽ được coi là cơ quan tuyển dụng của chuyên gia đặc biệt và thực thể công có liên quan, nhằm mục đích của Phần 3.6 (bắt đầu từ Đoạn 810), Tựa Đề 1 của Bộ Luật Chính Quyền, liên quan tới những khiếu nại và hành động chống lại thực thể công và nhân viên chính phủ. Khi lựa chọn chuyên gia đặc biệt, tòa sẽ thực hiện mọi nỗ lực hợp lý để đảm bảo rằng người được chọn không có mối quan hệ với bất kỳ bên nào có liên quan tới vấn đề đang xét xử. Thông tin mà chuyên gia đặc biệt thu được sẽ là thông tin bảo mật và không được tiết lộ trừ khi để trả lời trực tiếp truy vấn của tòa.

(2) Trong bất kỳ trường hợp nào mà thẩm phán xác định rằng, sau khi những nỗ lực hợp lý đã được thực hiện để tìm ra một người đứng đầu đặc biệt, nhưng không tìm ra được người nào hoặc chưa thể tìm ra một người như vậy trong một khoảng thời gian hợp lý, thẩm phán có thể chỉ đạo bên này xin lệnh để tiến hành việc tìm kiếm theo cách thức được mô tả trong đoạn này thay cho việc tìm người đứng đầu đặc biệt.

(e) Bất kỳ tìm kiếm nào được tiến hành theo quy định của đoạn này bởi người đứng đầu đặc biệt có thể được tiến hành theo cách cho phép bên thi hành lệnh hoặc người được chỉ định của bên này theo sát người đứng đầu đặc biệt khi người này tiến hành tìm kiếm của mình. Tuy nhiên, bên này hoặc người được chỉ định của họ có thể không tham gia vào việc tìm kiếm hay cũng không xem xét bất kỳ vật nào được tìm kiếm bởi người đứng đầu đặc biệt trừ khi có thỏa thuận của bên đó về việc thi hành lệnh.

(f) Như được sử dụng trong đoạn này, "tài liệu chứng cứ" bao gồm, nhưng không giới hạn, bài viết, tài liệu, đồ án, bản vẽ, hình ảnh, bản in máy tính, vi phim, phim chụp X-quang, các tập tin, sơ đồ, sổ, sách, băng, bản ghi âm thanh và video, phim ảnh và các giấy tờ thuộc bất kỳ loại hoặc mô tả nào.

(g) Không lệnh nào được ban hành đối với bất kỳ vật nào hoặc những vật nào được mô tả trong Đoạn 1070 của Luật Chứng Cứ.

(h) Bất kể có luật nào khác, không có khiếu nại về người được ủy quyền đối với các sản phẩm như mô tả trong Chương 4 (bắt đầu từ Đoạn 2018.010) Tựa Đề 4 của Phần 4 của Bộ Luật về Thể Thức Dân Sự phải được duy trì, trong trường hợp có nguyên nhân hợp lý để tin rằng luật sư tham gia hoặc đã tham gia vào hoạt động tội phạm liên quan đến các tài liệu chứng cứ theo đó một lệnh được đưa ra trừ khi việc đó được ban hành tại buổi điều trần liên quan đến các tài liệu chứng cứ thu giữ theo lệnh mà theo đó luật sư đã không tìm kiếm hay được bắt đầu hoặc hỗ trợ bất cứ ai phạm tội hoặc có kế hoạch phạm tội hay gian lận.

(i) Không quy định nào trong đoạn này nhằm hạn chế khả năng của người được ủy quyền tiến hành một buổi điều trần có quay phim chiếu theo quy định của Pháp Viện Tối Cao tại California về Công Dân với Tòa Thượng Thẩm (Laff) (2001) 25 Cal.4th 703.

(j) Ngoài bất kỳ trường hợp nào khác cho phép một thẩm phán để đưa ra lệnh đối với một người hoặc tài sản ở quận khác, khi tài sản hoặc đồ vật được thu giữ bao gồm bất kỳ vật nào hay bằng chứng cấu thành cho thấy có xu hướng vi phạm Đoạn 530.5, thẩm phán có thể ra lệnh tìm kiếm một người hoặc tài sản nằm ở quận khác nếu người có thông tin nhận dạng đó cư trú trong cùng một quận với tòa án ban hành lệnh.

(k) Đoạn này sẽ không được hiểu là tạo ra một nguyên nhân hành động chống lại bất kỳ công ty nước ngoài hay California nào, các cán bộ, nhân viên, đại lý hoặc những người khác được đề cập tới để cung cấp thông tin địa điểm.

ĐOẠN 10.2. Đoạn 27930 của Bộ Luật Hình Sự được tu chính như sau:

27930. Đoạn 27545 không được áp dụng cho việc giao, chuyển nhượng hoặc hoàn trả vũ khí chiếu theo bất kỳ điều nào sau đây:

- (a) Các đoạn 18000 và 18005.
- (b) Phần 4 (bắt đầu từ Đoạn 18250) của Tựa Đề 2.
- (c) Chương 2 (bắt đầu từ Đoạn 33850) của Phần 11.
- (d) Các đoạn 34005 và 34010.

(e) *Đoạn 29810.*

ĐOẠN 10.3. Đoạn 29810 của Bộ Luật Hình Sự được tu chính như sau:

29810. (a) Đối với bất kỳ người nào phải tuân thủ theo quy định của Đoạn 29800 hoặc 29805, tòa án sẽ, đồng thời khi thực thi phán quyết, cung cấp một mẫu thông báo của Bộ Tư pháp cho bị cáo bị cấm sở hữu, mua, nhận, chiếm hữu hoặc đang lưu giữ, kiểm soát, bất kỳ loại vũ khí nào theo quy định của chương này. Thông báo sẽ cho bị cáo biết về lệnh cấm liên quan đến vũ khí và bao gồm một mẫu hướng dẫn việc chuyển giao vũ khí. Nếu việc cấm sở hữu hoặc chiếm hữu súng hết hạn vào một thời điểm nhất định trong lệnh của tòa án, mẫu này phải thông báo cho bị cáo rằng người này có thể chọn chuyển giao vũ khí của mình cho một đại lý vũ khí được cấp phép theo quy định của Đoạn 29830.

(b) Việc không gửi thông báo như mô tả trong tiểu mục (a) sẽ không bị buộc tội là vi phạm chương này.

(c) *Đoạn này sẽ không còn hiệu lực từ ngày 1 tháng Một, 2018.*

ĐOẠN 10.4. Đoạn 29810 được thêm vào Bộ Luật Hình Sự, như sau:

29810. (a) (1) Sau khi bất kỳ người nào được kết tội theo Đoạn 29800 hoặc Đoạn 29805, người này sẽ từ bỏ tất cả vũ khí mình sở hữu, chiếm hữu hoặc lưu giữ, kiểm soát của mình theo cách thức quy định trong đoạn này.

(2) Tòa án, khi kết tội bị cáo cho một hành vi phạm tội được mô tả trong tiểu mục (a), sẽ cho bị cáo biết rằng người này đang bị cấm sở hữu, mua, nhận, chiếm hữu hoặc có quyền lưu giữ, kiểm soát bất kỳ vũ khí, đạn dược và thiết bị sử dụng đạn, bao gồm nhưng không giới hạn ổ đạn, và ra lệnh cho bị cáo từ bỏ tất cả vũ khí theo cách thức quy định trong đoạn này. Tòa án cũng sẽ cung cấp cho bị cáo Mẫu Từ Bỏ Vũ Khí Dành Cho Người Bị Cấm Sử Dụng do Bộ Tư Pháp ban hành.

(3) Sử dụng Mẫu Từ Bỏ Vũ Khí Dành Cho Người Bị Cấm Sử Dụng, bị cáo sẽ nêu tên một người được chỉ định và trao cho người này giấy ủy quyền nhằm mục đích chuyển giao hoặc xử lý bất kỳ vũ khí nào. Người được chỉ định sẽ là một cơ quan thực thi pháp luật địa phương hoặc một bên thứ ba chấp thuận tiếp nhận mà không bị cấm sở hữu vũ khí theo luật tiểu bang hay liên bang. Người được chỉ định trong thời hạn quy định chiếu theo các tiểu mục (d) và (e), sẽ giao lại các vũ khí để được kiểm soát bởi cơ quan thực thi pháp luật địa phương; bán vũ khí cho một đại lý vũ khí được cấp phép; hoặc chuyển giao vũ khí để được lưu trữ bởi một đại lý vũ khí theo Đoạn 29830.

(b) Mẫu Từ Bỏ Vũ Khí Dành Cho Người Bị Cấm Sử Dụng sẽ quy định những điều sau đây:

(1) Thông báo cho bị cáo rằng người này bị cấm sở hữu, mua, nhận, chiếm hữu hoặc có quyền lưu giữ hoặc kiểm soát bất kỳ vũ khí, đạn dược và các thiết bị sử dụng đạn dược, bao gồm nhưng không giới hạn ổ đạn, và rằng người này phải từ bỏ tất cả vũ khí thông qua một người được chỉ định trong thời hạn quy định tại tiểu mục (d) hoặc (e) bằng cách từ bỏ các vũ khí để trao quyền kiểm soát cho cơ quan thực thi pháp luật địa phương, bán vũ khí cho một đại lý vũ khí được cấp phép, hoặc chuyển giao vũ khí để được lưu trữ bởi một đại lý vũ khí theo Đoạn 29830.

(2) Thông báo cho bị cáo rằng bất kỳ người nào sống chung với bị cáo mà sở hữu vũ khí phải lưu giữ những vũ khí đó phù hợp với Đoạn 25135.

(3) Yêu cầu bị cáo phải khai báo bất kỳ vũ khí nào mà mình sở hữu, chiếm hữu hoặc đang lưu giữ, kiểm soát tại thời điểm bị kết án, và yêu cầu bị cáo mô tả các vũ khí cũng như cung cấp tất cả các thông tin hợp lý hiện có về vị trí của các vũ khí để giúp người được chỉ định hoặc cán bộ của cơ quan thực thi pháp luật xác định được vị trí của các vũ khí.

(4) Yêu cầu bị cáo nêu tên một người được chỉ định, nếu bị cáo tuyên bố rằng mình sở hữu, chiếm hữu, hoặc đang lưu giữ, kiểm soát bất kỳ vũ khí nào tại thời điểm bị kết án, đồng thời trao cho người này giấy ủy quyền nhằm mục đích chuyển giao hoặc xử lý bất kỳ vũ khí nào.

(5) Yêu cầu người được chỉ định đưa ra chấp thuận của mình về việc được chỉ định và tuyên bố theo hình phạt về tội khai man rằng người đó không bị cấm sở hữu bất kỳ vũ khí nào theo luật tiểu bang hay liên bang, trừ trường hợp người được chỉ định là một cơ quan thực thi pháp luật.

(6) Yêu cầu người được chỉ định nêu rõ ngày mà mỗi vũ khí được từ bỏ và tên của bên tiếp nhận vũ khí đó đính kèm biên lai từ cán bộ thực thi pháp luật hoặc đại lý vũ khí được cấp phép đã sở hữu các vũ khí được từ bỏ.

(7) Thông báo cho bị cáo và người được chỉ định nghĩa vụ nộp Mẫu Từ Bỏ Vũ Khí Dành Cho Người Bị Cấm Sử Dụng đã hoàn thành cho viên chức quản chế được chỉ định trong thời hạn quy định tại các tiểu mục (d) và (e).

(c) (1) Khi bị cáo bị kết án một hành vi phạm tội được mô tả trong tiểu mục (a), Tòa án ngay lập tức sẽ giao vấn đề này cho một viên chức quản chế để điều tra xem liệu các Hệ Thống Vũ Khí Tự Động hoặc các thông tin đáng tin cậy khác, chẳng hạn như một báo cáo của cảnh sát, có tiết lộ rằng bị cáo sở hữu, chiếm hữu, hoặc lưu giữ, kiểm soát bất kỳ vũ khí nào hay không. Viên chức quản chế được chỉ định sẽ tiếp nhận Mẫu Từ Bỏ Vũ Khí Dành Cho Người Bị Cấm Sử Dụng từ bị cáo hoặc người được chỉ định của bị cáo, như được áp dụng, và đảm bảo rằng các Hệ Thống Vũ Khí Tự Động đã được cập nhật đúng để chỉ ra rằng bị cáo đã từ bỏ những vũ khí đó.

(2) Trước khi đưa ra xử lý cuối cùng hoặc kết án trong vụ kiện, viên chức quản chế được chỉ định có trách nhiệm báo cáo cho tòa án xem bị cáo có tuân thủ đúng các yêu cầu của đoạn này bằng cách từ bỏ tất cả các vũ khí được xác định qua quá trình điều tra của viên chức quản chế hoặc kê khai bởi bị cáo trên Mẫu Từ Bỏ Vũ Khí Dành Cho Người Bị Cấm Sử Dụng và nộp Mẫu Từ Bỏ Vũ Khí Dành Cho Người Bị Cấm Sử Dụng đúng thời hạn hay không. Viên chức quản chế cũng phải báo cáo với Bộ Tư Pháp theo một mẫu do Bộ ban hành về việc Hệ Thống Vũ Khí Tự Động đã được cập nhật để chỉ ra các vũ khí đã được bị cáo từ bỏ hay chưa.

(3) Trước khi đưa ra xử lý cuối cùng hoặc kết án trong vụ kiện, Tòa án phải điều tra đưa ra kết luận liên quan đến báo cáo của viên chức quản chế chỉ ra rằng bị cáo đã từ bỏ tất cả vũ khí theo yêu cầu, và tòa án đã nhận được Mẫu Từ Bỏ Vũ Khí Dành Cho Người Bị Cấm Sử Dụng đã hoàn thành hay chưa, cùng với biên lai

được mô tả trong khoản (1) của tiểu mục (d) hoặc khoản (1) của tiểu mục (e). Tòa án phải đảm bảo rằng những kết luận này có trong bản tóm tắt của bản án. Nếu cần thiết, để tránh chậm trễ trong tuyên án, tòa án có thể điều tra và đưa ra những kết luận này trong vòng 14 ngày kể từ ngày tuyên án.

(4) Nếu Tòa án thấy nguyên nhân có thể dẫn tới bị cáo không từ bỏ bất kỳ vũ khí nào theo yêu cầu thì Tòa án ra lệnh tìm kiếm và loại bỏ bất kỳ vũ khí tại bất kỳ vị trí nào mà thẩm phán có nguyên nhân hợp lý để tin là vũ khí của bị cáo được đặt ở đó. Tòa án phải nêu những lý do cụ thể và phạm vi tìm kiếm và thu giữ được ủy quyền của lệnh này.

(5) Việc bị cáo chậm nộp Mẫu Từ Bỏ Vũ Khí Dành Cho Người Bị Cấm Sử Dụng cho viên chức quản chế được chỉ định sẽ cấu thành vi phạm bị phạt không quá một trăm mỹ kim (\$100).

(d) Các thủ tục sau đây được áp dụng cho bất kỳ bị cáo nào là một người bị cấm theo nghĩa quy định tại khoản (1) của tiểu mục (a) đó là những người không còn được lưu giữ tại bất kỳ thời điểm nào trong khoảng thời gian năm ngày kể từ khi bị tuyên án:

(1) Người được chỉ định phải xử lý bất kỳ vũ khí nào mà bị cáo sở hữu, chiếm hữu, hoặc lưu giữ, kiểm soát trong thời hạn năm ngày kể từ khi bị kết tội bằng cách hoàn trả lại các vũ khí để được kiểm soát bởi cơ quan thực thi pháp luật địa phương, bán vũ khí cho một đại lý vũ khí được cấp phép, hoặc chuyển giao vũ khí để được lưu trữ bởi một đại lý vũ khí theo Đoạn 29830, phù hợp với mong muốn của các bị cáo. Bất cứ khoản tiền nào thu được từ việc bán vũ khí sẽ trở thành tài sản của bị cáo. Viên chức thực thi pháp luật hoặc đại lý được cấp phép có quyền chiếm hữu bất kỳ vũ khí nào theo quy định của tiểu mục này phải cấp biên lai cho người được chỉ định trong đó mô tả vũ khí và liệt kê bất kỳ số sê-ri hoặc số nhận dạng khác về vũ khí tại thời điểm hoàn trả lại.

(2) Nếu bị cáo sở hữu, chiếm hữu, hoặc lưu giữ hay kiểm soát bất kỳ vũ khí nào mà buộc phải từ bỏ, người được chỉ định của bị cáo sẽ nộp Mẫu Từ Bỏ Vũ Khí Dành Cho Người Bị Cấm Sử Dụng cho viên chức quản chế được chỉ định trong vòng năm ngày sau khi bị kết án, cùng với các biên lai được mô tả trong khoản (1) của tiểu mục (d), trong đó cho thấy vũ khí của bị cáo đã được hoàn trả lại cho cơ quan thực thi pháp luật địa phương hoặc bán hay chuyển giao cho một đại lý vũ khí được cấp phép.

(3) Nếu bị cáo không sở hữu, chiếm hữu, hoặc lưu giữ hay kiểm soát bất kỳ vũ khí nào mà buộc phải từ bỏ, bị cáo, trong thời hạn năm ngày kể từ ngày bị tuyên án, phải nộp Mẫu Từ Bỏ Vũ Khí Dành Cho Người Bị Cấm Sử Dụng cho viên chức quản chế được chỉ định, với một tuyên bố khẳng định rằng mình không có vũ khí để hoàn trả lại.

(e) Các thủ tục sau đây được áp dụng cho bất kỳ cáo nào là một người bị cấm theo nghĩa quy định tại khoản (1) của tiểu mục (a) đó là những người không còn được lưu giữ tại bất kỳ thời điểm nào trong khoảng thời gian năm ngày kể từ khi bị tuyên án:

(1) Người được chỉ định phải xử lý bất kỳ vũ khí nào mà bị cáo sở hữu, chiếm hữu, hoặc lưu giữ, kiểm soát trong thời hạn 14 ngày kể từ khi bị kết tội bằng cách hoàn trả lại các vũ khí để được kiểm soát bởi cơ quan thực thi pháp luật địa phương, bán vũ khí cho một đại lý vũ khí được cấp phép, hoặc chuyển giao vũ khí để được lưu trữ bởi một đại lý vũ khí theo Đoạn 29830, phù hợp với mong muốn của các bị cáo. Bất cứ khoản tiền nào thu được từ việc bán vũ khí sẽ trở thành tài sản của bị cáo. Viên chức thực thi pháp luật hoặc đại lý được cấp phép có quyền chiếm hữu bất kỳ vũ khí nào theo quy định của tiểu mục này

phải cấp biên lai cho người được chỉ định trong đó mô tả vũ khí và liệt kê bất kỳ số sê-ri hoặc số nhận dạng khác về vũ khí tại thời điểm hoàn trả lại.

(2) Nếu bị cáo sở hữu, chiếm hữu, hoặc lưu giữ hay kiểm soát bất kỳ vũ khí nào mà buộc phải từ bỏ, người được chỉ định của bị cáo sẽ nộp Mẫu Từ Bỏ Vũ Khí Dành Cho Người Bị Cấm Sử Dụng cho viên chức quản chế được chỉ định trong vòng 14 ngày sau khi bị kết án, cùng với các biên lai được mô tả trong khoản (1) của tiểu mục (e), trong đó cho thấy vũ khí của bị cáo đã được hoàn trả lại cho cơ quan thực thi pháp luật địa phương hoặc bán hay chuyển giao cho một đại lý vũ khí được cấp phép.

(3) Nếu bị cáo không sở hữu, chiếm hữu, hoặc lưu giữ hay kiểm soát bất kỳ vũ khí nào mà buộc phải từ bỏ, bị cáo, trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày bị tuyên án, phải nộp Mẫu Từ Bỏ Vũ Khí Dành Cho Người Bị Cấm Sử Dụng cho viên chức quản chế được chỉ định, với một tuyên bố khẳng định rằng mình không có vũ khí để hoàn trả lại.

(4) Nếu bị cáo được thả không bị giam giữ trong vòng 14 ngày kể từ ngày bị kết án và một người được chỉ định chưa chiếm hữu tạm thời mỗi vũ khí phải hoàn trả lại như đã mô tả ở trên, bị cáo trong vòng năm ngày sau khi được thả phải hoàn trả mỗi vũ khí được yêu cầu trả lại theo khoản (1) của tiểu mục (d).

(f) Đối với lý do chính đáng, tòa án có thể rút ngắn hoặc kéo dài khoảng thời gian quy định tại các tiểu mục (d) và (e), kéo dài khoảng thời gian quy định tại khoản (3) của tiểu mục (c), hoặc cho phép áp dụng một phương pháp hoàn trả khác.

(g) Bị cáo sẽ không bị truy tố vì tàng trữ trái pháp luật bất kỳ vũ khí nào được kê khai trên Mẫu Từ Bỏ Vũ Khí Dành Cho Người Bị Cấm Sử Dụng nếu bị cáo từ bỏ các vũ khí theo yêu cầu.

(h) Bất kỳ vũ khí nào mà phải được bị cáo hoàn trả theo đoạn này, nhưng thuộc quyền sở hữu hợp pháp của một người sống chung với bị cáo, sẽ được miễn hoàn trả, với điều kiện là bị cáo được thông báo rằng người sống chung phải lưu trữ vũ khí phù hợp với Đoạn 25135.

(i) Một cơ quan thực thi pháp luật sẽ phải cập nhật Hệ Thống Vũ Khí Tự Động nhằm thể hiện rằng các vũ khí đã được hoàn trả cho cơ quan này chiếu theo đoạn này. Một cơ quan thực thi pháp luật sẽ lưu giữ vũ khí được hoàn trả cho cơ quan này chiếu theo đoạn này trong 30 ngày kể từ ngày vũ khí được hoàn trả. Sau khi thời hạn 30 ngày hết hạn, các vũ khí phải được cơ quan này tiêu hủy, sử dụng, bán hoặc chuyển nhượng, trừ khi có giấy chứng nhận của một thẩm phán của tòa án đối với hồ sơ hoặc của luật sư quận, nêu lên rằng việc lưu giữ những vũ khí đó là cần thiết hoặc thích hợp để đạt được công lý, hoặc nếu bị cáo nộp văn bản thông báo về ý định kháng cáo lại kết tội đối với một hành vi phạm tội được mô tả trong tiểu mục (a), hoặc nếu Hệ Thống Vũ Khí Tự Động cho thấy rằng vũ khí được chủ sở hữu hợp pháp báo cáo bị mất hoặc bị đánh cắp. Nếu vũ khí được báo cáo bị mất hoặc bị đánh cắp thì vũ khí sẽ được hoàn trả cho chủ sở hữu hợp pháp, ngay sau khi vai trò của nó được sử dụng như là bằng chứng đã hoàn thành, sau khi chủ sở hữu hợp pháp nhận dạng vũ khí và nộp bằng chứng về quyền sở hữu, và sau khi cơ quan thực thi pháp luật đã thực hiện các quy định của Chương 2 (bắt đầu với Đoạn 33850) của Phần 11, Tựa Đề 4. Cơ quan này sẽ thông báo cho Bộ Tư Pháp về việc xử lý các vũ khí được hoàn trả chiếu theo Đoạn 34010.

(j) Một cơ quan của thành phố, quận hoặc thành phố và quận có thể áp dụng một quy định, pháp lệnh hoặc ới phí tổn điều hành liên quan đến việc lưu giữ quyết để tính một khoản phí bằng v giữ, tịch thu, lưu trữ hoặc hoàn trả vũ khí

chiếu theo Đoạn 33880.

(k) *Đoạn này sẽ có hiệu lực từ ngày 1 tháng Một, 2018.*

ĐOẠN 11. Trộm Cấp Vũ Khí.

ĐOẠN 11.1. Đoạn 490.2 của Bộ Luật Hình Sự được tu chính như sau:

(a) Mặc dù có Đoạn 487 hay bất cứ một điều khoản luật nào khác định nghĩa tội trộm cấp lớn, việc thủ lợi bất cứ một tài sản nào bằng cách trộm cấp mà giá trị của số tiền, công lao động, bất động sản hay tài sản riêng bị lấy không quá chín trăm năm mươi mốt kim (\$950) sẽ bị xem như là trộm cấp vật và sẽ bị trừng phạt như tội tiểu hình, trừ khi thay vì vậy người đó có thể bị trừng phạt chiếu theo tiểu phần (h) của Đoạn 1170 nếu trước đó người đó đã từng bị kết án một tội hoặc nhiều tội cho sự vi phạm quy định trong mệnh đề (iv) của tiểu đoạn (C) của đoạn (2) của tiểu phần (e) của Đoạn 667 hoặc cho một sự vi phạm cần phải ghi danh chiếu theo tiểu phần (c) của Đoạn 290.

(b) Đoạn này không áp dụng cho bất cứ trường hợp trộm cấp nào có thể bị buộc tội như một sự vi phạm chiếu theo bất cứ một điều khoản luật nào khác.

(c) *Đoạn này sẽ không được áp dụng cho trộm cấp vũ khí.*

ĐOẠN 11.2. Đoạn 29805 của Bộ Luật Hình Sự được tu chính như sau:

29805. Trừ trường hợp như được quy định tại Đoạn 29855 hoặc tiểu mục (a) của Đoạn 29800, bất kỳ người nào được kết án vi phạm tiểu mục của Đoạn 71, 76, 136.1, 136.5, hoặc 140, tiểu mục (d) của Đoạn 148, Đoạn 171b, khoản (1) của tiểu mục (a) của Đoạn 171c, 171d, 186.28, 240, 241, 242, 243, 243.4, 244.5, 245, 245.5, 246.3, 247, 273.5, 273.6, 417, 417.6, 422, 626.9, 646.9, hoặc 830.95, tiểu mục (a) của Đoạn 12100 cũ, khi đoạn đó được áp dụng bất cứ khi nào kể từ khi nó có hiệu lực theo Đoạn 3 của Chương 1386 của Đạo Luật 1988 cho đến khi nó được thay thế bởi Đoạn 18 của Chương 23 của Đạo Luật 1994, Đoạn 17500, 17510, 25300, 25800, 30315, hoặc 32625, tiểu mục (b) hoặc (d) của Đoạn 26100, hoặc Đoạn 27510, hoặc Đoạn 8100, 8101, hoặc 8103 của Bộ Luật Phúc Lợi và Định Chế, bất kỳ tội liên quan đến vũ khí nào chiếu theo Đoạn 871.5 và 1001.5 của Bộ Luật Phúc Lợi và Định Chế, *Đoạn 490.2 nếu tài sản bị thu giữ là vũ khí*, hoặc việc thực hiện hình phạt như tại tiểu mục (c) của Đoạn 27590, và người, trong thời hạn 10 năm bị kết án, sở hữu, mua, nhận hoặc chiếm hữu, lưu giữ hoặc kiểm soát bất kỳ vũ khí nào có tội đối với một tội gây hại cho cộng đồng, sẽ bị phạt tù trong một nhà tù của quận không quá một năm hoặc trong nhà tù của tiểu bang; bị phạt tiền không quá một nghìn mỹ kim (\$1,000), hoặc vừa bị phạt tù vừa bị phạt tiền. Tòa án sẽ thông báo cho Bộ Tư Pháp về những người phải tuân thủ quy định của đoạn này theo các mẫu do Bộ Tư Pháp yêu cầu. Tuy nhiên, lệnh cấm theo đoạn này có thể được giảm nhẹ, xóa bỏ hoặc dựa trên cơ sở có điều kiện như được quy định tại Đoạn 29855 hoặc 29860.

ĐOẠN 12. Các Tiêu Chuẩn Tạm Thời.

Mặc dù có Luật Thủ Tục Hành Chính (Administrative Procedure Act, hay APA), và để tạo thuận lợi cho việc triển khai thực hiện kịp thời Đạo Luật An Toàn Cho Mọi Người năm 2016, Bộ Tư pháp California có thể áp dụng các tiêu chuẩn tạm thời mà không cần phù hợp với các thủ tục quy định trong APA. Các tiêu chuẩn tạm thời sẽ có hiệu lực không quá hai năm, và có thể được thay thế sớm hơn bởi các dự luật được áp dụng chiếu theo APA. "Các tiêu chuẩn tạm thời" có nghĩa là các tiêu chuẩn tạm thời đóng vai trò như là "quy định khẩn cấp" theo Luật Thủ Tục Hành Chính (Chương 3.5 (bắt đầu từ Đoạn 11340) của Mục 1 của Phần 3 của Tựa Đề 2 của Bộ Luật Chính Phủ), trừ trường hợp nhằm

mang lại cơ hội lớn hơn cho việc lấy ý kiến công khai về các quy luật lâu dài, các tiêu chuẩn tạm thời có thể có hiệu lực trong hai năm thay vì 180 ngày.

ĐOẠN 13. Tu Chính Dự Luật.

Đạo luật này sẽ được diễn giải theo cách bao quát để thực hiện mục đích của nó. Các quy định của dự luật này có thể được tu chính thông qua một cuộc bỏ phiếu với sự đồng ý của 55 phần trăm thành viên của mỗi cơ quan Lập pháp và được ký duyệt bởi Thống đốc miễn là những tu chính đó phù hợp với và củng cố mục tiêu của Đạo luật này.

ĐOẠN 14. Các Dự Luật Mâu Thuẫn.

(a) Trong trường hợp mà dự luật này và một dự luật khác khi cùng quy định về một vấn đề, bao gồm nhưng không giới hạn quy định về việc bán hoặc sở hữu vũ khí hay đạn dược, đều xuất hiện trên lá phiếu trên toàn tiểu bang thì các quy định của dự luật hoặc các dự luật khác sẽ được coi là mâu thuẫn với dự luật này. Trong trường hợp mà dự luật này nhận được số lượng phiếu thuận lớn hơn so với một dự luật được coi là có mâu thuẫn với nó thì các quy định của dự luật này sẽ được ưu tiên áp dụng nguyên trạng và dự luật hoặc các dự luật khác sẽ vô hiệu.

(b) Nếu dự luật này được cử tri phê chuẩn nhưng bị thay thế bởi một đạo luật hoặc bất cứ một dự luật mâu thuẫn nào khác được cử tri phê chuẩn trong cùng một kỳ bầu cử, và dự luật mâu thuẫn được đưa vào lá phiếu đó về sau bị xem là bất hợp lệ, thì dự luật này sẽ có tác dụng ngay và hoàn toàn có tác dụng và hiệu lực.

ĐOẠN 15. Tính Cách Tách Biệt.

Nếu có bất cứ một điều khoản nào của dự luật này, hay phần nào của dự luật này, hoặc sự áp dụng bất cứ một điều khoản nào hay phần nào cho bất cứ người nào hay hoàn cảnh nào, vì bất cứ một lý do gì bị xem là bất hợp lệ, thì những điều khoản còn lại, hoặc sự áp dụng những điều khoản đó, sẽ không bị ảnh hưởng, nhưng sẽ vẫn hoàn toàn có hiệu lực và tác dụng, và theo ý nghĩa này những điều khoản của dự luật này có tính cách tách biệt.

ĐOẠN 16. Hiệu Lực của Luật.

Mặc dù có quy định khác của pháp luật, nếu Tiểu Bang, cơ quan chính phủ hoặc bất kỳ quan chức nào của các cơ quan này không để bảo vệ tính hợp hiến của Đạo luật này, sau khi nó được phê chuẩn bởi các cử tri, bất kỳ người đứng đầu nào khác của chính phủ, người đề xuất, hoặc nếu họ vắng mặt thì bất kỳ công dân của Tiểu Bang này sẽ có quyền can thiệp vào bất kỳ vụ kiện của tòa án nào chống lại tính hợp hiến của Đạo luật này nhằm mục đích bảo vệ tính hợp hiến của nó, cho dù vụ kiện đó là tại tòa án sơ thẩm, phúc thẩm, hoặc theo xét xử tùy ý của Tòa án tối cao California hay Tòa án Tối cao Hoa Kỳ. Các lệ phí và chi phí hợp lý để bào chữa trong vụ kiện sẽ được tính vào quỹ thích hợp của Sở Tư Pháp, trong đó phải được đóng kịp thời.

DỰ LUẬT 64

Dự luật tiên khởi này được đệ trình với người dân phù hợp với những điều khoản của Đoạn 8 Điều II của Hiến Pháp California.

Dự luật tiên khởi này tu chính, bãi bỏ, và bổ sung một số đoạn vào Bộ Luật Kinh Doanh và Nghề Nghiệp, Bộ Luật Thực Phẩm Và Nông Nghiệp, Bộ Luật Sức Khỏe Và An Toàn, Bộ Luật Lao Động, Bộ Luật Thu Nhập Và Thuế Vụ, và Bộ Luật Nước; do đó, các điều khoản hiện hữu được đề nghị xóa bỏ thì được in bằng kiểu chữ có gạch ngang và các điều khoản mới được đề nghị thêm vào thì sẽ được in theo kiểu chữ nghiêng để cho biết đó là những điều khoản mới.

DỰ LUẬT ĐỀ NGHỊ

ĐOẠN 1. Tựa Đề.

Dự luật này sẽ được biết đến và có thể được trích dẫn tên gọi là Đạo Luật Kiểm Soát, Quản Lý và Đánh Thuế Việc Sử Dụng Cẩn Sa Cho Người Trưởng Thành ("Đạo Luật Cẩn Sa Cho Người Trưởng Thành Sử Dụng").

ĐOẠN 2. Kết Luận và Tuyên Bố.

A. Hiện tại ở California, việc sử dụng cẩn sa không vì mục đích y khoa thì không được quản lý, không bị đánh thuế, và diễn ra mà không có bất cứ sự bảo vệ nào cho người tiêu dùng hoặc môi trường. Đạo Luật Kiểm Soát, Quản Lý và Đánh Thuế Việc Sử Dụng Cẩn Sa Của Người Trưởng Thành sẽ hợp thức hóa cẩn sa cho những người trên 21 tuổi, bảo vệ trẻ em, và thiết lập luật pháp để quản lý việc trồng, phân phối, buôn bán và sử dụng cẩn sa, và sẽ bảo vệ người dân California và môi trường khỏi những mối nguy hiểm tiềm tàng. Đạo luật sẽ thiết lập Ban Kiểm Soát Cẩn Sa trong Bộ Bảo Vệ Người Tiêu Dùng để quản lý và cấp giấy phép cho ngành cẩn sa.

B. Hiện tại ở tiểu bang của chúng ta cẩn sa là hợp pháp nếu sử dụng cho mục đích y khoa và bất hợp pháp cho sử dụng không vì mục đích y khoa. Sự lạm dụng hệ thống cẩn sa y khoa tại California từ lâu đã là vấn đề rộng khắp, nhưng văn bản pháp luật thuộc hai đảng chính trị mới đây được ký bởi Thống Đốc Jerry Brown đang thiết lập một kế hoạch quản lý toàn diện đối với cẩn sa y khoa. Đạo Luật Kiểm Soát, Quản Lý và Đánh Thuế Việc Sử Dụng Cẩn Sa Cho Người Trưởng Thành (sau đây được gọi tắt là Đạo Luật Cẩn Sa Cho Người Trưởng Thành Sử Dụng) sẽ củng cố và đơn giản hóa quy định và việc đánh thuế cho cả cẩn sa y khoa và cẩn sa không vì mục đích y khoa.

C. Hiện tại, việc trồng và buôn bán cẩn sa không bị Tiểu Bang California đánh thuế, điều đó có nghĩa là tiểu bang của chúng ta đang thất thoát hàng trăm triệu mỹ kim tiền thu thuế tiềm tàng mỗi năm. Đạo Luật Cẩn Sa Cho Người Trưởng Thành Sử Dụng sẽ đánh thuế cả việc trồng và buôn bán cẩn sa để tạo ra hàng trăm triệu mỹ kim hàng năm. Tiền thu nhập sẽ trang trải cho chi phí điều hành luật mới và sẽ cung cấp ngân quỹ cho: đầu tư vào các chương trình y tế công cộng giúp giáo dục giới trẻ ngăn ngừa và điều trị chứng nghiện chất kích thích nghiêm trọng; huấn luyện ngành công lực địa phương để thi hành luật mới chú trọng đến việc thi hành DUI; đầu tư vào các cộng đồng để giảm tình trạng thị trường phi pháp và tạo ra các cơ hội việc làm; và cung cấp cho việc làm vệ sinh môi trường và phục hồi đất công cộng bị hủy hoại do việc trồng cẩn sa phi pháp.

D. Hiện tại, trẻ em dưới 18 tuổi, có thể mua cẩn sa ở chợ đen dễ dàng như người lớn mua. Bằng cách hợp thức hóa cẩn sa, Đạo Luật Cẩn Sa Cho Người Trưởng Thành Sử Dụng sẽ vô hiệu hóa chợ đen, và chuyển việc mua cẩn sa vào một công trình cấu trúc hợp pháp có các biện pháp bảo vệ nghiêm ngặt ngăn trẻ em đi vào. Đạo Luật Cẩn Sa Cho Người Trưởng Thành Sử Dụng ngăn cấm việc buôn bán cẩn sa không vì mục đích y khoa cho người dưới 21 tuổi, và cung cấp các nguồn trợ giúp mới để giáo dục thanh thiếu niên phòng tránh việc lạm dụng ma túy và huấn luyện lực lượng công lực địa phương để thi hành luật mới. Đạo luật này ngăn các cơ sở cẩn sa lập cơ sở trong phạm vi 600 feet quanh trường học và các khu vực khác nơi trẻ em tụ tập. Đạo luật thiết lập các đòi hỏi bắt buộc và nghiêm ngặt đối với việc đóng gói và dán nhãn cho cẩn sa và các sản phẩm cẩn sa. Và đạo luật quy định cấm quảng cáo hoặc tiếp thị cẩn sa và các sản phẩm cẩn sa hướng tới trẻ em.

E. Hiện tại không có luật pháp quản lý các cơ sở cẩn sa cho người trưởng

thành sử dụng để bảo đảm họ hoạt động phù hợp với luật pháp hiện hành của California. Người trưởng thành sử dụng cẩn sa chỉ có thể tiếp cận các thị trường phi pháp không có quản lý. Đạo Luật Cẩn Sa Cho Người Trưởng Thành Sử Dụng thiết lập một hệ thống toàn diện quản lý các cơ sở cẩn sa ở cấp tiểu bang và bảo vệ sự kiểm soát của địa phương, cho phép chính quyền địa phương quản lý các hoạt động liên quan cẩn sa, để buộc các cơ sở cẩn sa tuân theo các đòi hỏi về phân vùng và giấy phép, và để ngăn cấm các cơ sở cẩn sa bằng lá phiếu của người dân ở một địa phương.

F. Hiện tại, người trồng cẩn sa phi pháp cướp đi hoặc làm phân tán hàng triệu gallon nước mà không chịu trách nhiệm nào. Đạo Luật Cẩn Sa Cho Người Trưởng Thành Sử Dụng sẽ tạo ra các quy định môi trường nghiêm khắc để bảo đảm cẩn sa được trồng hiệu quả và hợp pháp, để quản lý việc sử dụng thuốc trừ sâu, để ngăn ngừa việc lãng phí nước, và để tối giảm việc sử dụng nước. Đạo Luật Cẩn Sa Cho Người Trưởng Thành Sử Dụng sẽ diệt trừ việc sử dụng nước phi pháp và sẽ trừng phạt những người vi phạm, đồng thời cung cấp ngân quỹ để phục hồi những mảnh đất đã bị hủy hoại bởi việc trồng cẩn sa phi pháp. Nếu một cơ sở không thể hiện họ tuân hành trọn vẹn luật sử dụng nước và môi trường áp dụng, họ sẽ bị thu hồi giấy phép.

G. Hiện tại, các tòa án bị tràn ngập các vụ kiện tội phạm ma túy bất bạo động. Bằng cách hợp thức hóa cẩn sa, Đạo Luật Cẩn Sa Cho Người Trưởng Thành Sử Dụng sẽ giảm bớt áp lực cho các tòa án, nhưng tiếp tục cho phép các công tố viên truy tố các tội nghiêm trọng nhất liên quan cẩn sa như các trọng tội, đồng thời giam bớt các hình phạt cho các tội nhỏ liên quan cẩn sa như đã ấn định trong đạo luật này.

H. Bằng việc đưa cẩn sa vào thị trường có quản lý và hợp pháp, Đạo Luật Cẩn Sa Cho Người Trưởng Thành Sử Dụng tạo ra một hệ thống minh bạch và có trách nhiệm. Điều này sẽ giúp cảnh sát diệt trừ chợ đen ngầm hiện tại đang sinh lợi cho các tổ hợp buôn ma túy bạo lực và các băng đảng xuyên quốc gia, những kẻ kiếm hàng tỷ từ việc buôn lậu cẩn sa và phá hoại an toàn công cộng.

I. Đạo Luật Cẩn Sa Cho Người Trưởng Thành Sử Dụng tạo ra một cấu trúc quản lý toàn diện trong đó tất cả cơ sở cẩn sa đều được giám sát bởi một tổ chức chuyên biệt có chuyên môn liên quan. Ban Kiểm Soát Cẩn Sa, thuộc Bộ Bảo Vệ Người Tiêu Thụ, sẽ giám sát toàn bộ hệ thống và bảo đảm một quá trình chuyển đổi thuận lợi sang thị trường hợp pháp, với các giấy phép sẽ được cấp bắt đầu từ năm 2018. Bộ Bảo Vệ Người Tiêu Thụ cũng sẽ cấp giấy phép và giám sát những nhà bán lẻ, nhà phân phối, và các tiểu cơ sở cẩn sa. Bộ Thực Phẩm và Nông Nghiệp sẽ cấp giấy phép và giám sát việc trồng cẩn sa, bảo đảm hoạt động này an toàn cho môi trường. Bộ Y Tế Công Cộng Tiểu Bang sẽ cấp giấy phép và giám sát việc sản xuất và kiểm nghiệm, bảo đảm người tiêu dùng nhận được một sản phẩm an toàn. Hội Đồng Quản Binh Sinh Hoạt Tiểu Bang sẽ thu các thuế đặc biệt đối với cẩn sa, và Kiểm Soát Viên sẽ phân bổ mức thu nhập đó để điều hành luật mới và cung cấp các ngân quỹ cho các đầu tư trọng yếu.

J. Đạo Luật Cẩn Sa Cho Người Trưởng Thành Sử Dụng bảo đảm ngành cẩn sa không vì mục đích y khoa tại California sẽ được xây dựng quanh các thương nghiệp nhỏ và vừa bằng cách ngăn cấm các giấy phép trồng cẩn sa quy mô lớn trong năm năm đầu tiên. Đạo Luật Cẩn Sa Cho Người Trưởng Thành Sử Dụng cũng bảo vệ người tiêu dùng và các tiểu thương nghiệp bằng cách áp đặt các hạn chế chống độc quyền nghiêm khắc đối với các thương nghiệp tham gia vào ngành cẩn sa không vì mục đích y khoa.

ĐOẠN 3. Mục Đích và Ý Định.

Mục đích của Đạo Luật Cần Sa Cho Người Trưởng Thành Sử Dụng là nhằm thiết lập một hệ thống toàn diện để hợp thức hóa, kiểm soát và quản lý việc trồng, chế biến, sản xuất, phân phối, kiểm nghiệm, và buôn bán cần sa không vì mục đích y khoa, bao gồm các sản phẩm cần sa, cho người trưởng thành từ 21 tuổi trở lên sử dụng, và để đánh thuế việc trồng cần sa cho mục đích thương mại và bán lẻ cần sa. Ý định của người dân khi ban hành đạo luật này là để đạt được các mục đích sau đây:

- (a) Đưa việc sản xuất và buôn bán cần sa không vì mục đích y khoa khỏi những bàn tay của thị trường phi pháp và chuyển hoạt động đó về dưới một cấu trúc quản lý mà có thể ngăn ngừa trẻ vị thành niên tiếp cận cần sa và bảo vệ an toàn cộng đồng, y tế cộng đồng và môi trường.
- (b) Kiểm soát chặt chẽ việc trồng, chế biến, sản xuất, phân phối, kiểm nghiệm và buôn bán cần sa không vì mục đích y khoa thông qua một hệ thống cấp giấy phép, hệ thống quy định, và thi hành luật của tiểu bang.
- (c) Cho phép chính quyền địa phương thi hành luật pháp tiểu bang và các quy định đối với các cơ sở cần sa không vì mục đích y khoa và ban hành các điều kiện địa phương bổ sung đối với các cơ sở cần sa không vì mục đích y khoa, nhưng không đòi hỏi họ phải làm vậy để một cơ sở cần sa không vì mục đích y khoa được cấp giấy phép tiểu bang và hoạt động hợp pháp chiếu theo luật tiểu bang.
- (d) Cho phép chính quyền địa phương ngăn cấm các cơ sở cần sa không vì mục đích y khoa như đã ấn định trong đạo luật này.
- (e) Đòi hỏi các thủ tục quản lý truy dấu và theo dấu để truy dấu cần sa không vì mục đích y khoa từ nơi trồng đến nơi bán.
- (f) Đòi hỏi cần sa không vì mục đích y khoa phải được kiểm nghiệm toàn diện bởi các dịch vụ kiểm nghiệm độc lập để tìm sự tồn tại của các tạp chất, bao gồm nấm mốc và thuốc trừ sâu, trước khi nó có thể được bán bởi các cơ sở có giấy phép.
- (g) Đòi hỏi cần sa không vì mục đích y khoa do các cơ sở có giấy phép bán phải được đóng gói trong các bao bì ngăn trẻ em mở ra và được dán nhãn sao cho người tiêu dùng được thông báo đầy đủ về hiệu lực và các ảnh hưởng khi hấp thụ cần sa không vì mục đích y khoa.
- (h) Đòi hỏi các cơ sở cần sa không vì mục đích y khoa có giấy phép tuân theo các tiêu chuẩn an toàn môi trường và sản phẩm nghiêm ngặt như một điều kiện để duy trì giấy phép của họ.
- (i) Ngăn cấm việc buôn bán cần sa không vì mục đích y khoa bởi các cơ sở cũng bán rượu hoặc thuốc lá.
- (j) Ngăn cấm việc tiếp thị và quảng cáo cần sa không vì mục đích y khoa cho những người dưới 21 tuổi hoặc gần trường học hoặc những nơi khác có trẻ em hiện diện.
- (k) củng cố hệ thống cần sa y khoa hiện hữu của tiểu bang bằng cách đòi hỏi các bệnh nhân lấy một giấy chỉ định mới từ bác sĩ của họ trước ngày 1 tháng Một, 2018, đáp ứng các tiêu chuẩn nghiêm khắc được Thống Đốc ký ban hành vào luật năm 2015, và bằng việc cung cấp các biện pháp mới bảo vệ sự riêng tư cho các bệnh nhân có thể cần sa y khoa như đã ấn định trong đạo luật này.
- (l) Cho phép người từ 21 tuổi trở lên sử dụng, cất giữ, mua và trồng cần sa không vì mục đích y khoa trong các giới hạn đã xác định để người từ 21 tuổi

trở lên sử dụng như đã ấn định trong đạo luật này.

- (m) Cho phép chính quyền địa phương quản lý một cách hợp lý việc trồng cần sa không vì mục đích y khoa cho sử dụng cá nhân bởi người trưởng thành từ 21 tuổi trở lên thông qua việc phân chia vùng và các luật địa phương khác, và chỉ ngăn cấm trồng cần sa ngoài trời như đã ấn định trong đạo luật này.
- (n) Không cho phép tiếp cận cần sa đối với thanh thiếu niên dưới 21 tuổi và không phải là bệnh nhân sử dụng cần sa y khoa.
- (o) Ngăn cấm việc tiêu thụ cần sa ở nơi công cộng không có giấy phép cho việc sử dụng đó, bao gồm những nơi gần trường học K-12 và các khu vực khác có trẻ em hiện diện.
- (p) Duy trì các luật hiện hành cấm vận hành xe ô tô hoặc phương tiện di chuyển khác trong khi đang bị giảm khả năng do cần sa.
- (q) Ngăn cấm việc trồng cần sa trên đất công hoặc khi xâm nhập bất hợp pháp vào đất tư.
- (r) Cho phép chủ sử dụng lao động công cộng và tư nhân ban hành và thi hành các chính sách nơi làm việc liên quan đến cần sa.
- (s) Đánh thuế việc trồng và buôn bán cần sa sao cho loại bỏ được thị trường phi pháp cho cần sa và không khuyến khích việc trẻ vị thành niên sử dụng, và việc người trưởng thành lạm dụng cần sa.
- (t) Tạo ra hàng trăm triệu mỹ kim tiền thu nhập tiểu bang mới hàng năm để dùng cho phục hồi và khắc phục môi trường, điều trị và ngăn ngừa cho thanh thiếu niên, đầu tư cho cộng đồng, và thi hành luật pháp.
- (u) Ngăn ngừa việc sản xuất và phân phối phi pháp cần sa.
- (v) Ngăn ngừa việc phân tán phi pháp cần sa từ California đến các tiểu bang khác hoặc các nước khác hoặc cho thị trường phi pháp.
- (w) Bảo vệ các nguồn trợ giúp thi thành luật ít ỏi để ngăn ngừa và truy tố tội ác bạo động.
- (x) Giảm các rào cản gia nhập thị trường hợp pháp, có quản lý.
- (y) Đòi hỏi trẻ vị thành niên phạm các tội liên quan cần sa phải hoàn tất chương trình giáo dục hoặc cố vấn ngăn ngừa ma túy và thực hiện dịch vụ cộng đồng.
- (z) Cho phép các tòa án tuyên án lại cho những người hiện đang thụ án vì các tội mà hình phạt được giảm bởi đạo luật này, miễn là người đó không tạo ra một rủi ro cho an toàn cộng đồng, và phán định lại hoặc xóa bỏ các tội đó khỏi hồ sơ hình sự của những người đã hoàn tất việc thụ án của họ như đã ấn định trong đạo luật này.
- (aa) Cho phép cây gai dầu công nghiệp được trồng như sản phẩm nông nghiệp, và cho các nghiên cứu nông nghiệp hoặc học thuật, và cho phép cây gai dầu công nghiệp được quản lý riêng biệt khỏi những giống cây cần sa có nồng độ delta-9 tetrahydrocannabinol cao hơn.

ĐOẠN 4. Sử Dụng Cá Nhân.

ĐOẠN 4.1. Đoạn 11018 của Bộ Luật Sức Khỏe và An Toàn được tu chính như sau:

11018. *Cần Sa*

"Cần sa" nghĩa là tất cả mọi phần của cây Cần Sa Sativa L., cho dù đang mọc hay không; hạt của cây đó; chất nhựa chiết xuất từ bất cứ phần nào của cây đó; và mọi hợp chất, sản phẩm, muối, dẫn xuất, hỗn hợp, hay chế phẩm

từ cây đó, hạt hoặc nhựa của cây đó. Cẩn sa không bao gồm gồm thân cây trưởng thành, sợi tạo ra từ thân, dầu hoặc bánh làm từ hạt của cây, bất kỳ hợp chất, sản phẩm, muối, dẫn xuất, hỗn hợp, hoặc chế phẩm nào khác của thân cây trưởng thành (ngoại trừ nhựa được chiết xuất từ đó), sợi, dầu, hay bánh, hay hạt khử trùng của cây không thể nảy mầm:

- (a) Cây gai dầu công nghiệp, theo định nghĩa trong Đoạn 11018.5; hoặc
- (b) Trọng lượng của bất cứ thành phần nào khác phối hợp với cẩn sa để pha chế thành các sản phẩm bôi ngoài da hoặc để uống, thức ăn, đồ uống, hoặc sản phẩm khác.

ĐOẠN 4.2. Đoạn 11018.1 được thêm vào Bộ Luật Sức Khỏe và An Toàn, có nội dung:

11018.1. Các Sản Phẩm Cẩn Sa.

"Các sản phẩm cẩn sa" nghĩa là cẩn sa đã trải qua một quá trình chế biến trong đó nguyên liệu cây cẩn sa đã được biến đổi thành dạng cô đặc, bao gồm, nhưng không giới hạn ở, cẩn sa cô đặc, hoặc sản phẩm ăn được hoặc bôi ngoài da chứa cẩn sa hoặc cẩn sa cô đặc và các nguyên liệu khác.

ĐOẠN 4.3. Đoạn 11018.2 được thêm vào Bộ Luật Sức Khỏe và An Toàn, có nội dung:

11018.2. Phụ Liệu Cẩn Sa.

"Phụ liệu cẩn sa" nghĩa là bất cứ thiết bị, sản phẩm hoặc vật liệu thuộc bất cứ loại nào mà được sử dụng, nhằm để sử dụng, hoặc được thiết kế để sử dụng trong việc ương mầm, nhân giống, trồng, phát triển, thu hái, sản xuất, phối hợp, chuyển đổi, tạo ra, chế biến, pha chế, kiểm nghiệm, phân tích, đóng gói, tái đóng gói, bảo quản, hút, làm bay hơi, hoặc chứa đựng cẩn sa, hoặc để hấp thụ, hít, hoặc để đưa cẩn sa hoặc các sản phẩm cẩn sa vào trong cơ thể người.

ĐOẠN 4.4. Đoạn 11362.1 được thêm vào Bộ Luật Sức Khỏe và An Toàn, có nội dung:

11362.1. (a) Phụ thuộc vào các Đoạn 11362.2, 11362.3, 11362.4, and 11362.45, nhưng mặc dù có bất cứ điều khoản luật nào khác, chiếu theo luật pháp tiểu bang và địa phương sẽ là hợp pháp, và sẽ không phải là một vi phạm luật pháp tiểu bang và địa, khi người từ 21 tuổi trở lên có hành động:

- (1) Cất giữ, chế biến, vận chuyển, mua, có được, hoặc chuyển giao cho người từ 21 tuổi trở lên mà không lấy thù lao nào, không quá 28.5 gram cẩn sa không ở dạng cẩn sa cô đặc;
 - (2) Cất giữ, chế biến, vận chuyển, mua, có được, hoặc chuyển giao cho người từ 21 tuổi trở lên mà không lấy thù lao nào, không quá tám gram cẩn sa ở dạng cẩn sa cô đặc, bao gồm cả thành phần chứa trong các sản phẩm cẩn sa;
 - (3) Cất giữ, ươm mầm, trồng, thu hái, phơi khô, hoặc chế biến không quá sáu cây cẩn sa tươi và chế biến cẩn sa tạo ra từ cây cẩn sa;
 - (4) Hút hoặc hấp thụ cẩn sa hoặc các sản phẩm cẩn sa; và
 - (5) Cất giữ, vận chuyển, mua, có được, sử dụng, sản xuất, hoặc chuyển giao các phụ liệu cẩn sa cho người 21 tuổi trở lên mà không nhận thù lao nào.
- (b) Đoạn văn (5) của tiểu phần (a) nhằm để đáp ứng các điều kiện của tiểu đoạn (f) của Đoạn 863 của Tiêu đề 21 của Bộ Luật Hoa Kỳ (21 U.S.C. Đoạn 863(f)) bằng cách cho phép, chiếu theo luật tiểu bang, bất cứ người nào tuân hành theo đoạn này để sản xuất, cất giữ, hoặc phân phối phụ liệu cẩn sa.
- (c) Cẩn sa và các sản phẩm cẩn sa có liên quan theo bất cứ cách nào với hành vi được xem là hợp pháp bởi đoạn này đều không phải là hàng nhập lậu và

không bị tịch thu, và không hành vi nào được xem là hợp pháp bởi đoạn này sẽ cấu thành cơ sở cho việc câu lưu, lục soát, hoặc bắt giữ.

ĐOẠN 4.5. Đoạn 11362.2 được thêm vào Bộ Luật Sức Khỏe và An Toàn, có nội dung:

11362.2. (a) Việc trồng cẩn sa của cá nhân chiếu theo đoạn văn (3) của tiểu phần (a) của Đoạn 11362.1 phụ thuộc vào các hạn chế sau đây:

- (1) Cá nhân sẽ ương mầm, trồng, thu hái, phơi khô, hoặc chế biến cây cẩn sa chiếu theo các sắc lệnh của địa phương, nếu có, được áp dụng chiếu theo tiểu phần (b).
- (2) Các cây tươi và bất cứ cẩn sa nào được tạo ra bởi cây cẩn sa vượt quá 28.5 gram được lưu giữ tại nơi cư ngụ riêng tư của người đó, hoặc trên phần đất của nơi cư ngụ riêng tư (thí dụ, trong một khu vực trong vườn lộ thiên), trong một không gian có khóa, và không thể nhìn thấy bằng mắt thường không có thiết bị hỗ trợ từ một nơi công cộng.
- (3) Không nhiều hơn sáu cây tươi được ương mầm, trồng, thu hái, phơi khô, hoặc chế biến trong một nơi cư ngụ riêng tư, hoặc trên phần đất của nơi cư ngụ riêng tư đó, tại một thời điểm.

(b) (1) Một thành phố, quận, hoặc một thành phố và quận có thể ban hành và thi hành các quy định hợp lý để quản lý một cách hợp lý các hành động và hành vi trong đoạn văn (3) của tiểu phần (a) của Đoạn 11362.1.

(2) Mặc dù có đoạn văn (1), không thành phố, quận, hoặc thành phố và quận có thể hoàn toàn ngăn cấm những ai tham gia vào các hành động và hành vi chiếu theo đoạn văn (3) của tiểu phần (a) của Đoạn 11362.1 trong một nơi cư ngụ riêng tư, hoặc trong một công trình cấu trúc phụ của nơi cư ngụ riêng tư tọa lạc trên phần đất của nơi cư ngụ riêng tư mà đã hoàn toàn bị đóng kín và khóa cửa.

(3) Mặc dù có đoạn văn (3) của tiểu phần (a) của Đoạn 11362.1, một thành phố, quận, hoặc thành phố và quận có thể ngăn cấm hoàn toàn những ai tham gia và các hành động hoặc hành vi chiếu theo đoạn văn (3) của tiểu phần (a) của Đoạn 11362.1 ngoài trời trên phần đất của một nơi cư ngụ riêng tư.

(4) Đoạn văn (3) sẽ mất hiệu lực khi có quyết định bởi Bộ Trưởng Tư Pháp California rằng việc sử dụng cẩn sa không vì mục đích y khoa là hợp pháp tại Tiểu Bang California chiếu theo luật liên bang, và một hành động do thành phố, quận, hoặc thành phố và quận thực hiện chiếu theo đoạn văn (3) sẽ bị xem là đã bị bãi bỏ vào ngày có quyết định đó của Bộ Trưởng Tư Pháp.

(5) Cho các mục đích của đoạn này, "nơi cư ngụ" nghĩa là một căn nhà, một căn hộ, một nhà di động, hoặc nơi cư ngụ tương tự khác.

ĐOẠN 4.6. Đoạn 11362.3 được thêm vào Bộ Luật Sức Khỏe và An Toàn, có nội dung:

11362.3. (a) Không điều nào trong Đoạn 11362.1 sẽ được diễn giải là cho phép bất cứ ai được:

- (1) Hút hoặc hấp thụ cẩn sa hoặc các sản phẩm cẩn sa ở nơi công cộng, ngoại trừ trường hợp phù hợp với Đoạn 26200 của Bộ Luật Kinh Doanh và Nghề Nghiệp.
- (2) Hút cẩn sa hoặc các sản phẩm cẩn sa ở một địa điểm ngăn cấm việc hút thuốc lá.
- (3) Hút cẩn sa hoặc các sản phẩm cẩn sa trong phạm vi 1,000 feet quanh một trường học, trung tâm giữ trẻ ban ngày, hoặc một trung tâm cho thanh thiếu

niên khi có trẻ em hiện diện ở ngôi trường, trung tâm giữ trẻ ban ngày, hoặc trung tâm cho thanh thiếu niên đó, ngoại trừ ở trong hoặc ở trên phần đất của một nơi cư ngụ riêng tư hoặc phù hợp với Đoạn 26200 của, hoặc Chương 3.5 (bắt đầu với Đoạn 19300) của Phần 8 của, Bộ Luật Kinh Doanh và Nghề Nghiệp và chỉ nếu việc hút cần sa đó không thể bị phát hiện bởi những người khác trên phần đất của trường học, trung tâm giữ trẻ ban ngày, hoặc trung tâm cho thanh thiếu niên khi có trẻ em hiện diện.

(4) Cất giữ một hộp chứa mỡ hoặc một gói hàng mỡ đựng cần sa hoặc các sản phẩm cần sa khi đang lái xe, vận hành, hoặc đang ngồi trong ghế hành khách hoặc khoang của một xe cơ giới, thuyền, tàu biển, máy bay, hoặc phương tiện di chuyển khác.

(5) Cất giữ, hút hoặc hấp thụ cần sa hoặc các sản phẩm cần sa trong hoặc trên phần đất của một trường học, trung tâm giữ trẻ ban ngày, hoặc trung tâm cho thanh thiếu niên khi có trẻ em hiện diện.

(6) Sản xuất cần sa cô đặc bằng một dung môi dễ bay hơi trừ phi việc đó được thực hiện phù hợp với một giấy phép chiếu theo Chương 3.5 (bắt đầu với Đoạn 19300) of Phần 8 của, hoặc Phần 10 của, Bộ Luật Kinh Doanh và Nghề Nghiệp.

(7) Hút hoặc hấp thụ cần sa hoặc các sản phẩm cần sa khi đang lái, vận hành một xe cơ giới, thuyền, tàu biển, máy bay, hoặc phương tiện di chuyển khác.

(8) Hút hoặc hấp thụ cần sa hoặc các sản phẩm cần sa khi đang ngồi trong ghế hành khách hoặc khoang của một xe cơ giới, thuyền, tàu biển, máy bay, hoặc phương tiện di chuyển khác ngoại trừ khi được cho phép trên xe cơ giới, thuyền, tàu biển, máy bay hoặc phương tiện di chuyển khác mà được vận hành phù hợp với Đoạn 26200 của Bộ Luật Kinh Doanh và Nghề Nghiệp và khi không có sự hiện diện của người nào dưới 21 tuổi.

(b) Cho các mục đích trong đoạn này, "trung tâm giữ trẻ ban ngày" có cùng ý nghĩa như trong Đoạn 1596.76.

(c) Cho các mục đích của đoạn này, "hút" có nghĩa là hít vào, thở ra, đốt, hoặc mang bất cứ thiết bị hoặc ống tẩu được đốt hoặc gia nhiệt nào, hoặc bất cứ cần sa hoặc sản phẩm cần sa được đốt hoặc gia nhiệt nào khác nhằm để hít vào, bất kể tự nhiên hoặc tổng hợp, dưới bất cứ cách thức hoặc hình thức nào. "Hút" bao gồm việc sử dụng một thiết bị hút thuốc điện tử mà tạo ra khí dung hoặc hơi, dưới bất cứ cách thức hoặc hình thức nào, hoặc là việc sử dụng bất cứ thiết bị hút thuốc qua đường miệng cho mục đích tránh né quy định ngăn cấm việc hút thuốc ở một nơi chốn nào đó.

(d) Cho các mục đích của đoạn này, "dung môi dễ bay hơi" nghĩa là các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi, bao gồm: (1) các khí gây cháy nổ chẳng hạn như, Butane, Propane, Xylene, Styrene, Gasoline, Kerosene, O₂ hoặc H₂; và (2) các thuốc độc, chất độc, hoặc chất gây ung thư nguy hiểm, chẳng hạn như Methanol, Iso-propyl Alcohol, Methylene Chloride, Acetone, Benzene, Toluene, và Tri-chloro-ethylene.

(e) Cho các mục đích trong đoạn này, "trung tâm cho thanh thiếu niên" có cùng ý nghĩa như trong Đoạn 11353.1.

(f) Không điều nào trong đoạn này sẽ được diễn giải hoặc được hiểu là để tu chính, bãi bỏ, tác động, hạn chế, hoặc ngăn chặn trước các luật có liên quan đến Đạo Luật Sử Dụng Vì Tình Thương năm 1996.

ĐOẠN 4.7. Đoạn 11362.4 được thêm vào Bộ Luật Sức Khỏe và An Toàn, có nội dung:

11362.4. (a) Một người tham gia vào hành vi được mô tả trong

đoạn văn (1) của tiểu phần (a) của Đoạn 11362.3 là đã có tội có thể bị phạt không quá một trăm mỹ kim (\$100); tuy nhiên, với điều kiện là người đó dưới 18 tuổi thay vào đó sẽ phải hoàn tất bốn giờ trong chương trình cố vấn hoặc giáo dục về ma túy, và lên tới 10 giờ dịch vụ cộng đồng, trong khoảng thời gian không vượt quá 60 ngày một khi chương trình cố vấn hoặc giáo dục về ma túy và cơ hội thực hiện dịch vụ cộng đồng được cung cấp cho người đó.

(b) Một người tham gia vào hành vi được mô tả trong đoạn văn (2) đến (4) của tiểu phần (a) của Đoạn 11362.3 là đã có tội có thể bị phạt không quá hai trăm năm mươi mỹ kim (\$250), trừ phi hoạt động đó được cho phép bởi luật tiểu bang và địa phương; tuy nhiên, với điều kiện là người đó dưới 18 tuổi thay vào đó sẽ phải hoàn tất bốn giờ trong chương trình cố vấn hoặc giáo dục về ma túy, và lên tới 20 giờ dịch vụ cộng đồng, trong khoảng thời gian không vượt quá 90 ngày một khi chương trình cố vấn hoặc giáo dục về ma túy và cơ hội thực hiện dịch vụ cộng đồng được cung cấp cho người đó.

(c) Một người tham gia vào hành vi được mô tả trong đoạn văn (5) của tiểu phần (a) của Đoạn 11362.3 sẽ chịu cùng hình phạt như đã quy định chiếu theo tiểu phần (c) hoặc (d) của Đoạn 11357.

(d) Một người tham gia vào hành vi được mô tả trong đoạn văn (6) của tiểu phần (a) của Đoạn 11362.3 sẽ chịu hình phạt chiếu theo Đoạn 11379.6.

(e) Một người vi phạm những hạn chế trong tiểu phần (a) của Đoạn 11362.2 là đã có tội có thể bị phạt không quá hai trăm năm mươi mỹ kim (\$250).

(f) Mặc dù có tiểu phần (e), một người dưới 18 tuổi vi phạm những hạn chế trong tiểu phần (a) của Đoạn 11362.2 sẽ bị phạt chiếu theo tiểu phần (a) của Đoạn 11358.

(g) (1) Chương trình cố vấn hoặc giáo dục về ma túy được quy định bởi đoạn này sẽ mang tính bắt buộc trừ phi tòa án đưa ra kết luận rằng một chương trình hoặc chương trình cố vấn như vậy là không cần thiết cho người đó hoặc không có sẵn chương trình cố vấn hoặc giáo dục về ma túy.

(2) Chương trình giáo dục về ma túy được quy định bởi đoạn này cho những người dưới 18 tuổi phải được cung cấp miễn phí cho những người tham gia và cung cấp ít nhất bốn giờ thảo luận nhóm hoặc hướng dẫn dựa trên khoa học và các nguyên lý căn cứ trên bằng chứng và hoạt động thực tiễn đặc thù đối với việc sử dụng và lạm dụng cần sa và các chất bị kiểm soát khác.

(h) Khi kết luận có lý do chính đáng, tòa án có thể kéo dài thời gian để một người hoàn tất chương trình cố vấn hoặc giáo dục về ma túy, và dịch vụ cộng đồng được quy định chiếu theo đoạn này.

ĐOẠN 4.8. Đoạn 11362.45 được thêm vào Bộ Luật Sức Khỏe và An Toàn, có nội dung:

11362.45. Không điều gì trong Đoạn 11362.1 sẽ được diễn giải hoặc được hiểu là để tu chính, bãi bỏ, tác động, hạn chế, hoặc ngăn chặn trước:

(a) Các luật cấm việc lái xe hoặc vận hành một chiếc xe, thuyền, tàu biển, hoặc máy bay, trong khi đang hút, hấp thụ, hoặc bị giảm khả năng do cần sa hoặc các sản phẩm cần sa, nhưng không giới hạn trong, tiểu phần (e) của Đoạn 23152 của Bộ Luật Xe Cộ, hoặc các hình phạt được chỉ định cho sự vi phạm những luật đó.

(b) Các luật ngăn cấm việc buôn bán, phân phối, cung cấp, hoặc cho đi cần sa, hoặc các sản phẩm cần sa, hoặc các phụ liệu cần sa, hoặc để nghị bán, phân phối, cung cấp, hoặc cho đi cần sa, các sản phẩm cần sa, hoặc các phụ liệu cần sa cho người dưới 21 tuổi.

(c) Các luật ngăn cấm một người dưới 21 tuổi tham gia vào bất cứ hành động hoặc hành vi nào mà được cho phép chiếu theo Đoạn 11362.1.

(d) Các luật liên quan đến việc hút hoặc hấp thụ cần sa hoặc các sản phẩm cần sa trên phần đất của, hoặc trong phạm vi, của bất cứ cơ sở hoặc viện nào thuộc thẩm quyền quản lý của Nha Cải Huấn và Phục Hồi hoặc Ban Tư Pháp Thanh Thiếu Niên, hoặc trên phần đất của, hoặc trong phạm vi của, bất cứ cơ sở hoặc viện nào có tham chiếu trong Đoạn 4573 của Bộ Luật Hình Sự.

(e) Các luật quy định rằng nó sẽ bị xem là bỏ bê hoặc sơ sót trong công việc khi thực hiện bất cứ nhiệm vụ nào trong lúc đang bị giảm khả năng do đang hút hoặc hấp thụ cần sa hoặc các sản phẩm cần sa.

(f) Các quyền và nghĩa vụ của chủ sử dụng lao động tư nhân và công cộng để duy trì một nơi làm việc không có ma túy và rượu hoặc đòi hỏi một chủ sử dụng lao động cho phép hoặc tạo thuận lợi cho việc sử dụng, tiêu thụ, cất giữ, chuyển giao, trưng bày, vận chuyển, buôn bán, hoặc trồng cần sa ở nơi làm việc, hoặc ảnh hưởng đến khả năng của chủ sử dụng lao động để đưa ra các chính sách ngăn cấm việc sử dụng cần sa bởi nhân viên và nhân viên triển vọng, hoặc ngăn ngừa chủ sử dụng lao động tuân hành với luật pháp tiểu bang và liên bang.

(g) Khả năng của cơ quan chính quyền tiểu bang hoặc địa phương để ngăn cấm hoặc hạn chế bất cứ hành động hoặc hành vi nào được cho phép chiếu theo Đoạn 11362.1 trong phạm vi một tòa nhà thuộc sở hữu, được thuê, hoặc được chiếm cứ bởi một cơ quan chính quyền tiểu bang hoặc địa phương.

(h) Khả năng của một cá nhân hoặc một thực thể tư nhân ngăn cấm hoặc hạn chế bất cứ hành động hoặc hành vi nào được cho phép chiếu theo Đoạn 11362.1 trên phần đất thuộc sở hữu tư nhân của cá nhân hoặc thực thể đó.

(i) Các luật có liên quan đến Đạo Luật Sử Dụng Vi Tính Thương năm 1996.

ĐOẠN 5. Sử Dụng Cần Sa Cho Mục Đích Y Tế.

ĐOẠN 5.1. Đoạn 11362.712 được thêm vào Bộ Luật Sức Khỏe và An Toàn, như sau:

11362.712. (a) Kể từ ngày 1 tháng Giêng năm 2018, một bệnh nhân đủ điều kiện phải có khuyến cáo của bác sĩ theo quy định tại Điều 25 (bắt đầu từ Đoạn 2525) Chương 5 Phần 2 của Bộ Luật Kinh Doanh và Nghề Nghiệp. Việc không tuân thủ yêu cầu này sẽ không, tuy nhiên, tác động đến bất kỳ hình thức bảo vệ nào được cung cấp cho bệnh nhân hoặc những người chăm sóc chính của họ theo Đoạn 11362.5.

(b) Sở y tế quận hoặc người được ủy quyền của quận sẽ triển khai các nghị định thư để đảm bảo rằng, từ ngày 1 tháng Giêng năm 2018, tất cả thẻ nhận dạng được phát hành theo quy định tại Đoạn 11362.71 sẽ được cung cấp theo khuyến cáo của bác sĩ theo quy định tại Điều 25 (từ Đoạn 2525) Chương 5 Phần 2 của Bộ Luật Kinh Doanh và Nghề Nghiệp.

ĐOẠN 5.2. Đoạn 11362.713 được thêm vào Bộ Luật Sức Khỏe và An Toàn, như sau:

11362.713. (a) Thông tin xác định tên, địa chỉ, hoặc số an sinh xã hội của bệnh nhân, tình trạng sức khỏe hay tên của người chăm sóc chính của họ, đã có được và được lưu trong hồ sơ của Bộ Y Tế Công Cộng Tiểu Bang và bởi bất kỳ sở y tế công cộng quận sau đây đều mang nghĩa là "thông tin y tế" trong Đạo Luật Bảo Mật Thông Tin Y Tế (Mục 2.6 (bắt đầu từ Đoạn 56) Phần 1 của Bộ Luật Dân Sự) và sẽ không được tiết lộ bởi Bộ Y Tế Công Cộng Tiểu Bang hoặc

bất kỳ sở y tế công cộng quận, trừ trường hợp ngoại lệ theo quy định về những hạn chế tiết lộ thông tin định danh cá nhân theo Đạo Luật Bảo Mật Thông Tin Y Tế.

(b) Trong vòng 24 giờ sau khi nhận được bất kỳ yêu cầu tiết lộ tên, địa chỉ hoặc số an sinh xã hội của một bệnh nhân, tình trạng sức khỏe, hoặc tên của người chăm sóc chính của họ, Bộ Y Tế Công Cộng Tiểu Bang hoặc cơ quan y tế công cộng quận bất kỳ có trách nhiệm phải liên hệ với bệnh nhân và thông báo cho bệnh nhân biết về yêu cầu và bản sao của yêu cầu đó nếu yêu cầu được lập thành văn bản.

(c) Mặc dù, theo Đoạn 56.10 của Bộ Luật Dân Sự, Bộ Y Tế Công Cộng Tiểu Bang hay bất kỳ cơ quan y tế công cộng quận sẽ không được phép tiết lộ, hay sẽ không bị cơ quan hoặc tòa án ra lệnh tiết lộ tên, địa chỉ, số an sinh xã hội của bệnh nhân, tình trạng sức khỏe hoặc tên của người chăm sóc chính của họ, trước ngày thứ 10 sau khi bệnh nhân có hồ sơ được tìm kiếm cần tiết lộ đã được liên lạc.

(d) Không một hệ thống ứng dụng thẻ nhận dạng hoặc tài liệu lưu trữ nào được sử dụng hoặc duy trì bởi Bộ Y Tế Công Cộng Tiểu Bang hay bất kỳ sở y tế công cộng quận hoặc người được ủy quyền của quận theo quy định tại Đoạn 11362.71 được phép chứa thông tin cá nhân bất kỳ của bất kỳ bệnh nhân đủ điều kiện nào, bao gồm, nhưng không giới hạn, tên, địa chỉ, số an sinh xã hội, tình trạng sức khỏe của bệnh nhân hoặc tên của người chăm sóc chính của họ. Một hệ thống ứng dụng hoặc tài liệu lưu trữ như vậy chỉ có thể chứa một mã định danh người dùng duy nhất, và khi mã số đó được nhập, chỉ thông tin về việc thẻ còn hiệu lực hay hết hiệu lực có thể được cung cấp.

ĐOẠN 5.3. Đoạn 11362.755 của Bộ Luật Sức Khỏe và An Toàn được tu chính như sau:

11362.755. (a) Bộ sẽ tạo ra một ứng dụng và thiết lập mức phí cấp lại cho những người đang tìm kiếm để có được hoặc đổi mới thẻ nhận dạng nhằm đủ để trang trải các chi phí được phát sinh bởi bộ, bao gồm chi phí khởi động, chi phí giảm lệ phí cho các đối tượng thụ hưởng của chương trình Medi-Cal theo tiểu mục (b), chi phí xác định và phát triển một hệ thống hiệu quả về chi phí dựa trên Internet Web và chi phí duy trì số điện thoại miễn phí 24 giờ. Mỗi sở y tế quận hoặc người được ủy quyền của quận có thể tính thêm một khoản phụ phí cho tất cả các khoản chi phí được phát sinh bởi quận hoặc bởi người được ủy quyền của quận để quản lý chương trình theo quy định tại Điều này.

(b) Số tiền lệ phí được thu bởi một sở y tế công cộng quận sẽ không được vượt quá một trăm đô-la (\$100) cho mỗi lần nộp đơn xin cấp mới hoặc cấp lại trong bất kỳ trường hợp nào.

(b) (c) Khi có bằng chứng thỏa đáng về việc tham gia và đủ điều kiện tham gia chương trình Medi-Cal, người thụ hưởng Medi-Cal sẽ được giảm 50 phần trăm

traêm chi phí được tính chiếu theo đoạn này.

(d) Khi có bằng chứng thỏa đáng rằng một bệnh nhân đủ điều kiện, hoặc người giám hộ hợp pháp của một bệnh nhân đủ điều kiện dưới 18 tuổi, là một người lớn gặp khó khăn tài chính trong điều trị y tế có đủ điều kiện và đã tham gia Chương Trình Dịch Vụ Y Tế Quận, chi phí được tính sẽ được miễn chiếu theo đoạn này.

(e) Trong trường hợp các khoản lệ phí được tính và được thu bởi một sở y tế quận không đủ để chi trả cho các phí tổn điều hành phát sinh trong quá trình

thực hiện nhiệm vụ của sở y tế quận liên quan đến hệ thống thẻ nhận dạng bắt buộc, Cơ quan lập pháp, theo yêu cầu của sở y tế quận, sẽ bồi hoàn cho sở y tế quận phí tổn điều hành hợp lý vượt quá số tiền lệ được phí và được thu bởi sở y tế quận.

ĐOẠN 5.4. Đoạn 11362.84 được thêm vào Bộ Luật Sức Khỏe và An Toàn, như sau:

11362.84. *Tình trạng và hành vi của một bệnh nhân đủ điều kiện có những hành động phù hợp quy định của Đạo Luật Cho Phép Sử dụng Vì Tình Thương sẽ không, bởi chính nó, được sử dụng để hạn chế hoặc giảm bớt quyền giám hộ hoặc các quyền của phụ huynh đối với trẻ vị thành niên trong bất kỳ hành động hoặc biện pháp xử lý nào trong thẩm quyền của gia đình hoặc tòa án thanh thiếu niên.*

ĐOẠN 5.5. Đoạn 11362.85 được thêm vào Bộ Luật Sức Khỏe và An Toàn, như sau:

11362.85. *Sau khi có quyết định của Bộ Trưởng Tư Pháp California rằng bảng danh mục các chất được kiểm soát của liên bang đã được sửa đổi để phân loại lại hoặc tiết lộ cần sa, Cơ quan lập pháp có thể sửa đổi hoặc bãi bỏ các quy định của Bộ Luật Sức Khỏe và An Toàn, nếu thấy cần thiết, để làm phù hợp luật tiểu bang với những thay đổi trong luật liên bang.*

ĐOẠN 6. Quy Định và An Toàn Khi Sử Dụng Cần Sa.

ĐOẠN 6.1. Phần 10 (bắt đầu từ Đoạn 26000) được thêm vào Bộ Luật Kinh Doanh và Nghề Nghiệp, như sau:

PHẦN 10. CẦN SA

CHƯƠNG 1. ĐIỀU KHOẢN TỔNG QUÁT VÀ ĐỊNH NGHĨA

26000. (a) *Mục đích và định hướng của phần này là nhằm để thiết lập một hệ thống kiểm soát và điều tiết toàn diện đối với việc trồng, phân phối, vận chuyển, tàng trữ, sản xuất, chế biến và bán các sản phẩm cần sa và cần sa phi y tế cho người lớn từ 21 tuổi trở lên.*

(b) *Trong quá trình xúc tiến phân đoạn tiểu mục (a), phần này mở rộng quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan tiểu bang hiện hữu chịu trách nhiệm kiểm soát và điều tiết ngành công nghiệp cần sa y tế theo Chương 3.5 (bắt đầu từ Đoạn 19300) Phần 8 bao gồm quyền hạn và trách nhiệm kiểm soát và điều tiết ngành công nghiệp cần sa phi y tế thương mại.*

(c) *Cơ quan lập pháp có thể, theo đa số phiếu bầu, ban hành các luật để thực thi phần này, đã đưa ra các luật tương tự phù hợp với các mục đích và định hướng của Đạo Luật Kiểm Soát, Điều Tiết và Sử Dụng Cần Sa Đối Với Người Lớn Có Đóng Thuế.*

26001. *Để phục vụ cho các mục đích của phần này, những định nghĩa dưới đây sẽ được áp dụng:*

(a) "Người nộp đơn" có nghĩa là:

(1) *Người sở hữu hoặc những người sở hữu của một người có giấy phép được đề nghị. "Người sở hữu" có nghĩa là tất cả những người có (A) lợi ích sở hữu góp (ngoài lợi ích an ninh, quyền lưu giữ hay cầm cố tài sản) tối thiểu 20% ở người có giấy phép và (B) quyền chỉ đạo hoặc tác động để được chỉ đạo, việc quản lý hoặc kiểm soát của người có giấy phép.*

(2) *Nếu người nộp đơn là một công ty được giao dịch công khai, "người sở hữu" bao gồm giám đốc điều hành và bất kỳ thành viên nào của ban giám đốc và bất kỳ người nào hoặc tổ chức nào có lợi ích sở hữu góp trong công ty*

tối thiểu là 20%. Nếu người nộp đơn là một thực thể phi lợi nhuận, "người sở hữu" có nghĩa là cả hai giám đốc điều hành và bất kỳ thành viên nào của ban giám đốc.

(b) "Phòng" có nghĩa là Phòng Kiểm Soát Cần Sa thuộc Cục Sự Vụ Người Tiêu Dùng.

(c) "Chống trẻ em" có nghĩa là được thiết kế hoặc cấu tạo nhằm gây khó khăn đáng kể để mở đối với trẻ em dưới năm tuổi, và không khó khăn cho người lớn bình thường để sử dụng đúng cách.

(d) "Hoạt động cần sa thương mại" bao gồm trồng, chế biến, sản xuất, phân phối, xử lý, tàng trữ, thử nghiệm trong phòng thí nghiệm, dán nhãn, vận chuyển, phân phối, giao hàng hay kinh doanh cần sa và các sản phẩm cần sa theo quy định tại phần này.

(e) "Trồng" có nghĩa là bất kỳ hoạt động nào liên quan đến việc gieo hạt, nuôi dưỡng, thu hoạch, sấy khô, hong khô, san đất, hoặc cắt tỉa cần sa.

(f) "Khách hàng" là một thể nhân từ 21 tuổi trở lên.

(g) "Trung tâm chăm sóc ban ngày" sẽ mang nghĩa tương tự như trong Đoạn 1596.76 của Bộ Luật Sức Khỏe và An Toàn.

(h) "Giao hàng" là việc vận chuyển thương mại cần sa hoặc các sản phẩm cần sa tới khách hàng. "Giao hàng" cũng bao gồm việc sử dụng của một nhà bán lẻ đối với nền tảng công nghệ bất kỳ thuộc sở hữu và kiểm soát bởi nhà bán lẻ, hoặc được cấp giấy phép độc lập theo quy định tại phần này, cho phép khách hàng sắp xếp hoặc tạo điều kiện cho việc chuyển giao thương mại cần sa hoặc các sản phẩm cần sa bởi một nhà bán lẻ được cấp phép.

(i) "Giám đốc" có nghĩa là Giám Đốc Cục Sự Vụ Người Tiêu Dùng.

(j) "Phân phối" có nghĩa là việc mua, bán và vận chuyển cần sa và các sản phẩm cần sa giữa các đơn vị được cấp phép chiếu theo quy định của phần này.

(k) "Quỹ" có nghĩa là Quỹ Kiểm Soát Cần Sa được thành lập theo quy định tại Đoạn 26210.

(l) "Loại" có nghĩa là loại áp dụng hoặc ký hiệu liên quan đến một biến thể cần sa hoặc loại sản phẩm cần sa cụ thể, bao gồm, nhưng không giới hạn, tên biến thể hoặc thương hiệu cơ sở trồng khác, hoặc ký hiệu khu vực trồng.

(m) "Giấy phép" có nghĩa là một giấy phép tiểu bang được ban hành theo quy định tại phần này.

(n) "Người có giấy phép" có nghĩa là bất kỳ người nào hoặc thực thể nào đang nắm giữ một giấy phép theo quy định tại phần này.

(o) "Thẩm quyền cấp phép" có nghĩa là cơ quan tiểu bang có trách nhiệm cấp mới, cấp lại hay khôi phục lại giấy phép, hoặc cơ quan tiểu bang có thẩm quyền thực thi các biện pháp kỷ luật đối với người được cấp phép.

(p) "Phạm vi quyền hạn địa phương" có nghĩa là một thành phố, quận, hoặc thành phố và quận.

(q) "Sản xuất" có nghĩa là pha trộn, chiết xuất, ngâm chiết, hay nói cách khác, là làm hoặc điều chế ra một sản phẩm cần sa.

(r) "Nhà sản xuất" có nghĩa là người tiến hành quá trình sản xuất, chuẩn bị, nhân giống hoặc pha trộn cần sa hoặc các sản phẩm cần sa trực tiếp hoặc gián tiếp hoặc bằng các phương pháp chiết xuất, hoặc độc lập bằng các phương pháp tổng hợp hóa học, hoặc bằng cách kết hợp chiết xuất và tổng hợp hóa học tại một vị trí cố định mà việc đóng gói hay đóng gói lại cần sa hoặc các sản phẩm cần sa hoặc dán nhãn hay dán nhãn lại hộp đựng, hiện đang nắm giữ

một giấy phép tiểu bang chiếu theo phần này.

(s) "Cần sa" có nghĩa tương tự như trong Đoạn 11018 của Bộ Luật Sức Khỏe và An Toàn, ngoại trừ việc nó không bao gồm cần sa được trồng, chế biến, vận chuyển, phân phối hoặc bán với các mục đích y tế theo Chương 3.5 (bắt đầu từ Đoạn 19300) Phần 8.

(t) "Phụ gia cần sa" có nghĩa tương tự như trong Đoạn 11018.2 của Bộ Luật Sức Khỏe và An Toàn.

(u) "Sản phẩm cần sa" có nghĩa tương tự như trong Đoạn 11018.1 của Bộ Luật Sức Khỏe và An Toàn, ngoại trừ việc nó không bao gồm các sản phẩm cần sa được sản xuất, chế biến, vận chuyển, phân phối hoặc bán với các mục đích y tế theo Chương 3.5 (bắt đầu từ Đoạn 19300) Phần 8.

(v) "Ươm" có nghĩa là việc một người có giấy phép chỉ sản xuất dòng vô tính, cây trồng còn non, hạt giống và các sản phẩm nông nghiệp khác được sử dụng đặc biệt cho quá trình gieo hạt, nhân giống, và trồng cần sa.

(w) "Hoạt động" có nghĩa là bất kỳ hành động nào mà quá trình cấp giấy phép được yêu cầu theo các quy định của phần này, hoặc bất kỳ sự chuyển giao thương mại nào đối với cần sa hoặc các sản phẩm cần sa.

(x) "Bao bì" có nghĩa là bất kỳ vật chứa đựng được sử dụng để đựng cần sa hoặc các sản phẩm cần sa.

(y) "Người" bao gồm bất kỳ cá nhân, tổ chức, xí nghiệp hợp danh, liên doanh, hiệp hội, công ty, công ty trách nhiệm hữu hạn, bất động sản, vật kỷ thác, vật kỷ thác kinh doanh, người nhận, nghiệp đoàn, hoặc bất kỳ nhóm nào khác hoặc kết hợp hoạt động như một đơn vị, và đa số cũng như thiểu số.

(z) "Người mua" có nghĩa là khách hàng đang tham gia vào một giao dịch với một người có giấy phép với mục đích nhằm có được cần sa hoặc các sản phẩm cần sa.

(aa) "Bán" bao gồm bất kỳ giao dịch nào, theo đó, đối với bất kỳ cứu xét hay quyền nào để cần sa được chuyển giao từ người này sang người khác, và bao gồm việc giao hàng cần sa hoặc các sản phẩm cần sa theo một đơn hàng được đặt để mua sản phẩm tương tự và mời chào hoặc tiếp nhận một đơn đặt hàng tương tự, nhưng không bao gồm việc hoàn trả cần sa hoặc các sản phẩm cần sa từ một người có giấy phép lại cho người có giấy phép có cần sa hoặc sản phẩm cần sa đã được mua.

(bb) "Dịch vụ thử nghiệm" có nghĩa là một phòng thí nghiệm, cơ sở, hoặc thực thể trong tiểu bang có cung cấp hoặc thực hiện các thử nghiệm đối với cần sa hoặc các sản phẩm cần sa, bao gồm cả thiết bị được cung cấp bởi phòng thí nghiệm, cơ sở, hoặc thực thể như vậy, và bao gồm cả các nội dung dưới đây:

(1) Được công nhận bởi một cơ quan kiểm định độc lập với tất cả những người khác có tham gia vào hoạt động cần sa thương mại trong tiểu bang.

(2) Đã được đăng ký với Bộ Y Tế Công Cộng Tiểu Bang.

(cc) "Bộ nhận dạng duy nhất" có nghĩa là một mã chữ số hoặc ký hiệu được sử dụng cho việc tham chiếu với một nhà máy cụ thể trên cơ sở được cấp phép.

(dd) "Bất hợp lý không thể thực hiện" có nghĩa là các biện pháp cần thiết để tuân thủ theo các quy định đòi hỏi một sự đầu tư lớn về rủi ro, tiền bạc, thời gian, hoặc bất kỳ nguồn lực hoặc tài sản nào khác như vậy, mà hoạt động của cơ sở sản xuất cần sa không đáng để thực hiện trong thực tế bởi một người kinh doanh thận trọng hợp lý.

(ee) "Trung tâm thanh thiếu niên" sẽ mang nghĩa tương tự như trong

Đoạn 11353.1 của Bộ Luật Sức Khỏe và An Toàn.

CHƯƠNG 2. QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH

26010. (a) Phòng Quản Lý Cần Sa Y Tế được thành lập tại Đoạn 19302 sau đây được đổi tên thành Phòng Kiểm Soát Cần Sa. Giám đốc sẽ quản lý hành chính và thực thi các điều khoản của phần này bên cạnh các điều khoản của Chương 3.5 (bắt đầu từ Đoạn 19300) Phần 8. Giám đốc có quyền hạn và thẩm quyền tương tự theo quy định tại tiểu mục (b) và (c) của Đoạn 19302.1 cho các mục đích của phần này.

(b) Phòng và giám đốc sẽ kế tục và được trao toàn bộ nhiệm vụ, quyền hạn, mục đích, trách nhiệm và thẩm quyền bởi Phòng Quản Lý Cần Sa Y Tế theo quy định tại Chương 3.5 (bắt đầu từ Đoạn 19300) Phần 8.

(c) Ngoài những quyền hạn, nhiệm vụ, mục đích, trách nhiệm và thẩm quyền được tham chiếu trong tiểu mục (b), trước đây phòng sẽ có quyền hạn, nghĩa vụ, mục đích, trách nhiệm và thẩm quyền để điều chỉnh hoạt động cần sa thương mại theo quy định tại phần này.

(d) Vào ngày có hiệu lực của Đoạn này, bất cứ khi nào "Phòng Quản Lý Cần Sa Y Tế" xuất hiện trong bất kỳ đạo luật, quy định, hoặc hợp đồng hay trong bất kỳ bộ luật nào khác, nó sẽ được hiểu là tham chiếu với Phòng.

26011. Cả trưởng phòng hay bất kỳ thành viên nào của Ban Kêu Gọi Kiểm Soát Cần Sa được thành lập theo Đoạn 26040 sẽ không thực hiện bất cứ hành động nào dưới đây:

(a) Nhận bất kỳ khoản hoa hồng hay lợi nhuận nào, trực tiếp hay gián tiếp, từ bất cứ người nào nộp đơn xin hoặc tiếp nhận bất kỳ giấy phép hoặc sự cho phép nào theo quy định tại phần này hoặc Chương 3.5 (bắt đầu từ Đoạn 19300) Phần 8.

(b) Tham gia hoặc có bất kỳ lợi ích nào trong việc kinh doanh hoặc cung cấp bất kỳ bảo hiểm nào liên quan đến doanh nghiệp hay dinh cơ của người có giấy phép.

(c) Tham gia hoặc có bất kỳ lợi ích nào trong việc bán thiết bị sử dụng khi dinh cơ của người có giấy phép được đưa tham gia vào hoạt động cần sa thương mại.

(d) Cố ý chào mời bất kỳ người có giấy phép nào để mua tấm vé lợi ích hoặc cấu thành lợi ích.

(e) Cố ý yêu cầu bất kỳ người có giấy phép nào phải quyên tặng hay nhận tiền, hoặc bất cứ thứ gì khác có giá trị, vì lợi ích của bất kỳ người nào.

26012. (a) Đó đang là một vấn đề đáng quan tâm trên toàn tiểu bang, trừ trường hợp được ủy quyền trong phần này:

(1) Cục Sự Vụ Người Tiêu Dùng sẽ có thẩm quyền duy nhất trong việc tạo, ban hành, đổi mới, kỷ luật, đình chỉ hoặc thu hồi giấy phép đối với việc vận chuyển, tàng trữ không liên quan đến các hoạt động sản xuất, phân phối và bán cần sa trong tiểu bang.

(2) Bộ Thực Phẩm và Nông Nghiệp sẽ quản lý hành chính theo các quy định của phần này liên quan đến và kết hợp với việc trồng cần sa. Bộ Thực Phẩm và Nông Nghiệp sẽ có thẩm quyền trong việc tạo, ban hành và đình chỉ hoặc thu hồi giấy phép trồng cần sa đối với các vi phạm tại phần này.

(3) Bộ Y Tế Công Cộng Tiểu Bang sẽ quản lý hành chính theo các quy định của phần này liên quan đến và kết hợp với việc sản xuất và thử nghiệm cần sa. Bộ Y Tế Công Cộng Tiểu Bang sẽ có thẩm quyền trong việc tạo, ban hành và đình

chỉ hoặc thu hồi giấy phép sản xuất và thử nghiệm cần sa đối với các vi phạm tại phần này.

(b) Các cơ quan cấp giấy phép và phòng sẽ có thẩm quyền thu lệ phí liên quan đến những hoạt động mà họ điều chỉnh có liên quan tới cần sa. Phòng có thể tạo ra những giấy phép ngoài các giấy phép được xác định trong phần này mà phòng xét thấy cần thiết để thực thi nhiệm vụ của mình theo phần này.

(c) Các cơ quan cấp giấy phép sẽ bắt đầu cấp giấy phép theo quy định tại phần này trước ngày 1 tháng Giêng năm 2018.

26013. (a) Các cơ quan cấp giấy phép có trách nhiệm lập và quy định những điều lệ và nội quy hợp lý có thể cần thiết để thực hiện, quản lý và thực thi các nghĩa vụ tương ứng của mình theo quy định tại phần này phù hợp với Chương 3.5 (bắt đầu từ Đoạn 11340) Mục 1 Phần 3 Tiêu đề 2 của Bộ Luật Chính Quyền. Những điều lệ và nội quy này phải phù hợp với các mục đích và định hướng của Đạo Luật Kiểm Soát, Điều Tiết và Sử Dụng Cần Sa Đối Với Người Lớn Có Đóng Thuế.

(b) Cơ quan cấp giấy phép có thể quy định, thông qua và thực thi bất kỳ quy chế khẩn cấp nào khi cần thiết nhằm thực hiện, quản lý và thực thi các nghĩa vụ tương ứng của mình theo quy định tại phần này. Bất kỳ quy chế khẩn cấp nào được quy định, thông qua hoặc thực thi chiếu theo đoạn này sẽ được áp dụng phù hợp với Chương 3.5 (bắt đầu từ Đoạn 11340) Mục 1 Phần 3 Tiêu đề 2 của Bộ Luật Chính Quyền, và, vì mục đích của chương này, bao gồm Đoạn 11349.6 của Bộ Luật Chính Quyền, việc áp dụng quy chế này là một trường hợp khẩn cấp và cần phải được Phòng Luật Hành Chính xem xét như là một điều kiện cần thiết để gìn giữ ngay lập tức hòa bình cho công chúng, sức khỏe và an toàn, và phúc lợi chung.

(c) Các quy định được ban hành theo phần này sẽ là cần thiết để nhằm đạt được các mục đích của phần này, dựa trên bằng chứng sẵn có tốt nhất, và chỉ bắt buộc đối với các thủ tục, công nghệ mang tính khả thi thương mại và các yêu cầu khác, và sẽ không hạn chế hay ngăn chặn bất hợp lý việc triển khai các thủ tục hoặc công nghệ thay thế nhằm đạt được những yêu cầu đáng kể tương tự, cũng như các quy định tương tự sẽ khiến việc thực hiện tuân thủ trở nên bất hợp lý không thể thực hiện.

26014. (a) Phòng phải triệu tập một ủy ban tham vấn để tư vấn cho phòng và các cơ quan cấp giấy phép về việc triển khai các tiêu chuẩn và quy định chiếu theo phần này, bao gồm các thực hành và hướng dẫn tốt nhất nhằm bảo vệ sức khỏe và an toàn cộng đồng trong khi vẫn đảm bảo được một môi trường điều chỉnh cho hoạt động cần sa thương mại mà không áp đặt những rào cản vô lý không thể thực hiện như vậy nhằm duy trì, thay vì giảm thiểu và loại bỏ, thị trường cần sa bất hợp pháp.

(b) Các ủy viên ủy ban tham vấn sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, các đại diện của ngành công nghiệp cần sa, đại diện của các tổ chức lao động, cơ quan tiểu bang và địa phương phù hợp, các chuyên gia y tế công cộng, và các chuyên gia cho những vấn đề khác, bao gồm các đại diện từ Sở Kiểm Soát Đồ Uống Có Cồn, có chuyên môn trong việc điều tiết hoạt động thương mại đối với các chất gây nghiện khi sử dụng ở người lớn. Các ủy viên ủy ban tham vấn sẽ được xác định bởi giám đốc.

(c) Bắt đầu từ ngày 1 tháng Giêng năm 2019, ủy ban tham vấn sẽ công bố một báo cáo công khai hàng năm mô tả các hoạt động của mình bao gồm, nhưng không giới hạn, các đề nghị của ủy ban tham vấn đối với phòng và các cơ quan cấp giấy phép trong năm dương lịch trước liền kề và liệu những đề nghị

này đã được phòng và các cơ quan cấp giấy phép thực hiện hay chưa.

26015. Một cơ quan cấp giấy phép có thể thực hiện hoặc xúc tiến để được thực hiện cuộc điều tra như vậy nếu xét thấy cần thiết để thực thi các nhiệm vụ của mình theo phần này.

26016. Đối với bất kỳ buổi điều trần nào được tổ chức theo quy định tại phần này, ngoại trừ buổi điều trần được tổ chức theo Chương 4 (bắt đầu từ Đoạn 26040), cơ quan cấp giấy phép có thể ủy quyền cho một thẩm phán luật hành chính lắng nghe và quyết định. Buổi điều trần bất kỳ trước một thẩm phán luật hành chính sẽ được căn cứ vào các thủ tục, điều lệ và hạn chế theo quy định tại Chương 5 (bắt đầu từ Đoạn 11500) Mục 1 Phần 3 Tiêu đề 2 của Bộ Luật Chính Quyền.

26017. Trong bất kỳ buổi điều trần nào trước một cơ quan cấp giấy phép theo quy định tại phần này, cơ quan cấp giấy phép có thể chi trả cho bất cứ người nào ra hầu tòa với tư cách là một nhân chứng tại phiên điều trần theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép căn cứ vào lệ phí trả tòa, các chi phí thực tế, cần thiết, và các chi phí đi lại, ăn ở hợp lý của người đó, không vượt quá số tiền ủy quyền cho nhân viên tiểu bang.

26018. Cơ quan cấp giấy phép có thể tự kiến nghị bất cứ lúc nào trước khi việc đánh giá hình phạt đi vào hiệu lực, và không có bất kỳ thủ tục và đánh giá hình phạt nào được thực hiện thêm nữa, tuy nhiên, việc đánh giá như vậy phải được giới hạn để giảm thiểu.

CHƯƠNG 3. THỰC THI

26030. Căn cứ để xử lý kỷ luật bao gồm:

(a) Không tuân thủ các quy định của phần này hoặc bất kỳ điều lệ hay quy định nào đã được thông qua chiếu theo phần này.

(b) Thực hiện hành vi cấu thành căn cứ để từ chối cấp giấy phép chiếu theo quy định tại Chương 3 (bắt đầu từ Đoạn 490) Phần 1.5.

(c) Bất kỳ căn cứ nào khác có trong những quy định đã được thông qua bởi một cơ quan cấp giấy phép chiếu theo phần này.

(d) Không tuân thủ luật tiểu bang bất kỳ, bao gồm nhưng không giới hạn, việc nộp thuế theo yêu cầu của Bộ Luật Thu Nhập và Thuế Vụ, trừ trường hợp được quy định tại phần này hoặc luật California khác.

(e) Cố ý vi phạm bất kỳ luật, sắc lệnh hoặc quy định của tiểu bang hay địa phương liên quan đến việc bảo vệ người lao động hoặc các quyền pháp lý đối với nhân viên của một người có giấy phép.

(f) Không tuân thủ yêu cầu của một sắc lệnh địa phương về điều tiết hoạt động cần sa thương mại.

(g) Cố ý bán có chủ đích cần sa hoặc các sản phẩm cần sa của một người có giấy phép cho người dưới độ tuổi hợp pháp được phép mua hoặc sở hữu.

26031. Mỗi cơ quan cấp giấy phép có thể đình chỉ hoặc thu hồi giấy phép, sau khi thông báo và có buổi điều trần thích hợp với người có giấy phép, nếu người có giấy phép được phát hiện là đã thực hiện bất kỳ hành vi hay thiếu sót nào cấu thành căn cứ để xử lý kỷ luật. Các thủ tục xử lý kỷ luật theo chương này sẽ được tiến hành phù hợp với Chương 5 (bắt đầu từ Đoạn 11500) Mục 1 Phần 3 Tiêu đề 2 của Bộ Luật Chính Quyền, và giám đốc của mỗi cơ quan cấp giấy phép sẽ có tất cả quyền hạn được cấp trong đó.

26032. Mỗi cơ quan cấp phép có thể có thực hiện xử lý kỷ luật đối với người có giấy phép vì bất kỳ vi phạm nào tại phần này khi hành vi vi phạm đã được

cam kết bởi cơ quan hoặc nhân viên của người có giấy phép trong khi đang hành động đại diện cho người có giấy phép hoặc đã tham gia vào hoạt động cần sa thương mại.

26033. Sau khi tạm ngưng hoặc thu hồi giấy phép, cơ quan cấp giấy phép cần phải thông báo cho phòng. Sau đó, Phòng sẽ thông báo cho tất cả các cơ quan cấp giấy phép khác.

26034. Những cáo buộc chống lại người có giấy phép theo quy định tại phần này cần phải được nộp trong cùng thời hạn như được quy định tại Đoạn 19314 hoặc được quy định bởi luật.

26035. Giám đốc sẽ chỉ định một người được thuê bởi Cục Sự Vụ Người Tiêu Dùng cho các mục đích quản lý hành chính và thực thi phần này. Giám đốc phải đảm bảo có đủ số lượng nhân viên là cán bộ hòa bình có năng lực cho các mục đích thực thi phần này.

26036. Không nội dung nào trong phần này sẽ được giải thích để thay thế hoặc hạn chế các cơ quan tiểu bang trong việc thi hành quyền hạn thực thi hiện có của họ, bao gồm, nhưng không giới hạn, theo Bộ Luật Thủy Sản và Thú Sản, Bộ Luật Thực Phẩm và Nông Nghiệp, Bộ Luật Chính Quyền, Bộ Luật Sức Khỏe và An Toàn, Bộ Luật Tài Nguyên Công Cộng, Bộ Luật Nước, hoặc việc áp dụng các luật đó.

26037. (a) Các hành động của người có giấy phép, nhân viên, và cơ quan của họ (1) được cho phép theo giấy phép được cấp theo quy định tại phần này và bất kỳ sắc lệnh địa phương hiện hành nào và (2) được tiến hành phù hợp với các yêu cầu của phần này và các quy định đã được thông qua theo quy định tại phần này, không phải là bất hợp pháp theo luật tiểu bang và sẽ không phải là một hành vi phạm tội cần bị bắt giữ, truy tố, xử phạt khác theo luật tiểu bang, hoặc bị phạt dân sự hoặc là một cơ sở cho việc tịch thu hoặc tước đoạt tài sản theo luật tiểu bang.

(b) Những hành động của một người, trong đức tin tốt, cho phép tài sản của mình được sử dụng bởi một người có giấy phép, nhân viên và cơ quan của họ, khi được cho phép theo giấy phép tiểu bang và bất kỳ sắc lệnh địa phương hiện hành nào, không phải là bất hợp pháp theo luật tiểu bang và sẽ không phải là một hành vi phạm tội cần bị bắt giữ, truy tố, xử phạt khác theo luật tiểu bang, hoặc bị phạt dân sự hoặc là một cơ sở cho việc tịch thu hoặc tước đoạt tài sản theo luật tiểu bang.

26038. (a) Người tham gia vào hoạt động cần sa thương mại không có giấy phép theo yêu cầu của phần này sẽ phải chịu hình phạt dân sự lên tới ba lần số tiền lệ phí cấp giấy phép cho mỗi vi phạm, và tòa án có thể ra lệnh tiêu hủy cần sa liên quan đến vi phạm đó theo quy định tại Đoạn 11479 của Bộ Luật Sức Khỏe và An Toàn. Mỗi ngày hoạt động sẽ cấu thành một vi phạm riêng biệt theo đoạn này. Tất cả các khoản tiền phạt dân sự được áp dụng và thu bởi cơ quan cấp giấy phép chiếu theo phần này phải được nộp vào Quỹ Tổng Quát, trừ trường hợp ngoại lệ theo quy định tại tiểu mục (b).

(b) Nếu một hành động phạt dân sự được Bộ Trưởng Tư Pháp thực hiện thay mặt cho người dân nhằm chống lại một người có giấy phép chiếu theo phần này, tiền phạt thu được phải nộp vào Quỹ Tổng Quát. Nếu hành động này được thực hiện bởi một biện lý khu hoặc cố vấn pháp luật quận, tiền phạt sẽ được sử dụng trước tiên để bồi hoàn cho biện lý khu hoặc cố vấn pháp luật quận cho các chi phí để thực hiện hành động đối với các hình phạt dân sự, phần còn lại, nếu có, sẽ được nộp vào Quỹ Tổng Quát. Nếu hành động này được thực hiện bởi một biện lý thành phố hoặc công tố viên thành phố, tiền phạt sẽ được sử dụng trước

tiên để bồi hoàn cho biện lý thành phố hoặc công tố viên thành phố cho các chi phí để thực hiện hành động đối với các hình phạt dân sự, phần còn lại, nếu có, sẽ được nộp vào Quỹ Tổng Quát.

(c) Ngoài tiểu mục (a), các hình phạt hình sự sẽ tiếp tục áp dụng đối với người không có giấy phép tham gia hoạt động cần sa thương mại vi phạm phần này.

CHƯƠNG 4. KHÁNG CÁO

26040. (a) Chính phủ tiểu bang đã thành lập một Ban Hội Thẩm Kháng Cáo Về Kiểm Soát Cần Sa (Marijuana) gồm có ba thành viên do Thống Đốc chỉ định và phải được xác nhận bằng đa số phiếu chấp thuận của tất cả các thành viên đã được bầu vào Thượng Viện. Mỗi thành viên, vào thời điểm được chỉ định lần đầu, phải là cư dân của một hạt khác với hạt mà hai thành viên còn lại đang cư trú. Thành viên của ban hội thẩm nhận lương theo năm theo quy định tại Chương 6 (bắt đầu từ Đoạn 11550) của Phần 1 của Mục 3 của Tiêu đề 2 của bộ Pháp Điển.

(b) Thành viên của Ban Hội Thẩm có thể bị Thống Đốc cách chức khỏi văn phòng, và Lập pháp viện có quyền, với đa số phiếu chấp thuận của tất cả các thành viên được bầu vào từng Viện, để cách chức bất kỳ thành viên Ban Hội Thẩm nào ra khỏi văn phòng vì lý do xao lãng trách nhiệm, tham nhũng hoặc thiếu năng lực.

(c) Một nghị quyết thống nhất cách chức một thành viên của Ban Hội Thẩm chỉ có thể được giới thiệu trong Lập Pháp Viện khi có 5 thành viên của Thượng viện, hoặc 10 thành viên của Hội Đồng Lập Pháp tham gia nghị quyết.

26041. Tất cả các thành viên của Ban Hội Thẩm phải được bổ nhiệm, tuyển dụng, chỉ đạo và kiểm soát bởi Ban Hội Thẩm phù hợp với các yêu cầu đối với công chức của tiểu bang. Giám đốc sẽ cung cấp thiết bị, vật tư, và nhà ở cần thiết cho các hoạt động được giao của Ban Hội Thẩm và sẽ thực hiện các cơ chế quản trị khác theo sự đồng thuận chung giữa Ban Hội Thẩm và giám đốc.

26042. Ban Hội Thẩm sẽ áp dụng các quy trình kháng cáo tương tự như các quy trình được nêu tại Điều 3 (bắt đầu từ Đoạn 23075) và Điều 4 (bắt đầu từ Đoạn 23080) của Chương 1.5 của Mục 9 của Bộ Luật Kinh Doanh và Ngành Nghề. Các quy trình này phải được thực hiện theo Đạo Luật Thủ Tục Hành Chính (Chương 3.5 (bắt đầu từ Đoạn 11340) của Phần 1 của Mục 3 của Tiêu đề 2 của Bộ Pháp Điển).

26043. (a) Khi có người không đồng ý và do đó kháng cáo lại quyết định của Cục hoặc của một cơ quan cấp phép yêu cầu đánh giá hình phạt, cấp, từ chối, chuyển nhượng, quy định, đình chỉ hoặc thu hồi một giấy phép được cấp theo quy định của Mục này, hội thẩm đoàn phải xem xét lại quyết định theo các giới hạn mà Lập Pháp Viện có thể đưa ra. Trong các trường hợp đó, Ban Hội Thẩm không được nhận bằng chứng ngoài bằng chứng đã được Cục hoặc cơ quan cấp phép xem xét.

(b) Việc đánh giá của Ban Hội Thẩm về một quyết định của Cục hoặc một cơ quan cấp phép chỉ được giới hạn trong các vấn đề sau:

- (1) Liệu Cục hoặc cơ quan cấp phép có thực hiện ngoài hoặc vượt quá thẩm quyền của mình hay không.
- (2) Liệu Cục hoặc cơ quan cấp phép có thực hiện theo cách thức mà pháp luật quy định hay không.
- (3) Quyết định có kèm theo các kết quả kiểm tra thực tế hay không.
- (4) Các kết quả kiểm tra thực tế có kèm theo bằng chứng cơ bản, có xét đến toàn bộ hồ sơ hay không.

26044. (a) Trong các vụ kháng cáo, nếu Ban Hội Thẩm thấy rằng có bằng chứng liên quan mà, với sự cần trọng hợp lý, không thể xuất trình được hoặc đã bị loại ra một cách không phù hợp trong buổi điều trần trước Cục hoặc cơ quan cấp phép, thì Ban Hội Thẩm có thể chuyển trả lại vụ việc cho Cục hoặc cơ quan cấp phép để xem xét lại theo bằng chứng đó.

(b) Ngoài trừ các quy định đã được nêu ở Tiểu mục (a), trong tất cả các vụ kháng cáo, Ban Hội Thẩm phải yêu cầu Cục hoặc cơ quan cấp phép khẳng định hoặc hủy bỏ quyết định của mình. Khi yêu cầu hủy bỏ quyết định của Cục hoặc cơ quan cấp phép, Ban Hội Thẩm có thể chỉ đạo việc xem xét lại vấn đề theo lệnh của mình và có thể chỉ đạo Cục hoặc cơ quan cấp phép thực hiện hành động bổ sung theo quy định của pháp luật, song yêu cầu này không được giới hạn hoặc kiểm soát dưới bất kỳ hình thức nào quyền tùy nghi của Cục hoặc cơ quan cấp phép đã được luật pháp cho phép.

26045. Các yêu cầu của Ban Hội Thẩm phải được xem xét về mặt pháp lý theo Đoạn 1094.5 của Đạo Luật về Thủ Tục Dân Sự khi có kiến nghị của Cục hoặc cơ quan cấp phép hoặc bất kỳ bên nào không đồng ý với yêu cầu đó.

CHƯƠNG 5. CẤP PHÉP

26050. (a) Việc phân loại giấy phép theo Mục này tối thiểu phải như sau:

- (1) Loại 1—Trồng; Chuyên canh trong nhà; Nhỏ.
- (2) Loại 1A—Trồng; Chuyên canh trong nhà; Nhỏ.
- (3) Loại 1B—Trồng; Chuyên canh ánh sáng hỗn hợp; Nhỏ.
- (4) Loại 2—Trồng; Ngoài trời; Nhỏ.
- (5) Loại 2A—Trồng; Trong nhà; Nhỏ.
- (6) Loại 2B—Trồng; Ánh sáng hỗn hợp; Nhỏ.
- (7) Loại 3—Trồng; Ngoài trời; Trung bình.
- (8) Loại 3A—Trồng; Trong nhà; Trung bình.
- (9) Loại 3B—Trồng; Ánh sáng hỗn hợp; Trung bình.
- (10) Loại 4—Trồng; Vườn ươm.
- (11) Loại 5—Trồng; Ngoài trời; Lớn.
- (12) Loại 5A—Trồng; Trong nhà; Lớn.
- (13) Loại 5B—Trồng; Ánh sáng hỗn hợp; Lớn.
- (14) Loại 6—Chế biến 1.
- (15) Loại 7—Chế biến 2.
- (16) Loại 8—Thử nghiệm.
- (17) Loại 10—Bán lẻ.
- (18) Loại 11—Phân phối.
- (19) Loại 12—Kinh doanh siêu nhỏ.

(b) Tất cả các giấy phép được cấp theo Mục này phải nêu rõ rằng giấy phép được cấp cho hoạt động kinh doanh cần sa vì mục đích thương mại, khác với hoạt động kinh doanh cần sa vì mục đích thương mại y tế cấp phép theo Chương 3.5 (bắt đầu từ Đoạn 19300) của Mục 8. Ví dụ về việc nêu cụ thể này bao gồm, song không chỉ giới hạn ở "Loại 1—Phi Y tế" hoặc "Loại 1NM."

(c) Giấy phép cấp theo Mục này phải có giá trị trong 12 tháng kể từ ngày cấp. Giấy phép có thể được gia hạn hàng năm.

(d) Mỗi cơ quan cấp phép đều phải lập các quy trình cấp và gia hạn giấy phép.

(e) Bất kể Tiểu mục (c), cơ quan cấp phép có thể cấp giấy phép tạm thời với thời hạn dưới 12 tháng. Tiểu mục này sẽ hết hiệu lực vào ngày 1 tháng Giêng năm 2019.

26051. (a) Khi xác định việc cấp, từ chối hoặc gia hạn giấy phép thực hiện theo Mục này, cơ quan cấp phép phải xem xét các yếu tố liên quan một cách hợp lý để xác định, bao gồm, nhưng không giới hạn ở việc họ có dự kiến một cách hợp lý được rằng việc cấp, từ chối hoặc gia hạn giấy phép đó có thể:

- (1) Làm hạn chế một cách bất hợp lý về cạnh tranh do tạo ra hoặc duy trì độc quyền bất hợp pháp;
- (2) Duy trì sự hiện diện của một thị trường cần sa hoặc sản phẩm cần sa bất hợp pháp trong hoặc ngoài tiểu bang;
- (3) Khuyến khích người chưa đủ tuổi sử dụng hoặc người lớn lạm dụng cần sa hoặc sản phẩm cần sa, hoặc vận chuyển trái phép cần sa hoặc sản phẩm cần sa ra khỏi tiểu bang;
- (4) Tạo ra sự tập trung qua nhiều người được cấp phép ở một thành phố, hạt hoặc cả hai;
- (5) Xuất hiện nguy cơ bất hợp lý về việc thanh thiếu niên tiếp xúc với cần sa hoặc sản phẩm cần sa; hoặc
- (6) Dẫn đến hậu quả vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

(b) Cơ quan cấp phép có thể từ chối cấp hoặc gia hạn giấy phép trên cơ sở các nội dung nêu tại Tiểu mục (a).

(c) Vì mục đích của Mục này, "tập trung quá nhiều" có nghĩa là khi lãnh địa cho một giấy phép bán lẻ, giấy phép kinh doanh nhỏ, hoặc giấy phép được cấp theo Mục 26070.5 nằm trong một khu vực tồn tại một trong hai điều kiện sau:

- (1) Tỷ lệ người được cấp phép so với dân số trong dãy điều tra hoặc số khối điều tra trong đó có lãnh địa của người xin cấp phép vượt quá tỷ lệ số người được cấp phép so với số dân trong hạt nơi có lãnh địa của người xin cấp phép, trừ khi việc từ chối cấp phép sẽ làm giới hạn quá mức sự phát triển của thị trường hợp pháp và khiến duy trì thị trường cần sa hoặc sản phẩm cần sa bất hợp pháp.
- (2) Tỷ lệ giấy phép bán lẻ, giấy phép cho doanh nghiệp kinh doanh siêu nhỏ hoặc giấy phép theo quy định tại Đoạn 26070.5 so với dân số trong dãy điều tra, khối điều tra hoặc pháp lý vượt quá mức cho phép theo quy định của pháp luật áp dụng theo Đoạn 26200.

26052. (a) Người được cấp phép không được thực hiện, hoặc cho phép nhân viên, đại lý hoặc nhà thầu của mình thực hiện bất kỳ hành vi nào dưới đây:

- (1) Lập hợp đồng hạn chế kinh doanh, vi phạm Mục 16600;
- (2) Tạo ra một công ty hoặc tổ chức bị cấm khác để giới hạn việc kinh doanh, vi phạm Đoạn 16720;
- (3) Kinh doanh hoặc hợp đồng kinh doanh cần sa hoặc sản phẩm cần sa, hoặc cố định giá bán, hoặc giảm giá, hoặc hạ giá, với điều kiện, thỏa thuận hoặc ghi nhớ rằng người tiêu thụ hoặc người mua không được sử dụng hoặc mua bán hàng hóa, sản phẩm, máy móc, dịch vụ của một hoặc các đối thủ cạnh tranh của người bán đó, mà hậu quả của việc kinh doanh, hợp đồng, quy định, thỏa thuận hoặc ghi nhớ đó có thể làm ảnh hưởng cơ bản đến sự cạnh tranh hoặc có xu hướng tạo ra sự độc quyền trong bất kỳ ngành kinh doanh hoặc thương mại nào;

(4) Bán cần sa hoặc sản phẩm cần sa với giá thấp hơn nhằm gây tổn hại cho đối thủ cạnh tranh, tiêu diệt đối thủ cạnh tranh, hoặc gây hiểu lầm hay lừa dối người mua hoặc người mua tiềm năng;

(5) Phân biệt đối xử giữa các khu, các cộng đồng, thành phố, hoặc các phần, hay giữa các khu vực trong các khu, cộng đồng, thành phố hay phần đó trong tiểu bang này, bằng cách bán hoặc cung cấp cần sa hoặc sản phẩm cần sa với giá thấp hơn trong một khu, cộng đồng, thành phố hay phần, hoặc trong một khu vực của khu, cộng đồng, thành phố hoặc phần trong đó, nhằm gây hại hoặc tiêu diệt đối thủ cạnh tranh; hoặc

(6) Bán cần sa hoặc sản phẩm cần sa với giá thấp hơn cho người bán lẻ, hoặc cho tặng hàng hoặc sản phẩm, nhằm gây hại cho đối thủ cạnh tranh hoặc tiêu diệt sự cạnh tranh.

(b) Bất kỳ cá nhân nào, dù là giám đốc, viên chức hay đại lý của một công ty hay hãng, hoặc đại diện của bất kỳ người nào, vi phạm các điều khoản của chương này, hỗ trợ hoặc ủng hộ một cách trực tiếp hoặc gián tiếp cho sự vi phạm đó, đều phải chịu trách nhiệm tương đương với người, công ty hoặc hãng mà người đó vi phạm mà hành động.

(c) Cơ quan cấp phép có thể thực thi phần này bằng quy định phù hợp.

(d) Mọi cá nhân hoặc hiệp hội thương mại có thể thực hiện hành động để ra lệnh cấm và hạn chế sự vi phạm quy định tại phần này để bù đắp thiệt hại.

26053. (a) Cục và các cơ quan cấp phép có thể cấp giấy phép theo mục này cho các cá nhân và tổ chức có giấy phép theo Chương 3.5 (bắt đầu từ Đoạn 19300) của Mục 8.

(b) Bất kể nội dung Tiểu mục (a), một cá nhân hay tổ chức được cấp giấy phép thử nghiệm của bang theo mục này hoặc theo Chương 3.5 (bắt đầu từ Đoạn 19300) của Mục 8 sẽ bị cấm sử dụng giấy phép cho hoạt động khác, trừ việc thử nghiệm như được cấp phép theo Mục này.

(c) Trừ khi được nêu tại Tiểu mục (b), một cá nhân hoặc tổ chức có thể xin và được cấp nhiề giấy phép theo quy định của Mục này.

26054. (a) Người được cấp phép cũng không được cấp phép bán lẻ rượu bia theo Mục 9 (bắt đầu từ Đoạn 23000) hoặc sản phẩm thuốc lá.

(b) Không một người được cấp phép nào theo Mục này được hoạt động trong vòng bán kính cách các trường học 600 foot, gồm nhà trẻ, lớp học từ lớp 1 đến lớp 12, trung tâm chăm sóc trẻ ban ngày, trung tâm thanh thiếu niên đã tồn tại ở thời điểm cấp giấy phép, trừ khi cơ quan cấp phép hoặc cơ quan pháp luật địa phương quy định khoảng cách khác. Khoảng cách quy định ở phần này phải được đo theo cách tương tự như quy định tại Tiểu mục (c) of Đoạn 11362.768 của Đạo Luật Sức Khỏe và An Toàn, trừ khi pháp luật có quy định khác.

(c) Việc một doanh nghiệp sản xuất dụng cụ sử dụng cần sa sở hữu, vận chuyển, mua hoặc có một lượng nhỏ cần sa hoặc sản phẩm cần sa ở mức cần thiết để thực hiện nghiên cứu và phát triển sản phẩm dụng cụ của mình là hợp pháp theo quy định luật pháp của tiểu bang và địa phương, và không bị coi là vi phạm luật pháp của tiểu bang và địa phương, với điều kiện số cần sa và sản phẩm cần sa đó được cung cấp bởi một cá nhân hoặc tổ chức được cấp phép theo Mục này hoặc Chương 3.5 (bắt đầu từ Đoạn 19300) của Mục 8 được phép cung cấp hoặc giao số cần sa hoặc sản phẩm cần sa đó.

26054.1. (a) Cơ quan cấp phép không cấp hoặc gia hạn giấy phép cho người không thể chứng minh tình trạng cư trú liên tục tại California từ hoặc trước ngày 1 tháng Giêng năm 2015. Trong trường hợp người xin cấp phép

hoặc người được cấp phép là một tổ chức, tổ chức đó không được coi là cư dân nếu người kiểm soát tổ chức đó không thể chứng minh tình trạng cư trú liên tục tại California từ và trước ngày 1 tháng Giêng năm 2015.

(b) Tiểu mục (a) sẽ hết hiệu lực vào ngày 31 tháng Mười Hai năm 2019, trừ khi được gia hạn trước đó bởi Lập Pháp Viện.

26054.2. (a) Cơ quan cấp phép phải ưu tiên cấp phép theo Mục này cho các đương đơn có thể chứng minh đầy đủ rằng họ hoạt động theo Đạo Luật Cho Phép Sử Dụng Vi Lòng Trắc Ẩn và văn bản dưới luật trước ngày 1 tháng Chín năm 2016, hoặc hiện đang hoạt động theo Chương 3.5 (bắt đầu từ Đoạn 19300) của Mục 8.

(b) Cục sẽ yêu cầu các cơ quan pháp luật địa phương xác định các đối tượng xin cấp phép tiềm năng dựa trên hoạt động trước đó của đương đơn trong khuôn khổ pháp lý của địa phương theo luật pháp địa phương, bao gồm cả Đạo Luật Cho Phép Sử Dụng Vi Lòng Trắc Ẩn và các văn bản dưới luật và các quy định cần áp dụng khác của địa phương. Cục phải có sẵn các thông tin yêu cầu cho cơ quan cấp phép.

(c) Ngoài hoặc cùng với thông tin nêu tại Tiểu mục (b), người có đơn xin cấp phép có thể cung cấp các bằng chứng khác để chứng minh hoạt động theo Đạo Luật Cho Phép Sử Dụng Vi Lòng Trắc Ẩn hoặc Chương 3.5 (bắt đầu từ Đoạn 19300) của Mục 8. Cục và cơ quan cấp phép có thể chấp nhận các bằng chứng đó để cho phép ưu tiên theo Tiểu mục (a).

(d) Phần này sẽ hết hiệu lực vào ngày 31 tháng Mười Hai năm 2019, trừ khi có quy định khác của pháp luật.

26055. (a) Cơ quan cấp phép chỉ có thể cấp giấy phép cấp tiểu bang cho đương đơn có đủ năng lực.

(b) Việc thu hồi giấy phép cấp tiểu bang đã cấp theo Mục này sẽ chấm dứt việc người được cấp phép được hoạt động trong khu vực tiểu bang California, cho tới khi cơ quan cấp phép phục hồi hoặc cấp lại giấy phép cấp tiểu bang.

(c) Đối với người được cấp phép có nhiều địa điểm hoạt động, giấy phép riêng sẽ được cấp cho từng địa điểm hoạt động đó, trừ khi có quy định khác theo pháp luật.

(d) Sau khi được cấp hoặc chuyển đổi giấy phép, người được cấp phép không được thay đổi hoặc điều chỉnh địa điểm theo cách làm thay đổi thực tế hoặc cơ bản địa điểm và việc sử dụng địa điểm đó, hoặc chế độ hay tính chất của hoạt động kinh doanh thực hiện từ địa điểm, so với sơ đồ trong file nộp kèm theo đơn xin cấp phép, trừ khi và chỉ đến khi nhận được văn bản chấp thuận trước của cơ quan cấp phép hoặc của Cục. Vì mục đích của phần này, thay đổi thực tế hoặc cơ bản địa điểm, hoặc thay đổi việc sử dụng địa điểm, sẽ bao gồm, song không giới hạn ở, việc tăng hoặc giảm đáng kể tổng diện tích của khu vực được cấp phép theo sơ đồ đã lập trước đây, hoặc các thay đổi thực tế khác dẫn đến thay đổi cơ bản về chế độ hay tính chất của hoạt động kinh doanh.

(e) Cơ quan cấp phép không được phê duyệt đơn xin cấp phép cấp tiểu bang theo Mục này nếu việc phê duyệt đó vi phạm các điều khoản của pháp luật địa phương áp dụng theo Đoạn 26200.

26056. Đương đơn xin cấp bất kỳ loại giấy phép cấp tiểu bang nào theo mục này đều phải tuân thủ các quy định nêu tại Đoạn 19322, trừ khi pháp luật có quy định khác, bao gồm việc nộp qua đường điện tử ảnh dấu vân tay và các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật hoặc của cơ quan cấp phép, ngoài trừ các điều dưới đây:

(a) Bất kể đoạn (2) của Tiểu mục (a) của Đoạn 19322, người nộp đơn xin cấp phép không cần nộp giấy tờ chứng minh rằng họ đã nhận được giấy phép, cấp phép hoặc ủy quyền cho phép hoạt động khác từ chính quyền địa phương nơi người có đơn muốn hoạt động;

(b) Đơn xin cấp phép theo Mục này phải kèm theo chứng minh rằng địa điểm đề xuất đáp ứng các yêu cầu giới hạn nêu tại Tiểu mục (b) của Đoạn 26054; và

(c) Đối với những người nộp đơn xin cấp phép trồng, phân phối hoặc chế biến cần sa hoặc sản phẩm cần sa phi y tế, đơn cũng phải kèm theo diễn giải chi tiết về quy trình hoạt động của người làm đơn cho tất cả các hoạt động sau theo yêu cầu của cơ quan cấp phép:

(1) Trồng.

(2) Phương pháp chiết xuất và pha chế.

(3) Quy trình vận chuyển.

(4) Quy trình lưu kho.

(5) Quy trình kiểm soát chất lượng.

(6) Nguồn hoặc các nguồn nước sẽ sử dụng cho các hoạt động được cấp phép, bao gồm cả chứng minh rằng người nộp đơn có thể sử dụng nước đó một cách hợp pháp theo luật pháp của tiểu bang.

(d) Người nộp đơn phải cung cấp một sơ đồ chi tiết về các địa điểm đề xuất để thực hiện các hoạt động được cấp phép, với mức độ chi tiết đủ để có thể xác định ngay các đường biên giới của khu đất, cho thấy tất cả các đường bao, kích thước, lối vào và lối ra, các vách ngăn bên trong, tường, phòng, lối đi chung và riêng, và một phần thuyết minh ngắn hoặc mô tả hoạt động chính sẽ thực hiện trong đó, và để cấp phép trồng cần sa, phải có kích thước của mái che, bao gồm tổng diện tích và diện tích riêng của từng khu trồng cần sa, nếu có.

26056.5. Cục sẽ đề ra các thể thức mà mỗi cơ quan cấp phép phải thực hiện để đảm bảo tuân thủ pháp luật tiểu bang và các quy định liên quan đến tác động môi trường, bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên, chất lượng nước, cung cấp nước, chất độc hại, và sử dụng thuốc trừ sâu theo quy định, bao gồm nhưng không giới hạn ở Đạo Luật về Chất Lượng Môi Trường California (Mục 13 (bắt đầu từ Đoạn 21000) của Luật Các Nguồn Lực Công Cộng), Luật Bảo Vệ Các Loài Quý Hiếm của California (Chương 1.5 (bắt đầu từ Đoạn 2050) của Mục 3 của Đạo Luật về Câu Cá và Trò Chơi), các thỏa thuận về thay đổi hồ và suối (Chương 6 (bắt đầu từ Đoạn 1600) của Mục 2 của Đạo Luật về Câu Cá và Trò Chơi), Đạo Luật về Nước Sạch (33 Pháp Điển Hoa Kỳ, Phần 1251), Đạo Luật Quản Lý Chất Lượng Nước Porter-Cologne (Mục 7 (bắt đầu từ Đoạn 13000) của Đạo Luật về Nước), các khu vực sản xuất gỗ, các yêu cầu về xả nước thải, giấy phép hoặc quyền cần thiết để nắn dòng nước.

26057. (a) Cơ quan cấp phép sẽ từ chối cấp phép nếu người xin cấp phép hoặc địa điểm xin được cấp phép không đáp ứng các yêu cầu để được cấp phép theo Mục này.

(b) Các cơ quan cấp phép có thể từ chối đơn xin cấp hoặc gia hạn giấy phép cấp tiểu bang nếu xảy ra một trong các trường hợp sau:

(1) Không tuân thủ các quy định của Mục này, quy tắc hay quy định áp dụng theo Mục này, hoặc các yêu cầu về bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên, bao gồm, nhưng không giới hạn ở việc bảo vệ lưu lượng và chất lượng nước.

(2) Hạnh động là cơ sở cho việc từ chối cấp phép theo Chương 2 (bắt đầu từ Đoạn 480) của Mục 1.5, trừ khi được quy định khác trong đoạn này và Đoạn 26059.

(3) Không cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan cấp phép.

(4) Người nộp đơn hoặc người có giấy phép đã bị kết án về một tội có liên quan đáng kể đến năng lực, chức năng hoặc các nghĩa vụ kinh doanh hoặc ngành nghề mà các đơn được thực hiện, trừ trường hợp cơ quan cấp phép quyết định rằng người nộp đơn hoặc người có giấy phép là phù hợp để được cấp giấy phép, và việc cấp giấy phép sẽ không ảnh hưởng đến sự an toàn công cộng, cơ quan cấp phép phải tiến hành xem xét thấu đáo về bản chất tội trạng, bản án, hoàn cảnh, và bằng chứng về sự phục hồi của người nộp đơn, và phải đánh giá sự phù hợp của người nộp đơn hoặc người được cấp phép đối với việc cấp giấy phép dựa trên các bằng chứng tìm được thông qua việc xem xét. Khi xác định hành vi phạm tội có liên quan đáng kể đến năng lực, chức năng hoặc nhiệm vụ của doanh nghiệp hoặc ngành nghề mà đơn xin cấp phép được thực hiện, cơ quan cấp phép sẽ xét đến, nhưng không giới hạn ở, những điều sau đây:

(A) Trọng tội bị kết án bạo lực, theo quy định tại Tiểu mục (c) của Đoạn 667.5 của Đạo Luật Tổ Tụng Hình Sự.

(B) Trọng tội bị kết án mang tính chất nghiêm trọng, theo quy định tại Tiểu mục (c) của Đoạn 1192.7 của Đạo Luật Tổ Tụng Hình Sự.

(C) Trọng tội bị kết án liên quan đến gian lận, lừa dối, hoặc biển thủ.

(D) Trọng tội do cho thuê, sử dụng, hoặc sử dụng trẻ em để vận chuyển, mang, bán, cho, chuẩn bị để bán, hoặc bán rong các chất bị kiểm soát cho trẻ em; hoặc bán, chào bán, cung cấp, chào mời cung cấp, quản lý hoặc cho tặng chất bị kiểm soát cho trẻ em.

(E) Trọng tội do buôn lậu ma túy với tính chất tăng cường theo Đoạn 11370.4 hoặc 11379.8.

(5) Trừ khi được quy định trong phần (D) và (E) của đoạn (4) và bất kể Chương 2 (bắt đầu từ Đoạn 480) của Mục 1.5, một bản án trước đây, trong đó có bao gồm hạn quản chế, giam giữ hoặc thả có giám sát, được thi hành xong, do tội sở hữu, sở hữu để bán, bán, sản xuất, vận chuyển hoặc trồng các chất bị kiểm soát, sẽ không được coi là liên quan đáng kể, và sẽ không là cơ sở duy nhất để từ chối cấp giấy phép. Việc bị kết án phạm tội liên quan đến chất bị kiểm soát sau khi được cấp phép sẽ là căn cứ để thu hồi giấy phép hoặc từ chối gia hạn giấy phép.

(6) Người nộp đơn hoặc quản lý, giám đốc hoặc chủ sở hữu của họ, đã bị phạt tiền hoặc xử phạt do trồng hoặc sản xuất chất bị kiểm soát trên đất công cộng hoặc tư nhân theo Đoạn 12025 hoặc 12025.1 của Đạo Luật Câu Cá và Trò Chơi.

(7) Người nộp đơn hoặc quản lý, giám đốc hay chủ sở hữu, đã bị phạt tiền hoặc xử phạt do trồng hoặc sản xuất chất bị kiểm soát trên đất công cộng hoặc tư nhân theo Chương 3.5 (bắt đầu từ Đoạn 19300) của Mục 8 trong vòng 3 năm trước ngày nộp đơn gửi cơ quan cấp phép, hoặc đã bị xử phạt theo Đoạn 12025 hoặc 12025.1 của Đạo Luật Câu Cá và Trò Chơi.

(8) Không có hoặc duy trì giấy phép người bán có hiệu lực theo quy định Phần 1 (bắt đầu từ Đoạn 6001) của Mục 2 của Đạo Luật về Doanh Thu và Thuế.

(9) Các điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

26058. Sau khi từ chối đơn xin cấp phép, cơ quan cấp phép phải thông báo bằng văn bản cho người nộp đơn.

26059. Người nộp đơn không bị từ chối cấp giấy phép cấp tiểu bang nếu việc từ chối chỉ dựa trên một trong các điều sau đây:

(a) Một bản án hoặc hành vi có liên quan đáng kể đến năng lực, chức năng, hoặc nghĩa vụ kinh doanh hay nghề nghiệp mà đơn xin cấp phép được thực

hiện, và sau đó người nộp đơn hoặc người được cấp phép đã có được chứng nhận phục hồi theo Chương 3.5 (bắt đầu từ Đoạn 4852.01) của Tiêu đề 26 của Phần 3 của Bộ Luật Tố Tụng Hình Sự.

(b) Một bản án mà sau đó đã được hủy theo Đoạn 1203.4, 1203.4a, hoặc 1203.41 của Đạo Luật Tố Tụng Hình Sự hoặc các điều khoản khác cho phép hủy một bản án.

CHƯƠNG 6. KHU VỰC ĐƯỢC CẤP PHÉP CANH TÁC

26060. (a) Các quy định do Sở Thực Phẩm và Nông Nghiệp ban hành về quản lý cấp phép cho các khu vực trồng trong nhà, ngoài trời và ánh sáng hỗn hợp sẽ được áp dụng đối với những người trồng cây được cấp phép theo Mục này.

(b) Các tiêu chuẩn do Sở Quản Lý Thuốc Trừ Sâu lập, có sự tham khảo ý kiến của Sở Thực Phẩm và Nông Nghiệp, cho việc sử dụng thuốc trừ sâu cho cây trồng, và dung sai tối đa dư lượng thuốc trừ sâu và chất ngoại lai trong cần sa đã thu hoạch sẽ được áp dụng đối với những người trồng cây được cấp phép theo Mục này.

(c) Sở Thực Phẩm và Nông Nghiệp phải đưa các điều kiện vào mỗi giấy phép theo yêu cầu của Sở Cá và Động Vật Hoang Dã và Ủy Ban Quản Lý Nguồn Nước của Tiểu Bang để đảm bảo rằng mỗi và tất cả các tác động của việc đổi dòng nước và xả thải liên quan đến việc trồng cây không ảnh hưởng đến lưu lượng cần thiết để cá đẻ trứng, di cư và nuôi cá, và lưu lượng cần thiết để duy trì sự biến đổi dòng chảy tự nhiên và bảo vệ cá, động vật hoang dã, môi trường sống của chúng và chất lượng nước.

(d) Các quy định của Sở Thực Phẩm và Nông Nghiệp ban hành theo Mục này, ở mức tối thiểu, áp dụng cho các hoạt động cần sa thương mại, và cũng được nêu trong Tiểu mục (e) của Đoạn 19332.

(e) Sở Quản Lý Thuốc Trừ Sâu, với sự tham khảo ý kiến của Ủy Ban Quản Lý Nguồn Nước của Tiểu Bang, ban hành các quy định yêu cầu việc sử dụng thuốc trừ sâu hoặc kiểm soát sâu bệnh khác liên quan đến việc trồng cần sa trong nhà, ngoài trời và ánh sáng hỗn hợp, phải đáp ứng các tiêu chuẩn tương đương với Mục 6 (bắt đầu từ Đoạn 11401) của Đạo Luật về Thực Phẩm và Nông Nghiệp và các văn bản thi hành.

26061. (a) Các loại giấy phép cho người trồng cần sa ở tiểu bang do Sở Thực Phẩm và Nông Nghiệp cấp theo Mục này gồm Loại 1, Loại 1A, Loại 1B, Loại 2, Loại 2A, Loại 2B, Loại 3, Loại 3A, Loại 3B, Loại 4 và Loại 5, Loại 5A, và Loại 5B, trừ khi pháp luật có quy định khác.

(b) Trừ khi pháp luật có quy định khác, giấy phép Loại 1, Loại 1A, Loại 1B, Loại 2, Loại 2A, Loại 2B, Loại 3, Loại 3A, Loại 3B và Loại 4 phải được sử dụng để trồng cần sa với số lượng tương đương như loại giấy phép tương đương để trồng cần sa y tế như quy định tại Tiểu mục (g) của Đoạn 19332.

(c) Trừ khi pháp luật có quy định khác:

(1) Loại 5, hay còn gọi là "ngoài trời", có nghĩa là trồng ngoài trời, không sử dụng ánh sáng nhân tạo, lớn hơn 1 mẫu Anh (0.4 héc ta), bao gồm cả tổng diện tích mái trên một khu đất.

(2) Loại 5A, hay còn gọi là "trong nhà", có nghĩa là trồng trong nhà, sử dụng hoàn toàn ánh sáng nhân tạo, lớn hơn 22,000 ft², bao gồm cả tổng diện tích mái trên một khu đất.

(3) Loại 5B, hay còn gọi là "ánh sáng hỗn hợp", có nghĩa là trồng cây có sử dụng kết hợp ánh sáng tự nhiên và bổ sung ánh sáng nhân tạo với ngưỡng tối

đã được xác định bởi cơ quan cấp phép, có diện tích trên 22,000 ft², bao gồm cả tổng diện tích mái, trong một khu đất.

(d) Không cấp giấy phép trồng cần sa Loại 5, Loại 5A hoặc Loại 5B trước ngày 1 tháng Giêng năm 2023.

(e) Bắt đầu từ ngày 1 tháng Giêng năm 2023, người đã được cấp giấy phép Loại 5, Loại 5A hoặc Loại 5B có thể xin và sử dụng giấy phép Loại 6 hoặc Loại 7, xin và sử dụng giấy phép Loại 10. Người đã được cấp giấy phép Loại 5, Loại 5A hoặc Loại 5B không đủ điều kiện để xin cấp và sử dụng giấy phép Loại 8, Loại 11 hoặc Loại 12.

26062. Sở Thực Phẩm và Nông Nghiệp, kết hợp với Cục, sẽ lập một chương trình chỉ định hữu cơ và chứng nhận hữu cơ cho cần sa và sản phẩm cần sa theo cách tương tự như quy định tại Đoạn 19332.5.

26063. (a) Cục sẽ lập các tiêu chuẩn công nhận tên gọi cụ thể của xuất xứ áp dụng cho cần sa được trồng hoặc canh tác trong một khu vực địa lý nhất định ở California.

(b) Không được tiếp thị, dán nhãn hoặc bán cần sa với tư cách là cần sa được trồng tại một hạt của California nếu số cần sa đó không được trồng tại hạt đó.

(c) Không được sử dụng tên của một hạt ở California để ghi nhãn, tiếp thị hoặc làm bao bì của sản phẩm cần sa, trừ khi cần sa chứa trong sản phẩm được trồng tại hạt đó.

26064. Mỗi người trồng cần sa được cấp phép phải đảm bảo rằng các cơ sở được cấp phép không có nguy cơ cháy bất hợp lý. Người trồng cần sa phải đảm bảo rằng toàn bộ điện chiếu sáng, hệ thống dây điện, thiết bị cơ điện và tài sản liên quan khác được giữ gìn một cách cẩn thận để tránh rủi ro không hợp lý hoặc nguy hiểm đối với tài sản hoặc những người khác.

26065. Nhân viên tham gia trồng cần sa theo Mục này phải được trả lương theo Chế Độ Lương số. 4-2001 của Hội Đồng An Sinh Công Nghiệp.

26066. Việc trồng cần sa trong nhà và ngoài trời bởi người hoặc tổ chức được cấp phép theo quy định này phải được thực hiện theo pháp luật của tiểu bang và của địa phương về liên quan đến chuyển đổi đất đai, phân loại, sử dụng điện, sử dụng nước, chất lượng nước, đất trồng cây và bảo vệ môi trường sống ven sông, xả thải nông nghiệp và các vấn đề tương tự. Các cơ quan của tiểu bang, bao gồm, nhưng không giới hạn ở Hội Đồng Tiểu Bang về Bảo Vệ Rừng và Phòng Cháy, Sở Cá và Động Vật Hoang Dã, Ủy Ban Quản Lý Nguồn Nước của Tiểu Bang, các ủy ban kiểm soát chất lượng nước khu vực California và các cơ quan thực thi pháp luật truyền thống của tiểu bang có trách nhiệm giải quyết các tác động môi trường của việc trồng cần sa và phối hợp khi cần thiết với các thành phố, hạt và các cơ quan thực thi pháp luật cùng cấp để thực hiện.

26067. (a) Sở Thực Phẩm và Nông Nghiệp sẽ lập một Chương Trình Trồng Cần Sa do Giám Đốc Sở Lương Thực và Nông Nghiệp quản lý. Giám đốc Sở điều hành phần việc này vì nó gắn liền với việc trồng cần sa. Vì mục đích của Mục này, cần sa được coi là một sản phẩm nông nghiệp.

(b) Cá nhân và tổ chức không được phép trồng cần sa nếu chưa có giấy phép cấp tiểu bang do Sở thực hiện phần này cấp.

(c) (1) Sở, sau khi tham khảo ý kiến của, nhưng không giới hạn ở Cục, Hội Đồng Quản Lý Nguồn Nước của Tiểu Bang và Sở Cá và Động Vật Hoang Dã, sẽ thực hiện một chương trình nhận dạng duy nhất cho cần sa. Khi thực hiện chương trình, sở sẽ xem xét các vấn đề bao gồm, nhưng không giới hạn ở, việc sử dụng nước và tác động môi trường. Khi thực hiện chương trình, Sở phải đảm

bảo rằng:

(A) Mỗi tác động và tác động tổng thể đến việc đổi dòng nước và xả thải liên quan đến việc trồng cây không ảnh hưởng đến lưu lượng cần thiết để cá đẻ trứng, di cư và nuôi cá, và lưu lượng cần thiết để duy trì sự biến đổi dòng chảy tự nhiên. Nếu một lưu vực nước không thể hỗ trợ việc canh tác bổ sung, các bộ nhận diện cây mới sẽ không được cấp cho lưu vực nước đó.

(B) Việc trồng cây không được tác động tiêu cực đến các khu vực suối, vùng đất ngập nước ven sông và môi trường thủy sinh.

(2) Sở có trách nhiệm lập một chương trình xác định các cây cần sa được phép trồng tại một địa điểm trồng trong thời gian canh tác. Mỗi cây cần sa được cấp một số định danh riêng. Sở có trách nhiệm đảm bảo rằng số định danh riêng sẽ được cấp trong thời gian nhanh nhất có thể để đảm bảo thực thi quy định này. Số định danh riêng sẽ được gắn vào gốc cây hoặc vị trí khác theo quy định của pháp luật.

(A) Số định danh riêng sẽ chỉ được cấp cho những người được cấp phép phù hợp theo quy định này.

(B) Thông tin liên quan đến số định danh riêng và người được cấp phép sẽ có trong chương trình theo dõi quy định tại Đoạn 26170.

(C) Sở có thể thu phí để trang trải các chi phí hợp lý để cấp số định danh riêng và theo dõi, kiểm tra từng cây cần sa.

(D) Sở có thể ban hành các quy định để thực hiện phần này.

(3) Sở có trách nhiệm thực hiện các bước thích hợp để lập các biện pháp bảo vệ chống gian lận số định danh riêng và hạn chế việc di chuyển trái phép số định danh riêng cho người không có giấy phép.

(d) Số định danh riêng và thông tin liên quan được quản lý bởi chính quyền địa phương phải tuân thủ các yêu cầu của Sở và tương đương với các số do Sở quản lý.

(e) (1) Phần này không áp dụng cho việc trồng cần sa theo Đoạn 11362.1 của Đạo Luật Sức Khỏe và An Toàn và Đạo Luật Cho Phép Sử Dụng Vĩ Lòng Trắc Ẩn.

(2) Tiểu mục (b) không áp dụng cho các cá nhân hoặc tổ chức được cấp phép theo Phần (3) của Tiểu mục (a) của Đoạn 26070 hoặc Tiểu mục (b) của Đoạn 26070.5.

(f) "Sở" được nêu trong phần này có nghĩa là Sở Thực Phẩm và Nông Nghiệp.

CHƯƠNG 7. NGƯỜI BÁN LẺ VÀ NGƯỜI PHÂN PHỐI

26070. Người Bán Lẻ và Người Phân Phối

(a) Giấy phép cấp tiểu bang do Sở Tiêu Thụ Sự Vụ cấp như sau:

(1) "Người Bán Lẻ" để bán lẻ và giao cần sa hoặc sản phẩm cần sa cho khách hàng.

(2) "Người Phân Phối" để phân phối cần sa và sản phẩm cần sa. Người phân phối được cấp phép phải đóng bảo đảm ở một mức tối thiểu do cơ quan cấp phép quy định.

(3) "Doanh nghiệp siêu nhỏ" để trồng cần sa trên diện tích dưới 10,000 ft² và hoạt động như một nhà phân phối, nhà chế biến Cấp 1 và người bán lẻ được cấp phép theo Mục này, với điều kiện người được cấp phép đó tuân thủ tất cả các quy định của Mục này về người trồng, người phân phối, người chế biến Cấp 1 và người bán lẻ được cấp phép ở mức độ người được cấp phép tham gia các

hoạt động đó. Giấy phép dành cho doanh nghiệp siêu nhỏ cho phép họ trồng cần sa sẽ bao gồm các điều kiện theo yêu cầu của Sở Cá và Động Vật Hoang Dã và Ủy Ban Quản Lý Tài Nguyên Nước của Tiểu Bang để đảm bảo rằng mỗi tác động và tác động tổng thể của việc chuyển dòng nước và xả nước phục vụ việc trồng cần sa không ảnh hưởng đến lưu lượng dòng chảy cần thiết cho để nuôi cá, cho cá sinh sản và di cư, và lưu lượng cần thiết để duy trì thay đổi dòng chảy, bảo vệ cá, động vật hoang dã, môi trường sống của chúng và chất lượng nước.

(b) Cục sẽ quy định các yêu cầu an ninh và an toàn giao thông tối thiểu cho việc phân phối và giao cần sa và sản phẩm cần sa vì mục đích thương mại Các tiêu chuẩn an toàn giao thông do Cục lập ra sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn bởi, các tiêu chuẩn tối thiểu về các loại phương tiện dùng để phân phối và giao cần sa và sản phẩm cần sa, các yêu cầu năng lực tối thiểu đối với người đủ điều kiện để vận hành các phương tiện đó.

(c) Người bán lẻ và doanh nghiệp siêu nhỏ được cấp phép, và các khoản phi lợi nhuận được cấp phép theo Đoạn 26070.5 cần thực hiện các biện pháp an ninh hợp lý đã được thiết kế để tránh việc xâm nhập trái phép vào các khu vực có chứa cần sa hoặc sản phẩm cần sa và ăn trộm cần sa hoặc sản phẩm cần sa từ các cơ sở. Các biện pháp an ninh này bao gồm, song không giới hạn ở, tất cả các biện pháp sau:

(1) Cấm các cá nhân ở lại trong khu vực của người được cấp phép nếu không có việc liên quan rõ ràng đến hoạt động của cơ sở.

(2) Thành lập các khu vực giới hạn ra vào mà chỉ những người được phép mới được vào..

(3) Ngoài số lượng cần sa hạn chế để trưng bày, lấy mẫu hoặc bán ngay, toàn bộ cần sa thành phẩm và sản phẩm cần sa đều phải được bảo quản trong phòng an toàn và có khóa, kết hoặc hầm chứa, và bằng một cách thức được thiết kế hợp lý để tránh bị di chuyển, lấy cắp hoặc mất mát.

26070.5. (a) Đến ngày tháng Một năm 2018, Cục sẽ xem xét tính khả thi của việc lập ra một hoặc nhiều loại giấy phép phi lợi nhuận theo Mục này. Việc xác định tính khả thi sẽ được thực hiện với sự tham vấn của các cơ quan cấp phép liên quan và đại diện của các cơ quan có thẩm quyền tại địa phương cấp giấy phép tạm thời theo Tiểu mục (b). Cục sẽ xem xét các yếu tố, bao gồm, song không giới hạn ở các vấn đề sau:

(1) Có nên cho phép những người được cấp giấy phép phi lợi nhuận được miễn một hoặc tất cả các khoản thuế tiểu bang, phí cấp phép và các điều khoản quy định áp dụng đối với giấy phép khác trong Mục này?

(2) Có nên cấp vốn ưu đãi để khuyến khích những người khác được cấp phép theo Mục này cung cấp dịch vụ chuyên ngành với giá giảm giá hoặc miễn phí cho giảm bớt hoặc không có chi phí những người được cấp giấy phép phi lợi nhuận?

(3) Giấy phép phi lợi nhuận có nên được giới hạn ở, hoặc ưu tiên cho các cá nhân, tổ chức trước đây đã hoạt động trên cơ sở phi lợi nhuận, chủ yếu cung cấp cần sa nguyên cây và sản phẩm cần sa, các loại giống và hạt cần sa cho người thu nhập thấp?

(b) Có cơ quan có thẩm quyền tại địa phương nào có thể cấp giấy phép tạm thời cấp địa phương cho các tổ chức phi lợi nhuận chủ yếu cung cấp cần sa nguyên cây và sản phẩm cần sa, các loại giống và hạt cần sa cho người thu nhập thấp, với điều kiện cơ quan có thẩm quyền tại địa phương đó:

(1) Xác nhận tình trạng giấy phép của đương đơn xin cấp phép là một tổ chức đã đăng ký với bộ phận Đăng Ký Quỹ Từ Thiện, và rằng đương đơn luôn tuân

thủ tất cả các yêu cầu quy định đối với tổ chức phi lợi nhuận;

(2) Cấp phép và quy định tất cả các tổ chức thuộc loại hình đó phải bảo vệ sức khỏe và sự an toàn của cộng đồng, và yêu cầu tuân thủ tất cả các quy định về môi trường trong Mục này;

(3) Thông báo cho Cục về các giấy phép cấp địa phương đã cấp, bao gồm cả tên và địa chỉ của tổ chức được cấp phép và tất cả các quy định địa phương áp dụng cho hoạt động của tổ chức được cấp phép đó, và;

(4) Chứng minh với Cục rằng tổ chức được cấp phép đó không tạo ra tổng doanh thu hàng năm quá 2,000,000 USD (hai triệu đô la).

(c) Giấy phép tạm thời cấp địa phương cấp theo Tiểu mục (b) sẽ hết hạn sau 12 tháng, trừ khi được cơ quan địa phương có thẩm quyền gia hạn.

(d) Cục có thể áp dụng các yêu cầu bổ sung hợp lý đối với các giấy phép địa phương được cấp theo Tiểu mục (b).

(e) (1) Việc cấp mới giấy phép tạm thời cấp địa phương theo Mục này sẽ chấm dứt sau ngày Cục xác định rằng việc cấp giấy phép phi lợi nhuận theo Mục này là không khả thi, hoặc nếu Cục xác định các giấy phép đó là khả thi thì sau ngày cơ quan cấp phép bắt đầu cấp giấy phép phi lợi nhuận cấp tiểu bang.

(2) Nếu Cục xác định rằng các giấy phép đó là khả thi, việc cấp gia hạn giấy phép tạm thời theo Tiểu mục (b) sẽ chấm dứt sau ngày cơ quan cấp phép bắt đầu cấp giấy phép phi lợi nhuận cấp tiểu bang.

(3) Nếu xác định rằng việc cấp giấy phép phi lợi nhuận theo Mục này là không khả thi, Cục sẽ thông báo việc này cho tất cả các cơ quan có thẩm quyền tại địa phương đã cấp giấy phép tạm thời theo Tiểu mục (b). Cục có thể tùy ý cho phép một cơ quan có thẩm quyền tại địa phương gia hạn các giấy phép tạm thời cấp địa phương cấp theo Tiểu mục (b) theo năm.

CHƯƠNG 8. PHÂN PHỐI VÀ VẬN CHUYỂN

26080. (a) Mục này không xác lập sự ủy quyền hoặc cho phép người được cấp phép vận chuyển hoặc phân phối, hoặc tạo ra việc vận chuyển hoặc phân phối cần sa hoặc sản phẩm cần sa ngoài tiểu bang, trừ khi được sự chấp nhận của pháp luật liên bang.

(b) Cơ quan địa phương có thẩm quyền không được ngăn chặn việc vận chuyển cần sa hoặc sản phẩm cần sa trên đường công cộng của người được cấp phép vận chuyển cần sa hoặc sản phẩm cần sa theo Mục này.

CHƯƠNG 9. GIAO HÀNG

26090. (a) Việc giao hàng, như định nghĩa trong mục này, chỉ được phép thực hiện bởi người bán lẻ hoặc doanh nghiệp siêu nhỏ được cấp phép, hoặc tổ chức phi lợi nhuận được cấp phép theo Đoạn 26070.5.

(b) Khách hàng yêu cầu giao hàng phải giữ bản sao giấy và bản sao điện tử của yêu cầu giao hàng và phải xuất trình theo yêu cầu của nhân viên cơ quan cấp phép và thực thi pháp luật.

(c) Cơ quan địa phương có thẩm quyền không được ngăn chặn việc giao cần sa hoặc sản phẩm cần sa trên đường công cộng của người được cấp phép thực hiện theo mục này và luật pháp địa phương áp dụng theo Đoạn 26200.

CHƯƠNG 10. NGƯỜI CHẾ BIẾN VÀ PHÒNG THÍ NGHIỆM

26100. Sở Y Tế Công Cộng của Tiểu Bang sẽ ban hành các quy định về việc cấp phép cho người chế biến và phòng thí nghiệm cần sa. Các loại giấy phép được cấp như sau:

(a) "Chế biến Cấp 1," cho các cơ sở chế biến sản phẩm cần sa có sử dụng dung môi không dễ bay hơi hoặc không sử dụng dung môi.

(b) "Chế biến Cấp 2," cho các cơ sở chế biến sản phẩm cần sa có sử dụng dung môi dễ bay hơi.

(c) "Thử nghiệm" cho việc thử nghiệm cần sa và sản phẩm cần sa. Người được cấp phép thử nghiệm cần sa phải có cơ sở hoặc thiết bị được cấp phép theo các quy định của Sở. Người được cấp giấy phép thử nghiệm thì không được cấp loại giấy phép khác theo Mục này, và không được sở hữu hoặc có quyền lợi chủ sở hữu trong một cơ sở không thử nghiệm được cấp phép theo Mục này.

(d) Vì mục đích của Mục này, "dung môi dễ bay hơi" mang nghĩa tương tự như nêu trong Tiểu mục (d) của Đoạn 11362.3 của Đạo Luật Sức Khỏe và An Toàn, trừ khi có quy định khác của pháp luật.

26101. (a) Trừ khi có quy định khác của pháp luật, không được phép bán cần sa hoặc sản phẩm cần sa theo giấy phép được cấp theo Mục này, trừ khi một mẫu đại diện của lô cần sa hoặc sản phẩm cần sa đã được thử nghiệm bởi một dịch vụ thử nghiệm được chứng nhận để xác định:

(1) Liệu thành phần hóa chất của mẫu có tương ứng với thành phần trên nhãn của hợp chất hay không, bao gồm, song không giới hạn ở các chất sau:

(A) Tetrahydrocannabinol (THC).

(B) Tetrahydrocannabinolic Acid (THCA).

(C) Cannabidiol (CBD).

(D) Cannabidiolic Acid (CBDA).

(E) Các terpene được mô tả trong tài liệu chuyên khảo về loại hoa cụm cần sa phiên bản mới nhất do Dược Điển Thảo Dược Hoa Kỳ (American Herbal Pharmacopoeia) phát hành.

(F) Cannabigerol (CBG).

(G) Cannabinol (CBN).

(2) Ràng lượng tạp chất không quá các mức nêu trong chuyên khảo của Dược Điển Thảo Dược Hoa Kỳ phiên bản mới nhất. Vì mục đích của đoạn này, các tạp chất bao gồm, song không giới hạn ở các chất sau:

(A) Dung môi dư hoặc hóa chất xử lý, bao gồm cả khí gas dễ nổ, như Butane, propane, O₂ hoặc H₂, và các độc chất hoặc carcinogen như Methanol, Iso-propyl Alcohol, Methylene Chloride, Acetone, Benzene, Toluene và Tri-chloro-ethylene.

(B) Các vật ngoại lai, bao gồm, nhưng không giới hạn ở, lông tóc, côn trùng hoặc chất pha trộn tương tự hoặc liên quan.

(C) Tạp chất vi sinh, trong đó có tổng số vi khuẩn hiếu khí, tổng số tế bào nấm men nấm mốc, *P. aeruginosa*, *aspergillus* spp., *s. aureus*, aflatoxin B1, B2, G1, hoặc G2, hoặc ochratoxin A.

(b) Dư lượng hợp chất hữu cơ dễ bay hơi phải đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn chuyên khảo loại hoa cụm cần sa nêu bởi Dược Điển Hoa Kỳ (U.S.P. Chương 467).

(c) Thử nghiệm theo yêu cầu ở mục (a) phải được thực hiện theo cách phù hợp với các yêu cầu chung về năng lực của các hoạt động thử nghiệm và hiệu chỉnh, bao gồm lấy mẫu, sử dụng các biện pháp tiêu chuẩn được lập ra bởi Tổ chức Tiêu Chuẩn Hóa Quốc Tế, cụ thể là Tiêu chuẩn ISO/IEC 17020 và ISO/IEC 17025 để kiểm tra cần sa và sản phẩm cần sa được phê duyệt bởi một tổ chức chứng nhận được công nhận bởi Thỏa Thuận Công Nhận Lẫn Nhau của Tổ Chức Công

Nhận Phòng Thí Nghiệm Quốc Tế.

(d) Mọi việc kiểm định trước khi bán, chuyển giao thử nghiệm hoặc vận chuyển cần sa hoặc sản phẩm cần sa theo phần này phải tuân thủ chuỗi giao thức lưu ký theo quy định và các yêu cầu khác phải tuân thủ theo mục này.

26102. Dịch vụ thử nghiệm được cấp phép không được phép bảo quản, thử nghiệm hoặc phân tích cần sa hoặc sản phẩm cần sa, trừ khi phòng thí nghiệm được cấp phép đáp ứng các yêu cầu nêu tại Đoạn 19343 hoặc theo quy định của pháp luật.

26103. Dịch vụ thử nghiệm được cấp phép phải cấp chứng nhận phân tích cho từng lô, kèm theo số liệu, để báo cáo thông tin theo quy định tại Đoạn 19344 hoặc theo quy định của pháp luật.

26104. (a) Khi thực hiện các hoạt động liên quan đến cần sa và sản phẩm cần sa, dịch vụ thử nghiệm được cấp phép phải tuân thủ các yêu cầu và hạn chế theo quy định của pháp luật.

(b) Sở Y Tế Công Cộng của Tiểu Bang sẽ lập các quy trình để:

(1) Đảm bảo rằng việc thử nghiệm cần sa và sản phẩm cần sa được thực hiện trước khi phân phối đến người bán lẻ, doanh nghiệp siêu nhỏ, hoặc tổ chức phi lợi nhuận được cấp phép theo Đoạn 26070.5;

(2) Quy định bao lâu người được cấp phép phải thử nghiệm cần sa và sản phẩm cần sa một lần, và rằng chi phí thử nghiệm cần sa phải do người trồng cần sa được cấp phép chi trả, chi phí thử nghiệm sản phẩm cần sa phải do người chế biến được cấp phép chi trả, chi phí thử nghiệm cần sa và sản phẩm cần sa phải do tổ chức phi lợi nhuận được cấp phép chi trả theo Đoạn 26070.5; và

(3) Yêu cầu tiêu hủy các lô cần sa đã thu hoạch nếu kết quả mẫu thử nghiệm cho thấy chúng không đạt các tiêu chuẩn về sức khỏe và an toàn do Sở Y Tế Công Cộng của Tiểu Bang đề ra, trừ khi các biện pháp khắc phục có thể giúp số cần sa hoặc sản phẩm cần sa đó đáp ứng tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng do Sở Y Tế Công Cộng của Tiểu Bang ban hành.

26105. Những người được cấp phép Chế biến Cấp 2 phải áp dụng các biện pháp và quy trình đầy đủ để kiểm soát hoặc hạn chế nguy cơ cháy nổ hoặc các nguy cơ không hợp lý khác đối với an toàn công cộng xuất phát từ các loại dung môi dễ bay hơi. Sở Y Tế Công Cộng của Tiểu Bang phải lập các tiêu chuẩn tối thiểu về các biện pháp và quy trình nêu trên cho người có giấy phép Cấp 2.

26106. Các tiêu chuẩn về sản xuất và dán nhãn tất cả các sản phẩm cần sa do Sở Y Tế Công Cộng của Tiểu Bang lập phải được áp dụng cho những người chế biến và doanh nghiệp nhỏ được cấp phép, và các tổ chức phi lợi nhuận được cấp phép theo Đoạn 26070.5 trừ khi có quy định khác của Sở Y Tế Công Cộng của Tiểu Bang.

CHƯƠNG 11. BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG, KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM

26110. (a) Tất cả cần sa và sản phẩm cần sa đều phải được kiểm soát chất lượng, kiểm định và thử nghiệm.

(b) Tất cả cần sa và sản phẩm cần sa đều phải được kiểm soát chất lượng, kiểm định và thử nghiệm theo quy định tại Đoạn 19326, trừ khi có quy định khác trong Mục này hoặc theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG 12. ĐÓNG GÓI VÀ DÁN NHÃN

26120. (a) Trước khi giao hàng hoặc bán tại cửa hàng bán lẻ, cần sa và sản phẩm cần sa phải được dán nhãn và đặt trong bao bì có thể gắn kín lại và

tránh trẻ em sử dụng.

(b) Bao bì và nhãn mác không được tạo ra sự hấp dẫn đối với trẻ em.

(c) Nhãn mác và tờ thông tin sản phẩm của tất cả cần sa và sản phẩm cần sa phải có các thông tin dưới đây, được hiển thị nổi bật, rõ ràng và dễ đọc theo yêu cầu, kể cả cỡ chữ, theo quy định của Cục hoặc của Sở Y Tế Công Cộng của Tiểu Bang:

(1) Ngày sản xuất và nguồn.

(2) Các nội dung dưới đây, in bằng chữ đậm:

(A) Đối với cần sa: "**CẢNH BÁO CỦA CHÍNH PHỦ: GÓI NÀY CÓ CHỨA CẦN SA, LÀ CHẤT ĐƯỢC KIỂM SOÁT SCHEDULE I ĐỂ NGOÀI TẦM VỚI CỦA TRẺ EM VÀ ĐỘNG VẬT. CHỈ NGƯỜI TỪ 21 TUỔI TRỞ LÊN MỚI ĐƯỢC SỞ HỮU HOẶC TIÊU THỤ CẦN SA, TRỪ BỆNH NHÂN ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG. SỬ DỤNG CẦN SA TRONG THỜI GIAN MANG THAI HOẶC CHO CON BÚ CÓ THỂ GÂY HẠI. SỬ DỤNG CẦN SA ẢNH HƯỞNG ĐẾN KHẢ NĂNG LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC. CẦN HẾT SỨC CẨN TRỌNG.**"

(B) Đối với sản phẩm cần sa: "**CẢNH BÁO CỦA CHÍNH PHỦ: SẢN PHẨM NÀY CÓ CHỨA CẦN SA, LÀ CHẤT ĐƯỢC KIỂM SOÁT SCHEDULE I ĐỂ NGOÀI TẦM VỚI CỦA TRẺ EM VÀ ĐỘNG VẬT. CHỈ NGƯỜI TỪ 21 TUỔI TRỞ LÊN MỚI ĐƯỢC SỞ HỮU HOẶC TIÊU THỤ SẢN PHẨM CẦN SA, TRỪ BỆNH NHÂN ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG. TÁC ĐỘNG SAY SẢN PHẨM CẦN SA CÓ THỂ Kéo DÀI ĐẾN 2 GIỜ. SỬ DỤNG CẦN SA TRONG THỜI GIAN MANG THAI HOẶC CHO CON BÚ CÓ THỂ GÂY HẠI. SỬ DỤNG SẢN PHẨM CẦN SA ẢNH HƯỞNG ĐẾN KHẢ NĂNG LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC. CẦN HẾT SỨC CẨN TRỌNG.**"

(3) Đối với gói chỉ chứa hoa khô, trọng lượng tịnh của cần sa ở trong gói.

(4) Ghi rõ nguồn và ngày trồng, loại cần sa hoặc sản phẩm cần sa, ngày chế biến và đóng gói.

(5) Tên xuất xứ, nếu có.

(6) Danh sách các thành phần hoạt tính được lý, bao gồm, song không giới hạn ở, tetrahydrocannabinol (THC), cannabidiol (CBD) và các thành phần cannabinoid khác, lượng THC và cannabinoid tính bằng miligram cho mỗi khẩu phần (serving), số khẩu phần trong một gói, và lượng THC và cannabinoid tính bằng miligram trong cả gói, và hiệu lực của cần sa hoặc sản phẩm cần sa theo tham chiếu đến lượng tetrahydrocannabinol và cannabidiol trong mỗi khẩu phần.

(7) Đối với sản phẩm cần sa, một danh mục tất cả các thành phần và công bố thông tin dinh dưỡng theo cách thức quy định về nhãn dinh dưỡng của liên bang tại Đoạn 101.9 của Tiêu đề 2 21 của bộ Pháp Điện Hoa Kỳ.

(8) Danh mục các chất dung môi, thuốc trừ sâu vô cơ, thuốc diệt cỏ và phân bón đã sử dụng trong trồng trọt, chế biến cần sa hoặc sản phẩm cần sa.

(9) Cảnh báo nếu có sử dụng các loại hạt hoặc chất gây dị ứng được biết đến khác.

(10) Thông tin liên quan đến số định danh riêng do Sở Thực Phẩm và Nông Nghiệp cấp.

(11) Các yêu cầu khác, nếu có, của Cục hoặc Sở Y Tế Công Cộng Tiểu Bang.

(d) Chỉ dùng tên thực phẩm theo loài để mô tả các thành phần trong các sản phẩm cần sa loại ăn.

(e) Trong trường hợp Cục xác định rằng cần sa không còn là chất thuộc Schedule I theo luật Liên Bang, nhãn quy định tại Tiểu mục (c) sẽ không cần phải ghi rằng cần sa là chất thuộc Schedule I.

CHƯƠNG 13. SẢN PHẨM CẦN SA

26130. (a) Sản phẩm cần sa phải:

- (1) Không được thiết kế để thu hút trẻ em hoặc dễ bị nhầm lẫn với kẹo bán thương mại hoặc các loại thực phẩm không chứa cần sa.
- (2) Được sản xuất và bán với liều lượng cannabinoid tiêu chuẩn không quá 10 (mười) miligam tetrahydrocannabinol (THC) cho mỗi khẩu phần.
- (3) Được mô tả hoặc ghi tỷ lệ vào kích thước khẩu phần tiêu chuẩn nếu sản phẩm cần sa có chứa nhiều khẩu phần và là sản phẩm ăn được ở thể rắn.
- (4) Được đồng hóa để đảm bảo sự tiêu thụ đồng nhất chất cannabinoid trong toàn bộ sản phẩm.
- (5) Sản xuất và bán ra theo tiêu chuẩn vệ sinh môi trường do Sở Y Tế Công Cộng ban hành, có tham vấn ý kiến của Cục, để chuẩn bị, bảo quản, xử lý và bán các sản phẩm thực phẩm.
- (6) Cung cấp cho khách hàng đầy đủ thông tin để họ tiêu thụ sản phẩm khi đã được thông tin đầy đủ, bao gồm cả những tác động tiềm năng của sản phẩm cần sa và chỉ dẫn cách sử dụng sản phẩm cần sa, nếu cần thiết.
- (b) Cần sa, bao gồm cả tinh chất cannabis, có trong một sản phẩm cần sa đã được sản xuất hợp pháp sẽ không được coi là một chất pha trộn theo luật của tiểu bang.

CHƯƠNG 14. BẢO VỆ TRẺ EM

26140. (a) Người được cấp giấy phép không được phép:

- (1) Bán cần sa hoặc sản phẩm cần sa cho người dưới 21 tuổi.
- (2) Cho người dưới 21 tuổi vào khu vực được cấp phép.
- (3) Thuê hoặc giữ người dưới 21 tuổi để làm việc.
- (4) Bán hoặc vận chuyển cần sa hoặc sản phẩm cần sa, trừ khi người mua cần sa hoặc sản phẩm cần sa xuất trình trước giấy tờ được coi một cách hợp lý là một thẻ nhận dạng do chính phủ cấp còn thời hạn hiệu lực, cho thấy người đó đủ 21 tuổi trở lên.
- (b) Người dưới 21 tuổi có thể được cảnh sát sử dụng để thực thi Mục này và để bắt được người được cấp phép, hoặc nhân viên hay đại lý của người được cấp phép, hoặc những người khác bán hoặc cung cấp cần sa cho trẻ em. Bất kể các quy định của pháp luật, bất kỳ người nào dưới 21 tuổi mua hoặc tìm cách mua cần sa theo chỉ đạo của cảnh sát đều được miễn truy tố tội danh mua hoặc cố gắng mua cần sa. Các hướng dẫn sử dụng cho người dưới 21 tuổi sẽ được Cục áp dụng và phát hành theo phần lập quy định của Đạo Luật về Thủ Tục Hành Chính (Chương 3.5 (bắt đầu từ đoạn 11340) của Phần 1 của Mục 3 của Tiêu đề 2.2 của bộ Pháp Điển).
- (c) Bất kể quy định tại Tiểu mục (a), một người được cấp phép cũng là một trạm phát thuốc được cấp phép theo Chương 3.5 (bắt đầu từ Đoạn 19300) của Mục 8 có thể:
 - (1) Cho phép người từ 18 tuổi trở lên có thể căn cước còn giá trị theo Đoạn 11362.71 của Đạo Luật Sức Khỏe và An Toàn và thẻ căn cước còn giá trị do chính phủ cấp, vào cơ sở;
 - (2) Bán cần sa, sản phẩm cần sa và dụng cụ để sử dụng cần sa cho người từ 18 tuổi trở lên có thể căn cước còn giá trị theo Đoạn 11362.71 của Đạo Luật Sức Khỏe và An Toàn và thẻ căn cước còn giá trị do chính phủ cấp, vào cơ sở;

CHƯƠNG 15. CÁC GIỚI HẠN VỀ QUẢNG CÁO VÀ TIẾP THỊ

26150. Vì mục đích của chương này:

- (a) "Quảng cáo" là việc công bố hoặc phổ biến một quảng cáo.
- (b) "Quảng cáo" bao gồm các nội dung, minh họa hoặc mô tả bằng chữ hoặc lời được tính toán để tạo ra doanh số bán cần sa hay sản phẩm cần sa, bao gồm các nội dung bằng chữ, in ấn, đồ họa hoặc các vật liệu khác trên bảng hiệu, biển hiệu hoặc hiển thị ngoài trời khác, thẻ giao thông công cộng, các ấn phẩm định kỳ khác, ấn phẩm, trên radio hoặc truyền hình, hoặc trên bất kỳ phương tiện truyền thông nào khác; ngoại trừ việc thuật ngữ này sẽ không bao gồm:
 - (1) Nhãn gắn liền với cần sa hoặc sản phẩm cần sa, hoặc bất kỳ phần bao bì, các-tông hay bao bì khác của vật đựng tạo thành một phần của việc dán nhãn theo quy định của Mục này.
 - (2) Các tài liệu biên tập hoặc tài liệu đọc khác (ví dụ, thông cáo báo chí) trong các ấn phẩm định kỳ hoặc ấn phẩm, báo chí để xuất bản mà người được cấp phép không phải trả hoặc hứa hẹn trả bằng tiền hoặc trả bằng các vật có giá trị khác, và không được viết bởi người được cấp phép hay theo chỉ dẫn của họ.
 - (c) "Biển quảng cáo" là tất cả các biển, áp phích, màn hình, biển quảng cáo hoặc các loại hình khác được gắn quảng cáo tạm thời hoặc cố định để quảng bá cho việc bán cần sa hoặc sản phẩm cần sa không được trồng, phân phối hoặc bán trên cùng một lô đất.
 - (d) "Nội dung liên quan đến sức khỏe" có nghĩa là bất kỳ nội dung nào có liên quan đến sức khỏe, và bao gồm các nội dung có tính chất điều trị hoặc chữa bệnh, mà bằng cách rõ ràng hay ngụ ý, chỉ ra mối liên hệ giữa việc tiêu thụ cần sa hoặc sản phẩm cần sa với các lợi ích về sức khỏe, hoặc tác động đến sức khỏe.
 - (e) "Thị trường" hoặc "Tiếp thị" có nghĩa là hành động hoặc quá trình quảng cáo hoặc bán cần sa hoặc sản phẩm cần sa, bao gồm, nhưng không giới hạn ở việc tài trợ cho các sự kiện thể thao, quảng cáo tại nơi bán và phát triển các sản phẩm được thiết kế đặc biệt để thu hút các nhóm người nhất định.
26151. (a) Tất cả quảng cáo và tiếp thị phải nêu một cách chính xác và rõ ràng rằng người được cấp phép chịu trách nhiệm về nội dung của nó.
- (b) Chỉ được quảng cáo hoặc tiếp thị trên sóng, cáp, đài phát thanh, báo in và truyền thông kỹ thuật số nếu có ít nhất 71.6% khán thính giả được dự kiến một cách hợp lý là ở độ tuổi 21 trở lên, theo xác định bằng số liệu tổng hợp khán thính giả cập nhật và đáng tin cậy.
- (c) Quảng cáo hoặc tiếp thị có bao gồm liên lạc hoặc đối thoại trực tiếp và cá nhân, được kiểm soát bởi người được cấp phép sẽ phải sử dụng phương pháp xác định tuổi để xác minh rằng đối tượng tiếp nhận 21 tuổi trở lên trước khi tham gia vào liên lạc hoặc đối thoại trực tiếp và cá nhân, được kiểm soát bởi người được cấp phép đó. Vì mục đích của Phần này, phương pháp xác định tuổi có thể bao gồm xác nhận của người sử dụng, cho biết ngày sinh, hoặc phương pháp đăng ký tương tự khác.
- (d) Tất cả quảng cáo phải trung thực và chứng minh một cách thích hợp.

26152. Người được cấp giấy phép không được phép:

- (a) Quảng cáo hay tiếp thị một cách sai lệch hoặc không đúng sự thật trên một tài liệu cụ thể, hoặc không phân biệt giả tạo, trực tiếp hoặc bằng cách mờ hồ, bỏ qua, hoặc suy luận, hoặc bằng cách bổ sung các vấn đề không liên quan, biện pháp khoa học kỹ thuật, xu hướng tạo ra ấn tượng sai lệch;
- (b) Phát hành hoặc phổ biến quảng cáo hoặc tiếp thị có chứa nội dung liên quan đến một thương hiệu hay sản phẩm không phù hợp với nội dung về dán

nhân;

(c) Phát hành hoặc phổ biến các quảng cáo hay tiếp thị có chứa nội dung, thiết kế, thiết bị hoặc hình ảnh có xu hướng nhằm tạo ra ấn tượng rằng cần sa có nguồn gốc từ một địa điểm hoặc khu vực cụ thể, trừ khi các nhãn hiệu của các sản phẩm được quảng cáo mang tên gọi xuất xứ, và tên gọi xuất xứ xuất hiện trong quảng cáo;

(d) Quảng cáo hoặc tiếp thị trên một biển quảng cáo hoặc dụng cụ quảng cáo tương tự đặt trên Xa Lộ Liên Bang hoặc Xa Lộ Tiểu Bang đi qua biên giới với tiểu bang khác;

(e) Quảng cáo hoặc tiếp thị cần sa hoặc sản phẩm cần sa theo cách thức nhằm khuyến khích người dưới 21 tuổi tiêu thụ cần sa hoặc sản phẩm cần sa.

(f) Phát hành hoặc phổ biến quảng cáo hay tiếp thị có chứa biểu tượng, ngôn ngữ, âm nhạc, cử chỉ, nhân vật hoạt hình hoặc các yếu tố nội dung nổi tiếng khác để thu hút chủ yếu đối với người dưới độ tuổi được sử dụng theo pháp luật, hoặc

(g) Quảng cáo hoặc tiếp thị cần sa hoặc sản phẩm cần sa trên một biển quảng cáo cách trung tâm chăm sóc trẻ ban ngày, trường mẫu giáo hoặc trường phổ thông từ lớp 1 đến lớp 12, sân chơi, trung tâm thanh thiếu niên trong vòng bán kính 1,000 feet.

26153. Người được cấp phép không được cho tặng bất kỳ một lượng cần sa hoặc sản phẩm cần sa, dụng cụ sử dụng cần sa như quà khuyến mãi hoặc hoạt động thương mại khác.

26154. Người được cấp phép không được phát hành hoặc phổ biến quảng cáo hoặc tiếp thị có chứa nội dung liên quan đến sức khỏe không đúng sự thật dưới bất kỳ hình thức cụ thể nào hoặc nhằm tạo ra sự hiểu lầm về tác dụng của việc sử dụng cần sa đối với sức khỏe.

26155. (a) Các điều khoản của Tiểu mục (g) của Đoạn 26152 không áp dụng cho việc đặt biển quảng cáo trong cơ sở được cấp phép và khuất tầm mắt thông thường từ một nơi công cộng, với điều kiện bằng quảng cáo đó không quảng cáo cần sa hoặc sản phẩm cần sa theo cách thức nhằm khuyến khích người dưới 21 tuổi tiêu thụ cần sa hoặc sản phẩm cần sa.

(b) Chương này không áp dụng cho quảng cáo phi thương mại.

CHƯƠNG 16. HỒ SƠ

26160. (a) Một người có giấy phép sẽ giữ các hồ sơ chính xác của hoạt động cần sa thương mại.

(b) Tất cả các hồ sơ có liên quan đến hoạt động cần sa thương mại theo quy định của các cơ quan cấp giấy phép sẽ được duy trì tối thiểu là bảy năm.

(c) Phòng có thể kiểm tra các sổ sách và hồ sơ của một người có giấy phép và kiểm tra các cơ sở của người có giấy phép khi cơ quan, tiểu bang hoặc cơ quan địa phương cấp giấy phép xét thấy cần phải thực hiện các nhiệm vụ tại phần này. Tất cả các kiểm tra sẽ được thực hiện trong giờ làm việc tiêu chuẩn của cơ sở được cấp phép hoặc tại bất kỳ thời gian hợp lý khác.

(d) Người có giấy phép sẽ giữ các hồ sơ được xác định bởi các cơ quan cấp giấy phép tại các cơ sở của địa điểm được cấp phép. Các cơ quan cấp giấy phép này có tiến hành bất kỳ cuộc kiểm tra nào đối với các hồ sơ của người có giấy phép. Người có giấy phép cũng phải cung cấp và giao các bản sao tài liệu cho cơ quan cấp phép theo yêu cầu.

(e) Người có giấy phép, hay cơ quan hoặc nhân viên của người đó mà có hành

vi ngăn cản, cản trở hoặc can thiệp vào việc kiểm tra các cơ sở hoặc hồ sơ của người có giấy phép theo quy định của đoạn này, tức là đã vi phạm phần này.

(f) Nếu người có giấy phép, hay cơ quan hoặc nhân viên của người có giấy phép, không duy trì hoặc cung cấp các hồ sơ cần thiết theo quy định của đoạn này, người có giấy phép phải nhận phạt bắt buộc hầu tòa và bị phạt tiền lên đến ba mươi ngàn đô la (\$30,000) cho mỗi vi phạm cá nhân.

26161. (a) Mỗi hoạt động bán hoặc vận chuyển cần sa hoặc sản phẩm cần sa từ một người có giấy phép này sang chỗ của người có giấy phép khác phải được ghi trên hoá đơn hoặc biên lai bán hàng. Các hoá đơn và biên lai bán hàng có thể được giữ gìn theo hình thức điện tử và phải được nộp y nguyên như lúc tiếp cận để kiểm tra bởi các nhân viên của phòng hoặc Hội đồng Quân binh Sinh hoạt và không được trộn lẫn với hóa đơn của các hàng hóa khác.

(b) Mỗi hóa đơn bán hàng được yêu cầu trong tiểu mục (a) sẽ bao gồm tên và địa chỉ của người bán và gồm thông tin sau đây:

(1) Tên và địa chỉ của người mua.

(2) Ngày bán và số hóa đơn.

(3) Loại, số lượng, kích thước và sức chứa của các gói cần sa, hoặc các sản phẩm cần sa bán ra.

(4) Chi phí cho người mua, cùng với bất kỳ khoản giảm giá nào được áp dụng với giá ghi trên hoá đơn.

(5) Nơi mà từ đó việc vận chuyển cần sa hay sản phẩm cần sa đã được thực hiện trừ khi việc vận chuyển đã được thực hiện từ các cơ sở của người có giấy phép.

(6) Bất kỳ thông tin nào khác theo quy định của phòng hoặc cơ quan cấp giấy phép.

CHƯƠNG 17. HỆ THỐNG THEO DÕI VÀ TRUY XUẤT

26170. (a) Bộ Thực Phẩm và Nông Nghiệp, sau khi thảo luận với phòng và Hội đồng Quân binh Sinh hoạt Tiểu Bang, sẽ mở rộng chương trình theo dõi và truy xuất được quy định tại Điều 7.5 (bắt đầu từ Đoạn 19335) Chương 3.5 Phần 8 nhằm bao gồm báo cáo lộ trình của cần sa và các sản phẩm cần sa trên toàn chuỗi phân phối và cung cấp, ở mức tối thiểu, mức độ thông tin tương tự về cần sa và các sản phẩm cần sa được yêu cầu phải báo cáo đối với cần sa y tế và các sản phẩm cần sa y tế, và ngoài ra, tiền thuế canh tác theo Mục 14.5 (bắt đầu từ Đoạn 34010) Phần 2 của Bộ Luật Thu Nhập và Thuế Vụ. Chương trình theo dõi và truy xuất sẽ bao gồm một hạt giống điện tử cho hệ thống theo dõi phần mềm bán lẻ có các điểm dữ liệu của những giai đoạn khác nhau của hoạt động thương mại bao gồm, nhưng không giới hạn, trồng, thu hoạch, xử lý, phân phối, tồn kho và bán.

(b) Bộ, sau khi thảo luận với phòng, sẽ đảm bảo rằng những người có giấy phép tại phần này được phép sử dụng các ứng dụng, chương trình và hệ thống công nghệ thông tin của bên thứ ba nhằm tuân thủ các yêu cầu của chương trình theo dõi và truy xuất mở rộng được mô tả trong tiểu mục (a) để báo cáo lộ trình của cần sa và các sản phẩm cần sa trên toàn chuỗi phân phối và truyền đạt thông tin như vậy cho các cơ quan cấp phép theo yêu cầu của luật pháp.

(c) Bất kỳ phần mềm, cơ sở dữ liệu hoặc hệ thống công nghệ thông tin khác được dùng bởi bộ để thực hiện chương trình theo dõi và truy xuất mở rộng sẽ hỗ trợ khả năng tương tác với các ứng dụng phần mềm kinh doanh cần sa của bên thứ ba và cho phép thực hiện các hoạt động của hệ thống licensee-facing thông qua một giao diện lập trình ứng dụng bảo mật (API) hoặc công nghệ so

sánh mà đã được chứng minh là tốt, mang tính hai chiều và có thể tiếp cận bất kỳ ứng dụng nào của bên thứ ba đã được phê chuẩn và được ủy nhiệm phù hợp. API hoặc công nghệ tương đương sẽ phải được quản lý phiên bản và cung cấp thông báo đầy đủ về các bản cập nhật đối với các ứng dụng của bên thứ ba. Hệ thống này cần cung cấp một môi trường thử nghiệm cho các ứng dụng của bên thứ ba để truy cập vào nhằm phản ánh môi trường sản xuất.

CHƯƠNG 18. LỆ PHÍ GIẤY PHÉP

26180. Mỗi cơ quan cấp giấy phép sẽ thiết lập một phạm vi ứng dụng, phí cấp phép và phí cấp mới, dựa trên chi phí thực thi phần này, như sau:

(a) Mỗi cơ quan cấp giấy phép phải trả phí cấp phép và phí cấp lại cho mỗi người có giấy phép, nếu có. Phí cấp phép và phí cấp mới sẽ được tính vào để trang trải các chi phí quản lý theo quy định của phần này. Phí cấp phép có thể khác nhau tùy theo những chi phí biến đổi liên quan đến các yêu cầu tiết chế khác nhau của phần này khi chúng liên quan đến bản chất và phạm vi của các hoạt động cấp phép khác nhau, bao gồm, nhưng không giới hạn, chương trình theo dõi và truy xuất được yêu cầu theo Đoạn 26170, nhưng không được vượt quá các chi phí tiết chế hợp lý của cơ quan cấp phép.

(b) Tổng chi phí đánh giá theo phần này sẽ được thiết lập ở một mức mà có thể tạo ra tổng thu nhập đủ để trang trải đầy đủ các chi phí quản lý được quy định ở phần này.

(c) Tất cả các phí giấy phép sẽ được thiết lập trên cơ sở được định mức của cơ quan cấp phép, phụ thuộc vào quy mô của doanh nghiệp.

(d) Cơ quan cấp phép sẽ nộp tất cả lệ phí cần thu vào một tài khoản được chỉ định riêng cho cơ quan cấp phép đó, được thiết lập trong Quỹ Kiểm soát Cẩn sa. Tiền trong các tài khoản lệ phí của cơ quan cấp phép sẽ được sử dụng, khi được sự phân bổ của Cơ Quan Lập pháp, của cơ quan cấp phép được chỉ định tại phần này.

26181. Ủy Ban Kiểm Soát Tài Nguyên Nước, Cục Cá và Động vật hoang dã, và các cơ quan khác có thể thiết lập các lệ phí để chi trả cho các chương trình tiết chế cẩn sa.

CHƯƠNG 19. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN; THANH TRA VỀ TÍNH HIỆU QUẢ

26190. Bắt đầu từ ngày 1 tháng Ba, năm 2020, và vào hoặc trước ngày 1 tháng Ba, mỗi năm sau đó, mỗi cơ quan cấp giấy phép phải chuẩn bị và nộp một bản báo cáo thường niên về các hoạt động của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến hoạt động cẩn sa thương mại cho Cơ Quan Lập Pháp và đăng báo cáo trên trang Internet Web của cơ quan có thẩm quyền. Bản báo cáo sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, cùng một loại thông tin được quy định tại Đoạn 19353, và một danh sách chi tiết các thỉnh nguyện thư với yêu cầu thay đổi giảm tiết chế hoặc thiết lập quy định được phòng tiếp nhận từ những người có giấy phép yêu cầu sửa đổi việc thực thi các quy định tại phần này.

26191. (a) Bắt đầu từ ngày 1 tháng Một năm 2019, và trước ngày 1 tháng Một mỗi năm sau đó, Văn Phòng Thanh Tra Tiểu Bang California sẽ tiến hành thanh tra về tính hiệu quả của các hoạt động của phòng theo phần này, và có trách nhiệm báo cáo kết quả với phòng và Cơ Quan Lập Pháp trước ngày 1 tháng Bảy cùng năm. Báo cáo sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, các nội dung sau:

- (1) Các chi phí thực tế của chương trình.
- (2) Hiệu quả tổng thể của chương trình thực thi.
- (3) Bất kỳ báo cáo nào được đệ trình theo đoạn này sẽ được đệ trình theo quy

định tại Đoạn 9795 của Bộ Luật Chính Quyền.

(b) Cơ Quan Lập Pháp sẽ cung cấp đủ quỹ cho Văn Phòng Thanh Tra Tiểu Bang California để thực hiện việc thanh tra hàng năm theo yêu cầu của đoạn này.

CHƯƠNG 20. SỰ KIỂM SOÁT CỦA ĐỊA PHƯƠNG

26200. (a) Không điều gì trong phần này được giải thích là bỏ hoặc hạn chế quyền của một phạm vi quyền hạn địa phương trong việc áp dụng và thi hành các sắc lệnh địa phương để điều chỉnh các doanh nghiệp được cấp phép tại phần này, bao gồm, nhưng không giới hạn, các yêu cầu sử dụng đất và phân vùng địa phương, các yêu cầu giấy phép kinh doanh, và các yêu cầu liên quan đến việc giảm tiếp xúc với khói thuốc lá, hoặc hoàn toàn ngăn cấm việc thiết lập hoặc vận hành một hoặc nhiều kiểu doanh nghiệp được cấp phép tại phần này trong phạm vi quyền hạn địa phương.

(b) Không điều gì trong phần này được giải thích là yêu cầu một cơ quan cấp phép thực hiện các trách nhiệm thực thi pháp luật địa phương, thực thi các yêu cầu phân vùng địa phương, hoặc thực thi các yêu cầu cấp phép địa phương.

(c) Một phạm vi quyền hạn địa phương sẽ thông báo cho phòng khi thu hồi bất kỳ giấy phép địa phương nào, sự cho phép, hay sự ủy quyền cho người có giấy phép tham gia vào hoạt động cẩn sa thương mại trong phạm vi quyền hạn địa phương. Trong vòng 10 ngày kể từ ngày thông báo, Phòng phải thông báo cho các cơ quan cấp giấy phép có liên quan. Trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo như vậy từ Phòng, các cơ quan cấp giấy phép có liên quan sẽ bắt đầu tiến hành các thủ tục theo Chương 3 (bắt đầu từ Đoạn 26030) để xác định xem liệu giấy phép được cấp cho người có giấy phép cần bị đình chỉ hay thu hồi.

(d) Ngoài khoản (1) tiểu mục (a) Đoạn 11362.3 của Bộ Luật Sức Khỏe và An Toàn, một phạm vi quyền hạn địa phương có thể cho phép hút, xả khói và tiêu thụ cẩn sa hoặc các sản phẩm cẩn sa ngay trên cơ sở của nhà bán lẻ hoặc một doanh nghiệp nhỏ được cấp phép theo đoạn này nếu:

- (1) Tiếp cận khu vực nơi việc tiêu thụ cẩn sa được cho phép bị hạn chế với những người từ 21 tuổi trở lên;
- (2) Việc tiêu thụ cẩn sa không thể nhìn thấy từ bất cứ nơi công cộng hoặc khu vực không hạn chế độ tuổi nào; và
- (3) Bán hay tiêu thụ rượu hoặc thuốc lá không được cho phép tại các cơ sở.

26201. Bất kỳ các tiêu chuẩn, yêu cầu và quy định nào liên quan đến sức khỏe và an toàn, bảo vệ môi trường, thử nghiệm, an ninh, an toàn thực phẩm, và bảo vệ người lao động được thiết lập bởi tiểu bang sẽ là các tiêu chuẩn tối thiểu đối với người có giấy phép toàn tiểu bang theo phần này. Phạm vi quyền hạn địa phương có thể thiết lập các tiêu chuẩn, yêu cầu và quy định bổ sung.

26202. (a) Phạm vi quyền hạn địa phương có thể thực thi phần này và các quy định được công bố bởi Phòng hay bất kỳ cơ quan cấp giấy phép nào nếu được ủy quyền làm như vậy bởi Phòng hay một cơ quan cấp giấy phép.

(b) Phòng hoặc cơ quan cấp giấy phép bất kỳ có trách nhiệm thực thi quyền hạn theo quy định tại tiểu mục (a) thông qua một biên bản ghi nhớ giữa Phòng hoặc cơ quan cấp giấy phép và phạm vi quyền hạn địa phương đối với việc thực thi được giao.

CHƯƠNG 21. TÀI TRỢ

26210. (a) Quỹ Quản Lý Cẩn Sa Y Tế và Hành Động Vì Sự An Toàn được thành lập theo quy định tại Đoạn 19351 sau đây được đổi tên thành Quỹ Kiểm Soát Cẩn Sa.

(b) Cho đến ngày có hiệu lực của đoạn này, bất cứ khi nào "Quỹ Quản Lý Cẩn Sa Y Tế và Hành Động Vì Sự An Toàn" xuất hiện trong bất kỳ đạo luật, quy định hoặc hợp đồng, hoặc trong bất kỳ bộ luật nào khác, nó sẽ được hiểu là để tham chiếu với các Quỹ Kiểm Soát Cẩn Sa.

26211. (a) Kinh phí cho việc thành lập và hỗ trợ ban đầu cho các hoạt động tiết chế theo phần này, bao gồm chương trình thông tin cộng đồng được quy định tại tiểu mục (c), và cho các hoạt động của Hội đồng Quân Bình Sinh Hoạt theo Mục 14.5 (bắt đầu từ Đoạn 34010) Phần 2 của Bộ Luật Thu Nhập và Thuế Vụ cho đến ngày 1 tháng Bảy, năm 2017, hoặc cho đến khi Đạo Luật Ngân Sách Năm 2017 được ban hành, tùy theo luật nào được ban hành muộn hơn, sẽ được tạm ứng từ Quỹ Tổng Quát và sẽ được hoàn trả bằng các khoản thu được ban đầu từ lệ phí được thu theo quy định của phần này, bất kỳ điều lệ hoặc quy định nào được thông qua theo phần này, hoặc các khoản thu từ thuế được thực hiện theo quy định tại các Đoạn 34011 và 34012 của Bộ Luật Thu Nhập và Thuế Vụ trước ngày 1 tháng Một năm 2025.

(1) Các quỹ được tạm ứng chiếu theo tiểu mục này sẽ được phân bổ cho phòng, và phòng có trách nhiệm phân bổ số tiền này cho các cơ quan cấp giấy phép thích hợp, nếu cần thiết để thực thi các quy định của phần này, và cho Hội đồng Quân Bình Sinh Hoạt, khi cần thiết, để thực thi các quy định của Mục 14.5 (bắt đầu từ Đoạn 34010) Phần 2 của Bộ Luật Thu Nhập và Thuế Vụ.

(2) Trong vòng 45 ngày kể từ ngày đoạn này đi vào hoạt động:

(A) Giám Đốc Tài Chính sẽ quyết định số tiền tạm ứng ban đầu từ Quỹ Tổng Quát cho Quỹ Kiểm Soát Cẩn Sa không vượt quá ba mươi triệu đô-la (\$30,000,000); và

(B) Sở Dịch Vụ Chăm Sóc Sức Khỏe Tiểu Bang sẽ được tạm ứng số tiền năm triệu đô-la (\$5,000,000) từ Quỹ Tổng Quát để cung cấp cho chương trình thông tin cộng đồng được nêu trong tiểu mục (c).

(b) Ngoài tiểu mục (a), Cơ Quan Lập Pháp có trách nhiệm cung cấp đủ tiền cho Quỹ Kiểm Soát Cẩn Sa nhằm hỗ trợ cho các hoạt động của Phòng và các cơ quan cấp giấy phép của tiểu bang theo phần này, và Hội đồng Quân Bình Sinh Hoạt nhằm hỗ trợ cho các hoạt động của hội đồng theo Mục 14.5 (bắt đầu từ Đoạn 34010) Phần 2 của Bộ Luật Thu Nhập và Thuế Vụ. Khoản tài trợ này được dự đoán rằng sẽ được cung cấp hàng năm từ ngày 1 tháng Bảy năm 2017.

(c) Sở Dịch Vụ Chăm Sóc Sức Khỏe Tiểu Bang phải thiết lập và thực thi một chương trình thông tin cộng đồng không muộn hơn ngày 1 tháng Chín năm 2017. Chương trình thông tin cộng đồng này sẽ, ở mức tối thiểu, quy định các điều khoản của Đạo Luật Kiểm Soát, Điều Tiết và Sử Dụng Cẩn Sa Đối Với Người Lớn Có Đóng Thuế năm 2016, trên cơ sở khoa học nhằm hạn chế việc tiếp cận cần sa và các sản phẩm cần sa đối với những người dưới 21 tuổi, quy định các hình phạt đối với việc cấp quyền tiếp cận cần sa và các sản phẩm cần sa cho những người dưới 21 tuổi, cung cấp thông tin liên quan đến những mối nguy hiểm cho việc lái xe, thuyền, tàu, máy bay, hay một phương tiện đang tham gia giao thông khác trong khi đang bị suy nhược bởi sử dụng cần sa, các mối nguy hại tiềm tàng của việc sử dụng cần sa trong khi mang thai hoặc cho con bú, và các mối nguy hại tiềm tàng của việc lạm dụng cần sa hay các sản phẩm cần sa.

ĐOẠN 6.2. Đoạn 147.6 được thêm vào Bộ Luật Lao Động, như sau:

147.6. (a) Trước ngày 1 tháng Ba, năm 2018, Phân Khu Sức Khỏe và An Toàn Nghề Nghiệp phải triệu tập ủy ban tham vấn để đánh giá xem liệu có cần thiết phải triển khai các nội quy cụ thể của ngành liên quan đến những hoạt động của người có giấy phép theo Phần 10 (bắt đầu từ Đoạn 26000) của Bộ

Luật Kinh Doanh và Nghề Nghiệp, bao gồm nhưng không giới hạn, liệu các yêu cầu cụ thể có cần thiết để giải quyết vấn đề người lao động bị tiếp xúc gián tiếp với khói thuốc cần sa tại các nhà máy, nơi việc tiêu thụ cần sa tại chỗ được cho phép theo tiểu mục (d) Đoạn 26200 của Bộ Luật Kinh Doanh và Nghề Nghiệp và liệu các yêu cầu cụ thể có cần thiết để giải quyết các rủi ro tiềm ẩn từ việc đốt, hít, các vụ cướp có vũ trang hoặc thương tổn do căng thẳng lặp lại hay không.

(b) Trước ngày 1 tháng Mười, năm 2018, ủy ban tham vấn phải trình các kết luận đánh giá và đề nghị lên hội đồng để hội đồng xem xét. Trước ngày 1 tháng Mười, năm 2018, hội đồng sẽ đưa ra quyết định liên quan đến việc áp dụng các nội quy cụ thể của ngành chiếu theo đoạn này.

ĐOẠN 6.3. Đoạn 13276 được thêm vào Bộ Luật Thủy Cục, như sau:

13276. (a) Toàn đặc nhiệm đa ngành, Sở Thủy Sản và Động Vật Hoang Dã và Hội Đồng Kiểm Soát Tài Nguyên Nước Tiểu Bang sẽ triển khai dự án để giải quyết các Tác Động Môi Trường từ quá trình trồng cần sa, được giao để phục hồi những thiệt hại gây ra do quá trình trồng cần sa trên khu vực đất công và tư nhân tại California, sẽ tiếp tục những nỗ lực thực thi trên cơ sở dài hạn và mở rộng chúng lên cấp độ toàn tiểu bang nhằm đảm bảo giảm được các tác động bất lợi của quá trình trồng cần sa đối với chất lượng nước và đối với các loài cá và động vật hoang dã trên toàn tiểu bang.

(b) Mỗi hội đồng vùng có trách nhiệm, và Hội Đồng Kiểm Soát Tài Nguyên Nước Tiểu Bang có thể, giải quyết việc tiêu hủy chất thải từ quá trình trồng cần sa y tế và trồng cần sa thương mại theo Phần 10 của Bộ Luật Kinh Doanh và Nghề Nghiệp và các hoạt động có liên quan, bao gồm việc thông qua một giấy phép chung, thiết lập các yêu cầu đối với việc tiêu hủy chất thải, hay hành động theo quy định tại Đoạn 13269. Trong quá trình giải quyết các tiêu hủy này, mỗi hội đồng vùng sẽ kèm theo các điều kiện để giải quyết các mục bao gồm, nhưng không giới hạn, tất cả nội dung sau đây:

- (1) Phát triển và duy tu cơ sở, kiểm soát xói mòn, và các tiêu chí thoát nước.
- (2) Tạo dòng thông qua hệ thống thiết bị và duy tu.
- (3) Bảo vệ và quản lý các khu vực ven sông và khu đầm lầy.
- (4) Xử lý đất.
- (5) Trữ và sử dụng nước.
- (6) Dòng xả tươi tiêu.
- (7) Phân bón và đất.
- (8) Thuốc trừ sâu và thuốc diệt cỏ.
- (9) Sản phẩm dầu mỡ và các hóa chất khác.
- (10) Chất thải liên quan đến trồng trọt.
- (11) Phế thải và chất thải của con người.
- (12) Dọn dẹp, phục hồi và giảm nhẹ.

ĐOẠN 7. Thuế Cẩn Sa.

ĐOẠN 7.1. Mục 14.5 (bắt đầu từ Đoạn 34010) được thêm vào Phần 2 của Bộ Luật Thu Nhập và Thuế Vụ, như sau:

MỤC 14.5. THUẾ CẨN SA

34010. Theo các mục đích của phần này:

- (a) "Hội đồng" có nghĩa là Hội đồng Quân Bình Sinh Hoạt hay cơ quan kế tục.
- (b) "Phòng" có nghĩa là Phòng Kiểm Soát Cẩn Sa thuộc Cục Sự Vụ Người Tiêu

Dùng.

(c) "Quỹ thuế" có nghĩa là Quỹ Thuế Căn Sa California được lập theo Phần 34018.

(d) "Căn sa" sẽ có nghĩa tương tự như đã ấn định tại Phần 11018 của Bộ Luật Sức Khỏe và An Toàn và cũng có nghĩa là căn sa y tế.

(e) "Sản phẩm căn sa" sẽ có nghĩa tương tự như đã ấn định tại Phần 11018.1 của Bộ Luật Sức Khỏe và An Toàn và cũng có nghĩa là sản phẩm y tế cô đặc và sản phẩm căn sa y tế.

(f) "Hoa căn sa" có nghĩa là hoa của cây căn sa đã được sấy khô theo quy định của hội đồng.

(g) "Lá căn sa" có nghĩa là tất cả các bộ phận của cây căn sa ngoài hoa căn sa được bán hoặc tiêu thụ.

(h) "Tổng doanh thu" sẽ có nghĩa tương tự như đã ấn định tại Phần 6012.

(i) "Bán lẻ" sẽ có nghĩa tương tự như đã ấn định tại Phần 6007.

(j) "Người" sẽ có nghĩa tương tự như đã ấn định tại Phần 6005.

(k) "Doanh nghiệp nhỏ" sẽ có nghĩa tương tự như đã ấn định tại đoạn (3) của tiểu mục (a) Đoạn 26070 của Bộ Luật Kinh Doanh và Nghề Nghiệp.

(l) "Phi lợi nhuận" sẽ có nghĩa tương tự như đã ấn định tại Đoạn 26070.5 của Bộ Luật Kinh Doanh và Nghề Nghiệp.

34011. (a) Sẽ đi vào hiệu lực từ ngày 1 tháng Một năm 2018, thuế tiêu thụ đặc biệt đối với căn sa sẽ được áp lên người mua căn sa hoặc các sản phẩm căn sa được bán tại tiểu bang này với thuế suất 15% trên tổng doanh thu từ bất kỳ việc bán lẻ nào của một phòng khám hoặc người khác được yêu cầu phải có giấy phép theo quy định tại Chương 3.5 (bắt đầu từ Đoạn 19300) Phần 8 của Bộ Luật Kinh Doanh và Nghề Nghiệp hay một nhà bán lẻ, doanh nghiệp nhỏ, tổ chức phi lợi nhuận, hoặc người khác được yêu cầu phải có giấy phép theo quy định tại Phần 10 (bắt đầu từ Đoạn 26000) của Bộ Luật Kinh Doanh và Nghề Nghiệp để được bán trực tiếp căn sa và các sản phẩm căn sa cho người mua.

(b) Trừ khi có quy định khác, thuế được thu theo đoạn này sẽ áp dụng với tổng giá, nếu không được ghi thành từng mục, của bất kỳ khoản giao dịch nào liên quan đến cả căn sa hoặc các sản phẩm căn sa và bất cứ hàng hoá hay dịch vụ riêng biệt và có thể nhận biết nào khác, và áp dụng với giá của bất kỳ hàng hóa hay dịch vụ nào, nếu việc giảm giá căn sa hay các sản phẩm căn sa phụ thuộc vào việc mua những hàng hóa hoặc dịch vụ đó.

(c) Một phòng khám hoặc người khác được yêu cầu phải có giấy phép theo quy định tại Chương 3.5 (bắt đầu từ Đoạn 19300) Phần 8 của Bộ Luật Kinh Doanh và Nghề Nghiệp hay một nhà bán lẻ, doanh nghiệp nhỏ, tổ chức phi lợi nhuận, hoặc người khác được yêu cầu phải có giấy phép theo quy định tại Phần 10 (bắt đầu từ Đoạn 26000) của Bộ Luật Kinh Doanh và Nghề Nghiệp sẽ chịu trách nhiệm thu khoản thuế này và nộp lại cho hội đồng theo quy định và thủ tục được thiết lập theo pháp luật và bất kỳ quy định nào đã được hội đồng thông qua.

(d) Thuế tiêu thụ đặc biệt được áp theo đoạn này sẽ được cộng thêm vào thuế bán hàng và sử dụng được áp bởi các chính quyền tiểu bang và địa phương.

(e) Tổng doanh thu từ việc bán căn sa hoặc các sản phẩm căn sa với mục đích thẩm định thuế bán hàng và sử dụng theo Mục 1 của phần này sẽ bao gồm cả thuế được thu chiếu theo đoạn này.

(f) Căn sa hoặc sản phẩm căn sa sẽ không thể được bán cho người mua trừ

khi người mua đã trả tiền thuế tiêu thụ đặc biệt theo yêu cầu của luật tại thời điểm bán.

(g) Thuế bán và sử dụng được áp theo Mục 1 (bắt đầu từ Đoạn 6001) sẽ không áp dụng với doanh số bán lẻ căn sa y tế, căn sa y tế cô đặc, các sản phẩm căn sa y tế ăn được hoặc căn sa để đắp theo các điều khoản được quy định tại Chương 3.5 (bắt đầu từ Đoạn 19300) Phần 8 của Bộ Luật Kinh Doanh và Nghề Nghiệp khi một bệnh nhân đủ điều kiện hoặc người chăm sóc chính cho bệnh nhân đủ điều kiện cung cấp thẻ được theo quy định tại Đoạn 11362.71 của Bộ Luật Sức Khỏe và An Toàn và một thẻ nhận dạng còn hiệu lực được cấp bởi chính quyền tiểu bang.

34012. (a) Có hiệu lực từ ngày 1 tháng Một năm 2018, thuế canh tác sẽ được áp đối với toàn bộ căn sa đã thu hoạch được đưa vào thị trường thương mại cho tất cả những người được yêu cầu phải có giấy phép để trồng căn sa theo Chương 3.5 (bắt đầu từ Đoạn 19300) Phần 8 của Bộ Luật Kinh Doanh và Nghề Nghiệp hoặc Phần 10 (bắt đầu từ Đoạn 26000) của Bộ Luật Kinh Doanh và Nghề Nghiệp. Thuế sẽ được thu sau khi căn sa được thu hoạch.

(1) Thuế đối với hoa căn sa sẽ là chín đô-la và hai mươi lăm xu (\$9.25) cho mỗi aoxơ trọng lượng khô.

(2) Thuế đối với lá căn sa sẽ là hai đô-la và bảy mươi lăm xu (\$2.75) cho mỗi aoxơ trọng lượng khô.

(b) Hội đồng có thể điều chỉnh thuế suất đối với lá căn sa hàng năm nhằm phản ánh sự biến động của giá hoa căn sa tương đối so với giá lá căn sa tương đối.

(c) Hội đồng có thể theo thời gian thiết lập các danh mục căn sa đã thu hoạch khác, thiết lập các danh mục đối với căn sa chưa qua xử lý hoặc căn sa đông lạnh hoặc cây non, hoặc căn sa được vận chuyển trực tiếp tới các nhà sản xuất. Những danh mục này sẽ bị đánh thuế theo giá tương đối của chúng so với hoa căn sa.

(d) Hội đồng có thể mô tả theo quy định một phương pháp và cách thức nộp thuế canh tác có sử dụng tem thuế hoặc túi sản phẩm được cấp bởi tiểu bang, trên đó ghi rõ toàn bộ thuế yêu cầu đã được trả cho sản phẩm có tem thuế được gắn vào hoặc trên căn sa được đóng gói.

(e) Tem thuế và túi sản phẩm phải có thiết kế, thông tin chi tiết về sản phẩm và tên gọi có thể được hội đồng quy định và có thể được mua bởi bất kỳ người có giấy phép nào theo Chương 3.5 (bắt đầu từ Đoạn 19300) Phần 8 của Bộ Luật Kinh Doanh và Nghề Nghiệp hoặc theo Phần 10 (bắt đầu từ Đoạn 26000) của Bộ Luật Kinh Doanh và Nghề Nghiệp.

(f) Kế tiếp việc thiết lập một chương trình tem thuế, hội đồng có thể đưa ra quy định rằng căn sa không thể được nhổ bỏ do một cơ sở trồng được cấp phép hoặc không thể được vận chuyển trên đường cao tốc công cộng trừ khi túi sản phẩm được cấp bởi tiểu bang có dán tem thuế với tên phù hợp.

(g) Tem thuế và túi sản phẩm phải có khả năng đọc được bởi máy quét hoặc một thiết bị tương tự và phải có thể truy xuất bằng cách sử dụng hệ thống theo dõi và truy xuất theo Đoạn 26170 của Bộ Luật Kinh Doanh và Nghề Nghiệp.

(h) Những người được yêu cầu phải có giấy phép để trồng căn sa theo Chương 3.5 (bắt đầu từ Đoạn 19300) Phần 8 của Bộ Luật Kinh Doanh và Nghề Nghiệp hoặc Phần 10 (bắt đầu từ Đoạn 26000) của Bộ Luật Kinh Doanh và Nghề Nghiệp sẽ có trách nhiệm nộp thuế chiếu theo các quy định được thông qua bởi hội đồng. Căn sa không thể được bán cho đến khi người mua đã nộp

thuế theo quy định tại phần này.

(i) Toàn bộ cần sa được chuyển khỏi cơ sở của người trồng, ngoại trừ chất thải cây trồng, sẽ được coi là được bán và theo đó phải chịu thuế theo quy định tại đoạn này.

(j) Thuế được áp bởi đoạn này sẽ được áp cho toàn bộ cần sa được trồng trên toàn tiểu bang theo điều lệ và nội quy được hội đồng ban hành, nhưng sẽ không áp dụng với cần sa được trồng để sử dụng cá nhân theo Đoạn 11362.1 của Bộ Luật Sức Khỏe và An Toàn hoặc được trồng bởi một bệnh nhân đủ điều kiện hoặc người chăm sóc chính theo quy định của Đạo Luật Cho Phép Sử dụng Vì Tình Thương.

(k) Bắt đầu từ ngày 1 tháng Một năm 2020, thuế suất được quy định tại các tiểu mục (a), (b), và (c) sẽ được hội đồng điều chỉnh hàng năm sau đó do lạm phát.

34013. (a) Hội đồng có trách nhiệm quản lý và thu thuế được áp theo phần này như được quy định bởi Luật Thủ Tục Thu Phí (Mục 30 (bắt đầu từ Đoạn 55001) Phần 2). Đối với các mục đích của phần này, các tham chiếu trong Luật Thủ Tục Thu Phí với "phi" sẽ bao gồm thuế được áp đặt bởi phần này, và các tham chiếu với "người nộp phi" bao gồm người được yêu cầu phải nộp hoặc thu thuế theo phần này.

(b) Hội đồng có thể quy định, thông qua, và thực thi các quy định liên quan đến việc quản lý hành chính và thực thi của phần này, bao gồm, nhưng không giới hạn, thu thuế, báo cáo, hoàn lại tiền, và kêu gọi.

(c) Hội đồng sẽ thông qua điều lệ và nội quy cần thiết để quản lý các loại thuế trong phần này. Các điều lệ và nội quy đó có thể bao gồm các phương thức hoặc thủ tục để gắn thẻ cần sa hoặc sản phẩm cần sa, hoặc bao bì của chúng, để chỉ định nộp thuế trước.

(d) Hội đồng có thể quy định, thông qua, và thực thi bất kỳ quy chế khẩn cấp nào khi cần thiết để thực hiện, quản lý và thực thi nhiệm vụ của mình theo phần này. Bất kỳ quy chế khẩn cấp nào được quy định, thông qua, hoặc thực thi theo quy định của đoạn này sẽ được thông qua theo quy định tại Chương 3.5 (bắt đầu từ Đoạn 11340) Mục 1 Phần 3 Tiêu đề 2 của Bộ Luật Chính Quyền, và, với mục đích của chương này, kể cả Đoạn 11349.6 của Bộ Luật Chính Quyền, việc thông qua quy chế là rất cấp thiết và cần phải được xem xét bởi Phòng Luật Hành Chính xem xét như là một điều kiện cần thiết để gìn giữ ngay lập tức hòa bình cho công chúng, sức khỏe và an toàn, và phúc lợi chung. Ngoại trừ luật có quy định khác, các quy chế khẩn cấp được thông qua bởi hội đồng có thể vẫn có hiệu lực trong vòng hai năm kể từ ngày thông qua.

(e) Bất kỳ người nào không nộp các loại thuế được áp theo đoạn này, ngoài việc nợ các khoản thuế chưa nộp, sẽ bị phạt ít nhất một nửa số tiền thuế chưa nộp, và sẽ bị thu hồi giấy phép theo quy định tại Đoạn 26031 của Bộ Luật Kinh Doanh và Nghề Nghiệp hoặc theo Chương 3.5 (bắt đầu từ Đoạn 19300) Phần 8 của Bộ Luật Kinh Doanh và Nghề Nghiệp.

(f) Hội đồng có thể thực hiện các hành động pháp lý cần thiết để thu bất kỳ khoản thiếu hụt nào về thuế phải nộp, và, theo yêu cầu của hội đồng, Bộ Trưởng Tư Pháp sẽ chịu trách nhiệm thực hiện.

34014. (a) Tất cả những người bắt buộc phải được cấp phép tham gia vào việc trồng và bán lẻ cần sa hoặc sản phẩm cần sa phải có giấy phép riêng biệt từ hội đồng theo các quy định đã được hội đồng thông qua. Bất kỳ người nào cấp giấy phép đều không bị thu lệ phí. Bất kỳ người nào thuộc diện bắt buộc phải có giấy phép mà tham gia vào kinh doanh với tư cách người trồng trọt, phát

thuốc, bán lẻ, tiểu thương hoặc hoạt động phi lợi nhuận theo Chương 3.5 (bắt đầu từ Đoạn 19300) Phần khu 8 hoặc Phần khu 10 (bắt đầu từ đoạn 26000) Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp mà không có giấy phép hoặc sau khi giấy phép đã bị hủy bỏ, đình chỉ, hoặc thu hồi, và mỗi nhân viên của bất kỳ công ty nào tham gia vào việc kinh doanh đó, đều mang tội tiểu hình.

(b) Hội đồng có thể yêu cầu mọi cá nhân là người trồng trọt, phát thuốc, tiểu thương, người hoạt động phi lợi nhuận có giấy phép, hoặc người khác thuộc diện bắt buộc phải có giấy phép, cung cấp sự bảo lãnh để thực hiện nghĩa vụ pháp lý đối với các loại thuế áp đặt theo luật pháp của tiểu bang đối với cần sa được sản xuất hoặc tiếp nhận bởi người trồng trọt, tiểu thương, hoạt động phi lợi nhuận, hoặc người khác thuộc diện bắt buộc phải được cấp phép theo các thủ tục do hội đồng thiết lập. Cho dù có bất cứ điều gì trái ngược ở đây, hội đồng có thể miễn bất kỳ yêu cầu bảo lãnh nào do chính hội đồng áp đặt vì lý do chính đáng, theo quyết định của hội đồng. "Lý do chính đáng" bao gồm, nhưng không giới hạn, việc người trồng trọt, tiểu thương, hoạt động phi lợi nhuận, hoặc người khác thuộc diện bắt buộc phải có giấy phép, không có khả năng có được sự bảo lãnh do thiếu nhà cung cấp dịch vụ hoặc do chính sách của nhà cung cấp dịch vụ cấm cung cấp dịch vụ cho một người kinh doanh cần sa. Một cá nhân không được phép bắt đầu hoặc tiếp tục hoạt động kinh doanh bất kỳ hoặc hoạt động liên quan đến trồng cần sa cho đến khi việc bảo lãnh theo yêu cầu của hội đồng đối với công việc kinh doanh hoặc hoạt động đó đã được chuẩn bị, thực thi và đệ trình thích hợp theo phần này.

(c) Khi ấn định số lượng tiền bảo lãnh bất kỳ theo yêu cầu của hội đồng, hội đồng có trách nhiệm cân nhắc những khó khăn về tài chính mà có thể được áp dụng đối với người được cấp phép như là kết quả của việc thiếu nhà cung cấp bảo lãnh sẵn có.

34015. (a) Thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế trồng cần sa được áp đặt theo phần này sẽ đáo hạn và phải nộp cho hội đồng hàng quý vào ngày hoặc trước ngày cuối cùng của tháng tiếp theo mỗi quý ba tháng. Vào ngày hoặc trước ngày cuối cùng của tháng tiếp theo mỗi quý, mỗi cá nhân thuộc diện bắt buộc phải có giấy phép trồng hoặc bán lẻ phải nộp một bản thống kê cho quý trước cho hội đồng theo Chương 3.5 (bắt đầu từ Đoạn 19300) Phần khu 8 hoặc Phần khu 10 (bắt đầu từ Đoạn 26000) Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp bằng cách sử dụng phương tiện điện tử. Các bản thống kê sẽ được xác nhận trong một biểu mẫu hoặc theo các phương pháp mà hội đồng có thể quy định. Nếu thuế trồng trọt được nộp bằng tem phiếu theo tiểu mục (d) Đoạn 34012 hội đồng có thể, bằng quy định, xác định thời gian và cách thức nộp thuế.

(b) Hội đồng có thể yêu cầu mọi cá nhân tham gia trồng trọt, phân phối hoặc bán lẻ cần sa và sản phẩm cần sa phải có giấy phép theo quy định tại Chương 3.5 (bắt đầu từ Đoạn 19300) Phần khu 8 hoặc Phần khu 10 (bắt đầu từ Đoạn 26000) Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp, phải nộp một bản báo cáo bằng phương tiện điện tử, về số liệu tồn kho, mua hàng và bán hàng trong tháng trước và thông tin bất kỳ khác mà hội đồng có thể yêu cầu theo mục đích của phần này, vào ngày hoặc trước ngày 25 mỗi tháng. Các bản báo cáo sẽ được xác nhận trong một biểu mẫu hoặc theo các phương pháp mà hội đồng có thể quy định.

34016. (a) Cảnh sát viên hoặc nhân viên hội đồng được cấp tình trạng cảnh sát hạn chế theo khoản (6) tiểu mục (a) Đoạn 830.11 Bộ luật Hình sự, khi xuất trình được các thông tin thích hợp, được phép thâm nhập bất kỳ nơi nào như mô tả trong khoản (3) và tiến hành thanh tra phù hợp với tất cả các khoản sau đây.

(1) Các đợt thanh tra phải được thực hiện một cách hợp lý và vào những thời điểm thích hợp theo hoàn cảnh, có tính đến giờ làm việc bình thường của nơi này được thanh tra.

(2) Việc thanh tra có thể ở bất kỳ nơi nào mà cần sa hoặc sản phẩm cần sa được bán cho người mua, được trồng, hoặc lưu trữ, hoặc tại bất kỳ địa điểm nào mà bằng chứng về các hoạt động liên quan đến hành vi trốn thuế có thể được phát hiện.

(3) Việc thanh tra phải được yêu cầu hoặc thực hiện không quá một lần trong một khoảng thời gian 24 giờ.

(b) Bất kỳ người nào không cho phép hoặc từ chối cho phép thanh tra sẽ bị khép tội tiểu hình. Mỗi tội danh sẽ bị phạt bằng một khoản tiền phạt không quá năm nghìn đô la (5,000 USD), hoặc bị phạt tù không quá một năm trong một nhà tù quận, hoặc cả phạt tiền và phạt tù. Tòa án sẽ quyết định khoản tiền phạt bất kỳ được nộp vào Ngân quỹ Thuế Cần sa California.

(c) Khi hội đồng hoặc một cơ quan thực thi pháp luật phát hiện rằng người được cấp phép hoặc bất kỳ người nào khác sở hữu, tàng trữ, hoặc đã bán lẻ cần sa hoặc sản phẩm cần sa mà không có bằng chứng nộp thuế hoặc không được bao gồm trong gói bảo lãnh, hội đồng hoặc cơ quan thực thi pháp luật đó có quyền thu giữ số cần sa hoặc các sản phẩm cần sa đó. Bất kỳ số cần sa hoặc sản phẩm cần sa bị thu giữ bởi cơ quan thực thi pháp luật hoặc hội đồng, trong thời hạn bảy ngày, sẽ được coi là bị tịch thu và hội đồng sẽ thực hiện theo các thủ tục được quy định tại Đoạn 30436 đến hết 30449.

(d) Bất kỳ người nào nộp báo cáo sai hoặc gian lận đều bị khép tội tiểu hình và bị phạt tiền không quá một nghìn đô la (1,000 USD) cho mỗi tội.

(e) Mọi hành vi vi phạm bất kỳ điều khoản nào của phần này, trừ khi có quy định khác, là tội tiểu hình và do đó sẽ bị trừng phạt.

(f) Tất cả các khoản tiền nộp cho hội đồng theo phần này sẽ được ghi có vào Ngân quỹ Thuế Cần sa California.

34017. Văn phòng Phân tích Lập pháp có trách nhiệm đệ trình báo cáo lên Cơ quan lập pháp trước ngày 1 tháng Một, năm 2020, cùng những kiến nghị với Cơ quan lập pháp để điều chỉnh thuế suất nhằm đạt được các mục tiêu rẻ hơn giá thị trường bất hợp pháp và ngăn cản việc sử dụng cần sa ở những người dưới 21 tuổi trong khi vẫn đảm bảo tạo đủ doanh thu cho các chương trình được xác định tại Đoạn 34019.

34018. (a) Ngân quỹ Thuế Cần sa California theo đây được hình thành tại Ngân khố Tiểu bang. Ngân quỹ Thuế sẽ bao gồm tất cả các khoản tiền thuế, tiền lãi, tiền phạt và các khoản thu khác nộp cho hội đồng chiếu theo phần này, trừ đi khoản thanh toán hoàn tiền.

(b) Bất kể luật pháp khác, Ngân quỹ Thuế Cần sa California là một quỹ tín thác đặc biệt được hình thành chỉ nhằm thực hiện các mục đích của Đạo luật Kiểm soát, Quản lý và Đánh thuế Sử dụng Cần sa ở Người trưởng thành và tất cả các khoản thu được nộp vào Ngân quỹ Thuế, cùng với lãi hoặc cổ tức thu được cho quỹ, theo đây sẽ liên tục được trích lập cho các mục đích của Đạo luật Kiểm soát, Quản lý và Đánh thuế Sử dụng Cần sa ở Người trưởng thành bất kể năm tài khóa và sẽ được chỉ chi tiêu phù hợp với các quy định của phần này và mục đích của nó.

(c) Bất kể luật pháp khác, các loại thuế được áp đặt theo phần này và khoản thu nhập phát sinh từ đó, bao gồm cả tiền lãi đầu tư, sẽ không được coi là một phần của Quỹ tổng quát, khi thuật ngữ này được sử dụng trong Chương 1 (bắt

đầu từ Đoạn 16300) Phần 2 Phần khu 4 của Bộ luật Chính quyền, sẽ không được coi là thu nhập của Quỹ tổng quát theo các mục đích của Đoạn 8 Điều XVI Hiến pháp California và các luật thực thi của nó, và sẽ không được coi là "tiền" cho các mục đích của tiểu mục (a) và (b) Đoạn 8 Điều XVI của Hiến pháp California và các luật thực thi của nó.

34019. (a) Bắt đầu từ năm tài khóa 2017–2018 Bộ Tài Chánh sẽ ước tính mức thu nhập nhận được theo Đoạn 34011 và 34012 và cung cấp các ước tính này cho Cơ quan kiểm soát không muộn hơn ngày 15 tháng Sáu mỗi năm. Cơ quan kiểm soát sẽ sử dụng các ước tính này khi giải ngân theo đoạn này. Trước khi bất kỳ khoản tiền nào được giải ngân theo tiểu mục (b), (c), (d), và (e) của đoạn này, Cơ quan kiểm soát sẽ giải ngân từ Ngân quỹ Thuế đến tương đương mục thích hợp, bất kể năm tài khóa, các khoản sau:

(1) Các chi phí hợp lý phát sinh do hội đồng để quản trị và thu các loại thuế được áp đặt theo phần này; tuy nhiên, với điều kiện là các chi phí này không vượt quá 4 phần trăm của doanh thu thuế nhận được.

(2) Các chi phí hợp lý phát sinh bởi Cục, Bộ Sự vụ Người tiêu dùng, Bộ Thực phẩm và Nông nghiệp, và Bộ Y tế Công cộng của Tiểu bang để thực hiện, quản lý và thực thi Chương 3.5 (bắt đầu từ Đoạn 19300) Phần khu 8 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp và Phần khu 10 (bắt đầu từ Đoạn 26000) Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp trong phạm vi mà các chi phí này không được hoàn trả theo Đoạn 26180 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp hoặc theo Chương 3.5 (bắt đầu từ Đoạn 19300) Phần khu 8 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp. Khoản này sẽ duy trì hiệu lực trong suốt năm tài khóa 2022–2023.

(3) Các chi phí hợp lý phát sinh bởi Bộ Thủy sản và Động Vật Hoang Dã, Hội Đồng Kiểm soát Tài Nguyên Nước Tiểu Bang và Bộ Kiểm soát Thuốc Trừ Sâu để thực hiện các nghĩa vụ tương ứng của mình theo Chương 3.5 (bắt đầu từ Đoạn 19300) Phần khu 8 hoặc Phần khu 10 (bắt đầu từ Đoạn 26000) Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp trong phạm vi mà các chi phí này không được hoàn trả khác.

(4) Các chi phí hợp lý phát sinh bởi Cơ quan kiểm soát để thực hiện nghĩa vụ theo Đạo luật Kiểm soát, Quản lý và Đánh thuế Sử dụng Cần sa ở Người trưởng thành, bao gồm cả việc thanh tra theo yêu cầu của Đoạn 34020.

(5) Các chi phí hợp lý phát sinh bởi Thanh tra viên của Tiểu bang để thực hiện việc thanh tra về hiệu quả theo Đoạn 26191 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

(6) Các chi phí hợp lý phát sinh bởi Văn phòng Phân tích Lập pháp để thực hiện nghĩa vụ theo Đoạn 34017.

(7) Các khoản tiền đủ để bồi hoàn cho Ban Thực thi các Tiêu chuẩn Lao động và Ban Y tế và An toàn Lao động trong phạm vi Bộ Quan hệ Công nghiệp và Bộ Phát triển Việc làm cho các chi phí để áp dụng và thực thi pháp luật lao động của tiểu bang đối với người được cấp phép theo Chương 3.5 (bắt đầu từ Đoạn 19300) Phần khu 8 và Phần khu 10 (bắt đầu từ Đoạn 26000) Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

(b) Tiếp theo, Cơ quan kiểm soát sẽ giải ngân số tiền mười triệu đô la (10,000,000 USD) cho một hoặc các trường đại học công lập tại California hàng năm bắt đầu từ năm tài khóa 2018–2019 cho đến năm tài khóa 2028–2029 để nghiên cứu và đánh giá việc thực thi và hiệu lực của Đạo luật Kiểm soát, Quản lý và Đánh thuế Sử dụng Cần sa ở Người trưởng thành, và nếu thích hợp, sẽ đưa ra những khuyến nghị cho Cơ quan lập pháp và Thống đốc liên quan đến những sửa đổi khả thi đối với Đạo luật Kiểm soát, Quản lý và Đánh thuế

Sử dụng Cần sa ở Người trưởng thành. Đối tượng nhận những khoản tiền này phải công bố báo cáo về các phát hiện của mình ít nhất là hai năm một lần và phải công bố báo cáo cho công chúng. Cục sẽ lựa chọn các trường đại học được tài trợ. Nghiên cứu được tài trợ theo tiểu mục này bao gồm nhưng không nhất thiết giới hạn ở:

(1) Những tác động đối với sức khỏe cộng đồng, bao gồm cả những chi phí y tế liên quan đến sử dụng cần sa, cũng như liệu việc sử dụng cần sa có liên quan đến sự tăng hoặc giảm sử dụng rượu hoặc ma túy khác hay không.

(2) Tác động của điều trị cho việc thích ứng kém với sử dụng cần sa và hiệu quả của các chương trình điều trị khác nhau.

(3) Các vấn đề an toàn cộng đồng liên quan đến sử dụng cần sa, bao gồm cả việc nghiên cứu hiệu quả của các yêu cầu về đóng gói và dán nhãn cũng như những hạn chế về quảng cáo và tiếp thị có trong đạo luật khi ngăn chặn người chưa đủ tuổi tiếp cận và sử dụng cần sa và sản phẩm cần sa, và việc nghiên cứu những ảnh hưởng liên quan đến sức khỏe ở những người sử dụng cần sa và sản phẩm cần sa ở các mức độ hàm lượng khác nhau.

(4) Tỷ lệ sử dụng cần sa, tỷ lệ thích ứng kém với sử dụng cần sa ở người trưởng thành và thanh thiếu niên, và tỷ lệ chẩn đoán các chứng rối loạn sử dụng chất liên quan đến cần sa.

(5) Giá thị trường của cần sa, giá cả trên thị trường bất hợp pháp, thuế suất và cơ cấu thuế, bao gồm một đánh giá về cách đánh thuế cần sa tốt nhất dựa trên hàm lượng cần sa, và cấu trúc và chức năng của các doanh nghiệp cần sa được cấp phép.

(6) Liệu các biện pháp bảo vệ bổ sung có cần thiết để ngăn chặn xảy ra tình trạng độc quyền bất hợp pháp hoặc hành vi chống cạnh tranh trong ngành công nghiệp cần sa phi y tế hay không, và nếu như vậy, kiến nghị những biện pháp hiệu quả nhất để ngăn ngừa hành vi như vậy.

(7) Các tác động kinh tế trong khu vực công và tư, bao gồm, nhưng không nhất thiết giới hạn ở việc, tạo việc làm, an toàn lao động, thu nhập, thuế tạo ra cho ngân sách tiểu bang và địa phương, và các tác động tư pháp hình sự, bao gồm, nhưng không nhất thiết giới hạn ở, tác động đến việc thực thi pháp luật và tài nguyên công cộng, các hệ quả trước mắt và lâu dài của việc tham gia vào hệ thống tư pháp hình sự, và các chi phí hành chính và thu nhập của cơ quan chính quyền địa phương.

(8) Liệu các cơ quan quản lý được giao nhiệm vụ thực hiện và thi hành Đạo luật Kiểm soát, Quản lý và Đánh thuế Sử dụng Cần sa ở Người trưởng thành có đang làm đúng nhiệm vụ của mình phù hợp với mục đích của Đạo luật, và liệu các cơ quan khác có thể thực hiện nhiệm vụ hiệu quả hơn hay không.

(9) Các vấn đề môi trường liên quan đến sản xuất cần sa và việc ngăn cấm hình sự về sản xuất cần sa.

(10) Vị trí địa lý, cấu trúc và chức năng của các doanh nghiệp cần sa được cấp phép, và dữ liệu nhân khẩu học, bao gồm chủng tộc, dân tộc và giới tính, của người được cấp phép.

(11) Các kết quả đạt được bằng những thay đổi trong các hình phạt hình sự được thực hiện theo Đạo luật Kiểm soát, Quản lý, Đánh thuế Sử dụng Cần sa ở Người trưởng thành về các tội danh liên quan đến cần sa, và các kết quả của hệ thống tư pháp vị thành niên, đặc biệt là các phương pháp điều trị dựa trên quản chế và tần suất chuyển từ việc sở hữu trái phép cần sa, hoặc sản phẩm cần sa sang một hành vi phạm tội nghiêm trọng hơn.

(c) Tiếp theo, Cơ quan kiểm soát sẽ thực hiện giải ngân số tiền ba triệu đô la (3,000,000 USD) hàng năm cho Bộ Tuần Cảnh Quốc Lộ California bắt đầu từ năm tài khóa 2018–2019 cho đến năm tài khóa 2022–2023 để thiết lập và thông qua các nghị định thư nhằm xác định xem liệu một người lái xe có đang điều khiển phương tiện trong khi bị suy giảm, bao gồm suy giảm do sử dụng cần sa, hoặc sản phẩm cần sa hay không, và để thiết lập và thông qua các nghị định thư quy định các phương pháp tốt nhất để hỗ trợ các cơ quan thực thi pháp luật. Sở này có thể thuê ban nhân viên để thiết lập các nghị định thư được quy định tại tiểu mục này. Ngoài ra, bộ có thể trợ cấp cho các tổ chức nghiên cứu công lập và tư nhân nhằm mục đích phát triển công nghệ để xác định khi nào một người lái xe điều khiển phương tiện trong khi bị suy giảm, bao gồm suy giảm do sử dụng cần sa, hoặc sản phẩm cần sa.

(d) Tiếp theo, Cơ quan kiểm soát sẽ giải ngân số tiền mười triệu đô la (10,000,000) bắt đầu từ năm tài khóa 2018–2019 và tăng mười triệu đô la (10,000,000) mỗi năm tài khóa sau đó cho đến năm tài khóa 2022–2023, mà tại thời điểm đó số tiền giải ngân sẽ là năm mươi triệu đô la (50,000,000 USD) mỗi năm sau đó, cho Văn phòng Phát triển Kinh tế và Doanh nghiệp của Thống đốc, có tham vấn Cơ quan Phát triển Lao động và Lực lượng lao động và Bộ Dịch vụ Xã hội, để quản lý một chương trình trợ cấp tái đầu tư của cộng đồng cho các sở y tế địa phương và ít nhất 50 phần trăm cho các tổ chức phi lợi nhuận dựa trên cộng đồng đủ điều kiện để hỗ trợ việc làm, điều trị sức khỏe tâm thần, điều trị các rối loạn do sử dụng ma túy, các dịch vụ định vị hệ thống, dịch vụ pháp lý để giải quyết những rào cản đối với việc tái nhập và liên kết với dịch vụ chăm sóc y tế cho những cộng đồng bị ảnh hưởng lớn bởi các chính sách trước đây của liên bang và tiểu bang về ma túy. Văn phòng có trách nhiệm thu hút đầu vào từ các nhà cung cấp dịch vụ pháp lý, việc làm, kỹ năng công việc dựa trên cộng đồng, với chuyên môn phù hợp cho việc quản lý chương trình tài trợ. Ngoài ra, văn phòng sẽ có trách nhiệm đánh giá định kỳ các chương trình đang được tài trợ để xác định hiệu quả của các chương trình đó, không được chi tiêu nhiều hơn 4 phần trăm cho các chi phí hành chính liên quan đến việc thực hiện, đánh giá và giám sát các chương trình này, và phải trao trợ cấp hàng năm, bắt đầu không muộn hơn ngày 1 tháng Một, năm 2020.

(e) Tiếp theo, Cơ quan kiểm soát sẽ thực hiện giải ngân số tiền hai triệu đô la (2,000,000 USD) hàng năm cho Trung tâm Nghiên cứu Dược thảo Cần sa San Diego Đại học California để đạt các mục tiêu của trung tâm bao gồm nâng cao hiểu biết về hiệu quả và tác dụng bất lợi của cần sa như một dược chất.

(f) Đến ngày 15 tháng Bảy của mỗi năm tài khóa bắt đầu từ năm tài khóa 2018–2019, Cơ quan kiểm soát, sau khi giải ngân theo tiểu mục (a), (b), (c), (d), và (e), sẽ giải ngân các khoản tiền được nộp vào Quỹ Thuế trong năm tài khóa trước vào các trường mục tin thác phụ được tạo ra theo đây, như sau:

(1) Sáu mươi phần trăm sẽ được lưu ký vào Trường mục Giáo dục, Phòng ngừa, Can thiệp sớm và Điều trị cho Thanh niên, và được Cơ quan kiểm soát giải ngân cho Bộ Dịch vụ Chăm sóc Sức khỏe Tiểu bang cho các chương trình dành cho thanh niên được thiết kế nhằm giáo dục về và ngăn ngừa những rối loạn do sử dụng ma túy và phòng ngừa tác hại từ việc sử dụng ma túy. Bộ Dịch vụ Chăm sóc Y tế Tiểu bang có trách nhiệm ký kết các thỏa thuận liên ngành với Bộ Y tế Cộng đồng và Bộ Giáo dục Tiểu bang để thực hiện và quản lý các chương trình này. Các chương trình này cần nhấn mạnh các dịch vụ giáo dục chính xác, ngăn ngừa hiệu quả, can thiệp sớm, giữ lại trường học, và điều trị kịp thời cho thanh niên, gia đình và những người chăm sóc họ. Các chương trình này có thể bao gồm nhưng không giới hạn ở các thành phần sau đây:

(A) Các dịch vụ phòng ngừa và can thiệp sớm bao gồm tiếp ngoại, khảo sát nguy cơ và giáo dục cho thanh niên, gia đình, người chăm sóc, trường học, nơi chăm sóc sức khỏe ban đầu, sức khỏe hành vi và các nhà cung cấp dịch vụ điều trị rối loạn do sử dụng ma túy, các tổ chức dựa trên cộng đồng và tôn giáo, các nhà cung cấp chăm sóc nuôi dưỡng, tòa án gia đình và thanh thiếu niên, và những người khác, để nhận biết và giảm thiểu các nguy cơ liên quan đến sử dụng ma túy và các dấu hiệu sớm của việc sử dụng ma túy và những rối loạn do sử dụng ma túy.

(B) Các khoản trợ cấp cho các trường học để phát triển và hỗ trợ các chương trình hỗ trợ học sinh, hoặc các chương trình tương tự khác, được thiết kế nhằm ngăn chặn và giảm thiểu sử dụng ma túy, đồng thời cải thiện tình trạng lưu ban và hiệu quả học tập, bằng cách hỗ trợ những học sinh có nguy cơ bỏ học và thúc đẩy các giải pháp thay thế cho hình thức đình chỉ hoặc đuổi học trong đó tập trung vào lưu ban, cải tạo, và chăm sóc nghề nghiệp. Những trường có tỷ lệ bỏ học cao hơn mức trung bình nên được ưu tiên trợ cấp.

(C) Các khoản tài trợ cho các chương trình tiếp ngoại, giáo dục và điều trị cho thanh niên vô gia cư và bỏ học có những rối loạn do sử dụng ma túy.

(D) Tiếp cận và liên kết với dịch vụ chăm sóc được cung cấp bởi các chương trình sức khỏe hành vi của quận cho thanh niên, gia đình và người chăm sóc họ, những người có chứng rối loạn do sử dụng ma túy hoặc những người có nguy cơ phát triển một chứng rối loạn do sử dụng ma túy.

(E) Các chương trình điều trị rối loạn do sử dụng ma túy tập trung vào đối tượng thanh niên có năng lực văn hóa và giới tính, chăm sóc dựa trên thông tin về tác động của chấn thương, dựa trên chứng cứ và cung cấp dịch vụ chăm sóc liên tục bao gồm sàng lọc và đánh giá (rối loạn do sử dụng ma túy cũng như sức khỏe tâm thần), can thiệp sớm, điều trị tích cực, sự tham gia của gia đình, quản lý hồ sơ, phòng ngừa quá liều, phòng chống các bệnh truyền nhiễm liên quan đến sử dụng ma túy, quản lý tái nghiện và các rối loạn sức khỏe hành vi xảy ra đồng thời khác, các dịch vụ dạy nghề, dịch vụ kỹ năng, các lớp học làm cha mẹ, các dịch vụ tư vấn và trị liệu gia đình, phương pháp điều trị được hỗ trợ bằng thuốc, thuốc tâm thần và tâm lý trị liệu. Nếu có chỉ định, phải cung cấp thư giới thiệu cho các nhà cung cấp khác.

(F) Trong phạm vi pháp luật cho phép và trong trường hợp được chỉ định, các can thiệp phải sử dụng cách tiếp cận hai thế hệ để giải quyết các rối loạn do sử dụng ma túy với khả năng điều trị cho thanh thiếu niên và người lớn với nhau. Điều này sẽ bao gồm việc hỗ trợ phát triển các can thiệp dựa trên gia đình để giải quyết các rối loạn do sử dụng ma túy và những vấn đề liên quan trong bối cảnh gia đình, kể cả cha mẹ, cha mẹ nuôi, người chăm sóc và tất cả con cái của họ.

(G) Các chương trình hỗ trợ cá nhân cũng như gia đình và bạn bè của thanh niên sử dụng ma túy, nhằm giảm thiểu sự kỳ thị liên quan đến sử dụng ma túy bao gồm việc được chẩn đoán bị rối loạn do sử dụng ma túy hoặc tìm kiếm các dịch vụ điều trị rối loạn do sử dụng ma túy. Điều này bao gồm việc tiếp cận ngang hàng và giáo dục để giảm kỳ thị, các chiến dịch chống kỳ thị và mạng lưới phục hồi cộng đồng.

(H) Các cơ cấu đào tạo lực lượng lao động và tiền lương giúp gia tăng lực lượng nhân viên chăm sóc sức khỏe hành vi có chuyên môn điều trị và phòng ngừa rối loạn do sử dụng ma túy. Giáo dục và đào tạo liên tục nhằm nâng cao năng lực cốt lõi của nhà cung cấp dịch vụ điều trị do sử dụng ma túy và đào tạo cho các nhà cung cấp về các phương pháp thực hành đầy hứa hẹn và dựa trên bằng chứng.

(I) Xây dựng các cơ sở điều trị cho thanh thiếu niên dựa trên cộng đồng.

(J) Các sở này có thể ký hợp đồng mỗi chương trình sức khỏe hành vi của quận để cung cấp dịch vụ.

(K) Kinh phí sẽ được cấp cho các quận dựa trên nhu cầu được chứng minh, bao gồm số thanh niên trong quận, tỷ lệ mắc các chứng rối loạn do sử dụng ma túy ở người trưởng thành, và được khẳng định thông qua số liệu thống kê, các đánh giá đã xác nhận hoặc các bản báo cáo được đệ trình do quận lập nhằm chứng minh và xác nhận nhu cầu.

(L) Các sở sẽ có trách nhiệm đánh giá định kỳ những chương trình mà họ đang tài trợ nhằm xác định tính hiệu quả của các chương trình đó.

(M) Các sở này có thể sử dụng lên đến 4 phần trăm các khoản tiền được phân bổ cho Trường mục Giáo dục, Phòng ngừa, Can thiệp sớm và Điều trị cho Thanh niên đối với các chi phí điều hành liên quan đến thực hiện, đánh giá và giám sát các chương trình này.

(N) Nếu Bộ Tài Chánh xác định rằng việc tài trợ theo đánh thuế cần sa vượt quá nhu cầu cho các dịch vụ phòng ngừa và điều trị cho thanh thiếu niên trong tiểu bang, các sở sẽ có trách nhiệm cung cấp một kế hoạch cho Bộ Tài Chánh nhằm cung cấp các dịch vụ điều trị cho người trưởng thành cũng như thanh thiếu niên sử dụng những ngân quỹ này.

(O) Các sở có trách nhiệm thu hút đầu vào từ các tổ chức y tế tình nguyện, các bác sĩ điều trị chứng nghiện, các nhà nghiên cứu điều trị, các nhà tư vấn và chuyên viên về vấn đề gia đình, và các hiệp hội giáo dục chuyên nghiệp với chuyên môn phù hợp về quản lý các khoản trợ cấp được thực hiện theo khoản này.

(2) Hai mươi phần trăm sẽ được lưu giữ trong Trường mục Bảo vệ và Phục hồi Môi trường, và được giải ngân bởi Cơ quan kiểm soát như sau:

(A) Cho Sở Thủy sản và Động vật hoang dã và Sở Công viên và Giải trí để dọn dẹp, sửa chữa, và phục hồi những tổn hại môi trường ở những lưu vực sông bị ảnh hưởng bởi việc trồng cần sa và các hoạt động liên quan, bao gồm nhưng không giới hạn, những tổn hại đã xảy ra trước khi ban hành phần này, và hỗ trợ các đối tác địa phương cho mục đích này. Sở Thủy sản và Động vật hoang dã và Sở Công viên và Giải Trí có thể phân phối một phần ngân quỹ mà họ nhận được từ Trường mục Bảo vệ và Phục hồi Môi trường thông qua các khoản trợ cấp cho những mục đích quy định tại khoản này.

(B) Cho Sở Thủy sản và Động vật hoang dã và Sở Công viên và Giải trí để quản lý và điều hành các khu vực cư trú của thú hoang thuộc sở hữu của tiểu bang và các đơn vị công viên tiểu bang theo cách cản trở và ngăn ngừa việc trồng trọt, sản xuất, buôn bán và sử dụng cần sa và sản phẩm cần sa bất hợp pháp trên đất công, và để tạo điều kiện cho việc điều tra, cưỡng chế và truy tố việc trồng trọt, sản xuất, buôn bán và sử dụng cần sa và sản phẩm cần sa bất hợp pháp trên đất công.

(C) Cho Sở Thủy sản và Động vật hoang dã để giúp tài trợ cho chương trình cưỡng chế tại các lưu vực và lực lượng đặc nhiệm đa ngành được thành lập theo tiểu mục (b) và (c) Đoạn 12029 Bộ luật Thủy sản và Thú sản nhằm tạo điều kiện cho việc điều tra, cưỡng chế, và truy tố các tội danh này và đảm bảo giảm thiểu các tác động bất lợi của việc trồng, sản xuất, buôn bán và sử dụng cần sa ở các khu vực cư trú của thú hoang và cá trên toàn tiểu bang.

(D) Đối với các mục đích của khoản này, Thư ký của Cơ quan Tài nguyên Thiên nhiên sẽ quyết định việc phân bổ các khoản thu giữa các sở. Trong năm năm

thực thi đầu tiên, việc xem xét đầu tiên nên dành cho các mục đích tài trợ được quy định tại điểm (A).

(E) Ngân quỹ được phân bổ theo quy định tại khoản này sẽ được sử dụng để nâng cao và tăng cường các hoạt động được mô tả tại điểm (A), (B), và (C), và không thay thế cho việc phân bổ kinh phí khác cho các mục đích này. Theo đó, việc phân bổ Quỹ tổng quát hàng năm cho Sở Thủy sản và Động vật hoang dã và Sở Công viên và Giải Trí sẽ không bị giảm xuống dưới mức được quy định trong Đạo luật về Ngân sách năm 2014 (Chương 25 của các Đạo luật năm 2014).

(3) Hai mươi phần trăm sẽ được lưu giữ trong Trường mục Thực thi Pháp luật của Tiểu bang và Chính quyền Địa phương và được giải ngân bởi Cơ quan kiểm soát như sau:

(A) Cho Sở Tuần Cảnh Quốc Lộ California để thực hiện các chương trình đào tạo nhằm phát hiện, kiểm tra và thực thi pháp luật đối với hành vi lái xe dưới sự ảnh hưởng của rượu và các loại ma túy khác, bao gồm cả lái xe dưới sự ảnh hưởng của cần sa. Sở này có thể thuê ban nhân viên để thực hiện các chương trình đào tạo được quy định tại điểm này.

(B) Cho Sở Tuần Cảnh Quốc Lộ California để tài trợ cho các chương trình nội bộ Nhân Viên Tuần Cảnh Quốc Lộ California và trợ cấp cho các tổ chức phi lợi nhuận đủ điều kiện và chính quyền địa phương để giáo dục, phòng ngừa và thực thi pháp luật liên quan đến hành vi lái xe dưới sự ảnh hưởng của rượu và các loại ma túy khác, bao gồm cả cần sa; các chương trình giúp thực thi luật giao thông, giáo dục công chúng về an toàn giao thông, cung cấp các phương tiện đa dạng và hiệu quả để giảm tử vong, thương tích và thiệt hại kinh tế do va chạm; và để mua các thiết bị liên quan đến thực thi luật pháp liên quan đến lái xe dưới sự ảnh hưởng của rượu và các loại ma túy khác, bao gồm cả cần sa.

(C) Cho Hội đồng Điều tiết Tiểu bang và Cộng đồng để trợ cấp cho chính quyền địa phương nhằm hỗ trợ thực thi pháp luật, phòng cháy chữa cháy, hoặc các chương trình khác tại địa phương giải quyết các vấn đề an toàn và y tế công cộng liên quan đến việc thực thi Đạo luật Kiểm soát, Quản lý và Đánh thuế Sử dụng Cần sa ở Người trưởng thành. Hội đồng sẽ không thực hiện bất kỳ trợ cấp nào cho các chính quyền địa phương nơi cấm trồng cần sa, bao gồm cả trồng trọt cá nhân, theo khoản (3) của tiểu mục (b) Đoạn 11362.2 Bộ luật Sức khỏe và An toàn, hoặc bán lẻ cần sa hoặc sản phẩm cần sa theo Đoạn 26200 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp hoặc theo quy định khác của pháp luật.

(D) Đối với mục đích của khoản này, Bộ Tài Chánh sẽ quyết định việc phân bổ các khoản thu giữa các cơ quan; tuy nhiên, với điều kiện là, bắt đầu từ năm tài khóa 2022–2023 số tiền được phân bổ theo quy định tại điểm (A) phải không được ít hơn mười triệu đô la (10,000,000 USD) hàng năm và số tiền được phân bổ theo quy định tại điểm (B) phải không được ít hơn bốn mươi triệu đô la (40,000,000 USD) hàng năm. Khi quyết định số tiền phân bổ trước năm tài khóa 2022–2023 theo khoản này, Bộ Tài Chánh có trách nhiệm ưu tiên ban đầu cho điểm (A).

(g) Kinh phí được phân bổ theo tiểu mục (f) phải được sử dụng để tăng cường tài trợ cho các chương trình và mục đích đã xác định và không được sử dụng để thay thế phân bổ kinh phí khác cho các mục đích này.

(h) Có hiệu lực từ ngày 1 tháng Bảy, năm 2028, Cơ quan lập pháp có thể sửa đổi đoạn này bằng đa số phiếu để tiếp tục các mục đích của Đạo luật Kiểm soát, Quản lý, Đánh thuế Sử dụng Cần sa ở Người trưởng thành, bao gồm cả việc phân bổ kinh phí cho những chương trình khác ngoài các chương

trình nêu tại tiểu mục (d) và (f). Bất kỳ sửa đổi nào theo tiểu mục này sẽ không dẫn đến việc giảm ngân quỹ cho các trường mục được thiết lập theo tiểu mục (d) và (f) trong năm bất kỳ tiếp theo từ số tiền phân bổ cho mỗi trường mục trong năm tài khóa 2027–2028. Trước ngày 1 tháng Bảy, năm 2028, Cơ quan lập pháp không được thay đổi phân bổ cho các chương trình được quy định tại tiểu mục (d) và (f).

34020. Cơ quan kiểm soát có trách nhiệm thanh tra định kỳ Quỹ Thuế để đảm bảo rằng các khoản ngân quỹ đó được sử dụng và giải trình một cách nhất quán với phần này và khi có yêu cầu khác của pháp luật.

34021. Các loại thuế áp đặt theo phần này sẽ được bổ sung cho bất kỳ loại thuế khác được áp đặt bởi một thành phố, quận, hoặc thành phố và quận.

34021.5. (a) (1) Một quận có thể áp đặt một mức thuế cho đặc quyền trồng, sản xuất, chế tạo, chế biến, pha chế, bảo quản, cung cấp, hiến tặng, buôn bán hoặc phân phối cần sa hoặc các sản phẩm cần sa bởi một người có giấy phép hoạt động chiếu theo Chương 3.5 (bắt đầu với Đoạn 19300) của Phần 8 hoặc Phần 10 (bắt đầu với Đoạn 26000) của Bộ Luật Kinh Doanh và Nghề Nghiệp.

(2) Hội đồng giám sát viên sẽ nêu rõ trong sắc lệnh đề nghị đánh thuế về các hoạt động phải chịu thuế, mức hoặc các mức thuế suất áp dụng, phương pháp phân bổ, nếu cần thiết, và cách thức thu loại thuế đó. Có thể áp đặt thuế cho các mục đích tổng quát của chính quyền hoặc cho các mục đích được nêu trong sắc lệnh bởi hội đồng giám sát viên.

(3) Ngoài bất cứ phương pháp thu thuế nào khác được cho phép bởi luật, hội đồng giám sát viên có thể cung cấp cho việc thu loại thuế được áp đặt chiếu theo đoạn này theo cùng một cách thức, và chịu cùng các hình phạt hoặc quyền ưu tiên của chủ nợ, khi có các lệ phí và các loại thuế khác được quận quy định và thu. Một loại thuế được áp đặt chiếu theo đoạn này là một loại thuế và không phải là một lệ phí hoặc thẩm định đặc biệt. Hội đồng giám sát viên sẽ nêu rõ liệu loại thuế đó có áp dụng trên toàn bộ quận hoặc trong phạm vi khu vực chưa kết hợp của quận hay không.

(4) Loại thuế được cho phép bởi đoạn này có thể được áp đặt cho bất cứ hoặc tất cả các hoạt động được quy định trong đoạn văn (1), như đã nêu trong sắc lệnh, bất kể liệu hoạt động đó có được thực hiện một cách cá nhân, tập thể, hoặc phối hợp, và bất kể liệu hoạt động đó là vì thù lao hay miễn phí, như được xác định bởi hội đồng giám sát viên.

(b) Một luật được áp đặt chiếu theo đoạn này sẽ phụ thuộc vào các điều kiện phê chuẩn áp dụng của cử tri được luật pháp áp đặt.

(c) Đoạn này tuyên bố về luật pháp hiện hành và không hạn chế hoặc ngăn cấm việc thu thuế hoặc thu bất cứ phí, lệ phí, hoặc loại thuế nào, hoặc một lệ phí giấy phép hoặc phí dịch vụ hoặc lệ phí cho, hoặc liên quan tới, các hoạt động được quy định trong tiểu phần (a) theo như luật pháp quy định. Đoạn này sẽ không được diễn giải là một hạn chế đối với cơ quan thẩm quyền thuế vụ của một quận theo như luật pháp quy định.

(d) Đoạn này sẽ không được diễn giải là để cho phép một quận áp đặt một thuế bán hàng hoặc thuế sử dụng ngoài loại thuế bán hàng và thuế sử dụng đã được áp đặt chiếu theo một sắc lệnh tuân theo các điều khoản của Đoạn 7202 và 7203 của Bộ Luật Thu Nhập và Thuế Vụ.

ĐOẠN 8. Các Tội Hình Sự, Hồ Sơ Hình Sự, và Việc Tuyên Án Lại.

ĐOẠN 8.1. Đoạn 11357 của Bộ Luật Sức Khỏe và An Toàn được tu chính như sau:

11357. *Cất Giữ.* (a) Trừ khi luật cho phép, tất cả những ai cất giữ cần sa cô đặc sẽ bị phạt tù trong nhà giam quận tối đa một năm hoặc bị phạt tiền tối đa năm trăm mỹ kim (\$500), hoặc vừa bị phạt tiền vừa bị phạt tù, ngoại trừ trường hợp thay vì vậy người đó sẽ bị trừng phạt chiếu theo tiểu phần (h) của Đoạn 1170 của Bộ Luật Hình Sự nếu người đó đã bị kết án một tội hoặc nhiều tội vì một vi phạm được nêu trong mệnh đề (iv) của tiểu đoạn văn (C) của đoạn văn (2) của tiểu phần (e) của Đoạn 667 của Bộ Luật Hình Sự hoặc vì một vi phạm đòi hỏi phải ghi danh chiếu theo tiểu phần (c) của Đoạn 290 của Bộ Luật Hình Sự.

(b) (a) Trừ khi luật pháp cho phép, tất cả những ai cất giữ không quá 28.5 grams cần sa, ngoài hoặc không nhiều hơn bốn grams cần sa cô đặc, là đã phạm tội có thể bị phạt tiền tối đa một trăm mỹ kim (\$100), hoặc cả hai, sẽ bị phạt hoặc tuyên án như sau:

(1) Những người dưới 18 tuổi sẽ bị xem là có tội và sẽ phải:

(A) Ngay khi có kết luận là đã vi phạm lần đầu, phải hoàn tất bốn giờ giáo dục hoặc cố vấn về ma túy và lên tới 10 giờ dịch vụ cộng đồng trong một thời gian không quá 60 ngày.

(B) Ngay khi có kết luận là đã vi phạm lần thứ hai hoặc tái phạm, phải hoàn tất sáu giờ giáo dục hoặc cố vấn về ma túy và lên tới 20 giờ dịch vụ cộng đồng trong một thời gian không quá 90 ngày.

(2) Những người ít nhất đủ 18 tuổi nhưng chưa tới 21 tuổi sẽ bị xem là có tội và có thể bị phạt tiền tối đa một trăm mỹ kim (\$100).

(c) (b) Trừ khi luật pháp cho phép, tất cả những ai cất giữ nhiều hơn 28.5 gram cần sa, hoặc hơn bốn gram khác ngoài cần sa cô đặc, sẽ bị phạt như sau:

(1) Những người dưới 18 tuổi cất giữ hơn 28.5 gram cần sa hoặc nhiều hơn bốn gram cần sa cô đặc, hoặc cả hai, sẽ bị xem là có tội và sẽ phải:

(A) Ngay khi có kết luận là đã vi phạm lần đầu, phải hoàn tất tám giờ giáo dục hoặc cố vấn về ma túy và lên tới 40 giờ dịch vụ cộng đồng trong một thời gian không quá 90 ngày.

(B) Ngay khi có kết luận là đã vi phạm lần thứ hai hoặc tái phạm, phải hoàn tất 10 giờ giáo dục hoặc cố vấn về ma túy và lên tới 60 giờ dịch vụ cộng đồng trong một thời gian không quá 120 ngày.

(2) Những người từ 18 tuổi trở lên có cất giữ nhiều hơn 28.5 gram cần sa, hoặc nhiều hơn bốn gram cần sa cô đặc, hoặc cả hai, sẽ bị phạt tù trong nhà giam quận tối đa sáu tháng hoặc bị phạt tiền tối đa năm trăm mỹ kim (\$500), hoặc vừa phạt tiền vừa phạt tù.

(d) (c) Trừ khi luật cho phép, tất cả những ai từ 18 tuổi trở lên có cất giữ không quá 28.5 gram cần sa, hoặc không quá bốn gram ngoài cần sa cô đặc, trên phần đất của, hoặc trong phạm vi, của bất cứ trường học nào giảng dạy cho lớp mẫu giáo hoặc bất cứ lớp nào từ 1 đến 12 trong giờ trường mở cửa cho các lớp học hoặc các chương trình liên quan đến trường học là phạm tội tiểu hình và sẽ bị phạt bởi một như sau:

(1) Phạt tiền tối đa hai trăm năm mươi mỹ kim (\$250), nếu có kết luận đây là vi phạm lần đầu.

(2) Phạt tiền tối đa năm trăm mỹ kim (\$500), hoặc bị phạt tù trong nhà giam quận tối đa 10 ngày, hoặc cả hai, khi có kết luận rằng đây là vi phạm lần hai hoặc tái phạm.

(e) (d) Trừ khi luật cho phép, tất cả những ai dưới 18 tuổi có cất giữ không quá 28.5 gram cần sa, hoặc không quá bốn gram ngoài cần sa cô đặc, trên

phần đất của, hoặc trong phạm vi của, bất cứ trường học giảng dạy cho lớp mẫu giáo hoặc bất cứ lớp nào từ 1 đến 12 trong giờ trường mở cửa cho các lớp học hoặc các chương trình liên quan đến trường học là đã bị xem là tiểu hình phạm tội và sẽ bị phạt theo cùng cách thức được quy định trong đoạn văn (1) của tiểu phần (b), phụ thuộc vào các dự luật sau đây:

(1) Phạt tiền tối đa hai trăm năm mươi mỹ kim (\$250), nếu có kết luận đây là vi phạm lần đầu.

(2) Phạt tiền tối đa năm trăm mỹ kim (\$500), hoặc phải bị đưa vào trung tâm cải huấn thanh thiếu niên, nông trại, trại, lâm trại, hay nhà giam thiếu niên an ninh trong thời gian tối đa 10 ngày, hoặc bị cả hai hình phạt, nếu xét thấy rằng đây là vi phạm lần thứ hai hoặc tái phạm.

ĐOẠN 8.2. Đoạn 11358 của Bộ Luật Sức Khỏe và An Toàn được tu chính như sau:

11358. *Ươm Trồng, Thu Hái, Hoặc Chế Biến.*

Tất cả những ai ương mầm, trồng trọt, thu hái, phơi khô, hoặc chế biến bất cứ cây cần sa nào, hoặc bất cứ phần nào của cây, ngoại trừ khi được luật pháp cho phép, sẽ bị phạt như sau:

(a) Tất cả những ai dưới 18 tuổi có ương trồng, trồng trọt, thu hái, phơi khô, hoặc chế biến bất cứ cây cần sa nào sẽ bị phạt cùng cách như đã quy định trong đoạn (1) của tiểu phần (b) của Đoạn 11357.

(b) Tất cả những ai ít nhất đủ 18 tuổi nhưng chưa tới 21 tuổi có ương trồng, trồng trọt, thu hái, phơi khô, hoặc chế biến không quá sáu cây cần sa tươi sẽ bị xem là đã có tội và sẽ bị phạt tiền tối đa một trăm mỹ kim (\$100).

(c) Tất cả những ai từ 18 tuổi trở lên có ương trồng, trồng trọt, thu hái, phơi khô, hoặc chế biến nhiều hơn sáu cây cần sa tươi sẽ bị phạt tù trong nhà giam quận tối đa sáu tháng hoặc bị phạt tiền tối đa năm trăm mỹ kim (\$500), hoặc vừa phạt tiền vừa phạt tù.

(d) Mặc dù có tiểu phần (c), một người từ 18 tuổi trở lên có ương trồng, trồng trọt, thu hái, phơi khô, hoặc chế biến nhiều hơn sáu cây cần sa tươi, hoặc bất cứ phần nào của cây đó, ngoại trừ khi được quy định trong luật, sẽ có thể bị phạt tù chiếu theo tiểu phần (h) của Đoạn 1170 của Bộ Luật Hình Sự nếu:

(1) Người đó đã có một hoặc nhiều lần bị kết án phạm một tội được nêu trong mệnh đề (iv) của tiểu đoạn văn (C) của đoạn văn (2) của tiểu phần (e) của Đoạn 667 của Bộ Luật Hình Sự hoặc một tội đòi hỏi phải ghi danh chiếu theo tiểu phần (c) của Đoạn 290 của Bộ Luật Hình Sự;

(2) Người đó đã từng hai lần trở lên bị kết án chiếu theo tiểu phần (c); hoặc

(3) Vi phạm đã dẫn đến một trong những sự việc sau đây:

(A) Vi phạm Đoạn 1052 Bộ Luật Về Nước liên quan đến việc chuyển hướng phi pháp nước;

(B) Vi phạm Đoạn 13260, 13264, 13272, hoặc 13387 của Bộ Luật Về Nước liên quan đến việc xả chất thải;

(C) Vi phạm Bộ Luật Thủy Sản Và Thú Sản Đoạn 5650 hoặc Đoạn 5652 của Bộ Luật Thủy Sản và Thú Sản liên quan đến các vùng nước của tiểu bang;

(D) Vi phạm Đoạn 1602 của Bộ Luật Thủy Sản Và Thú Sản liên quan đến các sông, các dòng nước và hồ;

(E) Vi phạm Đoạn 374.8 của Bộ Luật Hình Sự liên quan đến các chất độc hại hoặc Đoạn 25189.5, 25189.6, hoặc 25189.7 của Bộ Luật Sức Khỏe Và An Toàn liên quan đến chất độc hại;

(F) Vi phạm Điều 2080 của Bộ Luật Thủy Sản Và Thú Sản liên quan đến các loài đang có nguy cơ bị tuyệt chủng và bị đe dọa hoặc Điều 3513 của Bộ Luật Thủy Sản Và Thú Sản liên quan đến Đạo Luật Hiệp Ước Chim Di Trú; hoặc

(G) Cố ý hoặc cầu thả nghiêm trọng gây thiệt hại môi trường đáng kể cho các mảnh đất công cộng hoặc các tài nguyên công cộng khác.

ĐOẠN 8.3. Điều 11359 của Bộ Luật Sức Khỏe và An Toàn được tu chính như sau:

11359. *Cắt Giữ Để Buôn Bán.*

Tất cả những ai cắt giữ để buôn bán bất cứ cần sa nào, trừ khi theo luật định, sẽ bị phạt như sau:

(a) Tất cả những ai dưới 18 tuổi cắt giữ cần sa để buôn bán sẽ bị phạt cùng cách như đã quy định trong đoạn(1) của tiểu phần (b) của Điều 11357.

(b) Tất cả những ai từ 18 tuổi trở lên cắt giữ cần sa để buôn bán sẽ bị phạt tù trong nhà giam quận tối đa sáu tháng hoặc bị phạt tiền tối đa năm trăm mỹ kim (\$500), hoặc vừa phạt tiền vừa phạt tù.

(c) Mặc dù có tiểu phần (b), một người từ 18 tuổi trở lên cắt giữ cần sa để buôn bán có thể bị phạt tù chiều theo tiểu phần (h) của Điều 1170 của Bộ Luật Hình Sự nếu:

(1) Người đó đã có một hoặc nhiều lần bị kết án phạm một tội được nêu trong mệnh đề (iv) của tiểu đoạn văn (C) của đoạn văn (2) của tiểu phần (e) của Điều 667 của Bộ Luật Hình Sự hoặc một tội đòi hỏi phải ghi danh chiếu theo tiểu phần (c) của Điều 290 của Bộ Luật Hình Sự;

(2) Người đó đã từng hai lần trở lên bị kết án chiếu theo tiểu phần (b); hoặc

(3) Vi phạm đã diễn ra có liên quan với việc buôn bán cố ý hoặc cố tìm cách buôn bán cần sa cho một người dưới 18 tuổi.

(d) Mặc dù có tiểu phần (b), một người từ 21 tuổi trở lên cắt giữ cần sa để buôn bán có thể bị phạt tù chiều theo tiểu phần (h) của Điều 1170 của Bộ Luật Hình Sự nếu vi phạm đó có liên quan đến việc cố ý thuê, mượn, hoặc sùng người từ dưới 20 tuổi trở xuống để trồng trọt, vận chuyển, mang, bán, rao bán, cho đi, chuẩn bị để bán, hoặc bán dạo phi pháp cần sa.

ĐOẠN 8.4. Điều 11360 của Bộ Luật Sức Khỏe và An Toàn được tu chính như sau:

11360. *Vận Chuyển, Nhập Khẩu, Buôn Bán, Hoặc Trao Tặng Phi Pháp.*

(a) Trừ khi được quy định bởi đoạn này hoặc khi được luật cho phép, tất cả những ai vận chuyển, nhập khẩu vào tiểu bang này, bán, cung cấp, phân phối, hoặc cho đi, hoặc để nghị vận chuyển, nhập khẩu vào tiểu bang này, bán, cung cấp, phân phối, hoặc cho đi, hoặc cố tìm cách nhập khẩu vào tiểu bang này hoặc vận chuyển bất cứ loại cần sa nào sẽ bị phạt như sau:

(1) Những ai dưới 18 tuổi sẽ bị phạt cùng cách như đã quy định trong đoạn (1) của tiểu phần (b) của Điều 11357.

(2) Những ai từ 18 tuổi trở lên sẽ bị phạt tù trong nhà giam quận tối đa sáu tháng hoặc phạt tiền tối đa năm trăm mỹ kim (\$500), hoặc vừa phạt tiền vừa phạt tù.

(3) Mặc dù có đoạn văn (2), một người từ 18 tuổi trở lên có thể bị phạt tù chiều theo tiểu phần (h) của Điều 1170 của Bộ Luật Hình Sự trong hai, ba hoặc bốn năm nếu:

(A) Người đó đã có một hoặc nhiều lần bị kết án phạm một tội được nêu trong

mệnh đề (iv) của tiểu đoạn văn (C) của đoạn văn (2) của tiểu phần (e) của Điều 667 của Bộ Luật Hình Sự hoặc một tội đòi hỏi phải ghi danh chiếu theo tiểu phần (c) của Điều 290 của Bộ Luật Hình Sự;

(B) Người đó đã từng hai lần trở lên bị kết án chiếu theo đoạn văn (2);

(C) Vi phạm có liên quan đến việc cố ý bán, cố tìm cách bán, hoặc cố ý để nghị bán, cung cấp, phân phối hoặc cho đi cần sa cho một người dưới 18 tuổi; hoặc

(D) Vi phạm đó có liên quan đến việc nhập khẩu, để nghị nhập khẩu, hoặc cố tìm cách nhập khẩu vào tiểu bang này, hoặc vận chuyển để bán, để nghị vận chuyển để bán, hoặc cố tìm cách vận chuyển để bán khỏi tiểu bang này, nhiều hơn 28.5 gram cần sa hoặc nhiều hơn bốn gram cần sa cô đặc.

(b) Trừ khi luật cho phép, tất cả những ai cho đi, để nghị cho đi, vận chuyển, để nghị vận chuyển, hoặc cố tìm cách vận chuyển không quá 28.5 gram cần sa, ngoài cần sa cô đặc, đều bị xem là đã có tội tiểu hình và sẽ bị phạt tiền tối đa một trăm mỹ kim (\$100). Trong bất cứ trường hợp nào mà một người bị bắt giữ vì vi phạm tiểu phần này và không đòi hỏi phải được đưa ra xét xử trước một vị quan toàn, người đó sẽ được phóng thích bởi viên chức bắt giữ khi đưa ra bằng chứng thỏa đáng về danh tánh và trình cam kết bằng văn bản của anh ấy hoặc cô ấy là sẽ xuất hiện ở tòa, theo quy định trong Điều 853.6 của Bộ Luật Hình Sự, và sẽ không phải ghi danh.

(c) Cho các mục đích của đoạn này, "vận chuyển" nghĩa là vận chuyển để buôn bán.

(d) Đoạn này không ngăn cản hoặc hạn chế việc truy tố các tội trợ giúp và tiếp tay hoặc chủ mưu.

ĐOẠN 8.5. Điều 11361.1 được thêm vào Bộ Luật Sức Khỏe và An Toàn, như sau:

11361.1. (a) Các đòi hỏi giáo dục và cố vấn về ma túy chiếu theo các Điều 11357, 11358, 11359, và 11360 sẽ là:

(1) Mang tính bắt buộc, trừ phi tòa án kết luận rằng chương trình giáo dục hoặc cố vấn về ma túy đó là không cần thiết cho người đó, hoặc không có sẵn chương trình giáo dục hoặc cố vấn về ma túy;

(2) Được cung cấp miễn phí cho những người tham gia và cung cấp ít nhất bốn giờ thảo luận nhóm hoặc hướng dẫn dựa trên khoa học và các nguyên lý căn cứ trên bằng chứng và hoạt động thực tiễn đặc thù đối với việc sử dụng và lạm dụng cần sa và các chất bị kiểm soát khác.

(b) Vì lý do chính đáng, tòa án có thể cho phép kéo dài thời gian không quá 30 ngày để một người hoàn tất chương trình giáo dục và cố vấn về ma túy được quy định chiếu theo các Điều 11357, 11358, 11359, và 11360.

ĐOẠN 8.6. Điều 11361.5 của Bộ Luật Sức Khỏe và An Toàn được tu chính như sau:

11361.5. *Hủy Hồ Sơ Bắt Giữ Và Kết Án; Thủ Tục; Ngoại Lệ.*

(a) Các hồ sơ của bất cứ tòa án nào của tiểu bang này, bất cứ cơ quan công cộng hoặc tư nhân nào cung cấp dịch vụ khi có giới thiệu chiếu theo Điều 1000.2 của Bộ Luật Hình Sự, hoặc của bất cứ cơ quan tiểu bang nào có liên quan đến việc bắt giữ hoặc kết án bất cứ người nào vì vi phạm tiểu phần (b), (c), (d), hoặc (e) của Điều 11357 hoặc tiểu phần (b) của Điều 11360, hoặc liên quan đến việc bắt giữ hoặc kết án của bất cứ người nào dưới 18 tuổi vì vi phạm bất cứ điều khoản nào của điều luật này ngoại trừ Điều 11357.5, sẽ không được lưu giữ quá hai năm từ ngày kết án, hoặc từ ngày bắt giữ nếu không kết án, ngoại trừ vi phạm tiểu phần (e) (d) của Điều 11357, hoặc bất

cử vi phạm nào khác của một người dưới 18 tuổi xảy ra trên phần đất của, hoặc trong phạm vi của, bất cứ trường học nào giảng dạy cho lớp mẫu giáo hoặc bất cứ lớp nào từ 1 đến 12 trong giờ trường mở cửa cho các lớp học hoặc các chương trình liên quan đến trường học, các hồ sơ đó sẽ được giữ lại cho tới khi phạm nhân đạt đến 18 tuổi vào lúc đó các hồ sơ sẽ được hủy theo quy định trong đoạn này. Bất cứ tòa án hoặc cơ quan nào đang cất giữ các hồ sơ đó, bao gồm tài liệu lưu trữ hình sự toàn tiểu bang, sẽ phải tiêu hủy đúng lúc các hồ sơ đó phù hợp với tiểu phần (c), và các hồ sơ đó cũng phải được xóa bỏ khỏi tài liệu lưu trữ hình sự toàn tiểu bang. Khi được dùng trong tiểu phần này, "các hồ sơ" liên quan đến việc bắt giữ hoặc kết án sẽ bao gồm các hồ sơ bắt giữ dẫn đến tố tụng hình sự và các hồ sơ liên quan đến các tội khác bị truy tố trong phần biện luận buộc tội, bất kể bị cáo đã được tuyên bố vô tội hoặc đã được bãi bỏ các truy tố. Thời hạn lưu giữ hồ sơ chỉ trong vòng hai năm chiếu theo tiểu phần này sẽ không áp dụng cho bất cứ người nào bị tổng giam vì một vi phạm chiếu theo tiểu phần này, vào thời điểm mà hồ sơ cần được tiêu hủy chiếu theo tiểu phần này. Đối với những người như vậy, thời gian hai năm sẽ bắt đầu được tính từ ngày người đó được phóng thích khỏi trại giam. Các điều kiện của tiểu phần này không áp dụng cho bất cứ hồ sơ kết án nào trước ngày 1 tháng Một, 1976, hoặc các hồ sơ bắt giữ mà sau đó không bị kết án xảy ra trước ngày đó, hoặc bất cứ hồ sơ bắt giữ vì một tội được nêu rõ trong tiểu phần (c) của Đoạn 1192.7, hoặc tiểu phần (c) của Đoạn 667.5 của Bộ Luật Hình Sự.

(b) Tiểu phần này chỉ áp dụng cho các hồ sơ kết án và bắt giữ mà sau đó không bị kết án xảy ra trước ngày 1 tháng Một, 1976, đối với bất cứ tội nào sau đây:

- (1) Bất cứ vi phạm nào của Đoạn 11357 hoặc của một đạo luật nào trước đó.
- (2) Cất giữ phi pháp một thiết bị, một bộ phận, thiết bị, hoặc vật dụng cá nhân được sử dụng để hút cần sa một cách phi pháp, vi phạm Đoạn 11364, khi nó tồn tại trước ngày 1 tháng Một, 1976, hoặc trong một đạo luật trước đó.
- (3) Đến thăm hoặc hiện diện một cách phi pháp trong một căn phòng hoặc nơi mà tại đó cần sa đang được hút một cách phi pháp, vi phạm Đoạn 11365, khi nó tồn tại trước ngày 1 tháng Một, 1976, hoặc trong một đạo luật trước đó.
- (4) Sử dụng hoặc đang chịu ảnh hưởng của cần sa một cách phi pháp, vi phạm Đoạn 11550, khi nó tồn tại trước ngày 1 tháng Một, 1976, hoặc trong một đạo luật trước đó.

Bất cứ người nào bị bắt giữ hoặc kết án vì những vi phạm này có thể nộp đơn đến Bộ Tư Pháp để yêu cầu tiêu hủy các hồ sơ có liên quan đến việc bắt giữ hoặc kết án nếu hai năm trở lên đã trôi qua kể từ ngày kết án, hoặc kể từ ngày bắt giữ nếu sau đó không có kết án. Đơn yêu cầu phải được nộp bằng mẫu đơn do Bộ Tư Pháp cung cấp và sẽ phải đóng kèm một khoản lệ phí, do bộ ấn định với mức phí sẽ giúp trang trải chi phí quản trị tiểu phần này và các chi phí được tiểu bang tạo ra chiếu theo tiểu phần (c), nhưng sẽ không vượt quá ba mươi bảy mỹ kim và năm mươi xu (\$37.50). Mẫu đơn có thể được cung cấp tại tất cả các sở cảnh sát hoặc cảnh sát trưởng địa phương và từ Bộ Tư Pháp và có thể yêu cầu thông tin mà bộ xác định là cần thiết cho các mục đích xác định danh tánh.

Bộ có thể yêu cầu, nhưng không đòi hỏi, đương đơn phải bao gồm một mẫu dấu vân tay tự in trên đơn xin. Nếu bộ không thể xác định danh tánh đầy đủ của đương đơn cho các mục đích của tiểu phần này mà không có dấu vân tay hoặc không có dấu vân tay bổ sung, bộ sẽ thông báo điều đó cho đương

đơn và sẽ yêu cầu đương đơn trình bất cứ mẫu dấu vân tay nào có thể cần để xác định danh tánh, bao gồm một bộ mẫu dấu vân tay đầy đủ nếu cần thiết, hoặc, cách khác, bỏ đơn xin và yêu cầu bồi hoàn toàn bộ hoặc một phần lệ phí đã nộp kèm với đơn xin, như đã quy định trong đoạn này. Nếu đương đơn không hoặc từ chối nộp mẫu dấu vân tay phù hợp với yêu cầu của bộ trong thời hạn hợp lý sẽ do bộ thiết lập, hoặc nếu đương đơn yêu cầu bồi hoàn lệ phí, bộ sẽ nhanh chóng gửi khoản bồi hoàn đến cho đương đơn theo địa chỉ trên đơn xin hoặc theo bất cứ địa chỉ nào có thể do đương đơn chỉ định. Tuy nhiên, nếu bộ đã thông báo cho đương đơn rằng việc lựa chọn bỏ đơn xin sẽ dẫn đến việc mất một khoản tiền nhất định là một phần lệ phí, bộ có thể giữ lại một phần lệ phí mà bộ xác định sẽ trang trải cho các chi phí thật sự cho việc giải quyết đơn xin, với điều kiện là phần tiền được giữ lại sẽ không vượt quá mười mỹ kim (\$10).

Khi nhận được đơn xin đầy đủ, Bộ Tư Pháp sẽ tiêu hủy các hồ sơ của bộ, nếu có, liên quan đến việc bắt giữ hoặc kết án theo cách được mô tả ở tiểu phần (c) và sẽ thông báo cho Cục Điều Tra Liên Bang, cơ quan công lực đã bắt giữ đương đơn, và nếu đương đơn đã bị kết án, ban quản chế đã điều tra về đương đơn và Sở Cấp Bằng Lái, về đơn xin này.

(c) Việc tiêu hủy các hồ sơ bắt giữ hoặc kết án chiếu theo tiểu phần (a) hoặc (b) sẽ phải đạt được bằng việc tiêu hủy hoàn toàn tất cả các ghi chép hoặc ghi chú trên hồ sơ liên quan đến việc bắt giữ hoặc kết án, và hồ sơ đó sẽ phải được chuẩn bị lại lần nữa sao cho giống như vụ bắt giữ hoặc kết án chưa bao giờ xảy ra. Tuy nhiên, khi (1) chỉ các ghi chép trên hồ sơ đó liên quan đến việc bắt giữ hoặc kết án và (2) hồ sơ có thể bị tiêu hủy mà không nhất thiết ảnh hưởng đến việc tiêu hủy các hồ sơ khác, thì giấy tờ cấu thành hồ sơ sẽ bị tiêu hủy về mặt vật chất.

(d) Mặc dù có tiểu phần (a) hoặc (b), văn bản ghi chép lời tuyên thệ tại các buổi tố tụng tại tòa và các báo cáo của tòa kháng án đã công bố không phụ thuộc vào đoạn này. Ngoài ra, sẽ không có hồ sơ nào bị tiêu hủy chiếu theo tiểu phần (a) nếu bị cáo hoặc một đồng phạm đã nộp đơn kiện dân sự đối với các cảnh sát viên hoặc cơ quan công lực mà đã thực hiện cuộc bắt giữ hoặc truy tố và nếu cơ quan đó đang cất giữ các hồ sơ đó đã nhận được bản sao đơn khiếu kiện dân sự có công chứng, cho tới khi vụ kiện dân sự đã được giải quyết hoàn toàn. Ngay sau quyết nghị cuối cùng của vụ kiện dân sự, các hồ sơ phụ thuộc vào tiểu phần (a) sẽ được tiêu hủy chiếu theo tiểu phần (c) nếu hơn hai năm đã trôi qua từ ngày kết án hoặc bắt giữ mà không kết án.

ĐOẠN 8.7. Đoạn 11361.8 được thêm vào Bộ Luật Sức Khỏe và An Toàn, như sau:

11361.8. (a) Một người đang thụ án tù do bị kết án thông qua phiên xét xử hoặc chủ động nhận tội hoặc nhận tội có thương lượng, có thể không bị kết tội, hoặc có thể bị kết tội nhẹ hơn theo Đạo luật Quy Định, Kiểm Soát và Đánh Thuế Người Trưởng Thành Sử Dụng Cần Sa đã có hiệu lực vào thời điểm vi phạm có thể được thỉnh nguyện xin thu hồi hoặc bãi bỏ kết án trước khi phiên tòa đi vào phần cân nhắc luận tội trong trường hợp anh ấy hoặc cô ấy yêu cầu được kết án lại hoặc bãi bỏ theo Đoạn 11357, 11358, 11359, 11360, 11362.1, 11362.2, 11362.3, và 11362.4 là các đoạn được tu chính hoặc thêm vào đạo luật.

(b) Tùy vào thỉnh nguyện nhận được theo khoản (a), tòa án sẽ phỏng đoán người thỉnh nguyện có đáp ứng được các tiêu chuẩn trong khoản (a) trừ khi bên đối lập với thỉnh nguyện đưa ra được các bằng chứng rõ ràng và cụ thể cho thấy người thỉnh nguyện không đáp ứng được tiêu chuẩn. Nếu người thỉnh nguyện đáp ứng được tiêu chuẩn trong khoản (a), tòa án chấp thuận thỉnh nguyện để

thu hồi án phạt hoặc bãi bỏ kết án vì trái pháp luật trừ khi tòa án xác định việc chấp thuận đơn thỉnh nguyện có thể đưa đến các mối nguy hiểm không hợp lý cho an toàn công cộng.

(1) Khi thực hiện trong thẩm quyền của mình, tòa án có thể cân nhắc, những không bị giới hạn về các bằng chứng được cung cấp theo khoản (b) của Đoạn 1170.18 Bộ Luật Hình Sự.

(2) Khi được sử dụng trong đoạn này, "các mối nguy hiểm không hợp lý cho an toàn công cộng" có cùng nghĩa như trong khoản (c) của Đoạn 1170.18 Bộ Luật Hình Sự.

(c) Một người đang chịu án và được kết án lại theo khoản (b) sẽ được trừ vào thời gian đã thụ án và sẽ được giám sát trong vòng một năm sau khi hoàn thành thời gian giam giữ hoặc sẽ bị giám sát vào bất cứ lúc nào sau khi được phóng thích, tùy theo bên nào nhanh hơn, trừ trường hợp tòa án, trong thẩm quyền của mình, như một phần trong án lệnh kết án lại, bãi bỏ lệnh giám sát cá nhân đó. Người là đối tượng bị giám sát sau phóng thích theo Đoạn 3000.08 của Bộ Luật Hình Sự hoặc được cộng đồng giám sát sau phóng thích theo khoản (a) của Đoạn 3451 Bộ Luật Hình Sự thông qua cơ quan được chỉ định và thẩm quyền của tòa án trong quận hạt nơi người vi phạm được phóng thích hoặc cư ngụ, hoặc trong trường hợp xảy ra cáo buộc vi phạm sự quản chế, với mục đích thỉnh nguyện điều giải để thu hồi lệnh quản chế và áp dụng giam giữ có thời hạn.

(d) Không có trường hợp nào có thể được kết án lại theo khoản này sẽ dẫn đến áp dụng thời hạn giam giữ lâu hơn án ban đầu, hoặc bãi bỏ việc khôi phục án phạt chiếu theo thỏa thuận nhận tội có thương lượng.

(e) Một người đã hoàn thành thời hạn tù của anh ấy hoặc cô ấy do bị kết án theo Đoạn 11357, 11358, 11359, và 11360, dù thông qua phiên xét xử hoặc chủ động nhận tội hoặc nhận tội có thương lượng, có thể không bị kết tội, hoặc có thể bị kết tội nhẹ hơn theo Đạo luật Quy Định, Kiểm Soát và Đánh Thuế Người Trưởng Thành Sử Dụng Cần Sa đã có hiệu lực vào thời điểm vi phạm, người vi phạm có thể nộp đơn trước khi phiên tòa đi vào phần cân nhắc luận tội trong trường hợp anh ấy hoặc cô ấy được bãi bỏ phần kết tội và được biểu quyết kín vì phần luận tội trước đó trái pháp luật hoặc được chỉ định lại như tội tiểu hình hoặc vi phạm theo Đoạn 11357, 11358, 11359, 11360, 11362.1, 11362.2, 11362.3, và 11362.4 là các đoạn được tu chính hoặc thêm vào đạo luật.

(f) Tòa án sẽ phỏng đoán người thỉnh nguyện có đáp ứng được các tiêu chuẩn trong khoản (e) trừ khi bên đối lập với thỉnh nguyện đưa ra được các bằng chứng rõ ràng và cụ thể cho thấy người thỉnh nguyện không đáp ứng được tiêu chuẩn trong khoản (e). Một khi người nộp đơn đáp ứng được tiêu chuẩn trong khoản (e), tòa án sẽ chỉ định lại phần luận tội như là tội tiểu hình hoặc vi phạm hoặc bãi bỏ và biểu quyết kín phần luận tội vì trái với pháp luật được quy định theo Đạo luật Quy Định, Kiểm Soát và Đánh Thuế Người Trưởng Thành Sử Dụng Cần Sa.

(g) Trừ khi người nộp đơn yêu cầu, không cần phải tổ chức điều giải để chấp thuận hay từ khước đơn thỉnh cầu được nộp theo khoản (e).

(h) Bất kỳ kết luận trọng tội nào được thu hồi và được kết án lại theo khoản (b) hoặc được chỉ định như tội tiểu hình hoặc vi phạm theo khoản (f) sẽ được cân nhắc là tội tiểu hình hoặc vi phạm với mọi mục đích. Bất kỳ kết luận tội tiểu hình nào được thu hồi và được kết án lại theo khoản (b) hoặc được chỉ định là vi phạm theo khoản (f) sẽ được cân nhắc là vi phạm với mọi mục đích.

(i) Nếu tòa đã tuyên bản án đầu tiên cho người thỉnh cầu không có thời gian, thì chánh thẩm sẽ chỉ định một thẩm phán khác để quyết định về đơn thỉnh cầu hay đơn xin.

(j) Không có điều khoản nào trong đoạn này có ý định để làm giảm hay hủy bỏ bất cứ quyền hay biện pháp giải quyết nào mà trong trường hợp khác sẽ có cho người thỉnh cầu hoặc người nộp đơn xin.

(k) Không có điều khoản nào trong đoạn này và các đoạn liên quan có ý định là để làm giảm hay hủy bỏ tính cách cuối cùng của những phán quyết trong bất cứ một vụ án nào không thuộc phạm vi hiệu lực của Đạo luật Quy Định, Kiểm Soát và Đánh Thuế Người Trưởng Thành Sử Dụng Cần Sa.

(l) Buổi điều giải để xử lại được ra lệnh theo Đạo luật Quy Định, Kiểm Soát và Đánh Thuế Người Trưởng Thành Sử Dụng Cần Sa sẽ cấu thành "tiến trình phóng thích sau khi kết tội" theo đoạn văn (7) trong khoản (b) của Đoạn 28 thuộc Điều I Hiến Pháp California (Đạo Luật Marsity).

(m) Các điều khoản của đoạn này sẽ được áp dụng như nhau để xét xử thanh thiếu niên phạm pháp và phán quyết theo Đoạn 602 Bộ Luật An Sinh và Định Chế nếu thanh thiếu niên không bị kết tội vi phạm hoặc bị kết tội vi phạm nhẹ hơn theo Đạo luật Quy Định, Kiểm Soát và Đánh Thuế Người Trưởng Thành Sử Dụng Cần Sa.

(n) Hội Đồng Tư Pháp sẽ ban hành và công bố các mẫu đơn cần thiết để điền vào thỉnh nguyện và đơn xét được quy định trong đoạn này.

ĐOẠN 9. Cây Gai Dầu Công Nghiệp.

ĐOẠN 9.1. Đoạn 11018.5 của Bộ Luật Sức Khỏe và An Toàn được tu chính như sau:

11018.5. Cây Gai Dầu Công Nghiệp.

(a) "Cây gai dầu công nghiệp" là một loại cây sợi hoặc có dầu, hoặc cả hai, được giới hạn trong các loại cây không kích thích thần kinh thuộc loài Cannabis sativa L. và hạt giống từ các loại cây này, chứa ít hơn không phải ba phần trăm chất tetrahydrocannabinol (THC) trong ngọn hoa khô, dù được trồng hay không; và được trồng và sản xuất dành riêng cho mục đích sản xuất các thân cây trưởng thành, sợi được ăn xuất từ thân cây, dầu hoặc bánh dầu được làm từ hạt cây; nhựa chiết xuất từ bất kỳ phần nào của cây; và hoặc bất kỳ các hợp chất, sản phẩm, muối, phái sinh, hỗn hợp hoặc pha chế từ cây, hạt hoặc thân cây trưởng thành, ngoại trừ nhựa hoặc chiết xuất ngọn hoa được lấy từ cây; sợi, dầu hoặc bánh dầu, hoặc hạt vô trùng, hoặc bất kỳ thành phần nào của hạt, hoặc từ cây không có khả năng nảy mầm..

(b) Việc sở hữu, sử dụng, mua, bán, trồng trọt, chế biến, sản xuất, đóng gói, ghi nhãn, vận chuyển, lưu trữ, phân phối, sử dụng và chuyển giao của cây gai dầu công nghiệp không cần tuân theo các điều khoản của phạm vi này hoặc của Phần 10 (bắt đầu từ Đoạn 26000) của Bộ Luật Kinh Doanh và Nghề Nghiệp, nhưng thay vào đó sẽ được quy định bởi Bộ Thực Phẩm và Nông Nghiệp theo các điều khoản nằm trong Phần 24 (bắt đầu từ Đoạn 81000) Bộ Luật Thực Phẩm và Nông Nghiệp.

ĐOẠN 9.2. Đoạn 81000 của Bộ Luật Thực Phẩm và Nông Nghiệp được tu chính như sau:

81000. Định Nghĩa.

Cho những mục đích của phạm vi này, những chữ sau đây có ý nghĩa như sau:

(a) "Hội Đồng" nghĩa là Hội Đồng Cố Vấn Cây Gai Dầu Công Nghiệp.

- (b) "Ủy viên" nghĩa là ủy viên nông nghiệp của quận hạt.
- (c) "Viện nghiên cứu nông nghiệp đã được thành lập" nghĩa là một tổ chức hoặc viện công hoặc tư nhân sở hữu đất để nghiên cứu nông nghiệp, bao gồm cả các trường cao đẳng, trường đại học, các trung tâm nghiên cứu nông nghiệp, và các trung tâm nghiên cứu bảo tồn: bất kỳ viện nào sau đây:
- (1) Một tổ chức hoặc viện công hoặc tư nhân sở hữu đất để nghiên cứu nông nghiệp, bao gồm cả các trường cao đẳng, trường đại học, các trung tâm nghiên cứu nông nghiệp, và các trung tâm nghiên cứu bảo tồn; hoặc
- (2) Một viện giáo dục cấp đại học (như định nghĩa trong Đoạn 1001 của Đạo Luật Giáo Dục Cấp Đại Học 1965 (20 U.S.C. 1001)) được trồng, nuôi dưỡng hoặc sản xuất cây gai dầu công nghiệp cho mục đích nghiên cứu được tiến hành theo một chương trình thí điểm nông nghiệp hoặc nghiên cứu nông nghiệp hoặc nghiên cứu học thuật.
- (d) "Cây gai dầu công nghiệp" có ý nghĩa như thuật ngữ được định nghĩa trong Đoạn 11018.5 Bộ Luật Sức Khỏe và An Toàn.
- (e) "Thư Ký" nghĩa là Thư Ký Bộ Thực Phẩm và Nông Nghiệp.
- (f) "Người lai tạo hạt giống" nghĩa là các cá nhân hoặc viện công hoặc tư nhân hoặc tổ chức có đăng ký với ủy viên để phát triển các hạt giống với mục đích bán hoặc nghiên cứu.
- (g) "Hạt giống" nghĩa là giống cây gai dầu công nghiệp.
- (h) "Kế hoạch phát triển hạt giống" nghĩa là một chiến lược được phát minh bởi một nhà lai tạo hạt giống, hoặc nhà lai tạo hạt giống chờ nộp đơn, trình bày chi tiết phương pháp kế hoạch của mình để trồng và đang phát triển một giống hạt giống mới cho cây gai dầu công nghiệp.
- ĐOẠN 9.3. Đoạn 81006 của Bộ Luật Thực Phẩm và Nông Nghiệp được tu chính như sau:
81006. *Hạn Chế Trồng Cây Gai Dầu Công Nghiệp; Nghiêm Cấm; Nhập Khẩu; Thí Nghiệm*
- (a) (1) Ngoại trừ được trồng bởi một viên nghiên cứu nông nghiệp đã được thành lập hoặc một nhà lai tạo giống đã có đăng ký, cây gai dầu công nghiệp có thể chỉ được trồng như một cây lấy sợi hoặc lấy dầu, hoặc cả hai, theo mật độ với diện tích không ít hơn năm mẫu một phần mười mẫu cùng một lúc và không phần nào trong diện tích trồng cây gai dầu công nghiệp nhỏ hơn diện tích tiếp giáp.
- (2) Các nhà lai tạo giống có đăng ký, với mục đích trồng lấy hạt, sẽ chỉ được trồng cây gai dầu công nghiệp với mật độ gieo trồng không thấp hơn một phần mười hai một mẫu cùng một lúc và không phần nào trong diện tích trồng cây gai dầu công nghiệp nhỏ hơn diện tích tiếp giáp.
- (3) Các nhà lai tạo giống có đăng ký, với mục đích phát triển giống mới của California, sẽ trồng cây gai dầu công nghiệp theo mật độ trong diện tích cho phép không ít hơn một phần mười mẫu theo kế hoạch phát triển hạt giống. Toàn bộ diện tích diện tích chuyên dụng không theo quy định sẽ được sử dụng cho việc trồng các loại cây trồng hạt giống đặc biệt.
- (b) Trồng cây gai dầu công nghiệp một cách lén lút hoặc trồng làm cảnh sẽ bị nghiêm cấm. Tất cả các lô đất phải có biển chỉ dẫn cho biết đó là cây gai dầu công nghiệp.
- (c) Các cá nhân tía hoặc chăm sóc cây gai dầu công nghiệp đều bị nghiêm cấm, trừ khi được trồng bởi viện nghiên cứu nông nghiệp đã được thành lập

hoặc khi cần thiết để thực hiện thí nghiệm tetrahydrocannabinol (THC) được mô tả trong đoạn này.

(d) Chọn giống cây gai dầu công nghiệp bị nghiêm cấm, trừ khi được trồng bởi viện nghiên cứu nông nghiệp đã được thành lập hoặc khi cần thiết để thực hiện thí nghiệm tetrahydrocannabinol (THC) được mô tả trong đoạn này, hoặc nhằm mục đích sản xuất và phát triển hạt giống bởi nhà lai tạo giống có đăng ký.

(e) Cây gai dầu công nghiệp bao gồm các sản phẩm được nhập khẩu theo Biểu Thuế Quan Nhập Khẩu Hoa Kỳ (2013) của Ủy Ban Thương Mại Quốc Tế Hoa Kỳ, bao gồm, nhưng không giới hạn, hạt cây gai dầu, theo tiêu đề phụ 1207.99.03, dầu cây gai dầu, theo tiêu đề phụ 1515.90.80, bánh dầu, theo tiêu đề phụ 2306.90.01, gai cây gai dầu, theo tiêu đề phụ 5302, sợi gai cây gai dầu theo tiêu đề phụ 5308.20.00, và vải dệt từ sợi gai cây gai dầu, theo tiêu đề phụ 5311.00.40.

(f) Ngoại trừ cây gai dầu công nghiệp được trồng bởi một viện nghiên cứu nông nghiệp đã được thành lập, người đăng ký trồng cây gai dầu công nghiệp theo đoạn này sẽ, trước khi thu hoạch cây và theo quy định bên dưới, nhận được một báo cáo thí nghiệm cho biết tỉ lệ THC trong lấy mẫu ngẫu nhiên của ngọn hoa khô của cây gai dầu công nghiệp đã trồng.

(1) Lấy mẫu phải thực hiện càng sớm càng tốt khi hàm lượng THC trong lá quanh hạt đạt mức cao nhất và sẽ bắt đầu nuôi hạt lớn, khi các hạt đầu tiên chiếm xấp xỉ 50 phần trăm trên cây có khả năng chịu nén.

(2) Toàn bộ quá trình đậu quả của cây chứa hạt sẽ được sử dụng làm mẫu. Việc cắt mẫu sẽ được thực hiện trực tiếp dưới cụm hoa nằm ở một phần ba phía trên thân cây.

(3) Các mẫu thu thập để kiểm tra THC phải kèm theo các tài liệu sau đây:

(A) Giấy đăng ký của người đăng ký.

(B) Tài liệu chứng nhận hạt giống cho loại hạt giống được sử dụng.

(C) Báo cáo kiểm tra THC cho mỗi loại hạt giống có chứng nhận được sử dụng.

(4) Báo cáo kiểm tra từ phòng thí nghiệm được công bố bởi một phòng thí nghiệm đã được đăng ký với Cơ Quan Đặc Trách Chống Chất Gây Nghiện liên bang, sẽ công bố hàm lượng phần trăm THC, cho biết ngày và địa điểm lấy mẫu, và sẽ nêu vị trí theo Hệ Thống Định Vị Toàn Cầu và tổng diện tích trồng cây. Nếu báo cáo kiểm tra từ phòng thí nghiệm cho biết hàm lượng phần trăm của THC bằng hoặc ít hơn không phẩy ba phần trăm, cụm từ "ĐẠT TIÊU CHUẨN CÂY GAI DẦU CÔNG NGHIỆP CALIFORNIA" sẽ xuất hiện ở phía trên hoặc gần phía trên của báo cáo kiểm tra từ phòng thí nghiệm. Nếu báo cáo kiểm tra từ phòng thí nghiệm cho biết hàm lượng phần trăm của THC cao hơn không phẩy ba phần trăm, cụm từ "KHÔNG ĐẠT TIÊU CHUẨN CÂY GAI DẦU CÔNG NGHIỆP CALIFORNIA" sẽ xuất hiện ở phía trên hoặc gần phía trên của báo cáo kiểm tra từ phòng thí nghiệm.

(5) Nếu báo cáo kiểm tra từ phòng thí nghiệm cho thấy hàm lượng phần trăm của THC bằng hoặc thấp hơn không phẩy ba phần trăm, phòng thí nghiệm sẽ cung cấp cho người đã yêu cầu kiểm tra không ít hơn 10 bản chứng nhận có ký tên của nhân viên được phòng thí nghiệm ủy quyền và sẽ giữ lại một hoặc nhiều bản chứng nhận báo cáo kiểm tra từ phòng thí nghiệm tối thiểu hai năm kể từ ngày lấy mẫu.

(6) Nếu báo cáo kiểm tra từ phòng thí nghiệm cho thấy hàm lượng phần

trăm của THC cao hơn không phải ba phần trăm và không vượt quá 1 phần trăm, người đăng ký trồng cây gai dầu công nghiệp sẽ gửi mẫu bổ sung để kiểm tra các cây gai dầu công nghiệp đã trồng.

(7) Người đăng ký trồng cây gai dầu công nghiệp sẽ phải tiêu hủy các cây gai dầu công nghiệp đã trồng nếu nhận được báo cáo kiểm tra từ phòng thí nghiệm cho biết hàm lượng phần trăm THC vượt quá 1 phần trăm hoặc báo cáo kiểm tra thứ hai từ phòng thí nghiệm chiếu theo đoạn văn (6) cho biết hàm lượng phần trăm THC vượt quá không phải ba phần trăm nhưng thấp hơn 1 phần trăm. Nếu hàm lượng phần trăm của THC vượt quá 1 phần trăm, việc tiêu hủy phải được thực hiện trong vòng 48 giờ kể từ lúc nhận báo cáo kiểm tra từ phòng thí nghiệm. Nếu hàm lượng phần trăm của THC trong báo cáo kiểm tra từ phòng thí nghiệm thứ hai vượt quá không phải ba phần trăm nhưng thấp hơn 1 phần trăm, việc tiêu hủy phải được thực hiện sớm nhất có thể, nhưng không chậm hơn 45 ngày kể từ lúc nhận báo cáo kiểm tra thứ hai.

(8) Người đăng ký có ý định trồng cây gai dầu công nghiệp và phải tuân thủ đoạn này sẽ không bị truy tố vì canh tác hoặc sở hữu cần sa khi kết quả của báo cáo kiểm tra từ phòng thí nghiệm cho biết hàm lượng phần trăm của THC cao hơn không phải ba phần trăm nhưng không vượt quá 1 phần trăm.

(9) Các viện nghiên cứu nông nghiệp đã thành lập được phép canh tác hoặc sở hữu cây gai dầu công nghiệp với báo cáo kiểm tra từ phòng thí nghiệm cho biết hàm lượng phần trăm THC cao hơn không phải ba phần trăm nếu việc canh tác và sở hữu góp phần vào việc phát triển nhiều loại cây gai dầu công nghiệp tuân thủ theo giới hạn không phải ba phần trăm THC được thiết lập trong phân khu này.

(10) Ngoại trừ viện nghiên cứu nông nghiệp đã thành lập, một người đăng ký trồng cây gai dầu công nghiệp sẽ phải giữ một bản gốc báo cáo kiểm tra từ phòng thí nghiệm trong hai năm kể từ ngày lấy mẫu, nộp một bản gốc lên bộ, ủy viên, hoặc các nhân viên thi hành pháp luật hoặc các bên chỉ định theo yêu cầu, và phải cung cấp một bản gốc báo cáo kiểm tra từ phòng thí nghiệm cho mỗi người mua, vận chuyển, hoặc người nhận sợi, dầu, bánh dầu hoặc các thành phần khác của hạt trên cây từ người đăng ký được trồng cây gai dầu công nghiệp.

(g) Nếu, trong ý kiến của Bộ Trưởng Tư Pháp được công bố chiếu theo Đoạn 8 của đạo luật được thêm vào phân khu này, xác định điều khoản của đoạn này không tuân thủ đầy đủ theo luật liên bang, thì bộ sẽ tham khảo ý kiến của hội đồng, sẽ thiết lập một trình tự mới cho đoạn này để phù hợp với yêu cầu của luật liên bang.

ĐOẠN 9.4. Đoạn 81007 của Bộ Luật Thực Phẩm và Nông Nghiệp được thay thế.

81007. — (a) ~~Trừ khi được quy định trong khoản (b) hoặc nếu cần thực hiện kiểm tra chiếu theo khoản (f) của Đoạn 81006, việc sở hữu, ngoài phạm vi canh tác theo luật, nhựa, ngọn hoa, hoặc lá đã tách khỏi cây gai dầu đều bị nghiêm cấm:~~

(b) ~~Sự xuất hiện một lượng tối thiểu, hoặc số lượng không đáng kể, trong lá cây gai dầu hoặc ngọn hoa trong kiện hàng cây gai dầu do quy trình xử lý phù hợp và thông thường của cây gai dầu công nghiệp sẽ không bị xem là sở hữu cần sa.~~

ĐOẠN 9.5. Đoạn 81008 của Bộ Luật Thực Phẩm và Nông Nghiệp được tu chính như sau:

81008. *Báo Cáo Bộ Trưởng Tư Pháp; Các Yêu Cầu*

(a) Không trễ hơn ngày 1 tháng Giêng, 2019, hoặc năm năm kể từ khi các điều khoản của phân khu này được xác nhận theo luật liên bang, tùy theo thời gian nào lâu hơn, Bộ Trưởng Tư Pháp sẽ báo cáo lên Ủy Ban Hạ Viện và Ủy Ban Thượng Viện về Nông Nghiệp và Ủy Ban Hạ Viện và Ủy Ban Thượng Viện về An Toàn Công Cộng các vấn đề đã được báo cáo, nếu có, về các điểm sau:

(1) Một cánh đồng cây gai dầu công nghiệp được sử dụng để nguy trang việc canh tác cần sa.

(2) Các khiếu nại trong phiên điều giải tòa án của các cá nhân về những người được miễn trừ trong khoản (f) của Đoạn 81006 về cây cần sa là cây gai dầu công nghiệp.

(b) Báo cáo được gửi chiếu theo khoản (a) sẽ được gửi nhằm tuân thủ heo Đoạn 9795 Bộ Luật Chính Quyền.

(c) Chiếu theo Đoạn 10231.5 Bộ Luật Chính Quyền, đoạn này bị bãi bỏ vào ngày 1 tháng Giêng, 2023, hoặc bốn năm sau ngày công bố báo cáo, tùy theo thời gian nào dài hơn.

ĐOẠN 9.6. Đoạn 81010 của Bộ Luật Thực Phẩm và Nông Nghiệp được tu chính như sau:

81010. *Phạm vi Phân.*

(a) ~~Phân khu này, và Đoạn 221 sẽ không được thi hành trừ khi được ủy quyền theo luật liên bang vào ngày 1 tháng Giêng, 2017.~~

(b) *Việc sở hữu, sử dụng, mua, bán, sản xuất, chế biến, đóng gói, đánh nhãn, vận chuyển, lưu trữ, phân phối, sử dụng, và chuyển giao cây gai dầu công nghiệp sẽ được quy định theo phân khu này. Cục Kiểm Soát Cần Sa có thẩm quyền để quy định và kiểm soát các cây trồng và các sản phẩm phù hợp theo định nghĩa về cây gai dầu công nghiệp được sản xuất, sở hữu, chế biến, kiểm tra, vận chuyển hoặc được xử lý chiếu theo giấy phép được công bố theo Phần 10 (bắt đầu từ Đoạn 26000) của Bộ Luật Kinh Doanh và Nghề Nghiệp.*

ĐOẠN 10. *Tu Chính.*

Đạo luật này được hiểu một cách rộng rãi để thực hiện theo mục đích và ý định như đã nêu tại đoạn 3. Cơ quan Lập Pháp có thể theo đó sửa đổi tu chính lại điều khoản của đạo luật nằm bao gồm trong Đoạn 5 đến 5.5, và nằm bao gồm trong Đoạn 6 đến 6.3 để áp dụng điều khoản phù hợp của các đoạn này, quy định các tu chính này tương ứng và thể hiện rõ mục đích và ý định như đã nêu tại Đoạn 3. Các tu chính của đạo luật này nhằm bảo vệ nhân viên và người lao động của các bên được cấp giấy phép bao gồm trong Đoạn 6 đến 6.3, của đạo luật này nhằm tăng cường bảo vệ được quy định trong đạo luật này hoặc mở rộng các quyền pháp lý của nhân viên hoặc người lao động của các bên được cấp giấy phép bao gồm trong Đoạn 6 đến 6.3, của đạo luật này được xem là tương ứng và thể hiện rõ mục đích và ý định của đạo luật này. Cơ Quan Lập Pháp có thể bằng đa số phiếu bầu tu chính, được thêm, hay hủy bỏ bất kỳ điều khoản để giảm thêm những hình phạt đối với bất cứ vi phạm nào được đề cập đến bởi đạo luật này. Trừ khi được quy định, các điều khoản của đạo luật này có thể được tu chính bởi hai phần ba biểu quyết của Cơ Quan Lập Pháp nhằm thể hiện rõ mục đích và ý định của đạo luật này.

ĐOẠN 11. *Xây Dựng và Diễn Giải.*

Các điều khoản của đạo luật này được giải thích theo nghĩa rộng để thi hành mục đích và ý định của Đạo luật Quy Định, Kiểm Soát và Đánh Thuế Người Trồng Thành Sử Dụng Cần Sa; được quy định, tuy nhiên, không điều nào

trong điều khoản của đạo luật này được diễn giải hoặc giải thích theo hướng tạo sự mâu thuẫn với luật liên bang, bao gồm Đạo Luật Kiểm Soát Chất liên bang, như các điều khoản của đạo luật này và luật liên bang không thể thống nhất với nhau.

ĐOẠN 12. Tách Biệt.

Nếu có bất cứ một điều khoản nào của đạo luật này, hay phần nào của đạo luật này, hoặc sự áp dụng bất cứ một điều khoản nào hay phần nào cho bất cứ người nào hay hoàn cảnh nào, vì bất cứ một lý do gì bị xem là bất hợp lệ hoặc trái với hiến pháp, thì những điều khoản còn lại, hoặc các phần còn lại, sẽ không bị ảnh hưởng, nhưng sẽ vẫn hoàn toàn có hiệu lực và tác dụng, và theo ý nghĩa này những điều khoản của đạo luật này có tính cách tách biệt.

ĐOẠN 13. Những Dự Luật Tiên Khởi Mâu Thuẫn.

Trong trường hợp dự luật này hay một dự luật hoặc nhiều dự luật khác liên quan đến việc kiểm soát, quy định và đánh thuế cần sa, cần sa y tế hoặc cây gai dầu công nghiệp được đưa vào cùng một lá phiếu trên toàn bang, các điều khoản của dự luật hoặc các dự luật kia sẽ bị xem là trái ngược với dự luật này. Trong trường hợp dự luật này nhận được nhiều phiếu thuận hơn, thì những điều khoản của dự luật này sẽ được ưu tiên trọn vẹn, và những điều khoản của dự luật khác sẽ trở thành vô hiệu lực và không có tác dụng.

DỰ LUẬT 65

Dự luật tiên khởi này được đệ trình với người dân nhằm phù hợp với những điều khoản của Đoạn 8 Điều II của Hiến Pháp California.

Dự luật tiên khởi này bổ sung một số đoạn vào Bộ Luật Phúc Lợi và Tài Nguyên; do đó, những điều khoản mới được đề nghị thêm vào sẽ in theo kiểu *chữ nghiêng* để cho biết đó là những điều khoản mới.

DỰ LUẬT

ĐOẠN 1. Tựa Đề.

Đạo luật này sẽ được gọi là và có thể được viện dẫn là Đạo Luật Bảo Vệ Chi Phí Môi Trường.

ĐOẠN 2. Kết Luận và Công Bố.

Người dân Tiểu Bang California kết luận và công bố như sau:

(a) Vào năm 2014, Lập Pháp Tiểu Bang California đã ban hành lệnh cấm sử dụng túi xách bằng nhựa sau khi được vận động bởi nhóm lợi ích đặc biệt, bao gồm cả Hội Người Bán Hàng Tạp Hóa California.

(b) Luật cũng tiếp tục bắt buộc các cửa hàng phải bán túi giấy hoặc túi xách có thể sử dụng lại được cho khách hàng với giá tối thiểu 10 xu. Các cửa hàng có thể giúp thay đổi rất lớn nếu họ chọn cách này, và những người bán hàng và người bán lẻ được luật đặc biệt yêu cầu phải giữ lại doanh thu bắt buộc này làm thu nhập bổ sung.

(c) Không có doanh thu nào từ túi xách này sẽ được sử dụng cho các mục đích môi trường, theo yêu cầu của luật. Lập Pháp đặc biệt soạn thảo luật rõ ràng như vậy để khiến các doanh thu này trở thành thu nhập tăng thêm cho người bán lẻ và người bán hàng.

(d) Giao dịch lãi suất đặc biệt này sẽ cung cấp cho người bán hàng và người bán lẻ hơn \$400 triệu thu nhập tăng thêm mỗi năm - tất cả đều từ chi phí của người tiêu dùng California và chỉ có một chút hoặc không có phần nào trong số tiền này được sử dụng để bảo vệ môi trường.

(e) Người dân California có quyền để hy vọng rằng bất kỳ doanh thu nào có được từ túi xách theo quy định của luật tiểu bang có thể được dành riêng để bảo vệ môi trường, không phải để làm giàu cho các công ty.

ĐOẠN 3. Tuyên Bố về Mục Đích.

Mục đích của Đạo Luật Bảo Vệ Chi Phí Môi Trường đó là đáp ứng các kỳ vọng của người dân đó là yêu cầu bất kỳ chi phí nào về túi xách do người tiêu dùng chi trả liên quan đến, hoặc để đề xuất, bất kỳ lệnh cấm túi nhựa nào đều phải được dành riêng cho các mục tiêu môi trường phù hợp, xứng đáng ví dụ như giảm hạn hán, tái chế, làm sạch nguồn cung cấp nước uống, dọn dẹp công viên, bãi biển, dọn rác thải và phục hồi môi trường sống của thú hoang.

ĐOẠN 4. Chương 5.2 (bắt đầu từ Đoạn 42270) được thêm vào Mục 3, Phần 30 của Bộ Luật Tài Nguyên Công Cộng như sau:

CHƯƠNG 5.2. CHI PHÍ TÚI XÁCH: CẢI THIỆN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

42270. *Chương này sẽ được gọi là và có thể được viện dẫn là Đạo Luật Bảo Vệ Chi Phí Môi Trường.*

42271. (a) *Bất kể các điều khoản khác của bộ luật, tất cả tiền được tạo hoặc được thu bởi cửa hàng chiếu theo luật tiểu bang đối việc việc cấm phân phối tự do bất kỳ loại túi xách nào, và cưỡng chế không bán bất kỳ loại túi xách nào khác, sẽ phải được nộp vào Quỹ Cải Thiện và Bảo Vệ Môi Trường, quỹ được lập trong Ngân Khố Tiểu Bang và được quản lý bởi Hội Đồng Bảo Vệ Thú Hoang chiếu theo Đoạn 42272.*

(b) *Cho các mục đích của chương này:*

(1) *"Cửa hàng" có nghĩa là cơ sở bán lẻ đáp ứng bất kỳ yêu cầu nào sau đây:*

(A) *Cửa hàng bán lẻ cung ứng đầy đủ mọi mặt hàng với tổng doanh thu hàng năm đạt (\$2,000,000) trở lên bán đủ loại tạp phẩm khô, sản phẩm đóng hộp hoặc mặt hàng không phải thực phẩm, và một số mặt hàng dễ hỏng.*

(B) *Có diện tích ít nhất 10,000 feet vuông tạo ra doanh thu hoặc thuế sử dụng chiếu theo Luật Thuế Sử Dụng và Doanh Thu Địa Phương Thống Nhất Bradley-Burns (Mục 1.5 (bắt đầu từ Đoạn 7200), Phần 2 của Bộ Luật Thuế và Thu Nhập) và có được sĩ được cấp giấy phép hành nghề theo quy định tại Chương 9 (bắt đầu từ Đoạn 4000), Mục 2 của Bộ Luật Nghề Nghiệp và Kinh Doanh.*

(C) *Là cửa hàng thực phẩm tiện lợi, cửa hàng thức ăn hoặc thực thể khác tham gia vào việc bán lẻ một số dòng thực phẩm nhất định, thông thường bao gồm sữa, bánh mì, soda và đồ ăn nhanh, và có giấy phép Loại 20 hoặc 21 được cấp bởi Sở Kiểm Soát Đồ Uống Có Cồn.*

(D) *Là cửa hàng thực phẩm tiện lợi, cửa hàng thức ăn hoặc thực thể khác tham gia vào hoạt động bán lẻ mặt hàng được tiêu thụ ngay tại cửa hàng, và có giấy phép Loại 20 hoặc 21 được cấp bởi Sở Kiểm Soát Đồ Uống Có Cồn.*

(2) *"Luật tiểu bang" nghĩa là bất kỳ đạo luật, bộ luật, quy định hoặc quyền hạn pháp lý nào được Tiểu Bang California hay cơ quan hay phòng sở của Tiểu Bang thông qua, ban hành hoặc thực thi trước hoặc sau ngày có hiệu lực của đoạn này.*

(3) *"Túi xách" nghĩa là túi xách sử dụng một lần, túi giấy, túi giấy tái chế, túi nhựa, túi nhựa có thể tái chế, túi nhựa có thể tái sử dụng, túi có thể phân hủy, túi đựng hàng hóa có thể tái sử dụng hoặc bất kỳ loại túi nào khác được dùng để đựng hàng hóa mua về từ cửa hàng.*

(c) (1) *Hội Đồng Bảo Vệ Thú Hoang có thể thông qua các quy định và phối hợp hoặc ký kết hợp đồng với các cơ quan khác của địa phương và tiểu bang để*

thực thi và triển khai tiểu phần (a) của đoạn này, Đoạn 42272 và Đoạn 42273.

(2) Bất kể các điều khoản khác của bộ luật này, tại đây một khoản vay trị giá năm trăm ngàn mỹ kim (\$500,000) từ Quỹ Nước Uống An Toàn, Chất Lượng Nước và Cung Cấp Nước, Kiểm Soát Lũ Lụt, Sông Ngòi và Bảo Vệ Duyên Hải năm 2006 (Đoạn 75009) sẽ được dành cho Hội Đồng Bảo Vệ Thú Hoang để thông qua các quy định về thực thi và triển khai tiểu phần (a) của đoạn này, Đoạn 42272 và Đoạn 42273. Nếu nguồn tiền từ Quỹ Nước Uống An Toàn, Chất Lượng Nước và Cung Cấp Nước, Kiểm Soát Lũ Lụt, Sông Ngòi và Bảo Vệ Duyên Hải năm 2006 không đủ để cho vay theo yêu cầu của đoạn văn này, thì có thể vay từ Quỹ Chất Lượng Nước, Cung Cấp Nước và Cải Thiện Cơ Sở Hạ Tầng Cung Cấp Nước năm 2014 (Đoạn 79715 của Bộ Luật về Nguồn Nước). Tất cả tiền được gửi vào Quỹ Cải Thiện và Bảo Vệ Môi Trường trước tiên sẽ được sử dụng để hoàn trả số nợ cho đến khi trả hết nợ. Kiểm Soát Viên và các viên chức tiểu bang có trách nhiệm khác phải thực hiện tất cả các hành động cần thiết để có khoản vay theo quy định của đoạn văn này.

42272. (a) Quỹ Cải Thiện và Bảo Vệ Môi Trường sau đây sẽ được lập trong Ngân Khố Tiểu Bang.

(b) Bất kể các điều khoản khác của bộ luật này, Quỹ Cải Thiện và Bảo Vệ Môi Trường là quỹ tín thác được lập ra chỉ nhằm mục đích để thực hiện các mục đích của chương này. Bất kể quy định trong Đoạn 13340 của Bộ Luật Chính Quyền, tất cả tiền được nộp vào quỹ, cùng với lãi suất quỹ có được, sau đây được tiếp tục trích cho Hội Đồng Bảo Vệ Thú Hoang chỉ cho các mục đích nêu trong tiểu phần (c), không phụ thuộc vào năm tài khóa nào.

(c) Hội Đồng Bảo Vệ Thú Hoang phải sử dụng tiền trong Quỹ Cải Thiện và Bảo Vệ Môi Trường để trả chi phí cho các trợ cấp hoạt động cải thiện và bảo vệ môi trường. Các chương trình và dự án đủ điều kiện hưởng trợ cấp như sau:

(1) Các dự án giảm thiểu lũ lụt, bao gồm, nhưng không hạn chế bởi khắc phục rừng chịu thiệt hại sau lũ lụt và các dự án mở rộng hoặc khôi phục vùng đầm lầy, môi trường sống của cá hoặc môi trường sống của chim nước.

(2) Tái chế.

(3) Cung cấp nguồn nước uống sạch.

(4) Công viên địa phương, vùng và tiểu bang.

(5) Làm sạch bãi biển.

(6) Dọn dẹp rác thải.

(7) Khôi phục môi trường sống cho thú hoang.

(d) Hội Đồng Bảo Vệ Thú Hoang không được sử dụng nhiều hơn 2 phần trăm số tiền trong Quỹ Cải Thiện và Bảo Vệ Môi Trường cho các chi phí điều hành. Đối tượng nhận trợ cấp không được sử dụng nhiều hơn 5 phần trăm bất kỳ khoản tiền nào nhận được cho các chi phí điều hành.

(e) Trước khi giải ngân bất kỳ trợ cấp nào chiếu theo chương này, Hội Đồng Bảo Vệ Thú Hoang phải xây dựng hướng dẫn thẩm định và gọi thầu dự án. Hướng dẫn này có thể bao gồm giới hạn về số tiền trợ cấp được trao. Trước khi hoàn thành hướng dẫn này, Hội Đồng Bảo Vệ Thú Hoang phải đăng tải dự thảo hướng dẫn lên trang Web Internet và thực hiện ba cuộc trưng cầu dân ý để cân nhắc ý kiến của cộng đồng. Sau khi trưng cầu dân ý đã được tổ chức ở Bắc California, một buổi trưng cầu dân ý nữa sẽ được tổ chức ở Central Valley và một buổi trưng cầu khác sẽ được tổ chức ở Nam California.

(f) (1) Thanh Tra Viên Tiểu Bang California không được phép có thể thực hiện thanh tra tài chính độc lập các chương trình nhận tài trợ chiếu theo chương này

mỗi hai năm một lần. Thanh Tra Viên Tiểu Bang California phải báo cáo kết quả của mình cho Thống Đốc và các viện của Lập Pháp, và phải công bố kết quả này lên trang Web Internet của mình.

(2) (A) Thanh Tra Viên Tiểu Bang California phải được bồi hoàn bằng tiền trong Quỹ Cải Thiện và Bảo Vệ Môi Trường cho các chi phí thực tế phát sinh trong khi tiến hành thanh tra hai năm một lần theo yêu cầu của tiểu phần này, và số tiền bồi hoàn này không được vượt quá bốn trăm ngàn mỹ kim (\$400,000) mỗi đợt thanh tra.

(B) Giới hạn tối đa bốn trăm ngàn mỹ kim (\$400,000) cho một lần thanh tra phải được điều chỉnh hai năm một lần theo sự tăng hoặc giảm của lạm phát được tính toán dựa trên Chỉ Số Giá Tiêu Thụ đối với Tất Cả Người Tiêu Thụ Tại Thành Thị (CPI-U). Văn phòng của Thủ Quỹ phải tính toán và công khai các điều chỉnh theo yêu cầu của đoạn văn này.

42273. (a) Bất kể các bộ luật khác, chính quyền địa phương có thể yêu cầu tiền được tạo hoặc được thu chiếu theo các bộ luật địa phương về cấm phân phối tự do bất kỳ loại túi xách nào và cưỡng chế không bán bất kỳ loại túi xách nào, sẽ được nộp vào Quỹ Cải Thiện và Bảo Vệ Môi Trường và được sử dụng cho các mục đích nêu trong Đoạn 42272.

(b) Để thực hiện các mục đích của đoạn này, "luật địa phương" nghĩa là bất kỳ sắc lệnh, quy định, bộ luật hoặc thẩm quyền địa phương nào được thông qua, ban hành hoặc thực thi bởi các thành phố, quận, thành phố và quận, thành phố hiến chương, quận hiến chương, khu học chánh, khu đại học cộng đồng hoặc thực thể chính quyền địa phương hoặc vùng khác.

ĐOẠN 5. Cách Giải Thích Bao Quát.

Đạo luật này sẽ được diễn giải theo cách bao quát để thực hiện những mục đích của nó.

ĐOẠN 6. Dự Luật Mâu Thuẫn.

(a) Trong trường hợp dự luật này và (các) dự luật khác liên quan đến việc sử dụng tiền được tạo hoặc được thu bởi bất kỳ của hàng nào chiếu theo các bộ luật địa phương cấm phân phối tự do và cưỡng chế không bán bất kỳ loại túi xách nào xuất hiện trên cùng một lá phiếu bầu cử toàn tiểu bang, thì (các) dự luật khác đó sẽ được coi là mâu thuẫn với dự luật này. Trong trường hợp dự luật này nhận được nhiều phiếu thuận hơn, thì những điều khoản của dự luật này sẽ được ưu tiên trọn vẹn, và những điều khoản của (các) dự luật khác sẽ trở thành vô hiệu lực và không có tác dụng.

(b) Nếu dự luật này được cử tri phê chuẩn nhưng bị thay thế toàn bộ hoặc một phần theo luật bởi bất kỳ dự luật tiên khởi nào khác mâu thuẫn với dự luật này do cử tri phê chuẩn trong cùng cuộc bầu cử, và dự luật tiên khởi mâu thuẫn đó đó về sau bị kết luận là không hợp lệ, thì dự luật tiên khởi này sẽ tự thực thi và có trọn hiệu lực pháp lý.

ĐOẠN 7. Hiệu Lực Từng Phần.

Các điều khoản của đạo luật này có hiệu lực từng phần. Nếu có bất kỳ phần, đoạn, tiểu phần, đoạn văn, mệnh đề, câu, cụm từ, từ hoặc việc áp dụng đạo luật này do bất kỳ lý do nào, bị xem là không hợp lệ theo quyết định của tòa án có thẩm quyền, thì quyết định đó sẽ không có tác động đến tính hợp lệ của các phần còn lại của đạo luật này. Người dân Tiểu Bang California tại đây tuyên bố rằng họ đã thông qua đạo luật này và mỗi và từng phần, đoạn, tiểu phần, đoạn văn, mệnh đề, câu, cụm từ, từ hoặc việc áp dụng đạo luật này sẽ không bị coi là không hợp lệ hay vi hiến nếu có bất kỳ phần nào của đạo

luật này hay việc áp dụng phần đó của đạo luật này bị coi là không hợp lệ.

ĐOẠN 8. Biện Hộ Pháp Lý.

Nếu đạo luật này được cử tri Tiểu Bang California phê chuẩn và sau đó được đem ra tranh luận về tính pháp lý trước tòa do cáo buộc vi phạm luật liên bang, và cả Thống Đốc và Bộ Trưởng Tư Pháp để từ chối biện hộ cho đạo luật này, thì các hành động sau sẽ được tiến hành:

(a) Bất kể sự trái ngược với nội dung trong Chương 6 (bắt đầu từ Đoạn 12500), Mục 2, Phần 3, Tựa Đề 2 của Bộ Luật Chính Quyền hay bất cứ bộ luật nào khác, Bộ Trưởng Tư Pháp sẽ bổ nhiệm luật sư độc lập để biện hộ trung thực và mạnh mẽ cho đạo luật này thay cho toàn Tiểu Bang California.

(b) Trước khi bổ nhiệm hoặc sau đó, thay thế luật sư độc lập, Bộ Trưởng Tư Pháp phải thực hiện thẩm định trình độ của luật sư độc lập và có xác nhận bằng văn bản từ luật sư độc lập rằng họ sẽ biện hộ trung thực và mạnh mẽ cho đạo luật này. Xác nhận bằng văn bản phải được công khai theo yêu cầu.

(c) Sau đây, một khoản phân bổ liên tục từ Quỹ Tổng Quát sẽ được dành cho Kiểm Soát Viên, bất kể năm tài khóa nào, với số tiền cần thiết để chi trả các chi phí thuê mướn luật sư độc lập để biện hộ trung thực và mạnh mẽ cho đạo luật này thay cho Tiểu Bang California.

DỰ LUẬT 66

Dự luật tiên khởi này được đệ trình với người dân nhằm phù hợp với những điều khoản của Mục 8 Điều II của Hiến Pháp California.

Dự luật tiên khởi này tu chính và thêm một số mục vào Bộ Luật Chính Quyền và Bộ Luật Hình Sự; vì vậy, những điều khoản hiện hữu được đề nghị xóa bỏ được in bằng ~~kiểu chữ gạch giữa chữ~~ và những điều khoản mới được đề nghị thêm vào được in theo *kiểu chữ nghiêng* để cho biết đó là những điều khoản mới.

DỰ LUẬT ĐỀ NGHỊ

MỤC 1. Để tựa Ngắn.

Đạo luật này sẽ được gọi và có thể được trích dẫn là Đạo Luật Cải Cách Hình Phạt Tử Hình và Tiết kiệm năm 2016.

MỤC 2. Kết Luận và Công Bố.

1. Hệ thống hình phạt tử hình của California không hiệu quả do lãng phí, chậm trễ và không hiệu quả. Sửa đổi hệ thống sẽ giúp những người nộp thuế California tiết kiệm được hàng triệu đô la mỗi năm. Tiền lãng phí từ người nộp thuế sẽ được sử dụng tốt hơn cho công tác phòng chống tội phạm, giáo dục và các dịch vụ cho người già và người tàn tật.

2. Các nạn nhân của vụ giết người và gia đình của họ được hưởng công lý và chuẩn mực tố tụng (due process). Những kẻ giết đang chờ xử tử đã giết hơn 1,000 nạn nhân, bao gồm cả 229 trẻ em và 43 sĩ quan cảnh sát; 235 nạn nhân đã bị hãm hiếp và 90 nạn nhân đã bị tra tấn.

3. Gia đình của các nạn nhân của vụ giết người không cần phải chờ công lý trong nhiều thập kỷ. Những sự chậm trễ này lừa bịp các gia đình đang chờ công lý hơn nữa. Ví dụ, kẻ giết người hàng loạt Robert Rhoades, đã bắt cóc, hãm hiếp, tra tấn và sát hại Michael Lyons 8 tuổi và cũng hãm hiếp và sát hại Julie Connell học sinh trường trung học Bay Area, đã và đang ngồi chờ xử tử trong hơn 16 năm. Hàng trăm kẻ giết người đã ngồi chờ xử tử trong hơn 20 năm.

4. Vào năm 2012, Văn phòng của Phân tích viên Lập pháp đã phát hiện ra rằng việc giảm chỗ ở đặc biệt cho những kẻ giết người đang chờ xử tử sẽ tiết kiệm được hàng chục triệu đô la mỗi năm. Các khoản đầu tư này có thể được đầu tư vào trường học, thực thi pháp luật và các cộng đồng của chúng ta để giúp chúng ta an toàn hơn.

5. Những kẻ giết người đang chờ xử tử cần được yêu cầu làm việc trong nhà tù và trả tiền bồi thường cho gia đình của nạn nhân phù hợp với Tuyên ngôn Nhân quyền của Nạn nhân (Luật Marsy). Việc từ chối làm việc và trả bồi thường nên dẫn đến việc mất các đặc quyền đặc biệt.

6. Cải cách quy trình kháng cáo không hiệu quả hiện tại cho các vụ án phạt tử hình sẽ đảm bảo công bằng cho cả bị cáo và nạn nhân. Ngay bây giờ, các bị cáo tử hình chờ năm năm hoặc hơn để được chỉ định luật sư kháng cáo. Bằng cách nhanh chóng chỉ định luật sư, các khiếu nại của bị cáo sẽ được điều trần sớm hơn.

7. Không nên hạn chế khiếu nại thực sự vô tội của bị cáo, nhưng cần hạn chế các khiếu nại phù phiếm và không cần thiết. Các chiến thuật này đã lãng phí tiền thuế và trì hoãn công lý trong nhiều thập kỷ.

8. Cơ quan tiểu bang được cho là giải quyết nhanh việc xem xét các vụ án phạt tử hình lần thứ hai lại hoạt động mà không có bất kỳ giám sát hiệu quả, gây chậm trễ lâu ngày và lãng phí tiền thuế. Tòa Án Tối Cao California giám sát cơ quan nhà nước này sẽ đảm bảo trách nhiệm giải trình.

9. Các quy định quan liêu đã trì hoãn việc thi hành án tử hình một cách không cần thiết. Việc loại bỏ chỉ tiêu lãng phí vào những thách thức lặp đi lặp lại đối với những quy định này sẽ dẫn đến việc thực hiện công lý công bằng và hiệu quả.

10. Hiến pháp California cho nạn nhân của tội phạm quyền có công lý kịp thời. Một vụ tử hình có thể được cả tòa án tiểu bang và liên bang xem xét đầy đủ và công bằng trong vòng mười năm. Bằng cách thông qua các quy định và quy trình của tiểu bang, các nạn nhân sẽ nhận được công lý kịp thời và những người nộp thuế sẽ tiết kiệm được hàng trăm triệu đô la.

11. Khu Giam Tử Tù của California bao gồm những kẻ giết người hàng loạt, kẻ giết cảnh sát, kẻ giết trẻ em, kẻ giết người tập thể, và kẻ giết tội phạm hận thù. Hệ thống hình phạt tử hình bị phá vỡ nhưng có thể và cần được sửa lại. Sáng kiến này sẽ đảm bảo công lý cho cả nạn nhân và bị cáo, và sẽ tiết kiệm được hàng trăm triệu đô la tiền thuế.

MỤC 3. Mục 190.6 của Bộ Luật Hình Sự được tu chính như sau:

190.6. (a) Cơ Quan Lập Pháp thấy rằng bản án trong tất cả các vụ tử hình cần được nhanh chóng áp dụng.

(b) Do đó, trong mọi trường hợp mà án tử hình đã được áp dụng vào hoặc sau ngày 1 tháng Giêng năm 1997, tóm tắt phúc thẩm mở đầu trong kháng cáo lên Tòa Án Tối Cao của Tiểu Bang sẽ được nộp chậm nhất là bảy tháng sau khi có xác nhận hồ sơ hoàn tất theo tiểu mục (d) của Mục 190.8 hoặc biên nhận của luật sư của người kháng cáo về hồ sơ đã hoàn thiện, tùy theo thời điểm nào đến sau, trừ khi có lý do chính đáng. Tuy nhiên, trong các vụ án mà bản ghi phiên xét xử vượt quá 10,000 trang, bản tóm tắt sẽ được hoàn thành trong giới hạn thời gian và theo các thủ tục được đặt ra bởi các quy định của tòa án do Hội Đồng Tư Pháp thông qua.

(c) Trong mọi trường hợp mà án tử hình đã được áp dụng vào hoặc sau ngày 1 tháng Giêng năm 1997, mục tiêu của Cơ Quan Lập Pháp là kháng cáo

cần được quyết định và ý kiến có giá trị cần phải nộp trong 210 ngày sau khi hoàn thiện bản tóm tắt. Tuy nhiên, trường hợp điều trần kháng cáo và kiến nghị trát đòi bảo thân vào cùng thời điểm thì kiến nghị cần được quyết định và ý kiến có giá trị cần phải nộp trong 210 ngày sau khi hoàn thiện bản tóm tắt cho kiến nghị.

(d) *Quyền của các nạn nhân của tội phạm đối với kết luận nhanh chóng và cuối cùng, theo quy định tại đoạn (9) của tiểu mục (b) của Mục 28 Điều I của Hiến Pháp California, bao gồm quyền có phán quyết tử hình được thực hiện trong một thời gian hợp lý. Trong vòng 18 tháng kể từ ngày sáng kiến có hiệu lực, Hội Đồng Tư Pháp sẽ thông qua các quy tắc và tiêu chuẩn quản lý ban đầu được thiết kế nhằm đẩy nhanh quá trình xử lý các kháng cáo tử hình và quá trình xem xét bảo thân của tiểu bang. Trong vòng năm năm sau khi thông qua các quy tắc ban đầu hoặc ký phán quyết, tùy theo thời điểm nào đến sau, các tòa án tiểu bang sẽ hoàn thiện kháng cáo tiểu bang và xem xét bảo thân ban đầu của tiểu bang trong các vụ tử hình. Hội Đồng Tư Pháp sẽ liên tục theo dõi tính kịp thời của việc xem xét các vụ tử hình và sẽ tu chỉnh quy tắc và tiêu chuẩn nếu cần để hoàn thiện kháng cáo của tiểu bang và các thủ tục tố tụng bảo thân ban đầu của tiểu bang trong khoảng thời gian năm năm được quy định trong tiểu mục này.*

(đ) (e) Việc các bên hoặc Tòa Án Tối Cao không đáp ứng hoặc tuân thủ giới hạn thời gian theo quy định của mục này sẽ không là cơ sở để cấp biện pháp xử lý từ một phán quyết cáo buộc hoặc bản án tử hình của một tòa án để tuân thủ giới hạn thời gian trong tiểu mục (b) sẽ không ảnh hưởng đến tính hợp lệ của phán quyết hoặc yêu cầu bác bỏ một kháng cáo hoặc kiến nghị bảo thân. Nếu tòa án không tuân thủ mà không có lý do đặc biệt và thuyết phục biện minh cho sự chậm trễ, một trong hai bên hoặc bất kỳ nạn nhân của hành vi phạm tội có thể tìm kiếm biện pháp xử lý của kiến nghị đối với lệnh thi hành. Tòa án mà kiến nghị được nộp lên sẽ giải quyết kiến nghị trong vòng 60 ngày sau khi nộp. Đoạn (1) của tiểu mục (c) của Mục 28 của Điều I của Hiến Pháp California, về khả năng thực thi các quyền của nạn nhân, áp dụng cho tiểu mục này và tiểu mục (d).

MỤC 4. Đoạn 1227 của Bộ Luật Hình Sự được tu chỉnh như sau:

1227. (a) Nếu vì bất kỳ lý do nào khác ngoài việc chờ giải quyết kháng cáo theo tiểu mục (b) của Mục 1239 của bộ luật này, phán quyết tử hình chưa được thi hành, và vẫn còn có hiệu lực, tòa án đã đưa ra cáo buộc sẽ, bằng cách sử dụng công tố viên, hoặc có thể dựa trên bản kiến nghị riêng của mình, ra và khiến ra một lệnh chỉ định một ngày sau khi xác định một khoảng thời gian 10 ngày trong thời gian đó phán quyết sẽ được thực thi, phải dưới 30 ngày hoặc không quá 60 ngày kể từ thời điểm đưa ra lệnh đó, và ngay sau đó. Khoảng thời gian 10 ngày sẽ bắt đầu dưới 30 ngày sau khi có lệnh và sẽ kết thúc không muộn hơn 60 ngày sau khi có lệnh. Ngay sau khi có lệnh, một bản sao công chứng của lệnh đó, được viên lục sự chứng thực, có dấu của tòa án, sẽ, vì mục đích thi hành án, được chuyển phát qua thư bảo đảm cho cai tù của nhà tù tiểu bang đang giám sát bị cáo; miễn là nếu bị cáo nói chung, có thể được ban hành lệnh để nắm bắt, và sau khi hiểu được, bị cáo sẽ được đưa ra trước tòa, sau đó tòa án sẽ ra lệnh chỉ thị cai tù của nhà tù tiểu bang cho người mà cảnh sát trưởng được hướng dẫn mang bị cáo ra để thi hành án vào thời điểm quy định trong khoảng thời gian 10 ngày, mà sẽ không bắt đầu dưới 30 ngày hoặc không kết thúc quá 60 ngày kể từ thời điểm ra lệnh đó.

(b) Từ một lệnh cố định thời gian cho việc và chỉ thị thi hành phán quyết đó như được quy định ở đây, sẽ không có kháng cáo.

MỤC 5. Đoạn 1239.1 được thêm vào Bộ Luật Hình Sự, như sau:

1239.1. (a) *Đây là nghĩa vụ của Tòa Án Tối Cao trong một vụ tử hình nhằm đẩy nhanh quá trình xem xét vụ án. Tòa án sẽ chỉ định luật sư cho một người kháng cáo nghèo sớm nhất có thể. Tòa án sẽ chỉ cho phép gia hạn nộp bản tóm tắt vì các lý do bắt buộc hoặc đột xuất.*

(b) *Khi cần để giải quyết khối công việc tồn đọng đáng kể trong việc chỉ định luật sư cho các vụ tử hình, Tòa Án Tối Cao sẽ yêu cầu luật sư có đủ năng lực được chỉ định cho hầu hết các kháng cáo không tử hình nghiêm trọng nhất và luật sư đáp ứng năng lực cho các kháng cáo tử hình để nhận chỉ định trong các vụ tử hình là một điều kiện để được ở lại trong danh sách chỉ định của tòa án. "Khối công việc tồn đọng đáng kể" tồn tại cho mục đích này khi thời gian từ lúc ký phán quyết ở tòa sơ thẩm đến khi chỉ định luật sư cho việc kháng cáo vượt quá 6 tháng so với khoảng thời gian 12 tháng liên tiếp.*

MỤC 6. Đoạn 1509 được thêm vào Bộ Luật Hình Sự, như sau:

1509. (a) *Mục này áp dụng cho bất kỳ kiến nghị trát đòi bảo thân do một người đang bị giam giữ nộp theo phán quyết tử hình. Một trát đòi bảo thân theo mục này là thủ tục độc quyền cho khiếu nại trong một phán quyết tử hình. Một kiến nghị nộp tại bất kỳ tòa án nào khác ngoài tòa án áp dụng bản án cần được nhanh chóng chuyển lên tòa án đó trừ khi trình bày được lý do chính đáng để kiến nghị được một tòa án khác điều trần. Một kiến nghị nộp tại hoặc được chuyển cho tòa án áp dụng bản án sẽ được giao cho thẩm phán xét xử ban đầu trừ khi thẩm phán không có mặt hoặc có lý do chính đáng khác khi giao vụ án cho một thẩm phán khác.*

(b) *Sau khi ký vào phán quyết tử hình ở tòa sơ thẩm, tòa án đó sẽ cung cấp luật sư cho tù nhân theo quy định tại Mục 68662 của Bộ Luật Chính Phủ.*

(c) *Trừ khi được quy định tại tiểu mục (d) và (g), cần phải nộp kiến nghị ban đầu trong vòng một năm sau khi có lệnh tòa theo Mục 68662 của Bộ Luật Chính Phủ.*

(d) *Một kiến nghị ban đầu không kịp thời theo tiểu mục (c) hoặc một kiến nghị liên tiếp được nộp bất cứ khi nào sẽ bị bác bỏ trừ khi tòa án thấy rằng bị cáo thực sự vô tội trước tội mà bị cáo bị kết án hoặc không đủ điều kiện bị kết án, khi tất cả bằng chứng sẵn có chiếm ưu thế, dù có được thừa nhận trước phiên xét xử hay không. Việc hoãn thi hành án sẽ không được cho phép vì mục đích xem xét một kiến nghị liên tiếp hoặc không kịp thời trừ khi tòa án thấy rằng nguyên đơn có khiếu nại có giá trị về việc vô tội hoặc không đủ điều kiện. "Không đủ điều kiện nhận án tử hình" có nghĩa là tình huống tồn tại khiến bản án đó nằm ngoài phạm vi quyền tự ý định đoạt của người kết án. Các khiếu nại không đủ điều kiện bao gồm một khiếu nại mà không có tình huống đặc biệt trong tiểu mục (a) của Mục 190.2 là sự thật, một khiếu nại mà bị cáo dưới 18 tuổi vào thời điểm phạm tội, hoặc một khiếu nại mà bị cáo bị khuyết tật trí tuệ, như được định nghĩa trong Mục 1376. Một khiếu nại liên quan đến quyết định kết án theo Mục 190.3 không phải là một khiếu nại vô tội hoặc không đủ điều kiện vì mục đích của mục này.*

(e) *Một nguyên đơn khiếu nại vô tội hoặc không đủ điều kiện theo tiểu mục (d) sẽ tiết lộ toàn bộ thông tin trong tài liệu liên quan đến tội hoặc tình đủ điều kiện thuộc sở hữu của nguyên đơn hoặc luật sư hiện tại hoặc trước đây bào chữa cho nguyên đơn. Nếu nguyên đơn cố tình không tiết lộ theo yêu cầu của tiểu mục này và ủy quyền cho luật sư tiết lộ, kiến nghị có thể bị bác bỏ.*

(f) *Các thủ tục tố tụng theo mục này sẽ được thực hiện nhanh nhất có thể, phù hợp với một xét xử công bằng. Tòa án tối cao sẽ giải quyết kiến nghị ban đầu*

trong vòng một năm sau khi nộp trừ khi tòa án thấy rằng sự chậm trễ là cần thiết để giải quyết khiếu nại có giá trị về việc vô tội nhưng trong mọi trường hợp, tòa án sẽ không được giải quyết kiến nghị kéo dài hơn hai năm. Khi đưa ra quyết định về một kiến nghị ban đầu, tòa án sẽ ra tuyên bố về quyết định giải thích cơ sở thực tế và pháp lý cho quyết định của mình.

(g) Nếu một kiến nghị bảo thân đang chờ giải quyết vào ngày có hiệu lực của mục này, tòa án có thể chuyển kiến nghị lên tòa án áp dụng bản án. Trong trường hợp áp dụng phán quyết từ hình trước ngày có hiệu lực của mục này, nhưng chưa có kiến nghị bảo thân nào được nộp trước ngày có hiệu lực của mục này, nếu không kiến nghị mà sẽ bị cấm theo tiểu mục (c) có thể được nộp trong vòng một năm sau ngày có hiệu lực của mục này hoặc trong thời gian cho phép theo luật trước đây, tùy theo thời điểm nào đến trước.

MỤC 7. Mục 1509.1 được thêm vào Bộ Luật Hình Sự, như sau:

1509.1. (a) Một bên có thể kháng cáo quyết định của tòa án tối cao về kiến nghị ban đầu theo Mục 1509 lên tòa phúc thẩm. Một kháng cáo sẽ được thực hiện bằng cách nộp thông báo kháng cáo lên tòa án tối cao trong vòng 30 ngày sau khi có quyết định của tòa án cho phép hoặc từ chối kiến nghị bảo thân. Một kiến nghị liên tiếp sẽ không được sử dụng làm biện pháp xem xét việc từ chối biện pháp xử lý bảo thân.

(b) Các vấn đề được xem xét trên kháng cáo theo tiểu mục (a) sẽ bị giới hạn đối với các khiếu nại được đưa lên tòa án tối cao, trừ trường hợp tòa phúc thẩm cũng có thể xem xét khiếu nại về sự hỗ trợ không hiệu quả của luật sư trong phiên xét xử nếu việc luật sư bảo thân không trình bày khiếu nại đó lên tòa án tối cao đã cấu thành hỗ trợ không hiệu quả. Tòa phúc thẩm có thể, nếu cần thêm các phát hiện sự thật bổ sung, đưa lên tòa án tối cao một lệnh tạm giam để xem xét khiếu nại.

(c) Mọi người có thể kháng cáo quyết định của tòa án tối cao cho phép biện pháp xử lý đối với một kiến nghị liên tiếp. Nguyên đơn có thể kháng cáo quyết định của tòa án tối cao từ chối biện pháp xử lý đối với một kiến nghị liên tiếp chỉ khi tòa án tối cao hoặc tòa phúc thẩm cấp giấy chứng nhận về khả năng có thể kháng cáo. Giấy chứng nhận về khả năng có thể kháng cáo có thể ban hành theo tiểu mục này chỉ khi nguyên đơn đã trình bày cả khiếu nại có giá trị đối với biện pháp xử lý, mà sẽ được nêu trong giấy chứng nhận, và một khiếu nại có giá trị đã đáp ứng các yêu cầu của tiểu mục (d) của Mục 1509. Một kháng cáo theo tiểu mục này sẽ được thực hiện bằng cách nộp thông báo kháng cáo lên tòa án tối cao trong vòng 30 ngày kể từ khi có quyết định của tòa án. Tòa án tối cao sẽ cấp hoặc từ chối giấy chứng nhận về khả năng có thể kháng cáo đồng thời cùng quyết định từ chối biện pháp xử lý kiến nghị. Tòa phúc thẩm sẽ cho phép hoặc từ chối để nghị xin cấp giấy chứng nhận về khả năng có thể kháng cáo trong vòng 10 ngày kể từ khi nộp đơn xin cấp giấy chứng nhận. Thẩm quyền của tòa phúc thẩm được giới hạn trong các khiếu nại đã xác định trong giấy chứng nhận và bất kỳ khiếu nại bổ sung mà tòa phúc thẩm bổ sung trong vòng 60 ngày kể từ ngày ra thông báo kháng cáo. Một kháng cáo theo tiểu mục này sẽ được ưu tiên hơn tất cả các vấn đề khác và được quyết định nhanh nhất có thể.

MỤC 8. Mục 2700.1 được thêm vào Bộ Luật Hình Sự, như sau:

2700.1. Mục 2700 áp dụng đối với các tù nhân bị kết án tử hình, trừ khi có quy định khác trong mục này.

Mỗi người bị kết tội giết người, bị kết án tử hình, và bị Sở Cải Huấn và Phục Hồi giam giữ theo các Mục 3600 đến 3602 sẽ được yêu cầu làm việc nhiều giờ lao động trung thành mỗi ngày người đó bị giam giữ như được quy định trong các

quy tắc và quy định của sở.

Các chương trình giáo dục thể chất và thể lực sẽ không đủ điều kiện hoạt động vì mục đích của mục này. Sở Cải Huấn và Phục Hồi có thể thu hồi các đặc quyền của bất kỳ tù nhân bị kết án tử hình làm việc theo yêu cầu của mục này.

Trong bất kỳ trường hợp trong đó tù nhân bị kết án nợ tiền bồi thường hoặc lệnh bồi thường, Bí Thư của Sở Cải Huấn và Phục Hồi sẽ trích 70 phần trăm số tiền nợ, tùy theo số tiền nào ít hơn, từ tiền lương của tù nhân bị kết án và tiền gửi tài khoản ủy thác, bất kể nguồn thu nhập, và sẽ chuyển các số tiền đó cho Ban Khiếu Nại Chính Phủ và Bồi Thường Nạn Nhân California theo các quy tắc và quy định của Sở Cải Huấn và Phục Hồi, theo Mục 2085.5 và 2717.8.

MỤC 9. Mục 3600 của Bộ Luật Hình Sự được tu chính như sau:

3600. (a) Mỗi người đàn ông mà phán quyết tử hình đã áp dụng, sẽ được giao cho cai tù của nhà tù tiểu bang California theo chỉ định của sở để thi hành hình phạt tử hình, được giam giữ ở đó cho đến khi thi hành án, trừ khi được quy định trong tiểu mục (b). Tù nhân sẽ được giam giữ ở nhà tù California cho đến khi thi hành án. Sở có thể chuyển tù nhân sang một nhà tù khác mà tòa thấy cung cấp đủ mức an ninh đối với tù nhân đó. Tù nhân sẽ được trả về nhà tù được chỉ định cho việc thi hành án tử hình sau khi đã thiết lập được ngày thi hành.

(b) Bất kể bất kỳ quy định nào khác của pháp luật:

(1) Một tù nhân bị kết án ai, khi ở trong tù, phạm bất kỳ một tội nào sau đây, hoặc những người, là một thành viên của băng đảng hoặc nhóm gây rối, ra lệnh cho những người khác thực hiện bất kỳ hành vi phạm tội, có thể, sau lệnh trừng phạt kỷ luật và hành động phân loại tại Nhà Tù Tiểu Bang San Quentin, theo quy định do Sở Cải Huấn thiết lập, được giam ở nơi giam tù nhân bị kết án an toàn theo chỉ định của Giám Đốc Sở Cải Huấn, tại Nhà Tù Tiểu Bang California, Sacramento:

(A) Tội giết người.

(B) Hành hung có vũ khí hoặc bạo lực có khả năng gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

(C) Chạy trốn bằng vũ lực hoặc cố tình chạy trốn bằng vũ lực.

(D) Nhiều lần vi phạm quy định nghiêm trọng đe dọa đáng kể đến sự an toàn hoặc an ninh.

(2) Nơi giam tù nhân bị kết án tại Nhà Tù Tiểu Bang California, Sacramento, sẽ hoạt động đầy đủ trước khi chuyển bất kỳ tù nhân bị kết án.

(3) Các đề cương đào tạo chuyên môn để giám sát tù nhân bị kết án sẽ được cung cấp cho cán bộ và giám sát viên trực tiếp tại Nhà Tù Tiểu Bang California, Sacramento, là người này sẽ thường xuyên giám sát tù nhân bị kết án.

(4) Một tù nhân có các nhu cầu sức khỏe y tế hoặc tâm thần rất dễ gây nguy hiểm cho các tù nhân hoặc những người khác, theo các quy định do Sở Cải Huấn thiết lập, được giữ ở Cơ Sở Y Tế California hoặc tổ chức thích hợp khác để điều trị y tế hoặc tâm thần. Tù nhân sẽ được đưa về tổ chức từ nơi tù nhân được chuyển đến khi căn bệnh đã được điều trị đầy đủ hoặc thuyên giảm.

(c) Khi bị giam giữ theo tiểu mục (b), sẽ áp dụng như sau:

(1) Những thủ tục địa phương liên quan đến các đặc quyền và thủ tục phân loại cấp cho các tù nhân bị kết án Hạng B ở Nhà Tù San Quentin sẽ bị giam ở Nhà Tù Tiểu Bang California, Sacramento, đối với các tù nhân bị kết án bị

giam theo đoạn (1) của tiểu mục (b) của Mục 3600. Các thủ tục phân loại đó bao gồm cả quyền xem xét phân loại không dưới mỗi 90 ngày và cơ hội kiến nghị trở lại Nhà Tù Tiểu Bang San-Quentin.

(2) Các thủ tục tiếp cận luật sư-khách hàng tương tự dành cho tù nhân bị kết án bị giam ở Nhà Tù Tiểu Bang San-Quentin sẽ được dành cho các tù nhân bị kết án bị giam ở nơi giam tù nhân bị kết án an toàn theo chỉ định của Giám Đốc Sở Cải Huấn, tại Nhà Tù Tiểu Bang California, Sacramento. Việc tiếp cận luật sư-khách hàng cho các tù nhân bị kết án bị giam ở một tổ chức để điều trị sức khỏe y tế hoặc tâm thần phải phù hợp với các thủ thuật thăm khám và các phác đồ điều trị phù hợp của tổ chức.

(3) Một tù nhân bị kết án được giam ở nơi giam tù nhân bị kết án an toàn theo tiểu mục (b) sẽ được trả về Nhà Tù Tiểu Bang San-Quentin ít nhất 60 ngày trước ngày thi hành án dự kiến của tù nhân đó.

(4) Không được giam lại quá 15 tù nhân bị kết án theo đoạn (1) của tiểu mục (b).

(d) Trước khi chuyển đổi khu giam tù nhân bị kết án bất kỳ từ Nhà Tù Tiểu Bang San-Quentin, dù được đề xuất thông qua pháp luật hay bất kỳ biện pháp nào khác, tất cả cơ sở giam có an ninh tối đa Cấp độ IV, 180 độ có vành đai điện sẽ được Sở Cải Huấn đánh giá xem có phù hợp làm nơi giam an toàn và hành quyết các tù nhân bị kết án.

MỤC 10. Mục 3604 của Bộ Luật Hình Sự được tu chính như sau:

3604. (a) Phạt tử hình sẽ được thực hiện bằng cách dùng khí độc hoặc bằng cách tiêm một chất hoặc các chất ở lượng đủ để gây chết người, theo các tiêu chuẩn được thiết lập dưới sự chỉ đạo của Sở Cải Huấn và Phục Hồi.

(b) Những người bị kết án tử hình trước hoặc sau ngày có hiệu lực của tiểu mục này sẽ có cơ hội chọn chịu phạt bằng cách áp dụng khí độc hoặc tiêm thuốc độc. Lựa chọn này sẽ được thực hiện bằng văn bản và sẽ được trình lên cai tù theo các quy định do Sở Cải Huấn và Phục Hồi thiết lập. Nếu một người đang phải chịu án tử hình không chọn khí độc hoặc tiêm thuốc độc trong vòng 10 ngày sau khi cai tù phụ trách tù nhân có lệnh thi hành án đã cấp sau ngày có hiệu lực của tiểu mục này, hình phạt tử hình sẽ được áp dụng bằng cách tiêm thuốc độc.

(c) Trường hợp người bị kết án tử hình không được thi hành vào ngày quy định thi hành thì sau đó một ngày thi hành mới được đặt ra, tù nhân sẽ lại có cơ hội chọn chịu phạt bằng cách áp dụng khí độc hoặc tiêm thuốc độc, theo các thủ tục được quy định tại tiểu mục (b).

(d) Bất kể tiểu mục (b), nếu một cách thức thi hành được mô tả trong tiểu mục (a) không hợp lệ thì phạt tử hình sẽ được áp dụng theo các biện pháp thay thế được quy định tại tiểu mục (a).

(e) Sở Cải Huấn và Phục Hồi hoặc bất kỳ cơ quan kế nhiệm có nhiệm vụ thi hành án tử hình sẽ luôn luôn duy trì khả năng thi hành các bản án đó.

MỤC 11. Mục 3604.1 được thêm vào Bộ Luật Hình Sự, như sau:

3604.1. (a) Đạo Luật Tổ Tụng Hành Chính sẽ không áp dụng cho các tiêu chuẩn, quy trình/thủ tục hoặc quy định được ban hành theo Mục 3604. Sở sẽ khiến các tiêu chuẩn được thông qua theo tiểu mục (a) của mục có sẵn cho công chúng và tù nhân bị kết án tử hình. Sở sẽ nhanh chóng thông báo cho Bộ trưởng Tư Pháp, Văn Phòng Bảo Vệ Công Chúng của Tiểu Bang, và luật sư về bất kỳ tù nhân nào đã được thiết lập ngày thi hành hoặc người có bản kiến nghị thiết lập ngày thi hành đang chờ bất kỳ việc thông qua hoặc tu chính tiêu

chuẩn. Việc không tuân thủ tiểu mục này không là cơ sở để hoãn thi hành án hoặc hoãn thi chống lại việc thực hiện thi hành án trừ khi việc không tuân thủ thực sự đã có định kiến về khả năng thách thức tiêu chuẩn của tù nhân, và trong trường hợp đó sẽ được giới hạn hoãn thi hành tối đa 10 ngày.

(b) Bất kể tiểu mục (a) của Mục 3604, việc thi hành bằng cách tiêm thuốc độc có thể được thực hiện bằng cách tiêm ngoài tĩnh mạch nếu cai tù xác định rằng tình trạng của tù nhân khiến việc tiêm tĩnh mạch không thực tế.

(c) Tòa án đã ra phán quyết tử hình có thẩm quyền duy nhất để điều trần bất kỳ khiếu nại của tù nhân bị kết án mà biện pháp thi hành không hợp hiến hay nói cách khác là không hợp lệ. Một khiếu nại như thế sẽ bị bác bỏ nếu tòa án thấy việc trình bày khiếu nại bị chậm trễ mà không có lý do chính đáng. Nếu phát hiện thấy biện pháp không hợp lệ, tòa án sẽ ra lệnh sử dụng một biện pháp thi hành hợp lệ. Nếu việc sử dụng biện pháp thi hành bị tòa án liên bang cấm, Sở Cải Huấn và Phục Hồi sẽ thông qua một biện pháp phù hợp với các yêu cầu liên bang mà tòa án đó phát hiện thấy trong vòng 90 ngày. Nếu sở không thực hiện bất kỳ nhiệm vụ cần thiết để cho phép sở thi hành bản án, tòa án đã ra phán quyết tử hình sẽ lệnh cho sở thực hiện nhiệm vụ đó trên bản kiến nghị riêng, trên bản kiến nghị của Công Tố Viên hoặc Bộ Trưởng Tư Pháp, hoặc trên bản kiến nghị của bất kỳ nạn nhân của tội phạm như được định nghĩa ở tiểu mục (e) của Mục 28 Điều I của Hiến Pháp California.

MỤC 12. Mục 3604.3 được thêm vào Bộ Luật Hình Sự, như sau:

3604.3. (a) Một bác sĩ có thể tham gia thi hành án vì mục đích tuyên án tử hình và có thể đưa ra lời khuyên cho sở vì mục đích xây dựng để cương thi hành án nhằm giảm thiểu nguy cơ gây đau đớn cho tù nhân.

(b) Việc mua thuốc, các vật tư y tế hoặc thiết bị y tế cần thiết để tiến hành việc thi hành án sẽ không phải tuân theo các quy định của Chương 9 (bắt đầu với Mục 4000) của Đoạn 2 trong Bộ Luật Kinh Doanh và Nghề Nghiệp và bất kỳ được sĩ, hoặc nhà cung cấp, người pha chế, hoặc nhà sản xuất được phẩm được phép pha chế thuốc và vật tư cho bí thư hoặc người được ủy quyền của bí thư, mà không có kê đơn, để thực hiện các quy định của chương này.

(c) Không có ban, sở, ủy ban cấp giấy phép, hoặc cơ quan kiểm định giám sát hoặc quy định thực hành chăm sóc sức khỏe hoặc chứng nhận hoặc cấp phép cho các chuyên gia chăm sóc sức khỏe có thể từ chối hoặc thu hồi giấy phép hoặc chứng nhận, kiểm duyệt, khiển trách, đình chỉ, hoặc có hành động kỷ luật khác chống lại bất kỳ chuyên gia chăm sóc sức khỏe được cấp phép vì bất kỳ hành động được phép theo mục này.

MỤC 13. Mục 68660.5 được thêm vào Bộ Luật Chính Quyền, như sau:

68660.5. Mục đích của chương này là xác định Tiểu Bang California có đủ điều kiện để xử lý các kiến nghị bảo thân liên bang theo Chương 154 của Tựa Đề 28 của Bộ Luật Hoa Kỳ, để đẩy nhanh việc hoàn thiện các thủ tục tố tụng bảo thân của tiểu bang trong các vụ tử hình, và cung cấp đại diện chất lượng trong luật bảo thân của tiểu bang cho các tù nhân bị kết án tử hình. Chương này sẽ được diễn giải và quản lý phù hợp với những mục đích đó.

MỤC 14. Mục 68661 của Bộ Luật Hình Sự được tu chính như sau:

68661. Do đó, Trung Tâm Tài Nguyên Bảo Thân California được tạo ra sẽ có tất cả quyền và nghĩa vụ chung sau đây:

(a) Để thuê tối đa 34 luật sư có thể được Tòa Án Tối Cao chỉ định theo Mục 68662 để đại diện cho bất kỳ người nào bị cáo buộc và kết án tử hình ở tiểu bang này mà không có luật sư, và người được tòa án có thẩm quyền quyết

định là nghèo khó, vì mục đích tiến hành và truy tố các hành động sau cáo buộc các kiến nghị bảo thân ở tòa án tiểu bang và liên bang, thách thức tính hợp pháp của phán quyết hoặc bản án được áp dụng chống lại người đó, tùy theo các giới hạn trong Mục 68661.1, và chuẩn bị các kiến nghị xin khoan hồng do hạnh kiểm tốt. Một Bất kỳ chỉ định nào như thế có thể cùng lúc với việc chỉ định Văn Phòng Bảo Vệ Công Chúng của Tiểu Bang hoặc luật sư khác vì các mục đích kháng cáo trực tiếp theo Mục 11 của Điều VI của Hiến Pháp California.

(b) Để tìm kiếm bồi hoàn cho việc đại diện và các chi phí theo Mục 3006A của Tựa Đề 18 của Bộ Luật Hoa Kỳ khi cung cấp đại diện cho những người nghèo khó ở các tòa án liên bang và xử lý các khoản thanh toán đó qua Quỹ Ủy Thác Liên Bang.

(c) Để làm việc với Tòa Án Tối Cao các tòa án khi tuyển các thành viên của đoàn luật sư tư nhân phải chấp nhận chỉ định cho các vụ án bảo thân phạt tử hình.

(d) Để thiết lập và định kỳ cập nhật để xuất các luật sư cho Tòa Án Tối Cao để đưa vào danh sách các luật sư đủ năng lực làm luật sư trong các thủ tục tố tụng sau cáo buộc bảo thân trong các vụ án tử hình, miễn là quyết định cuối cùng là liệu có đưa một luật sư vào danh sách sẽ do Tòa Án Tối Cao đưa ra chứ không giao cho trung tâm.

(e) Để thiết lập và định kỳ cập nhật danh sách các điều tra viên và chuyên gia có kinh nghiệm đủ năng lực để hỗ trợ luật sư trong các thủ tục tố tụng sau cáo buộc bảo thân trong các vụ án tử hình.

(f) Để thuê các điều tra viên và chuyên gia làm nhân viên để cung cấp dịch vụ cho luật sư được chỉ định theo yêu cầu của luật sư, miễn là khi việc cung cấp các dịch vụ đó cho luật sư tư nhân theo chỉ định của Tòa Án Tối Cao, các dịch vụ đó sẽ phải tuân theo hợp đồng giữa luật sư được chỉ định và trung tâm.

(g) Để cung cấp tư vấn pháp lý và tư vấn khác hoặc, trong chừng mực không có sẵn tư vấn khác, bất kỳ hỗ trợ nào khác cho luật sư được chỉ định trong các thủ tục tố tụng sau cáo buộc bảo thân nếu phù hợp khi không bị luật pháp cấm.

(h) Để xây dựng ngân hàng tóm tắt hồ sơ của các biên bản bào chữa và các tài liệu liên quan về các vấn đề quan trọng, định kỳ phát sinh trong các thủ tục tố tụng sau cáo buộc bảo thân trong các vụ án tử hình và để khiến các bản tóm tắt hồ sơ đó có sẵn cho luật sư được chỉ định.

(i) Để đánh giá các vụ án và đề nghị tòa án chỉ định luật sư phù hợp.

(j) Để cung cấp hỗ trợ và theo dõi tiến độ dự án nếu cần.

(k) Để kịp thời xem xét các hóa đơn vụ án và đề nghị các thành viên của đoàn luật sư tư nhân ra tòa.

(l) Hàng năm trung tâm sẽ báo cáo cho người dân, Cơ Quan Lập Pháp, Thống Đốc, và Tòa Án Tối Cao về tình trạng chỉ định luật sư cho những người nghèo khó trong các vụ án tử hình sau cáo buộc bảo thân, và về các hoạt động của trung tâm. Vào hoặc trước ngày 1 tháng Giêng, năm 2000, Văn phòng của Phân tích viên Lập pháp sẽ đánh giá các báo cáo sẵn có. Báo cáo sẽ liệt kê tất cả các vụ án mà trung tâm sẽ cung cấp đại diện. Đối với mỗi vụ án đã và đang chờ giải quyết hơn một năm ở bất kỳ tòa án, báo cáo sẽ nêu lý do gây chậm trễ và các hành động mà trung tâm đang thực hiện để kết thúc vụ án.

MỤC 15. Mục 68661.1 được thêm vào Bộ Luật Chính Quyền, như sau:

68661.1. (a) Trung tâm có thể đại diện cho một người bị kết án tử hình trên kiến nghị bảo thân liên bang khi và chỉ khi (1) the trung tâm được chỉ định để đại diện cho người đó theo luật bảo thân của tiểu bang, (2) trung tâm được tòa án liên bang chỉ định cho mục đích đó, và (3) giám đốc điều hành xác định rằng tiền bồi thường từ tòa án liên bang sẽ bao gồm đầy đủ chi phí đại diện. Trung tâm hoặc bất kỳ người nào hoặc tổ chức nào khác nhận được quỹ của tiểu bang sẽ chi quỹ của tiểu bang ở tòa án liên bang để chống lại bất kỳ phán quyết của tòa án California về một vụ án tử hình, ngoài việc xem xét ở Tòa Án Tối Cao theo Mục 1257 của Tựa Đề 28 của Bộ Luật Hoa Kỳ.

(b) Trung tâm không được ủy quyền đại diện cho bất kỳ người nào trong bất kỳ hành động nào khác ngoài bảo thân mà cấu thành khiếu nại đối với phán quyết hoặc tìm cách trì hoãn hoặc ngăn cản việc thi hành án. Trung tâm sẽ không tham gia vào bất kỳ vụ kiện tụng khác hoặc sử dụng quỹ dưới bất kỳ hình thức vận động nào khác ngoài những gì đã được ủy quyền rõ ràng theo mục này hoặc Mục 68661.

MỤC 16. Mục 68662 của Bộ Luật Hình Sự được tu chính như sau:

68662. Tòa Án Tối Cao Tòa án tối cao đã áp dụng bản án sẽ đề nghị chỉ định luật sư để đại diện cho tất cả một tù nhân tù nhân của tiểu bang theo một bản án tử hình cho các mục đích tố tụng sau cáo buộc của tiểu bang, và sẽ ra lệnh có một trong các nội dung sau:

(a) Chỉ định một hoặc nhiều luật sư để đại diện cho tù nhân trong các thủ tục tố tụng sau cáo buộc của tiểu bang theo Mục 1509 của Bộ Luật Hình Sự sau khi phát hiện thấy người đó nghèo khó và đã chấp nhận đề nghị chỉ định luật sư hoặc không thể có chuyên môn quyết định liệu có chấp nhận hay từ chối lời đề nghị đó.

(b) Một phát hiện, sau một phiên điều trần nếu cần, rằng tù nhân đã từ chối đề nghị chỉ định luật sư và đã đưa ra quyết định đó với sự hiểu biết đầy đủ về hậu quả pháp lý của quyết định.

(c) Từ chối chỉ định luật sư khi phát hiện ra người đó không nghèo khó.

MỤC 17. Mục 68664 của Bộ Luật Hình Sự được tu chính như sau:

68664. (a) Trung tâm sẽ do một giám đốc điều hành quản lý, người này sẽ chịu trách nhiệm đối với các hoạt động hàng ngày của trung tâm.

(b) Giám đốc điều hành sẽ do ban giám đốc gồm năm thành viên chọn và Thượng Nghị Viện xác nhận. Mỗi Dự Án Phúc Thăm sẽ chỉ định một thành viên của ban, tất cả đều là luật sư. Tuy nhiên, không có luật sư được thẩm phán, công tố viên thuê, hoặc xét về năng lực thi hành luật sẽ đủ điều kiện để phục vụ ban Tòa Án Tối Cao. Giám đốc điều hành sẽ làm việc theo ý định của ban Tòa Án Tối Cao.

(c) Mỗi thành viên của ban sẽ được chỉ định để phục vụ một nhiệm kỳ bốn năm, và các vị trí trống sẽ được tuyển dụng theo cách thức giống như chỉ định ban đầu. Các thành viên của ban sẽ không nhận tiền bồi thường, nhưng sẽ được bồi hoàn cho tất cả các chi phí hợp lý và cần thiết liên quan đến nhiệm vụ của mình. Các thành viên đầu tiên của ban sẽ được chỉ định không muộn hơn ngày 1 tháng Hai, năm 1998. Giám đốc điều hành sẽ đảm bảo rằng tất cả các vấn đề mà trung tâm cung cấp đại diện được hoàn thành nhanh nhất có thể phù hợp với đại diện hiệu quả.

(d) Giám đốc điều hành sẽ đáp ứng năng lực chỉ định của Văn Phòng Bảo Vệ Công Chúng của Tiểu Bang như được quy định trong Mục 15400.

(e) Giám đốc điều hành sẽ nhận tiền lương mà sẽ được quy định cho giám

độc điều hành Văn Phòng Bảo Vệ Công Chúng của Tiểu Bang ở Chương 6 (bắt đầu với Mục 11550) của Phần 1 Đoạn 3 của Tựa Đề 2. *Tất cả các luật sư khác được trung tâm thuê sẽ được bồi bồi thường ở mức độ tương tự như vị trí tương đương trong Văn Phòng Bảo Vệ Công Chúng của Tiểu Bang.*

MỤC 18. Mục 68665 của Bộ Luật Hình Sự được tu chính như sau:

68665. (a) Hội Đồng Tư Pháp và Tòa Án Tối Cao sẽ thông qua, theo quy định của tòa án, các tiêu chuẩn năng lực ràng buộc và bắt buộc cho việc chỉ định luật sư trong các kháng cáo trực tiếp liên quan đến hình phạt tử hình và các thủ tục tố tụng bảo thân, và họ sẽ đánh giá lại các tiêu chuẩn nếu cần để đảm bảo rằng họ đáp ứng các tiêu chí trong tiểu mục (b).

(b) Khi thiết lập và đánh giá lại các tiêu chuẩn, Hội Đồng Tư Pháp và Tòa Án Tối Cao sẽ xem xét năng lực cần thiết để đạt được đại diện có năng lực, nhu cầu tránh nhóm luật sư trực sẵn không thích đáng để cung cấp chỉ định kịp thời, và các tiêu chuẩn cần thiết để đủ điều kiện cho Chương 154 của Tựa Đề 28 của Bộ Luật Hoa Kỳ. Các yêu cầu kinh nghiệm sẽ không bị giới hạn ở kinh nghiệm bảo chữa.

MỤC 19. Ngày Hiệu Lực. Trừ khi có quy định cụ thể hơn trong đạo luật này, tất cả các mục của đạo luật này có hiệu lực ngay sau khi ban hành và áp dụng cho tất cả các thủ tục tố tụng được tiến hành vào ngày hoặc sau ngày có hiệu lực.

MỤC 20. Tu chính. Các quy định pháp lý của đạo luật này sẽ không được Cơ Quan Lập Pháp tu chính, ngoại trừ theo một đạo luật được thông qua trong cuộc biểu quyết điểm danh ở từng nhà được đăng trên tạp chí, ba phần tư số thành viên của mỗi nhà đồng tình, hoặc theo một đạo luật chỉ có hiệu lực khi được các cử tri chấp thuận.

MỤC 21. Hiệu Lực Từng Phần/Các Dự Luật Xung Đột/Khoảng Thời Gian Tồn Tại.

Nếu bất kỳ quy định của đạo luật này, hoặc bất kỳ phần nào của bất kỳ quy định, hoặc việc áp dụng quy định cho bất kỳ người hoặc tình huống vì bất kỳ lý do không hợp lệ hoặc không hợp hiến, các quy định và áp dụng còn lại mà có thể có hiệu lực mà không có quy định không hợp lệ hoặc không hợp hiến sẽ không bị ảnh hưởng nhưng sẽ vẫn có đầy đủ hiệu lực, và cuối cùng các quy định của đạo luật này có hiệu lực từng phần.

Dự luật này dự kiến sẽ toàn diện. Ý định của người dân là trong trường hợp dự luật này hoặc các dự luật liên quan đến chủ đề phạt tử hình sẽ xuất hiện trên cùng một lá phiếu bầu của toàn tiểu bang, thì những điều khoản của một dự luật hay nhiều dự luật khác sẽ được xem như là mâu thuẫn với dự luật này. Trong trường hợp dự luật này nhận được nhiều phiếu thuận hơn, thì những điều khoản của dự luật này sẽ được ưu tiên trọn vẹn, và tất cả điều khoản của dự luật hoặc các dự luật khác sẽ trở thành vô hiệu lực và không có tác dụng.

Người dân của tiểu bang California xác nhận rằng người đề xuất đạo luật này có lợi ích trực tiếp và cá nhân khi bảo vệ đạo luật này và ủy quyền chính thức cho người đề xuất bảo vệ đạo luật này trong bất kỳ tố tụng pháp lý, bằng cách can thiệp vào tố tụng pháp lý như thế, hoặc bằng cách bảo vệ đạo luật thay mặt cho người dân và tiểu bang trong trường hợp tiểu bang từ chối bảo vệ hoặc từ chối kháng cáo một phán quyết bất lợi chống lại đạo luật. Trong trường hợp người đề xuất đang bảo vệ đạo luật này trong một tố tụng pháp lý vì tiểu bang đã từ chối bảo vệ nó hoặc kháng cáo một phán quyết bất lợi chống lại đạo luật, người đề xuất sẽ: hành động thay mặt người dân và tiểu

bang; tuân theo tất cả nghĩa vụ đạo đức, pháp lý, và ủy thác có thể áp dụng cho các bên đó trong các tố tụng pháp lý như thế; thực hiện và theo tuyên thệ nhậm chức được quy định bởi Mục 3 Điều XX của Hiến Pháp California với mục đích hạn chế là hành động thay mặt người dân và tiểu bang trong tố tụng pháp lý đó; và được quyền thu hồi phí pháp lý hợp lý và các chi phí liên quan từ tiểu bang.

DỰ LUẬT 67

Dự luật này được đề nghị bởi Dự Luật Thượng Viện 270 của Phiên Họp Thường Lệ năm 2013–2014 (Chương 850, Đạo Luật năm 2014) được đề trình với người dân như là một sự trưng cầu dân ý chiếu theo những điều khoản của Đoạn 9 Điều II của Hiến Pháp California.

Dự luật đề nghị này bổ túc các đoạn vào Bộ Luật Tài Nguyên Công Cộng; do đó, những điều khoản mới được đề nghị thêm vào được in bằng kiểu chữ nghiêng để cho biết đó là những điều khoản mới.

DỰ LUẬT ĐỀ NGHỊ

ĐOẠN 1. Chương 5.3 (bắt đầu từ Đoạn 42280) được thêm vào Phần 3 của Đề Tựa 30 của Bộ Luật Tài Nguyên Công Cộng, như sau:

CHƯƠNG 5.3. TÚI MUA HÀNG SỬ DỤNG MỘT LẦN

Điều 1. Định Nghĩa

42280. (a) "Sở" nghĩa là Sở Tái Chế và Phục Hồi Tài Nguyên.

(b) "Vật liệu tái chế đã qua sử dụng" nghĩa là vật liệu được dành riêng cho tiêu hủy chất thải rắn, đã hoàn thành mục đích sử dụng sau cùng và vòng đời của sản phẩm. Vật liệu tái chế đã qua sử dụng không bao gồm các vật liệu và các sản phẩm được tạo ra từ đó, và thường được tái sử dụng trong quá trình sản xuất và chế tạo ban đầu.

(c) "Túi giấy tái chế" nghĩa là túi giấy mua hàng được của hàng cung cấp cho khách hàng tại điểm mua hàng đáp ứng được tất cả các yêu cầu sau:

(1) (A) Trừ khi được quy định trong tiểu đoạn (B), chứa ít nhất 40 phần trăm vật liệu tái chế đã qua sử dụng.

(B) Túi giấy nặng tám pound hoặc nhỏ hơn chứa ít nhất 20 phần trăm vật liệu tái chế đã qua sử dụng.

(2) Được chấp thuận tái chế trong các chương trình thu gom rác tại hầu hết các hộ gia đình tham gia vào các chương trình thu gom rác tái chế trong tiểu bang.

(3) Có in tên của nhà sản xuất trên túi, quốc gia sản xuất túi, và tỉ lệ phần trăm tối thiểu của vật liệu đã qua sử dụng.

(d) "Túi bách hóa tái sử dụng" nghĩa là túi do của tiệm cung cấp cho khách hàng thời điểm mua hàng phù hợp theo các yêu cầu của Đoạn 42281.

(e) (1) "Nhà sản xuất túi bách hóa tái sử dụng" nghĩa là cá nhân hoặc thực thể hoạt động trong các mặt sau:

(A) Sản xuất túi bách hóa tái sử dụng để bán hoặc phân phối cho một cửa hàng.

(B) Nhập khẩu túi bách hóa tái sử dụng vào tiểu bang, để bán hoặc phân phối cho một cửa hàng.

(C) Bán hoặc phân phối túi tái sử dụng cho một cửa hàng.

(2) "Nhà sản xuất túi bách hóa tái sử dụng" không bao gồm cửa hàng, đối với

túi bách hóa tái sử dụng có nhà sản xuất hoặc nhập khẩu, được nêu trong tiểu đoạn (A) hoặc (B) của đoạn văn (1).

(f) (1) "Túi mua hàng sử dụng một lần" nghĩa là túi làm bằng nhựa, giấy, hoặc chất liệu khác được của hàng cung cấp cho khách hàng tại điểm mua hàng và không phải là túi giấy tái chế hoặc túi bách hóa tái sử dụng phù hợp với yêu cầu của Đoạn 42281.

(2) Túi mua hàng sử dụng một lần không bao gồm các loại sau:

(A) Túi do nhà thuốc cung cấp chiếu theo Chương 9 (bắt đầu từ Đoạn 4000) của Đề tựa 2 Bộ Luật Kinh Doanh và Nghề Nghiệp đối với khách hàng mua thuốc kê đơn.

(B) Túi không có quai cầm được sử dụng để bảo vệ các hàng hóa đã mua không bị hư hỏng hoặc nhiễm bẩn từ những hàng hóa khác khi đặt vào một túi giấy tái chế, túi bách hóa tái sử dụng hoặc một túi nhựa phân hủy.

(C) Túi được cung cấp để chứa hàng hóa thực phẩm không được đóng gói.

(D) Túi không có quai cầm được thiết kế để phủ lên quần áo trên móc áo.

(g) "Cửa tiệm" nghĩa là cơ sở bán lẻ đáp ứng được một trong các yêu cầu sau:

(1) Cửa tiệm bán lẻ tự phục vụ, đầy đủ mặt hàng có tổng doanh thu hàng năm đạt hai triệu đô la (\$2,000,000) hoặc cao hơn, bán mặt hàng sản phẩm khô, sản phẩm đóng hộp hoặc không phải thực phẩm và một số mặt hàng để hư hỏng.

(2) Có diện tích bán lẻ ít nhất 10,000 square feet giúp tạo ra thuế doanh thu hoặc thuế sử dụng chiếu theo Luật Thuế Sử Dụng và Doanh Thu Khu Vực Đồng Bộ Bradley-Burns (Phần 1.5 (bắt đầu từ Đoạn 7200) của Đề tựa 2 Bộ Luật Thuế Vụ và Lợi Tức) và có nhà thuốc được cấp phép chiếu theo Chương 9 (bắt đầu từ Đoạn 4000) của Đề tựa 2 Bộ Luật Kinh Doanh và Nghề Nghiệp.

(3) Là cửa hàng thực phẩm tiện lợi, siêu thị thực phẩm hoặc một thực thể tham gia vào bán lẻ dòng sản phẩm giới hạn, thường là sữa, bánh mì, soda hoặc thức ăn vặt, và có giấy phép Loại 20 hoặc Loại 21 do Sở Kiểm Soát Bia Rượu ban hành.

(4) Là cửa hàng thực phẩm tiện lợi, siêu thị thực phẩm hoặc một thực thể tham gia vào bán lẻ các sản phẩm được chỉ định tiêu thụ ngoài các khu vực quy định, có giấy phép Loại 20 hoặc Loại 21 do Sở Kiểm Soát Bia Rượu ban hành.

(5) Không phải các đối tượng thuộc đoạn văn (1), (2), (3), or (4), nếu các cơ sở bán lẻ tự nguyện đồng ý tuân thủ các yêu cầu đặt ra cho một cửa hàng theo chương này, thông báo bắt buộc với sở về ý định tuân thủ theo các yêu cầu được áp đặt với một cửa hàng chiếu theo chương này, và tuân thủ các yêu cầu được thiết lập chiếu theo Đoạn 42284.

Điều 2. Túi Bách Hóa Tái Sử Dụng

42281. (a) Vào và sau ngày 1 tháng Bảy, 2015, một cửa hàng như được xác định trong đoạn văn (1) của (2) trong khoản (g) Đoạn 42280, có thể bán hoặc phân phối túi bách hóa tái sử dụng cho khách hàng tại điểm mua hàng chỉ với các túi bách hóa tái sử dụng được sản xuất bởi một nhà sản xuất có giấy chứng nhận chiếu theo điều này nhằm đáp ứng các yêu cầu sau:

(1) Có quai cầm và được thiết kế để sử dụng ít nhất 125 lần, như quy định trong điều này.

(2) Có thể tích sức chứa ít nhất 15 lít.

(3) Có thể giặt bằng máy hoặc làm từ vật liệu có thể làm sạch và khử trùng.

(4) Có in trên túi, hoặc trên nhãn được gắn cố định vào túi, và người dùng có thể nhìn thấy, tất cả các thông tin sau:

(A) Tên của nhà sản xuất.

(B) Quốc gia sản xuất túi.

(C) Thông tin cho biết đó là túi tái sử dụng và được thiết kế cho ít nhất 125 lần sử dụng.

(D) Nếu túi đủ điều kiện tái chế trong tiểu bang, hướng dẫn hoàn trả túi về cửa hàng để tái chế hoặc đến địa điểm tái chế thích hợp. Nếu có thể tái chế trong tiểu bang, túi sẽ có biểu tượng tái chế gồm nhiều mũi tên nối nhau hoặc thuật ngữ "có thể tái chế được", đồng nhất với hướng dẫn của Ủy Ban Thương Mại Liên Bang về việc sử dụng thuật ngữ này, như được cập nhật.

(5) Không chứa chì, cadmium, hoặc bất kỳ vật liệu độc hại nào có thể đe dọa đến y tế công cộng. Nhà sản xuất túi tái sử dụng có thể thể hiện tuân thủ với yêu cầu này bằng việc nhận thư đồng thuận từ Cục Quản Lý Thuốc và Thực Phẩm liên bang. Yêu cầu này không ảnh hưởng đến bất kỳ thẩm quyền nào của Sở Kiểm Soát Chất Độc Hại chiếu theo Điều 14 (bắt đầu từ Đoạn 25251) của Chương 6.5 Đề tựa 20 Bộ Luật Sức Khỏe và An Toàn và, tuy nhiên khoản (c) Đoạn 25257.1 Bộ Luật Sức Khỏe và An Toàn, túi bách hóa tái sử dụng sẽ không được xem là một danh mục sản phẩm được quy định hoặc là đối tượng của quy định này.

(6) Tuân thủ Đoạn 260.12 Phần 260 Tựa Đề 16 của Bộ Pháp Điểm Các Quy Định Liên Bang liên quan đến các khiếu nại về tái chế nếu nhà sản xuất túi bách hóa tái sử dụng thực hiện khiếu nại về túi bách hóa tái sử dụng có thể được tái chế.

(b) (1) Ngoài các yêu cầu trong khoản (a), túi bách hóa tái sử dụng được làm từ màng phim nhựa phải đáp ứng tất cả các yêu cầu sau:

(A) Vào và sau ngày 1 tháng Giêng, 2016, túi được làm phải chứa tối thiểu 20 phần trăm vật liệu tái chế sau sử dụng.

(B) Vào và sau ngày 1 tháng Giêng, 2020, túi được làm phải chứa tối thiểu 40 phần trăm vật liệu tái chế sau sử dụng.

(C) Nếu có thể được tái chế trong tiểu bang và được chấp nhận hoàn trả về các cửa hàng theo chương trình tái chế tại cửa hàng (Chương 5.1 (bắt đầu từ Đoạn 42250)) để tái chế.

(D) Sẽ có, ngoài thông tin theo yêu cầu được in trên túi hoặc trên nhãn, chiếu theo đoạn văn (4) trong khoản (a), thông tin cho biết túi được làm một phần hoặc toàn bộ từ vật liệu tái chế đã qua sử dụng và cho biết tỉ lệ phần trăm vật liệu tái chế đã qua sử dụng, nếu có.

(E) Nếu túi có khả năng chứa 22 pound với khoảng cách 175 feet được sử dụng tối thiểu 125 lần và có độ dày ít nhất 2.25 milimet, được đo theo Tiêu chuẩn Hiệp Hội Vật Liệu và Thử Nghiệm Hoa Kỳ (ASTM) D6988-13.

(2) Túi bách hóa tái sử dụng được làm từ màng phim nhựa phải đáp ứng các thông số kỹ thuật của Thông Số Tiêu Chuẩn Quốc Tế của Hiệp Hội Vật Liệu và Thử Nghiệm Hoa Kỳ (ASTM) D6400, đã được cập nhật, mà không cần phải đáp ứng các yêu cầu của tiểu đoạn (A) hoặc (B) trong đoạn (1), nhưng phải được đánh nhãn theo luật hiện hành của tiểu bang liên quan đến nhựa phân hủy.

(c) Ngoài các yêu cầu của khoản (a), túi bách hóa tái sử dụng không làm từ màng phim nhựa và được làm từ sợi tự nhiên hoặc sợi tổng hợp, bao gồm, nhưng không giới hạn, nylon dệt hoặc nylon không dệt, polypropylene, polyethylene-terephthalate, hoặc Tyvek, đều phải đáp ứng tất cả các điểm sau:

- (1) Được may.
- (2) Có thể chứa 22 pound với khoảng cách 175 feet cho tối thiểu 125 lần sử dụng.
- (3) Có trọng lượng vải tối thiểu đạt ít nhất 80 gram trên một mét vuông.

(d) Vào và sau ngày 1 tháng Bảy, 2016, một cửa hàng như được xác định trong đoạn văn (3), (4), hoặc (5) trong khoản (g) của Đoạn 42280, phải tuân thủ các yêu cầu của đoạn này.

42281.5. Vào và sau ngày 1 tháng Bảy, 2015, nhà sản xuất túi bách hóa tái sử dụng được làm từ màng phim nhựa sẽ không được bán hoặc phân phối túi bách hóa tái sử dụng trong tiểu bang trừ khi nhà sản xuất được chứng nhận bởi bên thứ ba là một tổ chức chứng nhận chiếu theo Đoạn 42282. Nhà sản xuất phải cung cấp giấy tờ chứng nhận cho sở để chứng minh túi bách hóa tái sử dụng được sản xuất bởi nhà sản xuất đã tuân thủ theo điều khoản của điều luật này. Giấy tờ chứng nhận phải đầy đủ tất cả các điểm sau:

- (a) Tên, vị trí, và thông tin liên hệ của tất cả các nguồn vật liệu tái chế đã qua sử dụng và các nhà cung cấp vật liệu tái chế đã qua sử dụng.
- (b) Số lượng và ngày nhà sản xuất túi bách hóa tái sử dụng mua vật liệu tái chế đã qua sử dụng.
- (c) Cách thức nhận vật liệu tái chế đã qua sử dụng.
- (d) Thông tin chứng minh vật liệu tái chế đã qua sử dụng đã được vệ sinh bằng thiết bị tẩy rửa phù hợp.

42282. (a) Bắt đầu vào hoặc trước ngày 1 tháng Bảy, 2015, sở sẽ chấp nhận giấy tờ chứng nhận của nhà sản xuất túi bách hóa tái sử dụng được cấp bởi một bên thứ ba là tổ chức chứng nhận, được gửi theo hình phạt về nguy hại, cho mỗi loại túi bách hóa tái sử dụng được sản xuất, nhập khẩu, bán, hoặc phân phối trong tiểu bang cho một cửa hàng để bán hoặc phân phối tại điểm mua hàng, đáp ứng tất cả các yêu cầu hiện hành của điều luật này. Giấy tờ chứng nhận phải được đi kèm với một khoản lệ phí chứng nhận, được quy định chiếu theo Đoạn 42282.1.

(b) Nhà sản xuất túi bách hóa tái sử dụng phải trình giấy chứng nhận cho sở theo quy định trong khoản (a) cứ hai năm một lần. Nhà sản xuất túi bách hóa tái sử dụng phải cung cấp cho sở giấy tờ chứng nhận đã cập nhật được cấp bởi một bên thứ ba là tổ chức chứng nhận nếu có bất kỳ điều chỉnh nào được thực hiện không thuộc về phần hình thức so với túi tái sử dụng đã được chứng nhận trước đó. Không tuân thủ khoản này sẽ dẫn đến việc xóa bỏ các thông tin liên quan được đăng tải trên trang Web Internet của sở chiếu theo đoạn văn (1) và (2) của khoản (e) cho mỗi túi giấy chứng nhận được thực hiện bởi một bên thứ ba là tổ chức chứng nhận.

(c) Bên thứ ba chứng nhận là có thể là một phòng thí nghiệm độc lập, được công nhận (ISO/IEC 17025). Bên thứ ba chứng nhận sẽ chứng nhận túi bách hóa tái sử dụng của nhà sản xuất đạt các yêu cầu trong Đoạn 44281.

(d) Sở cung cấp một hệ thống trực tuyến nhận giấy chứng nhận.

(e) Vào hoặc sau ngày 1 tháng Bảy, 2015, sở sẽ công bố một danh sách trên trang Web Internet bao gồm các thông tin sau:

- (1) Tên, vị trí và thông tin liên lạc tương ứng với nhà sản xuất túi bách hóa tái sử dụng.
- (2) Nhà sản xuất túi bách hóa tái sử dụng cung cấp giấy chứng nhận theo yêu cầu.

(f) Nhà sản xuất túi bách hóa tái sử dụng phải gửi các kết quả kiểm tra phù hợp đến sở để xác nhận rằng túi bách hóa tái sử dụng đáp ứng các yêu cầu của điều luật này với mỗi túi bách hóa tái sử dụng được sản xuất, nhập khẩu, bán, hoặc phân phối trong tiểu bang và được cung cấp cho cửa hàng để bán hoặc phân phối.

(1) Cá nhân có thể phản đối chứng nhận của một nhà sản xuất túi bách hóa tái sử dụng chiếu theo đoạn này bằng cách điền vào đơn để tòa thượng thẩm của quận hạt có thẩm quyền đối với nhà sản xuất túi bách hóa tái sử dụng để xem xét lại việc chứng nhận. Tòa án sẽ xác định nhà sản xuất túi bách hóa tái sử dụng có tuân thủ đúng các yêu cầu của điều này hay không.

(2) Một nhà sản xuất túi bách hóa tái sử dụng có giấy chứng nhận phù hợp chiếu theo đoạn văn (1) sẽ được xem là tuân thủ với điều luật đang chờ tòa án xác định.

(3) Dựa vào xác định này, tòa án sẽ chỉ thị sở xóa hoặc giữ tên nhà sản xuất túi bách hóa tái sử dụng khỏi danh sách được công bố chiếu theo khoản (e).

(4) Nếu tòa án chỉ thị sở xóa tên nhà sản xuất túi bách hóa tái sử dụng khỏi danh sách đã công bố, nhà sản xuất túi bách hóa tái sử dụng sẽ nằm ngoài danh sách được công bố trong vòng một năm kể từ ngày nhận xác định của tòa án.

42282.1. (a) Nhà sản xuất túi bách hóa tái sử dụng sẽ nộp lệ phí được quy định chiếu theo khoản (b) cho sở khi cung cấp giấy tờ xác nhận hoặc xác nhận lại chiếu theo Đoạn 42281.5 và 42282.

(b) Sở sẽ đặt ra một lịch biểu lệ phí chứng nhận hành chính để tạo nguồn thu lệ phí đủ để duy trì, nhưng không vượt quá, các chi phí hợp lý của sở để thi hành điều luật này. Sở sẽ ký gửi tất cả tiền được nộp chiếu theo đoạn này vào Quỹ Túi Bách Hóa Tái Sử Dụng, được lập tại Kho Bạc Tiểu Bang. Bất kể Đoạn 11340 của Bộ Luật Chính Quyền, tiền trong quỹ được sử dụng liên tục, không kể đến năm tài chính, cho sở nhằm vào mục đích thi hành điều luật này.

Điều 3. Túi Mua Hàng Sử Dụng Một Lần

42283. (a) Trừ khi được quy định trong khoản (e), vào và sau ngày 1 tháng Bảy 2015, một cửa hàng, như được xác định trong đoạn văn (1) hoặc (2) của khoản (g) Đoạn 42280, sẽ không cung cấp túi mua hàng dùng một lần cho khách hàng tại điểm bán hàng.

(b) (1) Vào và sau ngày 1 tháng Bảy, 2015, một cửa hàng, như được xác định trong đoạn văn (1) hoặc (2) của khoản (g) Đoạn 42280, sẽ không bán hoặc phân phối túi bách hóa tái sử dụng tại điểm bán hàng trừ khi được quy định trong khoản này.

(2) Vào và sau ngày 1 tháng Bảy, 2015, một cửa hàng, như được xác định trong đoạn văn (1) hoặc (2) của khoản (g) Đoạn 42280, có thể cho phép mua túi bách hóa tái sử dụng phù hợp với yêu cầu của Đoạn 42281 tại điểm bán hàng.

(3) Vào và sau ngày 1 tháng Bảy, 2015, một cửa hàng, như được xác định trong đoạn văn (1) hoặc (2) của khoản (g) Đoạn 42280, cho phép mua túi bách hóa tái sử dụng chiếu theo đoạn văn (2) sẽ không bán túi bách hóa tái sử dụng thấp hơn mười cent (\$0.10) để đảm bảo giá của túi bách hóa tái sử dụng được cung cấp không do khách hàng không có nhu cầu sử dụng túi chỉ trả.

(c) (1) Vào và sau ngày 1 tháng Bảy, 2015, một cửa hàng, như được xác định trong đoạn văn (1) hoặc (2) của khoản (g) Đoạn 42280, sẽ không bán hoặc phân phối túi giấy tái chế trừ khi được quy định trong khoản này.

(2) Một cửa hàng, như được xác định trong đoạn văn (1) hoặc (2) của khoản (g) Đoạn 42280, có thể cho phép mua túi giấy tái chế. Vào và sau ngày 1 tháng Bảy, 2015, cửa hàng không bán túi giấy tái chế thấp hơn mười cent (\$0.10) để đảm bảo giá của túi bách hóa tái sử dụng được cung cấp không do khách hàng không có nhu cầu sử dụng túi chỉ trả.

(d) Bất kể luật nào khác, vào và sau ngày 1 tháng Bảy, 2015, một cửa hàng, như được xác định trong đoạn văn (1) hoặc (2) của khoản (g) Đoạn 42280, cho phép mua túi bách hóa tái sử dụng hoặc túi giấy tái chế tại điểm bán hàng sẽ cung cấp túi bách hóa tái sử dụng hoặc túi giấy tái chế miễn phí tại điểm bán hàng cho khách hàng dùng thẻ thanh toán hoặc phiếu mua hàng do Chương Trình Cung Cấp Thực Phẩm Đặc Biệt dành cho Phụ Nữ, Trẻ Sơ Sinh và Trẻ Em California ấn hành chiếu theo Điều 2 (bắt đầu từ Đoạn 123275) của Chương 1 của Phần 2 Đề Tựa 106 của Bộ Luật Sức Khỏe và An Toàn hoặc thẻ phúc lợi điện tử được ấn hành chiếu theo Đoạn 10072 Bộ Luật An Sinh và Định Chế.

(e) Vào và sau ngày 1 tháng Bảy, 2015, một cửa hàng như đã được xác định trong đoạn văn (1) hoặc (2) của khoản (g) của Đoạn 42280, có thể phân phối túi phân hủy tại điểm bán, nếu túi phân hủy được cung cấp cho khách hàng với chi phí được quy định chiếu theo đoạn văn (2), túi phân hủy, ở mức tối thiểu, đáp ứng Thông Số Tiêu Chuẩn Quốc Tế của Hiệp Hội Vật Liệu và Thử Nghiệm Hoa Kỳ (ASTM) dành cho Nhựa Phân Hủy D6400, như được cập nhật, và trong thẩm quyền tại nơi túi phân hủy được bán và trong thẩm quyền tại nơi đặt của hàng, cả hai điều kiện sau đây được đáp ứng:

(1) Đa số các hộ gia đình cư trú trong thẩm quyền tham gia vào chương trình thu thập chất thải thực phẩm để phân hủy.

(2) Cơ quan quản lý có thẩm quyền bỏ phiếu cho phép các cửa hàng trong thẩm quyền được bán cho khách hàng túi phân hủy tại điểm bán với giá không thấp hơn giá thực tế của túi, được Cơ quan Lập pháp xác lập không thấp hơn mười cent (\$0.10) một túi.

(f) Một cửa hàng, như được xác định trong đoạn văn (1) hoặc (2) của khoản (g) Đoạn 42280, sẽ không yêu cầu khách hàng sử dụng, mua, hoặc chấp nhận sử dụng túi mua hàng dùng một lần, túi giấy tái chế hoặc túi bách hóa tái sử dụng như điều kiện để được mua sản phẩm.

42283.5. Vào và sau ngày 1 tháng Bảy, 2016, một cửa hàng như đã được xác định trong đoạn văn (3), (4), hoặc (5) của khoản (g) Đoạn 42280, sẽ tuân thủ như các yêu cầu trong Đoạn 42283 được áp dụng cho cửa hàng, như đã được xác định trong đoạn văn (1) hoặc (2) của khoản (g) Đoạn 42280.

42283.6. (a) Chủ một cửa hàng, như đã được xác định trong đoạn văn (1) hoặc (2) của khoản (g) Đoạn 42280 cho phép bán túi giấy tái chế hoặc túi bách hóa tái sử dụng tại điểm bán, sẽ là đối tượng thuộc điều khoản của chương trình tái chế tại cửa hàng (Chương 5.1 (bắt đầu từ Đoạn 42250)).

(b) Một cửa hàng tình nguyện tuân thủ các điều khoản của điều luật này chiếu theo khoản (g) của Đoạn 42280, cũng sẽ tuân thủ các điều khoản của chương trình tái chế tại cửa hàng (Chương 5.1 (bắt đầu từ Đoạn 42250)).

42283.7. Tất cả tiền thu được chiếu theo điều luật này sẽ được cửa hàng giữ lại và có thể được sử dụng chỉ các mục đích sau đây:

- (a) Các chi phí liên quan đến tuân thủ yêu cầu của điều luật.
- (b) Chi phí thực tế trong cung cấp túi giấy tái chế hoặc túi bách hóa tái sử dụng.
- (c) Các chi phí liên quan đến chiến dịch tuyên truyền hoặc tài liệu tuyên truyền

của cửa hàng nhằm khuyến khích sử dụng túi bách hóa tái sử dụng.

42284. (a) Một địa điểm bán lẻ không được chỉ định tuân thủ theo các yêu cầu của chương này được khuyến khích giảm việc phân phối túi nhựa mua hàng dùng một lần.

(b) Chiếu theo điều khoản của khoản (g) Đoạn 42280, bất kỳ cơ sở bán lẻ nào không phải là một "cửa hàng" phải cung cấp cho sở thông báo bằng văn bản như quy định trong khoản (c), sẽ được quy định như một "cửa hàng" theo các mục đích trong chương này.

(c) Thông báo bằng văn bản sẽ có ngày ký và chữ ký của đại diện được ủy quyền của cơ sở bán lẻ, và sẽ bao gồm tên và địa chỉ thực tế của tất cả địa điểm bán lẻ nằm trong thông báo. Sở sẽ xác nhận việc nhận thông báo bằng văn bản và sẽ chỉ định ngày mà cơ sở bán lẻ được quy định như một "cửa hàng", không ít hơn 30 ngày kể từ ngày xác nhận của sở. Sở sẽ đăng tải trên trang Web qua Internet, theo từng quận hạt, tên và địa chỉ thực tế hoặc vị trí của mỗi cơ sở bán lẻ đã được chọn theo quy định như một "cửa hàng".

Điều 4. Thực thi

42285. (a) Một thành phố, một quận hạt, một thành phố và quận hạt, hoặc tiểu bang áp dụng trách nhiệm dân sự cho một cá nhân hoặc một thực thể cố ý vi phạm chương này, hoặc đáng lẽ phải biết nhưng vẫn vi phạm chương này, số tiền tổng cộng một ngàn đô la (\$1,000) mỗi ngày cho lần vi phạm đầu tiên của chương này, hai ngàn đô la (\$2,000) mỗi ngày cho lần vi phạm thứ hai và năm ngàn đô la (\$5,000) mỗi ngày cho lần vi phạm thứ ba và sau đó.

(b) Bất kỳ hình phạt dân sự nào được thu về chiếu theo khoản (a) sẽ được chi trả cho văn phòng luật sư thành phố, công tố viên thành phố, luật sư khu vực, hoặc Bộ trưởng Tư Pháp, tùy theo văn phòng nào thực thi. Hình phạt được Bộ Trưởng Tư Pháp thu về chiếu theo đoạn này có thể được Bộ Trưởng Tư Pháp chi tiêu, phù hợp với quy định của Cơ quan Lập pháp, nhằm thực thi chương này.

Điều 5. Quyền ưu tiên mua trước

42287. (a) Trừ khi được quy định trong khoản (c), chương này là mối quan tâm và lo ngại trên toàn tiểu bang và sẽ áp dụng đồng bộ trên khắp tiểu bang. Theo đó, chương này bao gồm toàn bộ các quy định về túi bách hóa tái sử dụng, túi mua hàng dùng một lần, và túi giấy tái chế, như đã được xác định trong chương này, được cung cấp bởi một cửa hàng, như đã được xác định trong chương này.

(b) Vào và sau ngày 1 tháng Giêng, 2015, một thành phố, một quận hạt hoặc một cơ quan công cộng địa phương không thực thi, hoặc nếu không thực hiện, một sắc lệnh, quyết nghị, điều lệ hoặc nội quy hoặc bất kỳ tu chính nào, có hiệu lực vào hoặc sau ngày 1 tháng Chín, 2014, liên quan đến túi bách hóa tái sử dụng, túi mua hàng dùng một lần, hoặc túi giấy tái chế, tại một cửa hàng như được xác định trong chương này, trừ khi được chương này ủy quyền.

(c) (1) Một thành phố, quận hạt, hoặc các cơ quan công cộng địa phương khác phải thi hành, trước ngày 1 tháng Chín, 2014, một sắc lệnh, quyết nghị, điều lệ hoặc nội quy liên quan đến túi bách hóa tái sử dụng, túi mua hàng dùng một lần, hoặc túi giấy tái chế có thể tiếp tục thực thi và áp dụng sắc lệnh, quyết nghị, điều lệ hoặc nội quy có hiệu lực trước ngày đó. Bất kỳ tu chính nào với sắc lệnh, quyết nghị, điều lệ hoặc nội quy vào hoặc sau ngày 1 tháng Giêng, 2015, sẽ là đối tượng của khoản (b), ngoại trừ thành phố, quận hạt, cơ quan công cộng địa phương có thể áp dụng hoặc tu chính một sắc lệnh, quyết nghị, điều lệ hoặc nội quy nhằm gia tăng số tiền mà cửa hàng sẽ thu phí liên quan đến túi giấy tái chế, túi phân hủy hoặc túi bách hóa tái sử dụng sao cho không thấp

hơn số tiền được quy định trong Đoạn 42283.

(2) Một thành phố, quận hạt hoặc cơ quan công cộng địa phương không nằm trong đoạn văn (1) mà, trước ngày 1 tháng Chín, 2014, đã thông qua lần đọc đầu tiên của một sắc lệnh hoặc quyết nghị thể hiện ý định hạn chế túi mua hàng dùng một lần và, trước ngày 1 tháng Giêng, 2015, áp dụng một sắc lệnh hạn chế túi mua hàng dùng một lần, có thể tiếp tục thực thi và thi hành sắc lệnh có hiệu lực trước ngày 1 tháng Giêng, 2015.

Điều 6. Các Quy Định Tài Chính

42288.

[Khoản (a) của đoạn này không nằm trong trưng cầu dân ý]

(b) Sở có thể sử dụng, nếu có người nộp đơn đủ điều kiện được tài trợ từ Tài Khoản Nội Bộ Các Khoản Vay Tuần Hoàn Phát Triển Thị Trường Tái Chế, các quỹ tương ứng chiếu theo đoạn này sẽ cung cấp các khoản vay cho cả hai điều kiện sau:

(1) Phát triển và chuyển đổi các máy móc và thiết bị cho sản xuất túi nhựa dùng một lần sang các máy móc và thiết bị để sản xuất túi bách hóa tái sử dụng nhiều lần, ở mức tối thiểu, đáp ứng yêu cầu của Đoạn 42281.

(2) Phát triển các thiết bị để sản xuất túi bách hóa tái sử dụng, ở mức tối thiểu, đáp ứng yêu cầu của Đoạn 42281.

(c) Người nhận khoản vay được ủy quyền theo đoạn này sẽ đồng ý, như một điều kiện để được nhận khoản vay, giữ lại và đào tạo lại các nhân viên để sản xuất túi bách hóa tái sử dụng, ở mức tối thiểu, đáp ứng yêu cầu của Đoạn 42281.

(d) Bất kỳ khoản tiền nào tương ứng chiếu theo đoạn này đều không được chi vào cuối năm tài chính 2015–16 sẽ được chuyển sang Tài Khoản Nội Bộ Các Khoản Vay Tuần Hoàn Phát Triển Thị Trường Tái Chế dành cho các khoản chi chiếu theo Điều 3 (bắt đầu từ Đoạn 42010) của Chương 1.

(e) Người nộp đơn để xin tài trợ theo đoạn này có thể xin tài trợ hoặc nhận lợi ích từ các chương trình phát triển kinh tế khác mà họ đủ điều kiện, bao gồm, nhưng không hạn chế, cả hai điều sau:

(1) Giảm thuế thu nhập cá nhân, như được quy định trong Đoạn 17059.2 và 23689 Bộ Luật Thuế Vụ và Lợi Tức.

(2) Miễn thuế, chiếu theo Đoạn 6377.1 Bộ Luật Thuế Vụ và Lợi Tức.

ĐOẠN 2. Không trễ hơn ngày 1 tháng Ba, 2018, sở, như một phần trong yêu cầu báo cáo chiếu theo Đoạn 40507 Bộ Luật Tài Nguyên Công Cộng, sẽ đưa ra báo cáo về tình trạng thực hiện Chương 5.3 (bắt đầu từ Đoạn 42280) của Phần 3 Đề Tựa 30 của Bộ Luật Tài Nguyên Công Cộng.